

**KINH PHẬT
CHO NGƯỜI TẠI GIA**

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chủ nhiệm & biên tập:

TT. Thích Nhật Từ

(ĐT: 0908.153.160; email: thichnhattu@gmail.com)

Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay do Thầy Nhật Từ chủ biên bao gồm các Nghi thức tụng niệm thuần Việt và trên 200 đầu sách nghiên cứu và ứng dụng về Phật học, thuộc loại sách gối đầu giường cần thiết cho mọi đối tượng độc giả.

Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay đã xuất bản trên 100 CD về Đại tạng kinh Việt Nam và nhiều tác phẩm Phật học dưới dạng MP3. Đây là ấn bản đầu tiên trên thế giới về thể tài này. Tủ sách đã xuất bản hàng trăm sách nói Phật giáo, CD và VCD tân nhạc, cải lương và tiếng thơ Phật giáo. Ngoài ra còn có hàng ngàn VCD pháp thoại của Thầy Nhật Từ và các vị pháp sư khác về nhiều chủ đề từ gia đình, xã hội đến đạo đức và tâm linh.

Quý tác giả, dịch giả muốn xuất bản sách nghiên cứu và ứng dụng Phật học, quý Phật tử muốn ấn tống kinh sách Phật giáo, các đại lý cần nhận sách phát hành, xin vui lòng liên hệ:

© NHÀ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chùa Giác Ngộ, 92 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP. HCM

ĐT: (08) 6274-0110; 3839-4121

www.daophatngaynay.com | www.tusachphathoc.com

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Sa-môn THÍCH NHẬT TỪ

soạn dịch

KINH PHẬT CHO NGƯỜI TẠI GIA

(Tái bản lần 3)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

Lời tựa cho lần tái bản thứ 3	ix
Lời nói đầu	xxv
Ý nghĩa và cách thức tụng kinh	xxxii

A. PHẦN DẪN NHẬP

1. Nguyện hương.....	3
2. Đánh lễ Tam bảo	4
3. Tán hương	5
4. Tán dương giáo pháp	5

B. PHẦN CHÁNH KINH

I. CÁC KINH VỀ ĐẠO ĐỨC	9
1. Kinh tiểu sử đức Phật	11
2. Kinh người áo trắng	35
3. Kinh mười nghiệp thiện	45
4. Phật nói kinh tám điều trai giới	63
5. Kinh nhân quả đạo đức.....	75
6. Kinh lời vàng Phật dạy.....	83
7. Kinh soi gương nhân cách.....	181
8. Kinh phân biệt nghiệp báo	187
9. Kinh định luật nghiệp.....	205
10. Kinh nghiệp tạo sai biệt.....	213
11. Kinh chuyển hóa nghiệp chướng.....	227
12. Kinh phước thế gian.....	243



II. CÁC KINH VỀ GIA ĐÌNH, XÃ HỘI VÀ CHÍNH TRỊ ...	247
13. Kinh thiện sinh	249
14. Kinh phước đức	259
15. Kinh tránh xa cánh cửa bại vong	263
16. Kinh bảy loại vợ	269
17. Kinh bốn ân lớn	277
18. Kinh mọi người bình đẳng	299
19. Kinh không có giai cấp	307
20. Kinh sống trong hòa hợp	321
21. Kinh hóa giải tranh cãi	333
22. Kinh hòa hợp và hòa giải	341
23. Kinh chuyển luân thánh vương	351
24. Kinh đức hạnh của vua và tu sĩ	367
25. Kinh quốc gia cường thịnh	373
26. Kinh Hiền Nhân	379
III. CÁC KINH VỀ TRIẾT LÝ	435
27. Kinh chuyển pháp luân.....	437
28. Kinh mười hai nhân duyên.....	443
29. Kinh chánh tri kiến.....	459
30. Kinh ba dấu ấn thực tại	475
31. Kinh thực tập vô ngã	481
32. Kinh nhận diện vô ngã	489
33. Kinh chuyển hóa cái tôi.....	497
34. Kinh nền tảng đức tin	513
35. Kinh kiến thức và trí tuệ.....	519
36. Kinh thuyết minh và xác minh	531



37. Kinh bảy điều nên biết	543
38. Kinh ẩn dụ về bảy hạng người dưới nước	549
39. Kinh tham ái là gốc khổ đau	557
40. Kinh dụ ngôn người bắt rắn	565
41. Kinh lời Phật qua các con số	583
42. Kinh nương tựa ai khi Phật qua đời?	605
IV. CÁC KINH VỀ THIỀN VÀ CHUYỂN HÓA	617
43. Kinh cốt lõi thiền tập	619
44. Kinh bốn pháp quán niệm	623
45. Kinh quán niệm hơi thở	635
46. Kinh các cấp thiền quán	645
47. Kinh bốn loại hành thiền	653
48. Kinh ẩn dụ về thành trì	677
49. Kinh sống trong hiện tại	691
50. Kinh căn bản tu tập	699
51. Kinh tu các pháp lành	705
52. Kinh phát tâm bồ đề	709
53. Phật nói kinh bốn vô lượng tâm	717
54. Kinh từ bi và hồi hướng	737
55. Kinh tám điều giác ngộ	747
56. Kinh bảy cách dứt trừ khổ đau	753
V. CÁC KINH VỀ TỊNH ĐỘ	763
57. Kinh Phổ Môn	765
58. Kinh Bốn Nguyên Công Đức Của Phật Dược Sư	779
59. Kinh A Di Đà	803
60. Kinh Sám hối sáu căn	815



61. Kinh Sám hồi hồng danh.....	831
62. Phật Nói Kinh Vu Lan Bồn.....	845
63. Phật Nói Kinh Báo Hiếu Công Ôn Cha Mẹ.....	853

C. PHẦN SÁM NGUYỆN

1. Bát-nhã Tâm kinh.....	873
2. Niệm Phật.....	875
3. Năm điều quán tưởng.....	875
4. Quán chiếu thực tại.....	876
5. Sám nguyện (chọn một trong chín bài sám dưới đây)	
a) Sám mười nguyện Phổ Hiền.....	877
b) Sám quy mạng.....	878
c) Sám quy y.....	882
d) Sám quy nguyện 1.....	884
đ) Sám tu tập.....	886
e) Sám quy nguyện 2.....	891
f) Sám nguyện.....	895
g) Sám hồng trần.....	897
h) Sám tổng táng.....	901
6. Hồi hướng công đức.....	904
7. Lời nguyện cuối.....	905
8. Đánh lễ Ba ngôi báu.....	906

D. PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Xuất xứ các bài Kinh và sám nguyện.....	909
Phụ lục 2: Các ngày lễ trong hai truyền thống Phật giáo.....	917
Phụ lục 3: Các ngày ăn chay.....	921
Phụ lục 4: Sách đồng tác giả.....	923



LỜI TỰA CHO LẦN TÁI BẢN THỨ 3

Kết thúc mùa An cư 2014, sau một năm xuất bản, “*Kinh Phật cho người tại gia*”⁽¹⁾ được tái bản lần thứ ba. Điều này cho thấy việc đọc tụng và thọ trì bộ Kinh này đã trở thành nhu cầu ngày càng lớn tại các tự viện và tư gia. Ấn bản lần thứ ba này chủ yếu bổ sung các bài sám nguyện, hiệu chỉnh một vài lỗi kỹ thuật và đính chính các lỗi chính tả.

Hy vọng qua ấn bản này, *Kinh Phật cho người tại gia* ngày càng được giới hành giả chọn lựa cho việc đọc tụng và thọ trì. Vì là bộ Kinh phục vụ cho mục đích “tụng trì” tại các chùa và các tư gia, việc soạn dịch bộ Kinh này được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây.

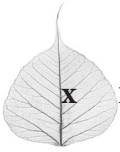
I. CHỦ ĐỀ KINH VÀ THÁI ĐỘ TỤNG KINH

1. Nội dung và chủ đề

Tính theo bài kinh, bộ Kinh này có 62 bài,⁽²⁾ được phân thành 5 loại chủ đề: (i) Các Kinh về đạo đức, (ii) Các Kinh

1. Thích Nhật Từ (soạn dịch), *Kinh Phật cho người tại gia*. Sài Gòn: NXB Phương Đông, 2013, tr.900.

2. Nếu tính các bài Kinh dạng hợp tuyển như *Kinh tiểu sử đức Phật* (tr. 11-34) và *Kinh mười hai nhân duyên* (tr. 443-58) thì số lượng các bài Kinh được sử dụng trong *Kinh Phật cho người tại gia* vượt trên 70 bài Kinh khác nhau.



về gia đình, xã hội và chính trị, (iii) Các Kinh về triết lý, (iv) Các Kinh về thiên định và phương pháp chuyển hóa khổ đau, và (v) Các Kinh về Tịnh độ.

Trong 5 nhóm kinh nêu trên, các kinh về Tịnh độ là tuyển tập 7 bài kinh và nghi thức quen thuộc nhất và thông dụng nhất trong các chùa Bắc tông tại Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản và Nam, Bắc Triều Tiên. Dù chủ đề các bài kinh này tương đối rộng, theo thói quen sử dụng, đối tượng phục vụ của các bài kinh này rất hạn hẹp. *Kinh Phổ Môn* và *Kinh Dược Sư* thường được sử dụng trong *Nghi thức cầu an* cho người già và người bệnh. *Kinh A-di-đà*, *Kinh Vu-lan-bồn* và *Kinh báo trọng ân của cha mẹ* được sử dụng trong *Nghi thức cầu siêu* cho người quá vãng. *Nghi thức Sám hối Hồng danh* do Tổ sư Trung Quốc soạn và *Nghi thức Sám hối Sáu căn* được tôi biên tập từ quyển “*Khóa Hư Lục*” của vua Trần Thái Tông, thường được sử dụng cho những người có tội về luật pháp và lỗi về dân sự.

Vì *Kinh Địa Tạng* đã trở thành nghi thức riêng, gồm 13 chương, hơn 200 trang, không tiện liệt vào nhóm kinh Tịnh độ của bộ Kinh này. Quý độc giả có thể đón nhận *Kinh Địa Tạng* do tôi dịch và ấn tống tại chùa Giác Ngộ hoặc đọc ấn bản e-book trên trang web Đạo Phật Ngày Nay.⁽³⁾

Vì mục đích dành cho người tại gia, 4 nhóm kinh còn lại (ngoài nhóm kinh Tịnh độ) là những đóng góp mới so với các nghi thức tụng niệm truyền thống tại các chùa Việt Nam. Các *Kinh Nhật tụng* tại Việt Nam, chủ yếu phiên âm Hán Việt, phần lớn dựa vào ấn bản kinh tụng đời Thanh của Trung Quốc. Từ nhiều thế kỷ qua người Việt Nam đọc tụng *Kinh*

3. www.daophatngaynay.com



Nhật tụng bằng âm Hán Việt gặp phải những khó khăn và rào cản ngôn ngữ. Kết quả là, Phật tử tại gia không thể hiểu được những lời dạy minh triết và đạo đức của đức Phật, dẫn đến tình trạng xem Phật như Thượng đế, các Bồ-tát như các thần linh và đọc kinh trả bài với Phật để cầu bình an và phước báu.

Mặt khác, vì các *Kinh Nhật tụng* chỉ vọn vẹn chưa được 10 kinh, mà phần lớn là kinh thiên về tín ngưỡng, người đọc tụng khó có thể có cái nhìn hệ thống và toàn diện về triết lý Phật giáo. *Nghi thức đọc tụng*⁽⁴⁾ được chúng tôi phiên dịch thuần Việt nhiều năm trước và ấn bản hợp tuyển đầy đủ nhất được xuất bản năm 2011. Trong *Nghi thức tụng niệm*, ngoài yếu tố thuần Việt, tôi đã bổ sung *Kinh Di giáo* vào nghi thức công phu khuya, ngoài ra còn có các nghi thức sám hối sáu căn, nghi thức hô chuông, nghi thức an vị Phật, nghi thức phóng sanh, nghi thức tết Nguyên Đán, nghi thức quy y Tam Bảo, nghi thức lễ thành hôn và nghi thức xuất gia. Sự ra đời của bộ *Kinh Phật cho người tại gia* nhằm bổ túc cho sự khiếm khuyết của các nghi thức Hán Việt trước đây, do ảnh hưởng từ các nghi thức tụng niệm của Trung Quốc.

Đây là lần đầu tiên, *Kinh Phật cho người tại gia* hội đủ các bài kinh cần thiết cho những người sống đời sống gia đình. Nói cách khác, từ trước đến giờ, các vị Tăng sĩ phải sử dụng cộng đồng nghi thức tụng niệm với người tại gia. Theo chúng tôi, đây là điều không thích hợp về phương pháp và nội dung, vốn rất khác nhau, mặc dầu có thể bổ túc cho nhau. Nếu người tại gia chỉ cần nắm vững những bài kinh đức Phật dạy riêng cho mình thì người xuất gia ngoài các bài kinh phứ

4. Thích Nhật Từ (soạn dịch), *Nghi thức tụng niệm*. Sài Gòn: NXB Phương Đông, 2011, tr. xx + 390.



hợp với giới xuất gia,⁽⁵⁾ cần nắm vững cần các bài kinh tại gia để hướng dẫn họ.

2. Thái độ tụng Kinh

Mỗi ngày đọc tụng 45 đến 60 phút theo trình tự các bài kinh, trung bình một tháng đến một tháng rưỡi, người tại gia có cơ hội đọc hết 62 bài kinh dành cho mình. Cách đọc tụng này giúp người tại gia tăng trưởng văn tuệ (trí tuệ do đọc rộng, nghe nhiều về Phật pháp) và tư tuệ (trí tuệ do nghiền ngẫm Phật pháp). Nhờ nắm vững nhiều bài kinh thông qua việc đọc tụng bản dịch thuần Việt, người tại gia dễ tiêu hóa và ứng dụng lời Phật dạy trong gia đình, tại công sở, nơi chợ búa, và bất cứ nơi nào họ đang sống.

Để việc đọc tụng kinh diễn đúng với tinh thần của đức Phật, người đọc tụng nên tránh ba thái độ sai lầm sau đây: (a) lễ bái hóa kinh điển, tức đọc một đoạn kinh, một câu kinh, hoặc một chữ kinh lay một lay, (b) tụng kinh để cầu phước báu, đang khi giá trị của tụng kinh là mở mang trí tuệ và an tĩnh tâm, (c) tụng kinh để tính công với Phật nên thường tụng quá nhanh, thậm chí thuộc lòng nhưng chẳng hiểu gì hết.

Đọc bộ Kinh này theo trình tự trước sau, người đọc tụng trải nghiệm đạo đức (gồm 12 bài), nắm vững kỹ năng hạnh phúc vợ chồng, chăm sóc gia đình, phụng sự cộng đồng, quản trị đất nước (gồm 15 bài), góp phần xây dựng thế giới hòa bình, trên nền tảng công bằng xã hội, bình đẳng giới, tôn trọng dân chủ và nhân quyền. Các kinh về triết lý (16 bài) giới thiệu bao quát về nhập môn triết học Phật giáo. Các kinh về thiền và chuyển hóa (14 bài) hướng dẫn các kỹ năng và

5. Tác phẩm “*Kinh Phật cho người xuất gia*” đang được soạn dịch, dự kiến hoàn tất vào cuối năm 2015.



phương pháp thiền của chính đức Phật, vốn khác với thiền Công án và thiền Thoại đầu của Trung Quốc. Trong nhóm kinh này còn có các bài kinh hướng dẫn phương pháp chuyển hóa khổ đau.

3. Thời điểm đọc tụng

Vi Kinh Phật cho người tại gia có đối tượng không thuộc nhóm tu sĩ, bất cứ thành phần xã hội nào, hễ là Phật tử, nên đọc tụng và thọ trì kinh này vào các thời điểm thích hợp trong ngày, hay tối thiểu trong tuần.

Tại các chùa Bắc truyền, khóa lễ cộng đồng cho người tại gia thường diễn ra vào buổi tối, có nơi bắt đầu lúc 18 giờ, có nơi bắt đầu lúc 19 giờ. Thời khóa buổi tối thích hợp nhất cho việc đọc tụng bộ Kinh này tại các tự viện hay tư gia.

Phật tử sống xa chùa hoặc ở những nơi không có chùa, không thể tham dự các thời kinh buổi tối, có thể đọc tụng kinh này tại nhà, hay đang khi ngồi trên các phương tiện giao thông (máy bay, xe lửa, xe điện, xe hơi, tàu, v.v...), tại công sở hoặc ở chợ; đồng thời có thể đọc hoặc tụng vào bất kỳ thời điểm nào mà người đọc tụng cảm thấy thích hợp.

Thời lượng đọc tụng trung bình mỗi ngày là 45-60 phút. Đây là thời lượng tối thiểu mà người hành trì nên dành ra để chăm sóc đời sống tinh thần. Như công thức “mưa dầm thấm đất”, thọ trì thường xuyên và liên tục giúp người hành trì “thâm nhập kinh tạng”, nhờ đó, có thể sử dụng trí tuệ giải quyết các vấn nạn, chuyển hóa khổ đau trong cuộc sống hiện thực.

Người Phật tử nên tập thói quen mỗi ngày đọc tụng bộ Kinh này hoặc buổi khuya, buổi sáng, buổi chiều hoặc buổi tối. Khi đi công tác, hoặc đi du lịch, người hành trì nên tập thói quen mang *Kinh Phật cho người tại gia* theo để đọc tụng



và khai sáng bản thân. Mỗi thành viên trong mỗi nhà đều nên có bộ Kinh này để hoặc cùng đọc chung trong những dịp hội ngộ đủ các thành viên trong nhà, hoặc đọc tụng riêng trong các hoàn cảnh khác nhau.

II. PHONG CÁCH SOẠN DỊCH

1. Xuất xứ các bài Kinh

Vì các bài kinh trong Kinh Phật cho người tại gia có xuất xứ tự tạng Pali và kinh điển Đại thừa bằng chữ Hán, người soạn dịch có khi dịch từ bản chữ Hán (đối với kinh gốc chữ Hán), và có khi dịch từ bản tiếng Anh (đối với kinh gốc tiếng Pali) của hội Thánh điển Pali (*The Pali Text Society*). Người soạn dịch cũng đối chiếu thêm các bản dịch tiếng Anh khác và các bản dịch tiếng Việt của HT. Thích Minh Châu, nhằm giữ sự trung thành về nội dung và tư tưởng của các bài kinh so với bản gốc.

Để giúp cho người đọc đối chiếu với bản kinh gốc, chúng tôi đã làm một “Phụ lục xuất xứ các bài kinh” ở cuối quyển (trang 885-892). Người đọc có thể tham chiếu tựa đề kinh gốc và tựa đề được biên tập trong tác phẩm này.

2. Mặc định dịch thuật

Trong lịch sử phiên dịch kinh điển của Trung Quốc, có 2 trường phái dịch thuật: trường phái dịch thuật của ngài Huyền Trang (玄奘, 602-664, gọi tắt là trường phái Huyền Trang) và trường phái dịch thuật của ngài Cưu-ma-la-thập (*Kumārajīva*, 344-413, gọi tắt là trường phái Cưu-ma-la-thập). Nếu trường phái Huyền Trang chú trọng đến việc phiên dịch trung thành với nguyên bản thì trường phái Cưu-ma-la-thập có khuynh hướng tinh lược những đoạn và câu trùng lặp trong cùng một bài kinh.



Văn phong trùng lặp xuất hiện trong các bài kinh Pali là do vì thời đó chưa có các ấn bản, người tụng phải thuộc lòng. Trên thực tế, sự trùng lặp giúp cho người tụng dễ thuộc lòng toàn bài kinh. Trong thời hiện đại, sự trùng lặp các đoạn kinh là câu kinh không cần thiết, vì dễ dẫn đến cảm giác nhàm chán. Do nhàm chán, nhiều Phật tử tại gia đánh mất cơ hội đọc tụng Kinh điển được phiên dịch từ kinh Pali.

Trường phái Huyền Trang thích hợp cho việc nghiên cứu kinh điển dưới hình thức nghiên cứu học thuật, đang khi trường phái Cưu-ma-la-thập thích hợp cho việc đọc tụng và thọ trì trong các chùa dưới hình thức nghi thức tụng niệm hay kinh Nhật tụng. Bộ *Kinh Phật cho người tại gia* đi theo trường phái Cưu-ma-la-thập, tinh lược các đoạn trùng lặp, dùng cấu trúc “tứ tự” để gieo vần điệu ở cuối từ, làm văn mạch được trôi chảy, giúp người hành trì đọc suông sẽ. Đây vốn là yếu tố rất cần thiết trong các nghi thức đọc tụng.

Để Việt hóa các bài kinh, người soạn dịch cố gắng chuyển dịch các thuật ngữ Phật học thâm áo bằng chữ Hán ra ngôn ngữ tiếng Việt, vừa súc tích, vừa dễ hiểu. Trong trường hợp không có tiếng Việt tương đương, bản dịch tiếng Việt có khuynh hướng sử dụng các thuật ngữ Hán Việt đã trở nên thông dụng và phổ biến trong nền văn học Việt Nam để thay thế cho các thuật ngữ Hán Việt cổ, vốn xa lạ với người Việt Nam hiện đại.

Ví dụ: “Sắc, thọ, tưởng, hành, thức” được dịch bằng các thuật ngữ Hán Việt tương đương là “thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức” v.v... Bằng cách này, người đọc tụng sẽ không phải mất thời giờ tra khảo các bộ từ điển chuyên ngành Phật học vẫn có thể hiểu khái quát nội dung và chủ đề chính của từng bài kinh.



3. Những cách đặt tựa đề kinh

Theo Đại sư Trí Khải (智顓, 538 - 597),⁽⁶⁾ tông Thiên Thai, có 7 cách đặt tựa đề kinh trong kinh điển Hán tạng. Trong kinh tạng Pali, tựa đề kinh đặt theo địa danh là khá phổ biến. Tổng hợp các cách đặt tựa đề kinh trong Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền, tôi giới thiệu 8 cách đặt đề Kinh phổ biến như sau:

(i) Tựa kinh đặt theo tên người (đơn nhân lập đề), tức lấy nhân vật chính yếu trong bài kinh đó làm tựa đề bài kinh;

(ii) Tựa kinh đặt theo địa danh (địa danh lập đề), tức lấy địa điểm thuyết giảng bài kinh làm chủ đề kinh;

(iii) Tựa kinh đặt theo chủ đề hoặc theo thuật ngữ Phật học (đơn Pháp lập đề), tức lấy nội dung Phật pháp chính (có thể là một học thuyết, thuật ngữ hay khái niệm Phật học) làm tựa đề kinh;

(iv) Tựa kinh đặt theo dụ ngôn hay ẩn dụ (đơn dụ lập đề), tức lấy một ẩn dụ chính hoặc duy nhất trong bài kinh đó mô tả gián tiếp chủ đề kinh;

(v) Tựa kinh đặt theo tên người và thuật ngữ (nhân pháp lập đề), tức trong tựa đề kinh này, tên của nhân vật đóng vai trò đương cơ pháp hội và nội dung chính của bài kinh đó được giới thiệu với tầm quan trọng ngang nhau;

(vi) Tựa kinh đặt theo tên người và ẩn dụ (nhân dụ lập đề), tức trong tựa đề kinh có đương cơ pháp hội và một ẩn dụ quan trọng nhất, ở đây ẩn dụ được thay thế cho nội dung Phật pháp;

6. Tên thật của ngài là Trí Nghi (Zhiyi), thường được phiên âm nhằm thành Chih-k'ai (Trí Khải).



(vii) Tựa kinh đặt theo chủ đề và ẩn dụ (pháp dụ lập đề) tức trong bài kinh loại này, nội dung Phật pháp chính được làm rõ bằng một ẩn dụ, nhằm giúp người đọc dễ hiểu triết lý cao siêu;

(viii) Tựa kinh đặt theo tên người, chủ đề và ẩn dụ (cụ túc nhất), đây là tựa đề Kinh dài và hiếm gặp, thỉnh thoảng thấy trong một số kinh Đại thừa, chẳng hạn “*Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*”.

Trong 8 cách đặt tựa đề kinh nêu trên, cách 1, 3, 4, 5, 6, 7 là cộng thông giữa 2 trường phái Nam truyền và Bắc truyền, đang khi cách 2 thường thấy trong kinh tạng Pali và cách 8 thường thấy trong kinh tạng Bắc truyền.

Kinh Phật cho người tại gia dựa vào 8 cách đặt tựa đề kinh nêu trên, điều chỉnh các tựa đề, để nội dung của các bài kinh không còn là những ẩn số. Cách đặt tựa đề kinh theo nhân danh và địa danh không thể hiện rõ nội dung của bài Kinh, đã được đổi lại trong bộ Kinh này thành các tựa đề Kinh đặt theo nội dung kinh. Một số tựa đề được biên tập lại nhằm làm nổi bật chủ đề chính của kinh, theo đó, người đọc tụng và thọ trì sẽ được dẫn dắt theo văn mạch và chủ đề kinh.

4. Phân đoạn kinh và tiêu đề phân đoạn

Mô phỏng theo cách thức phân đoạn của “*Năng đoạn Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh*” (Sanskrit: *Vajracchedikā-prajñāpāramitā-sūtra*, Hán: 金剛般若波羅密多經) thường gọi tắt là *Kinh Kim Cương*⁽⁷⁾, người soạn dịch đã phân đoạn hầu hết các bài kinh trong bộ Kinh này, ngoại trừ 2 bài kinh chỉ có 3-4 trang nên không cần thiết phải phân đoạn.

7. Bản số giải chữ Hán thường phân 32 phân đoạn, trong khi bản dịch của HT. Thích Trí Quang phân làm 52 phân đoạn với các chủ đề khác nhau. Xem, Thích Trí Quang (dịch), *Kinh Kim Cương*, xuất bản năm 1987.



Trước mỗi phân đoạn đều có các tiêu đề phụ, nhằm tóm tắt chủ đề chính của các phân đoạn. Mục đích của việc phân đoạn và đặt tiêu đề phụ cho các phân đoạn là nhằm giúp cho người đọc tụng dễ dàng nắm bắt và tập trung vào các chủ đề phụ, nhờ đó dễ hiểu được chủ đề chính của toàn bài kinh. Cách phân đoạn với chủ đề phụ còn giúp cho người đọc dễ dàng trích dẫn các ý tưởng quan trọng trong kinh, hoặc chọn lựa trong các phân đoạn những câu kinh chính làm các danh ngôn để chiêm nghiệm, tiêu hóa và thực hành.

5. Nghi thức dẫn nhập và hồi hương

Nội dung chính của các *Nghi thức đọc tụng* nói chung, *Kinh Phật cho người tại gia* nói riêng là các bài kinh của đức Phật hoặc được biên tập từ lời Phật dạy. Vì là nghi thức phục vụ cho việc đọc tụng, các nhà biên soạn nghi thức trong trường phái Nam truyền và Bắc truyền đều thêm phần dẫn nhập và phần kết thúc. Dựa vào thông lệ này, người soạn dịch đã soạn dịch phần dẫn nhập và phần hồi hương theo phong cách mà các nghi thức Bắc truyền thường sử dụng.

Trong phần Nghi thức dẫn nhập, sau phần nguyện hương, đánh lễ Tam bảo, phát nguyện thọ trì là kệ khai kinh. Ở đây, thần chú Đại Bi và các thần chú khác đã được tinh lược vì không cần thiết. Trong nghi thức đời Thanh do Ngọc Lâm quốc sư soạn, các thần chú này được sử dụng nhằm giúp người đọc nhiếp tâm và an tĩnh tâm do tập trung vào các thần chú (vốn không có nghĩa và dễ đọc nhầm). Nhờ tâm an tĩnh, người đọc có thể đào sâu và hiểu rộng nội dung của bài kinh chính ngay sau đó.

Rất tiếc ngày nay, nhiều chùa theo Tịnh Độ tông và các hành giả Mật tông đã bỏ hẳn các bài kinh chính, chỉ đọc chú Đại Bi và các thần chú khác, do vậy, khi tâm đã được an tĩnh,



lẽ ra tiếp tục đọc kinh để mở trí tuệ thì cơ hội “khai tuệ” cho chính mình đã bị khép lại. Không sử dụng các thần chú trong bộ Kinh này là nhằm nhấn mạnh vai trò khai tâm mở trí cho người đọc tụng, đồng thời tránh tình trạng “thần chú hóa” thay thế kinh điển, vốn có thể dẫn đến các lý giải và ngộ nhận về sự thiêng liêng, cầu gì được đó. Ngộ nhận này đã làm cho nhiều Phật tử bỏ đọc kinh hoặc đọc kinh vì mục đích cầu phúc, vốn dễ rơi vào mê tín, trái lại với lời Phật dạy.

Nghi thức hồi hướng trong bộ Kinh này bắt đầu bằng *Bát-nhã tâm Kinh* như thông lệ, theo sau là niệm Phật, sám nguyện, hồi hướng, lời nguyện cuối và đánh lễ ba Ngôi báu. Các phần được thêm vào bao gồm: (i) Năm điều quán tưởng, (ii) quán chiếu thực tại và (iii) các sám nguyện. Các phần bổ túc này giúp cho người đọc tụng hiểu rõ quy luật “sanh, già, bệnh, chết”, có trách nhiệm sống chánh niệm trong hiện tại, mở tâm bồ đề, tu tập chuyển hóa, phát nguyện độ sinh và nhập thế phụng sự nhân sinh.

Trong trường hợp có quá ít thời gian do bận rộn hoặc trong gia đình ít thành viên, phải tự mình làm mọi việc, hành giả có thể tinh lược Nghi thức dẫn nhập và Nghi thức hồi hướng. Chỉ cần giữ mục “đánh lễ Tam bảo” (trang 4), (các) bài Kinh chính (từ trang 9 đến trang 870) và mục “đánh lễ ba Ngôi báu” (trang 882) là đủ cho một thời tụng kinh. Với cách linh động này, mục tiêu “khai tuệ” do đọc kinh và tâm sùng kính Tam bảo vẫn được thể hiện đầy đủ, người thọ trì có thể tiết kiệm được 10-15 phút.

III. MỤC ĐÍCH SOẠN DỊCH

Đã từ lâu, hàng thế kỷ qua, Phật giáo Việt Nam bị ảnh hưởng quá nhiều vào Phật giáo Trung Quốc, đến độ, phần lớn Tăng Ni và Phật tử Việt Nam suy nghĩ và chấp nhận rằng,



các nội dung văn hóa và học thuật của Phật giáo Trung Quốc cũng chính là nội dung và văn hóa học thuật của Phật giáo Việt Nam. Thói quen nhận thức này đã làm cho người Việt Nam mất dần tính tự chủ và sáng tạo trong phương pháp tiếp cận, nghiên cứu, hành trì và ứng dụng Phật giáo trong bối cảnh văn hóa và xã hội Việt Nam. Trên tinh thần này, *Kinh Phật cho người tại gia* được soạn dịch với các mục đích sau đây:

1. Mở con mắt tuệ

Truyền thống đọc tụng kinh điển của Trung Quốc và Việt Nam xưa nay có khuynh hướng nhấn mạnh “tín ngưỡng hóa” kinh Phật, cầu sự mầu nhiệm, thiêng liêng và phước báu.

Không ai có thể phủ định mục đích chính của việc đọc kinh là để hiểu rộng và sâu nội dung minh triết của bài kinh để ứng dụng trong cuộc sống. Tiếc là, không phải Tăng Ni và Phật tử nào cũng tuân thủ theo nguyên tắc quan trọng này. Để mở con mắt tuệ, người tại gia cần đọc tụng các bài kinh thuần Việt, đọc có tư duy và nghiên ngẫm, đọc với mục đích hiểu và tiêu hóa kinh Phật trong đời sống thực tiễn.

Lợi thế của kinh Phật là có đề cập bao quát đến các vấn đề cá nhân, gia đình và xã hội, rất khoa học và thực tiễn. Năm vững và ứng dụng lời Phật dạy về đạo đức, gia đình và xã hội cũng như các phương pháp giải quyết khổ đau, người hành trì tăng trưởng trí tuệ theo năm tháng, nhờ đó, thành công hơn trong lập nghiệp, giải quyết vãn nạn, khó khăn và tu học Phật có hiệu quả.

2. Bổ sung cho các Nghi thức nặng về tín ngưỡng

Các *Nghi thức đọc tụng* tại các chùa theo Tịnh Độ tông ở Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản và Nam Bắc Triều Tiên chỉ nhấn mạnh đến bốn đối tượng: người già và người bệnh



(*Nghi thức cầu an*), người chết (*Nghi thức cầu siêu*) và người có tội (*Nghi thức sám hối*)⁸. Các thành phần xã hội còn lại gồm giới trí thức, giới chính trị, giới kinh doanh và giới trẻ hầu như các Nghi thức tụng niệm của Phật giáo hầu như không quan tâm đến.

Đạo Phật, theo từ nguyên, có nghĩa đen là “con đường tỉnh thức”. Phương pháp giải quyết khổ đau của đức Phật dựa vào việc phân tích nhân quả bất hạnh để tìm ra con đường hạnh phúc. Con đường hạnh phúc theo Phật giáo chính là Bát chánh đạo, gồm 3 phương diện: (a) Đạo đức, bao gồm: lời nói đạo đức (chánh ngữ), hành vi đạo đức (chánh nghiệp), nghề nghiệp đạo đức (chánh mạng), nỗ lực đạo đức (chánh tinh tấn); (b) thiền định, bao gồm: làm chủ tâm và sự vận động của thân ở mọi nơi mọi thời điểm (chánh niệm) và thực tập thiền, kết thúc khổ đau, buông bỏ chấp trước, xả niệm thanh tịnh (chánh định); và (c) trí tuệ, bao gồm: thế giới quan và nhân sinh quan dựa vào duyên khởi, vô thường, vô ngã (chánh kiến) và tư duy tích cực, tư duy thoát khỏi tham, sân, si (chánh tư duy).

Trong 10 pháp môn của Phật giáo Trung Quốc, 14 pháp môn của Phật giáo Nhật Bản và các pháp môn tại Việt Nam thì Tịnh Độ tông, Thiên tông và Mật tông là phổ biến nhất. Tịnh Độ tông chiếm đại đa số tín đồ Phật giáo tại các nước Bắc truyền, trong đó có Việt Nam. Nếu Thiên tông Trung Quốc phù hợp giới trí thức thì Tịnh Độ tông và Mật tông thiên về giới bình dân, chú trọng các hoạt động tín ngưỡng và tha lực vốn không có trong đạo Phật gốc. Sự ra đời của *Kinh Phật cho người tại gia* góp phần giúp hành giả Việt Nam

8. Bao gồm *Hồng danh sám pháp*, *Luang Hoàng sám pháp*, *Từ bi thủy sám*, *Sám pháp Mục-liên*, *Ngũ bách danh Kinh*, *Tam thiên Phật kinh* và *Vạn Phật kinh*.



không bị lệ thuộc vào các pháp môn đặt nặng về tín ngưỡng như của Phật giáo Trung Quốc và Phật giáo Tây Tạng.

3. Đề cao vai trò của Phật giáo Việt Nam

Từ nhiều thế kỷ qua, các *Nghi thức tụng niệm*, phong cách tượng Phật, phương pháp tu trì, cách thức làm đạo của Phật giáo Việt Nam chịu ảnh hưởng quá nặng nề từ Phật giáo Trung Quốc. Từ năm 2010 trở lại đây, một số Tăng Ni và Phật tử Việt Nam có khuynh hướng thiên về Mật tông của Phật giáo Tây Tạng. Đây là hai hình thái đạo Phật nặng về tín ngưỡng và tha lực, vốn có khoảng cách lớn so với Phật giáo gốc.

Do vì bị lệ thuộc vào văn hóa Phật giáo Trung Quốc nói chung và văn hóa Phật giáo nước khác nói riêng, Tăng Ni Việt Nam ít có kiến thức về những đóng góp to lớn của các Tổ sư và Thiên sư... của Phật giáo Việt Nam, đang khi phần lớn đều nắm bắt các tông chỉ của các Tổ sư Trung Quốc, Nhật Bản và Tây Tạng. Điều này một mặt tạo ra sự mặc cảm tự ti dân tộc, mặt khác, nếu không thay đổi, sẽ dẫn đến tình trạng mất gốc rễ truyền thống văn hóa Phật giáo Việt Nam, vốn có trước Phật giáo Trung Quốc.

Tình trạng mất gốc rễ này diễn ra đến độ nhiều Tăng Ni và Phật tử Việt Nam ngộ nhận rằng “cái gì Phật giáo Trung Quốc chủ trương cái đó cũng chính là của Phật giáo Việt Nam”. Nếu tiếp tục bị “lệ thuộc” hoặc “nhập cảng nguyên xi” phương pháp Phật học Trung Quốc, văn hóa Trung Quốc và cách làm đạo của Phật giáo Trung Quốc tại Việt Nam, thì Phật giáo Việt Nam sẽ tiếp tục bị giới trí thức Việt Nam ngộ nhận rằng đạo Phật là “xuất thế” theo nghĩa Phật giáo trốn chạy và chối bỏ cuộc sống hiện thực, đang khi trong bản chất, Phật là nhập thế để giúp nhân loại vượt qua khổ đau.



Giới trí thức Việt Nam trong lịch sử đã từng ngộ nhận rằng chỉ có đạo Nho mới dạy về gia đình, xã hội và chính trị đang khi cho rằng đạo Phật là yếm thế. Hơn 60 bài kinh trong *Kinh Phật cho người tại gia* này cho chúng ta thấy những vấn đề mà loài người quan tâm bao gồm: đạo đức, công bằng xã hội, bình đẳng giới tính, dân chủ nhân quyền, quản trị đất nước, xây dựng hòa bình, phát triển xã hội, bảo vệ môi trường... cho đến các vấn đề tình yêu, hôn nhân, hạnh phúc vợ chồng, trách nhiệm của cha mẹ - con cái, thầy giáo - học trò, tình thân - làng xóm, chủ - thợ, tu sĩ - tín đồ... đều được đức Phật hướng dẫn tận kẽ, góp phần xây dựng hạnh phúc cho con người.

Do vì bị lệ thuộc vào các pháp môn hành trì và *Nghi thức tụng niệm* của Phật giáo Trung Quốc, nên Tăng Ni và Phật tử Việt Nam suốt đời tu chỉ đọc vồn vện 1-3 bài kinh “pháp môn”. Điều này dẫn đến hệ lụy tất yếu là nếu không được đào tạo tại các trường Phật học, Tăng Ni sẽ không nắm vững triết học Phật giáo, đang khi đại đa số Phật tử rơi vào tình trạng “mù chữ Phật pháp” tập thể. Hệ lụy này dẫn đến một hiện thực là đại đa số người đi chùa ở Việt Nam đều thuộc giới bình dân và người già, trong số đó phần lớn là phụ nữ.

Thoát khỏi sự nô dịch vào các pháp môn, *nghi thức tụng niệm* và cách thức làm đạo của Phật giáo Trung Quốc, quyển *Kinh Phật cho người tại gia* giúp người Việt Nam tiếp cận và thực tập lời Phật dạy bằng tiếng Việt, mở mang trí tuệ, vượt qua mê tín dị đoan, nhờ đó, thực tập có kết quả. Đây là một trong những nỗ lực xây dựng hình ảnh đạo Phật Việt Nam với những nét đặc thù, thậm chí, có nhiều ưu điểm so với Phật giáo Trung Quốc.



Với những điều nêu trên, từ tận đáy lòng, người soạn dịch tha thiết kêu gọi chư tôn đức Tăng Ni và các Phật tử hãy góp một bàn tay ấn tống, truyền bá, sử dụng và hành trì *Kinh Phật cho người tại gia* này tại các tự viện và tư gia của mình. Để sử dụng bộ Kinh này, chư Tôn Đức và quý vị vui lòng liên lạc Ban ấn tống Đạo Phật Ngày Nay để nhận kinh ấn tống.

Nhân dịp tái bản lần thứ 3, tôi chân thành cảm ơn các Phật tử đã phát tâm ấn tống bộ Kinh này, nhờ đó, Phật tử Việt Nam đọc được kinh Phật bằng tiếng Việt một cách có hệ thống và toàn diện, mở mang trí tuệ và đạt nhiều lợi ích lớn.

Kết thúc Hậu An Cư năm 2014

Sa-môn Thích Nhật Từ



LỜI NÓI ĐẦU

Kinh Phật cho người tại gia là tác phẩm được khởi xướng từ năm 2002, kể từ khi tôi trở về Việt Nam sau gần 8 năm tu học tại Ấn Độ. Thực ra, tác phẩm này được thai nghén từ năm 1994, ngay sau khi tôi biên soạn và xuất bản quyển “*Kinh tụng hằng ngày*”. Do vì bận rộn quá nhiều Phật sự, dù rất mong muốn, tôi đã không thể hoàn tất tác phẩm này trong vòng 2 năm, như đã dự kiến. Hơn một thập niên trôi qua, tôi mới có thời gian và điều kiện để hoàn thành công việc tuyển chọn, phiên dịch và ấn hành rộng rãi.

Nếu *Kinh tụng hằng ngày* là một tuyển tập 49 bài kinh từ hai truyền thống Phật giáo Nguyên thủy và Đại thừa, thì *Kinh Phật cho người tại gia* phần lớn được tuyển dịch từ kinh tạng Pali và một số từ kinh điển Đại thừa. Như tên gọi, bộ Kinh này chỉ dành cho giới Phật tử, vốn mưu cầu sự nghiệp, phước báu, hạnh phúc và chia sẻ hạnh phúc mình có cho những người hữu duyên.

Vì nhắm đến đối tượng người tại gia, trong quá trình tuyển chọn và biên dịch, tôi đã phân loại 62 bài kinh quan trọng thành 5 nhóm chủ đề: đạo đức, xã hội, triết lý, thiền định và Tịnh độ, nhằm đáp ứng cái “gu” tâm linh của người tại gia, vốn không thể ngang tâm với cái gu tâm linh của người xuất gia. Bộ *Kinh Phật cho người xuất gia* đang được biên dịch, đáp ứng nhu cầu tu học nâng cao và chuyên sâu cho những người xuất gia tu trọn thời gian, tu toàn diện, tu đúng pháp Tứ đế và tu có hệ thống.



Phần lớn các bài Kinh trong tác phẩm này rất phổ biến trong thời đức Phật nhưng có phần xa lạ với Phật tử Bắc truyền tại các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Hàn Quốc, Tây Tạng và Việt Nam. Lý do là vì các nghi thức tụng niệm tại Việt Nam phần lớn là phiên dịch từ các nghi thức tụng niệm bằng chữ Hán, do các Tổ sư Trung Quốc biên soạn, vốn chỉ nhấn mạnh phần thứ 5 của bộ Kinh này, đang khi bỏ qua 4 phần quan trọng khác, rất quan trọng cho việc xây dựng hạnh phúc của người tại gia ở kiếp sống hiện tại này.

Chủ đề 1 gồm 12 bài kinh về đạo đức, giới thiệu bao quát về bản chất và giá trị đạo đức trong việc xây dựng hạnh phúc cho con người và hòa bình cho thế giới. Từ 5 điều đạo đức đến 10 điều thiện, các bài kinh trong nhóm này trình bày bức tranh nhân quả đạo đức rất chuẩn xác và công bằng: Người thiện thì hạnh phúc, kẻ ác thì khổ đau. Tội hay phước, khổ đau hay hạnh phúc... đều được tạo ra từ động cơ và quyết định của con người. Do vậy, thay vì đổ lỗi cho Thượng đế, định mệnh kiếp trước, số phận hên xui, sự ngẫu nhiên hay nghịch cảnh, tốt nhất con người nên nỗ lực chuyển hóa nghiệp chướng, làm lại cuộc đời, vượt lên số phận, tái tạo hạnh phúc.

Chủ đề 2 gồm 14 kinh về các tương quan gia đình, xã hội và tâm linh. Ngoài chủ trương công bằng xã hội, bình đẳng giới, các bài kinh trong nhóm này còn đề cao vai trò của luật pháp và dân chủ trong việc phát triển đất nước. Tránh xa 12 cửa ngõ bại vong, gieo trồng 10 loại phước đức, đền trả 4 ơn nặng... là những lời dạy được đức Phật đề cao như dấu hiệu của đời sống văn hóa. Hòa hợp, hòa giải các tranh chấp và bất đồng là con đường tháo gỡ mọi bế tắc, bạo lực, hận thù, chiến tranh. Nhà vua ngoài việc “thượng tôn pháp luật” còn là người điển mẫu về đạo đức, phổ biến chánh pháp, bình ổn xã hội, góp phần xây dựng một thế giới hòa bình.



Chủ đề 3 gồm 16 bài kinh về triết lý căn bản, bắt đầu từ *kinh Chuyển pháp luân*, vốn là phương pháp luận giải quyết khổ đau, một đóng góp to lớn của đức Phật cho nhân loại. Học thuyết duyên khởi, tương tác đa chiều là triết lý phủ định các quan điểm giải thích về nguồn gốc thế giới bao gồm duy thần, duy vật và duy tâm. Ba dấu ấn của thực tại “vô thường, vô tướng, vô nguyện” và sự thực tập vô ngã là triết lý giúp ta vượt qua các nỗi khổ niềm đau do chấp dính vào cái tôi và cái tôi sở hữu. Nền tảng đức tin chân chính, kiến thức và trí tuệ, thuyết minh và xác minh, những điều nên biết và các ẩn dụ triết lý... trong phần này giúp ta nhận diện bản chất khổ đau và giải quyết khổ đau theo bát chánh đạo. Theo đức Phật, giáo pháp của ngài nên được sử dụng như chiếc bè, đưa người từ bờ khổ đau sang bờ hạnh phúc; không phải để chấp lấy, bái lạy, dâng cúng trên bàn thờ. Khi còn khổ đau thì còn sử dụng giáo pháp để trị liệu. Khi khổ đau kết thúc, hành giả sống thong dong trong đời.

Chủ đề 4 gồm 14 kinh về thiền định và chuyển hóa. Một phần nửa trong các kinh này giới thiệu thiền định như cốt lõi thực tập trong đạo Phật. Thực tập thiền định bắt đầu từ việc làm chủ các giác quan, chánh niệm trong từng cử chỉ, quán niệm hơi thở ra vào, làm chủ thân thể, cảm giác, tâm tư và ý niệm. Nhờ thực tập thiền, ta sống an lạc trong giờ phút hiện tại, không chìm mình vào quá khứ, không rong ruổi về tương lai, tự tại yên vui bây giờ và tại đây. Thiền là cốt lõi của chuyển hóa. Ngoài thiền định, đức Phật còn dạy cách phát khởi tâm bồ đề, nuôi lớn từ bi hỷ xả, tu tập các pháp lành, tâm niệm về 8 điều giác ngộ của Bồ-tát và thực tập 7 phương pháp chấm dứt khổ đau. Con đường thoát khổ được đức Phật dạy thực chất là sự thực tập chuyển hóa, trên nền tảng nhân quả, rất thực tiễn và có kết quả nhanh chóng, bền bỉ.



Phần 5 gồm có 7 kinh về Tịnh độ, vốn rất quen thuộc với Phật tử Bắc tông, được sử dụng trong các khóa lễ tại Việt Nam. *Kinh Phổ Môn* khái quát về cuộc đời, hạnh nguyện và độ sinh của Bồ-tát Quan Âm. *Kinh Dược Sư* dạy nghệ thuật chuyển hóa tham, sân, si để mỗi người trở thành thầy thuốc tâm linh của bản thân. *Kinh A Di Đà* giới thiệu 5 phương diện xây dựng Tịnh độ gồm căn lành lớn, phước đức lớn, nhân duyên lớn, quán pháp âm và nhất tâm bất loạn. Sám hối sáu căn là nghệ thuật chuyển hóa gốc rễ khổ đau của 6 giác quan, trong khi *Sám hối hồng danh* là cách ta quy ngưỡng và lễ lạy các đức Phật, một mặt chuyển hóa nghiệp chướng, mặt khác tăng trưởng sức khỏe nhờ vận động toàn thân. *Kinh Vu Lan* và *Kinh báo ân Cha Mẹ* dạy và truyền bá văn hóa hiếu thảo, uống nước nhớ nguồn.

Kinh Phật cho người tại gia góp phần xây dựng một thế giới Cực Lạc, bây giờ và tại đây, bằng chính sự thực tập và chuyển hóa.

Vì tính chất toàn diện và hệ thống của bộ Kinh, tôi kính mong quý Phật tử tại gia nên nỗ lực không mệt mỏi, đọc tụng, nghiền ngẫm và ứng dụng trong đời sống thực tiễn. Nếu mỗi bài kinh là một toa thuốc tâm linh, có thể trị lành các chứng bệnh khổ đau thì tuyển tập các bài kinh này sẽ là nguồn dược chất vô cùng quý giá.

Mỗi ngày dành trung bình 30 đến 60 phút đọc kinh này với tinh thần vừa nêu, người đọc tụng được mở rộng tầm nhìn, nâng cao nhận thức, thâm nhập kinh tạng, nhờ đó giải quyết được các vấn nạn khổ đau của kiếp người.

Hơn 60 bài kinh được tuyển chọn trong bộ Kinh này là kho tàng tri liệu tâm linh không thể thiếu với những ai mưu cầu hạnh phúc và quý trọng giá trị an lạc đạt được từ lối sống



tôn trọng nhân quả, đạo đức. Hãy cùng nhau truyền bá bộ Kinh này để con đường tâm linh Phật giáo trở nên gần gũi và được nhiều người trải nghiệm. Xin đem tất cả công đức từ việc soạn dịch và ấn hành kinh này hồi hướng đến pháp giới chúng sanh được an lạc.

Giác Ngộ, ngày 17-8-2013

Sa-môn Thích Nhật Từ

Cẩn bút



Ý NGHĨA VÀ CÁCH THỨC TỤNG KINH

I. Ý NGHĨA TỤNG KINH

Dù theo truyền thống nào, điểm quan trọng mà người thọ trì Kinh cần chú ý là tụng Kinh để hiểu và ứng dụng lời Phật dạy vào trong cuộc sống. Do đó, trong khi tụng niệm, không nên quá chú trọng vào các nghệ thuật tán tụng, mặc dù nghệ thuật này có thể giúp cho người tụng lẫn người nghe dễ lắng tâm và phát khởi niềm tin tôn giáo. Người đọc tụng cần phải chú trọng vào phần “cốt lõi nhất” của Kinh là *nội dung* và *nghĩa lý* của nó. Không có sự chú tâm thật sâu thì khó có thể lãnh hội được ý nghĩa nhiệm mầu trong Kinh.

Người đọc tụng phải giữ ba nghiệp thanh tịnh, chú tâm hoàn toàn vào nghĩa lý của Kinh, tư duy và liên tưởng về nghĩa lý đó, để hiểu rõ lời dạy của đức Phật, biết cách ứng dụng và hành trì. Bậc cổ đức thường dạy “*tụng Kinh giả minh Phật chi lý*” là nhằm vào ý này vậy. Chính sự ứng dụng lời Kinh vào cuộc sống mới thật sự đem lại phước báo, an lạc và giải thoát cho chúng ta. Do đó, ta không nên chỉ tụng niệm bằng miệng mà còn phải tụng niệm bằng tâm. Nói cách khác miệng tụng tâm hành mới chính là tụng Kinh đúng nghĩa.

II. CÁCH ĐÁNH MỖ VÀ ĐIỂM CHUÔNG

Cách thức tụng Kinh trong Phật giáo rất đa dạng và khác nhau tùy theo từng truyền thống. Trong Phật giáo Bắc tông,



tụng Kinh đã trở thành một nghi lễ hân hoan, với sự hỗ trợ của các pháp cụ và nhạc cụ, như chuông, mõ, trống, kiểng, khánh, tang, đầu v.v... Sự tụng Kinh ở nhiều nơi đã trở thành một khóa lễ nhạc có âm điệu trầm bổng, du dương, gây nhiều cảm hứng tốt ở người nghe.

Phần Nghi Thức Dẫn Nhập và Nghi Thức Sám Nguyên-Hồi Hương được tụng giống như các khóa lễ xưa nay, tùy theo từng truyền thống. Riêng phần chánh kinh, để người đọc tụng và người nghe dễ hiểu và được lợi ích, người đọc nên ngừng một hoặc hai nhịp không tụng sau mỗi chấm câu hoặc sang hàng hay hết một đoạn, trong khi mõ vẫn được gõ đều đặn.

a. Ký hiệu được sử dụng

Ký hiệu O chỉ cho “đánh chuông.” Ký hiệu C chỉ cho “nhấp chuông” (nhấp dùi chuông vào vành chuông để báo hiệu rằng sẽ có một tiếng chuông được vọng lên). Ký hiệu M chỉ cho “gõ mõ.”

b. Cách vào chuông mõ

C O O O M M M M M M M
O M
O M
O M M M M C

c. Đánh mõ và điểm chuông

Ngoài mục đích tạo trường canh và nhạc điệu cho các khóa lễ, mõ và chuông còn có tác dụng thức tỉnh người đọc. Để các tác dụng này được phát huy triệt để, mõ phải được đánh đều đặn, nhịp nhàng, chậm rãi; không được đánh quá mạnh hay quá nhẹ để tránh trường hợp tiếng lớn, tiếng nhỏ làm mất trang nghiêm và khó đọc tụng cho đều. Chuông



được điểm ngân nga sau các đoạn hay câu có ký hiệu O, đối với phần nghi thức dẫn nhập và hồi hương. Đối với Chánh Kinh, chuông sẽ được điểm lên ngay sau mỗi đoạn Kinh hay sau mỗi ý Kinh hoàn chỉnh, nhằm đưa người đọc tụng trở về với thực tại, lắng niệm và ghi nhớ sâu lời Phật dạy.

d. Phối hợp chuông, mõ, khánh và lời tụng

Sau tiếng nhấp chuông của vị Duy-na, vị chủ lễ bắt đầu xướng tụng. Chủ lễ xướng hết chữ thứ hai thì đại chúng mới bắt đầu hòa theo và cùng tụng. Chữ đầu và chữ thứ ba của đoạn do chủ lễ khởi xướng thì không có nhịp mõ. Nhịp mõ được gõ vào nhịp chữ thứ hai và thứ tư. Nghĩa là tiếng mõ thứ nhất sẽ đi với chữ (tiếng) kinh thứ hai, tiếng mõ thứ hai sẽ đi với chữ (tiếng) kinh thứ tư. Sau đó, cứ mỗi chữ thì có một nhịp mõ cho đến hết một bài kinh. Riêng chữ (tiếng) kinh áp chót thì gõ hai nhịp mõ liền nhau và chữ (tiếng) kinh cuối thì một tiếng mõ dứt. Cứ như vậy, chúng ta tụng hết thời kinh.

Đối với bài Sám Nguyện trước bài Hồi Hương, ta có thể phối hợp mõ với khánh. Tiếng mõ đầu sẽ đi với chữ kinh thứ hai, tiếng khánh đầu sẽ đi với chữ kinh thứ ba. Sau đó, một chữ một tiếng mõ, một chữ một tiếng khánh, cứ như vậy phối hợp mõ và khánh tụng cho hết bài sám. Phần kết thúc bài sám như sau: chữ áp chót của bài sám sẽ đi kèm với hai tiếng mõ liền nhau hơi nhanh và chữ cuối sẽ đi kèm với một tiếng mõ; trong khi từ chữ áp chót của bài sám, khánh được đánh theo hồi, từ bảy đến mười nhịp, khoảng cách của các nhịp khít dần đều và âm thanh của các nhịp nhỏ dần đều.

III. LỢI ÍCH CỦA TỤNG KINH

Người đọc tụng, thọ trì và truyền bá kinh này sẽ gặt hái nhiều lợi ích cho mình và tha nhân:



- Nắm vững yếu nghĩa lời Phật dạy, nhờ đó, người thọ trì xóa bỏ cái nhìn phân cách, ngộ nhận giữa hai truyền thống. Tất cả chỉ có một nguồn chánh pháp, chỉ thuần nhất hương vị: an lạc, giác ngộ, giải thoát.

- Đọc tụng để lời nói, ý nghĩ, việc làm được trong sạch; để từ bỏ các điều ác, thực hành các hạnh lành, sống tùy hỷ, sống theo bi-trí-dũng, thương yêu, giúp đỡ và bảo vệ lẫn nhau; để làm hành trang cho cuộc sống, làm hương thơm cho đời.

- Đọc tụng để mở rộng tầm nhìn đúng đắn về con người, về thế giới, về nguyên nhân sai biệt cũng như yếu tố hình thành vũ trụ. Đọc tụng để xóa bỏ mê lầm, trở về chánh pháp, sống chánh tín, chánh mạng và an lạc.

- Đọc tụng để chuyển hóa nhận thức và hành động. Nhờ đó, cá nhân được thuần thiện, gia đình được đầm ấm, xã hội được an vui và nhân loại được thái bình, hạnh phúc trong chánh pháp Phật-đà.

Đọc tụng Kinh Phật có nhiều công đức như thế, kính xin tất cả mọi người hãy tinh tấn hơn nữa, trong việc đọc tụng, thọ trì và truyền bá lời Phật dạy!

Trân trọng,

Sa-môn Thích Nhật Từ

PHẦN DẪN NHẬP





1. NGUYỆN HƯƠNG

(Chủ lễ quỳ ngay thẳng, xướng bài Nguyên hương. Gia chủ đồng mặc niệm và quán tưởng theo lời Nguyên)

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật O

Trên sen báu, hào quang rạng rỡ
Đức Năng Như tướng hảo huy hoàng,
Hóa thân cứu độ mười phương,
Cúi đầu đánh lễ, đạo tràng quy y.

Đèn chánh pháp rạng ngời khắp chốn,
Đạo từ bi phổ biến muôn nơi.
Tăng Ni đạo lực sáng ngời,
Tại gia tu học, thanh thời, an nhàn.

Cầu thế giới hòa bình, phát triển
Mong nước nhà hưng hiển, tự do,
Mọi người hạnh phúc, ấm no,
Khắp nơi yên ổn, không lo lắng gì.

Chúng con nguyện, đời đời kiếp kiếp,
Được thân người, học Phật tu nhân,
Xa lìa biển khổ trầm luân,
Tấn tu đạo nghiệp, viên thành quả cao.

Nam-mô Hương Cúng Đường Bồ-tát (3 lần) O



2. ĐÁNH LỄ TAM BẢO

Phật là đấng giác ngộ mình,
Độ người thoát khỏi tử sinh bao đời,
Từ bi, trí tuệ rạng ngời,
Là thầy ba cõi trời người xưa nay.

Chí tâm đánh lễ tất cả Đức Phật ba đời
thường trú trong mười phương. (1 lạy) O

Pháp là phương thuốc diệu thay,
Chữa lành bệnh khổ bao loài chúng sanh,
Nhu vằng trắng sáng lung linh,
Soi đường ra khỏi u minh mê mờ.

Chí tâm đánh lễ tất cả Tôn Pháp ba đời
thường trú trong mười phương. (1 lạy) O

Tăng là những bậc chân tu,
Biết đời huyễn mộng, già từ ra đi,
Thấm nhuần trí tuệ, từ bi,
Độ đời thoát khỏi tham ... si khổ sầu.

Chí tâm đánh lễ tất cả Hiền Thánh Tăng
ba đời thường trú trong mười phương.

(1 lạy) OOO



3. TÁN HƯƠNG

(Đại chúng đứng thẳng và chắp tay trước ngực. Duy-na và Duyệt Chúng khai chuông mõ. Từ đây trở đi, chủ lễ xướng và gia chủ cùng tụng theo).

Lò hương vừa bén chiêm đàn
Tỏa xông pháp giới đạo tràng mười phương
Hiện thành mây báu cát tường
Xin Phật chứng giám tâm hương chí thành
Pháp thân các Phật tịnh thanh
Chứng minh hương nguyện, phước lành
rưới ban.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ-tát. (3 lần) OOO

4. TÁN DƯƠNG GIÁO PHÁP

Pháp Phật cao siêu, lý rộng sâu
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu
Nay con gặp được xin trì tụng
Nguyện hiểu chân Kinh nghĩa nhiệm mầu
Nam-mô Khai Pháp Tạng Bồ-tát.

(3 lần) OOO

PHẦN CHÁNH KINH





CÁC KINH VỀ ĐẠO ĐỨC





1. KINH TIỂU SỬ ĐỨC PHẬT

Thứ nhất

BỒ-TÁT GIÁNG THẾ

[Những điều sau đây là lời tự truyện của chính đức Phật về cuộc đời ngài, được ghi lại trong kinh điển Pali. Làm đệ tử Phật cần nên ghi nhớ, tôn thờ chớ quên.

Đức Phật sinh vào ngày Rằm tháng 4, năm 624 trước Tây lịch. Cha đức Phật là đức vua Tịnh Phạn, mẹ đức Phật là hoàng hậu Ma-ya]. O

Lời ngài A-nan: “Kính bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, ghi nhớ rõ ràng, lời của ngài kể”: “Này Ananda, Như Lai xuất hiện trên cõi đời này là điều hy hữu. Đầu tiên Ta ở cõi trời Đâu-suất đến hết thọ mạng, sau đó hạ sinh từ trời Đâu-suất, nhập vào bào thai thánh hậu Ma-ya.



Trong giờ phút đó, hào quang chiếu soi, rực rỡ lạ kỳ, sáng hơn nhật nguyệt, thế giới chuyển động chào đón Như Lai”.

“Lúc Ta nhập thai, có bốn thiên tử canh gác bốn phương, không để người nào gây tạo phiền nhiễu. Mẹ mang thai Ta đúng tròn mười tháng. Từ lúc mang thai, mẫu hậu của Ta giới hạnh thanh cao, lòng từ rộng mở, không có dục tâm với bất kỳ ai.”

“Trong lúc mang thai, mẹ Ta hoan hỷ, khoan khoái, an vui, sức khỏe tốt hơn, không chút bệnh tật. Mẹ Ta cảm nhận Ta là thánh nhi, như viên ngọc quý không chút tỳ vết, tuyệt hảo trên đời”. O

“Khi sinh ra Ta, mẹ Ta sinh đứng. Sinh chưa chạm đất thì có chư thiên nghênh tiếp đón ta, rồi dâng thân Ta lên mẫu hậu ta, với lời tán dương: “Thánh hậu đã sinh một bậc vĩ nhân”.

“Thân thể của Ta lúc vừa sinh ra không



bị ô nhiễm bởi nước ôi, máu, hoàn toàn trong sạch, như ngọc ma-ni, trong sáng, đẹp màu. Từ trên hư không có hai dòng nước, một nóng, một lạnh phun tắm cho Ta và cho mẫu hậu”.

“Vừa mới sinh ra, Ta đứng vững vàng trên đôi chân mình, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, với lông trắng che, Ta thốt lên lời: “Ta là tối thượng trên cõi đời này, đây là kiếp sống cuối cùng của ta, Ta không tái sinh vào cõi đời nữa”.

“Tròn bảy ngày sau, mẹ Ta qua đời, liền tái sinh về cõi trời Đâu-suất”.⁽¹⁾ O

TIÊN TRI ĐOÁN TƯỚNG

“Vào lúc bấy giờ, có vị đạo sĩ tên A-tư-đà, giữa ngay ban ngày, thấy các chư thiên cõi trời Ba Ba hoan hỷ, tán thán, khởi tấu nhạc trời, du dương ca hát với các vũ điệu và báo lời rằng: Tại Lum-bi-

1. Kinh Hy Hữu, Vị Tăng Hữu Pháp, thuộc Kinh Trung Bộ 123..



ni, làng của Thích-ca, có vị Bồ-tát không ai sánh bằng, vừa được giáng trần, hạnh phúc cho đời. Ngài là tối thượng, là bậc ngu vương, đứng đầu loài người. Về sau xuất gia, trở thành ân sĩ, ngài chuyển Pháp luân, rống tiếng Sư tử, giáo hóa cuộc đời”.

“Nghe biết sự việc, ngài A-tư-đà liền đến hoàng thành Ca-tỳ-la-vệ, mong được yết kiến thái tử sơ sinh. Vừa gặp tôn nhan bả hai tướng hảo, ông thốt lên lời: “Thái tử vô thượng, là người số một trong loài hai chân”. Nói xong ông khóc, buồn số phận mình, nay đã già nua, không còn cơ hội, gặp được thái tử, để chứng kiến cảnh thái tử giác ngộ. Ông khẳng định rằng, đến tuổi trưởng thành, thái tử xuất gia, thành bậc Giác ngộ số một ở đời, chuyển bánh xe pháp, thanh tịnh tối thắng, vì lòng từ bi, thương xót chúng sinh, giúp đời lợi lạc”.⁽²⁾ O

2. Kinh Tập, kệ 679-694.



KHÔNG MÀNG HƯỞNG THỤ

“Này các đệ tử, ở trong hoàng cung, Ta được nuôi dưỡng vô cùng đặc biệt. Phụ vương của Ta cho xây ao hồ, có ao sen xanh, có ao sen đỏ, có ao sen trắng. Những gì Ta cần, đều được phục vụ rất là tận tình và thật chu đáo. Các loại chiên-đàn, hương liệu cao cấp, lụa Kasi quý, Ta đều sử dụng. Cả ngày lẫn đêm luôn có lọng che, tránh khỏi nóng, lạnh, bụi bặm và sương”.

“Về các tiện nghi, phụ vương xây dựng ba lầu đài đẹp, một cho mùa đông, một cho mùa hạ, một cho mùa mưa, tiện nghi đầy đủ, sang trọng, quý phái. Trong bốn tháng hè, lúc nào cũng có các nữ nhạc công xoay quanh phục vụ ca, múa, xướng, hát”.

“Dù sống trong cảnh giàu sang, sung sướng bậc nhất trần đời, Ta suy nghĩ rằng: “Phàm phu ít nghe, khi mình bị già, hoặc thấy người già, bực phiền, hổ



thẹn, ghê tởm, chán ngán. Ta ý thức được Ta cũng bị già, không vượt khỏi già. Ta cũng bị chết, không vượt khỏi chết. Nhờ suy nghĩ này, kiêu mạn tuổi trẻ, kiêu mạn sự sống đoạn trừ nơi Ta... Thật không xứng đáng cho Ta mê đắm. Quyết tâm từ bỏ, Ta đi xuất gia, tầm cầu giải thoát cho mình và người”.⁽³⁾ O

TỪ BỎ, XUẤT GIA

“Này các đệ tử, Ta nhận thức rõ đời sống gia đình tụ hội bụi đời, trong khi xuất gia thoáng rộng như trời, nên Ta quyết chí, buông bỏ ngai vàng, vợ đẹp, con thơ, xuất gia cầu đạo, từ bỏ nghiệp phàm với nhiều chướng lụy. Ta đến Vương xá, nước Ma-kiệt-đà sống đời khất sĩ. Đức vua Bình-sa nhìn thấy thân Ta đẹp, cao, rạng rỡ, thông dong chánh niệm, liền cho sứ giả dẫn bước theo ta, quan sát xong rồi trở về trình báo”.

3. Kinh Tăng Chi I, 162-163.



“Vừa nghe câu chuyện, đức vua Bình-sa vội lên cỗ xe, đến yết kiến ta. Ta cho Vua biết nguyên nhân đi tu của Ta là do Ta không tha thiết hưởng thụ dục lạc; Ta thấy rất rõ dục là nguy hiểm, nên đã tinh tấn, từ bỏ tất cả, chuyển hóa thân tâm để được an vui”.⁽⁴⁾ O

TÂM SỰ HỌC ĐẠO

“Này các đệ tử, ở tuổi thanh xuân, sức lực dồi dào, thân thể tráng kiện, mặc dù cha mẹ không hề bằng lòng, tiếc thương, than khóc, Ta đã quyết tâm, từ bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia tầm đạo. Ta như một người đi tìm chí thiện, con đường an tịnh, giải phóng khổ đau”.

“Này các đệ tử, lúc mới đi tu, Ta đi đến chỗ ngài A-là-ra Kà-la-ma ở, Ta thưa thỉnh rằng: “Ngài A-là-ra, ngài tu pháp gì, ngài

4. Kinh Tập, kệ 405-424.



chúng đặc gì, ngài dạy những gì?” Ngài A-là-ra đã trả lời rằng: “Ta chúng đặc thiên vô sở hữu xứ”. Ta nêu quyết tâm: “Ngài A-là-ra có được lòng tin, tinh tấn, chánh niệm, thiên định, trí tuệ thì Ta cũng vậy không nên thua kém. Ta đã quyết tâm, tu tập tinh tấn, đạt được các pháp mà A-là-ra đã chứng đạt được”. Chẳng bao lâu sau, Ta đã chứng bằng ngài A-là-ra. Sau khi kiểm chứng, Ta nhận ra rằng: “Vô sở hữu xứ không có khả năng đưa đến an tịnh, thượng trí, giác ngộ, niết-bàn, giải thoát.” Ta đã mạnh dạn từ bỏ pháp này, tiếp tục lên đường tìm kiếm tâm linh”. O

“Tạ từ vị thầy, Ta đã ra đi, tiếp tục tìm kiếm con đường tối thượng, an lạc tuyệt đối. Ta đã đến gặp ngài Ud-da-ka Rama-put-ta, cầu học chân lý, gọi là “phi tướng, phi phi tướng xứ”. Ta học mau chóng, thông hiểu tất cả những gì được dạy. Chẳng bao lâu sau, Ta đã tự chứng



pháp ấy như thầy. Ngài Ud-da-ka đã xác nhận rằng điều Ta chứng được đã bằng với ngài. Ngài xác nhận rằng: “Pháp mà tôi biết, hiền giả đã biết; pháp mà tôi chứng, hiền giả đã chứng. Tôi chứng đạt gì, hiền giả cũng đạt. Hãy đến nơi đây, hai Ta hãy cùng chăm sóc hội chúng”.

“Là thầy dạy Ta nhưng cả hai vị, ngài A-là-ra và Ud-da-ka, đều xem Ta là “hiền giả ngang bằng.” Rồi Ta suy nghĩ: “Pháp Ta đã chứng, bằng hai thầy mình, không có khả năng đưa đến an tịnh, thượng trí, giác ngộ, niết-bàn, giải thoát.” Ta đã mạnh dạn từ bỏ pháp này, tiếp tục lên đường tìm kiếm tâm linh”.⁽⁵⁾ O

“Này các đệ tử, chưa được giác ngộ, Ta đang đối diện sinh, già và chết. Thấy rõ sự nguy hại của những điều trên, Ta quyết tìm cầu cái không bị sanh, không già, bệnh,

5. Kinh Thánh Cầu thuộc Kinh Trung Bộ, I, 163-8.



chết, an ổn tuyệt đối, thoát các khổ ách, đó là niết-bàn. Biết rõ ứế nhiễm dẫn đến sinh già, Ta không ứế nhiễm, không tạo phiền não, đạt được niết-bàn, hạnh phúc tối thượng, không gì sánh bằng”.⁽⁶⁾ O

SÁU NĂM KHỔ HẠNH

“Sau khi từ giã hai vị đạo sư đạo Bà-la-môn, Ta tu khổ hạnh trong suốt sáu năm, không ai sánh bằng. Vì ăn quá ít, tay chân của Ta gầy như cọng cỏ, cây leo khô héo. Bàn chân của Ta như móng lạc đà. Xương sống phô bày như một chuỗi banh. Xương sườn gầy mòn như rui nhà nát. Con mắt của Ta không còn long lanh, nằm sâu hun hút. Da đầu nhăn nheo, như trái bí đặng ngả màu xám trắng, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nheo. Da bụng của Ta bám sát xương sống, đen đũi xấu xí. Khi đi vệ sinh, Ta đã té gục, úp mặt

6. Kinh Thánh Cầu, thuộc Kinh Trung Bộ I, 163.



xuống đất. Lông tóc hư mục, rời khỏi thân ta. Ta tự xoa bóp cơ thể của Ta, toàn thân, tay, chân thật là đau nhức. Từ nhận thức này, Ta quyết từ bỏ pháp tu khổ hạnh của Bà-la-môn. Ta rời núi Khổ, đi thẳng về hướng Bồ-đề Đạo tràng, chuyên tâm thiền định, suốt bốn chín ngày”.⁽⁷⁾ O

“Này các đệ tử, rồi Ta suy nghĩ: Ta đang ngồi dưới bóng mát Bồ-đề, chuyển hóa ái dục, ly bất thiện pháp, thanh tịnh tâm ý, chứng thiền thứ nhất, trạng thái hỷ lạc do lìa ái dục, còn tâm, còn tứ; chứng thiền thứ hai, trạng thái hỷ lạc do nội định sinh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm; chứng thiền thứ ba trụ xả, lìa các hỷ lạc, chính niệm, tỉnh giác, cảm nhận hạnh phúc do biết buông xả; chứng thiền thứ tư buông bỏ tất cả ý niệm, không còn khổ vui, thanh tịnh tuyệt đối. Ta nhận ra

7. Kinh Sư Tử Hống thuộc Kinh Trung Bộ I, 80.



rằng đây là con đường đưa đến an lạc, giác ngộ, niết-bàn”.⁽⁸⁾ O

CHÚNG ĐẠO DƯỚI CỘI BỒ ĐỀ

“Này các đệ tử, với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng, không còn cấu nhiễm, vững chãi, định tĩnh, Ta hướng tâm đến trí tuệ lậu tận, Ta biết như thật: “Đây là Khổ đau, thân gồm bốn loại sanh, già, bệnh, chết; tâm gồm bốn loại yêu phải chia lìa, ghét phải gặp gỡ, muốn không mà không được và chấp thân thể”. Ta biết như thật: “Đây là nhân khổ bao gồm tham ái, sân hận, si mê và các chấp thủ.” Ta biết như thật: “Đây là niết-bàn, an lạc tuyệt đối, không còn khổ đau, không bị lay động, không bị thay đổi, bây giờ tại đây, trên cõi đời này”. Ta biết như thật: “Đây là con đường chấm dứt khổ đau gồm tám yếu tố: tầm nhìn chân chánh, tư

8. Kinh Trung Bộ I, 240.



duy chân chánh, lời nói đạo đức, hành vi đạo đức, nghề nghiệp đạo đức, tinh tấn, chánh niệm và thiền định đúng”.

Ta biết như thật: “Đây là phiền não, đây là nguyên nhân của các phiền não, đây là con đường kết thúc khổ đau”. Nhờ nhận thức này, tâm Ta thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Trong Ta khởi lên một loại hiểu biết: “Ta đã giải thoát”. Ta biết rất rõ: “Tái sanh đã tận, hạnh thánh đã thành, việc nên đã làm. Không còn trở lại sinh tử này nữa”.⁽⁹⁾ O

TUYÊN BỐ CHÂN LÝ

“Này các đệ tử, bấy giờ Phạm thiên Saham-pa-ti thưa với Ta rằng: “Thưa ngài, thế giới tiêu diệt, nếu tâm của ngài, một đức Như Lai, bậc đại giác ngộ hướng về thụ động, không muốn thuyết pháp”.

9. Kinh Trung Bộ I, 248.

Ông đáp thương y, cung kính cung thỉnh: “Kính bạch Thế Tôn, hãy ban lời vàng! Có những chúng sanh ít nhiễm bụi trần sẽ hiểu chánh pháp, sẽ tu chánh pháp”.

“Ta đã nhận lời rồi suy nghĩ rằng: “Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên?” Ta liền nghĩ đến thầy A-là-ra, nhưng thầy đã chết bảy ngày trước đó. Ta bèn nghĩ đến thầy Ud-da-ka, người vừa qua đời mới ngày hôm qua”.

“Ta liền nghĩ đến nhóm năm tu sĩ, từng là bạn ta, khi tu khổ hạnh, hiện đang tu tại khu vườn Nai đẹp, thuộc Ba-la-nại. Ta đã lên đường, gặp họ tại đây. Trong bài Kinh đầu là Chuyển Pháp Luân, Ta đã khẳng định: “Này các đệ tử, vì không giác ngộ, không thông hiểu tứ đế, con người trôi lăn trong kiếp luân hồi. Này các đệ tử, cho đến khi nào, chúng Ta hiểu được bản chất khổ đau, nguyên nhân khổ đau, niết-bàn hết khổ, con



đường diệt khổ, thì đến lúc ấy, tham ái kết thúc, chuyển hóa sạch nghiệp, không còn phiền não, dứt sạch nghiệp chướng, thanh tịnh, giác ngộ, chứng đắc giải thoát, không còn tái sinh”.⁽¹⁰⁾ O

VỊ TRÍ CỦA PHẬT

“Này các đệ tử, kết thúc sinh tử, Ta đã trở thành giác ngộ tối tôn ở trên đời này. Ta là Trưởng thượng. Ta là Tối thượng. Đây là kiếp sống cuối cùng của Ta. Từ nay trở đi, Ta không tái sanh theo nghiệp lôi kéo”.⁽¹¹⁾

“Này các đệ tử, một người xuất hiện ở trên cõi đời, có một không hai, không có đồng bạn, không có ngang bằng, không có tương tự, bậc tối thượng giữa các loài hai chân, đó là Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác”.⁽¹²⁾ O

10. Kinh Đại Bát Niết Bàn thuộc Kinh Trường Bộ 16.

11. Trường Bộ Kinh I, 151.

12. Tăng Chi Bộ Kinh I, 29.



“Sự kiện sau đây không thể xảy ra: trong một thế giới có hai đức Phật, Chánh Đẳng Chánh Giác, không trước không sau, xuất hiện cùng lúc. Trong một thế giới, chỉ có một vị chứng đắc Phật quả”.⁽¹³⁾

“Này các đệ tử, như bông sen xanh, sen hồng, sen trắng sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước, không bị nước thấm; sanh ra trong đời, lớn lên trong đời, Ta chinh phục đời, không bị nghiệp đời làm cho thấm ướt. Ta là đức Phật, giác ngộ tuyệt đối. “Ta trở thành người không bị chi phối bởi tham, sân, si. Ta sanh ra ở đời, vì hạnh phúc lớn cho các chúng sinh, vì lòng thương đời, vì phúc lạc lớn cho loài người này”.⁽¹⁴⁾ O

MỖI ĐÈN CHÂN LÝ

Sau khi hóa độ năm bạn đồng tu và năm mươi lăm thương gia nổi tiếng trở thành

13. *Tăng Chi Bộ Kinh* I, 37.

14. *Kinh Trung Bộ* I, 83.



60 vị A-la-hán, Ta đã khuyến khích các vị như sau: “Này các đệ tử, hãy siêng du hành, vì hạnh phúc lớn cho cả loài người, vì an lạc lớn, vì thương tưởng đời, vì các lợi ích và nhiều phúc lạc cho loài người này. Tất cả các vị đừng đi chung đường. Hãy đi nhiều hướng, truyền bá chân lý, toàn thiện quãng đầu, toàn thiện quãng giữa, toàn thiện quãng sau, cả văn và nghĩa, mô tả trọn vẹn đời sống thánh thiện. Như các đệ tử, Ta sẽ đi về U-ru-ve-la để truyền chân lý”.⁽¹⁵⁾

“Này các đệ tử, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên hiện thực khổ đau và con đường đến kết thúc khổ đau”.⁽¹⁶⁾

“Này các đệ tử, Ta không tranh chấp cái gì với đời, chỉ có cuộc đời tranh chấp với Ta. Này các đệ tử, mỗi khi thuyết pháp không nên tranh chấp với ai ở đời”.⁽¹⁷⁾ O

15. *Kinh Tương Ứng I*, 128.

16. *Kinh Trung Bộ I*, 140.

17. *Kinh Tương Ứng III*, 165.



“Này các đệ tử, Như Lai biết rõ: Điều gì xảy ra thì phải xảy ra, các quả báo trở tùy thuộc nhân duyên, nhân duyên của nghiệp gồm có quá khứ, hiện tại, vị lai. Như Lai biết rõ con đường tái sinh trong các cảnh giới thuộc kiếp luân hồi. Như Lai biết rõ thế giới sai biệt, nghiệp cảm sai biệt, căn tánh sai biệt của các chúng sanh. Như Lai biết rõ tạp nhiễm, thanh tịnh; giá trị thiên định, giải thoát, trí tuệ. Như Lai thấy rõ các kiếp quá khứ, các kiếp tương lai của các chúng sinh. Như Lai chuyển hóa tất cả lậu hoặc, đạt được thánh trí, giác ngộ, giải thoát. Như Lai chứng đắc sáu phép thần thông: Phép màu biến hóa, phép túc mạng thông, phép thiên nhãn thông, phép thiên nhĩ thông, phép lậu tận thông. Như Lai đạt được bốn không sợ hãi, không sợ ai đến chất vấn điều gì, chất vấn giác ngộ, chất vấn chứng ngại, chất vấn mục tiêu,



chất vắn diệt khổ; bất kể điều gì, ngài đều thông suốt”⁽¹⁸⁾ O

ĐỨC PHẬT LÀ NGƯỜI CHỈ ĐƯỜNG

“Này các đệ tử, là bậc đạo sư, những gì Ta làm là vì từ mãn, mưu cầu hạnh phúc cho các đệ tử. Này các đệ tử, đây là gốc cây, đây nơi an tĩnh, hãy thực tập thiền, chớ có phóng dật, để không nuối tiếc. Đây lời Ta dạy, hãy gắng thực hành”⁽¹⁹⁾

“Này các đệ tử, truyền thống tâm linh, do Ta thiết lập, vô cùng tốt đẹp, có giá trị lớn, các đệ tử hãy tiếp tục duy trì”⁽²⁰⁾ O

“Thế Tôn là bậc đã được giác ngộ, thuyết giảng phương cách để được giác ngộ. Thế Tôn điều phục, thuyết giảng phương pháp để được điều phục. Thế Tôn tịch tịnh, thuyết giảng phương pháp để đạt tịch tịnh. Thế Tôn vượt qua, thuyết giảng

18. Kinh Trung Bộ I, 69.

19. Kinh Trung Bộ III, 96.

20. Kinh Trung Bộ II, 82.



phương pháp để được vượt qua. Thế Tôn niết-bàn, thuyết pháp phương pháp đạt được niết-bàn”.⁽²¹⁾

“Này các đệ tử, có một con đường đưa đến niết-bàn; Như Lai có mặt với tư cách là đạo sư chỉ đường. Những gì cần dạy, Ta đã chỉ dạy. Những gì cần làm, Ta đều đã làm. Trong hội chúng ta, có người chứng đắc quả A-la-hán, có người đang cố nỗ lực thực tập. Người chứng, người không. Ta làm gì được? Như Lai là bậc chỉ con đường đúng”.⁽²²⁾ O

NHỮNG LỜI DI CHỨC

“Này các đệ tử, bốn mươi lăm năm, rày đây mai đó, Ta đã truyền bá Pháp và Luật này, với hàng ngàn bài chân lý cao quý, cho nhiều thành phần, từ vua đến dân, từ các Sa-môn hay Bà-la-môn đến người không đạo, giúp họ từ bỏ các hạnh nghiệp

21. Kinh Trung Bộ I, 237.

22. Kinh Trung Bộ III, trang 105.



xấu, phát triển thiện tâm, thanh tịnh tâm ý, hướng đến giải thoát, trí tuệ, niết-bàn. Nay đã đến lúc thân thể Ta bệnh”.

“Vào ngày cuối cùng, Phật đang ở tại rừng cây Sa-la, ngài dạy như sau: “Thân Ta già bệnh, còm người phía trước, tay chân rã rời, giác quan yếu dần, da Ta nhăn nhúm, không còn trong sáng. Nay các đệ tử, sự tình là vậy. Bản chất của già nằm trong tuổi trẻ. Bản chất của chết nằm trong sự sống”.⁽²³⁾ O

“Này các đệ tử, Ta đã giảng pháp, không hề phân biệt, không hề giấu giếm trong tay điều gì. Ta không nghĩ rằng Ta là lãnh đạo của cả Tăng đoàn, Tăng đoàn phải chịu hướng dẫn của ta. Ta đã công bố con đường giác ngộ. Ta nay đã già, tám mươi tuổi rồi, đến lúc vẫy chào với cuộc đời này. Thân thể của Ta như cổ

23. *Kinh Tương Ưng*, V, 229.



xe già, còn chạy được là nhờ dây chằng chặt. Khi Ta không còn tác ý đến tướng, thì các cảm giác sẽ không khởi lên, Ta chứng, an trú tâm định vô tướng, lúc ấy thân Ta vô cùng thoải mái”.

“Này các đệ tử, mỗi người tự mình thấp đuốc mà đi, hãy tự nương tựa, chớ nương gì khác. Hãy dùng Chánh pháp làm ngọn đèn soi, hãy dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa khác. Nương tựa vào pháp được hiểu như sau. Đối với thân thể, cảm giác, tâm hành và các ý niệm thì nên quán chiếu, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm hiện tiền, nhiếp phục tham ái, không còn sầu bi”⁽²⁴⁾ O

GIÃ TỪ CÔI ĐỜI

“Khi nghe tin Phật đã nhập niết-bàn, dân tộc Malla tại Câu-thi-la, Tăng, Ni, Phật tử, tất cả mọi người tâm tư khổ não, đau đớn

24. Kinh Đại Bát Niết Bàn, thuộc Kinh Trường Bộ 16.



sầu muộn, kẻ thì khóc than với đầu tóc rối, người thì than thân, bỏ ngoài dưới đất. Tất cả tiếc nuối: “Vì sao Thế Tôn nhập diệt quá sớm. Thế Tôn đi rồi, pháp nhãn biến mất khỏi cõi đời này. Thật là uổng tiếc”.

“Không ai bảo ai, nhiều người gom góp hương, hoa, nhạc khí, lụa quý... đem về khu rừng Sa-la, cung kính, tưởng niệm, làm lễ hỏa thiêu bậc thầy vĩ đại. Suốt bảy ngày liền, mọi người cúng dường thân xá-lợi Phật các điệu ca múa, lời hát thiên vị, tràng hoa, hương liệu, trước khi đưa tiễn kim thân của ngài đến giàn hỏa thiêu. Thờ tại của Đông, kim thân của Phật được ván lụa quý, gồm năm trăm lớp, đặt trong hòm sắt. Một giàn hỏa thiêu tẩm hương liệu quý nâng kim thân ngài. Hàng trăm tràng hoa được tôn trí đẹp. Ngài Đại Ca-diếp và năm trăm vị đệ tử Tỳ-kheo vội vã đường về từ xứ Pava, đúng một tuần lễ, mới về tới nơi”. O



“Đứng trước cảnh tượng từ già đạo sư, các vị tu sĩ chưa chứng thánh quả, đã không thể ngăn dòng lệ kính tiếc. “Vì sao Thế Tôn nhập diệt quá sớm. Thế Tôn đi rồi, pháp nhãn biến mất khỏi cõi đời này. Thật là uổng tiếc.” Đối với các vị đã chứng quả thánh, an trú chánh niệm, nội tĩnh suy tư: “Mọi thứ trên đời đều là vô thường. Không ai tránh được phút biệt ly này”.

“Khi ngài Ca-diếp, tất cả mọi người đánh lễ Thế Tôn, lửa bắt đầu cháy. Hương thơm tỏa ngát, cảnh trời xao xát, tâm người buồn tênh. Sau lễ hỏa thiêu, kim thân của Phật để lại rất nhiều các viên xá-lợi, vô cùng quý giá. Xá-lợi của Phật chia làm tám phần, đựng trong tráp đá, dành cho tám Vua Phật tử thuần thành, xây tháp tôn thờ tại nước của họ, giúp cho bá tánh có dịp chiêm bái”.⁽²⁵⁾ ○

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) ○

25. Kinh Đại Bát Niết Bàn, thuộc Kinh Trường Bộ 16.

2. KINH NGƯỜI ÁO TRẮNG

Tôi nghe như vậy. Một thời đức Phật ở chùa Kỳ Viên do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng. Vào sáng hôm nọ, ông Cấp Cô Độc cùng với năm trăm cư sĩ thuần thành viếng thăm, đánh lễ ngài Xá-lợi-phất, rồi ngồi một bên. Ngài Xá-lợi-phất dùng nhiều phương tiện, thuyết pháp khai tâm cho các cư sĩ, mang lại niềm vui và sự khát ngưỡng đối với Tam bảo và sự thực tập con đường chuyển hóa. O

Ngài Xá-lợi-phất hướng dẫn tất cả đến viếng đức Phật, đầu thành năm vóc, đánh lễ chân Người, rồi ngồi một bên, hít thở chính niệm. Thế Tôn ân cần dạy bảo mọi người những điều cốt lõi mà người tại gia cần siêng thực hành, để được an vui. O



– Nay các đệ tử, nếu người áo trắng sống đời thanh cao, giữ gìn trọn vẹn năm điều đạo đức, tu tập đầy đủ bốn tâm cao thượng, có thể đạt được một cách dễ dàng phước và hạnh phúc ở trong hiện tại và biết chắc rằng không còn rơi rớt trong các nẻo ác: Địa ngục, ngạ quỷ và loài động vật trong kiếp tương lai. Đồng thời, người ấy đã được chắc chắn dự vào dòng thánh ở quả thứ nhất. O

– Đạo đức thứ nhất: Đệ tử áo trắng quyết tâm xa lìa mọi sự giết hại, buông bỏ vũ khí, chấm dứt bạo động, tu tập từ bi, thương xót mọi loài, bảo vệ thiên nhiên, biết sống hổ thẹn, lương tâm trong sáng. Nhờ thực tập này, đệ tử áo trắng nhờ tận gốc rễ tâm niệm giết hại, sống trong hạnh phúc và sự an vui. O

– Đạo đức thứ hai: Đệ tử áo trắng quyết tâm xa lìa mọi sự trộm cắp, tôn trọng sở hữu hợp pháp của người, những gì không



cho thì không được lấy; vui thích bỏ thí, cứu người giúp đời vượt qua nghèo khổ; lúc bỏ thí thì không cầu đền đáp. Nhờ thực tập này, đệ tử áo trắng không bị tâm lý tham lam, bòn xén, keo kiệt che lấp, sống trong liêm khiết, giàu lòng vị tha. O

– Đạo đức thứ ba: Đệ tử áo trắng quyết tâm xa lìa tà dâm ngoại tình, sống hạnh chung thủy, bảo vệ hạnh phúc tất cả mọi người trong sự bảo hộ của cha và mẹ, hoặc cả cha mẹ, hoặc anh chị em, hoặc bên sui gia, hoặc người đồng tính, hoặc vợ chồng con của mình và người, cả kẻ cuồng dâm, bạo lực gia đình, hoặc kẻ bán phần. Nhờ thực tập này, đệ tử áo trắng không bị tâm lý hưởng thụ thấp kém làm mất hạnh phúc. O

– Đạo đức thứ tư: Đệ tử áo trắng quyết tâm xa lìa những lời dối gạt, chàm dứn nói láo - tuyên bố sự thật, không nói chia rẽ - nói lời xây dựng, không nói thô tục



- nói lời lịch sự, không nói tán gẫu - nói lời lợi lạc. Nhờ thực tập này, đệ tử áo trắng an trú chính niệm, đáng được tin cậy, uy tín tăng trưởng. O

- Đạo đức thứ năm: Đệ tử áo trắng quyết tâm xa lìa rượu và ma túy, các chất gây say; chấm dứt thói quen hưởng thụ độc tố; không tham gia vào sản xuất, buôn bán các độc tố này. Nhờ thực tập này, đệ tử áo trắng giữ gìn sức khỏe và sống hạnh phúc với người thân thương. O

Này các đệ tử, làm người áo trắng, sống đời tại gia, hãy cố gắng giữ năm điều đạo đức vừa được tuyên thuyết, để sống hạnh phúc với nhiều phước báo trong đời hiện tại và đời tương lai.

Này các đệ tử, hãy lắng lòng nghe Như Lai giảng dạy phương pháp đạt được bốn tâm cao thượng trong hiện tại này, một cách dễ dàng với nhiều giá trị. O



– Tâm cao thượng một: Đệ tử áo trắng quán niệm Như Lai là bậc Giác ngộ không còn dính mắc, bậc Minh Hạnh Túc, là bậc Thiện Thệ, bậc Thế Gian Giải, bậc Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, là Thiên Nhân Sư, là Phật, Thế Tôn. Nhờ quán niệm này, vọng tâm, dục niệm thấy đều tiêu diệt; không còn yếu tố bất thiện, uế nhiễm, sầu khổ, lo âu ảnh hưởng, chi phối. Nhờ quán tưởng Phật, tâm được lắng trong, đạt an vui lớn. O

– Tâm cao thượng hai: Đệ tử áo trắng quán niệm chánh pháp được Phật giảng dạy tài tình dễ hiểu, có khả năng lớn đưa đến giải thoát mọi sự khổ đau và các phiền não; tâm được thư thái, không bị nóng bức, an vui lâu dài. O

– Tâm cao thượng ba: Đệ tử áo trắng quán niệm Tăng đoàn của đức Như Lai, đi trên nẻo thiện, thánh đạo chân chánh, hướng theo giáo pháp, thực tập giáo



pháp, sống đúng giáo pháp. Có vị đã chứng quả A-la-hán, quả A-na-hàm, quả Tu-đà-hàm, quả Tu-đà-hoàn, hoặc đang trên đường đạt các quả ấy. Tăng đoàn gồm đủ bốn đôi, tám bậc, thành tựu đạo đức, thiền định, trí tuệ, giải thoát cũng như tri kiến giải thoát. Thánh chúng như thế đáng được tôn kính, phụng sự, cúng dường, là ruộng phước tốt cho đời gieo trồng. O

– Tâm cao thượng bốn: Đệ tử áo trắng quán niệm giới luật được Phật giảng dạy không có khuyết điểm, không bị tỳ vết, không bị nhớ uế, có khả năng lớn bảo hộ đạo đức, giúp người giữ giới an trú vững chãi trong cảnh giới Phật. Giới này thanh cao vốn được hiền trí khen ngợi, tiếp nhận, thực tập, truyền bá. O

Này các đệ tử, nên ghi nhớ rằng đệ tử áo trắng khi thực tập được bốn tâm cao thượng một cách trọn vẹn là đã chấm dứt các nẻo xấu ác, không còn đọa lạc địa



ngục, ngọc quý và loài súc sanh, hướng đến chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, ngay trong hiện tại. Người đệ tử ấy đi về nẻo giác, chuyển hóa phiền não, thanh tịnh thân tâm; qua lại tối đa bảy lần sinh tử trong cõi trời người là có thể đạt giác ngộ, giải thoát, không còn khổ đau.

Sau khi tuyên thuyết năm điều đạo đức, bốn tâm cao thượng, Thế Tôn ân cần trùng tuyên tóm tắt bằng một bài kệ dễ hiểu sau đây: O

Người tại gia sáng suốt,
 Sợ các cảnh giới xấu,
 Siêng thực tập chính pháp,
 Chuyển hóa mọi khổ đau. O

Giữ năm điều đạo đức:
 Không giết hại sự sống,
 Chân thật, không trộm cắp,
 Chung thủy trong hôn nhân,
 Không nói lời tổn hại,
 Không rượu và ma túy. O



Người đệ tử áo trắng
Thường thực tập niệm Phật,
Thường thực tập niệm Pháp,
Thường thực tập niệm Tăng,
Thường quán niệm đạo đức,
Nhờ đó, tâm thanh thoi.

Người đệ tử áo trắng
Hoan hỷ với bố thí,
Gieo trồng phước hiện tiền,
Khéo thực tập chính niệm,
Giác ngộ và giải thoát.

O

Hãy quan sát đàn bò
Có con vàng, đỏ, trắng,
Một màu hoặc có đốm;
Dù bò màu sắc gì,
Hoặc xuất xứ từ đâu,
Giá trị thật của bò,
Là ở sức chuyên chở.
Là con bò hữu dụng
Phải có sức khỏe mạnh,



Kéo xe, chuyên chở nhiều,
Giúp chủ trong công việc. O

Trong thế giới con người
Dù xuất thân thế nào,
Già trẻ hay nam, nữ
Vua chúa hay thương gia
Tu sĩ hay thường dân,
Bất kỳ ai giữ giới,
Sống trong sạch, đứng đắn,
Trở thành người đạo đức,
Khéo vượt khổ, thanh thoi,
Đạt được sự giác ngộ.
Cúng dường người như vậy
Sẽ được phước đức lớn. O

Như Lai không phân biệt
Giai cấp và nguồn gốc.
Kẻ không có tài đức
Không lợi lạc cho ai.
Cúng dường người như thế
Không có giá trị nhiều. O

Phật tử siêng tu huệ,
 Tâm hướng về Phật pháp,
 Căn lành luôn tăng trưởng,
 Hiện đời được hạnh phúc,
 Khi chết tái sinh lành,
 Qua lại trong trời người,
 Nhiều nhất là bảy lần,
 Tiếp tục tu nhân lành,
 Đạt niết-bàn giải thoát. O

Nghe Phật dạy xong, ngài Xá-lợi-phất,
 Cấp Cô Độc và năm trăm cư sĩ cảm thấy
 hân hoan, phát nguyện làm theo những
 điều Phật dạy, đồng thời phát nguyện
 truyền bá lời Phật, đem lại lợi lạc cho
 khắp mọi người. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
 (3 lần) O



3. KINH MƯỜI NGHIỆP THIỆN

NGHIỆP DO TÂM TẠO

Tôi nghe như vậy. Một thời đức Phật ở tại Long cung là Ta-kiệt-la. Có mặt với Phật, còn có tám ngàn Tỳ-kheo xuất chúng và ba mươi hai ngàn đại Bồ-tát. Tại Hội chúng này, đức Phật đã dạy về tâm tạo nghiệp và mười nghiệp thiện tuần tự như sau:

Này Ta-kiệt-la và các đệ tử, vì tâm con người và các chúng sanh suy nghĩ khác nhau nên họ tạo nghiệp hoàn toàn khác nhau, từ đó trôi lăn trong các cõi sống. Hãy hình dung xem, hình thù, màu sắc của các chúng sanh ở sông, hồ, biển hoàn toàn khác biệt. Sự khác biệt này là do chúng sanh tạo nghiệp thiện, ác từ thân, miệng, ý... chiêu lấy quả báo. O



Tâm không hình thù, không nhìn thấy được. Tâm tà tưởng vọng là sự giả dối, duyên huyễn tạo thành, không có chủ nhân, không có cái ta, không có sở hữu tùy thuộc vào ta. Biểu hiện của nghiệp vốn không giống nhau, tính chất của nghiệp thì có thiện, ác. Người tạo ra nghiệp do các điều kiện, bản chất của nghiệp không có định mệnh, số phận an bày.

Người trí hiểu rõ đặc tính của nghiệp nên gắng tu thiện, chuyển hóa thân tâm; nhờ tu tập này, thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư và các nhận thức đều được đoan chánh. Mười hai hành xứ gồm sáu giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thể và ý) và sáu đối tượng (hình thái, âm thanh, mùi, vị, xúc chạm và vật hình dung) đều được đoan chánh. Sáu loại nhận thức phát sanh ra từ mười hai hành xứ đều trong chánh niệm. Ai tiếp xúc với người tu thiện nghiệp đều rất vui thích, hân hoan, không chán. O



Này các đệ tử, thân của các Phật từ trăm ngàn ức phước đức sinh ra. Tướng vẻ trang nghiêm, hào quang sáng rực, trí tuệ chiếu soi; dù vô lượng vị Tỳ Tại Phạm Vương cũng không sánh bằng. Ai chiêm ngưỡng Phật, mắt không chói lòa, tâm được bình an. Thân của Bồ-tát trang nghiêm như Phật, đều do phước đức nghiệp thiện mà sanh. Thế giới con người, tám bộ trời rồng, các loài dưới nước, trên không, dưới đất... thân hình đẹp xấu, hình thù lớn nhỏ, hạnh phúc khổ đau... đều do các nghiệp thiện, ác tạo ra từ thân, miệng, ý. Nghiệp tạo thế nào, quả báo thế nấy, không có sai lệch.

Này các đệ tử, hãy tin nhân quả, sống với nhân quả và dạy mọi người hiểu sâu nhân quả, tránh các nghiệp ác, tu tập nghiệp thiện. Khi có chánh kiến về chuỗi nhân quả, con người không còn rơi vào tà kiến: Chết rồi là hết, định mệnh



thường hằng. Đối với ruộng phước từ ba ngôi báu, hãy nên cung kính, đánh lễ, cúng dường. Nhờ nhân tốt này, được mọi người quý. O

Này các đệ tử, các bậc Bồ-tát do tinh tấn tu một pháp đặc biệt mà dứt khổ não trong các đường ác. Đó là ngày đêm, trong từng tích tắc, quán sát pháp lành; làm cho thiện pháp tăng trưởng, phát triển; không để hào tư bất thiện xen vào. Khi trồng trọn vẹn các hạt giống thiện tức thời là lúc tất cả gốc ác đã được chuyển hóa. Thường xuyên thân cận các Phật và Bồ-tát cùng các bậc Thánh.

Này các đệ tử, thiện pháp vốn là nhân của cõi người và các cõi trời, là giống bồ-đề của A-la-hán, Thanh Văn, Duyên Giác và Độc giác Phật, là nhân dẫn đến giác ngộ vô thượng. Tất cả quả giác, hạnh phúc, an lành đều nương tựa vào pháp lành mà được.



Này các đệ tử, có mười điều lành làm nhân căn bản của phước và đức, trí tuệ, giải thoát. Ba thiện về thân là không sát sanh, trộm cắp, ngoại tình. Bốn thiện về miệng là không nói dối, không lời chia rẽ, không lời độc ác, không lời vô ích. Ba thiện về ý là không tham ái, sân hận, si mê. Nay ta lần lượt phân tích lợi ích của mười nghiệp thiện. O

MƯỜI PHÚC NHỜ KHÔNG SÁT SANH

Này các đệ tử, những người giữ được nghiệp không sát sanh sẽ được mười phước, xa lìa khổ đau, sầu lo, bất hạnh. Một là ban tặng niềm vui không sợ cho các chúng sanh. Hai là từ bi đối với chúng sanh. Ba là chuyên hóa thói quen giận dữ. Bốn là thân thể khỏe mạnh, bình an. Năm là sống lâu, sáng suốt, không lẫn. Sáu là thường được quý nhân ủng hộ. Bảy là vui vẻ trong thức và ngủ, không bị ác mộng. Tám là chấm dứt các gút

oan trái. Chín là không sợ rơi vào cõi ác. Mười là qua đời, sanh vào cõi trời. Nếu biết hồi hướng mười quả phúc này về đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, thọ mạng tự tại, tùy theo sở thích. O

MƯỜI PHÚC NHỜ KHÔNG TRỘM CẤP

Này các đệ tử, những người giữ được nghiệp không trộm cắp sẽ được mười phước, xa lìa khổ đau, sầu lo, bất hạnh. Một là giàu sang, tài sản không bị lửa cháy, lụt trôi, giặc cướp, vua thu, người thân phá của. Hai là uy tín, được nhiều người mến. Ba là nhờ phước, không bị lừa gạt. Bốn là thân sơ tỏ lời khen ngợi. Năm là không lo sợ tổn hại nào. Sáu là danh thơm, tiếng tốt đồn xa. Bảy là không sợ luật và đông người. Tám là tài sản, nhan sắc, tuổi thọ, sức khỏe, an vui. Chín là có lòng thương người, bố thí. Mười là qua đời, sanh về cõi trời. Nếu biết hồi hướng mười quả phúc này về



đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, được trí tuệ lớn, thanh tịnh, vô cầu. O

BỐN PHÚC NHỜ KHÔNG NGOẠI TÌNH

Này các đệ tử, những người không phạm tà dâm, ngoại tình được bốn lợi ích, người trí ngợi khen. Một là giác quan hài hòa, gia đình hạnh phúc. Hai là thoát khỏi lo lắng, sợ hãi. Ba là được đời hết lời khen ngợi. Bốn là bạn đời không bị truyền nhiễm, tổn hại, khổ đau. Nếu biết hồi hướng bốn quả phúc này về đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, được tướng ân tàng của bậc giác ngộ và Đại trượng phu. O

TÁM PHÚC NHỜ KHÔNG LỪA DỐI

Này các đệ tử, những người từ bỏ các nghiệp nói dối, được tám lợi ích, người trí ngợi khen. Một là hơi miệng tỏa ra mùi thơm, sạch như hoa sen. Hai là uy tín, được đời tín phục. Ba là mọi người kính nể, thương quý. Bốn là dùng lời dịu

dàng, nâng đỡ, cứu giúp mọi người. Năm là ý vui, ba nghiệp trong sạch. Sáu là lời nói không bị lầm lẫn, tâm luôn hoan hỷ. Bảy là nói lời lịch sự, tôn trọng, được người nghe theo. Tám là có trí, không ai qua mặt. Nếu biết hồi hướng tám quả phúc này về đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, liền được chân ngữ của đức Như Lai. O

NĂM PHÚC NHỜ KHÔNG NÓI HAI LƯỠI

Này các đệ tử, người lìa bỏ được nghiệp nói hai lưỡi, được năm phước lành, không thể phá hoại. Một là thân thể không bị tật nguyên. Hai là quyền thuộc sum vầy, hòa thuận. Ba là uy tín tăng trưởng theo nghiệp. Bốn là đức hạnh, tu hành kiên cố. Năm được thiện hữu, không bị lừa dối. Nếu biết hồi hướng năm quả phúc này về đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, được quyền thuộc tốt, tà ma ngoại đạo không thể phá hoại.



TÁM PHÚC NHỜ KHÔNG NÓI ĐỘC ÁC

Này các đệ tử, ai xa lìa được các nghiệp ác khẩu, được tám phước lành. Một là lời nói không trái pháp quy. Hai là lời nói luôn mang lợi lạc. Ba là lời nói hợp lý, logic. Bốn là lời nói đẹp lòng người nghe. Năm là lời nói được người lắng nghe. Sáu là lời nói được người tin dùng. Bảy là lời nói không bị chê trách. Tám là lời nói mọi người yêu mến. Nếu biết hồi hướng tám quả phúc này về đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, đầy đủ âm thanh tuyện hảo của Phật. O

BA PHÚC NHỜ KHÔNG NÓI LỜI VÔ ÍCH

Này các đệ tử, ai xa lìa được các lời vô ích, được ba chắc chắn. Một là chắc chắn được người trí mến. Hai là chắc chắn đối đáp nhanh trí. Ba là chắc chắn tăng trưởng uy tín, không bị dối trá. Nếu biết hồi hướng ba quả phúc này về đạo

giác ngộ, khi chứng quả Phật, được Phật thụ ký, là điều chắc chắn. O

NĂM PHÚC NHỜ KHÔNG THAM DỤC

Này các đệ tử, ai xa lìa được các tâm tham dục, được năm tự tại. Một là ba nghiệp luôn được tự tại, giác quan đầy đủ. Hai là của cải luôn được tự tại, không bị cướp đoạt. Ba là phúc đức luôn được tự tại, ước gì được đó. Bốn là uy quyền luôn được tự tại, được hiến vật quý. Năm là vật dụng hơn chỗ mong cầu, do không bỏn xẻn, ganh tỵ, ghen ghét. Nếu biết hồi hướng năm quả phúc này về đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, chúng sanh ba cõi thường luôn tôn trọng, cung kính, cúng dường. O

TÁM PHÚC NHỜ KHÔNG SÂN HẬN

Này các đệ tử, ai xa lìa được cái tâm giận dữ, được tám pháp hỷ. Một là có tâm không tổn hại ai. Hai là có tâm hòa bình, vui thuận. Ba là có tâm không gây kiện cáo.



Bốn là có tâm chân thực, nhu hòa. Năm là có tâm từ bi của Thánh. Sáu là có tâm làm việc lợi lạc. Bảy là thân tướng đoan nghiêm, người mền. Tám là hòa nhẫn, sớm sanh Phạm thiên. Nếu biết hồi hướng tám quả phúc này về đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, được tâm vô ngại của Phật, Bồ-tát, người nhìn không chán. O

MƯỜI PHÚC NHỜ KHÔNG SI MÊ

Này các đệ tử, ai xa lìa được các tâm tà kiến, được mười công đức. Một là vui thích việc thiện, bạn thiện. Hai là tin chắc nhân quả đạo đức, quyết không làm ác. Ba là nương tựa Phật, Pháp và Tăng; không thờ Thượng đế và các thần linh. Bốn là tâm thẳng, công bằng, không còn lưới nghi những điều tốt, xấu. Năm là tái sanh làm người và trời, không vào đường ác. Sáu là phúc đức, trí tuệ tăng trưởng. Bảy là xa lìa mê tín, dị đoan; tu hành Thánh đạo. Tám không chấp thân, dứt

các nghiệp ác. Chín là thành tựu trí tuệ vô ngại. Mười là không rơi vào những cảnh tai nạn. Nếu biết hồi hướng mười quả phúc này về đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, trí tuệ vô ngại, thần thông tự tại.

Này các đệ tử, đang khi tu đạo, nếu có người nào xa lìa nghiệp sát, thường hành từ bi, thương loài hữu tình, thích ban mạng sống, xây dựng hòa bình, bảo vệ thiên nhiên, thì kẻ oán thù không thể hại được, hết nghiệp chết yểu, sống thọ, khỏe mạnh, sáng suốt, an vui. O

Nếu có người nào bỏ nghiệp trộm cắp, tôn trọng sở hữu, những gì không cho thì không được lấy; thích hạnh bố thí, giúp đỡ, cúng dường thì được giàu sang, tài sản đầy đủ, không thiếu thứ gì, không bị hư hại, đầy đủ tri thức về giáo pháp Phật, hành trì an vui.

Nếu có người nào không dính ngoại tình, từ bỏ tà dâm, giữ gìn tiết hạnh, chung



thủy vợ chồng, không xâm hại ai, không đem lòng dục nhìn ngó người khác, quan tâm chăm sóc người bạn đời mình và các con cái, chăm sóc hạnh phúc của cả gia đình sẽ sống hạnh phúc vợ chồng trăm năm, thoát khỏi sợ hãi và nhiều tai họa.

Nếu có người nào bỏ nghiệp dối trá, nói lời chân thật, tôn trọng chân lý, tránh lời hủy báng, chỉ trích, gây sự; luôn nói lời ngay, bảo vệ chánh pháp, giữ nguyện của mình thì quyết định đạt nhiều hạnh phúc lớn, không bị vu khống, không bị gièm pha. O

Nếu có người nào bỏ nghiệp ly gián, không nói chia rẽ; nói lời hòa hợp, xây dựng đoàn kết, nối kết tình thương, thì được quả phước quyến thuộc thuận hòa, đồng chí nguyện tốt, không gặp ngang trái, không bị tranh chấp, không vướng kiện tụng; thân tâm thoi thới.

Nếu có người nào không nói lời ác, văng tục, nguyện rửa, chửi bới quát tháo,

chì chiết nặng nhẹ, ngữ điệu khó nghe, ngôn ngữ vô duyên thì được phước báo tăng trưởng uy tín, được người lắng nghe, không chút trái nghịch, đạt niềm vui lớn.

Nếu có người nào từ bỏ tán dóc, không lời vô ích, từ bỏ thị phi thì được phước báo mọi người tin tưởng, thể hiện kính trọng, không ai ngờ vực, đạt lợi ích lớn.

Nếu có người nào từ bỏ tham ái (đam mê hưởng dục, đam mê tái sanh, thích sự kết liễu), không còn tham lam bất cứ cái gì vốn là phi pháp; không còn bòn xẻn, ganh tỵ, tật đố; thường thí bố thí, tặng biếu sở hữu, giúp người cứu đời thì được phước báo uy lực tăng trưởng, niềm tin kiên cố, buông được chấp mắc.

Nếu có người nào từ bỏ sân hận, không còn bực tức, hiềm khích, bất mãn; không thương tổn ai, không xúc phạm ai, từ bỏ bạo lực và các khủng bố... thì được phước báo tâm trí vô ngại, không có kẻ thù, các



căn trang nghiêm, người thấy đều thích.

Nếu có người nào chuyển hóa si mê, mê tín, dị đoan; không còn tà kiến, thoát khỏi do dự và tâm ba phải... thì được phước báo tăng trưởng chánh kiến, luôn biết chăm sóc tâm bồ-đề lớn, hiểu rõ nhân quả, kính tin Tam Bảo, ứng xử chân chính, hạnh phúc tràn đầy. O

Này các đệ tử, khi tu BỒ-tát, làm mười nghiệp lành, siêng năng bố thí, chắc chắn đạt được nhiều lợi ích lớn, nay và mai sau.

Ai dùng giới đức trang nghiêm hạnh phúc, một lòng hướng về nghĩa lợi Phật pháp, thực tập nguyện lớn chắc chắn đạt được nhiều quả phúc lớn. Ai dùng kham nhẫn trang nghiêm bản thân được viên âm Phật, đủ các tướng tốt. Ai dùng tinh tấn trang nghiêm phước đức sẽ phá ma quân, vào pháp tạng Phật. Ai dùng thiền định trang nghiêm cõi tâm sẽ có chánh niệm, lương tâm, khinh an, trí tuệ sâu xa.



Ai dùng trí tuệ trang nghiêm cuộc sống sẽ dứt phân biệt, không còn vọng tâm, quét sạch tà kiến.

Ai dùng từ bi trang nghiêm hạnh phúc thì không còn tâm não hại một ai; thương xót chúng sanh, không hề phân biệt, cũng không bỏ sót. Ai dùng hoan hỷ trang nghiêm tấm lòng thì không ganh ghét người tu học thiện. Ai dùng buông xả xử lý khổ đau trước cảnh thuận nghịch, tâm được bình an, không còn buồn giận.

Ai dùng chính niệm trang nghiêm thân tâm sẽ không rời bỏ pháp tứ niệm xứ: Quán thân, cảm giác, tâm và ý niệm. Ai biết sử dụng bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự trang nghiêm cuộc sống sẽ giáo hóa được vô số chúng sanh. Ai dùng tinh tấn để tự trang nghiêm thì sẽ dứt sạch các pháp xấu ác, thành tựu thiện nghiệp, sống trong hạnh phúc. O

Ai dùng thần túc để tự trang nghiêm thì thân và tâm nhẹ nhàng, vui vẻ. Ai dùng



năm căn hay dùng năm lực (bao gồm tín, tấn, niệm, định và tuệ) trang nghiêm cuộc sống thì niềm tin vững, tinh tấn, không mê, không còn oán thù, dứt các phiền não, vắng lặng, điều thuận; không gì hại được. Ai dùng bảy giác (bao gồm Trạch pháp, tinh tiến, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm, thiền định, hành xả) trang nghiêm đạo hạnh sẽ sớm giác ngộ bản chất các pháp.

Ai dùng tám chính (tâm nhìn chân chính, tư duy chân chính, lời nói chân chính, hành động chân chính, nghề nghiệp chân chính, chính niệm, chánh định) trang nghiêm tự thân sẽ được trí tuệ, giải quyết vấn nạn, hiện tại an vui. Ai dùng phương pháp thiền chỉ và quán trang nghiêm tâm thức sẽ rõ thực tướng của các sự vật. Ai dùng phương tiện giúp người cứu đời sẽ chóng thành tựu niềm vui niết-bàn. O



Này các đệ tử, tu tập trọn vẹn mười nghiệp thiện này sẽ giúp thành tựu mười năng lực lớn, bốn pháp vô úy, mười tám bất cộng, tất cả Phật pháp đều được viên mãn. Vì thế ta khuyên tất cả mọi người siêng năng thực tập mười nghiệp thiện này.

Ví như thành trì, phố xá, làng xóm, nhà cửa, cây cối... đều nương địa cầu để an trụ vững và được tăng trưởng. Tương tự như thế, mười nghiệp thiện này, tất cả con người, chư thiên, Thanh Văn, Duyên Giác, Độc Giác và các Bồ-tát, hết thảy Phật pháp đều nương nền tảng mười thiện mà thành. Không đạt mười thiện không thể hạnh phúc, giác ngộ, giải thoát.

Phật vừa dứt lời, vua Ta-kiệt-la, tất cả mọi người vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thực tập, truyền bá kinh này. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O

4. PHẬT NÓI KINH TÁM ĐIỀU TRAI GIỚI

BA LOẠI TRAI GIỚI

Tôi nghe như vậy. Một thời đức Phật ở điện Thừa Tướng, thuộc thành Xá-vệ, mẹ quan Thừa Tướng là bà Duy-da và các con dâu đến thăm viếng Ngài. Sau khi lễ Phật, họ ngồi một bên, thỉnh Phật tuyên thuyết các lợi ích của Bát quan trai giới.

Này bà Duy Da, về trì trai giới có ba nhóm loại: Một là trì trai như người chăn trâu. Hai là trì trai như đạo hỏa thể. Ba là trì trai đúng với của Phật pháp. O

Thế nào gọi là trì trai giống như những kẻ chăn trâu? Những kẻ mục đồng thường mong ước được nước sạch, cỏ xanh cho trâu ăn uống. Chiều về họ



ngũ cánh đồng phong nhiều, để vào ngày mai lửa trâu đến đó. Công việc của họ là chăn và lừa, cho ăn, lấy sữa. Tương tự, nam nữ đã nhận trai giới lại bận tâm vào tham dục, sản nghiệp, thức ăn ngon ngọt, để làm thỏa mãn cái tâm ham thích. Tiếp nhận trai giới như cách vừa nêu không được lợi lạc và thiếu sáng suốt. O

Thế nào gọi là trì trai giống như tu đạo lõa thể? Vào những ngày rằm, người theo đạo này nằm sát xuống đất, tiếp nhận trai giới, họ lạy thần linh trong mười cây số và cầu nguyện rằng: “Hôm nay ngày trai, tôi không làm ác, tôi không dám nói có nhà của người hay nhà của mình, tôi không thân quen; vợ, con, tôi tớ không phải sở hữu, tôi không phải là chủ nhân của họ.” Cách làm như thế chẳng qua chỉ là loại học văn sang mà chữ thì hèn, không có thực tâm. Qua sáng hôm sau, đâu cũng vào đấy, không chút thay đổi



tâm tánh, thói quen. Trì trai như thế không lợi ích lớn do thiếu sáng suốt. O

Thế nào gọi là trì trai chân chính đúng với pháp Phật? Phật tử thuần thành, mỗi tháng sáu ngày, tiếp nhận tám giới với tâm thanh tịnh, thực hành nghiêm túc, làm mới thân tâm, mang lại hạnh phúc, an lạc dài lâu. O

TÁM ĐIỀU TRAI GIỚI

Trai giới thứ nhất trong một ngày đêm, như bậc chân nhân, thương tưởng chúng sanh, không gieo sát nghiệp với người, thú vật và loài côn trùng; không dùng dao, gậy giết hại chúng sinh; góp phần xây dựng thế giới hòa bình, xã hội an vui; hết lòng thực tập giới này thanh tịnh.

Trai giới thứ hai trong một ngày đêm, như bậc chân nhân, chuyển hóa lòng tham, từ bỏ trộm cắp, những gì không cho thì không được lấy; tôn trọng sở



hữu của những người khác; thích hạnh bố thí, chia sẻ giúp người; khi tặng biếu ai rất là trân trọng, không gây mặc cảm; cho không mong cầu đền đáp về sau; bỏ tâm tham lam, keo kiệt, bủn xỉn; hết lòng thực tập giới này thanh tịnh.

Trai giới thứ ba trong một ngày đêm, như bậc chân nhân, không có dâm ý, không vướng dục lạc, không màng tính dục, không thích nhan sắc; tu hạnh thanh cao; hết lòng thực tập giới này thanh tịnh.

Trai giới thứ tư trong một ngày đêm, như bậc chân nhân, không nói vọng ngữ, tâm niệm chân chính, ngôn ngữ chân thật, không lời dối gạt, miệng tâm khớp nhau, nói gì làm nấy, làm gì nói nấy; hết lòng thực tập giới này thanh tịnh.

Trai giới thứ năm trong một ngày đêm, như bậc chân nhân, không uống rượu bia, ma túy, thuốc lá và độc tố khác; tâm không mê loạn, không bỏ chánh niệm, ý



không buông lung, hạnh luôn đoan chánh; hết lòng thực tập giới này thanh tịnh.

Trai giới thứ sáu trong một ngày đêm, như bậc chân nhân, không trang sức phẩm, không xúc nước hoa, không xoa phấn sáp, không ăn mặc đẹp; không ca, hát, múa; hết lòng thực tập giới này thanh tịnh.

Trai giới thứ bảy trong một ngày đêm, như bậc chân nhân, không nằm giường nệm sang trọng đắt tiền, không ngủ quá nhiều; sống ngày giản dị; vui với Phật pháp; hết lòng thực tập giới này thanh tịnh.

Trai giới thứ tám trong một ngày đêm, như bậc chân nhân, ăn uống đúng thời, sau Ngọ không ăn; tiết chế ăn uống, làm nhẹ thân thể; vui với Phật pháp; hết lòng thực tập giới này thanh tịnh. O

THỰC TẬP NĂM NIỆM

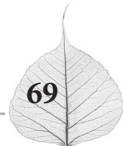
Này các đệ tử, đó là tám giới mà những người đời tập tu một ngày như người



xuất gia. Để ngày trỉ trai được quả phúc lớn, người nhận trai giới cần luôn ghi nhớ năm niệm sau đây.

Một là niệm Phật với mười đức hiệu: “Phật là Như Lai, là bậc Chí chân, bậc Chánh đẳng giác, bậc Minh hạnh túc, bậc Thế gian giải, bậc Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, bậc thầy trời người, là bậc Thế Tôn.” Nhờ tâm niệm Phật, trạng thái ngu si, ác ý, phẫn nộ và các bất thiện đều không khởi lên; tâm thiện lớn mạnh, vui với nghiệp Phật, đức lành tăng trưởng, được người quý mến; như người gội đầu trừ sạch gàu bần. O

Hai là niệm Pháp là trí tuệ lớn, soi sáng thế giới, xóa tan khổ đau, mang lại hạnh phúc. Giáo pháp rất nhiều, gồm trong ba bảy yếu tố giác ngộ: Bốn điều quán niệm, bốn thứ tinh tấn, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy chi giác ngộ và



tám chánh đạo. Nhờ tâm niệm pháp ta có giải pháp thoát mọi khổ đau. O

Ba là niệm Tăng, đoàn thể xuất gia, bốn đôi tám bậc, có lý tưởng lớn, học tu Phật pháp, tỏ ngộ Phật tuệ, chứng đắc đạo quả hoặc đang trên đường chứng đắc đạo quả, từ quả thứ nhất đến A-la-hán. Tăng đoàn đạt được đạo đức, thiên định, trí tuệ và tuệ giải thoát; đầy đủ các hạnh, tròn đầy thánh đức; đáng làm ruộng phước cho đời gieo trồng. Nhờ niệm Tăng đoàn, các nghiệp si mê, ác ý, phần nộ đều được trừ sạch, tâm hoan hỷ sanh, vui thích việc thiện. Như lấy tro chín giặt tẩy áo quần không còn nhớ bẩn. O

Bốn là niệm Giới. Khi đã tiếp nhận giới luật của Phật, nên giữ trọn vẹn, không tạo tỳ vết, không để thiếu sót, giữ gìn trang nghiêm và luôn miên mật; tâm không dao động, thân không phóng túng; tất cả việc làm đều hợp trí tuệ, không hề



hôi hận; không còn phân biệt, dùng tâm bình đẳng giáo hóa, độ người; điều phục đại chúng theo đường đạo đức; tâm luôn hoan hỷ, sống trong an lành. Ví như mài gương, phẳng lì, sáng tỏ, chiếu soi các vật. Người giữ giới hạnh, thân tâm thanh tịnh, an lạc tràn đầy. O

Năm là niệm Thiên, gồm Tứ thiên vương, Đạo lợi, Diêm ma và trời Đâu suất, cùng nhiều trời khác. Nên hiểu tin rằng tái sinh cõi thiên là do thực tập chánh tín, giới hạnh, bố thí, trí tuệ... và nhiều nghiệp lành. Ví như châu báu, chiếu tan tối tăm, mang lại ánh sáng. Người niệm chư thiên, tăng thêm niềm tin về nhân quả lành, vững đường đạo đức. O

LỢI ÍCH THỰC TẬP

Này các đệ tử, những ai thực tập trọn vẹn tám giới và năm tâm niệm vừa được nêu trên, hiện đời an lạc do dứt bất thiện, tăng trưởng điều lành, phát triển tâm



linh, chúng đạt niết-bàn; đến khi qua đời, sanh về cõi lành hoặc các cõi trời. Những người có trí ra sức thực tập, chuyên tâm làm phúc, chuyển hóa khổ đau.

Này bà Duy-da và các đệ tử, phước và an lành của ngày thực tập Bát quan trai giới đáng được khen ngợi, còn vượt trội hơn tài sản, của báu của mười sáu nước gộp lại cùng nhau. O

Tuổi thọ cõi trời dài lâu không xiết. Có những cõi trời, một ngày một đêm bằng năm mươi năm ở địa cầu này. Tại cõi Tứ thiên, người sống rất thọ, đến năm trăm năm, bằng trên địa cầu chín trăm vạn năm. Giữ Bát quan trai trọn vẹn trang nghiêm sẽ được tái sanh về các cõi trời. Cả một trăm năm trên địa cầu này chỉ bằng một ngày trên trời Đao lợi. Người ở Đao lợi thọ một nghìn tuổi bằng trên dương gian ba nghìn sáu trăm vạn năm dài dằng. Hai trăm năm dài trên địa cầu



này chỉ bằng một ngày của cõi Diêm thiên. Tuổi thọ của người trên cõi Diêm thiên dài hai ngàn tuổi, bằng trên trần gian một ức năm nghìn hai trăm vạn năm. Cả bốn trăm năm trên địa cầu này chỉ bằng một ngày của trời Đâu-suất. Người trời Đâu-suất thọ bốn nghìn tuổi, bằng trên trần gian đến sáu ức tám trăm vạn năm dài... Chênh lệch thời gian ở địa cầu này với các cõi trời là vô cùng lớn, không thể kể hết. Người giữ trang nghiêm Bát quan trai giới, đầy đủ chánh tín, thực tập bố thí, phát triển trí tuệ, đến khi qua đời sẽ được sanh về các cõi trời ấy, tùy theo phước báu của mình đã tạo, để hưởng an lạc, dài lâu vô cùng. O

Nói về việc thiện thì nhiều không xiết. Trong pháp hội này, ta chỉ lược nói một vài trường hợp. Ai làm việc thiện, sống được hạnh phúc, chết thì nhẹ nhàng, tái sanh cõi lành, hoặc các cõi trời, để hưởng hạnh phúc, an lạc dài lâu.



Phật vừa dứt lời, quý bà Duy-da và người có mặt vô cùng hoan hỷ, đánh lễ Thế Tôn, tán dương việc thiện, phát nguyện tiếp nhận Bát quan trai giới sáu ngày mỗi tháng, đồng thời phát nguyện nỗ lực làm phúc, giúp người cứu đời, không hề thoát lui. Mọi người hạnh phúc, giữ gìn trai giới. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O



5. KINH NHÂN QUẢ ĐẠO ĐỨC

TU SAI PHƯƠNG PHÁP

Tôi nghe như vậy. Có một thuở nọ, tại chùa Kim Sư, thuộc thành Vương Xá, có ông Thuần-đà đến đánh lễ Phật. Nhân đó, đức Phật ôn tồn hỏi ông: “Hiện ông ưa thích pháp tu tập nào, của các Sa-môn hay Bà-la-môn?”

Thuần-đà bạch Phật: “Kính bạch Thế Tôn, con kính Sa-môn và Bà-la-môn thờ Ísvara, vị thần sáng thế, một tay cầm trượng, tay cầm bình nước. Thần này dạy rằng: “Ngày rằm mỗi tháng, dùng chất hồ-ma và am-ma-la để gội đầu tóc, mặc áo trắng đẹp, đeo tràng hoa dài, giữ gìn trai giới, rồi nằm trên đất có trét phân bò. Sáng sớm ngày rằm, tay sờ vào đất rồi nói như sau: ‘Đất này trong sạch, tôi cũng

trong sạch.’ Tay cầm phân bò với nắm cỏ tươi, miệng nói như sau: ‘Phân cỏ trong sạch, tôi cũng trong sạch.’ Chúng con được dạy: ‘Ai làm như vậy sớm được trong sạch; không làm điều này sẽ bị bất tịnh.’ Từ đó trở đi, con kính Sa-môn và Bà-la-môn tu hạnh trong sạch vừa được trình bày”.

O

NGHIỆP QUẢ ĐEN TRẮNG

Nhân đó đức Phật dạy ông Thuần-đà và người có mặt nhân quả đạo đức như lời sau đây.

Này các đệ tử, có loại nghiệp đen tạo quả báo đen; có nghiệp bất tịnh cho quả bất tịnh, cũng như gánh nặng thì luôn chúc xuống. Đây là quy luật của nhân và quả với sự báo ứng. Nếu ai đã tạo nghiệp đen, bất tịnh thì dù hàng ngàn những cái sớm mai lấy tay sờ đất, miệng niệm ‘thanh tịnh’ vẫn bị bất tịnh, nếu không thực tập chuyển nghiệp bất tịnh. Ai cầm



phân bò với nắm cỏ xanh mà nói thanh tịnh thì trên thực tế vẫn là bất tịnh, ngay cả tình trạng chưa đựng đến phân, bản chất của phân cũng đã ô nhiễm và bất tịnh rồi. O

BA ĐIỀU ÁC CỦA THÂN

Này các đệ tử, có ba điều ác do thân tạo tác, mang lại khổ đau, gây nhiều tổn thất. Một là sát sanh, bất cứ người nào tay tanh mùi máu, tâm thích đánh đập, sát hại, bạo động, không chút hổ thẹn, tham lam, keo kiệt, hành hạ chúng sanh, bao gồm con người, động vật, côn trùng... là đang gieo nghiệp sát sinh, hại vật. Hai là trộm cắp tài vật của người, của làng, của nước, từ vật nhỏ nhoi cho đến đất đai là phạm pháp luật. Ba là tà dâm, dùng sức cưỡng bức, làm việc tà vạy đối với những người được bảo hộ bởi cha mẹ, anh em, chị em, chồng vợ, hoặc là thân quyến... là phạm luật pháp, trái với đạo đức. O

BỐN ĐIỀU ÁC CỦA MIỆNG

Này các đệ tử, có bốn điều ác do miệng tạo tác. Một là vọng ngữ, nói không chân thật ở chốn công đường hoặc với người khác, không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, không nghe nói nghe, nghe nói không nghe, biết nói không biết, không biết nói biết, hoặc vì tài lợi, hoặc vì quyền lợi, hoặc lý do nào... đều là phạm pháp. Hai là lưỡng thiệt, nói lời chia lìa, đem chuyện đầu này đến nói đầu kia, tạo sự mâu thuẫn, chống đối lẫn nhau, gây mất đoàn kết. Ba là ác khẩu, buông lời chửi bới, mắng nhiếc gắt gao, cộc cằn, thô lỗ, thề cay rửa độc, cho người khổ đau. Bốn là lời phiếm, nói không thực tế, lời nói vô nghĩa, lời nói phi pháp, nói thiếu suy nghĩ, nói không đúng lúc, nói lời tán dóc. O

BA ĐIỀU ÁC CỦA TÂM

Này các đệ tử, có ba điều ác do tâm tạo tác, mang lại khổ đau, bất hạnh lâu



dài. Một là tham lam, chỉ biết thỏa mãn khoái lạc giác quan; uống ăn vô độ, chơi bời hưởng thụ, tiêu xài phung phí. Lòng tham ích kỷ hại mình hại người, vi phạm luật pháp, trái với đạo đức. Hai là sân hận bao gồm giết chóc, đả thương, phá hoại, xung đột, tranh chấp, hận thù không buông, giận tức, hờn dỗi, ganh tỵ hơn thua, tạo nghiệp khủng bố, gây bao thù oán, đứng ngồi không yên. Ba là si mê, tà kiến, điên đảo, mê tín, dị đoan, tin điều quái gở; không tin đời sau, không tin nhân quả, không tin đạo đức, không tin thiện ác; không có cha mẹ, không có hóa sinh, không có thánh nhân, không tin tiềm năng, không tin nỗ lực, chấp nhận số phận định đoạt bởi Chúa... Những điều vừa nêu đều là tà kiến, gây khổ đời này, chịu khổ đời sau. O

Này các đệ tử, mười ác nêu trên gọi là nghiệp đen tạo kết quả đen, là nhân

bất tịnh tạo quả bất tịnh. Gánh nặng khổ đau luôn luôn trút xuống đối với những người gieo nghiệp xấu ác. O

MƯỜI ĐIỀU THIỆN

Này các đệ tử, thế nào gọi là nghiệp trắng quả trắng, nhân phúc quả phúc, nghiệp tịnh quả tịnh, giúp người hưởng thụ?

Này các đệ tử, có mười điều thiện, tạo ra nhân quả báo ứng hạnh phúc. Có ba nghiệp thiện do thân tạo tác. Một là bất sát, từ bỏ giết chóc, từ bỏ vũ khí, thương xót chúng sinh, không dùng vũ lực, thương tổn, hãm hại; bảo hộ sự sống, yêu chuộng hòa bình, bảo vệ môi trường. Hai là không trộm, từ bỏ cướp giật, vật gì không cho thì không được lấy, tôn trọng sở hữu, tâm sạch không tham; khi có điều kiện, ưa thích bố thí, cứu ngặt, cứu nghèo, vượt qua khổ đau.



Ba là chung thủy, từ bỏ tà dâm, bảo hộ hôn nhân, bảo hộ hạnh phúc. O

Có bốn nghiệp thiện do miệng tạo tác. Một là phát ngôn luôn hợp sự thật, xây dựng uy tín. Hai là lời nói hòa hợp, đoàn kết, tùy hỷ lẫn nhau. Ba là nói lời lịch sự, dễ nghe, giúp người hoan hỷ. Bốn là nói lời ý nghĩa, giá trị, xây dựng hiểu biết.

Có ba nghiệp thiện do ý tạo tác. Một là lìa tham, buông xả, không dính. Hai là hết sân, bảo hộ sự sống. Ba là không si, sống với chánh kiến, tin sâu nhân quả, tin có kiếp sau, tin vào điều thiện, tin các thánh nhân.

Này các đệ tử, mười nghiệp nêu trên tạo ra quả trắng, hạnh phúc, an vui, đời này, đời sau. Bất kỳ người nào thành tựu trọn vẹn mười nghiệp thiện trên, dù có sờ đất dơ dáy, bản thủ, hoặc cầm phân bò với nắm cỏ tươi, cũng được thanh tịnh.

Phật vừa dứt lời, gia chủ Thuận-đà và người có mặt vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thọ trì, truyền bá kinh này. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O



6. LỜI VÀNG PHẬT DẠY

I. PHẨM SONG ĐỐI (*Yamaka-vagga*)

1-2. Ý làm chủ hành vi tạo tác
 Ý dẫn đầu, thiện ác tạo ra
 Nếu dùng tâm ý ác tà
 Nói năng, hành động khổ sa vào mình.
 Như xe chở lăn nhanh theo bánh;
 Bánh đi đâu, xe đến liền theo
 Mỗi khi tâm thiện đã gieo
 Quả lành trở, giống bóng đeo theo hình.

3. Ai ôm hận bị người hãm hại
 “Nó đánh tôi và chửi mắng tôi”
 “Thắng tôi, cướp đoạt của tôi”
 Nhớ hoài bất hạnh, khó nguôi hận thù.

4. Ai bỏ được hận thù bị hại:
 “Nó đánh tôi và chửi mắng tôi”



“Thắng tôi, cướp đoạt của tôi”
Hận thù tan biến, nguôi ngoai cõi lòng.

5. Trả thù hận bằng tâm oán giận
Muôn kiếp dài khóặng thành công
Từ bi chuyên hóa thù chung
Đây là định luật công bằng xưa nay.

6. Trong kiếp sống ai ngờ cái chết
Rình rập ta chẳng sót mảy may
Người nào giác ngộ điều này
Hơn thua, tranh chấp... dứt ngay tức thì.

7. Ai đắm nhiễm năm điều dục lạc
Chẳng giữ tâm, làm chủ giác quan
Uống ăn thái quá hại thân
Tánh hay lười biếng, nhọc nhằn qua loa.
Người như thế bị ma đánh bại
Cũng giống như gió thổi ngã cây.
Khổ đau, bất lực nào hay
Đều do buông thả, đắm say sắc trần.

8. Không nhiễm đắm, quán thân như uế



Giữ gìn tâm, làm chủ giác quan
Uống ăn tiết độ, siêng năng
Vững vàng như núi trước ngàn bão giông.

9. Dù khoát áo cà-sa đỉnh đạc
Mà tâm còn uế trước tham, sân
Sống không chân thật, buông lung
Làm sao xứng hạnh sa-môn sáng ngời? O

10. Ai giải phóng tham, sân, trước uế
Sống thanh cao, giữ giới nghiêm minh
Chánh chân, làm chủ được mình
Người tu như thế thật tình đáng khen.

11. “Không chân thật lại cho chân thật
Chân thật thì làm tướng dối gian”
Tà tư, tà hạnh làm nhân
Do vậy khó đạt chánh chân trong đời.

12. “Cái chân thật thì cho chân thật
Không chân thì khẳng định không chân”
Chánh tư, chánh hạnh làm nhân
Nhờ vậy đạt được chánh chân trong đời.



13. Nhà vụng lợp có nhiều lỗ dột
Một trận mưa làm ướt tả tơi.
Người không tu tập, mãi chơi
Dục tham xâm nhập, cả đời khổ đau.

14. Nhà lợp khéo, chỗ nào cũng kín
Nhiều mưa to chẳng ảnh hưởng chi.
Với người tinh tấn tu trì
Dục tham dứt sạch, có gì phải lo?

15. Kiếp này khổ, kiếp sau càng khổ
Kẻ ác gian chịu khổ hai đời
Quả sầu đeo bám khôn nguôi,
Nhớ ác, day dứt khó rời khỏi ta.

16. Kiếp này sướng, kiếp sau càng sướng
Người đức cao được hưởng phước vui
Thiện nhân trở quả còn hoài
Nhớ thiện, an lạc tràn đầy trong tâm.

17. Kiếp này khổ, kiếp sau than khổ
Gieo ác nhân phải khổ hai đời
Lương tâm dần vật tơi bời
Rơi vào cõi dữ, than hoài chẳng xong.



18. Kiếp này sướng, kiếp sau càng sướng
Làm phúc thì sung sướng hai đời
Phúc do làm thiện tuyệt vời
Sanh về cõi thiện, thanh thoi lâu dài.

19. Làu thông cả kho kinh sâu sắc
Không thực hành, phóng dật ích chi?
Khác gì như kẻ làm thuê
Chăn bò cho chủ, có gì của ta?

20. Người nói ít nhưng hành miên mật
Bỏ tham, sân; tỉnh giác, thông dong
Hai đời dính mắc không còn
Người này xứng hạnh sa-môn sáng ngời. O

II. KHÔNG PHÓNG DẬT (*Appamāda-vagga*)

21. Không phóng dật là con đường sống
Kẻ buông lung làm hỏng cuộc đời.
Không còn phóng dật, sáng ngời
Buông lung như kẻ chết rồi, ích chi.



22. Sống bất tử với đường tỉnh thức
Thói buông lung là vực tử sanh.
Định thiền, giới hạnh, tinh cần
Ung dung đạo giác, an nhàn thân tâm.

23. Người có trí siêng tu thiền định
Luôn tinh cần thức tỉnh ngày đêm
Niết-bàn vô thượng xứng tên
Khổ đau, trói buộc không còn đeo mang.

24. Luôn tinh tấn, tự điều, chính niệm
Nương pháp màu, đức hạnh sáng trong,
Giữ mình, dứt bỏ buông lung
Tiếng lành, phước tốt gia tăng mỗi ngày.

25. Luôn nỗ lực vượt qua phóng dật
Tự điều thân, chủ các giác quan
Trí nhân như đảo vững vàng
Bão giông không thể ngập tràn được đâu.

26. Kẻ thiếu trí đam mê phóng dật
Bám nghiệp duyên, rồi gặt quả sầu
Trí nhân tinh tấn trước sau
Như gìn của báu làm giàu bản thân.



27. Cảnh hưởng thụ không thềm màng tới
Dục lạc đời chẳng luyện ái tham.
Siêng tu thiên định, chánh tâm,
Niềm vui sâu lắng đạt thành khó chi.

28. Người có trí dẹp tan phóng dật
Trên lầu cao tuệ giác nhìn trông
Không sầu khổ, hết buồn vương
Thương người ngu dưới kiếp hồng
trần kia. O

29. Sống tinh tấn giữa người
phóng dăng
Tỉnh thức luôn bên cạnh kẻ say
Trí nhân như ngựa khéo nài
Bỏ xa ngựa yếu cả bày sau lưng.

30. Như Đế Thích do tu tinh tấn
Khi tái sinh làm chủ cõi thiên
Không còn phóng dật được khen.
Đời hay chỉ trích kẻ ghiền buông lung.

31. Tâm luôn thích niềm vui tinh tấn
Sợ buông lung phá hạnh thanh cao



Tu theo pháp Phật nhiệm màu
Đốt tiêu trời buộc, sâu đau bao đời.

32. Tâm luôn thích niềm vui tinh tấn
Sợ buông lung phá hạnh thanh cao
Tu theo pháp Phật nhiệm màu
Niết-bàn sẽ chứng, khổ sâu lánh xa. O

III. PHẨM TÂM (*Citta-vagga*)

33. Tâm dao động, sâu lo, sợ hãi
Khó giữ gìn, vùng vẫy theo duyên.
Trí nhân làm thẳng tâm này
Như người thợ khéo uốn tên thẳng hàng.

34. Như tôm cá vất ngoài thủy giới
Luôn vẫy vùng hướng tới nước nguồn
Tâm tu vẫy mạnh thoát trần
Quyết lòng dẹp sạch ma quân não phiền.

35. Tâm phạm tục chuyên cảnh như khi
Theo thú vui thành thị, xóm làng.



Lành thay, làm chủ được tâm
Giữ tâm định tĩnh, bình an lâu dài.

36. Tâm vi tế, khó nhìn, khó thấy
Theo dục tham, thoải mái quay cuồng
Trí nhân làm chủ được tâm
Niềm vui nội tại phủ trùm khắp nơi. O

37. Đâu cần phải chạy xa, sống ẩn
Vào hang sâu, hóa hiện không thân.
Chi bằng điều phục được tâm
Vượt qua trói buộc của ngàn ma quân.

38. Đối với kẻ tâm không an trụ
Pháp nhiệm màu khó tỏ nguồn khơi
Niềm tin rung động, chơi vơi
Còn nguồn trí tuệ rạng ngời khó thông.

39. Khi tâm thoát dục tham, vương mắc
Buông hận thù, ganh ghét, hờn ghen
Vượt trên thiện ác nhị nguyên
Xứng hàng tỉnh thức, không còn sầu lo.



40. Thân năm uẩn như sành dễ bể
Giữ gìn tâm như thể thành trì
Vung gươm trí tuệ diệt si
Thắng ma quân xấu, chớ vì vinh quang.

41. Thân vô thường, chẳng bao lâu nữa
Nằm vô tri trong cỗ quan tài
Khi tâm thoát khỏi thân này
Thân như khúc gỗ chẳng xài vào đâu.

42. Người ác độc diệt trừ đối thủ
Kẻ oan gia trả đũa oan gia
Không bằng tâm ác hại ta
Trần luân muôn kiếp, đường tà lún sâu.

43. Cha mẹ muốn cho con hưởng phước
Thương cỡ nào, chẳng được dài lâu
Tâm lành, nhân tốt gieo sâu
Tự mình tạo dựng, quả mau lớn dần. O



IV. PHẨM HOA (*Puppha-vagga*)

44. Ai chinh phục địa cầu, thiên giới
Vượt lên trên cả cõi Diêm-ma⁽¹⁾?
Sao bằng ngộ pháp Phật-đà⁽²⁾
Như người khéo kết tràng hoa đẹp màu.

45. Bạc hũu học⁽³⁾ vượt qua trời đất⁽⁴⁾
Vượt lên trên cả cõi Diêm-ma
Lại thông chánh pháp Phật-đà
Như người khéo kết tràng hoa đẹp màu.

46. Khi tỏ ngộ thân như bọt nước
Ảo ảnh như điện chớp trên không
Bẻ tan tên của ma quân
Vượt tầm thần chết hàng ngàn dặm xa.

1. Cõi chết.

2. Đức Phật, bậc giác ngộ tuyệt đối.

3. Hũu học (*Sekha*): Người hiểu thông Phật pháp, đang trên đường tu tập giải thoát khỏi phiền não chướng và sở tri chướng, để nhập vào dòng thánh, đạt được tâm giải thoát và tuệ giải thoát.

4. Âm chi cõi người và cõi trời, tức con người ngoài hành tinh.



47. Kẻ say nhật các hoa dục lạc
Bị tử thân vây bắt, kéo lôi
Như cơn lũ dữ cuốn trôi
Cả làng trong lúc ngủ vùi đêm sâu.

48. Kẻ say nhật các hoa dục lạc
Nhiễm đấm rồi dính chặt khó buông
Ham vui chưa thỏa nguồn cơn
Tử thân đến bắt khó thương lượng gì.

49. Như ong biết bám hoa thưởng thức
Không hại gì đến sắc và hương
Giữ gìn hoa, hút nhụy xong
Cũng như bậc thánh vào làng hóa duyên.

50. Không bới móc lỗi lầm người khác
Chuyện đã làm có đạt hay không?
Nhìn mình hành động đực, trong
Vô tình, cố ý, đừng mong phạm vào. O

51. Như hoa đẹp bên ngoài hấp dẫn
Mà bên trong chẳng đậm mùi hương
Lời hay, ý tưởng lạ lùng
Không làm vô ích, đáng thương vô cùng.



52. Như hoa đẹp to tròn, hấp dẫn
Dạng hình thù, lại đượm mùi hương
Lời hay, ý tưởng lạ lùng
Có làm ắt được quả tròn mười mười.

53. Như một đồng hoa tươi các loại
Nhiều tràng hoa được kết xâu nên
Cũng vậy trong chốn hồng trần
Thân làm bao việc quý lành đáng khen.

54. Hương mật-ly⁽⁵⁾, chiêm-đàn⁽⁶⁾
thơm phức
Cả nước hoa chẳng ngược gió bay.
Hương người đạo đức thẳng ngay,
Bay xa ngược gió, tháng ngày còn thơm.

55. Hoa vũ quý⁽⁷⁾, chiêm-đàn thơm ngát
Hương già-la⁽⁸⁾, sen sắc hồng tươi

5. Hoa *Mallika*, giống như hoa lái của Việt Nam.

6. Gỗ *Gandha*, tức loại gỗ trầm hương Ấn Độ.

7. Hoa *Vassiki* có mùi thơm phức.

8. Gỗ *Tagara*, một loại gỗ thơm Ấn Độ.



Giới hương số một trên đời
Hương hoa... chỉ sánh một mùi mà thôi.

56. Hương hoa đẹp không nhiều giá trị
Cả chiên-đàn gỗ quý vậy thôi.
Hương người đức hạnh sáng ngời
Hòa cùng mây gió khắp trời ngát hương.

57. Người giới hạnh thanh cao đúng mực
Gìn thân tâm, chẳng chút buông lung
Đạt chơn giải thoát, trí thần
Quân ma không thể thấy đường tới lui.

58. Giữa bãi rác bên đường dơ bẩn
Có hoa sen thoang thoảng mùi hương.
Giữa đời phàm tục nhiễu nhương,
Có người trí tuệ, tình thương sáng ngời.

59. Giữa phàm tục, bao người đau khổ
Bởi nhiễm tham, không tỏ lý chân
Có người Phật tử thực hành
Sáng ngời trí tuệ, tỏ nguồn tâm linh. O



V. PHẨM NGU (*Bāla-vagga*)

60. Người trần trọc, đêm buồn thăm thẳm
Kẻ mỗi chân ngao ngán đường dài
Người ngu, chánh pháp ngoài tai
Luân hồi mất hút, biết ngày nào ra?

61. Trong cuộc sống, tìm mà chưa gặp
Bạn đồng hành tâm đắc, hơn mình,
Chớ nên gằn kẻ vô minh
Khổ đau, lận đận, bám rình khó buông.

62. Bệnh chấp ngã vào con, tài sản
Nào con ta, tài sản của ta...
Khổ sầu đeo bám chẳng tha
Người ngu nên hiểu: Tôi là chẳng-tôi.

63. Ai ngu dở biết mình còn dốt
Nhờ vậy mà chậm lụt hết dân
Kẻ “đần” lại tưởng mình “khôn”
“Chí ngu” như vậy không còn người hơn!



64. Người ngu tối có gần người trí
Không học theo chánh pháp chánh chân
Khác gì muông với vị canh
Trọn đời cũng chẳng thấm nhuần
vị hương!

65. Người ngu dốt khéo gần người trí
Học Phật ngôn, đạo lý hiểu rành
Cũng như lưỡi nếm vị canh
Vị hương ngon ngọt thấm nhuần
trong thân. O

66. Người thiếu trí không màng thực tập
Bản ngã thành kẻ ác hại thân
Bỏ rơi việc thiện, đức nhân
Đắng cay quả xấu đeo mang trọn đời.

67. Không hối hận việc làm bất chánh
Không vượt qua quán tính thói quen
Có ngày dầm lẹ, sâu than
Một khi quả xấu chín vàng mới hay.

68. Với việc thiện làm rồi không tiếc
Dù cho người chẳng biết đền ơn



Hân hoan, vui vẻ, đẹp lòng
Phước lành trở quả đón mừng thiện nhân.

69. Hành vi ác khi chưa trở quả
Nhiều người ngu nghĩ nó ngọt ngon
Đến khi quả xấu chín hồng
Khô đau, bất hạnh, khóc ròng ngày đêm.

70. Tu khổ hạnh năm này tháng nọ
Đứng một chân, ít ngủ, ít ăn
Một phần mười sáu chẳng bằng
Phước người thấu hiểu rõ ràng
duyên sinh. O

71. Nghiệp ác dữ chưa liền trở quả
Nhu sữa tươi đầu đã đông ngay
Thảm theo đốt cháy người sai
Nhu than hồng núp dưới hơi tro tàn.

72. Kẻ ngu muội tham danh hư ảo
Thường sống trong khổ não đêm ngày
Vận may tồn hại lâu dài
Nhức đầu, căng thẳng nhớ hoài nỗi đau.



73. Ham danh ảo chút nào tương xứng
Ngồi trước trên các hạng Tỳ-kheo
Lấn quyền ngay cả trụ trì
Muốn người nể sợ quyền uy của mình.

74. Gây ngộ nhận cả Tăng lẫn tục⁽⁹⁾
Chứng minh rằng ta tác tạo nên
Việc làm lớn nhỏ chuyên quyền...
Cống cao, tham vọng bám chuyền
người ngu.

75. Đường tục lụy dẫn về phàm tục
Đường niết-bàn nẻo giác hương về
Hiểu thông hai ngõ hết mê
Chẳng màng danh lợi, hành trì viễn ly. O

VI. PHÂM HIỀN TRÍ (*Pandita-vagga*)

76. Gặp người trí chỉ điều non kém
Lòng biết ơn, cố gắng sửa sai

9. Người tại gia.



Kết thân người trí thật hay
Đẫn đường kho báu tại ngay đời này.

77. Bậc hiền trí giúp người sửa lỗi
Bỏ đường tà, dẫn lối đường ngay
Người lành quý trọng, chấp tay
Còn phường xấu ác ghét cay vô cùng.

78. Chớ kết bạn với phường xấu ác
Kẻ dối gian, cay độc, tiểu nhân.
Hãy thân với bạn hiền lành
Học theo gương hạnh chánh chân,
sửa mình. O

79. Người có trí thấm nhuần Phật pháp
Tâm say niềm hạnh phúc cao sâu
Cõi tâm thanh tịnh, tỏ lầu
Ngày đêm an lạc pháp mầu thánh nhân.

80. Người làm ruộng làm mương dẫn nước
Còn thợ tên trau chuốt mũi tên
Thợ cây uốn ván thẳng liền
Người khôn làm chủ cái tâm của mình.



81. Như tảng đá vững vàng trước bão
Người trí hiền làm chủ cái tâm
Điềm nhiên trước cảnh phũ phàng
Khen chê chẳng động, không màng thị phi.

82. Người có trí thích nghe Phật pháp
Gìn an vui, hạnh phúc, thông dong
Như hồ sâu thẳm, nước trong
Không gì khuấy đục cõi lòng tịnh thanh.

83. Bậc hiền trí không còn chấp mắc
Người tịnh thanh bỏ được dục tham
Sống trong nghịch cảnh, thuận duyên
Tâm không dao động, vui buồn chẳng xao.

84. Chẳng vì ngã hay người nào khác
Mà tạo điều độc ác, gian tham
Chẳng vì con cái, giàu sang...
Chẳng vì ngôi vị trên ngàn muôn dân...
Người có trí công bằng, ngay thật
Giói hạnh tròn, đạo đức thanh cao
Nói theo chánh pháp cao sâu
Phát huy tuệ giác, làm giàu lương tâm.



85. Đại đa số quần quanh ba cõi
Ít có người vượt khỏi bờ mê
Đa phần chẳng chịu trở về
Con đường giác ngộ đề huề chánh chân.

86. Với những kẻ thực hành pháp Phật
Khéo giảng tuyên, tỉnh thức cõi tâm
Đến bờ giác ngộ, niết-bàn
Vẫy chào đau khổ, tử sinh bao đời.

87. Bậc hiền trí bỏ buông ái dục
Hướng tâm về tỉnh giác, niết-bàn
Không còn ngu dốt, sân, tham
Trên đường hướng thượng, căn lành
trồng sâu. O

88. Hãy vui hướng niết-bàn tịnh lạc
Không sở hữu, bỏ dục, ái, tham
Trí nhân rửa sạch nội tâm
Không còn cấu uế, đầy tràn niềm an.

89. Không chấp thủ với tâm chân chánh
Bỏ ái tham, tu bảy giác chi



Không còn lậu hoặc, vương gì
Sống trong an tịnh, sáng ngời nhân gian. O

VII. PHẨM A LA HÁN (*Arahanta-vagga*)

90. Người đã thoát đường vào sống chết
Chặt gông cùm, xiềng xích đập tan
Ưu phiền đã thoát khỏi tâm
Không còn phiền não, an nhàn đến đi.

91. Người chính niệm, tinh cần, tỉnh giác
Lìa não phiền, ái dục chẳng màng
Đó đây, vui sống độc thân
Bỏ ao, con ngỗng ngút ngàn trời cao.

92. Không màng đến tiền tài, danh vọng
Làm chủ tâm, ăn uống vừa chừng
Lòng không, vô tướng, thông dong
Xả buông chấp mắc, thoát vòng trần gian
Trời cao, chim giữa mây ngàn
Không gian mắt hút, dấu chân khó tìm.



93. Ai lậu hoặc, ái tham dứt sạch
Nhiễm đấm không, tự tại luôn luôn
“Lòng không, vô tướng, thông dong”
Như chim giữa chốn hư không khó tìm.

94. Người điều phục sáu căn, cảm giác
Như ngựa thuần tuân phục chủ nhân
Dứt trừ lậu hoặc, mạn, tham
Xứng A-la-hán giữa hàng nhân thiên.

95. Rộng như đất, tâm không oán hận
Như cột kia trước cảnh thịnh suy
Hồ tâm lắng sạch tham, si
Bậc A-la-hán sáng ngời nhân gian. O

96. Người đạt được tâm an, ý tốt
Lời lẽ lành, hạnh nghiệp đáng khen
Thông dong, trí tuệ, chánh chân
Sống trong tịnh lạc, ngập tràn an vui.

97. Không mê tín, cắt buông hệ lụy⁽¹⁰⁾

10. Cơ hội tái sinh trong luân hồi.



Rèn thức tâm, tỏ ngộ vô vi⁽¹¹⁾
Thực hành vô chấp, xả ly...
Là người tối thượng sánh vì núi cao.

98. Dù sống tại thôn quê, làng nhỏ
Hay rừng sâu, núi cả, đồi cao
A-la-hán sống chỗ nào
Thời dân nơi đó thắm sâu đạo vàng.

99. Thật thú vị, núi rừng xanh thẳm
Chỗ người phàm chẳng dám bén chân
Những người bỏ dục, lìa tham
Chọn nơi trú ngụ, chẳng màng lợi danh. O

VIII. PHẨM NGÀN (*Sahassa-vagga*)

100. Dầu có nói ngàn lời vô ích
Chẳng dính gì hạnh phúc cho đời
Chi bằng chỉ thốt ít lời
Thấm nhuần đạo lý, giúp người bình an.

11. Niết-bàn tại trần gian.



101. Dầu có đọc trăm ngàn câu kệ
Chẳng có gì liên hệ niết-bàn
Chi bằng nói pháp ngàn vàng
Nghe xong lợi lạc, bình an cõi lòng.

102. Dầu có giảng rất nhiều bài pháp
Không giúp người bỏ chấp, hết sầu
Sao bằng lời pháp nhiệm mầu
Nghe xong hạnh phúc thật lâu
trong người. O

103. Người thắng trận trước ngàn
quân giặc
Đem khải hoàn, hạnh phúc nước nhà
Chẳng bằng người thắng được “ta”
Chiến công oanh liệt, sâu xa tuyệt vời.

104. Tự chiến thắng vượt trên tất cả
Hơn kẻ thù, giặc giã biên cương
Lành thay, điều phục bản thân
Sống trong hạnh phúc, không còn sầu đau.

105. Dù quyền lực như trời, thần, quý
Hay ma vương, kẻ dữ ngang tàng



Không người có thể sánh bằng
Một người tự thắng, không còn vọng tâm.

106. Dù cúng tế hàng ngàn vàng thê
Cho thần linh, Thượng đế trăm năm
Sao bằng ủng hộ thánh nhân
Xóa mê, khai ngộ, dẫn đàng an vui.

107. Dù thờ lửa trăm năm rừng thẳm
Cũng không bằng cúng hạng chân nhân
Cúng dường người trí tốt hơn
Trăm năm tế tự mơ màng phước duyên.

108. Dù hiến tế trăm năm Thượng đế
Cầu phước lành, tuổi thọ dài lâu
Chẳng bằng được một phần tư
Lễ người chánh trực, tâm từ thường gieo.

109. Ai cung kính chân tu đạo lực
Thực hành theo; phước đức sanh sôi:
Dồi dào sức khỏe, đẹp tươi,
Sống lâu, hạnh phúc, thanh thoi
tháng ngày. O



IX. PHẨM ÁC (*Pāpa-vagga*)

116. Người có trí gấp làm việc thiện
Tránh ác gian như tránh vực sâu.
Việc lành, lần lửa, không mau,
Tâm tà dành chỗ, khổ đau tới liền.

117. Ai đã lỡ gieo trồng nghiệp ác
Đừng làm liều, tiếp tục gây thêm.
Chớ mà biện hộ, tìm quên,
Quả sâu phải gặt, xích xiềng bủa giăng.

118. Có cơ hội gieo trồng giống tốt
Nhớ siêng năng chăm sóc, làm hoài
Căn lành tăng trưởng mỗi ngày
Những ai tích phúc, nay mai an lành.

119. Kẻ làm ác quả sâu chưa trở
Chẳng phải do nhân quả không thiêng
Đến khi quả xấu kê bên
“Ác thời gặp ác”, khổ phiền ngày đêm.

120. Người gieo thiện, quả lành chưa có



Chính là do giờ trở còn xa
Đủ duyên, cây thiện trở hoa
“Ở hiền gặp phúc” hẳn là lý chân. O

121. Đừng xem nhẹ những điều ác nhỏ
Vì cho rằng chẳng có hại chi
Hãy xem nước nhỏ vào ly
Mỗi giây một giọt, li ti đầy tràn.
Người ngu tối tham, gian, ác đạo
Ngày qua ngày, gây tạo nghiệp duyên
Tâm tà, nhân xấu tăng thêm
Đến khi quả trở, triền miên muộn sầu.

122. Chớ xem thường điều lành nho nhỏ
Mà cho rằng chẳng có nghĩa gì.
Bình tràn do nước nhỏ rì
Siêng năng làm thiện sánh vì trăng sao.

123. Người sống thọ tránh xa độc dược,
Doanh nhân khôn tránh lối hiểm nguy.
Người khôn làm chủ hành vi,
Lánh xa điều ác, hướng đi an toàn.



124. Bàn tay tốt có cầm thuốc độc
Không hại ai thương tật, héo sâu.
Cũng vậy, người thiện trước sau
Không gây nghiệp ác, khổ đau cho người.

125. Kẻ xấu ác hại người đạo đức
Như bụi mù đang ngược gió bay
Khổ đau “xử” kẻ ác ngay
Quả sâu hành hạ, khó tài trốn đâu.

126. Người thiện vừa sinh từ bụng mẹ
Kẻ ác gian sa đọa cõi sâu
Thiện sinh thiên giới rất mau
Cực thiện chứng đạo thâm sâu, niết-bàn.

127. Dầu bay liệng trên trời cao vút
Hay lặn bơi mát hút biển sâu
Chui vào hang đá, đi đâu...
Cũng không trốn được quả sâu đã gieo.

128. Dầu bay liệng trên trời cao vút
Hay lặn bơi mát hút biển sâu
Chui vào hang đá, đi đâu...
Tử thần đeo bám, không sao xa lìa. O



X. PHẨM HÌNH PHẬT

(*Danda-vagga*)

129. Như quy luật, mọi người sợ chết
Sợ chiến tranh, bạo lực, tổn thương...
Đặt mình vào cảnh vô thường
Không sai người giết, cũng không tự làm.

130. Như quy luật, mọi người sợ chết
Mong bình an, hạnh phúc, sống còn
Đặt mình vào cảnh tổn vong
Không gây sát nghiệp, tổn thương
mạng người.

131. Như quy luật, ai người cầu phước
Dùng gậy dao giết chết sinh linh
Không sao hạnh phúc an bình
Đời này, đời tới tự mình khổ đau.

132. Như quy luật, những người cầu phúc
Không dùng dao hại giết một ai
Giữ tâm thương quý mọi loài
Đời này, đời tới an vui trong lòng. O



133. Người thô lỗ buông lời ác độc
Người trả đòn, hằn học chua cay
Khổ đau đến với cả hai
Lời qua tiếng lại, chẳng ai được gì.

134. Gìn chính niệm, vô thính, tĩnh lặng
Như chuông hư, tiếng chẳng ngân vang.
Với người hướng đến niết-bàn
Nội tâm thư thái, không mang hận thù.

135. Mực đồng khéo dất bò ăn cỏ
Chiều dẫn về nhà chủ nghỉ ngơi.
Cũng vậy, già chết xưa nay
Lùa vào sinh tử bao đời chẳng tha. O

136. Người ngu tối tạo ra lầm lỗi
Do chẳng rành gốc tội đã gây
Khổ đau nghiền nát đời này
Dày vò, phiền muộn, sánh tày lửa thiêu.

137-40. Dùng vũ khí, gậy dao đánh đập
Hành hạ người, trù dập tôi bời
Quả sâu mười loại sau đây:



Một là đau nhức đêm ngày rên la;
Hai, tai biến; ba là thương tật;
Bốn, độn căn, ngu ngốc, hay quên;
Năm thường lặn độn luật quan;
Sáu vương trọng tội bị oan, hiểu lầm.
Bảy, thân quyền, họ hàng ly tán
Tám, chẳng may tài sản tiêu tan
Chín là hỏa hoạn, nghèo nàn
Mười sau khi chết đọa làm súc sinh. O

141. Dù lửa thê, ngồi lì, tuyệt thực;
Không gội đầu, bện tóc rối tung...
Đừng hòng chuyển hóa tâm hồn
Nếu tâm nghi hoặc vẫn còn y nguyên.

142. Sống trang sức bằng nguồn an tịnh
Điều phục tâm, giới hạnh, kiên trì
Thương người, mến vật, từ bi
Sa-môn, phạm chí sánh vì trời cao.

143. Trong trời đất hiếm người chính niệm,
Biết giữ mình, hổ thẹn, lương tâm



Tránh lời chỉ trích, chửi thề
Cũng như ngựa giỏi chẳng cần phạt roi.

144. Như ngựa quý chẳng cần roi chạm
Sống nhiệt tâm, dũng cảm, chuyên cần
Vững tin, giới đức, thiên hành
Chọn tìm giáo pháp, thấm nhuần lý chân.
Giữ chính niệm, cùng Minh Hạnh túc
Nêu quyết tâm tam độc loại trừ,
Khổ đau kết thúc, thảo thur
Người này xứng bậc chân tu trên đời.

145. Như thủy lợi làm kênh dẫn nước
Kẻ làm tên nấp vượt cung tên
Thợ cây bào ván hai bên
Người khôn làm chủ bản thân đêm ngày. O

XI. PHẨM GIÀ (*Jarā-vagga*)

146. Cười sao được, sướng vui sao nổi
Khi lửa tham cháy rụi thế gian



Tôi tắm giăng phủ trời đêm
Sao không nỗ lực tìm đèn sáng soi?

147. Thân bề ngoài, đẹp đầy nhựa sống
Ở bên trong, một đống vết thương
Gây sâu, sao lại vẫn vương?
Thân là giả tạm, vô thường, mong manh.

148. Thân mấy chốc đã già, tàn tạ
Nơi chứa đầy bệnh khổ, hôi tanh
Vô thường tổ hợp mong manh
Chết là kết thúc, tái sinh hồng trần.

149. Thân thể này màu bò câu trắng
Nhu trái bầu, thu đến vứt đi.
Chết rồi thi thể gớm ghê
Có gì vui thích, mãi mê thân này? O

150. Ôi, thân thể như thành trì cổ
Dựng bằng xương, máu đỏ, thịt, gân
Chứa già, chết, bệnh từng phần
Công cao, lừa dối; đáng duyên nỗi gì!



151. Xe vua đẹp có ngày cũng cũ
Thân thể rồi ử rữ, tàn phai
Pháp lành trẻ mãi, còn hoài
Hãy nên khắc cốt những lời thánh nhân.

152. Trẻ ít học, già không hiểu biết
Chẳng khác gì bò đực lớn đầu
Thân to, cơ bắp, khỏe, mau
Nhưng không trí tuệ, khác nào bóng đêm?

153-4. Lang thang suốt luân hồi bao kiếp
Quyết đi tìm “ông xếp” xây nhà
Tìm hoài, tìm mãi, không ra
Tái sanh, khổ lụy, đọa sa ba đường.
- Nay ta cấm người không xây nữa
Phá cột kèo, ván cửa, rui mè...
Nay ta đã chứng niết-bàn
Ái tham, chấp thủ tiêu tan hết rồi.

155. Lúc còn trẻ chẳng màng đạo đức
Không học nghề, tự lập lo thân
Đến già gặp phải khó khăn
Như cò ử rữ, không còn cá tôm.



156. Có người trẻ chẳng rèn đức hạnh
Không luyện nghề, không lãnh tiền lương
Khi già, buồn tủi, sầu vương
Nhớ về dĩ vãng, thở than vẫn dài. O

XII. PHẨM TỰ NGÃ (*Atta-vagga*)

157. Người đánh giá bản thân là quý
Phải chính tâm bảo vệ lấy mình
Ngày đêm người trí giữ gìn
Luôn trong tỉnh thức, tịnh minh cõi lòng.

158. Người trí tuệ bản thân vững chãi
Tự chủ mình, hoàn thiện, chánh chân
Xong rồi, giáo hóa tha nhân
Sống trong gương mẫu, thế gian nể vì.

159. Người gương mẫu thực hành hoàn tất
Mới đem ra giáo dục thế nhân
Tự mình làm chủ thân tâm
Soi gương nhân cách, hạnh lành
truyền trao.



160. Người sáng suốt tự nương mình vững
Không tìm cầu, dựa dẫm vào ai
Lành thay, điều phục tâm này
Biết tự điều phục, không hai trên đời. O

161. Các điều ác do mình tạo tác
Ác do tâm, ai khác ngoài ta
Ác nhân nghiền nát người tà
Như kim cương cứng nghiền qua
đá thường.

162. Như tầm gửi bám cây Phật pháp
Người buông lung giới đức chẳng gìn
Hạnh tà chuốc họa vào thân,
Kẻ thù sung sướng thấy mình tiêu tan.

163. Làm điều ác không cần trình độ
Hãm hại ta đau khổ dễ hơn
Khó thay, làm thiện chánh chơn
Mình người lợi lạc, bình an cõi đời.

164. Kẻ ác kiến ngu si, phỉ báng
Giáo pháp hàng La-hán nhiệm màu



Hại mình như ngọn trúc lau
Ngay khi trở quả nhuộm màu diệt vong.

165. Các điều ác do mình tự tạo
Rồi vướng vào khổ não, họa tai.
Điều lành ta tạo hôm nay
Quả an vui đến sớm mai là thường.
Nên hiểu rõ sạch trong, như ướ
Hành động do gốc rễ từ tâm
Cậy nhờ tha lực khó thành
Đổ lỗi “tại, bởi” sao đành, không nên.

166. Dù phụng sự vị tha, thiết thực
Xin chớ quên thực tập lợi mình
Chuyên tâm học pháp cao minh
Hướng về giải thoát, đạt thành mới thôi. O

XIII. PHẨM THẾ GIAN (*Loka-vagga*)

167. Người sáng suốt chớ ôm tà kiến
Sống buông lung, ti tiện qua ngày.



Nghiệp tà vạy, chớ kéo dài
Được vầy, sinh tử luân hồi sớm ra.

168-9. Luôn tinh tấn không mê lạc thú
Hạnh thanh cao, tu sĩ thường ghi
Trang nghiêm giới đức, hành trì
Hai đời hưởng phúc chỉ vì tu tâm.

170. Hãy quán tưởng trong đời trần tục
Mọi thứ như bọt nước, huyễn vọng.
Đến khi ngộ lẽ vô thường
Tử thân không thể lần đường
chân nhân.

171. Cõi hồng trần đẹp tuồng ảo mộng
Như xe vua hoành tráng gấm thêu
Kẻ ngu tham đắm, chắt chiu
Người khôn tỉnh thức, chẳng yêu
nhiệm đời. O

172. Dù quá khứ buông lung, dục lạc
Nhưng về sau tỉnh thức, chuyển tâm
Làm lành, tỏa sáng trần gian



Như trăng rằm chiếu, không còn mây che.

173. Dù ngày trước gây bao tội lỗi
Nhưng hôm nay sám hối, hồi tâm
Làm lành, tỏa sáng trần gian
Như trăng rằm chiếu, không còn mây che.

174. Kẻ mù tối, thế gian đầy dẫy
Người sáng trong có mấy trên đời!
Như chim khôn chẳng vướng môi
Người tu đạo đức an vui cõi trời.

175. Như trời thăm, thiên nga uốn liệng
Có thần thông ẩn hiện không gian
Trí nhân thoát chốn hồng trần
Vượt qua ma chướng, vững vàng
đường tu.

176. Với những kẻ chẳng tôn trọng Pháp
Dùng vọng ngôn lừa lọc, rêu rao
Ghét thiện, bác bỏ đời sau...
Lún sâu đường ác, ngày nào vượt ra!



177. Kẻ keo kiệt không sanh thiên giới
Người đại ngu chẳng đoái tình thương
Người hiền thích sống thiện lương
Đời sau hưởng phúc khác thường thế nhân.

178. Chứng sơ quả thánh nhân rạng rỡ
Hơn cõi trời Thiên chủ uy quyền
Hơn Trời trong chốn càn khôn
Khó tìm trong cõi bụi hồng người hơn. O

XIV. PHẨM PHẬT ĐÀ *(Buddha-vagga)*

179. Phật chiến thắng hoàn toàn cõi trược
Tham ái trừ, tuệ giác sâu ngằn
Không lưu dấu vết trần gian
Đố ai vẽ được bước chân vượt đời.

180. Bậc giải thoát lưới tham, ái dục
Hết tái sanh, tuệ giác sâu ngằn
Không lưu dấu vết trần gian
Đố ai vẽ được bước chân vượt đời.



181. Người có trí thiên hành, tinh tấn
Tìm niềm vui trong hạnh viễn ly
Đêm ngày tỉnh thức luôn khi
Trời người kính trọng, sánh vì trăng sao.

182. Thật hạnh phúc, làm người nhân đức
Quả khó thay, sống thật tịnh thanh
Khó thay, nghe pháp, thực hành
Khó thay, gặp Phật chứng thành quả cao.

183. Mọi hoàn cảnh không làm bất thiện
Dù khó khăn, phát triển nhân lành
Luyện tâm, rèn ý tịnh thanh
Là lời Phật dạy đành rành xưa nay.

184. Tu nhẫn nhục: Khổ hành đáng quý
Đạt niết-bàn: Quả vị tối cao
Chúng sinh: Chẳng hại tư hào
Hạnh sa-môn ấy cao sâu khó bàn. O

185. Không phỉ báng, không làm thương tổn
Làm chủ mình, giới bốn vẹn toàn
Điều hòa ăn uống, định thiền
Sống đời an tịnh, không phiền một ai.



186-7. Dù mưa rải bạc vàng chưa thỏa
Lòng dục tham không đáy xưa nay
Trí nhân hiểu rõ điều này
Khổ nhiều, vui ít, không sai bao giờ.
- Ngộ lẽ ấy, người tu học Phật
Chẳng đam mê dục lạc người, trời
Quyết lòng chuyển hóa, thanh thoi
Không còn tham ái, rạng ngời nhân gian.

188-9. Trong nguy khổ, người tìm
nương tựa
Hoặc thần linh, rừng rú, non cao,
Miếu, đình, cây, vật, hang sâu,
Vái van, hiến tế, mong sao an lành.
- Nương tựa ấy hoàn toàn vô bổ
Tìm loanh quanh, nhiều chỗ bất an
Khổ đau còn đó, chưa tan
Chỉ do mê tín, chẳng thành tựu chi.

190. Người có phước, tìm về Tam bảo
Phật, Pháp, Tăng quý báu khó hơn
Khó khăn, bất hạnh tựa nương



Dùng Bốn chân lý làm phương thoát nạn.

191. Thấy đau khổ, nguyên nhân gây khổ
Thấy niết-bàn, thánh lộ tám ngành
Đưa người đến chốn bình an
Không còn bất hạnh, trần gian
muộn phiền. O

192. Nương tựa ấy tạo nên quả phước
Nguồn tâm linh, thể đạt an vui
Người khôn nương tựa đời đời
Vẫy chào đau khổ, thanh thoi cuộc đời.

193. Bậc trí tuệ vun bồi giới đức
Tìm khắp nơi hiếm được một người
Chỗ nào có bậc trí tài
Xóm làng hạnh phúc, cuộc đời bình an.

194. Ôi hạnh phúc, Như Lai thị hiện
Pháp cao siêu lẫn chuyển khắp nơi
Tăng đoàn hòa hợp đạo đời
Bốn hàng đệ tử cùng vui tu hành.



195. Biết lễ kính những người đáng kính
Phật, thánh hiền đức hạnh thanh cao
Những người chướng ngại sạch lầu
Não phiền dứt sạch, khổ đau giã từ.

196. Nhờ cung kính chân tu quảng đại
Bậc tịnh an, tự tại thấy nghe,
Không còn sợ hãi, sầu, mê,
Phước lành mỹ mãn đề huề bên ta. O

XV. PHÂM AN LẠC *(Sukha-vagga)*

197. Phúc thay sống giữa người thù hận
Lòng thanh thoi, chẳng giận hờn ai
Lành thay, sống giữa chua cay
Không hề oán hận, nguôi ngoai cõi lòng.

198. Phúc thay sống giữa người đau bệnh
Chẳng hề chi, khỏe mạnh tám thân,
Lành thay, sống giữa nguy nan
Bình an, vô sự, an toàn trước sau.



199. Phúc thay sống giữa người khát dục
Lòng dừng dưng, gạn đục khơi trong.
Lành thay, sống giữa vô thường
Lòng không ham muốn, không vương
khổ sầu.

200. Phúc thay sống giữa người
chấp hữu
Gìn vô tham, vô ngã, không sầu.
Cõi lòng an lạc vô cầu
Vui như thiên giới đứng đầu Quang Âm.

201. Người chiến thắng thường gây
thù oán
Kẻ bại thua uất hận khổ đau.
Vui thay, hòa hợp trước sau,
Bỏ qua thắng bại, dâng trào niềm vui.

202. Trong các lửa, dục tham số một
Còn tâm sân vượt trội quân ma,
Khổ nào sánh kịp chấp “ta”
Niết-bàn tối thượng thật là lạc an.



203. Con đói khát chính là bệnh dữ
Chấp cái ta, bệnh khổ nhiều hơn.
Vượt qua bỉ thử, ngã hơn
Niết-bàn chứng đắc, cát tường an vui. O

204. Có sức khỏe còn hơn tặng phẩm
Biết đủ là tài sản tối cao
Chân tình là bạn tâm giao
Niết-bàn số một, phúc nào sánh hơn!

205. Người nếm vị thanh cao ẩn dật
Vui niết-bàn, an lạc khó hơn.
Nhiễm ô, sợ hãi đâu còn
Thấm nhuần pháp hỷ, tâm không
vướng gì.

206. Thật may mắn, thánh nhân gặp mặt
Được gần bên hạnh phúc nào hơn!
Phúc thay, chẳng gặp ngu nhân
Càng xa khỏi họ, càng an lành nhiều.

207. Cùng chung sống với người ngu tối
Khổ khác gì sống với kẻ thù.



Sống chung người trí vô ưu
Như cùng thân quyến chẳng lo sợ gì.

208. Với những bậc tinh thông, sáng suốt
Người giữ gìn, giới đức, thánh nhân
Quyết lòng gần gũi, kết thân
Như trăng soi sáng con đường đang đi. O

XVI. PHẨM HỖ ÁI (*Piya-vagga*)

209. Cớ đeo đuổi điều nên xa lánh
Việc đáng theo lại tránh không làm.
Bỏ mục tiêu, vướng ái tham
Nỡ nào ganh ghét người ham tu hành?!

210. Chớ gần gũi người thương quá đỗi
Đừng gần người bực bội, ghét mình
Thương không gặp, khổ muôn phần
Tiếp duyên kẻ ghét ngút ngàn khổ đau.

211. Hiểu được thế, chớ yêu chớ nhớ
Yêu xa nhau, đau khổ biệt ly



Vấy chào yêu ghét, sâu bi
Cắt dây trói buộc, còn gì sướng hơn!

212. Gốc tham ái sanh ra đau khổ
Tạo sâu bi, lo sợ ngã nhân
Ai trừ tham ái khỏi tâm
Xa lìa sợ hãi, không còn sâu bi.

213. Gốc luyến ái sanh ra đau khổ
Tạo sâu bi, lo sợ ngã nhân
Ai trừ luyến ái khỏi tâm
Xa lìa sợ hãi, không còn sâu bi.

214. Gốc hỷ ái sanh ra đau khổ
Tạo sâu bi, lo sợ ngã nhân
Ai trừ hỷ ái khỏi tâm
Xa lìa sợ hãi, không còn sâu bi.

215. Gốc dục ái sanh ra đau khổ
Tạo sâu bi, lo sợ ngã nhân
Ai trừ dục ái khỏi tâm
Xa lìa sợ hãi, không còn sâu bi. O

216. Gốc khát ái sanh ra đau khổ



Tạo sâu bi, lo sợ ngã nhân
Ai trừ khát ái khỏi tâm
Xa lìa sợ hãi, không còn sầu bi.

217. Người giới đức, tuệ tri đầy đủ
Nương pháp lành, chứng ngộ lý chân
Làm xong những việc phải làm
Mọi người kính nể mười phân vẹn mười.

218. Niết-bàn chứng ly ngôn tông chỉ
Quả tam hiền, tuệ trí viên thông
Lìa dục lạc, tịnh cõi lòng
Bậc chân nhân đó ngược dòng thế gian.

219. Như lữ khách biệt tăm, xa vắng
Nay trở về lành lặn, bình an
Bạn bè, thân quyến hân hoan
Chúc mừng sum họp, xóm làng chia vui.

220. Cũng như thế, với người làm thiện
Bao đời qua cho đến đời nay,
Quả lành chào đón hai tay
Chúc mừng hạnh phúc, khó ai được bằng! O



XVII. PHẨM SÂN HẬN

(Kodha-vagga)

221. Tu chuyển hóa không còn giận tức
Đã lìa xa danh sắc, mạn, tham
Không còn kiết sử buộc ràng
Người “vô sản” ấy xua tan khổ sầu.

222. Dừng phần nộ khi tâm tức giận
Như đạp phanh, xe thắng lại ngay.
Xứng danh người lái xe tài.
Còn những người khác là nài cầm cương.

223. Dùng không-hận vượt qua cơn giận
Bổ thí nhiều chiến thắng xẻn, tham
Nhân từ chinh phục ác gian
Dùng tâm chân thật thắng ngàn
nguy trang. O

224. Dù nghèo khó, thực hành ban tặng
Chuyển hóa tâm, sân hận không còn
Nói lời ái ngữ, thực lòng:
Đây là điều kiện sanh lên cõi trời.



225. Người gieo rắc tình thương, bất hại
Khấp mọi nơi, tự tại thân, tâm
Lìa phiền não, hướng niết-bàn
Khổ đau kết thúc, bình an giữa đời.

226. Người tỉnh thức ngày đêm tinh tấn,
Học và tu cố gắng song hành
Một lòng hướng đến niết-bàn
Vượt qua lậu hoặc, dễ dàng thành công.

227. Người im lặng bị chê không biết
Kẻ phát ngôn mang tiếng lắm lời
Có ai không bị chê cười?
Thị phi là thói miệng đời xưa nay.

228. Như quy luật điều này kim cổ
Chẳng ai từng toàn bị chê thôi
Cũng không mãi được khen hoài
Khen chê là thói miệng đời, bạn chi!

229. “Người có trí sống không tỳ vết
Giới hạnh và định, tuệ tròn đầy.”
Ai thường thẩm sát vị này
Công tâm tán thán, nể người chân tu.



230. Người giữ giới như vàng óng ánh
Một lòng tu, đức hạnh cao vời
Xứng danh khen ngợi của đời
Phạm thiên cũng phải ngỏ lời tán dương.

231. Thân làm chủ thì đừng cẩu giận
Phòng hộ thân sẽ đặng an lành
Các điều xấu ác chớ làm
Những điều đạo đức tinh cần không quên.

232. Làm chủ miệng thì đừng cẩu giận
Phòng hộ lời sẽ đặng an lành
Không lời thô ác, cộc cằn
Những lời từ ái tinh cần không quên.

233. Làm chủ ý thì không cẩu giận
Phòng hộ tâm sẽ đặng an lành
Tâm không tà kiến, dữ dằn
Tư duy chân chánh tinh cần không quên.

234. Bậc hiền trí điều thân, miệng, ý
Gìn cả ba tử mĩ không quên
Thân lành, lời đẹp, ý chơn
Hoàn thành điều phục, không còn bợn nhơ. O



XVIII. PHẨM CẦU UẾ (*Mala-vagga*)

235. Thân thể sẽ tàn như lá úa
Thần chết luôn châu chực kề bên
Ở đời, mạng sống vô thường
“Hành trang” chưa đủ, đường trường
mệt hơi.

236. Hãy xây dựng cho mình hòn đảo
Gấp tinh cần, vì đạo tu hành
Dứt phiền não, ý tịnh thanh
Lên miền đất thánh, tái sanh trời lành.

237. Nay thân thể tàn suy, sắp hết
Gặp Diêm Vương, thần chết kề bên
Giữa đường không thể nghỉ chân
“Hành trang” chưa đủ, dặm dài mệt hơi.

238. Hãy xây dựng cho mình hòn đảo
Gấp tinh cần, vì đạo tu hành
Dứt phiền não, ý tịnh thanh
Không còn già, chết, tử sanh đèo bồng.



239. Bạc hiền trí tự mình nỗ lực
Chuyên uế tâm, gạn đục khơi trong
Cũng như thợ giỏi luyện vàng
Không còn tạp chất, tinh ròng
hoàng kim. O

240. Chất rỉ sét sanh ra từ sắt
Lại ăn mòn thanh sắt dần dần
Ác nhân gieo nghiệp chẳng lành
Tạo thành quả ác, tự mình vương mang.

241. Không tụng niệm làm như kinh điển
Không quét lau làm bản cửa nhà
Biếng lười nhan sắc mau già
Kẻ phóng dật luôn lơ là phòng canh.

242. Thiếu tiết hạnh tan tành phụ nữ
Keo kiệt thường thích giữ, không cho
Ác tà là một vết nhơ
Đời này, đời tới lờ mờ, khổ đau.

243. Trong tất cả bản như vừa kể
Vô minh là cầu uế đứng đầu



Người tu siêng học pháp mầu
Xứng hàng vô nhiễm, vượt cầu tử sinh.

244. Không hồ thẹn thói này dễ quá
Lỗ mãng như chim quạ cắn lưng
Chê bai, ngã mạn, ngông cuồng
Nhiễm ô, liêu lĩnh, trăm đường
trái ngang. O

245. Đẹp biết mấy, người thường hồ thẹn
Sống vô tư, khiêm tốn, hài hòa
Buộc ràng nhất quyết lìa xa
Giữ tâm sáng suốt, thật thà, tịnh thanh.

246-8. Có những kẻ sát sanh, hại vật
Của không cho cướp đoạt về mình
Dối gian, nghiện ngập, ngoại tình
Tự đào mộ huyết, tự chôn cuộc đời.
Chính vì thế người khôn nên biết
Chế ngự tâm thì ác diệt vong
Tham lam tội lỗi cùng đường
Khổ đau, lận đận, đoạn trường khó ngưng.



249. Do tâm đạo hoặc lòng hoan hỷ
Mà có người bố thí, cúng dường.
Ai người bất mãn, ganh, hờn
Ngày đêm khó được định tâm an lành.

250. Ai bỏ được hờn, căm, ganh ghét
Biết vui theo hạnh phúc của người
Ngày đêm tùy hỷ, tươi cười
Định tâm đạt được giữa đời trái ngang.

251. Lửa dữ nhất là tham ái nặng
Chấp nào hơn thù hận tái tê
Lưới nào hơn lưới si mê
Sông tình bể dục kéo lê bao người.

252. Bươi móc lỗi của người dễ ợt
Nhu quạt quay, thổi trâu ra ngoài
Lỗi mình che giấu đêm ngày
Khác gì gian lận chơi bài quen tay.

253. Kẻ nhếch mắt truy tìm lầm lỗi
Thường công cao, chỉ trích, chê bai
Não phiền theo đó tăng hoài
Cõi lòng an tịnh biết ngày nào đây?



254. Hư không vốn không lưu dấu vết
Ngoài Phật môn khó kiếm sa-môn
Đời ham tranh luận vui mồm
Như Lai an tịnh, không còn hơn thua.

255. Hư không vốn không lưu dấu vết
Ngoài Phật môn khó kiếm sa-môn
Hữu vi biến đổi, vô thường
Như Lai an tịnh, không còn động tâm. O

XIX. PHẨM PHÁP TRỤ (*Dhammatṭha-vagga*)

256. Bạc pháp trụ⁽¹²⁾ là người chuẩn mực
Không sống theo chuyên chế, cực đoan
Trí nhân cư xử cân phân
Chánh tà, đen trắng rõ ràng không sai.

257. Bạc pháp trụ là người trí giác
Sống công bằng, dẫn dắt mọi người

12. An trụ pháp gồm hai nghĩa: Tuân thủ luật pháp xã hội và tuân thủ chân lý và luật Phật.



Không còn chuyên chế, lộng quyền
Sống theo luật pháp cho đời thăng hoa.

258. Bậc hiền trí chẳng do hiểu rộng
Hay nói nhiều những chuyện trên đời
Không thù, không oán sợ người
An hòa, đức độ, rạng ngời chánh chân.

259. Người trì pháp chẳng do lẩm miệng
Biết noi theo chuẩn mực pháp mẫu
Thực hành chẳng chút lãng xao
Không còn phóng túng, thâm sâu
đạo vàng. O

260. Gọi trưởng lão chẳng vì tóc bạc
Hoặc sống lâu, tuổi tác đã cao
Những ai đức, trí không sâu
Già đầu mê muội khác nào “lão ngu.”

261. Người thông đạt bốn điều chân lý⁽¹³⁾
Chủ giác quan, tuệ trí, chánh chân

13. Tứ diệu đế: a) Thừa nhận khổ đau, b) Xác định nguyên nhân, c) Đạt được hạnh phúc niết-bàn, d) Thực tập bát chánh đạo.



Không còn lậu hoặc, tịnh thanh
Trưởng lão như vậy xứng danh đạo đời.

262. Đâu phải đẹp, hoặc tài hùng biện
Mà trở thành người thiện chánh chân.
Ai không ích kỷ, hờn ganh
Không còn cao ngạo xứng danh bậc hiền.

263. Bậc hiền thiện là người dứt được
Tham, sân, si – nguồn gốc khổ đau
Tỏ thông trí tuệ lâu lâu
Đức tài ngài sáng, đạo màu tràn dâng.

264. Là tu sĩ đâu do đâu trọc.
Phải thực hành, dứt sạch dục tham
Không còn phóng túng, dối gian
Hạng sa-môn ấy chánh chân trọn đời.

265. Ai chuyển hóa ác nhân lớn nhỏ
Dứt tham, sân, sáng tỏ nguồn tâm
Không còn ác pháp, tịnh thanh
Hạng sa-môn ấy xứng danh trên đời.



Tâm từ thương khắp chúng sinh
Loài vô tình lẫn hữu tình như nhau.

271-2. Chẳng vì có giữ gìn giới luật
Hay vin vào học đủ hiểu nhiều
Chẳng vì thiên định cao siêu
Sống nơi thanh vắng sớm chiều độc cư...
Mà có thể tự cho chúng đắc
Tự mãn lòng được phước viên ly
Chớ nên xao lãng hành trì
Đến khi lậu hoặc hết thì mới xong. O

XX. PHÂM ĐẠO (*Magga-vagga*)

273. Bát chánh đạo là đường độc lộ
Chân lý thì Tứ đế cao sâu
Lìa tham ái – quả nhiệm mầu
Chúng nên pháp nhãn dẫn đầu hai chân.⁽¹⁴⁾

14. Loài hai chân chỉ cho loài người.



274. Bát chánh đạo không đường nào khác
Tuệ cao siêu, giải thoát, tịnh thanh
Noi theo đường ấy thực hành
Não phiền dứt sạch, ma quân quy hàng.

275. Theo chánh đạo khổ đau chấm dứt
Các chướng duyên kết thúc dễ dàng
Như Lai chỉ rõ con đường
Trí tuệ tăng trưởng, không còn tái sinh.

276. Hãy thực tập nhiệt tình, miên mật
Đức Như Lai là bậc chỉ đường
Siêng tu thiền định chuyên ròng
Vượt qua lưới ái ma vương nhiều đời.

277. Bằng tuệ quán chiếu soi thế giới
Các hành⁽¹⁵⁾ kia dính với vô thường
Không còn đau khổ sầu vương
Thênh thang cất bước con đường an vui. O

278. Bằng tuệ quán chiếu soi thế giới
Các hành kia dính với khổ đau

15. Mọi sự vật mang tính điều kiện và hình thành bởi nhiều yếu tố.



Không còn bất hạnh, muộn sầu
Con đường thanh tịnh, đạo màu an vui.

279. Bằng tuệ quán chiếu soi tất cả
Các hành kia vô ngã xưa nay
Không còn đau khổ ngay đây
Đạo vàng an lạc phút giây hiện tiền.

280. Khi cần thiết thì không nỗ lực
Lúc trễ trung biếng nhác, buông lung
Cầu an, nhu nhược, thủ thường
Làm sao tìm được con đường cao siêu?

281. Gìn tâm thức, thân không làm ác
Giữ ngữ ngôn rất mực chánh chân
Hộ phòng ba nghiệp, thân tâm
Chứng nên đạo giác thánh nhân chỉ bày.

282. Tu thiền định tăng nhanh trí tuệ
Hiểu con đường hai ngã diệt sanh⁽¹⁶⁾
Tự mình nỗ lực thực hành
Trau dồi tuệ giác, đạt thành quả cao.

16. Con đường đưa đến tái sanh và con đường chấm dứt sinh tử.



283. Trong rừng núi, đục là số một
Rừng đục làm sợ hãi, sâu vương
Đốn rừng ái đục sạch trơn
Người tu tịch tịnh con đường thanh cao.

284. Dây tình ái gái trai chưa bỏ
Thì khó mong làm chủ được tâm
Rơi vào tình trạng buộc ràng
“Bò con vú mẹ” dậm đàng chẳng buông.

285. Tự rút bỏ sợi dây ái đục
Như dùng tay bẻ đứt sen thu
Đạo tịch tịnh, hãy tiến tu
Niết-bàn an lạc từ từ chứng nên.

286. Mùa đông, hạ, nơi đây ta ở
Rồi mùa mưa cũng trụ chỗ này
Người ngu ỷ lại như vậy
Đâu ngờ hiểm “chết” bủa vây,
ngóng chờ.

287. Người vương kẹt chấp nê sở hữu
Con cái tôi, tài sản của tôi



Tử thần theo bắt, kéo lôi
Như cơn lũ lớn cuốn trôi cả làng.

288. Khi thần chết kề bên kiếp số
Cha mẹ nào bảo hộ được đâu
Người thân, con cái sầu đau
Nghịệp ai nấy chịu, làm sao cứu nàn?

289. Vô thường đến không ai giúp được
Hiểu được rồi, giới luật trang nghiêm
Mau tu chuyển hóa tinh chuyên
Niết-bàn chứng đắc trọn nên đạo vàng. O

XXI. PHẨM TẬP LỤC (*Pakiṇṇaka-vagga*)

290. Nhờ từ bỏ niềm vui nhỏ nhít
Mà đạt thành hạnh phúc lớn hơn
Thú vui ngũ dục chẳng màng
Trí nhân hưởng đạt niết-bàn an vui.

291. Gieo đau khổ cho người bị hại
Lại cầu mong gặt hái bình an



Những ai thù hận buộc ràng
Không sao thoát khỏi trái ngang trong đời.

292. Việc xứng đáng lại không làm tốt
Việc chẳng gì lại trút vào thân.

Người ngu ngạo mạn, buông lung
Não phiền, lậu hoặc gia tăng đêm ngày.

293. Quán thân thể do duyên, bất tịnh
Siêng năng làm những việc đáng làm
Giữ gìn chánh niệm thân tâm
Não phiền, lậu hoặc tiêu tan hết liền.

294. Giết mẹ ái, cha già ngã mạn
Trừ hai vua tà kiến: đoạn, thường.⁽¹⁷⁾
Dẹp mười hai xứ,⁽¹⁸⁾ ái tham⁽¹⁹⁾
Vị Phạm chí⁽²⁰⁾ ấy xứng hàng vô ưu.

17. Đoạn kiến là quan niệm cho rằng chết là hết, không có kiếp sau, không có nhân quả, luân hồi. Thường kiến là quan niệm cho rằng có một linh hồn thường hằng chịu định mệnh lâu dài trong những kiếp sống.

18. Sáu giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với sáu đối tượng trần cảnh (hình thái, âm thanh, mùi, vị, vật xúc chạm, đối tượng hình dung).

19. Tổng đài của sinh tử và luân hồi.

20. Vị tu sĩ theo đạo Bà-la-môn. Phật mượn từ này chỉ cho người tu có đời sống thánh hạnh thanh cao.



294. Giết mẹ ái, cha già ngã mạn
Trừ hai vua tà kiến: đoạn, thường.
Diệt luôn hồ tướng nghi nan⁽²¹⁾
Vị Phạm chí ấy xứng hàng vô ưu.

296. Đệ tử Phật đêm ngày tỉnh thức
Niệm Như Lai mười đức⁽²²⁾ vẹn toàn
Công phu, làm chủ thân tâm
Oai nghi, chính niệm chuyên cần
thường xuyên.

297. Đệ tử Phật đêm ngày tỉnh thức
Niệm Pháp mầu năm đức⁽²³⁾ vẹn toàn
Công phu, làm chủ thân tâm
Oai nghi, chính niệm chuyên cần
thường xuyên. O

21. Hoài nghi (Phật, pháp, Tăng, đạo đức, chân lý, nhân quả, đời sau) là hồ tướng thứ năm (bốn hồ tướng trước là: Tham, sân, si, mạn) có tác hại lớn đối với đạo đức.

22. Mười đức của các Phật là Như Lai, ứng cúng, chánh biến tri, minh hạnh túc, thiện thế, thế gian giải, điều ngự trượng phu, thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

23. Năm đức của chánh pháp là: Đến để mà thấy, thiết thực hiện tại, siêu việt thời gian, được người trí khen, đạt mục đích thánh.



298. Đệ tử Phật đêm ngày tỉnh thức
Niệm Tăng đoàn giới đức vẹn toàn
Công phu, làm chủ thân tâm
Oai nghi, chính niệm chuyên cần
thường xuyên.

299. Đệ tử Phật đêm ngày tỉnh thức
Quán thân này cấu uế, do duyên
Công phu, làm chủ thân tâm
Oai nghi, chính niệm chuyên cần
thường xuyên.

300. Đệ tử Phật đêm ngày tỉnh thức
Hành từ bi, không giết chúng sinh
Công phu, làm chủ thân tâm
Vui niềm bất hại, chuyên cần
thường xuyên.

301. Đệ tử Phật đêm ngày tỉnh thức
Thực hành thiền, chuyển hóa tham, sân
Công phu, làm chủ thân tâm
Oai nghi, chính niệm chuyên cần
thường xuyên. O



302. Thật đáng quý xuất gia chân chính
Đời tại gia lắm chuyện khổ đau
Buồn thay, bạn chẳng hiểu nhau
Luân hồi chìm đắm muôn sâu, chớ theo.

303. Có chính tín, vẹn toàn đức hạnh
Danh dự tăng, thánh sản⁽²⁴⁾ cũng tăng
Nơi nào vị ấy đến thăm
Mọi người kính nể, xa gần tôn vinh.

304. Bậc hiền thiện ở xa vẫn sáng
Nhu núi cao tuyết trắng chói ngời
Ác nhân gần, chẳng đoái hoài
Nhu tên mật hút đêm dài, vô minh.

305. Đường độc lộ dứt duyên, thanh vắng
Không cô đơn, buồn chán một mình
Ngồi, nằm, đi, đứng lặng thinh
Rừng sâu thoải mái, tịnh thanh cõi lòng. O

24. Tài sản thánh gồm có bảy loại: Chánh tín, tinh tấn, hổ thẹn, lương tâm, học rộng, tặng biếu và buông xả.



XXII. PHẨM ĐỊA NGỤC (*Niraya-vagga*)

306. Kẻ vọng ngữ nói sai sự thật
Có nói không, thêu dệt, ba hoa
Kẻ ác chối “chẳng phải ta”
Sống làm người xấu, chết sa ngục hình.

307. Kẻ khoác áo cà-sa giả dạng
Sống buông lung, giới hạnh chẳng gìn
Ác do nghiệp ác hoành hành
Chết sa cõi dữ, ngục hình phải vương.

308. Thà nuốt sắt đỏ hừng nóng bức
Hơn buông lung, giới đức chẳng gìn
Ăn đồ tẩm thí cúng dâng
Làm sao tiêu nổi nghiệp nhân nhận về.

309. Bốn tai nạn chờ người dâm dăng
Thích ngoại tình, sống chẳng thủy chung:
Ngủ không ngon giấc, tai ương
Bị đời chế giễu, làm đường ngục sa. O

310. Không chung thủy họa tai chờ đón



Sống lo âu, thấp thỏm, ít vui,
Vướng vòng luật pháp tiêu đời
Một chồng một vợ, rạng ngời
phước duyên.

311. Cỏ lau năm mà sai tư thế
Khó bình an khỏi họa xước tay.
Sa-môn giới hạnh chẳng ngay
Đọa sa tù ngục biết ngày nào ra.

312. Sống phóng dăng, sáu căn
chẳng giữ
Giới đức thì ô uế, đáng ngờ
Không theo hạnh thánh, bỏ tà
Quả cao khó chứng, quả là không sai.

313. Điều chân chánh cần làm dứt khoát
Làm say mê, trút hết khả năng
Xuất gia phóng dăng: phá Tăng
Làm người tổn tín, hoang mang bụi mù. O

314. Điều xấu ác không nên dính tới
Làm xong rồi, tù tội khổ đau.



Nhân lành nỗ lực trồng sâu
Tâm không tiếc nuối, chẳng bao giờ phiền.

315. Như thành lũy trong ngoài canh giữ
Phòng hộ thân, chớ có buông lung.
Đời không tu tập: Trầm luân
Đọa sa vì nổi lằm đường trần duyên.

316. Việc không thẹn thì luôn ray rứt
Đúng lương tâm lại bực là sao?
Sống theo tà kiến: Khổ đau
Đọa sa cõi xấu, ngục đầu trầm luân.

317. Không đáng sợ thì luôn lo lắng
Đáng sợ thì chẳng hoảng là sao?
Sống theo tà kiến: Khổ đau
Đọa sa cõi xấu, ngục đầu trầm luân.

318. Không có lỗi thì luôn buộc tội
Có tội mà thoát khỏi là sao?
Sống theo tà kiến: Khổ đau
Đọa sa cõi xấu, ngục đầu trầm luân.

319. Người có lỗi thì cho có lỗi



Không tội thì phải nói là không
Nói theo chánh kiến, thông dong
Chết sanh thiên giới, con đường an vui. O

XXIII. PHẨM VOI (*Nāga-vagga*)

320. Như voi chiến xông pha giữa trận
Hứng tên roi, đạn bắn, tấn công
Chịu lời phỉ báng không buồn
Người tu tập biết xả buông nhẹ nhàng.

321. Voi, ngựa quý được đưa dự hội
Được vua quan chọn cưỡi trên lưng
Người hiền số một hồng trần
Chịu bao phỉ báng của phường ác gian.

322. Như ngựa giống và la thuần chủng
Hay voi to, ngà trắng, đẹp ngàn
Những ai điều phục bản thân
Trang nghiêm giới hạnh, xứng hàng
tối cao.



323. Chẳng do cỡi ngựa voi quý đất
Mà giúp người chúng đạt niết-bàn
Những người chiến thắng bản thân
Mục tiêu cứu cánh đắc thành dễ thôi.

324. Voi Tài Hộ hung hăng, khó phục
Tiết mồ hôi, phát dục mỗi khi
Nhốt giam, chẳng uống ăn gì
Ngày đêm canh cánh hướng về rừng voi.

325. Người biếng nhác thường ham
hưởng thụ
Ăn uống nhiều, nằm ngủ cả ngày
Khác gì như lợn mập thầy
Kẻ ngu sinh tử, khó ngày thoát ra.

326. Bao ngày trước, tâm thường lêu lổng
Theo thú vui, dục vọng quay cuồng.
Hôm nay, chế ngự được lòng
Như người quản tượng cương thường
điều voi. O

327. Hãy vui thích với không phóng dật
Giữ gìn tâm, tỉnh thức, lạc an



Vượt ngoài kiết sử buộc ràng
Như voi nỗ lực thoát vòng lầy sa.

328. Khi gặp được những người hiền trí
Nên sống chung, thỏa chí đồng hành
Vượt qua tất cả hiểm nàn
Sống trong chánh niệm, an lành niềm vui.

329. Nếu không gặp bạn hiền tuệ đức
Đáng sống chung, hạnh phúc đồng hành
Thà vua bỏ lại nước thành
Như voi cất bước quần quanh rừng già.

330. Thà đơn độc, sống trong hạnh phúc
Giới trang nghiêm, không bạn kẻ ngu
Không còn buồn khổ, vô tư
Như voi trong chốn rừng sâu một mình.

331. Thật hạnh phúc, bạn khi cần thiết
Biết đủ là hạnh phúc nào hơn.
Vui thay, chết để đức nhân
Khổ đau chấm dứt, trần gian niết-bàn.



332. Thật hạnh phúc, dưỡng nuôi cha mẹ
Phúc nào hơn kính lễ sa-môn
Vui thay, kính bậc thánh hiền
Phúc thay, chánh niệm hiện tiền
ngay đây.

333. Thật hạnh phúc tuổi già có đức
Phúc nào hơn tuệ giác cao siêu
Vui thay, chánh tín, hiểu nhiều
Phúc thay, từ bỏ bao nhiêu ác tà. O

XXIV. PHẨM THAM ÁI (*Taṇhā-vagga*)

334. Người dễ dãi sống đời phóng dật
Như dây leo, ái dục tăng nhanh
Đời này kiếp khác chuyên càn
Như vượn luyên thoăn tham ăn quả rừng.

335. Người nào sống trong vòng ba cõi⁽²⁵⁾
Bị lòng tham khát ái buộc ràng

25. Dục giới, sắc giới và vô sắc giới.



Khổ sâu, bất hạnh gia tăng
Nhu trời mưa, cỏ tràn lan ruộng vườn.

336. Người nào sống trong vòng ba cõi
Chuyển hóa xong tham ái buộc ràng
Khổ đau, sầu não tiêu tan
Cũng như giọt nước lá sen, lo gì.

337. Này đệ tử, Như Lai chỉ dạy
Nhỏ cội căn tham ái buộc ràng
Phá tan uy lực ma quân
Nhu dòng nước lũ ngập tràn bụi lau.

338. Như cây đốn, gốc còn lại sống
Sẽ đâm chồi mọc vững như xưa
Ái tùy miên⁽²⁶⁾ khó già từ
Khổ đau già chết dây dưa nhiều đời. O

339. Ba sáu ái⁽²⁷⁾ như dòng thác chảy

26. Năng lực ái dục ẩn tàng trong vô thức, đồng hiện hữu với chúng sanh như một bản năng, có sức thôi thúc và bám cánh dục lạc khi có điều kiện.

27. 36 thứ ham muốn, phát sanh từ sáu dòng giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý) tiếp xúc với sáu dòng đối tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp). Mười hai dòng căn trần này khởi lên trong ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai tạo thành 36 dòng ái dục.



Cuốn người theo khả ái, vấn vương
Các nguồn tư tưởng ái thương
Cuốn người tà kiến vào đường trầm luân.

340. Dòng ái dục chảy quanh khắp chốn
Như dây leo đeo bám thân cây
Dùng gươm trí tuệ diệt ngay
Dây leo tham ái tại đây, bây giờ.

341. Bị ám ảnh niềm vui ái dục
Mong bình an chẳng được vào đâu
Không còn tham ái đuôi đầu
Sanh già kết thúc, khổ đau không còn.

342. Người bị vương niềm vui ái dục
Sống vầy vùng, hoảng hốt, buộc ràng
Cũng như thỏ bị lưới giăng
Chúng sanh đau khổ trầm luân lâu dài.

342. Người bị vương niềm vui tham ái
Như thỏ sa lưới bầy vầy vùng.
Người tu rũ bỏ sầu vương
Vượt qua tham ái, thoát đường tử sanh.



344. Lìa rừng đục, vướng vào rừng ái
Thoát được rừng lại chạy theo rừng
Những người như vậy sâu vương
Cởi dây trói lại buộc ràng khó buông.

345. Xiềng bằng sắt, dây, mây cũng đứt
Người dính vào tham đục khó buông.
Của tiền, con cái, vợ chồng...
Như xiềng xích chặt, khó lòng thoát ra.

346. Xích tham ái thật bền, khó chặt
Ghi lún người sắc đục trầm luân
Trí nhân cắt bỏ buộc ràng
Giã từ đục lạc, không màng, thông dong.

347. Người đắm đục tự lao dòng khổ
Như nhện giăng bắt bớ con mồi.
Trí nhân bỏ ái, an vui
Không còn đau khổ giữa đời trầm luân.

348. Buông quá khứ, tương lai, hiện tại
Trí cao siêu, chẳng ngại, thông dong
Đến bờ kia, sống ngược dòng
Không còn vướng kẹt trong vòng tử sanh. O



349. Người bị ý tà sai kích thích
Ái tham tăng, mê tí dục trần
Trói mình trong chôn trầm luân
Vẫy vùng khó thoát khỏi vòng khổ đau.

350. Thường tỉnh giác, quán thân bất tịnh
Dẹp ý tà, an định thân tâm
Diệt tan ma ái buộc ràng
Sống trong tự tại, tinh thần lạc an.

351. Đích cứu cánh đạt rồi hết sợ
Lìa ái tham, ô uế, não phiền
Nhỏ tên sanh tử hiểm nàn
Đây là thân chót, trầm luân không còn.

352. Lìa ái, thủ, đây là thân chót
Khéo biện tài, từ, nghĩa, trước, sau
Giảng rành chánh pháp nhiệm màu
Xứng danh bậc trí rộng sâu trên đời.

353. Ta điều phục, lâu thông các pháp
Không nhiễm ô, ái diệt, xả buông
Lậu hoặc tan, trí tỏ tường
Không thầy, ta ngộ con đường cao siêu! O



354. Tặng Phật pháp vượt xa bố thí
Lý chánh chân hơn vị ngọt ngon.
Niềm vui pháp hỷ tuyệt trần
Dứt tham ái, khổ trầm luân tạ từ.

355. Vật sở hữu hại người vô trí
Không tìm về hương vị bờ kia⁽²⁸⁾
Kẻ ngu đắm của vì si
Mình người bị hại, khó lìa khổ đau.

356. Cỏ phủ kín làm vườn hư hại
Tánh tham lam phá hoại tâm thân
Cúng dường cho bậc vô tham
Thiện nhân sẽ trở quả lành lớn hơn.

357. Cỏ phủ kín làm vườn hư hại
Tâm hận sân phá hoại tâm thân
Cúng dường cho bậc vô sân
Thiện nhân sẽ trở quả lành lớn hơn. O

358. Cỏ phủ kín làm vườn hư hại
Tâm si mê phá hoại tâm thân

28. Bờ bên kia tượng trưng cho sự giác ngộ và giải thoát.



Cúng dường cho bậc tuệ quang
Thiện nhân sẽ trở quả lành lớn hơn.

359. Cỏ phủ kín làm vườn hư hại
Tâm dục tham phá hoại tâm thân
Cúng dường cho bậc lìa tham
Thiện nhân sẽ trở quả lành lớn hơn. O

XXV. PHẨM TỶ-KHEO (*Bhikkhu-vagga*)

360. Thật hạnh phúc, giữ gìn hai mắt
Thật lành thay, giữ tốt hai tai
Giữ gìn lỗ mũi, lưỡi này
Sống trong điều phục ngay đây an lành.

361. Thật hạnh phúc, giữ gìn thân thể
Thật lành thay, phòng hộ ngữ ngôn
Lành thay, phòng ý ngoài, trong
Người tu phòng hộ, không còn khổ đau.

362. Người làm chủ tay, chân, bộ óc
Làm chủ lời, vui thích định thiền



Độc thân, biết đủ, hạnh nghiêm
Xứng danh tu sĩ, trọn nên quả lành.

363. Người tu sĩ giữ gìn cửa miệng
Không cống cao, giảng thiện cho đời
Trình bày pháp nghĩa vừa lời
Ngữ ngôn dịu ngọt, giúp người bình an.

364. Là hành giả mền yếu Phật pháp
Tư duy sâu câu pháp vừa nghe
Để tâm theo pháp, lìa mê
Thực hành chánh pháp dẫn về an vui.

365. Điều mình được không chê lớn nhỏ
Không hờn ganh với kẻ được hơn
Tâm không tùy hỷ: Sầu vương
Vọng tâm trôi dạt khó mong định thiên. O

366. Dù được ít không chê nhỏ ít
Hạnh siêng năng, giới đức nghiêm trang
Giữ gìn trọn vẹn thân tâm
Chư thiên tán thưởng xứng danh tu hành.



367. Tu vô ngã không còn chấp mắc
Thân là ta, danh-sắc⁽²⁹⁾ của ta.
Đứt trừ chấp, hết sầu lo
Người tu như thế xứng là Tỳ-kheo.

368. Bậc hành giả từ bi thực tập
Tâm tín thành Phật pháp cao sâu
Chứng nên tịch tĩnh nhiệm mầu
Các hành an tịnh trước sau trong ngoài.

369. Bậc hành giả tát thuyền cạn nước
Thuyền rộng không, nhẹ lướt thật nhanh
Diệt trừ si, hận và tham
Ắt rằng chứng đắc niết-bàn thông dong. O

370. Năm độn sử⁽³⁰⁾ quyết tâm cắt đứt
Năm buộc ràng⁽³¹⁾ trừ diệt hoàn toàn

29. Tinh thần và thân thể vốn là hai yếu tố tạo thành con người.

30. Năm trói buộc thấp: (1) chấp thân, (2) hoài nghi, (3) giới cấm thủ, chấp khổ hạnh là con đường giải thoát (4) tham, (5) sân.

31. Tứ ngữ lợi sử tức năm trói buộc cao: (1) sắc ái, (2) vô sắc ái, (3) kiêu mạn, (4) trạo cử, dao động, (5) vô minh.



Bỏ năm phược,⁽³²⁾ học năm năng⁽³³⁾
Xứng danh là bậc vượt dòng⁽³⁴⁾ xưa nay.

371. Làm hành giả hãy tu thiền quán
Không buông lung, say đắm dục trần.
Buông lung như ngọn lửa hồng
Đốt thiêu, gây khổ, khó mong an lành.

372. Thiếu trí tuệ khó mong thiền quán
Không định thiền khó đặng trí mầu
Ai người định, tuệ thâm sâu
Niết-bàn chứng đắc trước sau rõ ràng.

373. Bậc hành giả ẩn tu nơi vắng
Gìn tâm tư, yên lặng hiện tiền
Quán theo chánh pháp, hành thiền
Hưởng nguồn hạnh phúc siêu nhiên
lạ thường. O

32. Tức tham, sân, si, mạn và tà kiến.

33. Năm sức mạnh tinh-thần: (1) niềm tin vững; (2) tinh tấn, (3) chánh niệm, (4) thiền định, (5) trí huệ.

34. Bậc vượt dòng là người đã hết sạch mười kiết sử nêu trên, đạt được giác ngộ và giải thoát.



Thực hành thiền định chuyên cần
Bỏ thế sự, hưởng niết-bàn an vui.

379. Người tu học tự mình dò xét
Đánh giá mình nhân cách đục trong
Giữ gìn chánh niệm, tự phòng
Trụ an lạc, để tâm không muộn phiền.

380. Người tu Phật tự mình nương tựa
Tìm được nguồn ẩn trú bản thân
Tự mình điều phục nguồn tâm
Như người buôn có ngựa thuần
đường xa.

381. Người tu sĩ tâm thường hoan hỷ
Đặt niềm tin pháp vị cao siêu
An lành tịch tịnh trọn nên
Các hành hữu lậu lặng yên, nhẹ nhàng.

382. Bậc hành giả tuổi đời tuy nhỏ
Tu pháp môn sáng tỏ nguồn tâm
Trí mầu soi sáng thế gian
Như vàng trắng thoát mây ngàn
bủa giăng. O



XXVI. PHẨM BÀ-LA-MÔN (*Brāhmaṇa-vagga*)

383. Hãy tinh tấn dứt dòng ái dục
Bỏ thú vui vật chất bao đời
Các hành đoạn diệt, thanh thoi
Bà-la-môn ấy rạng ngời vô vi.

384. Nhờ an trụ pháp tu chỉ, quán
Mà tiến về bỉ ngạn an vui
Bà-la-môn trí sáng ngời
Diệt trừ kiết sử, thanh thoi đạo vàng.

385. Người không chấp bờ này, bờ nọ
Tâm chẳng màng chấp có, chấp không
Khổ đau dứt, trói buộc buông
Người tu ấy Bà-la-môn tuyệt vời.

386. Tu thiên định, ẩn cư, không nhiễm
Lậu hoặc lìa, bốn phận đã xong.
Hoàn thành mục đích tối tôn
Người tu ấy Bà-la-môn sáng ngời. O

387. Trời, trăng sáng ngày, đêm tùy lúc



Các vua quan sáng rực kiếm cung
Tu thiền chói sáng ngoài trong
Trí tuệ Phật sáng soi chung đất trời.

388. Người dứt ác xứng hàng Phạm chí
Hạnh thanh cao xứng vị Sa-môn
Xuất gia hết cấu uế tâm
Xứng danh thượng sĩ xuất trần xưa nay.

389. Đừng hãm hại Sa-môn, Phạm chí
Gặp nghịch duyên xin chớ trả thù.
Khổ thay, hại bậc chân tu
Chớ nên trả đũa oán cừu mà chi.

390. Bậc Phạm chí tâm không tham ái
Không trả thù, sân, hại một ai
Khổ đau dứt sạch trong ngoài
Niềm vui to lớn, nạn tai không còn.

391. Người không tạo nghiệp nhân ác độc
Miệng, ý, thân trau chuốt, giữ gìn
Hành vi, lối sống tịnh thanh
Xứng danh Phạm chí hiển minh, đức từ. O



392. Biết đền đáp ân sâu của bậc
Hương dẫn ta hiểu Phật, Pháp, Tăng
Thành tâm lễ tạ, cúng dàng
Như người Phạm chí thờ thần lửa kia.

393. Gọi Phạm chí đâu vì bện tóc
Giai cấp hay chủng tộc bầy đời
Chân thành, chánh niệm, thanh thoi
Bà-la-môn ấy sáng ngời đức tu.

394. Phạm chí “ngổ” chỉ lo bện tóc
Lợi ích gì áo mặc da dê
Tâm còn phiền não, u mê
Tu toàn hình thức, đường về còn xa.

395. Phạm chí “ngổ” mặc y vá nhóp
Da lộ gân, thân hốc hác gầy.
Người tu thiền định đêm ngày
Bà-la-môn ấy sánh tày núi cao. O

396. Phạm chí thật đâu do huyết thống
Giai cấp cao, nguồn gốc thọ sanh.
Ai không phiền não, tịnh thanh
Phạm chí không chấp, cõi tâm an lành.



397. Người dứt sạch cả mười trói buộc
Không sầu lo được, mất, thua, hơn
Bao điều chấp trước xả buông
Người tu ấy Bà-la-môn tuyệt vời.

398. Bậc Phạm chí bỏ đai “sân hận”
Cắt cương “tham”, tà kiến, tùy miên
Vô minh hết, trí trọn nên
Hướng về giác ngộ, thoát miền trầm luân.

399. Lấy đức nhẫn làm quân xông trận
Không ác tâm, phỉ báng, phạt hình
Từ bi, từ bỏ hận, sân
Bà-la-môn ấy sáng danh đạo đời.

400. Không tức giận, làm tròn bốn phận,
Giới thanh cao, ái, hận không còn
Giác quan làm chủ luôn luôn
Thân này cuối, Bà-la-môn sáng ngời.

401. Người đã dứt dục tâm hoen ô
Có khác gì “nước đổ lá sen”
Cũng như “hạt cải đầu kim”
Bà-la-môn ấy xứng hàng chân tu. O



402. Phạm chí học trên đời hiểu rõ
Nào khổ đau, gốc khổ, niết-bàn
Nương theo chánh đạo tu hành
Ái sạch, giải thoát, rạng danh trên đời.

403. Người có trí thực hành hiểu rõ
Nguồn gốc từ hai nẻo chánh tà.
Chứng đạo giải thoát sâu xa
Bà-la-môn ấy thật là xứng danh.

404. Không thân thiết cả Tăng lẫn tục
Hạnh độc cư, thiếu dục, hài lòng
Nhu mây đây đó thông dong
An vui, tự tại, không còn sầu đau.

405. Ngừng nghiệp sát, tổn thương
sinh mạng
Yếu hơn ta hay mạnh khỏe hơn
Không ưa sai bảo, tán đồng
Đây là Phạm chí xứng hàng chân tu. O

406. Sống thân thiện giữa bao thù nghịch
Giữ ôn hòa với địch hung hăng



Tịnh thanh giữa chốn hồng trần
Bà-la-môn ấy xứng hàng chân tu.

407. Người tu tập không còn dính dáng
Tham, sân, si, kiêu mạn, tị hiềm
Cũng như hạt cải đầu kim
Bà-la-môn ấy trọn nên đạo vàng.

408. Người tu tập nói lời từ ái
Chân thật và ích lợi cho đời
Không hề làm mất lòng người
Bà-la-môn ấy sáng ngời tấm gương.

409. Người tu tập tránh xa trộm cắp
Vật không cho không lấy, chia chôm
Cho dù lớn, nhỏ, quý, thường.
Bà-la-môn ấy tấm gương sáng ngời.

410. Không tham vọng đời này, đời tới
Không dính gì ba cõi trầm luân
Buông tất cả, giải thoát tâm
Bà-la-môn ấy rạng danh đạo đời. O



411. Người tu tập không vương ái dục
Trí tuệ nhiều, nghi hoặc không còn
Chứng vào cảnh giới niết-bàn
Bà-la-môn ấy xứng hàng chân tu.

412. Ai không vương chuyện đời thiện ác,
Tu xả ly, giải thoát buộc ràng
Không sâu, thanh tịnh, lạc an
Bà-la-môn ấy xứng hàng chân tu.

413. Như trăng sáng thoát mây che khuất
An tịnh lòng, hết trược, sáng trong
Đam mê hiện hữu dứt xong
Bà-la-môn ấy vào dòng thánh nhân.

414. Hết tham ái, không nghi, không chấp
Vượt hiểm nguy sống chết, luân hồi
Thực hành thiền định, đến nơi⁽³⁵⁾
Phạm chí tịch tịnh, thanh thoi vượt dòng. O

415. Vì lý tưởng xuất gia, học đạo
Lìa gia đình, *dục lạc* chẳng màng

35. Đến bờ bên kia, đạt được giải thoát.



Dứt trừ hiện hữu, ái tham
Bà-la-môn ấy xứng hàng chân tu.

416. Vì lý tưởng xuất gia, học đạo
Lìa gia đình, *khát ái* chẳng màng
Dứt trừ hiện hữu, ái tham
Bà-la-môn ấy xứng hàng chân tu.

417. Tu thoát khỏi buộc ràng hai cõi
Thế giới người, cảnh giới chư thiên
Buộc ràng, giải thoát không còn
Bà-la-môn ấy vào dòng thánh nhân.

418. Không vương bận những điều ưa ghét
Hết sanh y⁽³⁶⁾, năm uẩn⁽³⁷⁾ vượt qua
Anh hùng chiến thắng nhiễm ô
Bà-la-môn ấy thật là chân tu.

419. Ai hiểu rõ đường đi sống chết
Không nhiễm ô, sáng suốt vượt lên
Học Tứ đế,⁽³⁸⁾ ngộ lý chân
Bà-la-môn ấy xứng danh tu hành. O

36. Cơ sở và điều kiện tái sinh gồm tham ái và chấp thủ.

37. Gồm thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư và nhận thức.

38. Khổ, nguyên nhân khổ, hạnh phúc – Niết bàn và con đường thoát khổ.



420. Với hành giả mà trời, thần, quỷ
Không một ai biết chỗ tái sanh
Lậu hoặc hết, chứng thánh nhân
Bà-la-môn ấy xứng hàng chân tu.

421. Người không dính vị lai, quá khứ
Hiện tại thì chẳng sở hữu gì
Xả buông, chẳng kẹt thứ chi
Bà-la-môn ấy sánh vì trăng sao.

422. Như trâu chúa sức thần uy dũng
Bạc anh hùng, chiến thắng nhiệm tham
Trí mâu giác ngộ, tịnh thanh
Bà-la-môn ấy xứng danh tu hành.

423. Rõ quá khứ, vị lai, hiện tại
Cõi trời, người, cảnh giới tái sanh
Mâu ni,⁽³⁹⁾ thắng trí, viên thành
Tử sanh kết thúc, sáng danh đạo đời. O
Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O

39. Người tu tập đã chuyển hóa được tham, sân, si và thanh tịnh thân, khẩu, ý.



7. KINH SOI GƯƠNG NHÂN CÁCH

THỈNH NGUYỆN SOI SÁNG

Tôi nghe như vậy, có một thưở nọ, ngài Mục-kiền-liên⁽¹⁾ đang sống với người thuộc dòng Bhagga trong vườn Lộc Uyển, rừng Bhe-sa-kăm.⁽²⁾ Có một hôm nọ, ngài Mục-kiền-liên gọi các Tỳ-kheo và dạy như sau:

– Thưa các hiền giả, nếu có Tỳ-kheo muốn thỉnh nguyện rằng: “Mong các tôn giả góp ý cho tôi, mong rằng tôi được các vị chỉ giáo.” Nhưng nếu vị ấy là người khó nói, hoặc đủ tính cách trở nên khó nói, không có kham nhẫn, không chịu đón nhận với lòng trân trọng những điều

1. Mahamoggallana.

2. Bhesakala, thuộc núi Sumsumaragira.



được dạy thì những đồng tu sẽ suy nghĩ rằng vị Tỳ-kheo ấy không đáng nói đến, nói chi giáo huấn và đặt lòng tin”. O

ĐỪNG TRỞ THÀNH NGƯỜI KHÓ GÓP Ý

– Thừa các hiền giả, bất kỳ người nào bị sự chi phối của các tính cách ác dục, phần nộ, khen mình chê người, sẽ trở thành người rất là khó nói. Khi bị tâm lý phần nộ chi phối, các tính cách sau lần lượt xuất hiện: hiềm hận, cố chấp, thốt lời dễ ghét, chống đối, chỉ trích, chất vấn lại người đã góp ý mình; có tâm lẩn tránh, trả lời ngoài lề, để lộ phần nộ, sân hận, bất mãn; không chịu giải trình hành động của mình cho người hiểu rõ; hư ngụy, não hại; tật đố, xan tham; dối gian, lường gạt; ngoan mê, quá mạn; dính mắc thế tục, cố chấp tư kiến, không chịu buông xả. Các tâm lý trên chính là tính cách làm cho một người trở nên khó nói. Nếu ai diệt trừ các tính cách ấy sẽ trở thành người có thể góp ý. O



SO SÁNH HỌC HỎI

– Thừa các hiền giả, để dứt trừ được các tánh cách xấu, hành giả cần phải tâm niệm chính mình bằng sự so sánh với những người khác: “Ta không thích người bị tâm ác dục chi phối, hoành hành. Nếu tâm ta bị ác dục chi phối, chắc chắn người khác sẽ không thích ta.” Khi biết như vậy hành giả cần phải nêu quyết tâm sau: “Ta sẽ không bị ác dục chi phối.”

– Tương tự như vậy, hành giả thực tập tâm niệm bản thân bằng sự so sánh với những người khác, biết rõ được rằng khi người khác có các tính cách xấu, ta không thích họ, thì khi ta có các tính xấu ấy, người khác cũng sẽ không quý mến ta. Nhờ vậy quyết tâm từ bỏ tánh xấu: “Ta sẽ không bị các tính cách xấu tác động chi phối như là phần nộ, khen mình chê người, hiềm hận, cố chấp, thốt lời dễ ghét, chống đối, chỉ trích, chắt vắn lại



người đã góp ý mình; có tâm lẫn tránh, trả lời ngoài lề, để lộ phần nộ, sân hận, bất mãn; không chịu giải trình hành động của mình cho người hiểu rõ; hư ngụy, nảo hại; tật đố, xan tham; dối gian, lường gạt; ngoan mê, quá mạn; dính mắc thế tục, cố chấp tư kiến, không chịu buông xả. O

SOI SÁNG BẢN THÂN

– Đây các hiền giả, cần phải quán sát bản thân như sau: “Ta còn ác dục, bị các ác dục chi phối hay không?” Sau khi quán sát, biết rõ ràng rằng: “Ta còn ác dục, bị các ác dục tác động chi phối” thì hành giả đó hết lòng tinh tấn dứt trừ các ác và pháp bất thiện. Nếu khi quán sát biết rõ ràng rằng ta không còn dục, không bị ác dục dắt dẫn chi phối, thì hành giả đó khởi tâm hoan hỷ, ngày đêm tinh chuyên thực hành pháp lành. Tương tự như vậy, hành giả áp dụng quán sát tất cả tâm lý còn lại. O



Giống như trường hợp, có một thiếu nữ hay một thanh nam, đương tuổi thanh xuân, tánh ưa trang điểm, tự quán sát mặt trong một tấm kiếng sạch và trong suốt, hay một bát nước không có cặn bẩn. Khi thấy bụi bặm bám trên mặt mình, người ấy tinh tấn chùi sạch bụi bặm và vết nhờn bẩn. Nếu mặt không dơ, người ấy hoan hỷ và tâm niệm rằng: “Thật sự ta được những điều tốt đẹp; thật sự ta được gương mặt trong sạch”.

Khi nghe tôn giả Đại Mục-kiền-liên thuyết giảng như vậy, tất cả Tỳ-kheo và người có mặt đều rất hoan hỷ, phát tâm thọ trì, truyền bá kinh này. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O





8. KINH PHÂN BIỆT NGHIỆP BÁO

LÀM CHỦ GIÁC QUAN

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, tại chùa Kỳ Viên, thuộc thành Xá Vệ do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng, đức Phật cho gọi tôn giả A-nan tập hợp Tăng đoàn và dạy như sau:

Này các đệ tử, phần lớn người đời bị sáu giác quan lừa gạt, gây nhiều tổn hại: Mắt bị hình thù, màu sắc lừa gạt, tai bị các loại âm thanh lừa gạt, mũi bị các mùi thơm tho lừa gạt, lưỡi bị các vị ngon ngọt lừa gạt, da bị các vật xúc chạm lừa gạt, ý bị tư tưởng tà vạy lừa gạt. Do bị đắm nhiễm, chạy theo giác quan, con người bị lừa, chìm trong đau khổ, khó mong giải thoát, chết lại tái sinh, rơi vào cõi ác. Những người có trí làm chủ giác



quan, làm chủ tâm ý, làm chủ hành vi nên không bị hại. O

MƯỜI NGHIỆP XẤU

Này các đệ tử, có mười hành động từ thân, khẩu, ý, rất nhiều người đời ưa thích thực hiện: Ba nghiệp từ thân, một là sát hại, hai là trộm cắp, ba là ngoại tình. Bốn nghiệp từ miệng, một là lừa dối, hai là đâm thọc, ba là lời ác, bốn là tán gẫu. Ba nghiệp từ ý, một là tham ái, hai là giận dữ, ba là si mê. Vì mười nghiệp ác, rất nhiều chúng sanh sống trong bất hạnh, khổ đau cho mình, gây họa cho người. Đến lúc qua đời, sanh vào cõi dữ. Những người có trí thấy rõ hậu quả của các nghiệp xấu nên nỗ lực tu, tinh tấn làm phúc, chuyển hóa thân tâm. O

SÁU ĐAM MÊ XẤU

Này các đệ tử, có sáu đam mê, dẫn đến tham luyến, làm cho người đời vướng vào



khô đau, gây nhiều tổn hại, đánh mất chính mình: Mắt mê hình sắc, tai mê âm thanh, mũi mê các mùi, lưỡi mê các vị, thân mê xúc chạm, ý mê ý niệm quá khứ, tương lai. O

TỰ GÂY BẤT HẠNH

Tôn giả A-Nan cung kính thưa Phật: “Bạch đức Thế Tôn, người tin Tam Bảo, giữ gìn giới hạnh có thể thoát được cảnh khổ hay không?”

- Nay các đệ tử, người có lòng tin vào ba ngôi báu Phật, Pháp và Tăng, sống giữ giới hạnh, siêng làm việc lành, thực tập thiền định, chuyển hóa tâm thức thì được phước lớn, lợi lạc vô cùng. Cũng có những người giả mượn danh nghĩa của người Phật tử, giả vờ kính tin Phật, Pháp và Tăng, chuyên làm tà vạy, tham lam vô độ, không chế ngự tâm, tham luyến sắc dục, ưa thích hưởng thụ, đam mê rượu thịt, phóng dăng buông lung... thì tội của họ không thể lường được. Hiện đời bất hạnh cho mình



và người. Chết trong khổ đau, tái sinh cõi dữ, khó mong thoát khỏi. O

MA THỜ ĐỨC PHẬT

- Nay các đệ tử, về thờ Tam bảo, có ba hạng người: Một là bọn ma tôn thờ đức Phật. Hai là người trời tôn thờ đức Phật. Ba là Phật tử tôn thờ đức Phật. Các đệ tử ma tôn thờ đức Phật được hiểu như sau: Có người theo Phật, thậm chí đi tu, hoặc mượn danh nghĩa là người theo Phật, nhưng trong tâm tâm gieo nghiệp tà kiến, truyền bá mê tín, bói toán, xin xăm, cúng sao, phong thủy, đồng bóng mê hoặc, vận hạn tốt xấu, tin có ma quỷ phá hoại cửa nhà, tin vào số phận, hoặc tin ngẫu nhiên, không tin nhân quả, không tin tội phước, không có chánh kiến, siểm nịnh yêu quái... vì nghiệp xấu này khó hưởng dư phước, tạm thời gặp Phật lại đi đường tà, có cũng như không, lẫn lộn khổ đau, không ngày thoát ra. O



NGƯỜI TRỜI THỜ PHẬT

- Nay các đệ tử, thế nào gọi là người trời thờ Phật. Có nhiều đệ tử sau ngày quy y, nương Phật, Pháp, Tăng, giữ năm đạo đức, làm mười điều thiện, lúc gặp khó khăn, những khi bệnh tật, ngay cả cám dỗ... cũng không dám phạm, tin sâu tội phước, làm thiện gặp phúc, tạo ác gặp khổ; không phạm luật pháp, sống có tình người, sống gương cao thượng, hiện đời hạnh phúc, chết sanh cõi lành, làm người hoặc trời. O

PHẬT TỬ THỜ PHẬT

- Nay các đệ tử, thế nào gọi là Phật tử thờ Phật? Không chỉ là người quy y Tam bảo, mà còn là người giữ gìn năm giới, sống rất đạo đức, học hiểu kinh luật, trau dồi trí tuệ, hiểu rõ ba cõi là nơi đau khổ, tâm cầu an lạc, giải thoát hiện tiền; tâm không tham đắm, chấp dính điều gì; thương xót chúng sanh, cứu người giúp



đời không tiếc thân mạng; có chí tiên thủ trong các việc phước; từ bỏ mê tín, không theo dị đoan; tu bốn nhiếp pháp (bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự), sáu ba la mật (bố thí, giữ giới, kham nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ), tin vào tái sinh, phát nguyện đời đời làm đệ tử Phật, sống trong an lạc, hạnh phúc hiện tiền. O

THỜI KỲ TƯỢNG PHÁP

Này các đệ tử, sau khi Như Lai đã nhập niết-bàn một ngàn năm sau, có nhiều tà thuyết xuất hiện tràn lan, thời thế yêu ác, có nhiều quốc gia mất đi chủ quyền, nhân dân không được an cư lạc nghiệp, chiến tranh tàn phá, ngoại xâm gây khổ, nội loạn bất an. Nhiều nơi quốc gia đánh mất kỷ cương, xã hội bất ổn, lòng người nghi oán. Đây là giai đoạn của thời tượng pháp.

Tôn giả A-Nan liền thưa Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn, vì sao gọi là thời kỳ tượng pháp?”



- Nay các đệ tử, đó là thời kỳ, có nhiều tu sĩ không theo chánh pháp, không giữ giới hạnh, sống như tại gia, tâm không hổ thẹn, chỉ lo đầu tư các nghề nghiệp đời, không có kiến thức, không học Phật pháp, không tu thiền định, không chuyển hóa tâm, thích lối ăn mặc theo kiểu thế tục, trên dưới lộn xộn, đả mạt theo sắc dục, không sợ tội lỗi, không bận tâm nhiều đến việc độ đời, giáo hóa chúng sanh, giúp họ an lạc. Khi gặp phải người thấu hiểu Phật pháp, khuyên lớn tu học, chuyển hóa nghiệp phàm, hướng về nẻo thánh... thì sanh tâm xấu, oán ghét, chỉ trích, phỉ báng, phá hoại; còn chê trách rằng người góp ý mình là thiếu hiểu biết. Ảnh hưởng chánh pháp do vậy giảm dần. O

Tôn giả A-nan tiếp tục hỏi Phật: “Bạch đức Thế Tôn, thời tượng pháp ấy, có nhiều hay chẳng những người phụng trì chánh pháp Như Lai?”



- Nay các đệ tử, dù là tượng pháp, vẫn có nhiều người kính tin Tam bảo, phát tâm xuất gia, giữ gìn giới luật, sống trong lục hòa, tinh thông nghĩa pháp, đa văn hiểu biết, phát triển Phật pháp, làm lợi quần sanh, giúp cho nhiều người hưởng được lợi lạc. Trong giai đoạn này, cũng có nhiều người theo các đạo khác đến xin xuất gia, học theo Phật pháp. Cần phải cẩn trọng. Nên cho tập sự trong đôi ba tháng. Nếu nhận thấy được ý chí của họ hợp với giới hạnh, đời sống thanh cao, tâm tư rộng lặng, ít không ham muốn, không làm điều sai, có chí tu học... thì mới cho tu. Trước truyền cho họ các giới thập thiện. Dăm ba năm sau, nếu thấy người ấy tu đúng chánh đạo, không phạm giới nào, siêng tu thiền định, thì mới tiếp tục cho họ thọ giới làm thầy Tỳ-kheo. Những người như thế, nếu tinh tấn hơn, hướng đến giải thoát, nhất định trước sau được Phật Di-lặc tiếp duyên độ thoát. O



XUẤT GIA TU HỌC

Tôn giả A-nan cung kính bạch Phật: “Sau này có ai muốn tu chánh pháp, xa lìa phàm tục, xuất gia tu tập, nếu không gặp được các bậc minh sư truyền trao giới pháp, mà chỉ gặp người viết chép giới luật truyền trao lại thôi, những người như thế có được độ thoát và thành tựu được các Phật sự không?”

Đức Phật ân cần dạy ngài A-nan: “Người nào tinh thông giới và chánh pháp mới có khả năng truyền trao giới pháp. Truyền qua văn tự khó mà đúng pháp. Phật là đại trí, trên cả trời người. Phật luôn hóa độ tất cả chúng sinh. Phật, bậc minh triết có một không hai. Những người không thông, không nên vọng truyền, đánh mất tông chỉ. Phải hiểu rõ được giới luật, chánh pháp, lão thông mọi việc mới có thể truyền giới pháp cho người. Người chưa thông hiểu mà thích lạm truyền là trái lời



Phật, sẽ gây hoang mang và mất niềm tin. Việc làm như thế không ích lợi gì cho cả người truyền và người tiếp nhận, đồng thời lại phạm vào lỗi không nhỏ. Nên người đời sau phải suy xét rõ. O

Tôn giả A-nan tiếp tục bạch Phật: “Nếu người có chí, chán khổ thế gian, muốn được giải thoát, gặp thời không Phật, thì làm cách nào độ họ an vui?”

Đức Phật liền dạy: “Người có chí nguyện cần gặp minh sư, am hiểu Phật pháp và các giới luật, hướng dẫn tận tường cách giữ oai nghi và giới lớn nhỏ. Thầy mà không hiểu chánh pháp và luật mà lại truyền dạy cho các đệ tử thì cả hai bên đều bị mê lầm, không thể giải thoát. Về đời sau này, có các thầy tu ô nhiễm, phá giới, hành động phi pháp, chạy theo danh vọng mà mong an lạc thì khó thoát khỏi quả báo không vui. Người tu như thế thật đáng thương xót.



Tôn giả A-nan: “Kính bạch Thế Tôn, người có nhân duyên xuất gia tu học là đều nhờ vào oai thần của Phật, lẽ ra phải được hướng đến giải thoát, tại sao có người không tin pháp Phật, để phạm giới luật, chịu nhiều khổ đau trong nhiều kiếp sống?” O

Đức Phật dạy rằng là do kiếp trước đọa vào cảnh khổ, do vì đau đớn, người ấy nhất thời ăn năn hối cải, nên được chút phước, sanh ra làm người, gặp được Phật pháp, cạo bỏ râu tóc, làm vị xuất gia. Các nghiệp xấu cũ chưa trị dứt điểm, tâm còn do dự, không gặp các bậc minh sư, tri thức, nên thường sống trong hành động ô trược, đạo không ra đạo, đời không ra đời. Những người như thế lần lượt đọa lạc các cảnh khổ cực, lãnh lấy quả báo khổ đau nhiều kiếp.

Này các đệ tử, là người xuất gia, không màng hôn nhân, lìa xa gia đình, từ bỏ



kinh doanh, làm vị Sa-môn thì các ông phải siêng năng thực tập, giữ gìn giới đức, đúng như giới pháp của A-la-hán. Thà uống đồng sôi, cháy tiêu ruột gan, quyết không làm người không có giới đức nhận của tín thí. Người không giới đức nhận của tín thí sẽ phải chịu khổ nhiều đời, nhiều kiếp. Khi được thân người phải chịu đền trả các nghiệp đã gieo. Lúc làm con cái, khi làm cha mẹ đền trả nợ nhau. O

NHÂN QUẢ VAY TRẢ

Tôn giả A-nan: “Xin Phật nói rõ nghĩa của đền trả?”

Đức Phật dạy rằng sự vay và trả trong nghiệp luân hồi vô cùng phức tạp. Có người làm công bị chủ đánh chửi, đối xử vô đạo mà vẫn cam chịu, không chút oán hận, lại còn siêng năng làm tốt các việc, không than mỗi mạt, giữ gìn, bảo vệ tài sản của chủ, không để hư mất.



Phật đáp: Có người làm thân tôi tớ bất hạnh, bị chủ đánh đập, mắng chửi tàn tệ, đối xử vô đạo, thế vẫn cam chịu, không hề oán hận, lại còn siêng năng làm tốt công việc không biết mỏi mệt, giữ gìn của cải cho người chủ nhà không để hư mất. Đó là tình huống làm thân tôi tớ đền trả nghiệp trước, do nhận tín thí mà không tu tập. Một phần cũng do hiểu được nhân quả, nghiệp duyên đời trước, nên đành cam chịu! O

Cũng có trường hợp đầu thai làm con để trả nợ xưa. Đây là tình huống làm con siêng năng, không chút than phiền; bao nhiêu tiền của làm việc vất vả, cha mẹ tiêu xài không biết thương tiếc, dẫn đến tình trạng khốn khó tài chính. Trường hợp cha mẹ đền trả nợ con lại dai dẳng hơn. Con cái hoang phí, ăn chơi đàng điếm, tán gia bại sản, cha mẹ thương con không thể bỏ được. Người chịu đặng



được phần lớn là do hiểu được duyên nghiệp, quả báo đời trước mà đành cam chịu, không trách móc ai. Các nghiệp trả vay chỉ tồn tại trong một thời gian thôi, sau khi hết nợ thì phải chia ly, không thể chung sống một cách vĩnh viễn. Người trí hiểu biết, quyết tâm ngăn chặn, không tạo nghiệp duyên để khỏi đền trả. O

ĐỀN ĐÁP ÂN SÂU

Chỉ có đạo đức tồn tại lâu dài. Trong đời quá khứ, ta đã từng làm cha mẹ, con cái, công nhân, tội tớ. Tất cả điều trên đều do nhân duyên, phải chịu một thời, không sao trốn được. Cha mẹ của ta ở đời kiếp này là do nhân duyên đạo đức nhiều đời, chứ không phải do nhân duyên nghiệp báo. Trải qua nhiều đời, cha mẹ của ta cho ta cái quyền tự do học đạo. Nhờ công ân này, ta đã tinh tấn tu hành nhiều kiếp nên mới thành Phật ngay trong kiếp này. Ai muốn theo ta, học đạo



của ta phải thật siêng năng, lo tròn chữ hiếu. Chớ có buông lung, khi mất thân người, muôn kiếp khó được. O

Trong thời mạt pháp, mọi người gắng tu hiếu thuận, hòa kính. Khi gặp chánh pháp, tinh tấn tu tập. Gặp Phật ra đời, hết lòng quy kính. Gặp bậc minh sư, hết lòng phụng thờ, chuyên cần học hỏi, thực tập, làm theo những lời giáo huấn.

Làm được thân người là việc khó lớn. Thân thể lành lặn, đủ sáu giác quan là một điều phước. Thông minh, sáng suốt làm bậc tài khí của một quốc gia lại phước hơn nữa. Dù không gặp Phật, được nghe chánh pháp, gắng công thực tập lại quý hơn nữa. Nên khi còn khỏe, mọi người hãy nên hết lòng thực tập, đừng để thời gian luống trôi vô ích. O

CHỚ NÊN TẠO NGHIỆP KHỔ

Khi ta qua đời, sẽ có thời kỳ, đời nhiều



tai ác, phạm tội ngũ nghịch, ma quái thịnh hành, chánh đạo khốn đốn; kinh pháp thì nhiều, người học thì ít; dẫu có học hỏi, ít người thực hành. Về phía tôn giáo, có nhiều người tu, ít người giữ được đạo đức thanh cao. Nhiều vị tu sĩ vương nhiệm thói đời, có nhiều tham vọng, thỏa chí dù nhân, không khác người đời, thích mặc sang trọng, đọc sách thế gian, kết tụ thành nhóm, ca múa xướng hát, thích cầu danh vọng. Cũng có tu sĩ, nhận nhiều đệ tử, nhưng không giáo hóa, nghiệp phàm còn nguyên. Tất cả người tu, phải theo chánh đạo, hóa độ cuộc đời, nương bậc cao đức, làm chủ giác quan, xứng đáng là bậc đạo cao đức cả. Hãy nên nhớ rằng, làm được thân người, chỉ mấy mươi năm, nhiều nhưng không nhiều, đừng tưởng dài lâu, mà không chịu tu. Bất cứ lúc nào, hễ gây tội lỗi, thì về sau này, sẽ phải chịu khổ, điên đảo vô cùng, khốn đốn biết bao.



Này các đệ tử, khi được thân người, đủ sáu giác quan, gặp được Phật pháp, học Phật tu nhân, thì hãy hết lòng, giữ gìn đạo đức, thực tập thiền định, phát triển trí tuệ, tu tập rất ráo. Một khi lỡ làng, đánh mất nhân cách, rất khó hồi phục, đôi lúc phải mất nhiều năm, nhiều kiếp. Gặp Phật ra đời, là một đại phước. Nghe chánh pháp Phật, cũng là đại phước. Thực tập lời Phật, chuyển hóa thân tâm, còn phước hơn nữa. Hãy tự suy nghĩ để đừng luống phước.

Phật vừa dứt lời, tất cả đệ tử, đều được lợi lạc, phát nguyện thực tập những lời Phật dạy. Riêng người xuất gia, đang ngồi thiền quán, có người chứng đắc quả A-la-hán. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O



9. KINH ĐỊNH LUẬT NGHIỆP

CHỦ NHÂN CỦA NGHIỆP

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, đức Phật ở tại tịnh xá Kỳ Viên do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ Đà phát tâm hiến cúng, có một thanh niên tên là Subha thăm viếng, chào hỏi, đảnh lễ Thế Tôn, ngồi xuống một bên rồi bạch Phật rằng:

– Kính bạch Thế Tôn, do vì nhân gì và duyên thế nào mà trong loài người, có gia đình giàu, có gia đình nghèo; có người giàu sang, có kẻ nghèo khó; người nhiều sở hữu, kẻ chẳng có gì; có người sống thọ, có kẻ chết yểu; có người cường tráng, có kẻ bệnh tật, có người đẹp tướng, có kẻ xấu xí; có người quyền bính, có kẻ yếu thế; có người trí



tuệ, có kẻ ngu đần? Kính xin Thế Tôn từ bi chỉ dạy.

– Nay các đệ tử, trong loài hữu tình, con người chính là chủ nhân của nghiệp, là người thừa kế gia tài của nghiệp. Nghiệp là bào thai, nghiệp là quyền thuộc, nghiệp là điểm tựa; chính nghiệp phân chia thiên sai vạn biệt giữa các hữu tình cũng như loài người. O

NGHIỆP SÁT HẠI, HẠN THỪ

– Kính xin Thế Tôn giải thích rõ hơn những điều ngài dạy về bản chất nghiệp!

– Nay các đệ tử, nếu có người nam hoặc là người nữ giết hại tàn nhẫn, bàn tay lấm máu, thích việc đả thương bằng các vũ khí hoặc bằng đao gậy, không có từ bi đối với sự sống của các chúng sanh thì do nghiệp này, sau khi qua đời, tái sinh cõi dữ, như loài động vật. Nếu sanh làm người, sống đời yếu thọ, thường bị



bệnh tật, tổn kém tiền bạc, ảnh hưởng sự nghiệp, tâm không được an, khó được hạnh phúc. Nếu có người nào có lòng từ bi, thương xót chúng sinh, bảo vệ mạng sống thì được trường thọ, khỏe mạnh, bình an, không bị não phiền.

– Nếu có người nam hoặc là người nữ bực tức, nóng giận, căm phẫn, chống đối, hay dễ phật lòng, thể hiện bất bình vào việc lớn nhỏ, thì do nghiệp này nhan sắc xấu đi, ảnh hưởng sức khỏe, sau khi qua đời, tái sinh cõi dữ.

– Nếu có người nam hoặc là người nữ có tâm tật đố, ty hiềm người khác khi người có được quyền lợi, tài sản, danh tiếng, thành công, nhan sắc, sức khỏe, được người quý trọng thì do nghiệp này, người ấy sẽ bị khổ đau dần vặt, mất hết hạnh phúc, gặp nhiều quả xấu, lận đận bất an. ○



NGHIỆP PHƯỚC BÁU

– Nếu có người nam hoặc là người nữ cung kính cúng dường các bậc chân tu các nhu yếu phẩm, nhờ đó chuyên tâm vào việc tu học, hóa độ chúng sinh thì nhờ phước này gặp nhiều thuận lợi, làm ăn phát đạt, đầy đủ tiện nghi. Nếu có người nào thực tập chia sẻ, giúp người hoạn nạn, bất hạnh, cơ nhỡ thoát cảnh khổ đau thì được hạnh phúc và nhiều phước báu. O

NGHIỆP KIÊU MẠN

– Nếu có người nam hoặc là người nữ có thói kiêu mạn, cho mình số một, ngạo nghễ, bất kính, không biết đánh lễ những người đáng lạy; không biết nể trọng những người đáng nể; không biết nhường chỗ cho người đáng nhường; không biết nâng đỡ những người đáng giúp thì do nghiệp này không ai quý mến, thường bị cô lập, tâm lý cô đơn, sống trong bất



hạnh; đời sau tái sinh vào cảnh giới xấu, gia đình thấp kém. ○

THAM VẤN NHÂN QUẢ

– Nếu có người nam hoặc là người nữ biết đến chùa chiền gặp người chân tu, tham vấn đạo lý, đâu là thiện ác, đâu là phạm tội và không phạm tội, điều cần thực hành và điều nên tránh; đâu là hạnh phúc và đâu khổ đau; tôi đã làm gì có ảnh hưởng xấu; tôi phải làm gì để được an vui, đời này đời sau, nhờ biết tham vấn, nên biết đạo lý, sống đời đạo đức, làm nhiều việc lành, đạt nhiều phước báu, đầy đủ trí tuệ, sống trong an vui một cách dài lâu. ○

TỐT XẤU DO TA

Này các đệ tử, gieo nghiệp yếu thọ thì gặt đoản thọ; gieo nghiệp sống thọ thì gặt sống lâu; gieo nghiệp khỏe mạnh thì ít bệnh tật; gieo nghiệp phước tướng thì



gặt nhan sắc; gieo nghiệp địa vị thì gặt quyền lực; gieo nghiệp phú quý thì gặt tài sản; gieo nghiệp cao quý thì gặt sang trọng; gieo nghiệp mê tín thì gặt si mê; gieo nghiệp vô minh thì gặt bất hạnh. Tất cả các nghiệp, dù lớn hay nhỏ, cố ý, vô tình đều là con đường dẫn đến nghiệp quả. Nay các đệ tử, nên nhớ lời ta: “Con người chính là chủ nhân của nghiệp, là người thừa kế gia tài của nghiệp. Nghiệp là bào thai, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điếm tựa; chính nghiệp phân chia thiên sai vạn biệt giữa các hữu tình cũng như loài người”. O

QUY NGŨƠNG PHẬT PHÁP

Khi đức Phật dạy về bản chất nghiệp và quả của nghiệp, thanh niên Subhā tán dương Phật rằng: “Kính lễ Thế Tôn, Người đã dựng đứng những gì bị ngã; Người đã lật ngửa những gì bị úp, Người đem ánh sáng vào trong bóng tối, để



người có mặt nhìn thấy mọi vật; chánh pháp của Phật thật là vi diệu. Con xin trọn đời nhận Phật làm thầy, nhận pháp làm thầy, nhận Tăng làm thầy, trọn đời quy ngưỡng, thực tập an vui”. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O





10. KINH NGHIỆP TẠO SAI BIỆT

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, đức Phật ở tại rừng Ic-cha-nan-kal, nhiều Bà-la-môn giàu và nổi tiếng như là Can-ki, Ja-nus-so-ni, Pok-khara-sati và Ta-ruk-kha cũng cùng có mặt. Đang khi tản bộ, có hai thanh niên tên Va-set-tha và Bha-rad-vaj thảo luận sôi nổi về “Bà-la-môn?”

Anh Bha-rad-vaj có quan điểm rằng: “Bà-la-môn là một người thuần chủng từ hai gia phả, mẫu hệ, phụ hệ, huyết thống thanh tịnh; bảy đời tổ phụ không một vết nhơ, không bị thị phi về nguồn huyết thống”. O

Anh Va-set-tha thì lại cho rằng: “Bà-la-môn là người có giới hạnh, đạo đức thanh cao; không do huyết thống, nguồn



gốc gia đình.” Do vì bất đồng quan điểm tôn giáo, họ đã không thể thuyết phục lẫn nhau. Anh Va-set-tha gợi ý với bạn những điều sau đây: O

– Sa-môn Cồ-đàm là một thái tử, bỏ ngôi đi tu, thành bậc giác ngộ. Tiếng đồn sau đây được đời biết đến: “Ngài là Như Lai, bậc đáng cúng dường, bậc tuệ giác lớn, bậc đủ đức trí, bậc khéo vượt đời, bậc hiểu thế gian, bậc không ai hơn, bậc điều trọng phu, bậc thầy trời người, bậc đã giác ngộ, bậc đời tôn kính.” Người ở gần đây, trong rừng bên cạnh. Hãy đến hỏi người thế nào gọi là một Bà-la-môn? Những gì người dạy ta hãy học theo.

Cả hai đồng tình đến gặp Thế Tôn. Sau khi chào hỏi, cả hai ngồi xuống. Anh Va-set-tha bạch Phật lời rằng: O

Cả hai người chúng con

Được mọi người tôn xưng



Ta trả lời cho anh,
Như thật với bản chất.
Tất cả loài hữu tình,
Đa dạng và dị biệt,
Do sinh sản mà ra,
Không do ai phân định.

Hãy xem loài thảo mộc,
Dầu không có nhận thức,
Đều có tướng thọ sanh,
Do sanh mà khác loại.
Bướm đêm, các loại kiến,
Và tất cả côn trùng;
Hay các loài bốn chân,
Giống lớn hay con nhỏ;
Hoặc các loài bò sát,
Giống cứng hay lưng dài;
Hoặc các loài thủy tộc,
Hay các loại chim muông...
Do sanh mà khác loại.



Trong thế giới con người,
Tướng sanh không có nhiều:
Không ở đầu, mặt, cổ,
Không ở bụng, lưng, ngực
Không ở tay, chân, móng...
Mà sự sinh có mặt.

Thân thể của con người,
Không có nhiều sai khác.
Theo danh xưng mặc định,
Con người được gọi tên.

O

Ai sống nghề ruộng nương
Được gọi là nông phu.

Ai làm nghề công chức
Được gọi là công nhân.

Ai sống nghề buôn bán,
Được gọi là thương gia.

Ai chuyên hầu hạ người
Được gọi là người hầu...



Ai cướp của, trộm cắp
Được gọi là đạo chích.
Ai trấn giữ biên thùy
Được gọi là chiến sĩ.
Ai chuyên lo cúng thần
Được gọi là tế quan.
Ai làm chủ quốc gia
Được gọi là vua chúa...
Không phải Bà-la-môn.
Ta không gọi một người
Là một Bà-la-môn
Chỉ vì do huyết thống,
Giàu sang, nhiều thế lực.
Người nào buông chấp thủ
Không hám lợi, tiền, danh,
Chuyển hóa mọi trói buộc,
Tâm không còn sợ hãi,
Chặt đứt mọi ách nạn,
Bậc giác ngộ, sáng suốt,



Ta gọi Bà-la-môn

Bất luận sanh từ đâu.

O

Ai đức hạnh thanh cao,

Nhẫn nại và kiên trì,

Không phần nộ, giữ luật,

Khiêm tốn, không kiêu căng,

Làm chủ các giác quan,

Thân này là cuối cùng,

Vượt thoát mọi khổ ách,

Xứng gọi Bà-la-môn.

Như nước trên lá sen,

Hột cải trên đỉnh nhọn,

Không tham luyến dục vọng,

Xứng danh Bà-la-môn.

Ai xa lìa hệ phược,

Đặt được gánh nặng xuống

Không còn tâm chấp ngã

Xứng danh Bà-la-môn.

O



Người có trí sáng suốt
Hiểu đạo và tà đạo,
Đạt được đích tối thượng,
Xứng danh Bà-la-môn.

Người ít muốn, biết đủ,
Không sát hại, đả thương,
Không hận giữa hận thù,
An bình giữa hung bạo,
Tự tại giữa chấp thủ,
Chuyển hóa tham, sân, si
Không cao ngạo, giấu lỗi
Xứng danh Bà-la-môn.

Ai nói lời chơn thực,
Nhỏ nhẹ và từ ái,
Không xúc chạm một ai,
Không lấy vật không cho,
Từ bỏ các tham cầu
Đời này và đời sau,



Dứt sạch mọi hệ lụy
Xứng danh Bà-la-môn. O

Ai dứt sạch nghi hoặc,
Không còn chấp dính gì,
Đạt được sự bất tử,
Vượt lên trên thiện, ác,
Không sầu, không nhiễm ứ,
Đoạn trừ sạch hỷ, hữu,
Vượt qua được luân hồi,
Xứng danh Bà-la-môn.

Ai đến được bờ kia
Thiền định, không dao động,
Chuyển hóa các nghi hoặc,
An tịnh, không vương mắc
Buông bỏ các dục vọng,
Sống đời tu thanh cao,
Không còn vương tái sinh,
Xứng danh Bà-la-môn. O



Ai bỏ ách loài người
Vượt qua ách loài trời,
Dứt sạch các ách nạn,
Không còn hệ phược nào,
Từ bỏ vui, không vui,
Không vướng vào thanh lương
Chiến thắng các thế giới,
Xứng danh Bà-la-môn. O

Ai biết được nguồn gốc
Sanh diệt của chúng sanh,
Không vướng, khéo vượt qua,
Giác ngộ, buông chấp thủ,
Dứt sạch các lậu hoặc,
Không vướng dính ba đời,
Đạt quả thánh đáng kính,
Xứng danh Bà-la-môn.

Như trâu chúa số một,
Bạc anh hùng, đại sĩ,



Bậc Chinh phục, Bất động,
Bậc Giác Ngộ, sạch nghiệp,
Bậc thông hiểu ba đời,
Bậc biết cõi thiện, ác,
Bậc không còn luân hồi,
Xứng danh Bà-la-môn.

Tất cả các danh xưng,
Từ huyết thống, gia tộc,
Chỉ là tên mặc định,
Do chấp chặt lâu đời.
Kẻ ngu vương tà kiến,
Tuyên bố điều không thật,
Phân giai cấp cao thấp,
Gieo bất hạnh, đau thương.

Không thể dựa vào cơ
Huyết thống và họ tộc,
Mà gọi Bà-la-môn,
Hay gọi là vua chúa.

Chính do các hành động,
Mà các nghề có mặt,
Danh xưng từ đó có,
Như mặc định xã hội.

Tất cả do hành động
Có người làm nông phu,
Công nhân hoặc thương gia,
Nô bộc hay ăn trộm,
Binh sĩ hay tế quan
Vua chúa hay tướng lĩnh,
Hành động tạo nghề nghiệp,
Hạnh phúc hoặc khổ đau. O

Kẻ trí rõ hành vi,
Thấu hiểu lý tương tác,
Biết nghiệp và nghiệp quả,
Do nghiệp, đời chuyển xoay,
Do nghiệp, có luân hồi.
Nghiệp trôi buộc mọi loài



Như trục xe quay bánh,
Không ai thoát luật nghiệp.

Người tu luyện đạo đức,
Gắng viên tròn hạnh thánh,
Tiết chế, chủ thân tâm
Mới xứng Bà-la-môn.

Lão thông Tam tạng kinh,
Thanh tịnh, dứt tái sanh,
Người đó được trời người,
Cung kính và đánh lễ.

O

Nghe Phật phân tích nghĩa và triết lý về Bà-la-môn, anh Va-set-tha và Bharad-vaj đều được soi sáng, cung kính bạch Phật:

“Kính lễ Thế Tôn, Người đã dựng đứng những gì bị ngã; Người đã lật ngửa những gì bị úp, Người đem ánh sáng vào trong bóng tối, để người có mặt nhìn thấy mọi vật; chánh pháp của Phật thật

là vi diệu. Con xin trọn đời nhận Phật làm thầy, nhận Pháp làm thầy, nhận Tăng làm thầy, trọn đời quy ngưỡng, thực tập an vui”. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O





11. KINH CHUYỂN HÓA NGHIỆP CHƯỚNG

GIÁP MẶT KẸ SÁT NHÂN

Tôi nghe như vậy. Khi đức Thế Tôn sống tại Kỳ Viên, nước Kosala dưới sự trị vì của Ba-tu-nặc⁽¹⁾ bị nạn cướp giết của tên sát nhân Vòng Hoa Tay Người,⁽²⁾ thợ săn vấy máu, sát hại, hung tàn, không chút tình thương đối với con người. Vì nạn giết hại của tên sát nhân, làng ấp tan hoang, thị trấn tan rã, xã hội bất ổn. Tên sát nhân này thường mang vòng hoa kết ngón tay người. Mỗi khi giết ai, vòng hoa ngón tay tăng thêm một ngón.

Một buổi sáng nọ, Thế Tôn đắp y, cầm bát vào thành Xá Vệ khát thực. Trên

1. Pasenadi.

2. Angulimala.

đường trở về, Thế Tôn đi vào con đường đến chỗ của tên sát nhân. Những người nông phu, những kẻ bộ hành, những người chăn thú thấy vậy thưa Phật: “Thưa ngài Sa-môn, đừng vào đường này. Kẻ sát nhân tên Vòng Hoa Tay Người luôn giết hại người. Nhiều đoàn bộ hành, mười người, hai mươi, thậm chí bốn mươi vẫn không thoát khỏi nạn cướp giết người”. Ba lần ngăn cản, Thế Tôn mặc nhiên đi trong im lặng, đến cứ địa của tên sát nhân lớn.

Thấy đức Thế Tôn từ xa đi tới, hân mừng thâm nghĩ: “Có những đoàn người đến bốn chục người không thoát khỏi ta. Nay Sa-môn này, một mình một bóng, có sức mạnh gì, đến đây nạp mạng!” O

ĐANG DỪNG VÀ ĐANG ĐI

Vòng Hoa Tay Người lấy kiếm và khiên, đeo cung tên vào, đi sau lưng Phật. Lúc ấy đức Phật vận dụng thần thông, làm



tên sát nhân đi hết tốc lực cũng không đuổi kịp Ngài đi bình thường. Vòng Hoa Tay Người ngạc nhiên suy nghĩ: “Thật là kỳ lạ, thật là hiếm có! Trước đây ta từng đuổi theo voi, ngựa, nai và đoàn xe chạy với tốc độ, bắt kịp được chúng. Nay ta không thể đuổi kịp Sa-môn đang đi bình thường?!”

Vòng Hoa Tay Người đề nghị Thế Tôn: “Này ông Sa-môn, xin hãy dừng lại!”

Đức Phật trả lời: “Hỡi này anh bạn, ta đã dừng rồi, người chưa đứng lại”.

Vòng Hoa Tay Người thâm suy nghĩ rằng Sa-môn là người tuyên nói sự thật, chấp nhận sự thật. Vô cùng ngạc nhiên, hấn hỏi đức Phật: O

Trong lúc ngài đang đi,
Sao bảo “đã đứng rồi?”
Còn ta đã dừng hẳn,
Sao ngài bảo “ta đi?”

Tại sao người đứng lại,
 Tại sao ta không đứng?
 Thế Tôn ôn tồn, giải rõ triết lý:
 Nay Vòng Hoa Tay Người
 Ta đã bỏ vũ khí
 Với người và chúng sinh.
 Còn người không kiềm chế
 Tay vấy máu hại người.
 Vì thế, ta đã dừng,
 Trong khi người chưa dừng. O

BUÔNG ĐAO SÁT HẠI

Vòng Hoa Tay Người thay đổi thái độ,
 bạch Phật lời rằng:

Từ lâu tôi tôn kính
 Những bậc đại tiên nhân
 Nay ngài đến đại lâm
 Hỗ trợ tôi dứt ác.

Khi nghe pháp kệ của đức Phật nói, tên



sát nhân ấy quăng bỏ dao kiếm xuống vực thăm sâu. Hương đầu đánh lễ dưới chân đức Phật, bộc bạch chân thành, xin được xuất gia với bậc Từ bi, bậc đại tiên nhân, đạo sư trời người.

Đức Phật đã gọi Vòng Hoa Tay Người: “Lại đây Tỳ-kheo”. Được Phật xác chứng, Vòng Hoa Tay Người được Phật thể phát. O

NGƯỜI CHUYỂN NGHIỆP ĐƯỢC AN XÁ

Sau đó Thế Tôn tuần tự du hành đến thành Xá Vệ. Đi sau Phật là Vòng Hoa Tay Người. Thầy trò trú tại tu viện Kỳ Viên. Vào thời điểm đó, tại cửa nội cung nước Kosala của Ba-tư-nặc, một số quần chúng, tụ hội lớn tiếng, vang vọng lời rằng: “Kính tâu Đại vương, trong lãnh thổ ta có tên sát nhân Vòng Hoa Tay Người, giết người tàn bạo, không chút lương tâm đối với người khác. Mỗi khi giết người, hấn sâu ngón tay của nạn



nhân vào vòng hoa tay người, đeo ở trên cổ. Xin ngài trục xuất tên sát nhân đó”.

Khi được chỉ điểm, vua Ba-tư-nặc cùng đoàn tùy tùng khoảng năm trăm người, đi ngựa rời thành, hướng chùa Kỳ Viên. Đi đến một chỗ không đi xe được, nhà vua xuống xe, đi bộ viếng Phật, lạy, ngồi một bên. Đức Phật hỏi rằng:

– Kính thưa Đại vương, có phải do vua Tân-bà-sa-la⁽³⁾ nước Ma-kiệt-đà tức giận Đại vương, hay do những người Licchavi kia ở Vesala, hoặc định vương khác, làm ngài không an?

– Bạch đức Thế Tôn, không phải như thế. Trong lãnh thổ con, có tên sát nhân Vòng Hoa Tay Người, vấy máu sát hại biết bao nhiêu người, không chút tình thương. Vậy mà đến nay, con vẫn chưa thể trục xuất hẳn được. O

3. Seniya Bimbisara.



– Kính thưa Đại vương, nếu ngài nhìn thấy Vòng Hoa Tay Người cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, sống đời xuất gia, từ bỏ giết hại, từ bỏ cướp giựt, lừa đảo, nói láo, ngày ăn một bữa, sống đời thanh cao, giữ đủ giới đức, thực tập thiện pháp, ngài sẽ làm gì với người như thế?

– Bạch đức Thế Tôn, nếu quả như thế, con sẽ đánh lễ, đứng dậy, mời ngồi, cúng dường nhu phẩm. Chúng con hộ trì, bảo vệ đúng pháp. Nhưng bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì một người ác tâm, gây nhiều tội lỗi, trở nên đạo đức, chế ngự bản thân?

Bấy giờ tôn giả Vòng Hoa Tay Người ngồi gần đức Phật. Phật duỗi tay mặt chỉ vào tôn giả, nói với vua rằng:

– Kính thưa Đại vương, đây chính là thầy Vòng Hoa Tay Người. O

Vua Ba-tư-nặc trở nên hoảng sợ, lông tóc dựng ngược. Phật khuyên vua rằng:



– Kính thưa Đại vương, xin đừng sợ hãi. Ở đây bình an. Không có điều gì đáng sợ hãi.

Nghe đức Phật nói, vua không còn sợ, đến gần tôn giả Vòng Hoa Tay Người, vấn tẩn thưa hỏi:

– Tôn giả có phải Vòng Hoa Tay Người?

– Thưa phải, Đại vương.

– Kính thưa Tôn giả, cha mẹ tôn giả thuộc dòng họ gì?

– Thân phụ của tôi thuộc họ Gagga. Còn mẹ của tôi họ Mantani.

– Xin ngài Gagga Man-ta-ni Tử⁽⁴⁾ hãy sống hoan hỷ. Tôi sẽ cung phụng tứ sự cúng dường, y phục, ăn uống, sàng tọa, dược liệu cho Ngài sử dụng.

Vì tu theo hạnh ần tu rừng núi, khát thực mà ăn, chỉ dùng ba y, Vòng Hoa

4. Gagga Mantaniputta.



Tay Người thừa đức vua rằng:

– Cảm tạ Đại vương, tôi đủ ba y.

Đến bên cạnh Phật, ngồi xuống một bên, vua Ba-tư-nặc bạch với ngài rằng:

– Thật là mâu nhiệm, thật là hiếm có. Bằng phương pháp nào, Thế Tôn nhiếp phục người khó nhiếp phục, giúp cho an tịnh người không an tịnh, làm cho thiện hóa người sống ác độc! Đối với những người, luật pháp nước trẫm không thể nhiếp phục bằng các hình phạt với gậy và kiếm, Thế Tôn có thể nhiếp phục dễ dàng, không cần đao trượng. Xin đa tạ Người. Chúng con phải đi, vì có nhiều việc đang chờ đợi con. O

MẸ TRÒN CON VUÔNG

Vua và đức Phật già từ lẫn nhau. Vào sáng hôm sau, Vòng Hoa Tay Người đắp y cầm bát, vào thành Xá Vệ khát thực đúng pháp. Tôn giả thấy một phụ nữ gần



sanh, đau đớn, nguy kịch. Tôn giả suy nghĩ: “Thân phận con người chứa nhiều đau khổ”. Bất lực trở về, tôn giả thưa Phật đầu đuôi câu chuyện.

Đức Phật dạy rằng: “Con hãy trở lại nói với người ấy: “Bà chị thân mến, từ khi sanh ra, tôi chưa cố ý giết hại mạng sống của các chúng sanh. Với sự thật này, tôi ước mong rằng mẹ tròn con vuông”.

– Bạch đức Thế Tôn, nếu làm như vậy, thời con nói láo. Con đã cố ý giết bao nhiêu người. O

– Ý ta nói rằng: “Từ khi sanh ra trong đời sống thánh,⁽⁵⁾ tôi chưa cố ý giết hại mạng sống của chúng sanh nào. Với sự thật này, tôi ước mong rằng mẹ tròn con vuông”.

Vâng lời Phật dạy, Vòng Hoa Tay Người đến bên người ấy chúc phúc hồ

5. Thánh sanh.



trợ. Nhờ đó, bà mẹ khai hoa nở nhụy
bình an vô sự. O

QUẢ BÁO PHẢI TRẢ

Sau đó tôn giả Vòng Hoa Tay Người sống hạnh viễn ly, tinh tấn tu tập, không bao lâu sau, chúng được thăng trí, an trú phạm hạnh vô thượng cứu cánh ngay trong hiện tại. Tôn giả trở thành vị A-la-hán: “Tái sinh đã hết, hạnh thánh đã thành, những việc nên làm đều đã làm xong, từ nay không còn trở lại sanh tử”.

Buổi sáng hôm sau, tôn giả đắp y, cầm bát trang nghiêm vào thành khát thực. Nhìn thấy tôn giả, có người ném đất, có người quăng gậy, có người chọi sỏi vào người tôn giả. Bình bát tôn giả bể thành mảnh vụn, y ngoài bị rách, đầu của tôn giả sưng trầy, chảy máu. Tôn giả trở về gặp đức Thế Tôn. Thế Tôn dạy rằng: “Hãy tập kham nhẫn, vị tu sĩ trẻ. Con đang gặt hái quả báo hiện tiền của những

ngiệp xấu mà đáng lẽ ra con phải gánh chịu trong nhiều trăm năm, hay nhiều ngàn năm”.

O

NHƯ TRĂNG THOÁT MÂY

Lúc ấy tôn giả Vòng Hoa Tay Người một mình thiền định, cảm nhận sâu sắc hạnh phúc giải thoát, nói lời cảm hứng thi kệ như sau:

Ai trước sống buông lung

Nay làm mới hoàn toàn

Sẽ chói sáng đời này

Như trăng thoát mây che.

Ai làm các nghiệp lành

Ngăn chặn quả ác nghiệp

Sẽ chói sáng đời này

Như trăng thoát mây che.

Các Tỳ-kheo trẻ tuổi

Trung thành lý tưởng Phật

Sẽ chói sáng đời này



Như trăng thoát mây che.
Mong kẻ thù địch ta
Nghe được lời pháp thoại
Trung thành lý tưởng Phật
Tiếp nhận, sống chánh pháp
Thân tâm được an tịnh
Chia sẻ cho nhiều người.
Mong kẻ thù nghịch ta
Nghe pháp, hành trì pháp
Từ bậc thầy dạy nhẫn
Từ bậc tán thán nhẫn
Bậc không còn oán hận
Sẽ không còn hận thù
Không hại mình, hại người.
Người hành trì như thế
Chứng tịch tịnh số một
Hộ trì khắp quần sanh
Không phân biệt đối xử
Như người làm thủy lợi



Dẫn nước đến nơi cần
Như người làm cung tên
Uôn luyện công cung tên
Như người thợ mộc giỏi
Uôn nắm các cây gỗ
Bậc trí tự điều phục
Không cần gậy, kiếm, móc.
Trước ta từng sát hại,
Nay ta tên Vô Hại
Chánh danh nay đã được
Vì không hại cuộc đời.
Trước ta bị thác cuốn
Nay ta quy y Phật
Trước tay ta vấy máu
Nay vầy chào sanh tử.
Những kẻ tạo nghiệp ác
Sẽ tái sanh cõi ác.
Khi gặt hái nghiệp báo
Không nợ ta phải hưởng.



Kẻ ngu si, vô trí
Đam mê theo phóng dật.
Người có trí thông minh
Không chạy theo phóng dật
Như giữ tài sản quý.
Chớ đam mê phóng dật,
Chớ đam mê dục lạc.
Thiền định, không phóng dật,
Được đại lạc vô lượng.
Ta đi không lạc hướng
Không ai xúi tướng ác.
Giữa các chân lý giảng
Ta theo chân lý Phật
Chân lý tối thượng nhất.
Ta chứng ba tuệ giác
Phật đạo được viên thành. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O



12. KINH PHƯỚC THẾ GIAN

Tôi nghe như vậy. Có một thuở nọ, đức Phật du hóa tại Ko-sam-bī, vườn Gho-si-tā. Một buổi chiều nọ, có vị tôn giả Mahā Cunda, sau khi xuất thiền, đi đến chỗ Phật, cung kính đánh lễ, ngồi xuống một bên, thỉnh Phật giảng dạy về hai loại phước, phước báo thế gian, phước xuất thế gian. Nhân đó, đức Phật đã dạy như sau. O

PHƯỚC LỘC THẾ GIAN

Này các đệ tử, có bốn loại phước thuộc về thế gian, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn, mang lại hạnh phúc, đời này đời sau. Một là có người phát tâm hiến cúng Tăng xá, phòng xá cho các tu sĩ. Hai là phát tâm cúng dường giường nằm, tọa cụ, ngọa cụ, đệm lông,

thảm dệt, chăn len, vật dụng. Ba là phát tâm cúng dường y hậu, cà-sa mới mẻ, mát đẹp. Bốn là phát tâm cúng dường trai phạn sáng và bữa trưa, giúp cho Tăng Ni an tâm tu học, an lạc ngày đêm.

Này các đệ tử, khi gieo giống phước trên ruộng lúa tốt của người xuất gia, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc ngày, hoặc đêm, phước đức đã gieo ngày càng tăng trưởng, càng lúc càng rộng. Cũng như sông Hằng từ nguồn chảy ra, nhập vào biển lớn, càng lúc càng sâu, càng lúc càng rộng. O

PHƯỚC XUẤT THẾ GIAN

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Châu-na từ tôn đứng dậy, trích vai bên hữu, gối quỳ sát đất, chấp tay, bạch Phật: “Cúi xin Thế Tôn giảng dạy chúng con phước xuất thế gian”. Nhân lời thỉnh cầu, đức Phật ân cần giảng dạy như sau.



Này các đệ tử, có bốn loại phước thuộc xuất thế gian, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Một là hoan hỷ về sự có mặt của các thánh nhân. Có người tín tâm, nghe tin Như Lai, hay đệ tử thánh đang trú nơi nào, liền sinh hoan hỷ, phấn khởi trong lòng. Hai là nghe biết Như Lai và các vị đệ tử thánh, du hành giáo hóa, rày đây mai đó, sinh lòng hoan hỷ. Ba là khi biết Như Lai và các vị đệ tử thánh cư trú chỗ nào, liền đến đánh lễ, quy y Tam bảo, học hỏi chánh pháp, giữ gìn đạo đức, để sống an vui. O

Này các đệ tử, nếu có người nào thành tựu đầy đủ các phước thế gian, phước xuất thế gian, thì công đức lớn không thể tính đếm, không thể nghĩ bàn. Cũng như năm sông tuôn về biển cả, gặp nhau ở biển, khoảng giữa của chúng, nước nhiều vô số, không thể đong đếm, không thể hạn lượng, không thể biết hơn. Năm

sông lớn đó bao gồm sông Hằng, sông Ya-mu-nā, sông Sa-ra-bhū, sông Ma-hī lớn và sông A-ci-ra-va-tī lớn.

Phật vừa dứt lời, tất cả mọi người vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thọ trì, truyền bá kinh này. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O





CÁC KINH VỀ GIA ĐÌNH XÃ HỘI VÀ CHÍNH TRỊ





13. KINH THIÊN SINH

Tôi nghe như vậy. Một thời đức Phật tại núi Linh Thứu cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo vào thành khát thực. Thấy ông Thiên Sinh, con của trưởng giả, tắm gội sạch sẽ, ăn mặc chỉnh tề, lễ bái sáu phương, đức Phật dạy rằng: “Con nên hiểu biết ý nghĩa sáu phương thì việc lễ bái có lợi ích lớn.”

Thiên Sinh ân cần cầu Phật chỉ dạy. Đức Phật nhân đó giảng dạy như sau: O

I. BỒN PHẬN CỦA CHỒNG

Hỡi này Thiên Sinh, phương Tây tượng trưng đạo của vợ chồng. Người chồng lý tưởng phải tôn trọng vợ với năm bồn phận. Một là lấy lễ đối đãi với vợ. Hai là

chuẩn mực nhưng không hà khắc. Ba là tùy thời cung cấp y, thực. Bốn là tùy thời tặng trang sức đẹp. Năm là cùng vợ làm tốt việc nhà. O

II. BỐN PHẬN CỦA VỢ

Người vợ mẫu mực phải đối đãi chồng với năm bốn phận: Một là siêng năng, thức dậy trước chồng. Hai là nể chồng, trước, sau, trong, ngoài. Ba là dùng lời hòa nhã, xây dựng. Bốn là nhún nhường, ủng hộ điều hay. Năm là hiểu chồng, cảm thông, chia sẻ. O

III. BỐN PHẬN LÀM CON

Hỡi này Thiện Sinh, phương Đông tượng trưng các bậc cha mẹ. Người con hiếu thảo phải kính cha mẹ với năm đạo đức, nhờ đó an ổn, không lo sợ gì:

Một là phụng dưỡng, không để thiếu thốn. Hai là trình báo và xin lời khuyên. Ba là không chống điều cha mẹ dạy. Bốn



là không trái điều cha mẹ làm. Năm là không cản tất cả chánh nghiệp của cha mẹ làm. O

IV. BỐN PHẬN CHA MẸ

Các bậc cha mẹ chăm sóc con cái với năm bốn phận: Một là ngăn chặn con làm việc ác. Hai là chỉ dạy con làm việc lành. Ba là thương con đến tận xương tủy. Bốn là sắp xếp hôn phối tốt đẹp. Năm là chu cấp những thứ cần dùng. O

V. BỐN PHẬN HỌC TRÒ

Hỡi này Thiên Sinh, phương Nam tượng trưng các thầy cô giáo. Học trò chuẩn mực cung phụng nhà giáo với năm bốn phận, nhờ đó an ổn, không còn lo sợ: Một là hầu thầy, giúp những thứ cần. Hai là cung kính, cúng dường, đánh lễ. Ba là khát ngưỡng, cầu học không chán. Bốn là kính thuận những điều thầy dạy. Năm là nhớ làm những điều đã học. O

VI. BỐN PHẬN NHÀ GIÁO

Nhà giáo mẫu mực sẵn sàng học trò với năm bổn phận: Một là huấn luyện đúng với chánh pháp. Hai là dạy trò những điều chưa biết. Ba là giải rõ những điều thắc mắc. Bốn là truyền trao, không hề giấu nghề. Năm là giúp trò trưởng thành, hạnh phúc. O

VII. BỐN PHẬN NGƯỜI THÂN

Hỡi này Thiện Sinh, phương Bắc tượng trưng bà con thân hữu. Nhờ sống thân kính nên được yên ổn, không còn lo sợ. Phật tử lý tưởng tỏ lòng kính trọng với năm bổn phận: Một là giúp đỡ những khi khó khăn. Hai là nói lời hòa nhã, hiền lành. Ba là hỗ trợ, giúp người tiến bộ. Bốn là mang lại lợi lạc cho nhau. Năm là chân thật, không hề dối gạt. O

VIII. BỐN PHẬN BÀ CON

Là người bà con, ta phải ứng xử với



năm bốn phận đối với người thân: Một là bảo hộ, không cho buông lung. Hai là hỗ trợ không để hao tổn. Ba là che chở, thoát khỏi sợ hãi. Bốn là khuyên ngăn ở chỗ vắng người. Năm là khen ngợi điều tốt của nhau. O

IX. BỐN PHẬN CỦA CHỦ

Hỡi này Thiên Sinh, phương trên tượng trưng những người làm chủ với năm bốn phận, nhờ sống bảo hộ, nên được an ổn, không còn lo sợ. Một là giao việc hợp với khả năng. Hai là lo ăn thích hợp thời khắc. Ba là khen thưởng hợp với công lao. Bốn là lo thuốc khi bị bệnh hoạn. Năm là cho phép nghỉ ngơi thích hợp. O

X. BỐN PHẬN CỦA THỢ

Thợ có lương tâm cần đối đãi chủ với năm bốn phận: Một là siêng năng, dậy sớm làm việc. Hai là chu đáo trong việc được giao. Ba là chân thật, không hề trộm cắp.



Bốn là làm việc lóp lang, phương pháp.
Năm là bảo vệ danh giá của chủ. O

XI. BỐN PHẬN ĐỆ TỬ

Đệ tử mẫu mực tôn kính Tăng bảo với năm bốn phận, nhờ đó an ổn, không còn lo sợ: Một là làm lành với hành động thân. Hai là làm lành với hành động lời. Ba là làm lành với hành động ý. Bốn là phát tâm cúng dường, ủng hộ. Năm là nghênh tiếp, học hỏi, hành trì. O

XII. BỐN PHẬN ĐẠO SƯ

Các bậc đạo sư giúp đỡ đệ tử với sáu bốn phận: Một là khuyên ngăn, không để làm ác. Hai là hướng dẫn nghệ thuật làm lành. Ba là dạy dỗ vì thiện chí lớn. Bốn là mở mang những điều chưa biết. Năm là giúp hiểu pháp sâu sắc hơn. Sáu là chỉ dạy con đường sinh thiên. O

Bảy giờ Thế Tôn ân cần khuyên dạy những điều tinh yếu qua bài kệ sau:



Cha mẹ là phương Đông,
Sư trưởng là phương Nam,
Vợ chồng là phương Tây,
Thân tộc là phương Bắc,
Tôi tớ là phương dưới,
Sa-môn là phương trên.
Người Phật tử mẫu mực
Kính lễ các phương ấy,
Luôn sống trong kính thuận,
Khi chết được sanh thiên. O

Nói hòa nhã, thương yêu
Trí tuệ soi cùng khắp
Giúp đời được an vui
Người người đạt mục đích.
Bình đẳng về lợi lộc
Hưởng chung và chia sẻ
Những việc ấy như xe
Chở đồ về đến đích.
Đời thiếu các thiện trên



Sẽ không có an vui
Người trí luôn lựa chọn
Sống với điều thiện ích
Kết quả trở đời này
Danh thơm, phước cùng trở O

Không bỏ người thân cũ;
Chỉ dạy việc lợi lạc
Sống kính trên nhường dưới
Danh dự ngày càng tăng.
Học tập nghề đúng mức
Lợi lạc theo tài năng
Giữ gìn của đã tạo
Không xa xỉ, hoang tàn O

Như ong hút nhụy hoa.
Tích tụ từng giờ khắc
Không hao tổn cánh hoa
Nên sống trong biết đủ
Siêng năng trong công việc



Đề dành, phòng thiếu hụt
Siêng nông nghiệp, buôn bán
Cày cấy và chăn nuôi
Xây dựng chùa tháp Phật
Góp phần làm tăng xá ...
Những việc thiện nêu trên
Siêng năng, không gián đoạn
Tài sản ngày càng tăng
Phước lộc ngày càng lớn
Như trăm sông về biển. O

Phật vừa dứt lời, cư sĩ Thiên Sinh cung kính bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, những điều ngài dạy vượt quá mong ước của con bấy nay. Giáo pháp của Ngài như lật ngựa lên những gì bị úp; như mở toang ra những gì đóng kín; như trong đêm tối gặp được ánh sáng. Bằng nhiều phương tiện, Thế Tôn khai sáng cho chúng con ngộ, thoát khỏi u mê, sống trong hạnh phúc. Cúi xin Thế Tôn từ bi

lân mẫn, tiếp nhận con đây được làm đệ tử, trọn đời quy ngưỡng ba ngôi tâm linh Phật, Pháp, chư Tăng; giữ năm đạo đức: không được giết hại, tôn trọng hòa bình; không được trộm cắp, chia sẻ giúp người; không sống ngoại tình, chung thủy đơn hôn; không lời dối trá, tôn trọng sự thật; không rượu, độc tố; bảo vệ sức khỏe”. Được Phật tiếp nhận, cư sĩ Thiện Sinh vô cùng hoan hỷ vâng lời Phật dạy. O

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O





14. KINH PHƯỚC ĐỨC

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, đức Phật ở tại Tịnh xá Kỳ Viên do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng. Vào khuya hôm ấy, có một vị thiên, thân thể phát quang, cung kính đánh lễ, ngồi xuống một bên, rồi thưa Phật rằng: O

Xin Thế Tôn chỉ dạy
 Cách thức tạo phước đức
 Giúp trời người thực tập
 Để sống đời hạnh phúc.

Sau khi khen ngợi, đức Phật tuần tự giảng dạy đại ý mười cách tạo phước, để trời và người sống trong hạnh phúc, gồm những điều sau: O

1. Phương pháp thứ nhất là:
 “Tránh người, cảnh xấu ác



Để không bị vạ lây
Thân cận bậc hiền đức
Tôn trọng, học điều hay.” O

2. Phương pháp thứ hai là:
“Xây dựng môi trường tốt
Để gây tạo nhân lành,
Quyết tâm theo đạo đức,
Để cuộc sống thanh bình.” O

3. Phương pháp thứ ba là:
“Siêng học, tay nghề hay,
Có lương tâm, đạo đức,
Luôn nói lời chân thực
Từ ái với tha nhân.” O

4. Phương pháp thứ tư là:
“Luôn hiếu dưỡng song thân,
Thương, chăm sóc gia đình,
Chọn, làm nghề thích hợp,
Sự nghiệp phát triển nhanh.” O

5. Phương pháp thứ năm là:
“Sống chân thật, bố thí,



Giúp xã hội, người thân,
Nhân cách luôn cao thượng,
Hành xử như chân nhân.” O

6. Phương pháp thứ sáu là:
“Quyết không làm điều ác,
Không ma túy, rượu say.
Thích việc lành, đạo đức,
Theo đuổi, sống thẳng ngay.” O

7. Phương pháp thứ bảy là:
“Sống lễ độ, khiêm cung,
Biết ơn và đền đáp,
Không tham và biết đủ,
Siêng học pháp cao sâu.” O

8. Phương pháp thứ tám là:
“Sống kiên nhẫn, phục thiện,
Thân cận các bậc thầy,
Học hỏi và cầu tiến,
Nghe pháp, học điều hay.” O

9. Phương pháp thứ chín là:
“Sống chánh niệm, tỉnh thức,



Hành Phật pháp nhiệm mầu,
Quyết tâm theo chân lý,
Đạt niết-bàn an vui.” O

10. Phương pháp thứ mười là:
“Đến đi trong nhân gian
Tùy duyên nhưng bất biến,
Tâm không hề lay chuyển,
Chuyển hóa hết não phiền.” O

Sau khi giải thích mười cách tạo phước,
đức Phật khích lệ bằng bài kệ sau:

“Ai tu tạo phước đức
Được an lạc luôn khi
Ở đâu cũng hạnh phúc,
Tới đâu cũng bình an.”

Nghe Phật dạy xong, vị thiên nhân ấy
vô cùng hoan hỷ, làm theo lời Phật, đồng
thời phát nguyện truyền bá khắp nơi các
cách làm phước, đem lại lợi lạc cho khắp
mọi người. O

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O



15. KINH TRÁNH XA CÁNH CỬA BẠI VONG

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, đức Phật ở tại Tịnh xá Kỳ Viên, thuộc thành Xá-vệ, do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng. Vào khuya hôm ấy, có một vị thiên, thân thể phát quang, cung kính đánh lễ, ngồi xuống một bên, rồi thưa Phật rằng: O

Con xin hỏi Thế Tôn
Đâu là cửa bại vong
Mà mọi người nên tránh
Nhờ đó sống an vui.

Vì thương trời người, đức Phật ân cần, tuần tự phân tích mười hai cánh cửa dẫn đến bại vong của kiếp sống người, rồi khuyên mọi người hãy nên xa lánh, để được bình an.



Bại vong thứ nhất là:

Thành công và bại vong

Không có gì khó hiểu.

Thích chính pháp: Thành công.

Ghét chánh pháp: Bại vong. O

Bại vong thứ hai là:

Ai thích kẻ xấu ác

Không quý trọng người hiền

Thích thú điều bất thiện

Là cửa vào bại vong. O

Bại vong thứ ba là:

Người ham ăn, thích ngủ

Ham đông vui, thụ động

Lười biếng và nóng giận

Là cửa vào bại vong. O

Bại vong thứ tư là:

Kẻ đối với mẹ cha

Không tận tâm phụng dưỡng



Không hiểu kính, giúp đỡ
Là cửa vào bại vong. O

Bại vong thứ năm là:

Ai có tính gian dối,
Lừa gạt bậc chân tu
Không thật với mọi người
Là cửa vào bại vong. O

Bại vong thứ sáu là:

Người giàu, đầy tài sản
Chỉ biết hưởng một mình
Không quan tâm, giúp người
Là cửa vào bại vong. O

Bại vong thứ bảy là:

Người tự hào chủng tộc
Tài sản và quyền uy
Cao ngạo, khinh rẻ người
Là cửa vào bại vong. O



Bại vong thứ tám là:

Kẻ mê người khác phái,
Ma túy, rượu, cờ bạc,
Tiêu xài quá hoang phí
Là cửa vào bại vong. O

Bại vong thứ chín là:

Vướng vào thú ăn chơi
Ăn ngủ kẻ bán thân
Ngoại tình, không chung thủy
Là cửa vào bại vong. O

Bại vong thứ mười là:

Người tuổi tác đã cao
Cưới người tuổi con mình
Thường ghen, sầu, khó ngủ
Là cửa vào bại vong. O

Bại vong mười một là:

Bất luận nam hay nữ
Nghiện ngập, không tiết kiệm



Bám ô dù, quyền thế
Là cửa vào bại vong. O

Bại vong mười hai là:

Tài sản ít, dục nhiều
Sống bất lương, không đạo
Tham quyền, thích cai trị
Là cửa vào bại vong. O

Sau khi giải thích mười hai bại vong,
đức Phật khích lệ bằng bài kệ sau:

Người trí khéo quán sát
Mười hai bại vong này
Sống tốt với chánh kiến
Được hạnh phúc đời đời. O

Nghe Phật dạy xong, vị thiên nhân ấy
vô cùng hoan hỷ, làm theo lời Phật, đồng
thời phát nguyện khuyên bảo mọi người
lánh xa các cửa dẫn đến bại vong, nhằm
mang lợi lạc cho khắp mọi người. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật O



16. KINH BẢY LOẠI VỢ

CÔ DÂU VÔ LỄ

Tôi nghe như vậy. Một buổi sáng nọ, đức Phật đến dự đại lễ cúng dường tại tư gia của ông Cấp Cô Độc. Thân hành tới nơi, đức Phật thoáng nghe những lời chửi bới ồn ào vọng lên từ đằng sau nhà. Ngài hỏi cư sĩ Cấp Cô Độc rằng:

- Trong nhà cư sĩ, có gì bất ổn, sao ồn ào quá?

Ông Cấp Cô Độc cảm thấy thẹn thùng, cung kính thưa rằng:

- Bạch đức Thế Tôn, đó là ngõ nghịch của Su-cha-ta, cô dâu nhà con. Tuy chỉ là dâu sống trong gia đình, nhưng nó ỷ vào cha mẹ giàu có, gia đình danh giá, nên nó thất lễ, không chịu vâng lời, không biết



cung kính với cha mẹ chồng. Bạch đức Thế Tôn, ngay cả chồng nó, nó cũng xử sự thô lỗ, vô lễ. Ngoài ra, nó cũng không có đạo tâm, không biết kính lễ các bậc Đạo sư. Hôm nay, dù biết Thế Tôn thân lâm, nó cũng không nể, vẫn ồn ào lớn tiếng, từ nãy đến giờ. Kính xin Thế Tôn từ bi cảm hóa cho cháu tốt hơn. O

BẢY LOẠI NGƯỜI VỢ

Bấy giờ, đức Phật cho gọi nàng dâu và dạy như sau:

- Nay Su-cha-ta, có bảy loại vợ ở trên đời này. Con hãy chín chắn suy nghĩ, so sánh, trả lời cho ta, con thuộc loại nào?

- Một là làm vợ như kẻ sát nhân.
- Hai là làm vợ như người ăn trộm.
- Ba là làm vợ như một chủ nhân.
- Bốn là làm vợ như người mẹ hiền.
- Năm là làm vợ như cô em gái.



- Sáu là làm vợ như bạn đồng hành.
- Bảy là làm vợ như một người hầu.

Với hạnh hiền từ, cứu độ của Phật, nàng Su-cha-ta bắt đầu lễ phép, tỏ ra vâng phục, thưa với Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn, lời dạy của Ngài thật quá ngắn gọn, con không hiểu hết. Xin Ngài từ bi chỉ dạy cặn kẽ.

Lúc ấy, đức Phật ân cần giải thích những điều như sau. O

VỢ NHƯ SÁT NHÂN

- Nay các đệ tử, bất kỳ vợ nào có tâm hiểm độc, lãng mạn, hai lòng, không sống chung thủy trong mỗi hôn nhân, bỏ rơi chồng mình, quan hệ bất chính với đàn ông khác, chỉ vì choáng ngợp trước sự giàu có, hay vẻ bề ngoài, luôn khinh bỉ chồng, tính tình hiếu chiến... ta gọi đây là loại vợ sát nhân. O



VỢ NHƯ TRỘM CƯỚP

- Nay các đệ tử, bất kỳ vợ nào không cùng chung sức, chăm lo kinh tế cho gia đình mình, lại còn tiêu xài vô cùng hoang phí tài sản hợp pháp của chồng tạo ra... ta gọi người đó là vợ trộm cướp. O

VỢ NHƯ CHỦ NHÂN

- Nay các đệ tử, bất kỳ vợ nào ỷ lại, lười biếng, không lời từ ái, không chút nhu hòa, phát ngôn thô tháo, thích lấn lướt chồng... ta gọi người đó là vợ chủ nhân. O

VỢ NHƯ NGƯỜI MẸ

- Nay các đệ tử, bất kỳ vợ nào có lòng thương yêu, lo lắng, chăm sóc, giúp chồng hết mực, biết cách giữ gìn, làm giàu tài sản của chồng tạo ra, như một người mẹ lo lắng chu tất cho con cái mình... ta gọi người đó là vợ như mẹ. O



VỢ NHƯ EM GÁI

- Đây các đệ tử, bất kỳ vợ nào thùy my, đoan trang, khiêm tốn, nhún nhường, hiền và thuận phục đối với chồng mình như với anh ruột trong một gia đình... ta gọi người ấy là vợ như em. O

VỢ NHƯ BẠN HIỀN

- Đây các đệ tử, bất kỳ vợ nào hiểu biết, cảm thông, niềm nở, vui vẻ, hòa thuận với chồng như thể hội ngộ một người bạn thân, từ lâu mới gặp... ta gọi người đó là vợ như bạn. O

VỢ NHƯ NGƯỜI HẬU

- Đây các đệ tử, bất kỳ vợ nào tính tình mềm mỏng, không chút nóng tánh, không giận, hờn dỗi, dù khi bị chồng đối xử không đẹp vẫn khéo nhường nhịn, không hề lộ mắng, lớn tiếng chửi lại, biết tùy thuận chồng, khéo léo khuyên răn, thuyết phục chồng mình... ta gọi đó là vợ như người hậu. O

LOẠI VỢ NÊN TRÁNH

- Nay Su-cha-ta, trong bảy loại vợ mà ta vừa nói, ba hạng đầu là vợ như sát nhân, vợ như ăn trộm, vợ như chủ nhân đều là không tốt, con không nên giống, nỗ lực vượt qua. Những hạng vợ này do không đức hạnh, ác khẩu, vô lễ, sau khi qua đời sanh vào cõi xấu. Bốn loại vợ sau: vợ như người mẹ, vợ như em gái, vợ như bạn hiền, vợ như người hầu là đáng noi theo. Những hạng vợ này, lúc còn sống thì tạo ra hạnh phúc cho gia đình mình và cho con cái; khi qua đời thì sanh vào cõi lành, do phước đã tạo.

Nghe Phật ân cần giải thích, dạy dỗ, cô Su-cha-ta, dâu của gia đình ông Cấp Cô Độc, tỏ ra ân hận, thành tâm sám-hối. Cô phát nguyện rằng cô sẽ chung sống, phụng sự chồng con với tư cách là người hầu dễ thương. Từ đó về sau, toàn thể



gia đình của Cấp Cô Độc trở nên đầm
ấm, an lạc, hạnh phúc. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

(3 lần, xá 3 xá)





17. KINH BỐN ƠN LỚN

Bấy giờ, đức Phật từ trong chính định dạy ngài Di lạc: “Này các đệ tử, hãy nghe cho kỹ, ta sẽ diễn nói ơn nghĩa thế gian và xuất thế gian. Một ơn cha mẹ. Hai ơn chúng sinh. Ba ơn tổ quốc. Bốn ơn Tam bảo. Bốn ơn lớn này, tất cả mọi người đều phải ghi nhận và nên đền đáp. O

ƠN CHA NGHĨA MẸ

Này các đệ tử, cha có “từ ân”, mẹ có “bi ân”. Bi ân của mẹ, nói trong một kiếp cũng không hết được. Tình thương của mẹ trên thế gian này không có cái gì có thể sánh bằng. Từ lúc mang thai, suốt mười tháng trường, đi, đứng, ngồi, nằm, mẹ chịu đau khổ, kiêng cử mọi thứ, không màng bản thân. Dù hưởng dục lạc, ăn uống, trang sức, mẹ không



ưa thích. Lòng mẹ lúc này luôn nghĩ đến con, không chút quên lãng. O

Đến khi sinh nở, mẹ đau đớn hơn, như nghìn mũi nhọn cắt xé thân thể, không thể kể xiết. Có khi bất hạnh, mẹ phải qua đời để con được sống. Khi sinh nở rồi, mẹ mừng khôn tả, như kẻ nghèo khó được ngọc như ý. Con khóc chào đời, lòng mẹ như nghe một bài giao hưởng. Mẹ dùng ngực mình làm nơi con ngủ. Vòng tay của mẹ ôm ấp đời con. Bầu sữa của mẹ như suối cam-lộ nuôi lớn đời con. Ôn đức nuôi dưỡng của đấng mẹ hiền không gì sánh được. Trên thế gian này, núi là cao nhất, ơn đức của mẹ còn cao hơn nhiều. Trên thế gian, quả đất nặng nhất, ơn nghĩa của mẹ còn nặng hơn nhiều. O

Bổn phận làm con, dù trai hay gái, nếu ai bội ân, bất hiếu cha mẹ, làm cha mẹ buồn, oán hận trong tâm, thốt ra lời ác, thì bị tổn đức, sa đọa đường xấu. Trên



thế gian này, không gì nhanh hơn sức gió vũ bão. Một niệm oán giận của đấng sinh thành còn nhanh hơn gió. Bốn phận làm con không thể trái nghịch ân đức mẹ cha.

Này các đệ tử, bất cứ người nào vâng lời cha mẹ, không hề trái nghịch, làm điều lợi lạc thì được thiện thần thường theo bảo hộ, được phước báo lớn. Làm con hiếu thảo đền ơn cha mẹ, mỗi ngày ba lần, tự cắt thịt mình để nuôi cha mẹ cũng không trả được công ơn sinh thành của mẹ và cha. Khi còn trong thai, tất cả người con, miệng nút cuống vú, sống nhờ sữa mẹ; khi đã chào đời, hơn một ngàn ngày, tiếp tục uống sữa ngọt ngào của mẹ. Tất cả chất bổ trong cơ thể mẹ đều nuôi con trẻ. Sinh con đàn độn, di tật bẩm sinh, thân thể tật nguyên, tình thương của mẹ không hề thay đổi. Ngày xưa ngày xưa, có một bà mẹ du lịch phương xa, lưng bế đứa con, lội qua

sông Hằng, vì nước dâng cao, dòng chảy lại mạnh, sức bà yếu dần, vì thương con quá, không nỡ bỏ con nên hai mẹ con đều bị chết chìm. Tình mẹ là thế, bao la như biển, không thể tính đếm, sẵn lòng chịu chết vì thương con mình. O

Này các đệ tử, có mười ân đức của bậc từ mẫu, bốn phận làm con phải lo đáp đền. Một là ơn mẹ như là trái đất; vì cơ thể mẹ là chỗ nương tựa sự sống của con. Hai là ơn nghĩa ban tặng sự sống; mẹ phải trải qua rất nhiều đau khổ để được sinh con làm phận con người. Ba là ơn nghĩa nâng đỡ con cái; tay mẹ vượt ve, uốn nắn vóc hình cho con khỏe đẹp. Bốn là ơn nghĩa nuôi dưỡng con cái; mẹ phải tảo tần bốn mùa lao khổ, cho con ăn học, nuôi con khôn lớn. Năm là ơn nghĩa dạy dỗ con cái; mẹ dùng phương tiện, truyền hết kinh nghiệm, trao con tri thức lập nghiệp chân chính. Sáu là



ơn nghĩa làm đẹp cho con; mẹ hy sinh mình, làm đẹp cho con với quần áo đẹp và trang sức phẩm. Bảy là ơn nghĩa giúp con bình an; mẹ ôm ấp con, cho con nghỉ ngơi, an lành sức khỏe, khỏi phải lo toan những điều gian khổ. Tám là ơn nghĩa dạy con nên người; mẹ dùng kiến thức và các kinh nghiệm hướng dẫn đời con, giúp con nên người hữu dụng trong đời. Chín là ơn nghĩa dạy con đạo đức; mẹ sống gương mẫu, dạy con lánh ác, làm các việc lành, trau dồi đạo đức, sống đời thanh cao. Mười là ơn nghĩa gây dựng gia nghiệp; mẹ trao gia tài, tất cả cho con, để con thừa hưởng và phát huy thêm. O

Này các đệ tử, ai còn cha mẹ được gọi là giàu, ai mất song thân được gọi là nghèo. Mẹ hiền còn sống như trời giữa trưa, ánh sáng chiếu soi không hề thiên vị. Mẹ hiền mất đi như mặt trời lặn, bóng tối phủ trùm. Cha hiền còn sống như núi



vĩ đại, cha mất đi rồi như dưới vực sâu. Vì thế mọi người phải sống ơn nghĩa, hiếu dưỡng mẹ cha như thờ Phật pháp thì được phước đức không thể kể hết. O

NHỚ ƠN TỔ QUỐC

Này các đệ tử, người đứng đầu nước có phước đức lớn. Sống trong nhân gian, nhưng phước đức của nguyên thủ quốc gia lớn hơn mọi người. Quốc trưởng là người hộ trì đất nước, rừng núi, sông hồ, tất cả tài nguyên và dân trong nước. Lãnh đạo quốc gia phải đảm bảo được hạnh phúc, an vui cho mỗi người dân bằng luật công chính và dùng chính pháp giáo hóa mọi người.

Mọi thành phần dân thịnh vượng, bình an, không bị khủng hoảng là nhờ vào tài lãnh đạo đất nước của nhà chính trị có lòng với dân. Như trong căn nhà, cột là căn bản, quốc trưởng là người thiết lập



luật pháp, quản trị đất nước thanh bình, phát triển, mang lại hạnh phúc cho mọi thành phần. Cũng như mặt trời soi sáng thế gian, quốc trưởng là người mang lại công bằng, hạnh phúc cho dân, không hề thiên vị. O

Đứng đầu một nước mà không có thuật quản trị đất nước thì dẫn đến cảnh xã hội bất ổn, người dân khổ đau. Ngoài luật pháp nước, quốc trưởng nên lấy chánh pháp Phật dạy cải hóa lòng người, làm cho đất nước phát triển ổn định, không bị rơi vào tám khủng hoảng lớn: nạn giặc ngoại xâm, nội loạn tranh chấp, đất nước nghèo đói, dịch bệnh triền miên, gió mưa trái thời, nắng mưa quá mức, nhật thực, nguyệt thực, xã hội bất ổn. Nhờ dùng luật nước và chánh pháp Phật, nhân dân lợi lạc, tám khủng hoảng trên không thể xâm phạm.

Như ông tử phú chỉ có con một, thương con hết lòng, cho con lợi lạc, ngày cũng

như đêm sống trong hạnh phúc. Quốc trưởng yêu nước cũng giống như thế, xem mọi thành phần như con ruột mình, bảo hộ ngày đêm, giúp dân hạnh phúc, cơm no áo ấm. Vị quốc trưởng nào giúp mọi người dân sống mười điều thiện thì đáng được gọi là “Phúc đức vương”. Vị quốc trưởng nào không giúp người dân tu các nghiệp lành thì được gọi là vị “phi phúc chủ”. O

Về luật nhân quả, nhất là cộng hưởng, trong quốc gia nào có người tu thiện, làm nhiều điều lành thì trực tiếp hưởng được năm phần bảy, còn vị quốc trưởng cộng hưởng hai phần. Khi vị quốc trưởng tu nhân tích đức, làm nhiều việc phúc, đất nước đi lên, thì dân trong nước đều được phúc lợi, nhờ cộng hưởng tốt. Nếu quốc trưởng nào pháp luật nghiêm minh, không hề thiên vị bất cứ một ai, sống theo chánh pháp, bảo hộ đạo đức, giáo hóa mọi người bằng các lễ phải thì quốc vương



ây chính là “chúa tể” trong một quốc gia. Vị quốc trưởng này xứng đáng gọi là một vị thánh vương hay chính pháp vương.

Làm quốc trưởng tốt cần có đầy đủ mười đức sau đây: Một là dùng trí soi sáng thế gian. Hai là dùng đức làm đẹp đất nước. Ba là giúp dân được an ổn lớn. Bốn là dẹp yên mọi chuyện loạn lạc. Năm là giúp dân lìa được tám nạn, không còn sợ hãi. Sáu là tuyển dụng các bậc hiền tài phát triển đất nước. Bảy là biết lấy chính pháp làm gốc, giúp cho muôn dân an cư lạc nghiệp. Tám là giữ nước độc lập chủ quyền. Chín là đầu mối của mọi việc thiện. Mười là lãnh đạo tất cả thành phần chính trực, nghiêm minh. O

Nếu quốc trưởng nào không nghiêm luật nước, để dân làm ác, xã hội bất ổn, thì các thiện thần đều xa lánh cả. Thấy dân tu thiện, đất nước phát triển, thì các thiện thần đều rất vui mừng, tán dương



quốc trưởng, đất nước nhờ đó càng được cường thịnh. Nếu vị quốc trưởng không gần kẻ xấu, siêng năng phục vụ lợi ích nhân dân thì ngọc như ý sẽ có trong nước, các nước láng giềng thấy đều mến phục, hòa nhã, hợp tác.

Nếu có kẻ ác sinh tâm phản nghịch trong quốc gia thiện, dù trong chốc lát, thì nghiệp xấu này tự tiêu diệt họ. Đến khi qua đời, tái sinh đọa lạc, chịu nhiều đau khổ. Nếu có nhân dân thực hành điều thiện, có lòng yêu nước, giàu lòng tử tế, giúp đỡ lẫn nhau, quý trọng Phật pháp, thì ngay đời này được nhiều phước báu, giàu có, yên ổn, hạnh phúc tràn đầy, tất cả nguyện lành đều được thành tựu. Tất cả quả báo dù thuận hay nghịch, dù tốt hay xấu là rất chính xác cũng như tiếng vang nổi sau âm thanh. Ân đức quốc trưởng to lớn như thế nên mọi người dân nên hợp sức lại phát triển đất nước. O



ƠN BA NGÔI BÁU

Này các đệ tử, ba ngôi báu là Phật, bậc giác ngộ, Pháp là chân lý, Tăng là chân tu. Nhờ có Tam bảo, mọi người biết tu, vượt qua khổ đau, hưởng được hạnh phúc đời này, đời sau.

Cuộc đời đức Phật là tấm gương thiện, do đầy công tu kiếp này kiếp trước, chuyển hóa phiền não, chứng đắc niết-bàn, hết nghiệp ba cõi, công đức như núi, không ai sánh bì. Phúc đức của Phật sâu như biển cả. Trí tuệ của Phật lớn không ngăn mé, cũng như hư không. Từ bi của Phật cứu giúp thế nhân vượt qua bể khổ. Phép màu của Phật soi sáng thế gian thoát khỏi tăm tối. O

Tất cả chúng sinh bị nhiều nghiệp chướng, phiền não ngăn che, chìm trong sinh tử, chịu nhiều khổ sở. Nhờ ba ngôi báu có mặt thế gian làm thuyền tâm linh, đưa rước mọi người vượt qua sông



khô, đến bờ niết-bàn, sống trong an vui, không còn thoái chuyển. Những bậc có trí thường luôn ngưỡng mộ, nương ba ngôi báu, tu tạo hạnh phúc.

Này các đệ tử, các đức Phật đều có đủ ba thân: Một, tự tính thân. Hai, thụ dụng thân. Ba, biến hóa thân. Sử dụng ba thân giáo hóa chúng sinh, đức Phật mang lại hạnh phúc cho đời. Thân Phật tự tính vô thủy, vô chung, lia tất cả tướng, dứt mọi hí luận, không vướng bờ mé, tịch tĩnh an vui. Thân Phật thụ dụng tròn đầy hai hạnh. Tự thọ dụng thân do tu hạnh lành, mang lại lợi lạc cho các chúng sinh trong vô số kiếp, được tâm Thập địa, đáng được cung kính, cúng dường, tán thán. Chân báo thân này có trước, không sau, nên thọ mạng Phật tùy theo sở thích. Thân tướng của Phật trang nghiêm, đẹp đẽ, như viên kim cương, dứt bỏ tất cả các chướng sở tri và chướng phiền não. O



Đức Phật đạt được bốn trí viên mãn, vốn là chân báo thọ dụng pháp lạc. Một, trí kính lớn; chuyển thức dị thực thành trí tuệ lớn, như tấm gương tròn, sáng soi sắc tướng. Gương trí tuệ Phật hiện rõ các nghiệp của các chúng sinh. Nương vào từ bi và trí tuệ lớn, Phật rõ pháp tính, lâu thông cả hai chân lý tuyệt đối, chân lý mặc ước, giữ thân vô lậu, hội tụ công đức trọn vẹn đầy đủ. Hai, trí bình đẳng; chuyển thức mạt-na, trung tâm chấp ngã, thành trí tuệ lớn, thấu rõ nguyên lý bình đẳng không hai, xa lìa vọng chấp, thấy rõ thực tướng của mọi sự vật. Ba, trí quán sát; nhờ chuyển ý thức, không còn phân biệt, thành trí tuệ sáng, quán sát mọi vật, tướng riêng, tướng chung, vượt khỏi chấp mắc, giúp cho chúng sinh được bất thoái chuyển. Bốn, trí thành tựu; chuyển 5 giác quan thành trí tuệ lớn, làm chủ thân tâm, giúp cho mọi người hoàn thành



ngiệp thiện, thành tựu hạnh phúc. Nhờ bốn trí này, đức Phật thành tựu tự thụ dụng thân. O

Hóa thân của đức Phật đầy đủ tám vạn bốn nghìn tướng tốt, luôn luôn trụ trong Tịnh độ chân thật, nói lý thành Phật, giúp cho mọi người được an lạc lớn của pháp Đại thừa. Tất cả đức Phật vì độ Bồ-tát chúng đấng Thập địa. Thân Phật có đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, đủ bốn căn lành, giúp hàng phàm phu, ngộ pháp Tam thừa. Đức Phật thương tưởng các bậc Bồ-tát tuyên giảng rộng rãi sáu Ba-la-mật, giúp được chánh giác, cứu cánh Phật tuệ. Vì Bích-chi Phật, giảng dạy về pháp mười hai nhân duyên. Vì hàng Thanh văn, phân tích giảng dạy bốn chân lý thánh, vượt qua các khổ sinh, già, bệnh, chết, đạt được hạnh phúc, cứu cánh Niết bàn. Phật vì nhân loại, dạy về nhân bản,



giúp họ hạnh phúc trong quả đất này và hành tinh khác. Hóa Phật lớn, nhỏ tuy nhập niết-bàn, nhưng thân Phật ấy nối tiếp không mất. O

Này các đệ tử, công đức Phật bảo to lớn như thế, không thể nghĩ bàn. Do nhân duyên này, đức Phật có đủ mười đức hiệu lớn: Là bậc Như Lai, bậc đáng cúng dường, bậc Chính biến tri, bậc Minh hạnh túc, là bậc Thiện thế, bậc Thế gian giải, bậc Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, là thầy trời người, là Phật, Thế Tôn.

Này các đệ tử, Pháp bảo có bốn phương diện cần nắm: Một là chánh pháp. Hai là lý pháp. Ba là hành pháp. Bốn là quả pháp. Chánh pháp Phật dạy được ghi thành Kinh, chính là chân lý, phá tan vô minh, dẹp sạch phiền não, chuyển hóa nghiệp chướng, gọi là “Giáo pháp” vì có khả năng giáo hóa mọi người. Sự vật gồm hai: hữu vi, vô vi, gọi là “Lý pháp”.



Chấp vào hữu vi, rơi rớt sinh tử. Nương vào vô vi, hướng đến an lạc. Hành Pháp chính là thực tập chuyển hóa lời Kinh Phật dạy: Đạo đức, thiền định, trí tuệ cao siêu. Nhờ thực tập này, không còn đau khổ, đạt được an vui, đạt quả giác ngộ, hay quả vô vi, gọi là “Quả pháp”. Kho tàng pháp bảo có khả năng lớn, dẫn dắt chúng sinh thoát khỏi sinh tử, đạt được niết-bàn. O

Các Phật quá khứ, hiện tại, vị lai nương vào tứ đế, phân tích nhân quả, thấu rõ nhân khổ, dứt vật chướng ngại, thành tựu Bồ-đề, mang lại lợi lạc cho khắp nhân loại. Các Phật ba đời cúng dường Pháp bảo. Huống hồ chúng sinh trong ba cõi phàm, chưa được giải thoát, không kính Pháp bảo là bất hạnh lớn!

Này các đệ tử, Pháp bảo đầy đủ sáu công đức lớn: Một là chân lý, đạo đức chí tôn, làm nơi nương tựa của các chúng sanh. Hai là ruộng phước vĩ đại hơn hết.



Ba là cội nguồn ân đức vô lượng. Bốn là pháp mầu, hiếm khi gặp được như hoa Ưu đàm. Năm là chân lý hơn các tôn giáo và các triết học. Sáu là đầy đủ các loại công đức. Ôn đức Pháp bảo lợi lạc chúng sinh, không thể nghĩ bàn. O

Phật vừa dứt lời, có ông Trưởng giả bạch đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Trong một Phật bảo có nhiều hóa Phật, cùng khắp thế giới, đem lại lợi lạc cho nhiều chúng sinh, do nhân duyên gì mà rất nhiều người không gặp Phật Pháp, nên chịu khổ não dài trong nhiều kiếp?”

Đức Phật dạy rằng: “Ví như mặt trời sáng soi thế giới, không hề thiên vị, nhưng những người mù không thấy ánh sáng. Điều này hẳn nhiên không phải do lỗi của vàng thái dương. Tương tự, đức Phật tuyên giảng chánh pháp, mang nhiều lợi lạc cho khắp mọi người nhưng có nhiều người không tin Phật Pháp,



không thích người tu, không tin nhân quả, thường tạo nghiệp ác, không chút hổ thẹn, gốc tội sâu nặng, qua nhiều kiếp sống, không hề nghe biết danh hiệu Tam bảo, như người bị mù không thấy ánh sáng. Nếu có người nào cung kính Tam bảo, ưa thích Đại thừa, nhờ công đức này, nghiệp chướng tiêu trừ, phúc đức tràn đầy, trí tuệ tăng trưởng, căn lành càng lớn, già từ khổ đau, chứng đạt giác ngộ. O

Này các đệ tử, năng lực Pháp bảo cũng như kim cương, có thể phá sạch lao ngục khổ đau. Pháp bảo như trời, soi sáng chúng sinh. Kho tàng Pháp bảo như ngọc ma-ni, hơn nhiều của báu. Pháp bảo mang lại niềm an lạc lớn. Pháp bảo là thuyền, vượt qua sinh tử, đến bờ niết-bàn. Pháp bảo trừ diệt tội tham, sân, si, giúp cho chúng sinh sống với trí tuệ, có lòng hổ thẹn. Pháp bảo cũng như giáp trụ kim cương, phá bốn loại ma, chúng



đạo Bồ đề. Pháp bảo cũng như gươm trí tuệ sắc, cắt đứt sinh tử. Pháp bảo chính là xe báu Tam thừa, chở hết mọi loài ra khỏi nhà lửa. Pháp bảo cũng như ngọn hải đăng soi, giúp cho mọi người thoát khỏi ba cõi. Pháp bảo chính là vị đạo sư lớn, dẫn dắt mọi người thoát khỏi khổ đau, đạt được niết-bàn. Công đức Pháp bảo sâu xa, khó nghĩ. Làm đệ tử Phật, mỗi ngày siêng năng đọc tụng Pháp bảo, hiểu rõ thực hành, sẽ được an vui, không còn bất hạnh. O

Này các đệ tử, có ba loại Tăng: Một, Bồ-tát tăng. Hai, Thanh Văn tăng. Ba, Phạm phu tăng. Các bậc Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi, Quan Âm, Thế Chí là Bồ-tát tăng. Ngài Xá-lợi-phất, ngài Mục-kiền-liên là Thanh Văn tăng. Các vị tu sĩ xuất gia chân thật, có lý tưởng lớn, giới hạnh thanh cao, có chánh tri kiến, từ bi trí tuệ, hóa độ mọi người theo Tứ diệu

để, dù chưa giải thoát nhưng có thể giúp những người hữu duyên với chánh pháp Phật, đều được an vui, được gọi chung là các Phạm phu tăng. Tăng bảo chính là ruộng phước đức lớn cho người tại gia gieo hạt hạnh phúc qua sự cúng dường, ủng hộ Phật sự. Ở đức Tăng bảo cũng khó nghĩ bàn. O

Một vị trưởng giả cung kính bạch Phật: “Nghe lời Phật dạy, chúng con biết được ba ngôi tâm linh. Vì duyên có gì, ba ngôi tâm linh Phật, Pháp và Tăng được gọi là bảo?”

Đức Phật dạy rằng: “Lành thay, lành thay! Phật, Pháp và Tăng như viên ngọc quý, kim cương long lanh, cắt đứt khổ đau. Tam bảo cũng như ngọc Ma-ni đẹp, không ai phá được, không lẫn bụi nhơ; xa lìa phiền não; như bình thiên đức, mang lại an vui. Những người nghiệp nặng, nghi chướng quá dày thì khó gặp được ba ngôi



tâm linh. Tam bảo có thể phá tan khổ đau, hàng phục các ma; giúp cho chúng sinh tu tập nghiệp lành. Tam bảo như vàng, vào lửa không đổi. Vì những nghĩa ấy nên Phật, Pháp, Tăng được gọi là “bảo”. O

ƠN NGHĨA CHÚNG SINH

Tất cả chúng sinh, từ vô lượng kiếp, trôi lăn sinh tử ở trong năm đường: thiên, a-tu-la, ngạ quỷ, súc sinh và làm con người kiếp trước đã từng làm cha, làm mẹ, quyền thuộc của nhau. Tiếp nối điều này, ta hãy quan niệm tất cả người nam từng là cha ta, tất cả người nữ từng là mẹ ta. Mỗi người chúng ta từng làm cha mẹ nên cũng từng có tâm đại từ bi như cha mẹ ta. Ôn cha mẹ xưa, ta chưa trả hết. Nay do vọng nghiệp sinh ra thuận nghịch, rồi do chấp mắc, oán hại lẫn nhau.

Vì không có trí nên ít ai hiểu trong nhiều đời trước, chúng ta đã từng làm cha mẹ nhau. Chỗ đáng trả ơn, làm lợi ích



nhau mà không chịu làm đều là bất hiếu. Nhân duyên đời trước, tất cả chúng sinh quá khứ, hiện tại và đời tương lai đều có ơn lớn, thực khó trả hết. Do vậy ta nên tìm cách trả ơn tất cả chúng sinh bằng lối sống đẹp, giàu lòng vị tha, giúp đỡ mọi người sống trong hòa thuận, cơm no áo ấm. O

Này các đệ tử, làm người cao quý phải biết đền trả bốn ân như thế. Người cầu chính đạo quyết tâm đền trả bốn ân cao quý bằng sự thực tập mười Ba-la-mật. Trong đời tương lai, bất kỳ người nào nghe được Kinh này, thọ trì, đọc tụng, phổ biến rộng rãi sẽ được phước đức, tăng trưởng trí tuệ, được thiện thần giúp, thân không đau ốm, tuổi thọ dài lâu, an vui thoi thới.

Phật vừa dứt lời, tất cả mọi người vô cùng hoan hỷ, phát tâm thọ trì, truyền bá kinh này. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật O



18. KINH MỌI NGƯỜI BÌNH ĐẲNG

MỌI NGƯỜI NHƯ NHAU

Tôi nghe như vậy. Có một thuở nọ, khi ngài tôn giả Đại Ca-chiên-diên tại rừng Gunda ở Madhura, thì vua trị vì là Madhura Avantiputta nghe đồn như sau: “Ngài Ca-chiên-diên là bậc hiền giả, trí giả, thông minh, đa văn, lưu loát, biện tài vô ngại, bậc A-la-hán trưởng thượng trong chúng. Thật là tốt lành nếu được yết kiến một người như thế”. O

Nhà vua quyết định lên một cỗ xe thù thắng đặc biệt, rời Madhura đến thăm tôn giả. Tháp tùng với vua có nhiều cỗ xe, thể hiện uy vệ của bậc Đại vương. Đi hết đoạn đường có thể đi được, nhà vua đi bộ, đến nơi tôn giả, bái kiến,

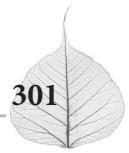


thăm viếng, ngồi xuống một bên, thưa tôn giả rằng:

– Kính thưa tôn giả, các Bà-la-môn đã nói như sau: “Các Bà-la-môn là dòng tối thượng, bạch chủng, thanh tịnh; các dòng giống khác đều là hắc chủng. Các Bà-la-môn là con chính tông của đấng Phạm thiên, được Phạm Thiên tạo, kế thừa Phạm thiên”. Ngài nhận xét gì trong ngữ cảnh này? O

– Kính thưa Đại vương, đây là lời nói⁽¹⁾ phổ biến ở đời, được nâng lên thành như một pháp môn. Đại vương nghĩ sao, nếu hàng vua chúa, sung túc tài sản, vàng bạc, ngũ cốc, chọn một người hầu trong hàng hoàng gia, hoặc Bà-la-môn hay hàng thương gia, hoặc hàng nô lệ, hầu hạ trung thành, thức khuya, dậy sớm, làm theo lệnh chủ, đẹp lòng mọi người, cử

1. Nguyên văn là “âm thanh.”



chỉ lời nói dễ thương, dễ mến?

– Kính thưa tôn giả, dĩ nhiên có thể có chuyện như thế.

– Đại vương nghĩ sao, có chuyện này không, một Bà-la-môn hay hàng thương gia, thậm chí tình huống người giai cấp thấp có người hầu hạ thuộc giai cấp khác như cách nêu trên?

– Kính thưa tôn giả, tình huống như thế có thể xảy ra.

– Kính thưa Đại vương, khi chuyện vừa nêu có thể xảy ra thì bốn giai cấp có bình đẳng không?

– Kính thưa tôn giả, có việc như thế, nên tôi không thấy có khác biệt gì! O

BÌNH ĐẲNG NHÂN QUẢ

– Kính thưa Đại vương, lời ngài hỏi trên cần được hiểu như âm thanh trên đời. Đại vương nghĩ sao, bất kỳ người nào,



dù là vua chúa, hay Bà-la-môn, thương gia, thuộc hạ, phạm các hành vi, sát hại, trộm cắp, ngoại tình, nói láo, chia rẽ, nói tục, phù phiếm, tham lam, sân hận, tà kiến, sau khi qua đời, sanh vào cõi nào?

– Kính thưa tôn giả, những kẻ như thế sẽ sanh cõi dữ. Tôi nghĩ như vậy. Đây chính là điều tôi nghe được từ các A-la-hán.

– Lành thay! Đại vương! Từ điều vừa nêu, ta thấy rõ rằng cả bốn giai cấp vốn là bình đẳng, không có khác biệt.

– Kính thưa Đại vương, nếu có người nào từ bỏ điều ác, chẳng hạn sát hại, trộm cắp, ngoại tình, nói láo, chia rẽ, nói tục, phù phiếm, tham lam, sân hận, và bỏ tà kiến, sau khi qua đời, sẽ sanh về đâu: Cõi lành, cõi ác, hay không tái sinh?

– Kính thưa tôn giả, dĩ nhiên người ấy sẽ sanh cõi lành. Tôi nghĩ như vậy. Đây chính là điều tôi nghe được từ các A-la-hán. O



– Lành thay! Đại vương! Từ điều vừa nêu, ta thấy rõ rằng cả bốn giai cấp vốn là bình đẳng, không có khác biệt.

– Kính thưa Đại vương, nếu có người nào, bất luận giai cấp, đột nhập nhà người, trộm lấy đồ đạc, lộng hành cướp giựt ở trên đường phố, tư thông ngoại tình. Nếu người bắt được, trình báo Đại vương, yêu cầu xét phạt. Lúc ấy Đại vương phân xử thế nào?

– Kính thưa Tôn giả, tùy theo bản chất loại hình tội phạm, mức độ phạm pháp, có khi xử tử, có khi tra tấn, có khi tẩn xuất. Hình phạt áp dụng tùy theo tội trạng. Tất cả danh xưng, vai trò xã hội của người phạm pháp, dù giai cấp nào, không còn dùng nữa. Đương sự lúc đó được biết với tên đạo chích phạm pháp.

– Lành thay! Đại vương! Từ điều vừa nêu, ta thấy rõ rằng cả bốn giai cấp vốn là bình đẳng, không có khác biệt. O



KHÔNG CÒN DANH XUNG VÀ GIAI CẤP

– Kính thưa Đại vương, nếu có người nào, sau khi quyết định cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, thành người xuất gia, từ bỏ giết hại, từ bỏ trộm cắp, từ bỏ nói láo, từ bỏ dâm dục, ngày ăn một bữa, sống đời thanh cao, giới hạnh, đạo đức, giữ gìn pháp lành; Đại vương đối xử người đó thế nào?

– Kính thưa tôn giả, tôi sẽ đứng dậy, cung kính đánh lễ, mời người ấy ngồi, cúng dường đầy đủ bốn nhu yếu phẩm, lại còn sắp xếp hộ trì an ninh, che chở đúng pháp. Danh xưng xã hội của người như thế đã không còn nữa. Vị ấy được gọi là vị Sa-môn.

– Lành thay! Đại vương! Từ điều vừa nêu, ta thấy rõ rằng cả bốn giai cấp vốn là bình đẳng, không có khác biệt. Tất cả tuyên bố về Bà-la-môn là dòng tối thượng, bạch chủng, thanh tịnh, là con



Phạm thiên, được Phạm thiên sinh, thừa kế Phạm thiên, chỉ là lối nói, nên hiểu như là một loại âm thanh tồn tại trên đời. O

NƯƠNG TỰA TÂM LINH

Sau khi nghe ngài Đại Ca-chiên-diên diễn giảng sâu sắc, vua Madhura khen tôn giả rằng: “Thật vi diệu thay, như người dựng lại những gì đã ngã, phơi bày rõ ràng điều bị che kín, đưa đường dẫn lối cho người lạc lối, đem đèn chiếu sáng vào trong bóng đêm để người có mắt nhìn thấy màu sắc; tương tự như thế, giáo pháp được ngài giảng dạy, phân tích với nhiều phương tiện vô cùng sâu sắc. Cho con nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, như người cư sĩ. Từ đây trở đi đến lúc lìa đời, con luôn quy ngưỡng!

– Kính thưa Đại vương, chớ nên nương tựa vào bản tánh tôi. Hãy nên quy y nơi đức Thế Tôn. Ngài cũng là chỗ tôi đã nương tựa.



– Kính thưa Tôn giả, đức Thế Tôn ấy, giờ đang ở đâu?

– Kính thưa Đại vương, đấng Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, vừa mới qua đời.

– Kính thưa tôn giả, nếu biết được Ngài đang ở nơi đâu, thậm chí năm mươi do-tuần đường dài, tôi cũng đích thân yết kiến, nương tựa. Nay đức Thế Tôn không còn trên đời, tôi xin quy ngưỡng đức Phật niết-bàn, nương tựa chánh pháp, quy ngưỡng Tăng Ni. Mong ngài tôn giả, vui lòng nhận làm đệ tử tại gia. Từ nay trọn đời, tôi xin một lòng quy ngưỡng thực tập. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O





19. KINH KHÔNG CÓ GIAI CẤP

BIẾT LƯỢNG SỨC MÌNH

Tôi nghe như vậy. Một hôm đức Phật đang lưu trú tại Tịnh xá Kỳ Viên do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ Đà phát tâm hiến cúng, có khoảng năm trăm vị Bà-la-môn đến thành Xá Vệ vì vài công việc. Nhiều vị trong họ nghe đồn như sau: “Đức Phật chủ trương cả bốn giai cấp – vua chúa, tu sĩ, thương gia, nô bộc – đều thanh tịnh cả; không ai có thể tranh luận với Phật về vấn đề này”. O

Có hiền triết trẻ tên As-sa-la-yan mới mười sáu tuổi, đầu cạo sạch tóc, giỏi kinh Vệ Đà: Tự vựng, Lễ nghi, Ngũ nguyên, Cổ truyện, về mặt từ ngữ cũng như văn phạm, rất giỏi nhân tướng và



Thuận thế luận, được yêu cầu đến tranh luận với Phật, không được chiến bại. As-sa-la-yan nói với mọi người: “Đức Phật Thích-ca nói đúng chân lý. Tôi không đủ sức tranh luận với người nói đúng chân lý.” Được thỉnh ba lần, nhà hiền triết trẻ biết lượng sức mình từ chối ba lần. Nhưng vì mọi người hết lòng khẩn cầu, nhà hiền triết đành phải nhận lời. O

BÀ-LA-MÔN KHÔNG PHẢI LÀ TỐI THƯỢNG

Tại chùa Kỳ Viên, sau khi thăm hỏi, nhà hiền triết trẻ nói với Phật rằng:

– Thưa ngài Cồ-đàm, đạo Bà-la-môn, xưa cũng như nay, chủ trương như sau: “Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, các giai cấp khác đều là thấp kém; chỉ Bà-la-môn là người da trắng, các giai cấp khác đều là da đen; chỉ Bà-la-môn thanh tịnh, thiêng liêng, các giai cấp khác không được như vậy; chỉ Bà-la-môn là con chính thống của đấng Phạm thiên,



sanh ra từ miệng của đấng Phạm Thiên, là người thừa kế vai trò Phạm Thiên. Xin ngài cho biết quan điểm của ngài?”

– Này hiền triết trẻ! Trên thực tế thì nữ Bà-la-môn, vợ Bà-la-môn đều có kinh nguyệt, mang thai, sanh con, cho con bú mớm. Hay nói rõ hơn, các Bà-la-môn đều sanh ra từ nữ căn của mẹ; đâu có người nào được sanh ra từ miệng của Phạm Thiên, nên không thể nói: “Bà-la-môn là giai cấp tối thượng...”

– Bất luận thế nào, ngài nói ra sao, dòng Bà-la-môn vẫn là số một; các giai cấp khác không thể sánh bì. O

ĐÔI NGHIỆP THAY NGÔI

– Này hiền triết trẻ! Anh có biết không, tại bang Yo-na và Kam-bo-ja, có hai giai cấp: chủ và đầy tớ. Có người thất bại, từ vai trò chủ trở thành đầy tớ. Có người thành công, từ kẻ đầy tớ đã trở thành chủ.



Thay ngôi đời chủ đều do hành động, chẳng do số phận từ lúc sinh ra.

– Này hiền triết trẻ! Anh nghĩ thế nào? Nếu hàng vua chúa, thương gia, nô bộc... giết người, cướp của, tà hạnh trong đục, nói láo, đâm thọc, nói ác, nói phiếm, tham lam, sân hận, si mê, tà kiến, sau khi qua đời, tái sinh cõi dữ, thì Bà-la-môn gieo các nghiệp xấu cũng phải gặt hái các quả xấu ác, không hơn không kém. Bất luận là ai, thuộc giai cấp nào, sắc tộc, màu da, giới tính, tuổi tác, nếu gieo bất hạnh phải chịu khổ đau; nếu sống đạo đức sẽ hưởng hạnh phúc ở ngay hiện đời, đời sau sanh về cảnh giới an lành. Cán cân nhân quả không thể sai lệch. O

AI CŨNG LÀM ĐƯỢC

– Này hiền triết trẻ! Anh nghĩ thế nào, chỉ Bà-la-môn mới tu từ bi, xóa bỏ hận thù, các giai cấp khác không thể làm thế? Chỉ Bà-la-môn được tắm sông Hằng với



cây cào lung và bột tắm sạch, các giai cấp không được làm thế?

– Thưa ngài Cồ-đàm! Những gì làm được từ Bà-la-môn thì giai cấp khác cũng đều làm được; không có sai khác.

– Này hiền triết trẻ! Giả như có vua đã làm quán đảnh, nói với hội nghị hơn trăm người dự thuộc nhiều dòng họ: “Những vị nào thuộc gia đình hoàng tộc hoặc Bà-la-môn hãy đem đến đây bộ phận trên cùng của đồ quay lửa làm bằng sa-la, chiên-đàn, sen quý, rồi quay bột lửa, tạo ra sức nóng. Những người nào thuộc giai cấp hạ tiện, gia đình săn bắn, làm nghề xe cộ, nghề mây tre lá, nghề hốt phân rác... hãy đem đến đây bộ phận trên cùng của đồ quay lửa làm bằng gỗ tạp như máng chó heo, hay máng giặt đồ, hoặc các củi khô, rồi quay bột lửa, tạo ra sức nóng. Anh hãy nghĩ xem, có phải do vì thuộc giai cấp cao như hàng



vua chúa hay Bà-la-môn mà lửa của họ có màu sắc đỏ, tạo ra ánh sáng, dùng vào các việc cần lửa và nhiệt; còn các ngọn lửa tạo ra từ người thuộc cấp hạ liệt thì không như thế?

– Kính bạch Thế Tôn, không có khác biệt, khi lửa đã cháy từ các nhiên liệu, sức nóng có mặt, dùng nhiệt lượng này vào các việc cần; bất luận người đốt thuộc giai cấp nào.

– Nay hiền triết trẻ. Quả thật như thế, không có khác biệt giữa các giai cấp. O

HÔN NHÂN DỊ CHỨNG

Đức Phật dạy tiếp:

- Anh hãy nghĩ xem, nếu một người nam thuộc dòng vua chúa cưới một người vợ thuộc Bà-la-môn, hoặc một người nữ thuộc dòng hoàng tộc lấy một người nam dòng Bà-la-môn, do hôn phối này, họ sanh con trai thì cậu bé này giống



mẹ hay cha, sẽ được gọi là con dòng vua chúa hay Bà-la-môn?

– Kính bạch Thế Tôn! Theo chỗ con hiểu, cả hai tình huống, cậu con trai ấy sẽ giống cả hai, cha và mẹ nó và sẽ được gọi vừa dòng vua chúa, vừa Bà-la-môn.

– Nay hiền triết trẻ. Quả thật dòng dõi những hàng vua chúa và Bà-la-môn không là độc tôn. Cũng như ngựa cái giao phối với lừa, sanh ra con la thì con la ấy giống cả cha mẹ, vừa ngựa vừa lừa. Không có trường hợp ngựa là độc tôn hay lừa độc tôn trong sự phối ngẫu như vừa nêu trên. O

GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC

– Nay hiền triết trẻ! Một ví dụ khác, có hai anh em đồng mẹ khác cha, một người đợc tụng, thông hiểu Thánh điển; và người còn lại có sở thích khác. Giữa hai vị này, các Bà-la-môn sẽ cúng ai



trước thức ăn đãi khách, vật thực tế đàn, vật lễ hy sinh, vật cúng người chết?

– Kính bạch Thế Tôn! Trong trường hợp này, các Bà-la-môn sẽ cúng dường người đọc tụng thông hiểu kinh điển Vệ-đà, vì cúng cho người không hiểu kinh điển sẽ không có phước hay kết quả lớn.

– Nay hiền triết trẻ! Anh nghĩ thế nào, giữa hai anh em, người thích đọc tụng, thông hiểu Thánh điển lại sống ác hạnh, làm nhiều điều xấu và người còn lại dù không đọc tụng, không hiểu Thánh điển, nhưng lại giữ giới, thực hành pháp lành, thì Bà-la-môn sẽ cúng ai trước?

– Kính bạch Thế Tôn! Trong trường hợp này, các Bà-la-môn sẽ chọn cúng dường cho người giữ giới làm lành, dù cho vị ấy không thường đọc tụng, không hiểu thánh điển, vì cúng cho người ác hạnh làm xấu không có phước báu. O



KHÔNG CÓ GIAI CẤP ĐỘC TÔN

– Nay hiền triết trẻ! Trả lời của anh về sự chọn lựa thật là thích đáng. Đây cũng là điều tôi nói cho anh: Bắt đầu câu chuyện, anh đặt nặng về huyết thống gia tộc để khẳng định rằng các Bà-la-môn là hàng độc tôn. Sau đó, anh đã từ bỏ huyết thống, dựa vào Thánh điển làm điều độc tôn. Giờ đây anh đã từ bỏ Thánh điển, dựa vào giới đức của từng con người. Điều này không khác với chủ trương ta rằng bốn giai cấp có thể thanh tịnh do tu đạo đức. Thật sự không có tình trạng độc tôn do vì người này là Bà-la-môn hay dòng vua chúa. O

KHÔNG BÀ-LA-MÔN NÀO THUẬN CHỪNG

Nghe Phật đúc kết, nhà hiền triết trẻ As-sa-la-yan ngồi trong im lặng, không thốt nên lời, co vai, cúi đầu, sững sờ, ủ rũ. Nhân đó Phật kể những điều sau đây:



– Này các đệ tử, vào thuở xa xưa, trong một am thất bằng lá trong rừng, có bảy ả sĩ đạo Bà-la-môn trong khi thảo luận đã khẳng định rằng: “Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, các giai cấp khác đều là thấp kém; chỉ Bà-la-môn là người da trắng, các giai cấp khác đều là da đen; chỉ Bà-la-môn thanh tịnh, thiêng liêng, các giai cấp khác không được như vậy; chỉ Bà-la-môn là con chính thống của đấng Phạm thiên, sanh ra từ miệng của đấng Phạm Thiên, là người thừa kế vai trò Phạm Thiên”. O

Nghe thấy việc này, có một ả sĩ tên A-si-ta, sửa soạn râu tóc, đắp y đỏ tía, đi dép nhiều viền, cầm gậy bằng vàng, xuất hiện đột ngột ở hành lang của am thất vừa nêu, đi vòng tới lui, rồi hỏi lớn rằng: “Này các tôn giả, các vị đi đâu?” Bảy vị ả sĩ nghe lời hỏi trên, nảy sinh ý nghĩ, quyết dùng chú thuật trừ yểm ông



ta trở thành tro tàn bản như ghê tởm. Càng cố trừ yếm, ông A-si-ta lại càng đẹp hơn. Bảy vị ẩn sĩ ngạc nhiên suy nghĩ: “Thật là bất lực. Khổ hạnh của ta không có kết quả. Hạnh tu của ta không có hiệu nghiệm. Trước đây yếm ai đều có kết quả. Nay yếm ông này, kết quả đảo ngược.” Ông A-si-ta từ tốn khuyên lơn bảy vị đạo sĩ: O

– Thưa các hiền giả! Khổ hạnh đúng cách không phải trống rỗng. Hạnh tu đúng cách phải có kết quả. Tôi khuyên các vị hãy từ bỏ tâm oán hận với tôi.

– Kính thưa tôn giả! Có oán hận nào đối với tôn giả, chúng tôi bỏ ngay. Xin phép được hỏi tôn giả là ai?

– Thưa các hiền giả! Tôi là đạo sĩ tên A-si-ta, họ De-va-la. Thực ra thế này, khi nghe câu chuyện các vị thảo luận về sự độc tôn của Bà-la-môn, tôi mới đến đây để biết thực hư. Theo các hiền giả, cha



Bà-la-môn chỉ giao hợp với mẹ Bà-la-môn, mẹ Bà-la-môn chỉ giao hợp với cha Bà-la-môn, không có trường hợp ngoài Bà-la-môn, suốt cả bảy đời tổ mẫu, tổ phụ?

– Kính thưa tôn giả! Không thể có được tình trạng lý tưởng như vừa nêu ra. O

TÁI SINH AI CŨNG NHƯ AI

– Thưa các hiền giả! Các vị có biết quá trình nhập thai diễn ra thế nào?

– Kính thưa tôn giả! Theo chúng tôi hiểu, quá trình nhập thai xảy ra như sau: Có sự giao hợp giữa mẹ và cha, cha mẹ giao hợp đúng ngay ngày mẹ có thể đậu thai và tâm tái sinh của một chúng sanh mới vừa qua đời. Đủ ba điều này, quá trình nhập thai mới được thành tựu.

– Thưa các hiền giả! Các vị có biết “tâm tái sinh” đó của dòng vua chúa, của Bà-la-môn, của các thương gia hay của nô bộc?



– Kính thưa tôn giả! Chúng tôi không biết tâm tái sanh ấy thuộc giai cấp nào.

– Thưa các hiền giả! Sự tình là thế. Các vị có biết các vị là ai?

– Kính thưa tôn giả! Nói đúng ra là, chúng tôi không biết chúng tôi là ai. O

MỌI NGƯỜI BÌNH ĐẲNG

Sau khi dẫn chuyện, đức Phật kết luận với hiền triết trẻ:

– Bảy vị ản sĩ đạo Bà-la-môn dù rất nổi tiếng, khi bị ản sĩ tên A-si-ta chất vấn nguồn gốc của họ từ đâu, đã không đáp được. Anh và bảy vị ản sĩ nổi tiếng đều là đệ tử cùng một đạo sư. Nay cũng như thế, khi được ta hỏi về nguồn gốc sinh của bản thân anh, anh đã không thể trả lời đúng được. Nay hiền triết trẻ, thật ra không có bốn loại giai cấp do Phạm Thiên định. Mọi người sinh ra đều vốn bình đẳng. Cao thấp khác nhau không do

sinh chúng, mà do hành động của từng con người.

Nghe Phật dạy xong, nhà hiền triết trẻ As-sa-la-yan vô cùng cảm phục, thành kính cầu Phật nhận ông làm đệ tử, trọn đời quy ngưỡng. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O





20. KINH SỐNG TRONG HÒA HỢP

TRANH CHẤP GÂY KHỔ

Tôi nghe như vậy. Một thời đức Phật đang lưu trú tại Chùa Gho-si-ta thuộc Ko-sam-bi, một số thầy tu vương vòng tranh chấp, đả thương lẫn nhau bằng vũ khí miệng. Một thầy Tỳ-kheo đến lễ đức Phật, đứng sang một bên, tường trình sự việc cho đức Phật nghe và thỉnh đức Phật, giúp đỡ vượt qua. Đức Phật im lặng, nhận lời thỉnh cầu. Đến nơi tranh chấp, Phật dạy như sau: O

– Này các đệ tử! Chớ có tranh chấp, bất hòa với nhau, vì lối sống này gây nhiều đau khổ!

Một thầy Tỳ-kheo bạch với Phật rằng: “Kính xin Thế Tôn chớ có nhọc lòng.



Xin ngài an tâm, hiện tại lạc trú. Chúng con tại đây sẽ chịu trách nhiệm về tranh chấp này”. O

XÓA BỎ HẬN THÙ

Sau ba lần khuyên, đức Phật từ bi chỉ dạy mọi người bằng bài kệ sau:

Trong tập thể gây gỗ
Ít ai biết mình ngu.
Giữa người gây chia rẽ,
Ít người nghĩ đến tu.
Khi đánh mất chánh niệm
Nói ba hoa, lảm chuyện,
Mất mình trong vui miệng,
Ai biết sẽ ra sao?

“Nó đánh tôi, chửi tôi,
Nó cướp tôi, hại tôi”
Ôm niêm oán hận này
Hận thù không thể nguôi.
“Tôi bị đánh, bị chửi,



Tôi bị cướp, bị hại”
Không ôm niềm oán hận,
Hận thù sẽ nguôi ngoai. O

Lấy hận rửa hận thù,
Hận thù không hết được,
Từ bi diệt hận thù,
Là định luật muôn đời.
Không hiểu nguyên lý này,
Trả đũa, dầu vào lửa.
Hiểu, ứng dụng điều này,
Tranh chấp được tiêu trừ.

Người chủ trương hại người,
Cướp tài sản, trâu bò,
Xâm lăng các nước yếu...
Còn biết đoàn kết nhau!
Sao những người hiền lành,
Không liên kết sức mạnh,
Xóa bỏ mọi khổ đau,
Làm lợi lạc cho đời. O



Sống với bạn hiền trí,
Đồng hành trong chánh niệm,
Vượt qua mọi nghịch cảnh,
Sống hoan hỷ, an vui.
Không gặp bạn hiền trí,
Như vua bỏ nước đi,
Như voi chúa cô độc,
Không kết bạn người ngu.

Thà sống tốt một mình,
Cô độc vượt khổ đau,
An nhàn như voi rừng
Không kết bạn kẻ ngu. O

TÁM GƯƠNG HÒA HỢP

Sau khi dứt lời, Thế Tôn đi đến làng Ba-la-ka Lo-na-ka-ra. Tôn giả Bha-gu thấy Phật đến thăm, vô cùng hạnh phúc, sắp xếp chỗ ngồi và nước rửa chân mời Phật sử dụng. Sau đó, lễ Phật, ngồi xuống một bên. Nhân đó, đức Phật hỏi thăm như sau:



– Này các đệ tử! Các vị xuất gia tại khu vực này có an lạc không, có thuận lợi không, có trở ngại gì trong việc khất thực?

– Kính bạch Thế Tôn, chúng con tại đây sống trong an lành, mỗi ngày khất thực không hề mệt nhọc.

Nghe biết việc này, Thế Tôn an tâm, giảng bài pháp ngắn, rồi lại lên đường, đến làng gần bên là Pa-ci-na Vam-sa-da-ya. Tại đây có ba tôn giả đang tu A-nu-ru-dha, thầy Nan-di-ya và Kim-bi-la. Có người giữ vườn khuyến Phật đừng đến làm phiền đến họ, vì họ ái luyện tự ngã rất nhiều. A-nu-ru-dha nghe lời không thật, liền nói với người giữ vườn như sau: O

– Này người giữ vườn, chớ có ngăn chặn đạo sư Thế Tôn đến thăm chúng tôi!

Vừa nói dứt lời, A-nu-ru-dha đến bên hai vị tôn giả rồi thưa:

– Này các tôn giả, đạo sư Thế Tôn đã



đến nơi này. Hãy đón Thế Tôn với lòng tôn kính.

Cả ba vui mừng, ra đón Thế Tôn, người cầm y bát, người dọn chỗ ngồi, người lo khăn nước, đánh lễ Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Đức Phật liền hỏi:

– Này các đệ tử! Các thầy có được an lành, hạnh phúc; mỗi ngày khát thực có mỗi mệt không?

– Kính bạch Thế Tôn, chúng con an lành, sống trong hạnh phúc, mỗi ngày khát thực không hề mệt nhọc.

– Này các đệ tử! Ta mong các vị sống trong hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có tranh chấp, như nước với sữa, sống và nhìn nhau với mắt thiện cảm. Ta muốn được biết lối sống hòa hợp của các đệ tử. Hãy cho ta biết. O

KHÔNG LÀM PHIÊN NHAU

– Kính bạch Thế Tôn, chúng con nghe



rằng: “Thật ích cho ta và nhiều lợi lạc, nếu ta hòa hợp với các đồng tu! Do vậy chúng con, đối với đồng tu, từ thân, miệng, ý, trước mặt, sau lưng, việc lớn, việc nhỏ, hài hòa, hợp tác, làm lợi lạc nhau. Không ai bảo ai, chúng con ứng xử: “Bỏ tâm của mình, sống thuận tâm người. Thân của chúng con mặc dù khác nhau nhưng tâm chúng con là một mà thôi. Chúng con hòa hợp như nước với sữa, hoan hỷ với nhau với mắt thiện cảm.”

Cả ba tôn giả lần lượt trình bày nội dung hòa hợp trong đối xử nhau. Đức Phật hoan hỷ, tán dương “Lành thay” và hỏi như sau: O

– Nay các đệ tử, các ông có sống nhiệt tâm, tinh tấn, không để phóng dật chệnh mảng đường tu? Hãy cho ta biết lối sống tinh cần đã được thực tập?

– Kính bạch Thế Tôn! Chúng con mặc



định như một thói quen. Ai vào làng trước, khát thực về trước thì lo chỗ ngồi, soạn sẵn nước uống và nước rửa chân, bày sẵn một bát để thực phẩm dư. Ai đi về sau, nếu muốn thì ăn thực phẩm còn lại; khi ăn no rồi, bỏ thực phẩm dư vào một chỗ sạch không có cỏ xanh, hoặc đổ vào nước không có côn trùng; dọn dẹp chỗ ngồi, cất nước và bát, quét sạch nơi ăn. Nếu ai nhận thấy nước uống, nước rửa, nước nhà vệ sinh đã dùng hết sạch thì có bồn phận châm nước cho đầy, không đợi yêu cầu. Nếu do bệnh yếu, không thể tự làm thì nhờ người khác làm thế việc ấy. Trong những ngày qua, chúng con đã sống không ai phiền ai, không gây tiếng động. Cứ năm ngày một, chúng con dành trọn một đêm đàm đạo. Chúng con suốt ngày nhiệt tâm, tinh tấn trong sự hòa hợp với nhiều an vui. O



PHÁP MÀU TINH TẤN

– Lành thay, lành thay là sống tinh tấn trong sự hòa hợp! Hãy cho ta biết các ông có chứng được pháp thượng nhân, trí tuệ thù thắng như các bậc Thánh, an lạc thanh thoi?

– Kính bạch Thế Tôn, nhờ sống tinh tấn, chúng con nhìn thấy một luồng hào quang chợt xuất hiện lên rồi liền biến mất, cùng các sắc pháp hiện khởi rồi diệt. Chúng con không hiểu tướng ấy là gì? Xin ngài chỉ dạy. O

– Này các đệ tử! Ta cũng như thế. Trước khi giác ngộ, còn là Bồ-tát, Ta thấy hào quang trong lúc thiền định, sau đó nhanh chóng biến mất nơi ta như sự sinh diệt của các sắc pháp. Ta đã nghiền ngẫm: “Do nhân duyên gì, chúng lại như thế?” Ta đã nhận ra: “Nghĩ hoặc xuất hiện trong tâm của ta. Vì có nghĩ hoặc nên định của ta biến diệt vô thường; khi



định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sắc pháp hiện khởi rồi diệt. Ta đã tìm cách chấm dứt nghi hoặc”.

Sau một thời gian, nhiệt tâm, tinh tấn, ta nhận thấy rõ: “Do sự vô ý nên có hôn trầm. Tương tự như thế, mắt xích sau đây lần lượt xuất hiện: hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, dâm ý, tâm quá phấn chấn, tinh cần quá độ, tinh cần quá yếu, nghĩ tưởng ái dục, nhiều sai biệt tưởng và quá chú tâm vào các sắc pháp... xuất hiện trong tâm, nên định của ta biến diệt vô thường; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sắc pháp hiện khởi rồi diệt.” Ta đã tinh tấn, cố gắng chuyển hóa, không để cho chúng khuấy rối tâm ta. O

Tiếp theo tinh tấn, ta thấy hào quang, nhưng lại không thấy sắc pháp ngày đêm. Cũng có trường hợp, cả ngày lẫn đêm, ta thấy sắc pháp, nhưng lại không thấy hào quang xuất hiện. Có khi nhìn



thấy hào quang, sắc pháp trong một hạn lượng, nhưng cũng có khi thấy chúng vô hạn. Ta đã nhận ra: “Khi định có hạn, mắt thấy của ta sẽ có hạn lượng, từ đó nhìn thấy hào quang, sắc pháp trong một hạn lượng. Khi định vô hạn, mắt thấy của ta sẽ không hạn lượng, do đó, nhìn thấy hào quang, sắc pháp không có hạn lượng, cả ngày lẫn đêm. O

CHUYỂN HÓA PHIỀN NÃO

Này các đệ tử, khi nào biết được những thứ sau đây là những phiền não, làm trở ngại tâm thì nên quyết tâm chuyển hóa tận gốc các phiền não này: “Nghĩ hoặc, vô ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, dâm ý, tâm quá phân chấn, tinh cần quá độ, tinh cần quá yếu, nghĩ tưởng ái dục, nhiều sai biệt tưởng và quá chú tâm vào các sắc pháp.”

Nhờ tâm tinh tấn, chuyển hóa phiền não, nhỏ sạch tận gốc, Như Lai tu tập

ba loại thiên định: a) Định có tâm, tứ; định không có tâm nhưng chỉ có tứ; định không tâm, tứ. b) Ta tiếp tục tu: Định có hoan hỷ; định không có hỷ; c) Định câu hữu lạc; định chỉ thuần xả. Nhờ đạt được ba định không tâm tứ, định không có hỷ, định chỉ thuần xả, ta nhận thức rõ: “Giải thoát của ta thật là bất động, đây là đời sống cuối cùng của ta, ta không tái sinh do nghiệp sai khiến.”

Nghe Phật giảng dạy về kinh nghiệm tu tinh tấn, chuyên hóa phiền não trong tâm, cả ba tôn giả A-nu-ru-dha, thầy Nan-di-ya và Kim-bi-la vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thực hành những lời Phật dạy. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O





21. KINH HÓA GIẢI TRANH CÃI

VÌ LÒNG TỪ BI

Tôi nghe như vậy. Trong một ngày nọ, trong khu rừng tên Ba-li-ha-ran, đức Phật truyền gọi tất cả Tỳ-kheo và dạy như sau:

– Nay các đệ tử, các con nghĩ sao: “Có phải vì muốn nhận được nhiều y, thực phẩm khất thực, giường chiếu, tọa cụ và các thuốc thang, mà ta thuyết pháp? Hay vì thành bại mà ta thuyết pháp?” O

– Kính bạch Thế Tôn, không vì lợi dưỡng hay nhân thành bại, Thế Tôn thuyết pháp thiết thực hiện tại, đem lại lợi lạc cho rất nhiều người. Vì lòng từ bi, vì tâm vị tha, vì tâm hóa độ, người đã tận tâm giảng dạy rộng sâu những điều chánh pháp.



– Nay các đệ tử, chánh pháp ta dạy với trí tuệ lớn cho các chúng sinh như bốn niệm xứ, bốn tinh tấn lớn, bốn như ý túc, năm năng lực lớn, bảy phần giác ngộ, thánh đạo tám ngành v.v... các đệ tử nên học tập tất cả, thực tập trọn vẹn trong sự hòa đồng, hoan hỷ không tranh. O

TÌNH HUỐNG TRANH CÃI

Với tâm hoan hỷ, không màng tranh cãi, lúc học chánh pháp, nếu có hai người, hoặc là hai nhóm nói khác nhau về chánh pháp ta dạy hay vô tỷ pháp, ai đó nghĩ rằng giữa các đồng tu có sự sai khác về văn và nghĩa, hoặc giống văn kinh nhưng giải nghĩa khác thì nên khéo léo nói người hai bên sẵn lòng lắng nghe: “Các vị tôn giả, chớ có tranh cãi về lời Phật dạy hoặc vô tỷ pháp, vì giữa các vị đã có khác biệt về văn và nghĩa, hoặc giống văn kinh nhưng giải nghĩa khác.” Cái gì khó nắm thì phải ghi nhận là khó nắm giữ. Những



gì thuộc pháp, những gì thuộc luật, nếu khó nắm giữ thì phải ghi nhận và phải nói ra. O

Này các đệ tử, nếu có trường hợp tranh cãi xuất hiện giữa hai nhóm người, hoặc chỉ hai người về khác kinh văn nhưng giải nghĩa giống... thì nên khéo léo nói người hai bên sẵn lòng lắng nghe: “Các vị tôn giả, chớ có tranh cãi về lời Phật dạy hoặc vô tỷ pháp, vì giữa các vị có sự giống nhau về giải thích nghĩa, chỉ có sai biệt về văn tự thôi. Sai khác văn tự chỉ là chuyện nhỏ, không nên bận tâm về chuyện nhỏ nhặt.”

Cũng có trường hợp, tranh cãi xuất hiện giữa hai nhóm người hoặc giữa hai người, khi cả hai bên đồng nhất về văn, đồng nhất về nghĩa thì nên khéo léo nói với hai bên: “Các vị tôn giả, chớ có tranh cãi về lời Phật dạy, vì giữa các vị có sự giống nhau về văn và nghĩa”.



Này các đệ tử, đối với giới luật do ta ban hành hãy nên học tập trong sự hòa đồng, hoan hỷ, vô tranh. Nếu có đồng tu được nghi đã phạm một giới nào đó thì đừng hấp tấp khiển trách, quy tội cá nhân người đó. Cần phải xem xét hết sức cẩn trọng, không gây hiểu lầm, không tạo hàm oan, không làm lớn chuyện. O

VƯỢT QUA TÌNH HUỐNG TRANH CÃI

Có các tình huống phát biểu như sau. Tình huống thứ nhất: “Sẽ không tổn hại cho bản thân ta và người nghi phạm; nếu người nghi phạm sẽ không tức giận cũng không uất hận, phản ứng nhanh chóng, sẵn lòng tiếp thu những lời góp ý thì ta nên giúp người ấy vượt qua tất cả lỗi lầm, hồi tâm về thiện.” Trong tình huống này, vì động cơ tốt, nên nói là phải. O

Tình huống thứ hai: “Sẽ không tổn hại cho bản thân ta nhưng sẽ có hại cho người nghi phạm, nếu người nghi phạm



tức giận, uất hận, phản ứng chậm chạp nhưng dễ thuyết phục, nên nói khéo léo, giúp người nghi phạm vượt qua bất thiện.” Trong tình huống này, tổn hại cho người nghi phạm chính là lợi lạc giúp họ vượt qua bất thiện, an trú vào thiện. Từ động cơ đó, nói ra rất nên. O

Tình huống thứ ba: “Sẽ hại cho ta nhưng không tổn thất cho người nghi phạm, nếu người nghi phạm không có tức giận, tính tình lạnh lợi nhưng khó thuyết phục nên nói khéo léo giúp cho người ấy vượt qua bất thiện, sống trong thuần thiện.” Trong tình huống này, chỉ là chuyện nhỏ, nếu bất lợi ta mà lợi cho người trên đường chuyển hóa, nên phải nói ra. O

Tình huống thứ tư: “Sẽ hại cho ta và cả nghi phạm, làm cho nghi phạm tức giận, uất hận, tính tình chậm chạp, rất khó thuyết phục, nhưng nếu giúp được người ấy bỏ ác, quay sang làm lành, thì tổn thất này cũng chỉ



nhỏ nhất, trong khi kết quả là sự hướng thiện.
Nên mạnh dạn nói. O

Tình huống thứ năm: “Ta sẽ bị hại và cả nghi phạm cũng không được tốt; nghi phạm tức giận, uất hận đủ điều, phản ứng chậm chạp, không thể thuyết phục, không thể bỏ ác, quay về đường lành.” Trong tình huống này, không nên xem thường, hãy tập buông xả, để được bình an. O

Này các đệ tử, trong năm tình huống như vừa nêu trên, tất cả nên học, ứng dụng hằng ngày với tâm hòa đồng, hoan hỷ, vô tranh. Không để hiềm hận xuất hiện trong tâm. Không để phiền giận ém nệm trong lòng. Không để ngoan cố làm ta phân hóa. Không để ngôn ngữ chia cách chúng ta. Nhờ thực tập tốt thái độ hòa hợp, buông bỏ tranh chấp và lời thị phi, người tu đạt được an tịnh ba nghiệp, tạo điều kiện tốt đạt được Niết-bàn, an lạc tuyệt đối. O



KHÔNG MÀNG LỜI KHEN

Này các đệ tử, khi giúp đồng tu hay bất kỳ ai đạt được lợi ích thì đừng bận tâm vào lời khen ngợi. Khi được người khen: “Các đồng tu này được tôn giả giúp vượt qua bất thiện, an trú vào thiện, thật là lành thay” thì nên trả lời một cách chân chính, khéo léo như sau: “Thưa các bạn hữu, không phải do tôi các vị được thế. Những gì tôi biết đều do tôi học trực tiếp từ Phật qua lời ngài dạy; tôi chỉ lặp lại những gì tôi biết, có công gì đâu. Nhờ lắng nghe theo, các bạn bỏ ác, sống theo hạnh lành, đạt được lợi ích là điều tất nhiên.” Trả lời như trên, ta sẽ thoát được tâm lý trở ngại “khen mình chê người.” Nhờ biết giải thích đúng với chân lý và có khiêm cung nên người như vậy không bị phỉ báng, phê bình, chỉ trích.

Nghe đức Phật dạy nghệ thuật hòa giải, sống trong hòa hợp, lợi lạc mình người,



góp phần xây dựng hòa bình, hạnh phúc có mặt khắp nơi, tất cả đồng tu vô cùng hoan hỷ, vâng lời Phật dạy, học tập, ứng dụng, phát nguyện truyền bá đến với nhiều người. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O





22. KINH HÒA HỢP VÀ HÒA GIẢI

TRANH CHẤP ĐÚNG SAI

Tôi nghe như vậy. Một thời đức Phật ở thôn Xá-di (*Samagama*) cùng các đệ tử là người Thích-ca, thì Ni-gan-tha Na-ta-put-ta, giáo chủ Kỳ-na vừa mới tạ thế ở làng Pa-va. Tu sĩ đạo này phân hóa hai phái, tranh chấp, hại nhau bằng vũ khí miệng. Những điều tranh chấp bao gồm như sau: “Các ông không biết pháp và luật này, chỉ có chúng tôi biết rõ pháp luật. Làm sao anh chị biết pháp luật này? Anh theo hạnh tà, tôi theo hạnh chánh. Lời tôi mới đúng, lời anh không hợp. Điều đáng nói trước, anh lại nói sau; điều đáng nói sau, chị lại nói trước. Do bị đảo lộn, quan điểm của anh đã bị thách đố



và bị đánh bại. Các anh chị phải giải tỏa quan điểm, thoát khỏi bế tắc...”

Do vì tranh chấp, muốn tàn hại nhau, phần lớn tín đồ của Ni-gan-tha tổn thất niềm tin, buồn chán, phản đối các tu sĩ ấy.

Điều này là do pháp và luật họ không tuyên thuyết bởi những bậc giác ngộ, trình bày vụng về, không có khả năng dẫn đến an tịnh, dễ bị đổ vỡ, không đủ sức mạnh làm nơi nương tựa. O

TRANH CHẤP PHÁP MÔN MANG LẠI BẤT AN

Sau mùa an cư, sa-di Thuần-đà thăm ngài A-nan, tường thuật đầu đuôi những điều nghe thấy. Tôn giả A-nan dẫn ông đến gặp, trình thưa đức Phật, tất cả mọi điều.

- Kính bạch Thế Tôn, con nghĩ như sau: “Khi Phật qua đời, chớ để tranh luận có trong người tu, vì các tranh luận đưa đến bất an và nhiều đau khổ cho đại đa số.”



– Nay thầy A-nan, hãy cho Ta hay giáo pháp Ta dạy, như Bốn quán niệm, Bốn điều tinh tấn, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ đề phần, Thánh đạo tám ngành và nhiều pháp khác, có hai người tu tuyên bố sai khác về một nội dung?

– Kính bạch Thế Tôn, không có tình trạng hai vị xuất gia tuyên bố sai khác về các giáo pháp được Người giảng dạy một cách khéo léo. Con vẫn lo rằng người sùng kính Phật có thể tranh luận về những giới luật và đời thanh cao!

– Nay thầy A-nan! Hai tranh luận đó chỉ là nhỏ nhặt, không đáng phải lo. Nếu trong tăng đoàn khởi lên tranh luận về đạo giải thoát, về pháp môn tu, sự tranh luận ấy mới thật bất an cho đại đa số. O

THÁI ĐỘ VÀ NGUYÊN NHÂN TRANH CHẤP

– Nay thầy A-nan! Có sáu thái độ dẫn đến tranh chấp giữa những đồng tu hoặc



trong cộng đồng, dẫn đến bất an, cần phải tinh tấn diệt trừ tận gốc; đừng để cho chúng tiếp tục leo thang ở trong tương lai. Sáu tranh chấp gồm: Sân hận - phẫn nộ, hiềm khích – náo hại, đố kỵ - ganh ghét, gian manh – xảo trá, tà kiến – ác dực, cố chấp kiến thức. Vương một trong sáu, hoặc gồm cả sáu thái độ tranh chấp như vừa nêu trên, người kẹt tranh chấp đánh mất cung kính với bậc đạo sư, chánh pháp, tăng đoàn, bỏ dở học tu, gặp nhiều tổn thất, mang lại bất hạnh và nhiều khổ đau cho đại đa số.

– Nay thầy A-nan! Có bốn nguyên nhân dẫn đến tranh luận giữa người với người. Một là tránh sự do gốc tranh luận. Hai là tránh sự do gốc chỉ trích. Ba là tránh sự do gốc phạm pháp. Bốn là tránh sự do gốc trách nhiệm. O



BẢY CÁCH VƯỢT QUA TRANH CHẤP

– Nay thầy A-nan! Có bảy phương pháp tháo mở tranh chấp, dẫn đến tình trạng hòa hợp, đoàn kết, không còn bất hạnh.

Một là phán quyết dựa vào hiện tiền: Khi có tranh chấp pháp và phi pháp, luật và phi luật, tất cả người tu, sau khi tập hợp, phải bàn, phân tích về pháp quy chế, để được thống nhất về một giải pháp giải quyết tránh sự. O

Hai là phán quyết dựa vào sự nhớ: Khi một tránh sự về tội nặng nhẹ xuất hiện trong Tăng như Ba-la-di hay là Tăng tàn thì nên tra hỏi về mức độ phạm của nghi can ấy. Dựa vào ký ức và sự xác nhận của người nghi can mà xác định tội; không nên mớm cung, hoặc là định tội mang tính áp đặt. O

Ba là phán quyết tình trạng bất si: Có một số người buộc tội người khác phạm



Ba-la-di hoặc gàn như thế. Nhưng khi tra hỏi, đương sự trả lời “tôi không nhớ là tôi đã phạm tội. Trong thời gian đó, tôi bị mất trí nên tôi không nhớ tôi đã làm gì, tôi đã nói gì ngược hạnh người tu” thì nên phán quyết tình trạng bất si để ngừng tranh chấp. O

Bốn là quyết định tùy theo thú nhận: Cũng có tình trạng, dù bị buộc tội hay không buộc tội, một người nào đó, nhớ một tội trạng, thổ lộ trình bày trước một tôn giả hoặc nhiều người hơn, rằng tôi phạm tội với tội trạng này, tôi xin sám hối, không tái phạm nữa. Khi nghe trình bày, vị tôn giả ấy phải có lời khuyên, khích lệ chuyển nghiệp. Dựa vào thú nhận để giải quyết tốt tranh chấp vốn có giữa các thành viên. O

Năm là quyết định tùy theo đa số: Nếu một tranh chấp không thể giải quyết trong một trú xứ thì người tranh chấp



nên đến một nơi có nhiều đồng tu, thỉnh cầu họp chúng, phân tích sự việc theo pháp quy chế, từ đó rút ra giải pháp hòa họp, kết thúc tranh chấp, dựa theo quyết định của đại đa số. O

Sáu là quyết định theo tội nặng nhẹ của người phạm giới: Trong tình huống rằng có một tu sĩ buộc tội người khác vi phạm trọng tội hay tội tương đương, dù cho người ấy trả lời “không nhớ” hoặc chỉ “nói giỡn” nhưng do khéo léo hỏi tội tới lui, cuối cùng người ấy thừa nhận các tội, theo đó quyết định mức độ nặng nhẹ của tội đã phạm. O

Bảy là quyết định như cỏ che đất: Khi các đồng tu bất hòa, tranh cãi, về việc đã làm, hoặc việc đã nói không xứng phẩm hạnh của người tu hành thì mọi người nên tập họp đại chúng, thỉnh cầu một vị thông minh, khéo léo, trình bày như sau: “Kính thưa đại chúng, nếu thật phải thời,



tôi xin trình bày giới tội của tôi cũng như giới tội của những đồng tu. Nhưng vì lợi ích cho cả Tăng đoàn trong đó có tôi và các huynh đệ, tôi kính đề nghị giải pháp dung hòa như cỏ che đất, bãi miễn mọi thứ, không truy cứu nữa, không tranh chấp nữa, ngoại trừ các tội liên hệ cư sĩ”. O

SÁU ĐIỀU HÒA HỢP

– Này thầy A-nan! Có sáu phương pháp dẫn đến thống nhất, hòa hợp, hòa giải, đoàn kết, tương kính, cần phải tâm niệm và khéo ứng xử với người đồng tu hoặc là đồng nghiệp, ở chỗ đông người hay chỗ vắng người, bao gồm như sau:

Phương pháp thứ nhất, thân hòa cùng ở trong một trú xứ; phương pháp thứ hai, miệng hòa không tranh về chuyện hơn thua; phương pháp thứ ba, ý hòa cùng vui với sự hiểu biết; phương pháp thứ tư, lợi hòa cùng chia pháp và tặng phẩm;



phương pháp thứ năm, giới hòa cùng tu thanh tịnh, giải thoát; phương pháp thứ sáu, chánh kiến thánh thiện, chấm dứt khổ đau.

Này thầy A-nan và các đệ tử! Hãy nên thực hành sáu pháp hòa kính như những tâm niệm, vốn có khả năng mang lại an lạc, hạnh phúc lâu dài, cho mình và người, nay và mai sau.

Tôn giả A-nan và người có mặt đồng tâm phát nguyện thực hành, truyền bá lời Phật đã dạy. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O





23. KINH CHUYỀN LUÂN THÁNH VƯƠNG

Có một hôm nọ, Phật gọi mọi người vây quần bên Ngài rồi dạy như sau: “Này các đệ tử, Chuyền luân thánh vương có đủ bảy báu. Một, bánh xe vàng; hai, báu voi trắng; ba, báu ngựa xanh; bốn, báu thần châu; năm, báu ngọc nữ; sáu, báu cư sĩ; bảy, báu chủ binh”. O

Thế nào gọi là báu bánh xe vàng?

Chuyền Luân Thánh vương trong Diêm-phù-đề, là vua thuần chủng, làm lễ Quán đảnh vào ngày trăng rằm, tắm gội nước thơm, rồi lên điện cao, hưởng thụ hạnh phúc. Bảo vật xuất hiện là bánh xe vàng, có đến nghìn cãm, màu sắc rực rỡ. Đường kính bánh xe dài khoảng bốn



trượng. Khi thấy bánh xe, Chuyên Luân Thánh vương liền thầm nghĩ rằng: Ta từng được nghe các bậc tiên đế và bậc kỳ cựu tương truyền như sau: “Khi có hiện tượng chiếc bánh xe vàng xuất hiện trước vua nên hiểu đó là báu vật của vua. Nay ta nên thử bánh xe vàng này”.

Đoạn vua ra lệnh, triệu bốn binh chủng. Tự tay nhà vua lăn bánh xe vàng đúng theo hướng Đông; đi theo sau xe là bốn binh chủng. Chỗ bánh xe dừng, vua cũng đình giá ở ngay chỗ đó. Các tiểu Quốc vương thấy Đại vương đến, liền lấy bát vàng đựng đầy vàng bạc, ngọc ngà châu báu, cúi đầu bạch rằng: “Kính thưa Đại vương, ở phương Đông này, đất đai phì nhiêu, có nhiều báu vật, nhân dân đông đúc, tâm chí thuần hòa, từ hiếu, trung thuận. Kính mong Đại vương trị vì nơi này. Chúng tôi hầu hạ, cung cấp mọi thứ”. O



Chuyển Luân Thánh vương từ tôn trả lời: “Thưa các Hiền vương, lòng tốt các vị là sự cúng dường dành cho ta rồi. Hãy dùng luật pháp quản trị giáo hóa, chớ có bất công, thiên vị, sai lệch; chớ để trong nước có sự hỗn loạn, vi phạm luật pháp. Hãy sống làm gương không nên giết hại, khuyến bảo người khác từ bỏ giết hại, trộm cướp, tà dâm, nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, tán gẫu, tham lam, tật đố và các tà kiến. Điều này gọi là quản trị nhà nước của chính ta vậy”.

Với lòng mến phục, các vị Tiểu vương đi theo Đại vương tuần hành các nước. Đến một nước nọ, nhờ quản trị tốt, mọi thứ an ổn: Đất đai màu mỡ, rừng rậm xanh ngát, nguồn nước trong sạch, có nhiều trân bảo, bánh xe luật pháp lăn đều khắp nước; bản đồ ấn định, biên giới rõ ràng, về hướng Đông Tây mười hai do-tuần, về hướng Nam Bắc khoảng mười



do-tuần. Ban ngày mọi người siêng năng làm việc, đêm dựng thành quách. Thành có bảy lớp với bảy lan can, bảy lớp lưới ngăn, bảy lớp hàng cây, những hàng bốn phía, có nhiều loài chim hân hoan ríu rít.

Nhờ quản trị tốt, đất nước phát triển, nhân dân hạnh phúc. Đó được gọi là báu bánh xe vàng. Bánh xe vàng này tượng trưng luật pháp và quản trị tốt. O

Thế nào gọi là báu voi trắng lớn?

Chuyên Luân Thánh vương, vào một buổi sáng, ngồi trên điện lớn, bỗng đâu lại có voi trắng xuất hiện, da lông thuần trắng, bảy chỗ bằng phẳng, chạy nhanh như bay. Đầu voi nhiều màu; sáu ngà cong đẹp, quý hơn vàng ròng. Nhà vua liền nghĩ: “Voi báu này khôn. Nếu huấn luyện tốt, ta sẽ cỡi nó.”

Đoạn vua ra lệnh cho huấn luyện voi với các kỹ năng. Khi huấn luyện xong,



vào buổi sáng nọ, vua bèn cỡi voi, ra thành thị sát, đi khắp bốn biển, trưa trở về cung để ăn cơm trưa. Nhà vua phẫn khởi, nói với quần thần: “Voi trắng bấu này là một phúc duyên, cũng là điềm lành cho vương quốc ta.”

Đó là thành tựu về bấu voi trắng. Voi trắng lớn này tượng trưng cho các sức mạnh quân sự. O

Thế nào gọi là bấu ngựa xanh lớn?

Chuyển Luân Thánh vương, vào một buổi sáng, ngồi trên điện lớn, bỗng đâu lại có ngựa quý xuất hiện, da lông xanh thẫm, bờm và đuôi đỏ. Nhà vua liền nghĩ: “Ngựa bấu này khôn. Nếu huấn luyện tốt, ta sẽ cỡi nó”.

Đoạn vua ra lệnh cho huấn luyện ngựa với các kỹ năng. Khi huấn luyện xong, vào buổi sáng nọ, vua bèn cỡi ngựa, ra thành thị sát, đi khắp bốn biển, trưa trở



về cung để ăn cơm trưa. Nhà vua phấn khởi, nói với quần thần: “Ngựa quý báu này là một phúc duyên, cũng là điềm lành cho vương quốc ta”.

Đó là thành tựu về báu ngựa xanh. Ngựa xanh lớn này tượng trưng cho các sức mạnh kinh tế. O

Thế nào gọi là báu thần châu quý?

Chuyên Luân Thánh vương, vào một buổi sáng, ngồi trên điện lớn, bỗng đâu lại có thần châu xuất hiện, màu nó trong suốt, không có tỳ vết. Nhà vua liền nghĩ: “Thần châu tuyệt vời. Khi có ánh sáng, nó sẽ chiếu soi khắp cả nội cung.” Vào tối đêm đó, nhà vua ra lệnh triệu bốn binh chủng, tự tay nhà vua đặt thần châu lên một cây phướn cao, rồi cầm cây phướn xuất thành trong đêm. Ánh sáng thần châu soi sáng đường đi, như chính ban ngày, làm cho nhiều người hân hoan làm việc. Nhà vua phấn khởi, nói với quần



thần: “Báu thần châu này là một phúc duyên, cũng là điềm lành cho vương quốc ta.”

Đó là thành tựu về báu thần châu. Thần châu báu này tượng trưng cho các sức mạnh tri thức. O

Thế nào gọi là báu ngọc nữ quý?

Chuyển Luân Thánh vương, vào một buổi sáng, ngồi trên điện lớn, bỗng đâu lại có ngọc nữ xuất hiện, sắc nước hương trời, diện mạo ung dung; không dài, không vắn; không thô, không nhỏ; không trắng, không đen; không cương, không nhu; đông thì thân ấm, hè thì thân mát. Các lỗ chân lông phát ra mùi hương giống như chiên-đàn; lúc nói chuyện thì miệng phát mùi hương hoa ưu-bát-la; nói năng dịu dàng; đi đứng khoan thai; đứng dậy trước vua, ngồi xuống sau vua, chuẩn mực phép tắc, nhân cách sáng ngời.



Nhìn thấy ngọc nữ, Chuyển Luân Thánh vương không chút mê đắm, mơ tưởng, nhớ thương, hưởng hồ gươm gùi. Nhà vua phấn khởi, nói với quần thần: “Báu ngọc nữ này là một phúc duyên, cũng là là điềm lành cho bản thân ta”.

Đó là thành tựu về báu ngọc nữ. Báu ngọc nữ này tượng trưng đức hạnh, nhân cách con người. O

Thế nào gọi là báu cư sĩ quý?

Có cư sĩ nam tự nhiên xuất hiện với kho báu lớn có nhiều vật quý. Do phước đời trước, vị cư sĩ này nhìn xuyên lòng đất, thấy các quặng mỏ. Kho nào có chủ, cư sĩ giữ gìn. Kho nào vô chủ, tiến dâng cho vua. Cư sĩ tâu vua: “Từ nay về sau, cần bất cứ gì, Đại vương ra lệnh, thần tự tay làm tất cả chu tất”.

Để thử cư sĩ, nhà vua truyền lệnh sửa soạn thuyền đẹp cho vua ngoạn thủy, bảo



cur sĩ rằng: “Trẫm cần bảo vật làm bằng vàng ròng, nhanh đem cho ta.” Cur sĩ tâu rằng: “Xin Đại vương chờ; khi lên trên bờ, tất cả sẵn sàng”. Vua lại hỏi thúc: “Trẫm đang cần dùng. Mang đến cho ta.” Vị cur sĩ quỳ mọp trên thuyền, tay mặt thọc nước, rút lên bình báu.

Khi làm liên tục, thuyền đầy của báu. Cur sĩ tâu vua: “Xin cho tôi biết Đại vương cần đến bao nhiêu của báu?” Chuyển Luân Thánh vương vui cười trả lời: “Ta không cần đến. Những gì ta nói chỉ để thử lòng của cur sĩ thôi. Sự nhiệt tình này như cúng dường rồi. Nghe vua nói xong, cur sĩ liền thả báu vật xuống nước. Chuyển Luân Thánh vương phấn khởi nói rằng: “Báu Cur sĩ này là một phúc duyên, cũng là điềm lành cho bản thân ta”.

Đó là thành tựu về báu cur sĩ. Cur sĩ tượng trưng người có tài đức, nguyên khí quốc gia. O



Thế nào gọi là bấu chủ binh lớn?

Có chủ binh lớn tự nhiên xuất hiện, khỏe mạnh, hùng dũng, có đủ trí mưu, sách lược sáng suốt, nhanh nhẹn quyết đoán, đến tâu vua rằng: “Đại vương chớ lo, dẹp loạn chỗ nào, chinh phạt nơi nào, tôi xin đảm trách. Để thử chủ binh, nhà vua truyền hiệu triệu bốn binh chủng, bảo mọi người rằng: “Người hãy điều binh. Lính chưa tập hợp thì hãy tập hợp. Lính đã tập hợp thì hãy giải tán. Nếu lính chưa nghiêm, hãy làm cho nghiêm. Lính đã nghiêm rồi thì hãy cởi mở. Ai chưa chịu đi, hãy khuyên bảo đi. Ai đã chịu đi thì khiến dừng lại.” Những gì vua dặn, binh chủ làm theo, không sai phép tắc. Vua rất hài lòng, phần khởi nói rằng: “Bấu chủ binh này là một phúc duyên, cũng là điềm lành cho đất nước ta.”

Đó là thành tựu về bấu chủ binh. Chủ binh tượng trưng nhà quản trị



giỏi, điều hành vận nước phát triển thịnh vượng. O

BỐN THẦN TỨC LỚN

Này các đệ tử, ngoài bảy báu vật, Chuyển Luân Thánh vương còn sở hữu được bốn thần tức lớn: Thần tức một là tướng mạo phi thường, giống như thiên tử, diện mạo đoan chánh, hiếm có trên đời. Thần tức hai là thông minh xuất chúng, tài đức hơn người, mọi thứ điều luyện, trí tuệ siêu tuyệt, không có người bằng. Thần tức ba là thân thể khỏe mạnh, không hề bệnh tật; tiêu hóa rất nhanh, không bị trở ngại đại tiện, tiểu tiện. Thần tức bốn là thọ mạng dài lâu, không thể tính đếm, siêu việt, phi phạm.

Này các đệ tử, vì lo cho dân, Chuyển Luân Thánh vương tự mình ngự giá xuất, thị sát khắp nước, lệnh người đánh xe: “Hãy chở ta đi. Ta muốn quan sát đời sống nhân dân có ấm no không, có hạnh



phúc không, có bình an không, có trở ngại không?”

Xe vua đến đâu, người dân ở đó đứng dọc theo đường, xin người đánh xe: “Cho xe đi chậm, chúng tôi muốn ngắm tỏ tường tôn nhan của bậc Thánh vương”. O

THƯƠNG DÂN NHƯ CON

Chuyển Luân Thánh vương chăm lo cho dân như cha thương con. Không ai bảo ai, thần dân mến mộ, xem vua như cha. Có gì quý báu đều dâng cống vua, cung kính tâu rằng: “Kính xin Đại vương, chiếu cố tiếp nhận, tùy ý sử dụng”. Nhà vua trả lời: “Cảm ơn mọi người! Ta đủ tài bảo, không cần cống dâng. Mọi người giữ lấy số vật báu này, tự lo cho mình và những người thân”. O

QUỐC ĐỘ THÁNH VƯƠNG

Tại Diêm-phù-đề, nơi trị vì của Chuyển Luân Thánh vương, đất đai bằng phẳng,



không có hầm hố, gò nổi, gai góc; không có muỗi ruồi, chí rận, ong, bướm, bò cạp, rắn rết, sâu độc, động vật ăn thịt. Vàng, bạc, báu ngọc có khắp mọi nơi. Khí hậu bốn mùa không nóng, không lạnh. Không có ô nhiễm đất đai núi rừng, đường đi bằng phẳng, không có bụi bặm. Có nhiều sông suối trong sạch quanh năm, không bao giờ cạn. Khắp cả bốn mùa, cây cỏ xanh tươi trái trên mặt đất mềm mại như lụa, hoa thơm trái ngọt xum xuê khắp cảnh. Có các lúa tẻ tự nhiên khắp nơi, không có vỏ trấu, thơm dẻo và ngon. Cây có mùi hương, khi trái chín cây, nước tỏa mùi hương, thơm ngát vô cùng. Có các cây vải, cho các loại vải. Có cây trang sức, làm đồ trang sức đa dạng, phong phú. Có cây tràng hoa, cho nhiều tràng hoa. Có cây dụng cụ, tạo các dụng cụ. Có cây nhạc cụ, dùng làm nhạc cụ. Nhiều loại cây quý, không thể kể hết... O



QUẢN TRỊ ĐẤT NƯỚC

Chuyên Luân Thánh vương quản trị nước đúng theo luật pháp, đi đầu chánh kiến, tin theo nhân quả, tu mười điều thiện, giúp cho nhân dân có được chánh kiến, làm 10 việc lành. Nhờ Chuyên Luân vương, thế giới thanh bình, đất nước phát triển, mọi người no ấm, hạnh phúc khắp nơi, an vui, tự tại. O

TỔNG TÁNG THÁNH VƯƠNG

Sau nhiều năm dài, vua nhuốm bệnh nặng rồi cũng qua đời. Quan trong triều đình, các bậc quần thần, bá tánh nhân dân tổ chức lễ tang trọng thể trang nghiêm, tấu các kỹ nhạc; tắm gội thân vua bằng nước hoa thơm, quần thân nhà vua bằng lụa kiếp bôi, đặt thân thể vua trong quan tài vàng, bên ngoài cố quách thêm một quách gỗ, bọc bởi vải quý. Đặt cố quan tài trên đồng củi hương. Sau khi hỏa táng, dựng tháp bảy báu... trong khu



vườn đẹp có nhiều hoa thơm, cây quý, chim hót điệu buồn. O

Quan tước triều đình và dân cả nước đến cúng dường tháp, phát chẩn bố thí cho người nghèo khó; cần ăn cho ăn; cần mặc cho mặc, giúp họ vượt qua nghèo khổ bế tắc. Sở dĩ nhà vua Chuyển Luân Thánh vương sống trong vinh quang, chết được tiếc nhớ là do công đức, oai thần mà được.

Nghe Phật giảng dạy, mọi người hoan hỷ, phát nguyện thực tập, truyền bá Kinh này. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O





24. KINH ĐỨC HẠNH CỦA VUA VÀ TU SĨ

MƯỜI ĐIỀU NHÀ VUA NÊN TRÁNH

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, tại chùa Kỳ Viên thuộc thành Xá-vệ do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng, đức Phật tập họp các vị Tỳ-kheo và dạy như sau:

Này các đệ tử, nếu vị quốc vương lãnh đạo nhà nước bị kệt mười điều thì đất nước ấy sẽ bị nhiễu loạn, xã hội bất ổn, khó tồn tại lâu. O

Một là quốc vương và nhà lãnh đạo nổi cơn thịnh nộ dù là việc nhỏ, không chịu quán sát sự tình và lý, làm chủ bản thân.

Hai là quốc vương và nhà lãnh đạo



tham đắm tài sản, tâm thích cạnh tranh; không quan tâm đến bá tánh trong nước.

Ba là quốc vương và nhà lãnh đạo bạo ngược, bất công, không có từ bi, thiếu mắt trí tuệ; không thích can gián, không chịu tham vấn những người giỏi hay.

Bốn là quốc vương và nhà lãnh đạo xử oan nhân dân, giam cầm phi pháp, giam ngục hiền thần, trù dập người hiền, không có công tâm.

Năm là quốc vương và nhà lãnh đạo chỉ thích tuyển dụng kẻ không tài đức, nịnh hót, gian tham, vi phạm luật pháp; không sống gương mẫu; không có đạo đức.

Sáu là quốc vương và nhà lãnh đạo tham đắm nhan sắc, đam mê hưởng thụ, không sống chung thủy, cướp vợ chồng người.

Bảy là quốc vương và nhà lãnh đạo ưa thích rượu bia và các chất nghiện, tâm không tươi tỉnh, nghiện ngập thường



xuyên; không dành thời gian cho việc quốc gia, không lo cho dân ấm no hạnh phúc.

Tám là quốc vương và nhà lãnh đạo thích ca, hát, múa; ăn mặc phung phí; lễ tiệc quá nhiều, phung phí ngân khố.

Chín là quốc vương và nhà lãnh đạo thân nhiều bệnh tật, không đủ sức khỏe quản trị vận nước.

Mười là quốc vương và nhà lãnh đạo không dùng tài đức, không tin bề tôi có lòng trung hiếu; không có cố vấn và trợ lý giỏi, đảm đang nhiều việc một cách hiệu quả. O

MƯỜI ĐIỀU TU SĨ NÊN TRÁNH

Này các đệ tử, đối với Tăng đoàn, người tu sĩ nào vướng mười điều sau tự chặt gốc thiện, hiện tại bất an, khi chết tái sanh vào cảnh giới xấu:

Một là người tu không tin Tam bảo, không giữ giới đức, giới hạnh sát



mê, không có oai nghi, không biết tôn trọng.

Hai là người tu không làm Phật sự, không cứu độ người, không tin lời thật.

Ba là người tu không vui thích pháp, không sống theo pháp, không thừa kế pháp, không truyền bá pháp chân chính của Phật.

Bốn là người tu không nói giống Thánh, cắt đứt thói phàm; có tâm mặc cảm, tự ti với người; không theo quyết định và lời chỉ dạy đúng của Tăng đoàn.

Năm là người tu tham đắm lợi dưỡng, vướng mắc dục lạc, không quyết tâm buông.

Sáu là người tu không học hỏi nhiều, không siêng đọc kinh, không ôn tập pháp, không vững pháp môn.

Bảy là người tu giao du bạn xấu, bỏ thiện tri thức, không chí tiến thủ trên đường Phật pháp và các Phật sự.



Tám là người tu bận nhiều việc phụ, không thích thiền quán để được chuyển hóa.

Chín là người tu ham thích toán số, phong thủy, địa lý, chạy theo thế tục, không học chánh Pháp.

Mười là người tu không thích hạnh thánh, tham đắm bất tịnh, vướng kẹt ái dục.

Nghe Phật giảng dạy, tất cả mọi người vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thực hành, nỗ lực truyền bá những lời dạy trên. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O





25. KINH QUỐC GIA CƯỜNG THỊNH

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, đức Phật lưu trú trên núi Linh Thứu, vua A-xà-thế muốn đi chinh phạt tiểu bang Va-chi, ông sai đại thần Vat-sa-ka-ra đến hỏi đức Phật. Đại thần đánh lễ, bạch đức Phật rằng: O

- Bạch đức Thế Tôn, vua A-xà-thế nhờ con chuyển lời vãn an, đánh lễ. Kính xin Thế Tôn cho lời khuyên bảo về việc vua con chuẩn bị cất quân bình định Va-chi, vì mới đây thôi, dân chúng Va-chi cướp hương liệu quý của nước chúng con.

Đề chuyển lời khuyên đến A-xà-thế, đức Phật hướng sang tôn giả A-nan rồi chậm rãi hỏi: O

- Nay thầy A-nan, thầy có nghe biết



dân chúng Va-chi tụ họp đông đảo?

Tôn giả A-nan cung kính bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn, thường tụ họp đông là một truyền thống của dân Va-chi.

Đức Phật liền bảo: Nay thầy A-nan, đó là sức mạnh của dân Va-chi. Thầy có nghe biết dân chúng Va-chi tụ họp, làm việc, giải tán trong một tinh thần đoàn kết?

Tôn giả A-nan: Bạch đức Thế Tôn, đó là truyền thống lâu đời của họ. O

- Nay thầy A-nan, thầy có nghe biết dân chúng Va-chi không có ban hành luật lệ không hợp, không đáng ban hành, cũng như không bỏ tất cả luật lệ, truyền thống tốt đẹp?

- Bạch đức Thế Tôn, đó là truyền thống lâu đời của họ. O

- Nay thầy A-nan, thầy có nghe biết dân chúng Va-chi tôn trọng, cung kính,



lắng nghe, học hỏi những bậc trưởng lão trí tuệ, đạo đức?

- Bạch đức Thế Tôn, đó là truyền thống lâu đời của họ. O

- Nay thầy A-nan, thầy có nghe biết dân chúng Va-chi luôn được quốc vương đầu tư dân trí, không có sự việc bất công, cưỡng bức, chà đạp phụ nữ?

- Bạch đức Thế Tôn, đó là truyền thống lâu đời của họ. O

- Nay thầy A-nan, thầy có nghe biết dân chúng Va-chi thường hay ủng hộ cơ sở tôn giáo trong và ngoài nước, đồng thời phát huy truyền thống tốt này?

- Bạch đức Thế Tôn, đó là truyền thống lâu đời của họ. O

- Nay thầy A-nan, thầy có nghe biết dân chúng Va-chi tôn trọng đạo đức, ủng hộ thánh nhân, chiêu đãi hiền trí, giúp họ hoạt động và phát triển không?



- Bạch đức Thế Tôn, đó là truyền thống lâu đời của họ. O

Bảy lần vấn đáp, đức Phật lần lượt hỏi các câu hỏi, tôn giả A-nan tuân tợ trả lời. Phật hướng nhìn sang vị quan đại thần của A-xà-thế rồi dạy như sau: O

- Vat-sa-ka-ra, như ông đã thấy, dân chúng Va-chi và đất nước họ được xây dựng trên bảy loại sức mạnh bất khả chiến bại. Ông hãy về tâu vua A-xà-thế, rằng lời ta khuyên không gì khác hơn là cuộc đối thoại từ nãy đến giờ.

Nghe đức Phật dạy, vị quan đại thần cung kính thưa rằng: O

- Bạch đức Thế Tôn, con thiết tưởng rằng chỉ một yếu tố trong bảy yếu tố, đất nước Va-chi bất khả chiến bại, nói chi là họ có đủ bảy điều. Bạch đức Thế Tôn, vua A-xà-thế sẽ không thể nào đánh bại được họ ở trên chiến trường, ngoại trừ



dùng kế ly gián nội bộ, nhưng đó không phải là kế thượng sách.

Tỏ lòng biết ơn, vị quan đại thần đánh lễ đức Phật, từ tạ ra về, trình tấu đức Vua những lời Phật dạy. Từ đó về sau, vua A-xà-thế từ bỏ ý định chinh phạt Va-chi, trả thù nước bạn. Đồng thời, ông cho thiết lập mạng lưới chính trị, quân sự giống như Va-chi vô cùng cường thịnh. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

(3 lần, xá 3 xá) OOO



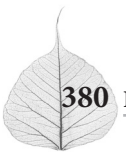


26. KINH HIỀN NHÂN

TRỌNG ĐẠO KHINH TÀI

Tôi nghe như vậy. Có một thuở nọ, đức Phật ở tại nước Xá-vệ với gần một ngàn ba trăm vị Tỳ-kheo. Cư sĩ Tu-đạt phụng sự Phật pháp, giữ năm đạo đức: không được sát hại, không được trộm cắp, không sống tà dâm, không hề nói dối, không rượu, ma túy. Là người hiểu đạo, ông thích bố thí, cứu giúp kẻ bần vượt qua khổ đau. Người ta tặng ông hiệu Cấp Cô Độc, nghĩa là cứu giúp những kẻ cô đơn, khốn cùng, bất hạnh. O

Từ khi gặp Phật, cư sĩ Tu-đạt muốn xây tu viện cúng Phật và Tăng. Tìm khắp Xá-vệ, ông chỉ ưng ý khu vườn đẹp của Thái tử Kỳ-đà, hơn 80 khoảnh, cách thành



không xa, cảnh trí đặc sắc. Vườn nhiều cây xanh, hoa trái xum xuê, ao tắm tiện lợi, giếng nước sạch sẽ, không có kiến bọ, muỗi ruồi độc hại. Cư sĩ Tu-đạt đến gặp Kỳ-đà, thuyết phục mua lại. Thái tử cười đáp:

- Thưa ông Trưởng giả, nếu ông lột vàng phủ kín vườn tôi, tôi sẽ bán ông với giá vàng đó.

Cư sĩ Tu-đạt vui mừng đồng ý, liền sai gia nhân, đem xe chở vàng, cùng nhau lột vàng, trong vòng vài giờ, hơn phân nửa đất. Động lòng thán phục, thái tử Kỳ-đà lặng nhìn ngẫm nghĩ: “Chắc Phật Thích-ca đạo đức siêu tuyệt, triết lý thâm sâu, nhân cách vĩ đạo, trí tuệ tuyệt vời, mới khiến ông này trọng đạo khinh tài, đời chưa từng có”.

Vô cùng cảm động, Thái tử chia sẻ: “Thôi thôi, đủ rồi! Đừng lột vàng nữa. Tôi xin đề nghị, chia phần công đức,



vườn đất ông cúng, lập Tu viện lớn; cây trái tôi dâng cúng Phật và Tăng”. Vô cùng mừng rỡ, Tu-đạt đồng lòng. Hai người từ đó thành bạn tâm giao, cùng xây tu viện Kỳ Viên trang nghiêm, hiến cúng cho Phật. Đức Phật tiếp nhận, lập đạo tràng lớn, đào tạo Tăng đoàn cả hàng ngàn người, giáo hóa chúng sanh không hề mệt mỏi. Từ đó tu viện có tên gọi là Tinh xá Kỳ Viên, gọi đủ: “Kỳ thọ, Cấp Cô Độc viên”. O

KHI PHẬT BỊ VU CÁO

Vào lúc bấy giờ, đức vua trị vì là Tỳ-tiên-nặc, sùng kính Phật pháp, thương dân trị nước theo lời Phật dạy, nhờ công đức này, mùa màng bội thu, nhân dân lạc nghiệp, đạo Phật phát triển sâu trong quần chúng. Việc đó làm cho ngoại đạo, tà giáo ganh ghét đức Phật. Họ vu khống Phật bằng cách giết chết nàng Tôn-đà-ly, lén chôn xác trong Tinh xá Kỳ Viên, rồi



phao tin rằng Tăng đoàn của Phật giết người vô tội, hòng phá Phật pháp.

Khi biết âm mưu của ngoại đạo xấu, vua với quần thần đến chùa lễ Phật. Ông Cấp Cô Độc và nhiều quan, dân đến viếng đức Phật, cung kính đánh lễ, ngồi xuống một bên. Nhà vua đứng dậy, chấp tay thưa Phật: O

- Bạch đức Thế Tôn, khi nghe lời không, chúng con ngạc nhiên. Thế Tôn là bậc hoàn toàn, thanh tịnh. Song vì duyên gì có sự vụ không?

Đức Phật ôn tồn, thưa với nhà Vua:

- Kính thưa Đại vương! Người có vụ không là do lòng tham, ganh ghét, tật đố, cộng với si mê. Không chỉ kiếp này, Thế Tôn mới bị người đời vụ không. Trong một kiếp trước cũng đã từng có sự việc tương tự. Đừng quá bận tâm, những điều vụ không đến lúc trở quả, sẽ xử kẻ ác. O



TÁM GƯƠNG HIỀN NHÂN

Nhà Vua cúi đầu: “Bạch đức Thế Tôn, chúng con muốn nghe việc của kiếp đó”.

Nhân lời thỉnh cầu, Đức Phật giảng dạy: “Kính thưa Đại vương! Ta từng trải qua nhiều kiếp tu hành, tu đạo Bồ-tát, đem lòng từ bi độ thoát nhiều người.

- Vào thời xa xưa, có đất nước tên là Bồ-lân-nại, nhân dân đông đúc, sinh hoạt phồn thịnh trong cảnh thái bình. Có một Phạm-chí tên là Cù-đàm, tài trí thông minh, đức hạnh hơn người. Ông có ba con, con út vượt trội, thân hình tuấn tú, tài đức vẹn toàn, tên là Hiền Nhân.

Thuở nhỏ, Hiền Nhân siêng năng học hành, vâng lời cha mẹ. Đến khi khôn lớn, tài, nghệ hơn người, lâu thông kinh sử, đức độ cao sáng, tánh tình nhân từ, hiểu rõ nhân quả, những điều họa phúc, rất giỏi đông y, cái gì cũng biết.



Khi mãn tuổi thọ, Cù-đàm qua đời. Hai người anh em của Hiền Nhân đó trở nên tham lam, ích kỷ, ganh tỵ. Hiền Nhân xin mẹ xuất gia, học đạo, tầm cầu tâm linh. Hiền Nhân chẳng màng năm lạc giác quan. Mắt không nhiễm sắc. Tai không mê tiếng. Mũi không đắm mùi. Lưỡi không đắm vị. Thân không ưa thích cảm giác êm dịu, lụa là, gấm vóc. O

Hiền Nhân có đủ trí huệ phương tiện, khéo độ mọi người, làm mười điều lành, hiếu thảo cha mẹ, tôn kính sư trưởng, truyền bá đạo đức, xóa trừ nghi hoặc. Hiền Nhân dạy họ: Có sanh ắt tử, làm lành gặp lành, làm dữ đau khổ, tu đạo đắc đạo, quy luật nhân quả vô cùng chính xác. Thấy người nguy ách, ngài độ thoát khỏi. Ban tặng thuốc hay cứu người bệnh tật. Hiến tặng tài vật cho người đói khổ. Ở chỗ thiên tai, giúp người bình an, tái dựng cơ nghiệp. Tình trạng lũ lụt, cháy



nhà, nắng hạn, nguy hiểm, khi có Hiền Nhân mọi người yên tâm, bao nhiêu độc hại đều bị tiêu diệt.

Đồng thời lúc ấy, có một nước lớn, nhân dân giàu có, đời sống phát triển. Vua của nước ấy tên là Lâm Đạt, thường giao triều chính cho bốn cận thần. Bốn quan cận thần chuyên làm tà siểm, hưởng thụ, gian dối, bóc lột dân chúng. Dân chúng bị hại, khổ đau, ta thán, vua không hề biết. Hiền Nhân biết việc, lấy làm thương xót, ra ngoài thành ở, trọ tại nhà của đạo nhân Sa-đà trong vòng bảy ngày. Đến ngày thứ tám, Hiền Nhân vào thành tuần tự khát thực. O

TRỌNG BẠC HIỀN TÀI

Từ trong vương thành, Vua thấy Hiền Nhân trẻ trung, phong cách ung dung, đoan chánh, cốt cách phi thường, sanh lòng quý mến. Vua liền bước xuống, đến thưa thỉnh rằng:



- Xin ngài đạo nhân lưu trú thành này. Tôi có tu viện ngay ngoài thành này, đạo nhân hoan hỷ ở lại nơi này, tôi xin cúng dường các nhu yếu phẩm, để ngài tu tập, làm đạo giúp đời.

Hiền Nhân nhận lời. Nhà vua từ giã, trở về hoàng cung, bảo phu nhân rằng: “Hiền Nhân trầm gập và mời về ở cốt cách phi thường. Vào sáng ngày mai, trầm và ái khanh sẽ gặp được ngài.”

Phu nhân mừng vui như chưa từng có. Con chó của vua nằm dưới gầm giường ngoác đuôi mừng rỡ. Sáng ngày hôm sau, Hiền Nhân vào cung, vua và phu nhân nghênh tiếp đánh lễ, cúng dường trai tăng. Ăn cơm vừa xong, vua mời Hiền Nhân trở về Tinh xá. Hiền Nhân chia sẻ trị nước, an dân. Nhà vua thỉnh Ngài chung sức, chung lòng, cùng bốn đại thần phát triển đất nước. Hiền Nhân hoan hỷ, nhận lời với vua.



NỊNH THẦN PHẢI THUA TÀI ĐỨC

Bốn quan cận thân ỷ thế vào vua, chỉ quen hưởng thụ, tham ô, bóc lột, không có tấm lòng cho việc quốc gia được vua giao phó. Họ theo tà kiến, chủ trương sai lầm. Quan thứ nhất nói: “Sau khi người chết, tâm thức chết theo, không tái sinh nữa”. Còn quan thứ hai lại chủ trương rằng: “Giàu, nghèo, vui, khổ, mọi thứ trên đời đều do trời định”. Theo quan thứ ba: “Làm lành không phúc, làm xấu không họa, mọi thứ như nhau, đều là ngẫu nhiên”. Quan thứ tư thì dựa vào địa lý, thiên văn, bói toán, không lo triều chính. Ông nào cũng tham, thích lời siểm nịnh.

Từ khi Hiền Nhân vào triều giúp vua, làm nhiều việc nước, lợi ích bá tánh. Hiền Nhân thông minh, tài cao, đức lớn, nhân hậu, trung nghĩa, khiêm tốn, hài hòa. Mỗi khi nói chuyện luôn nở nụ cười. Khi tiếp đãi người, không làm phật ý. O



Cuộc đời Hiền Nhân thật là trong sạch, ít muốn, biết đủ, không màng danh lợi, không đắm nhiễm đời, chân thật, giản dị. Phép trị nước thì không làm phiền dân. Nhờ tâm nhìn xa, ngài biết tương lai, những việc tiềm ẩn, cứu người khỏi nạn, thương dân như con. Ngài lấy đạo đức dạy dân sống tốt. Ngài khuyên mọi người từ bỏ rượu, thịt, không nên săn bắn, bắt cá, giết chim; không nên sát sinh, trộm cắp, dâm ô, dối trá, văng tục, gièm siểm, đánh lộn, gian nịnh, ganh ghét, gây sự, giận dữ, yêu nghiệt, nghi ngờ. Nhờ có Hiền Nhân, nhân dân trong nước trở nên hiền lương, đất nước thanh bình, xã hội phát triển. O

HẠI NHAU BẰNG VU KHỔNG

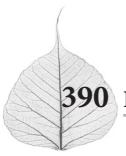
Từ khi Hiền Nhân phò vua giúp nước, các việc triều chính đều rất yên ổn, đất nước thanh bình, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, nhân dân hạnh phúc;



các quan trên dưới không dám lộng hành, phạm luật, hại dân như trước đây nữa.

Cũng vì việc này, bốn quan cận thân mất dần chỗ đứng, đem lòng đố kỵ, mưu hại Hiền Nhân. Họ hùn vàng bạc mua lòng hoàng hậu, bày cho hoàng hậu đặt điều vu khống, tâu với vua rằng Hiền Nhân có ý tư thông với bà, âm mưu hại vua để soán ngôi vua. Tin lời hoàng hậu, không chịu kiểm chứng, cộng với sợ hãi, vua và hoàng hậu lập kế xua đuổi Hiền Nhân khỏi triều, bằng thái độ sống khinh miệt ra mặt.

Sáng ngày hôm sau, Hiền Nhân vào cung, con chó của vua gầm gừ sủa lớn. Hoàng hậu giả vờ, chỉ chào qua loa. Mọi cách bày biện khác hơn mọi ngày. Cách thức ứng xử không còn như trước. Hiểu ra vấn đề, Hiền Nhân suy nghĩ: “Ta không hại ai, người muốn hại ta. Chi bằng lánh mặt, vào núi tu hành. Để



người oán mình, tất sinh thù lớn, không nên khinh thường.” O

THỊNH SUY LÀ QUY LUẬT

Nghĩ xong, Hiền Nhân nói lời cảm hứng:

- Quy luật ở đời có thịnh có suy, có hợp có lià, vô thường đổi thay, lành dữ, họa phúc tự mình chuốc lấy. Kết bạn không tốt thì không nên thân. Thân không chừng mực, sẽ sanh khinh lờn. Như mức nước giếng, mức sâu vướng cạn. Gần các người hiền tăng trưởng trí huệ; sống với kẻ dốt càng thêm vô minh. Gặp nhau thường xuyên thì sinh khinh lờn, xa nhau quá lâu trở nên thờ ơ. Giao tiếp với người cần có chừng mực, trước sau cung kính, tình thân có hậu. Với kẻ bất lương, lối sống không thực, lời ngon tiếng ngọt là để lợi dụng, dù có kết hợp, cũng không nên tin. Vua lấy lễ nghĩa tiếp đãi trọng hậu, tôi kính đáp lại



với lòng chân thành, phụng sự hết mực. Nay vua không cần, khinh dễ, miệt thị thì nên lánh xa. Thói đời thông thường, thương thì nhờ cậy, ghét chẳng muốn gần, không trách làm gì. Lấy sự tương kính để làm thân nhau. Dùng lời khuyên tốt giúp người xa ác. Ai không phân biệt cái nào là ác, cái nào là thiện, vốn chẳng phải là đạo để an thân. Người không có lỗi thì không bày chuyện vu oan cho họ. Người muốn xa ta thì ta không nên miễn cưỡng gần họ. Tình thân đã lìa thì đừng tiếc nuôi, mạnh dạn quên đi. O

KHÔNG TIẾC CÁI ĐÃ MẤT

Hiền Nhân suy nghĩ: “Con chim lỡ đậu nhánh bị gãy đi, còn biết đi tìm nhánh vững để đậu. Làm người qua lại phải có tương quan, hà tất phải chấp, giận nhau làm gì. Người khôn không bám cành cây đã mục. Người bị loạn ý, chẳng nên gần họ. Người muốn gieo xấu, thấy nhau



không vui. Ta xướng một mình, người không phụ họa, đó là tình bạc. Muốn đem việc lành giúp đỡ cho nhau, dù chậm vẫn đi. Ai nhắc nhở nhau bằng lời trung nghĩa là người có hậu.

Cũng có hạng người không gán người hiền, chẳng lánh kẻ ác, trước kính sau khinh, không phân biệt được kẻ ngu người trí. Trong hoàn cảnh đó, nếu ta không đi, đợi đến bao giờ! Lúc đầu, hoàng hậu cung kính đánh lễ, nay chỉ vòng tay, nếu ta không đi, đợi bị mắng đuổi rồi mới đi sao? Ban đầu giường vàng, nay còn giường tre, lúc trước tiếp nhau đĩa ngà chén ngọc, nay còn sành tre, ban đầu cơm ngon, nay cơm hẩm tẩm. Không quyết tâm đi, đợi đến cơm đổ, mới đi hay sao? Bạn trí gặp nhau như chủ đãi khách, đêm đầu quý trọng bạn hiền như vàng, đêm nhì làm lơ, xem bạn như bạc, đêm ba nhạt nhẽo, lạnh ngắt như đồng.



Chúng có rõ ràng, nếu ta không đi, đợi đến bao giờ? O

BỐN ĐIỀU TỰ HOẠI

Sau khi nghe biết những lời tự sự của ngài Hiền Nhân, vua thấy hổ thẹn, cảm động thưa rằng:

- Nước trẫm thái bình, nhân dân thịnh vượng là nhờ có Ngài. Nếu Ngài bỏ đi, nước nhà nguy khốn, thật là bất hạnh.

Hiền Nhân từ tốn đáp lại lời vua:

- Kính thưa Đại vương, ở trong thiên hạ có bốn tự hoại: Một là cây nào có hoa trái nặng dễ bị gãy nhánh. Hai là loại rắn tự ngâm nọc độc, nọc độc hại nó. Ba là làm tội mà không hiền đức sẽ hại nước nhà. Bốn là người ác, vi phạm luật pháp, làm việc bất thiện... chết sa địa ngục. Trong kinh Phật dạy: “Các sự độc ác do tâm sinh ra, trở lại hại tâm, cũng như cây sắt sinh ra chất sét, chất sét trở lại làm hủy hoại sắt”. O



BỐN LOẠI BẠN

Hiền Nhân dạy tiếp. Bạn có bốn thứ. Một, bạn như hoa. Hai bạn như cân. Ba bạn như núi. Bốn bạn như đất.

Thế nào gọi là kết bạn như hoa? Khi hoa tươi tốt thì giắt trên đầu, đến lúc khô héo thì liền bỏ đi. Bạn này cũng thế, hễ thấy giàu sang thì xu phụ theo, đến khi nghèo nàn thì lại làm lơ như chưa từng biết.

Thế nào gọi là kết bạn như cân? Trên một cán cân, để vật nặng thì đầu cân gục xuống, để vật nhẹ thì đầu cân vồng lên. Có qua lại thì cung kính nhau, không có qua lại thì khinh thường nhau.

Thế nào gọi là kết bạn như núi? Ở hòn núi vàng, chim thú tụ về, lông cánh của chúng cũng nhờ vào đó chói màu vàng rực. Kết bạn cũng thế, khi sang cùng sang, khi vui đồng vui.



Thế nào gọi là kết bạn như đất? Tất cả mọi vật đều nương dựa vào đất mà được sinh trưởng. Làm bạn chân thành là để nuôi dưỡng, ủng hộ, giúp đỡ, không hề quên nhau. O

BỐN HẠNG NGƯỜI KHÔNG NÊN TIN

Nhà vua thưa rằng: “Nay trẫm nhận ra, do trí hạn hẹp, tin lời gièm siểm, khiến Ngài ra đi... Mong ngài quay lại”.

Hiền Nhân đáp rằng: “Người có trí tuệ không tin bốn điều: Một, bạn tà ngục. Hai, bè tôi nịnh siểm. Ba, vợ yêu nghiệt. Bốn, con bất hiếu”.

Vì thế, kinh dạy: “Bạn tà hại người; tôi nịnh hại triều; người vợ yêu nghiệt phá nhà, hại chồng; và con bất hiếu hại cả cha mẹ”. O

MƯỜI CỬ CHỈ SỐNG CÓ HẬU

Về các cử chỉ của người có hậu, Hiền Nhân dạy rằng:



- Có mười cử chỉ được cho là có yêu quý, hậu trọng: Một là xa nhau lâu nhưng không quên. Hai là thấy nhau thì lòng vui mừng. Ba là nhớ nhau, chia sẻ món ngon. Bốn là lỡ lời thì đừng chấp trách. Năm là nghe biết việc lành thì vui. Sáu là can gián người làm việc xấu. Bảy là làm được những việc khó làm. Tám là không đem chuyện riêng nói người. Chín là khi gặp bối rối, khó khăn thì gắng giúp đỡ. Mười là nghèo khổ thì không bỏ nhau.

Nên trong kinh dạy: “Bỏ dữ làm lành, tu tập chánh Pháp, đem lời trung chánh dạy dỗ lẫn nhau, lối sống nghĩa hiệp, trọng đạo, mến đức”. O

TÁM ĐIỀU KHÔNG ƯA NHAU

Có tám việc biết là không ưa nhau: Một là thấy nhau sắc mặt thay đổi. Hai là liếc ngó, không chịu thẳng thắn. Ba là lời nói không có ôn hòa. Bốn là việc phải thì cho là quấy. Năm là việc xấu thì lòng vui



thích. Sáu là việc tốt thì tâm không vui. Bảy là chê bai việc tốt của người. Tám là tán thành những điều phạm pháp.

Nên kinh dạy rằng: “Lỡ đánh chết người, tội còn dung thứ; người dùng tâm độc âm mưu hại người, thì không nên gán”. O

MƯỜI DẤU HIỆU CỦA NGƯỜI TRÍ

- Kính thưa Đại vương, có mười sự việc chứng tỏ người trí: Một là nhận biết kẻ hiền, người ngu. Hai là biết rõ kẻ sang, người hèn. Ba là biết rõ kẻ giàu, người nghèo. Bốn là biết rõ việc khó, việc dễ. Năm là biết rõ việc nào đáng bỏ, việc nào nên làm. Sáu là trách nhiệm với việc được giao. Bảy là hiểu rõ phong tục, tập quán ở nơi mình đến. Tám là biết rõ cội nguồn trở về. Chín là kiến thức học rộng, hiểu nhiều. Mười là biết được kiếp sống quá khứ.

Nên Kinh dạy rằng: “Khi gặp tai nạn



mới biết được lòng bạn. Có đánh lộn nhau mới biết mạnh yếu. Có luận nghị nhau mới biết trí ngu. Những lúc cơm thua, gạo kém mới biết người có lòng nhân”. O

TÁM ĐIỀU AN ỔN

- Kính thưa Đại vương, có tám điều kiện để được an ổn: Một là thừa kế gia tài cha mẹ. Hai là có nghề, có thể tự lập. Ba là học thức, nhìn xa, trông rộng. Bốn là giao du với bạn hiền tài. Năm là kết hôn với người chung thủy. Sáu là có được các con hiếu thảo. Bảy là tôi tớ chân thật, hòa thuận. Tám là lìa xa các việc xấu ác. O

TÁM ĐIỀU ƯA THÍCH

- Kính thưa Đại vương, có tám điều thích. Một là được làm việc với người hiền. Hai là được học với bậc thánh nhân. Ba là lánh tình từ hòa, nhân hậu. Bốn là sự nghiệp ngày càng hưng thịnh.



Năm là vượt qua thói quen giận dữ. Sáu là biết cách phòng ngừa tai nạn. Bảy là biết nương Phật, Pháp và Tăng. Tám là bạn bè không dối gạt nhau. O

MƯỜI TRƯỜNG HỢP KHÓ KHUYÊN

- Kính thưa Đại vương, có mười trường hợp khó thể khuyên can: Một là tham lam che mắt lương tâm. Hai là tham đắm sắc đẹp, ngoại hình. Ba là tham danh, chạy theo địa vị. Bốn là ngang tàng, ứng xử bạo ngược. Năm là nhút nhát, không dám cả quyết. Sáu là khờ khạo, lừ đừ, chậm chạp. Bảy là kiêu ngạo, buông lung vô độ. Tám là đấu tranh, không tương nhượng ai. Chín là chấp chặt tập tục mê tín. Mười là tiểu nhân, hãm hại người tốt.

Nên Kinh dạy rằng: “Trình bày chánh pháp cho người ngu nghe như nói kẻ điếc. Người không lắng nghe thì khó khuyên can”. O



MƯỜI TÌNH HUỐNG KHÔNG NÊN NÓI

- Kính thưa Đại vương, có mười hạng người mà mình không nên chia sẻ, giải bày: Một, kẻ ngạo mạn. Hai, kẻ ngu độn. Ba, kẻ lo sợ. Bốn, kẻ ham vui. Năm, kẻ e lệ. Sáu, kẻ căm ngọng. Bảy, kẻ cừ hận. Tám, kẻ đố kỵ. Chín, kẻ bận việc. Mười là những người đang tu thiền định. O

Trong kinh có câu: “Những gì làm được thì hãy nên nói. Điều làm không được thì đừng nói suông. Một lời hư ngụy, không thành tín thì các bậc minh triết không thềm đoái hoài”. O

MƯỜI DẤU HIỆU KHÔNG ĐOAN CHÍNH

- Kính thưa Đại vương, có mười dấu hiệu cho chúng ta thấy người không đoan chính: Một là đầu tóc rối bời một bên. Hai là sắc mặt thường hay thay đổi. Ba là lớn tiếng, nói cười huyên thuyên. Bốn là liếc ngó, đang khi giao tiếp. Năm



là trang sức lộng lẫy, quá mức. Sáu là nhìn trộm qua kẽ vách, nhà. Bảy là đứng ngồi không một chút yên. Tám là dạo chơi đầu đường, ngõ phố. Chín là thích dạo ở nơi vắng vẻ. Mười là giao thiệp với hạng bán thân. O

NĂM ĐIỀU ĐÁNG GHÉT VÀ ĐÁNG KÍNH

- Kính thưa Đại vương, có năm đáng ghét: Một là ác khẩu, phun máu hại người. Hai là gièm pha, thúc giục sự đấu tranh. Ba là rầy rà, không sống hài hòa. Bốn là ganh ghét, trừ rửa, chỉ trích. Năm là nói lời hai lưỡi, hại người. O

- Kính thưa Đại vương, có năm tính tốt thì được cung kính: Một là nhu hòa, nhẫn nhục tích cực. Hai là cung kính, tín tâm, chính trực. Ba là mau mắn, ít nói, làm nhiều. Bốn là lời nói đi đôi hành động. Năm là với bạn càng lâu càng hậu.

Trong kinh dạy rằng: “Nếu biết thương



mình phải biết giữ mình. Các bậc hiền tài có chí hướng thượng, sở học thấu đáo, nên không lầm lạc”. O

HẠNG NGƯỜI KHÔNG NÊN THÂN

- Kính thưa Đại vương, có mười loại người không mời về nhà: Một là thầy tà. Hai là bạn xấu. Ba là những kẻ khinh thường thánh nhân. Bốn là những kẻ ăn nói tráo trở. Năm là kẻ dâm. Sáu là những kẻ nghiện rượu, ma túy. Bảy là những kẻ có tánh xấu ác. Tám là những người không biết ân nghĩa. Chín là người nữ mất nết, hư dối. Mười là kẻ hầu ưa thích trang sức. O

TÁM ĐIỀU AN VUI

- Kính thưa Đại vương, có tám điều kiện để được an vui: Một là kính thờ các bậc sư trưởng. Hai là hướng dẫn hiếu thuận cho dân. Ba là khiêm cung, kính trên, nhường dưới. Bốn là tánh cách nhân



hậu, ôn hòa. Năm là cứu người trong cơn nguy khốn. Sáu là quên mình vì các việc nghĩa. Bảy là tiết kiệm, sống có chừng mực. Tám là biết bỏ các hận thù xưa.

Trong kinh có câu: “Người tu công đức, nghĩ trước làm sau, giúp người bần khổ, không chút từ nan thì trọn đời này sống trong an vui.” O

MƯỜI HAI ĐIỀU KHÔNG NÊN QUÊN

- Kính thưa Đại vương, bậc trí thường nhớ mười hai điều sau: Một là sáng sớm nghĩ tới tội lỗi, nên siêng làm phước. Hai là hiếu kính, đền ơn cha mẹ. Ba là việc gì cũng trừ bì trước. Bốn là lánh xa các điều nguy hại. Năm là trước khi làm gì, suy nghĩ thật kỹ. Sáu là khuyên ngăn những kẻ lầm lạc. Bảy là giúp đỡ những kẻ bần cùng. Tám là bố thí, giúp người bất hạnh. Chín là ăn uống luôn có chừng mực. Mười là phân xử có tính công bình.



Mười một ban rải ân đức cho đời. Mười hai làm quan biết huấn luyện lính.

Trong kinh dạy rằng: “Phàm làm việc gì phải lo liệu trước. Người biết chu toàn, sự nghiệp phát triển, không bị thất bại”. O

MƯỜI HẠNH TỐT CỦA BẠC HIỀN

- Kính thưa Đại vương, người hiền thật sự có mười hạnh tốt: Một là kiến thức học rộng, hiểu nhiều. Hai là không phạm pháp luật, đạo đức. Ba là kính thờ Phật, Pháp và Tăng. Bốn là học pháp, nhớ nghĩ, thực hành. Năm là khắc phục được tham sân si. Sáu là tu tập bốn tâm bình đẳng. Bảy là ưa làm các việc ân đức. Tám là không hại tất cả chúng sinh. Chín là hóa độ được người bất nghĩa. Mười là không lẫn các việc lành ác. O

MƯỜI LĂM TỘI ÁC

- Kính thưa Đại vương, những kẻ tội ác thường hay biểu hiện mười lăm tội nặng:



Một là sát sanh. Hai là trộm cắp. Ba là dâm ô. Bốn là dối trá. Năm là nịnh hót. Sáu là chuốt ngọt. Bảy là gièm pha. Tám là khinh thường các bậc hiền sĩ. Chín là ô trược. Mười là buông lung. Mười một say sưa. Mười hai ganh ghét. Mười ba thường hay hủy báng đạo đức. Mười bốn là người phá hại thánh nhân. Mười lăm là không biết sợ tội lỗi. O

MƯỜI ĐIỀU HỔ THẸN

- Kính thưa Đại vương, có mười hổ thẹn: Một là làm vua không hiểu chánh trị. Hai là tôi thần không lo việc nước. Ba là mang ân mà không báo đáp. Bốn là có tội không chịu sám hối. Năm là đa thê, hay là đa phu. Sáu là chưa cưới mà đã có thai. Bảy là tập hợp mà không thành tựu. Tám là có binh mà không thể đấu. Chín là bõn sẻn không chịu bố thí. Mười là tôi tớ mà không sai được. O



MƯỜI HAI ĐIỀU KHÓ

- Kính thưa Đại vương, mười hai điều sau được gọi là khó: Một là làm việc với những người ngu. Hai là yếu đuối, đầu hàng, bỏ cuộc. Ba là thù nhau mà thường gặp mặt. Bốn là học ít mà thích tranh luận. Năm là nghèo hèn mà trả được nợ. Sáu là ra trận không có tướng sĩ. Bảy là trung thành với một chính thể. Tám là học đạo mà mất tín tâm. Chín là làm ác mà muốn hạnh phúc. Mười là sinh ra được gặp Phật tổ. Mười một được nghe chánh pháp của Phật. Mười hai hiểu rõ, thực tập chánh pháp. O

BÓN MƯỜI BÓN DẤU HIỆU CỦA BẠC TRÍ

- Kính thưa Đại vương, người có trí huệ biết rõ tường tận bốn mươi lăm việc: Một là biết cách sửa sang nhà cửa. Hai là tạo dựng không khí hòa hợp. Ba là giao thân với người xung quanh. Bốn là tin tưởng vào bạn bè tốt. Năm là theo học



với bậc minh sư. Sáu là quyết tâm thành tựu mọi việc. Bảy là tài trí cao viển hơn người. Tám là tâm ý, thực hành hướng thượng. Chín là giàu sang thì làm việc đức. Mười là thận trọng sửa sang, tạo tác.

Mười một, có của phải mở sự nghiệp. Mười hai, không giao thừa kế cho con tất cả sở hữu. Mười ba, thường hay kết bạn người hiền. Mười bốn, không tin người mới quen biết. Mười lăm, đừng để tiền ở quan huyện. Mười sáu, mua bán thật thà, uy tín. Mười bảy, dòi chỗ phải nghiên cứu kỹ. Mười tám, đến đâu biết rõ giàu nghèo, cũng như quý tiện. Mười chín giao thiệp chỉ với người lành. Hai mươi, nương tựa vào thế lực đúng.

Hai một, không tranh với kẻ cường bạo. Hai hai, tin tưởng phục hồi cơ nghiệp. Hai ba, bản khổ không mong to tát. Hai bốn, có của không keo với người. Hai lăm, bí mật đừng nói vợ nghe. Hai sáu,



làm vua trọng người hiền đức. Hai bảy, ăn ở phải thật có hậu với người trung chính. Hai tám, thanh liêm, trị nước, yên dân. Hai chín, năng nổ, gắng lo lập công. Ba mươi, hiếu thuận là đạo làm người.

Ba một, quý trọng đối xử ôn hòa, được mọi người mến. Ba hai, phải dạy học trò trung nghĩa. Ba ba, làm thuốc phải thật rành nghề, không khinh mạng sống. Ba bốn, đau ốm phải nghe thầy thuốc. Ba lăm, ăn uống phải có độ lượng. Ba sáu, của ngon chia sẻ cho nhau, không chút luyến tiếc. Ba bảy, tài sản cho mượn, ban tặng, hãy tự tay làm. Ba tám, không nên vu oan cho kẻ vô tội. Ba chín, hòa giải, giúp người hòa hợp. Bốn mươi, kiên trì xa lánh việc ác. Bốn một, với người, không phân giàu nghèo. Bốn hai, ứng xử, hòa thuận làm quý. Bốn ba, tự nguyện giữ các đạo đức. Bốn bốn, thanh tâm cao quý hơn hết. O



BẢN CHẤT CỦA NIẾT-BÀN

Kính thưa Đại vương, trong cõi đời này, chỉ có Niết-bàn là cao quý nhất. Vì Niết-bàn là không có sinh, già, bệnh, chết, đói lạnh, không họa nước lửa, không có oan gia, không trộm, không dục, không còn buồn khổ, không có hoạn nạn, an lạc tuyệt đối, tự tại, giải thoát.

Bản chất niết-bàn, hoàn toàn an vui, thanh tịnh vô biên, không bị vô thường, không tính điều kiện, không bị mất đi. Phải chứng niết-bàn trên cuộc đời này, ngay khi còn sống. Phải dựng niết-bàn trên cuộc sống này, cho bản thân mình và các chúng sinh. Bệ hạ tự lo, tự tu, tự tỉnh; không làm thay được. Bệ hạ tự thương, bệ hạ tự cứu. O

ỨNG XỬ CỦA BẬC TRÍ

- Kính thưa Đại vương, chỗ đất bị lở bởi nước xoáy mạnh, dù trăm năm sau,



cũng không nên dựng cái gì trên ấy, vì không bền vững, mà chỉ vô ích. Vì dòng nước xoáy cuốn trôi tất cả. Người có ác tâm như một cá tính, mà sống giả nghĩa, kêu mình làm lành, thì không tin vội. Tâm ác chưa diệt, kẻ sống giả nghĩa sẽ làm ác tiếp, ta nên cẩn trọng. Phàm làm việc gì phải đi từng bước, như người đào giếng, đào sâu có nước; không thể vội vã sẽ hư việc lớn. Các bậc tài trí thấy sự bất bình giữa đời loạn lạc nên ra tay giúp, cũng như người bơi vượt dòng nước mạnh. O

- Về cách vấn đáp, người trí khác thường. Lời nói của họ luôn hướng việc lành. Bậc thầy trí tuệ luôn là chính đáng. Bậc trí mềm mỏng, nhân từ, cẩn trọng, ôn hòa, nhã nhặn, ăn nói hoạt bát, khởi xướng việc lành. Nghe lời, thấy việc của các bậc trí, tâm, miệng giống nhau. Xem cách cư xử, thái độ giao tiếp, cách thức đi, đứng của các bậc trí là không giả dối. O



TRÍ TUỆ CỦA BẠC TRÍ

- Kính thưa Đại vương, đôi với bậc trí, thể hiện trọng kính, chớ đừng khinh thường, nghe lời phải đạo cố gắng làm theo. Người trí hiểu đúng, thể theo chánh đạo, tâm không tham cầu, thâu việc quá khứ, hiện tại, tương lai. Tầm mắt bậc trí nhìn xa, thấy rộng, thấy rõ muôn vật trong không-thời gian chỉ là biến hiện, muôn pháp về một, vắng lặng xưa nay. O

Kẻ trí thấy rõ đời là vô thường, thay đổi không dừng. Trẻ rồi già nua; mạnh rồi bệnh tật; sống rồi sẽ chết; giàu như mây nổi, tất cả vô thường. Đang thời an ổn, nghĩ đến nguy khó. Lúc được hưng thịnh, nghĩ đến vô thường. Kính mến người lành, lánh xa người ác. Khi giận hờn ai nên sớm bỏ qua, không nên gây ác, làm não hại người. Thể hiện nhu hòa nhưng khó xâm phạm, bề ngoài yếu đuối mà khó thắng được. O



Người trí luôn theo pháp của thánh hiền, làm việc nhân từ, giáo hóa kẻ ngu, giúp cho sáng suốt. Người biết trị nước nên ban ân huệ cho người làm lành. Các bậc tu hành dẫn dắt quần chúng trở về chánh đạo. Đất nước lâm nguy, mọi người góp sức, tìm ra giải pháp. Tới lui biết thời khỏi bị nghi ngờ. Tuy có ơn đức đối với người khác, không cầu báo đáp. Tôn thờ, giúp đỡ các bậc hiền trí sẽ được phước báu, không gặp tai nạn. Bệ hạ chớ nghi. Con đường chánh trị không nên trái đạo. Dạy dân làm lành, đất nước phát triển, xã hội bình yên. O

MỖI NGƯỜI CÓ NGHIỆP RIÊNG

- Kính thưa Đại vương, Hiền Nhân tôi đây như con chim bay, không đậu cành nào. Đạo của Hiền Nhân không thể lẫn lộn với đời phàm tục. Lửa cháy ngoài đồng, những cây gần bên sẽ bị cháy sém. Chỗ nào nước xoáy thì thuyền bị quay.



Hễ là độc trùng thì tất hại người. Hiền Nhân từng sự với người trí tuệ, để khỏi phải bị kẻ hèn quấy nhiễu.

Về loài thảo mộc, mỗi loài mỗi khác. Chim có nhiều loại, bạch hạc lông trắng, chim quạ lông đen. Nhân cách con người có phần khác biệt. Mặc áo gấm lụa cho người quê mùa thực là vô ích, vì người nhà quê chỉ quen bùn đất, không biết giá trị, và dù có mặc cũng chỉ làm hư. O

NHƯ CÂY PHẢN LỆ

Kính thưa Đại vương, ở trong nhân gian, có cây Phản Lệ. Chủ trồng cây này không ăn trái được, kẻ muốn hái trộm, trái lại sinh ra. Vua không sáng suốt thường bị sàm tấu. Bậc trung giúp nước cho được an ổn thì bị đuổi xô; kẻ nịnh thần gian, phá hư triều chánh lại ăn bổng lộc. Khách ở nhà lâu, chủ sinh nhàm chán.



Nhà vua cẩn thưa: “Mạng người quý trọng, xin Ngài mở lòng, thương nghĩ đến trăm. Trăm đem thân mạng thờ Ngài hơn xưa”. O

GẶP NHAU LÀ NHÂN DUYÊN

Hiền Nhân trình thưa: “Bệ hạ muốn thế, chưa chắc làm được. Hoàng hậu khác biệt, dễ gì chấp nhận. Hiền Nhân chỉ là một vị Sa-môn, cầm bát khát thực, tự vui chánh đạo, dứt trừ tham vọng, giữ giới thanh cao, xa lìa tội lỗi, giúp đời an vui. Đây là con đường, Hiền Nhân thực tập. Các khuynh hướng khác sẽ không thích hợp”.

Nếu như Bệ hạ và Hiền Nhân này luôn được mạnh giỏi, ắt sẽ gặp nhau. Hiền Nhân vào núi tu dưỡng tâm linh, rèn luyện trí tuệ. Gần nhau mà chỉ gặp toàn chuyện ác, chi bằng xa nhau mà lại nhớ nhau trong tâm niệm tốt. O



VIỆC ĐẠO, VIỆC ĐỜI

Kính thưa Đại vương, người trí khi nghe thí dụ đã rõ. “Nhu người lấy mật xoa vào lưỡi dao, đưa cho chó liếm, vì tham chút ngọt, chó bị đứt lưỡi, đau đớn vô cùng”. Nay bốn cận thần, miệng nói ngon ngọt, tâm dường dao bén. Bệ hạ cẩn trọng, đề phòng chánh niệm, để tránh bất trắc xảy ra không hay. Gặp điều sợ hãi, bệ hạ nghĩ nhớ đến lời Phật dạy, sợ sẽ tiêu tan.

Chim cú, chim mèo ưa thích bụi rậm. Các con chuột bỏ núp dưới rơm, rác. Loài chim đậu cành, hạc ưa ao đục. Mỗi chủng loại vật có nghiệp riêng khác, khuynh hướng bất đồng. Hiền Nhân mến đạo, Bệ hạ bận rộn với việc trị dân, đó là sai khác.

Những vật thô xấu cũng có chỗ dùng, không nên phí bỏ. Hạng người ngu bần,



không nên hắt hủi, đều có chỗ dùng. Nghệ thuật dùng người cũng như dùng cây, không gì vô ích. Ta nên biết người, biết suy nghĩ họ, biết lời nói họ, biết hành động họ, không nên hời hợt.

Có những dấu hiệu dự báo tương lai. Con chim ban đầu đậu ở cành thấp, sau nhảy nhánh cao. Chó của chủ nhà sủa người khách quen, biết là có chuyện, lòng sanh chán ngán. Nói xong Hiền Nhân đứng dậy mang bát, bước ra khỏi thành. Vua và thần dân, vọng bái, tiễn đưa. O

ĐẤT NƯỚC BẤT ỔN

Khi Hiền Nhân đi, kẻ trung giảm dần, loạn thần được dịp tung hoành gian nịnh. Bốn quan cận thần cậy thế ép dân, người của hoàng gia dùng thói yêu nghiệt, làm vua mê hoặc, không nghĩ việc nước, ngày đêm vui thân trong niềm hoan lạc. Chính quyền quan liêu, bóp nghẹt tự do, thâm thuế quá đáng, không chút nhân từ



với người bất hạnh. Kẻ mạnh hiếp yếu, bóc lột lẫn nhau, không màng pháp luật. Xã hội rối ren.

Có nhiều phụ nữ bị cưỡng bức dục, trở thành nô lệ. Có nhiều gia đình thân thuộc ly tán, mỗi người mỗi nơi, tai họa ập đến, vua nào hay biết. Mưa gió trái thời, nông nghiệp mất mùa, nước loạn dân nghèo, đói khát phát sinh, oán than khắp chốn. Nhân dân sầu khổ, lo sợ bệnh chết, kẻ thì than khóc, người thì kêu ca, ai cũng mong rằng có bậc tài đức ra tay cứu giúp. O

DÁM NHÌN NHẬN SỰ THẬT

Trong tình hình đó, có vị Đạo Nhân, cháu của Hiền Nhân, thấy nước loạn lạc, xóm làng nghèo khó, nhân dân khốn cùng, mạnh dạn vào cung, tâu với nhà vua: “Kính tâu Đại vương, các quan đại thần làm việc phi pháp, tham ô, lũng đoạn, bắt kẻ vô tội, cưỡng bức người



hiền, tàn hại nhân gian, thật vô nhân đạo. Muôn dân than khóc, quỷ thần giận dữ với nhiều tai họa. Cảnh khổ lan tràn, bệ hạ không hay. Nếu không sớm trừ các bọn gian thần, đất nước chúng ta không còn lương dân.

Nghe qua sự tình, nhà vua kinh hãi, đánh giá sự việc: Trẫm đã lỡ dùng bốn tên loạn thần, phá nước hại dân, có khác gì cảnh “thả chó sói dữ trong bầy cừ non, thật là tội nghiệp”. Dân chúng khốn ách, đất nước lâm nguy. Trẫm đã buông cương, mặc cho ngựa điên kéo xe trị quốc, lọt xuống hố sâu. Thật là tai hại. Nay ngài đến đây, giúp trẫm thức tỉnh. Ngài có phương cách giải quyết mối nguy, trị an xã tắc?”

Đạo Nhân thưa rằng: “Từ khi Hiền Nhân bỏ nước ra đi, nước bị rối loạn, do bọn gian thần. Bệ hạ cần phải phục hưng tổ quốc, giúp đỡ người dân, sống trong



hạnh phúc. Bệ hạ cùng thần du hành một phen, để tận mắt mình thấy điều khổ sở, nghe điều bất công, đúng như sự thật đã từng diễn ra. O

PHỤ NỮ RÁCH RƯỚI

Nghe theo lời khuyên, nhà vua cải trang, cùng với Đạo Nhân đi khắp dân gian, thị sát tình hình. Vừa ra khỏi thành, vua đã nhìn thấy một nhóm, áo quần rách rưới, vừa đi vừa khóc. Đạo Nhân liền hỏi: “Vì sao các chị khổ sở rách rưới? Sao không làm ăn, hoặc đi lấy chồng, để thoát cơ cực?”

Một cô trả lời: “Sở dĩ chúng tôi ra nông nổi này đều do nhà vua, chẳng lo quốc sự, bỏ mặc người dân sống trong đau khổ. Giá mà nhà vua nghèo đói, rách rưới thì mới bã ghét”.

Đạo Nhân khuyên bảo: “Các chị trách thế là không phải lẽ. Vua lo việc nước,



lớn lao hơn nhiều, đâu có thời gian lo cho chị được. Các chị phải làm để tự sinh sống”.

Một chị không vui, liền lên tiếng nói: “Không phải thế đâu. Do vua trị nước có điều bất minh, nên dân đói rách, chịu cảnh khốn cùng. Ngày thì khốn với các bọn quan tham, đêm thì khốn đốn với giấc trộm cướp; cơm không đủ no, áo không đủ mặc, như thế thì còn, có ai lại muốn, cưới gả chúng tôi”. O

BÀ LÃO MÙ LÒA

Đi một quãng nữa, vua gặp bà già, áo quần rách rưới, hình hài gầy yếu, mắt mờ lạng quạng, vừa đi vừa khóc.

Đạo Nhân liền hỏi: “Bà lo việc gì mà khóc khổ vậy?”

Bà già ngẩng đáp: “Vì nhà vua cả. Giá mà nhà vua mù như lão đây thì mới đáng kiếp, lão sung sướng lắm”.



Đạo Nhân phân trần: “Bà nói như thế không có chỗ đúng. Người già mắt mờ, nhà vua lỗi chi mà bị chỉ trích?”

Bà lão giải thích: “Đêm bị giấc cướp, không chút an tâm, ngày bị quan tham hiếp bức, bóc lột, chịu cảnh nghèo đói, nên lão tôi đây mới phải hái rau, lượm củi đổi gạo, để nuôi sống mình, đập phải độc trùng, vương phải độc khí, nên mới mù què, đau khổ như thế. Nếu không phải lỗi của nhà vua kia thì lỗi tại ai?” O

BÀ LÃO BỊ BÒ ĐÁ

Đến một quãng đường, vua thấy một bà, nghèo rách vắt sữa. Con bò đá bà, bà ngã xuống đất, lồm còm bò dậy, mắng chửi lia lịa: “Phải chi mày đá Hoàng hậu một cái, đau cho bỏ ghét. Mày lại đá tao làm cái gì chứ!”

Đạo Nhân chia sẻ: “Bò dữ đá bà, đâu phải Hoàng hậu mà bà quy lỗi?”



Bà lão trách móc: “Nhà vua không biết chỉ dùng nịnh thần, hoàng hậu xúc siểm, nước nhà mới loạn, quan không ngăn cướp, không giữ an ninh, nên có sự tình người bị bò đá, đau điếng cả người. Tất cả tại Vua”.

Đạo Nhân chỉ bảo: “Tại bà không biết cách vắt sữa bò nên bị bò đá, là chuyện thường tình”.

Bà lão đáp lại: “Không phải thế đâu! Nếu nhà vua khéo, sử dụng hiền tài, Hiền Nhân ở lại, giúp vua trị nước, nước nhà thái bình, không bị loạn lạc. O

CON CHIM MỔ ÉCH

Đi một đoạn nữa, đến bên đồng ruộng, vua thấy con chim đang mổ con ếch. Con ếch đau đớn, lún núp vào bùn, bông lờ mắng trách: “Phải chi mày mổ vua một cái đau thì tao mới thích. Mày đừng mổ tao”.



Đạo Nhân bảo ếch: “Người bị chim mổ, lỗi không do vua, người phải tự vệ, không trách ai được.”

Con ếch đáp lời: “Tôi không hề mong vua bảo hộ tôi. Vua không trị nước, bỏ bê triều chính, pháp luật không minh, không chịu chỉ đạo dẫn thủy nhập điền, nên trời hạn hán, nước khô như vậy, thân tôi bày ra, nên chim mới mổ”.

Con ếch lại than: “Nếu vua biết cách giữ đạo quyền chính, loại một người ác, lợi cho một nhà; bỏ một nhà ác, lợi cho một làng, bỏ một làng ác, lợi cho quốc gia. Vua không chấp chính nên dân khổ sở, thiên hạ kêu ca”.

Đạo Nhân tâu vua: “Đại vương xét kỹ, trăm họ vô tội, khốn đốn khóc than, động đến trời đất, đến nỗi con ếch còn thốt lời than. Đại vương đã thấy. Kính mong Đại vương, sớm đuổi kẻ ác, tái thiết quốc gia



trên con đường chánh, giúp cho nhân dân sống cảnh thái bình. Kính thưa Đại vương, bây giờ gieo giống, mưa thuận gió hòa, mùa màng sẽ trủng, cuộc sống bình an. O

Nhà Vua liền hỏi: “VẬY theo ý Ngài, ta nên giao phó trách nhiệm cho ai?”

- Kính thưa bệ hạ, hãy mau thỉnh mời Hiền Nhân trở về. Ngài biết thời cơ, nếu trở về nước, đất nước bình an.

Nghe lời tư vấn, nhà vua đi đến chỗ Hiền Nhân ở, đánh lễ, thỉnh cầu Hiền Nhân trở về. Sau khi thăm hỏi, vua ngồi một bên, chấp tay tạ tội, thưa với Hiền Nhân:

- “Trẫm vì sơ sót, suy nghĩ nông cạn, lỡ hại trăm dân, nên họ oán trách. Nay trẫm một lòng sám-hối nghiệp trước, xin ngài bỏ qua, trở về giúp nước”. O



KHÔNG TIN NHÂN QUẢ LÀ TỰ MÊ HOẶC

Hiền Nhân đáp lễ: “Người nào có tội mà biết sám-hối thật đáng tán dương”.

Khi trở về cung, thấy bốn cận thân, kể tai nói nhỏ, Hiền Nhân trình bày:

- Người tự mê hoặc, không phân chân tà, sẽ gặp khổ nguy. Mọi việc trên đời, hạnh phúc, khổ đau đều do nhân quả, không thể tránh được.

Ai làm việc ác, ác quả đeo bám; ai làm điều lành, quả tốt đền trả, trọn đời không mất. Họa phúc theo ta như hình với bóng, kẻ ngu chẳng biết. Họa phúc rõ ràng cũng như tiếng vang bám theo âm thanh, như bóng theo hình, không thể ngẫu nhiên, trên trời rơi xuống. Các người làm ác mà không hối cải, không thể che giấu.

Trong số các vị, có người cho rằng: “Sau khi chết đi, thần thức chết theo,



cuộc sống kết thúc”. Cũng có người nói: “Không có tội phước với các hành động”. Trong vũ trụ này, mọi việc rõ ràng, đều theo quy luật của nhân và quả. Chết không kết thúc sự sống con người. Con người tái sinh chạy theo dòng nghiệp. Nhân quả tốt xấu sẽ đeo bám ta, không thể khinh thường.” Bốn quan cận thần nghe lời chí lý, lẳng lặng làm thinh, không biết nói sao. O

NHÂN QUẢ ĐẠO ĐỨC

Hiền Nhân nói tiếp:

- Tất cả hiện tượng trong vũ trụ này đều do nhân quả, sự sống con người đều do tội phước. Làm lành hay ác đều có quả báo, như bóng theo hình. Người chết bỏ thân, nghiệp vẫn còn nguyên. Gieo giống xuống đất, sẽ sanh nhánh lá, kết hạt trên ngọn. Thắp đèn tim lụn, lửa vẫn đỏ mãi. Hành vi tội phước vẫn còn với ta, như người viết chữ bên ánh đèn khuya,



khi đèn tắt đi, chữ vẫn còn nguyên. Tâm thức con người, sau khi chết đi, tái sinh theo nghiệp, có mặt trong thai, đời này đời khác, không hề kết thúc. Những việc làm ác không thể tránh khỏi các quả đau khổ, giết cha mẹ chết không thể vô tội! O

Bốn quan đáp rằng: “Một nhánh cây nhỏ còn không nên hái, huống hồ giết chết cha mẹ của mình sao vô tội được”.

Hiền Nhân đáp lại: “Người giả bên ngoài làm lành lánh dữ, trong thì uẩn khúc, làm việc gian ác, thật là nguy hại. Cũng như vàng giả, bề ngoài mạ vàng, trong toàn là đồng. Bề ngoài tốt đẹp, tâm toàn tà nguy là điều nên tránh. Việc này khác gì những con chó sói lẫn vào bầy dê, ngấm ngấm giết thịt các con dê con, không hề hay biết. O

Nhiều kẻ ác độc tự xưng đạo đức, giả trang khổ hạnh, diễn giải kinh sách, làm



hoa mắt người, nhưng bên trong thì, tâm luôn tà ngụy, cầu mong danh lợi, không chút xấu hổ. Người không kinh nghiệm dễ dàng bị lừa, quay đầu tin phước. Như nước sông lụt, chưa chảy ra biển, làm hại nhiều người. Các bậc thánh nhân cứu giúp thiên hạ, chuyển hóa nghiệp xấu, siêng làm việc lành, giữ tâm thanh tịnh, mọi người lợi lạc.

Quả báo của nghiệp là rất rõ ràng. Làm dữ bị họa, mọi người đều ghét, không chóng thì chầy, khổ đau sẽ đến. Làm việc phước đức, tuy không ai biết, phước lành trở quả, mọi người khen ngợi. Như bánh xe tròn, lăn hoài không dứt. Nghiệp của con người, trải qua nhiều kiếp, tái sinh nhiều nơi, không thể mất đi. Phải tin tội phước, để không gian dối, không gây hại ai. O

Làm người hạnh phúc phải biết cẩn trọng, lánh xa kẻ ác, sám hối lỗi lầm.



Nếu mọi người đều làm lành lánh dữ như bản tánh họ thì trên đời này quả phước giống nhau. Song người làm ác ở đâu cũng có, nên quả sai khác. Từ nghiệp sai khác, tình huống khác nhau: người thọ, kẻ yếu, người khỏe, kẻ bệnh, người tốt, kẻ xấu, người giàu, kẻ hèn, người khôn, kẻ ngu, người thân tướng đẹp, kẻ què, tàn tật, người đủ giác quan, kẻ đui, điếc, câm... Tất cả đều do nhân duyên kiếp trước, nhân quả kiếp này mà có quả báo vô cùng khác biệt. Những người đức hạnh, trung trực, hiền lành, trí tuệ, từ bi, sống đời cao thượng, hào phú, hạnh phúc là do nghiệp lành. Nhân quả rõ ràng như một quy luật, không do trời định, không phải ngẫu nhiên, không do hên xui. Hãy suy nghĩ kỹ, tất cả kết quả, dù tốt hay xấu, đều có nguyên nhân cộng với các duyên tác động qua lại. Đừng nên lầm lạc, phủ định nhân quả, thật là bất hạnh. O



THUẬT QUẢN TRỊ QUỐC GIA

Hiền Nhân nói tiếp: “Kính thưa Đại vương, trong nước có vua, vua ban pháp luật, sống thuận đạo lý, giao cho người hiền, phó việc tài trí, ban thưởng người lành, trừng phạt kẻ ác”. Nhờ kỹ cương này, đất nước an bình, xã hội phát triển, nhân dân hạnh phúc. O

- Kính thưa Đại vương, ngày xưa có vua tên là Cầu Lạp, có ao trong thành, nuôi nhiều cá ngọt. Một quan giám ngư được vua yêu cầu trông coi ao cá. Mỗi ngày giám ngư dâng vua tám con, nhưng sau lưng vua, cấp tám con khác. Biết cá bị mất, nhà vua ra lệnh tám giám ngư nữa giữ gìn ao cá. Tám giám ngư mới cấu kết người cũ, mỗi ngày ăn cắp thêm nhiều con nữa. Sự thật đau lòng, nhiều người giữ cá, cá mất nhiều hơn, do người giữ cá là kẻ ăn cắp. O

Giao một nhiệm vụ cho quá nhiều



người, không hẳn đã tốt, nước thêm rối loạn. Cũng như tình trạng người hái quả non, ăn không mùi vị, lại càng mất giống; nhà vua trị nước, không dùng hiền tài, thiệt hại đất nước, nguy hại cho dân, tiếng tăm mất dần, phước phần tổn giảm. Trị nước không nghiêm, trái với luật pháp, làm cho thiên hạ khởi tâm tranh chấp, bất ổn xã hội, khác nào muốn giàu, phát triển sự nghiệp, mà không dụng chí thì của cải có, mỗi ngày tổn giảm, là điều tất yếu. O

Trong một đất nước có tướng binh nhiều, không chịu tập trận, không lo phát triển, nước sẽ yếu dần. Làm vua một nước không trọng luật pháp, không theo đạo đức, không thờ thánh nhân, không dùng hiền tài thì hiện tại này không người giúp đỡ, trong tương lai tới, không thể hạnh phúc; bá tánh kêu ca, tai ương tới tấp, sống đê tiếng dơ, chết tái sanh xấu.



Trị nước theo luật và chánh pháp Phật thì được lòng người. Kính bậc đạo đức, hiếu thuận cha mẹ, thương yêu trẻ thơ, siêng làm việc lành, thì hiện tại này sống được bình an, kiếp sau hạnh phúc. Làm việc trung nghĩa như đi thẳng đường. Công bằng, chính trực ai nấy đều phục. Sống phải sáng suốt, tích lũy kiến thức từ các cổ thánh để làm kinh nghiệm sống của kiếp này, động tịnh biết thời, ân oán có nhân, ban tặng ân phước, giúp dân lập nghiệp, bố thí bình đẳng, tái thiết thái bình. Làm được như thế, đời này an lạc, đời sau phước quả. Quyết chí tu hành, chúng nên đạo giác. O

Nghe Hiền Nhân dạy, mọi người mừng rỡ, vâng phục làm theo. Nhà vua đứng dậy, cúi đầu thưa rằng: “Được nghe Ngài dạy, trăm thấy nhẹ lòng, như cơn gió mạnh xua tan mây mù. Xin Ngài từ bi, thương đất nước này, giáo hóa quốc dân, giúp trăm trị nước, như trước đây vậy”.



Cảm động tấm lòng của một Đại vương, Hiền Nhân nhận lời. Ngài liền đứng dậy, theo vua về cung, luận bàn triều chính.

Bốn quan cận thần bị phát hiện ra có nhiều sai phạm, nên bị trừng phạt. Hiền Nhân giúp nước, phước thấm muôn dân, mưa nắng đúng thời, mùa màng bội thu, nhân dân hoan hỷ, bốn biển thanh bình, trên dưới hòa thuận, chung sức đồng lòng, xây dựng cuộc sống ngày một thái bình, giàu sang, hạnh phúc. O

LIÊN HỆ KIẾP SỐNG

Sau khi kể xong câu chuyện Hiền Nhân, đức Phật ngừng lại, nhìn về đại chúng, rồi dạy tiếp rằng: O

- Nay các đệ tử! Hiền Nhân đời trước chính là Ta đây. Còn Đạo Nhân kia là A-nan-đa. Vua Lâm Đạt đó không ai khác hơn vua Tỳ-tiên-nặc. Hoàng hậu

thử đó là Tôn-đà-ly. Con chó nhà vua là ông Sa-nặc. Bốn quan cận thần là bốn kẻ ngoại đạo giết Tôn-đà-ly. Mọi việc trên đời đều có liên hệ, không hề ngẫu nhiên, nên nhớ nhân quả, để sống thật tốt, an vui, hạnh phúc.

Nghe Thế Tôn dạy kinh nghĩa sâu xa, hơn ba ức người hiểu được lý đạo, phát nguyện vâng giữ năm điều đạo đức, phát nguyện thực tập, truyền bá Kinh này. O
Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

(3 lần, xá 3 xá) OOO





CÁC KINH VỀ TRIẾT LÝ





27. KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN

Tôi nghe như vậy. Có một thuở nọ, ở tại vườn Nai, thuộc Ba-la-nại, đức Phật đã dạy cho năm thầy tu phương pháp chuyển hóa tất cả khổ đau, gồm những điều sau. O

BỎ HAI CỰC ĐOAN

Này các đệ tử, có hai cực đoan mà người xuất gia cần nên từ bỏ: đó là hưởng thụ khoái lạc giác quan phàm tục, thấp kém, không xứng hạnh thánh, và tu khổ hạnh, hành hạ thân thể vốn là khổ đau, hoàn toàn vô ích, không xứng hạnh thánh. Nhờ từ bỏ được hai cực đoan này, Như Lai khám phá con đường Trung đạo, có thể mang lại tầm nhìn, tri kiến, đưa đến an tịnh, trí tuệ cao siêu, giác ngộ



tuyệt đối, niết-bàn an vui. Trung đạo đó là con đường tám chính: Tâm nhìn chân chính, tư duy chân chính, lời nói chân chính, hành vi chân chính, nghề nghiệp chân chính, siêng năng chân chính, chính niệm, chính định. Đây là Trung đạo mà đức Như Lai đã chứng ngộ được. O

BỐN SỰ THẬT THÁNH

Này các đệ tử, đây là sự thật về các khổ đau: Sự sinh là khổ, già nua là khổ, bệnh tật là khổ, chết chóc là khổ, chung đụng người ghét là khổ khó chịu, xa người thương yêu là khổ đoạn trường, mong muốn không được là khổ thất vọng; sầu bi khổ não... đều là khổ đau; tóm lại chấp thân năm uẩn là khổ.

Này các đệ tử, đây là sự thật về nguồn gốc khổ: Tham ái là nhân của sự tái sinh. Phối hợp khao khát và niềm đam mê, tham ái bám víu cái này, cái nọ, chỗ này, chỗ kia, không muốn xa rời. Tham



ái bao gồm ái luyện nhục dục, ái luyện sinh tồn, ái luyện hư vô. Tham lam, sân hận và sự si mê cũng là nguyên nhân dẫn đến khổ đau và nhiều bất hạnh.

Này các đệ tử, đây là sự thật về đại niết-bàn, hạnh phúc tối thượng, là sự chuyển hóa trọn vẹn tham ái, là sự xa lìa tham, sân và si, là sự kết thúc của mọi khổ đau.

Này các đệ tử, đây là sự thật về đường thoát khổ, con đường Trung đạo, tức Bát chánh đạo, gồm tám chân chánh: Tâm nhìn chân chánh, tư duy chân chánh, lời nói chân chánh, hành vi chân chánh, nghề nghiệp chân chánh, siêng năng chân chánh, chánh niệm, chánh định. O

BA LỚP VÀ 12 PHƯƠNG DIỆN

Này các đệ tử, đây là sự thật về các khổ đau; đây là khổ đau *cần được nhận thức*; đây là khổ đau *đã được hiểu rõ*.



Này các đệ tử, đây thật là điều chưa từng được nghe từ trước đến giờ, Như Lai đạt được tầm nhìn thâm sát, tri kiến minh sát, trí tuệ cao siêu, giác ngộ tuyệt đối, ánh sáng rực chiếu.

Đây là sự thật về nhân khổ đau; nguyên nhân khổ đau *cần được chấm dứt*; nguyên nhân khổ đau *đã được chấm dứt*. Này các đệ tử, đây thật là điều chưa từng được nghe từ trước đến giờ, Như Lai đạt được tầm nhìn thâm sát, tri kiến minh sát, trí tuệ cao siêu, giác ngộ tuyệt đối, ánh sáng rực chiếu.

Đây là sự thật là phúc niết-bàn; niết-bàn tịch tĩnh *cần được chứng ngộ*; niết-bàn tối thắng *đã được chứng ngộ*. Này các đệ tử, đây thật là điều chưa từng được nghe từ trước đến giờ, Như Lai đạt được tầm nhìn thâm sát, tri kiến minh sát, trí tuệ cao siêu, giác ngộ tuyệt đối, ánh sáng rực chiếu.



Đây là sự thật về đường thoát khổ; con đường diệt khổ *cần được phát triển*; con đường diệt khổ *đã được thành tựu*. Nay các đệ tử, đây thật là điều chưa từng được nghe từ trước đến giờ, Như Lai đạt được tầm nhìn thâm sát, tri kiến minh sát, trí tuệ cao siêu, giác ngộ tuyệt đối, ánh sáng rực chiếu. O

TUYÊN THUYẾT THỰC CHỨNG

Nay các đệ tử, khi nào tri kiến tuyệt đối như thực của đức Như Lai về bốn sự thật, gồm ba giai đoạn, mười hai phương diện chưa được sáng tỏ, thì đến lúc ấy, Như Lai sẽ không xác nhận trước mặt Phạm thiên, ma vương, Trời, người, Sa-môn và Bà-la-môn rằng Như Lai được giác ngộ vô thượng. Đến khi tri kiến và tuệ giác lớn phát sinh rõ ràng, Như Lai tuyên bố: “Tâm của Như Lai hoàn toàn giải thoát, không còn lay chuyển, thoái lui sinh tử; đây là kiếp cuối, không còn kiếp khác”. O



LỢI LẠC CHUYỂN HÓA

Nghe đức Phật dạy, năm thầy Tỳ-kheo vô cùng hoan hỷ, phát tâm thực tập giáo pháp mới lạ. Ngài Kiều-trần-như đạt được pháp nhãn, không còn bụi trần, sạch hết bợn tâm và thấy rõ rằng: “Cái gì có sanh tất phải có diệt”.

Khi biết Như Lai lặn xe chánh pháp, chư thiên khắp nơi vang lời tán dương: “Thật là tuyệt diệu, pháp luân Phật dạy. Không có Sa-môn hay Bà-la-môn, Trời, người, Phạm thiên, hay ma vương nào trên thế gian này có thể chuyển được pháp luân như thế ở tại vườn Nai, gần Ba-la-nại. Cũng không có ai trên thế gian này có thể ngăn được pháp luân vi diệu được Phật tuyên thuyết ở tại vườn Nai”. O

Sau khi dứt lời, Như Lai xác nhận ngài Kiều-trần-như đã được tỏ ngộ, nên được biết đến với tên gọi mới, là ngài A-nhã Kiều-trần-như vậy. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O



28. KINH MUỖI HAI NHÂN DUYÊN

THẾ GIỚI TƯƠNG THUỘC

Tôi nghe như vậy. Có một thuở nọ, tại chùa Kỳ Viên, thuộc thành Xá-vệ do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng, đức Phật ôn tồn khuyên các Tỷ-kheo hãy suy nghiệm kỹ, nỗ lực thực hành về pháp nhân duyên.

Này các đệ tử, thế nào gọi là nguyên lý nhân duyên giữa các sự vật? Trong vũ trụ này, xưa cũng như nay, thật chưa từng có nguyên nhân đầu tiên tạo ra thế giới, con người, vạn vật. Tất cả sự vật nương nhau mà thành, tồn tại, phát triển, suy hoại rồi diệt, tiếp tục tạo ra quy trình bốn bước: “Sanh, trụ, dị, diệt” theo công thức sau: “Cái này phát sanh



kéo theo tình trạng phát sanh cái khác. Cái này hiện hữu tạo ra tình trạng hiện hữu cái khác. Cái này không có kéo theo tình trạng không có cái khác. Cái này hoại diệt tạo ra tình trạng hoại diệt cái khác”. O

MẮC XÍCH KIẾP NGƯỜI

Này các đệ tử, thế nào gọi là nguyên lý nhân duyên đối với con người và các chúng sinh? Do có vô minh nên có cái hành. Do có cái hành nên có tâm thức. Do có tâm thức nên có danh sắc. Do có danh sắc, có sáu giác quan. Do sáu giác quan nên có tiếp xúc. Do có tiếp xúc nên có cảm giác. Do có cảm giác nên có tham ái. Do có tham ái nên có chấp thủ. Do có chấp thủ nên có hiện hữu. Do có hiện hữu nên có tái sanh. Do có sanh ra nên có già chết. Do có già chết nên có sầu, bi, khổ, ưu và não, không thể kể xiết; từ đó hình thành cả khối đau khổ



trong thân năm uẩn (thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư và các nhận thức).

Này các đệ tử, vô minh là gì? Là loại nhận thức không biết khổ đau, không biết nhân khổ, không biết niết-bàn hạnh phúc tuyệt đối, không biết con đường chấm dứt khổ đau. Thế nào là hành? Gồm có ba loại: Thân hành, khẩu hành và cả ý hành. Thế nào là thức? Thức có sáu loại: Thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác, tri giác. O

Trong cơ thể này, phần nào là danh? Cảm giác, tri giác, ý niệm, xúc giác và các tư duy. Thế nào là sắc? Đó là bốn đại: Đất, nước, gió, lửa, và tất cả thứ có từ bốn đại. Sáu nhập là gì? Bao gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tiếp xúc là gì? Gồm có sáu loại: Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, vị xúc, thân xúc, ý xúc. Cảm giác là gì? Gồm có ba loại: Cảm giác khổ đau, cảm giác hạnh phúc, cảm giác trung tính.



Tham ái là gì? Bao gồm có ba: Khao khát tính dục, khao khát hiện hữu, khao khát vô hữu. Chấp thủ là gì? Bao gồm bốn loại: Chấp thủ tính dục, chấp thủ tà kiến, chấp thủ giới cấm, chấp thủ cái tôi. Hiện hữu là gì? Gồm có ba loại: Hiện hữu cõi dục, hiện hữu cõi sắc, hiện hữu vô sắc.

Tái sinh là gì? Tiếp nối sự sống, tái sanh các cõi hoàn toàn do nghiệp, đầy đủ xuất xứ, hình thành năm uẩn, tạo ra sự sống. Thế nào là già? Biểu hiện lão suy trên cơ thể người hay các động vật, bao gồm: Da nhăn, tóc bạc, răng rụng, khí lực khô cạn, giác quan yếu kém, không còn bén nhạy, mạng sống suy dần. Thế nào là chết? Gồm các biểu hiện não ngưng hoạt động, tim ngừng nhịp đập, hơi ấm không còn, vô thường biến dịch, chia lìa người thân, trở về bốn đại, mạng sống kết thúc.

Này các đệ tử, mười hai mắt xích nhân duyên kiếp người vừa được phân tích tạo



ra đời sống trong ba thời gian (quá khứ, hiện tại và đời tương lai), từ lúc sanh ra, đến già, bệnh, chết; lại tiếp quy trình tương tự như thế, qua nhiều kiếp sống. Những gì cần nói về kiếp sống người, ta đã nói xong.

Này các đệ tử, hãy đến gốc cây, ngồi ngoài trời thoáng, giữa bãi tha ma, hay nơi yên tĩnh... tập trung thiền định, chớ ngại gian khổ. Thời gian trôi qua, nếu không siêng tu, về sau hối hận những chuyện vô ích. O

ĐẠI DƯƠNG SINH TỬ

Phật vừa dứt lời, tôn giả A-nan xin Phật giải thích giá trị của hiểu mười hai nhân duyên. Phật liền dạy rằng:

Này các đệ tử, mười hai nhân duyên vô cùng sâu sắc, không phải là điều người thường hiểu tới. Ngày xưa đang tu, chưa đạt giác ngộ mười hai nhân duyên, ta



đã trôi lăn trong đường sanh tử, không thoát ra được. Ngộ thuyết nhân duyên với mười hai mắt xích, ta chặt đứt chúng, nhờ đó vĩnh viễn không còn tái sanh. O

Trong kiếp quá khứ xa xưa về trước, có một vị vua cõi A-tu-la tên là Tu-diêm chợt có ý nghĩ muốn bóc mặt trời và cả mặt trăng ra khỏi nước biển. Ông tự hóa thân cực kỳ to lớn, đến độ nước biển chỉ ngang hông ông. Vua Tu-diêm này có một người con là Câu-na-la, tâu với vua rằng: “Con muốn xuống biển, tắm cho thỏa thích.” Vua Tu-diêm nói: “Con chớ ham thích tắm trong nước biển. Vì nước đại dương vừa sâu, vừa rộng; không thể ở trong nước biển mà tắm.” Câu-na-la nói: “Hiện con đang thấy độ sâu của biển chỉ ngang hông cha, có gì sâu rộng, con không sợ đâu.” Không khuyên được con, vua Tu-diêm nắm thân của thái tử, thả xuống nước biển. Chân của thái tử



không đựng đầy nước, lòng rất lo sợ. Vua bảo con rằng: “Nhu con thấy đó, cha đã nói rồi, đại dương rất sâu mà con không tin. Chỉ có mình cha có thể tắm gội ở trong đại dương, còn con không thể.”

Này các đệ tử, vua Tu-diêm ấy của kiếp xa xưa chính là thân Ta. Còn vị thái tử con của nhà vua chính là A-nan. Con đã từng nói: “Đại dương không sâu và cũng không sao.” Nhưng sự thật thì ngược lại hoàn toàn. Ai không thấu hiểu và chặt đứt được mười hai nhân duyên sẽ bị trôi lăn luân hồi vô tận, không ngày xuất ly; chìm trong mê hoặc, không nhận thức rõ gốc rễ của hành; đời này kiếp khác, kẹt trong khổ não, khó lặn mạnh mỗi xuất ly sanh tử. O

THOÁT VÒNG SINH TỬ

Này các đệ tử, dưới cội Bồ-đề sau khi thành đạo, ta đã nhận ra mười hai nhân duyên, ta thắng được ma và quyền thuộc



chúng, hoàn toàn nhờ vào dứt được vô minh mà ánh trí tuệ chiếu soi cùng khắp; bóng tối lậu hoặc nhờ đó kết thúc, không còn trần cấu.

Này các đệ tử, các con nên biết mười hai nhân duyên rất là sâu thẳm, không phải là điều mà người phàm phu có thể nghiệm ra. Tất cả các con hãy nên suy nghiệm mười hai nhân duyên, thực tập chuyển hóa, để kết thúc được mạng lưới sinh tử.

Nghe Phật khuyên nhắc, tôn giả A-nan và người có mặt vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thực tập, truyền bá kinh này. O

GIẢI THÍCH THÊM VỀ NHÂN DUYÊN

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, ở xóm Điều ngư, thuộc Câu-lưu-sáu, đức Phật dạy bảo mọi người như sau:

“Này các đệ tử, nay ta thuyết pháp về ý nghĩa của nguyên lý duyên khởi. Hãy



lắng lòng nghe, hãy suy nghiệm kỹ, ta vì các con giải thích duyên khởi.

“Thế nào gọi là nguyên lý duyên khởi?”

“Cái này phát sanh kéo theo tình trạng phát sanh cái khác. Cái này hiện hữu tạo ra tình trạng hiện hữu cái khác. Cái này không có kéo theo tình trạng không có cái khác. Cái này hoại diệt tạo ra tình trạng hoại diệt cái khác”. Đối với con người trong kiếp luân hồi, thì do vô minh nên có cái hành. Do có cái hành nên có tâm thức. Do có tâm thức nên có danh sắc. Do có danh sắc, có sáu giác quan. Do sáu giác quan nên có tiếp xúc. Do có tiếp xúc nên có cảm giác. Do có cảm giác nên có tham ái. Do có tham ái nên có chấp thủ. Do có chấp thủ nên có hiện hữu. Do có hiện hữu nên có tái sanh. Do có sanh ra nên có già chết. Do có già chết nên có sầu, bi, khổ, ưu và não, không thể kể xiết; từ đó hình thành cả khối đau khổ



trong thân năm uẩn (thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư và các nhận thức). O

Này các đệ tử, vô minh là gì? Là loại nhận thức không biết tiền tế, chẳng rõ hậu tế, không biết cả hai tiền tế hậu tế; chẳng biết trong, ngoài, cả trong lẫn ngoài; chẳng biết nghiệp duyên, chẳng biết quả báo; chẳng biết Phật, Pháp, chẳng tin Tăng đoàn; chẳng biết khổ đau, chẳng biết nhân khổ, chẳng biết niết-bàn, chẳng biết con đường chấm dứt khổ đau; chẳng biết các nhân, chẳng biết sự vật sanh khởi từ nhân; chẳng biết thiện, ác, có tội, không tội, nguyên nhân của chúng; hoặc kém, hoặc hơn; nhiễm ô, hoặc tịnh; chẳng biết phân biệt về pháp duyên khởi; chẳng biết tất cả; không giác tri được sáu giác quan trọng; không thích quán chiếu; sống trong si ám, đánh mất trí tuệ, mù mịt tối tăm nên gọi vô minh. O



Do có vô minh nên có cái hành. Vậy, hành là gì? Gồm có ba loại: Thân hành, khẩu hành và cả ý hành.

Do có cái hành nên mới có thức. Thức gồm sáu loại: Thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác, tri giác.

Do có cái thức nên có danh sắc. Danh gồm bốn uẩn thuộc về tinh thần bao gồm: cảm giác, tri giác, tâm tư và các nhận thức. Sắc gồm bốn đại (đất, nước, gió, lửa) hoặc các sự vật được hình thành nên từ bốn đại này. Sắc hợp với danh tạo ra mạng sống của một con người nên gọi danh sắc.

Do có danh sắc nên có sáu nhập. Bao gồm: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Do có sáu nhập nên có tiếp xúc. Xúc có sáu loại: Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, vị xúc, thân xúc, ý xúc. O

Do có tiếp xúc nên có cảm giác. Cảm



giác có ba: Cảm giác khổ đau, cảm giác hạnh phúc, cảm giác trung tính.

Do có cảm giác nên có tham ái. Tham ái có ba: Khao khát tính dục, khao khát hiện hữu, khao khát vô hữu.

Do có tham ái nên có chấp thủ. Chấp có bốn loại: Chấp thủ tính dục, chấp thủ tà kiến, chấp thủ giới cấm, chấp thủ cái tôi.

Do có chấp thủ nên có hiện hữu. Hiện hữu có ba: dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.

Do có hiện hữu nên có tái sanh. Trong mỗi chủng loại của các động vật, tùy theo từng thân, hòa hợp, xuất sanh, thành tựu năm uẩn, thành tựu cảnh giới, thành tựu nơi chốn, thành tựu giác quan, tạo ra sự sống của các chủng loại, nên gọi là sanh.

Do có sanh ra nên có già chết. Già được biểu hiện qua các tướng trạng: Tóc bạc, da nhăn, giác quan suy kém, tay chân yếu ớt, lưng khòm, đầu cúi, hơi



thở ngắn lại, mệt nhọc, yếu đau, rên rỉ, than thở, đi nhờ nạng gậy, thân thể đen sạm, cơ thể thô hơn, kém nhớ lú lẫn, làm việc khó khăn, mọi thứ kém cỏi. Còn khi tuổi thọ đến hồi chấm dứt, hoặc do bệnh nặng, hoặc bị tai nạn... hơi ấm lìa thân, mạng sống kết thúc, thân hoại, đổi đời, bỏ thân năm uẩn, tiếp tục tái sinh ở một kiếp khác thì gọi là chết. Khi già có mặt thì chết liền theo, nên gọi già chết. Đó là duyên khởi cuộc sống con người và các động vật.

Nghe Phật giảng giải mười hai nhân duyên, mọi người có mặt vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thực tập, truyền bá kinh này. O

CHẶT ĐỨT MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, tại chùa Kỳ Viên thuộc thành Xá-vệ do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng, Phật gọi Tăng chúng và dạy như sau:



Này các đệ tử, đối với các pháp bị tâm chấp thủ, mà thuận nếm vị, khao khát, tham luyến, tâm sẽ hệ lụy, đuổi theo danh sắc. Do có danh sắc, có sáu giác quan. Do sáu giác quan nên có tiếp xúc. Do có tiếp xúc nên có cảm giác. Do có cảm giác nên có tham ái. Do có tham ái nên có chấp thủ. Do có chấp thủ nên có hiện hữu. Do có hiện hữu nên có tái sanh. Do có sanh ra nên có già chết. Do có già chết nên có sầu, bi, khổ, ưu và não, không thể kể xiết; từ đó hình thành cả khối đau khổ trong thân năm uẩn (thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư và các nhận thức). Tình trạng vừa nêu cũng như cây lớn, nhánh to, lá nhiều, có hoa và quả, rễ bám thật sâu dưới lòng đất cứng; nếu được bón phân, tưới tắm, chăm sóc thì cây tươi xanh, không thể khô héo hay chết, mục, hư. O

Này các đệ tử, đối với các pháp bị tâm chấp thủ mà biết tu tập các phương pháp



quán, như quán vô thường, quán trụ sanh diệt, quán không tham dục, quán tính tịch diệt, quán sự nhàm tởm, tâm không tham luyến, không bị hệ lụy, thức không rong ruổi theo danh sắc này. Kết quả tốt là sanh sắc được diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên tiếp xúc diệt. Do tiếp xúc diệt nên cảm giác diệt. Do cảm giác diệt nên tham ái diệt. Do tham ái diệt nên chấp thủ diệt. Do chấp thủ diệt nên hiện hữu diệt. Do hiện hữu diệt nên tái sanh diệt. Do tái sanh diệt nên già bệnh diệt. Do già bệnh diệt nên không còn nữa sầu, bi, khổ, ưu và khô khổ đau. Tình trạng diệt này giống như trồng cây, nếu không bón phân, tưới nước chăm sóc, nóng lạnh bất thường, cây sẽ khô héo, không thể lớn xanh. Nếu ta đốn gốc, chặt sạch cành nhánh, cắt ra từng đoạn, để cho nắng tấp, hay dùng lửa đốt cháy rụi thành tro, cho gió thổi

đi, hoặc quăng xuống nước. Nay các đệ tử, các con nghĩ sao, phá cây như thế, cây còn có thể sống lại được không? Dĩ nhiên là không. Thực tập pháp quán như ta vừa dạy sẽ có khả năng giúp cho các con chặt cây sanh tử, không còn luân hồi, nhờ đó đạt được an vui, giải thoát.

Nghe Phật dạy xong, tất cả mọi người vô cùng hoan hỷ, phát tâm thực tập, truyền bá kinh này. ○

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) ○





29. KINH CHÁNH TRI KIẾN

Tôi nghe như vậy. Một thời Thế Tôn đang lưu trú tại Tinh xá Kỳ-hoàn trong thành Xá-vệ do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng. Trong một dịp nọ, ngài Xá-lợi-phất gọi các đồng tu⁽¹⁾ để ngài chia sẻ về chánh tri kiến. O

– Thừa các hiền giả, chúng ta thường nghe Thế Tôn nói về “người có chánh kiến.” Bằng cách thức nào, vị thánh đệ tử, người có chánh kiến, thấy biết chánh trực, tin pháp tuyệt đối,⁽²⁾ đạt được nhận thức chánh tri kiến⁽³⁾ ấy?

1. Bản văn ghi là các “Tỳ-kheo.” Chúng tôi dùng từ “đồng tu” để ám chỉ trong chúng hội ấy có thể còn có nhiều vị chưa thọ giới Tỳ-kheo và dĩ nhiên có luôn cả những người tại gia.

2. Tức “có niềm tin bất động vào lời Phật dạy.”

3. Bản nguyên tác dùng đại từ “diệu pháp” để khẳng định “chánh tri kiến” là pháp môn mẫu nhiệm, vì có khả năng chuyển hoá khổ đau, đưa đến hạnh phúc.



– Kính bạch tôn giả, chúng tôi đến đây từ nơi xa xôi, chỉ vì để học lời dạy của ngài về chánh tri kiến. Thật là diễm phúc, nếu ngài giảng giải, tất cả mọi người sẽ thực hành theo. O

TUỆ TRI BẢN CHẤT THIỆN VÀ BẤT THIỆN

– Thừa các hiền giả, cho đến khi nào vị thánh đệ tử tuệ tri thiện ác và gốc rễ chúng thì hành giả ấy mới được gọi là vị thánh đệ tử có chánh tri kiến.

– Thừa các hiền giả, bất thiện bao gồm: giết hại sinh mạng, lấy của không cho, tà hạnh ngoại tình, nói sai sự thật, nói lời chia rẽ, nói lời ác độc, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, thấy biết sai lầm. Gốc của bất thiện là tham, sân, si.

– Thừa các hiền giả, việc thiện bao gồm từ bỏ sát sinh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ ngoại tình, từ bỏ nói láo, từ bỏ hai lưỡi, từ bỏ lời ác, từ bỏ tán gẫu, từ bỏ



tham dục, từ bỏ sân hận, hành theo chánh kiến. Gốc rễ của thiện chính là không tham, không sân, không si.

– Nhờ chánh kiến này, hành giả có thể dứt trừ tận gốc khuynh hướng⁽⁴⁾ tham dục,⁽⁵⁾ khuynh hướng sân hận,⁽⁶⁾ khuynh hướng quan điếm - thái độ “tôi là,”⁽⁷⁾ nhờ gốc vô minh, hiển hiện tuệ giác, hết mọi khổ đau ngay trong hiện tại.

Khi vừa nghe xong, mọi người hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Xá-lợi-phất. Có vị Tỳ-kheo cung kính thưa hỏi câu hỏi như sau: O

TUỆ TRI TRONG ĂN UỐNG

– Kính bạch tôn giả, có pháp môn nào, ngoài pháp vừa nêu, có khả năng lớn,

4. Thường được dịch là “tùy miên,” tức khuynh hướng tâm lý vi tế, tiềm ẩn (miên) trong vô thức, nhưng lại có sức theo đuổi (tùy) con người trong chuỗi dài luân hồi và có thể chi phối các thói quen xấu của con người, như một năng lực mãnh liệt khó cưỡng lại được.

5. Tức “tham tùy miên” (*the underlying tendency to lust*).

6. Tức “sân tùy miên” (*the underlying tendency to aversion*).

7. Tức “kiến tùy miên và mạn tùy miên” (*the underlying tendency to the view and conceit ‘I am’*).



giúp cho hành giả đạt được chánh kiến?

– Thừa các hiền giả, vị thánh đệ tử nhờ biết tuệ tri: “Bản chất thức ăn, nguồn gốc thức ăn, chấm dứt thức ăn và cách chấm dứt”, nên thiết lập được cái nhìn chánh kiến.

– Thừa các hiền giả, có bốn thức ăn giúp cho con người và các động vật sẽ được tái sinh với đời sống mới; khi đã sinh rồi sẽ được nuôi lớn. Bốn thức ăn là: thức ăn vật lý,⁽⁸⁾ loại mềm và cứng,⁽⁹⁾ thức ăn xúc chạm của các giác quan,⁽¹⁰⁾ thức ăn tác ý,⁽¹¹⁾ thức ăn của thức.⁽¹²⁾ Từ nguồn gốc ái, thức ăn có mặt. Khi ái chấm dứt, thức ăn chấm dứt. Thánh đạo tám ngành là con đường chánh giúp cho hành giả chấm dứt thức ăn. O

8. Tức “đoàn thực.”

9. Tức “loại thô và tế.”

10. Tức “xúc thực.”

11. Tức “tư niệm thực.”

12. Tức “thức thực.”



TUỆ TRI ĐƯỢC BỐN CHÂN LÝ

– Thừa các hiền giả, vị thánh đệ tử nhờ biết tuệ tri: “Bản chất của khổ, nguyên nhân của khổ, sự chấm dứt khổ, và pháp diệt khổ” nên thiết lập được cái nhìn chánh kiến.

– Khổ có tám loại: sinh ra là khổ, già suy là khổ, bệnh tật là khổ, chết chóc là khổ, “buồn rầu, thiếu não, đau đớn, lo lắng, vô vọng là khổ,”⁽¹³⁾ mong cầu mà không thành tựu là khổ, chấp thủ năm nhóm nhân tính là khổ.⁽¹⁴⁾

– Nguyên nhân của khổ chính là tham ái - đưa đến tái sinh - được sự hỗ trợ của dục và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ nọ, bao gồm ba loại: tham ái khoái lạc,⁽¹⁵⁾

13. Thường được dịch gọn là “sầu, bi, khổ, ưu, não.” Trong phần lớn các bài kinh khác, nhóm năm yếu tố khổ về tâm lý này được thay thế bằng “oán tắng hội” tức “không thích nhau mà phải gặp nhau.”

14. Tức “năm thủ uẩn.”

15. Tức “dục ái.”



tham ái hiện hữu,⁽¹⁶⁾ ái phi hiện hữu.⁽¹⁷⁾

– Sự chấm dứt khổ chính là lìa tham, không còn tàn dư, là nhỏ sạch gốc, là sự từ bỏ, là sự giải thoát, không còn khát ái.

– Con đường diệt khổ là tám chánh đạo: nhận thức chân chánh, tư duy chân chánh, lời nói chân chánh, hành vi chân chánh, nghề nghiệp chân chánh, siêng năng chân chánh, ghi nhớ chân chánh và định chân chánh. O

TUỆ TRI ĐƯỢC BỐN SỰ THẬT VỀ GIÀ VÀ CHẾT

– Thừa các hiền giả, vị thánh đệ tử nhờ biết tuệ tri: “Già suy và chết, nguyên nhân già chết, sự dứt già chết, pháp diệt già chết” nên thiết lập được cái nhìn chánh kiến.

Già suy xuất hiện với các chúng sinh,

16. Tức “hữu ái.”

17. Tức “phi hữu ái.”



bất luận giới tính, qua nhiều hình thái, như sự lớn tuổi, lụm cụm rụng răng, tóc bạc da nhăn, tuổi thọ ngắn dần, thể lực suy yếu, giác quan kém cỏi.

Cái chết xuất hiện với các chúng sinh, bất luận giới tính, qua nhiều tên gọi, như lìa cõi đời, mạng sống chấm dứt, âm dương cách biệt, bỏ mạng, mệnh chung, hoại diệt, tiêu mất, năm uẩn tan rã, vất bỏ hình hài.

Cái gì có sinh sẽ có già chết. Khi sinh chấm dứt, già chết kết thúc. Thánh đạo tám ngành có được khả năng chấm dứt già chết. O

TUỆ TRI BÓN SỰ THẬT VỀ SINH

Thừa các hiền giả, vị thánh đệ tử nhờ biết tuệ tri: “Bản chất của sanh, nguồn gốc của sanh, sự chấm dứt sanh và pháp dứt sanh” nên thiết lập được cái nhìn chánh kiến.



Cái sanh xuất hiện với các chúng sinh, bất luận giới tính, qua nhiều hình thái, như sự thụ thai, sự tạo tác ra, sinh sản, xuất hiện, ra đời, hiện diện, hình thành năm uẩn, hội tụ xúc tác.⁽¹⁸⁾

Cái gì hiện hữu, cái đó có sinh. Chấm dứt hiện hữu, sự sinh kết thúc. Thánh đạo tám ngành là con đường chánh đưa đến dứt sinh. O

TUỆ TRI BÓN SỰ THẬT VỀ HIỆN HỮU

Thưa các hiền giả, vị thánh đệ tử nhờ biết tuệ tri: “Bản chất hiện hữu, nguồn gốc hiện hữu, sự dứt hiện hữu, cách dứt hiện hữu” nên thiết lập được cái nhìn chánh kiến.

Có ba hiện hữu: hiện hữu dục giới, hiện hữu sắc giới, hữu vô sắc giới. Chỗ nào có thủ sẽ có hiện hữu. Chỗ nào hết

18. Thường dịch là “tụ đắc các xứ,” tức sự có được các cứ liệu tiếp xúc trong tiến trình tái sinh.



chấp, hiện hữu chấm dứt. Thánh đạo tám ngành là con đường chánh, chấm dứt hiện hữu. ○

TUỆ TRI BỐN SỰ THẬT VỀ CHẤP THỦ

Thưa các hiền giả, vị thánh đệ tử nhờ biết tuệ tri: “Bản chất chấp thủ, nguồn gốc chấp thủ, sự dứt chấp thủ và cách dứt chấp” nên thiết lập được cái nhìn chánh kiến.

Có bốn chấp thủ: chấp thủ khoái lạc, chấp thủ quan điểm, chấp thủ giới cấm, chấp thủ ngã luận.⁽¹⁹⁾

Chỗ có tham ái sẽ có chấp thủ. Chấm dứt tham ái, chấp thủ kết thúc. Thánh đạo tám ngành là con đường chánh, chấm dứt chấp thủ. ○

TUỆ TRI BỐN SỰ THẬT VỀ THAM ÁI

Thưa các hiền giả, vị thánh đệ tử nhờ biết tuệ tri: “Bản chất tham ái, nguồn gốc

19. Thường dịch là “dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ.”



tham ái, sự dứt tham ái, pháp dứt tham ái” nên thiết lập được cái nhìn chánh kiến.

Có sáu tham ái: tham ái hình sắc, tham ái âm thanh, tham ái mùi hương, tham ái gia vị, tham ái tiếp xúc, tham ái ý niệm.⁽²⁰⁾ Khi có cảm xúc sẽ có tham ái. Chấm dứt cảm xúc, tham ái kết thúc. Thánh đạo tám ngành là con đường chánh, chấm dứt tham ái. O

TUỆ TRI BÓN SỰ THẬT VỀ CẢM XÚC

Thưa các hiền giả, vị thánh đệ tử nhờ biết tuệ tri: “Bản chất cảm xúc, nguồn gốc cảm xúc, sự hết cảm xúc, pháp dứt cảm xúc” nên thiết lập được cái nhìn chánh kiến.

Có sáu cảm xúc: cảm xúc của mắt, cảm xúc của tai, cảm xúc của mũi, cảm xúc của lưỡi, cảm xúc của thân, cảm xúc của ý. Khi có tiếp xúc, cảm xúc xuất hiện. Khi hết tiếp xúc, cảm xúc kết

20. Thường dịch là “sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.”



thúc. Thánh đạo tám ngành là con đường chánh, chấm dứt cảm xúc. O

TUỆ TRI BỐN SỰ THẬT VỀ TIẾP XÚC

Thưa các hiền giả, vị thánh đệ tử nhờ biết tuệ tri: “Bản chất tiếp xúc, nguồn gốc tiếp xúc, sự hết tiếp xúc, pháp diệt tiếp xúc” nên thiết lập được cái nhìn chánh kiến.

Có sáu tiếp xúc: tiếp xúc của mắt, tiếp xúc của tai, tiếp xúc của mũi, tiếp xúc của lưỡi, tiếp xúc của thân, tiếp xúc của ý.⁽²¹⁾ Khi có giác quan, tiếp xúc có mặt. Khi mất giác quan, tiếp xúc kết thúc. Thánh đạo tám ngành là con đường chánh, chấm dứt tiếp xúc. O

TUỆ TRI BỐN SỰ THẬT VỀ GIÁC QUAN

Thưa các hiền giả, vị thánh đệ tử nhờ biết tuệ tri: “Bản chất giác quan, nguồn

21. Thường dịch là “nhân xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc.”



gốc giác quan, sự dứt giác quan, pháp diệt giác quan” nên thiết lập được cái nhìn chánh kiến.

Có sáu giác quan: giác quan của mắt, giác quan của tai, giác quan của mũi, giác quan của lưỡi, giác quan của thân, giác quan của ý.⁽²²⁾ Khi có danh sắc, giác quan có mặt. Khi hết danh sắc, giác quan chấm dứt. Thánh đạo tám ngành là con đường chánh, chấm dứt giác quan. O

TUỆ TRI BỐN SỰ THẬT VỀ DANH SẮC

Thưa các hiền giả, vị thánh đệ tử nhờ biết tuệ tri: “Bản chất danh sắc, nguồn gốc danh sắc, sự dứt danh sắc, pháp diệt danh sắc” nên thiết lập được cái nhìn chánh kiến.

Có năm loại danh: cảm xúc, tưởng tượng, tư duy, tiếp xúc, tác ý khởi tâm.⁽²³⁾

22. Thường dịch là “nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập.”

23. Thường dịch là “thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý.”



Sắc có hai loại: đất nước gió lửa và các hình thái có từ bốn đại.

Có thức tái sinh, danh sắc có mặt. Dứt thức tái sanh, danh sắc chấm dứt. Thánh đạo tám ngành là con đường chánh, chấm dứt danh sắc. O

TUỆ TRI BỐN SỰ THẬT VỀ THỨC

Thừa các hiền giả, vị thánh đệ tử nhờ biết tuệ tri: “Bản chất nhận thức, nguồn gốc nhận thức, sự chấm dứt thức, pháp chấm dứt thức” nên thiết lập được cái nhìn chánh kiến.

Có sáu nhận thức: nhận thức của mắt, nhận thức của tai, nhận thức của mũi, nhận thức của lưỡi, nhận thức của thân, nhận thức của ý.

Chỗ nào có hành, chỗ đó có thức. Khi dứt được hành, nhận thức kết thúc. Thánh đạo tám ngành là con đường chánh, chấm dứt nhận thức. O



TUỆ TRI BỐN SỰ THẬT VỀ HÀNH

Thưa các hiền giả, vị thánh đệ tử nhờ biết tuệ tri: “Bản chất vận hành, nguồn gốc vận hành, sự chấm dứt hành, pháp chấm dứt hành” nên thiết lập được cái nhìn chánh kiến.

Có ba loại hành: sự vận hành thân, sự vận hành lời, sự vận hành tâm. Khi có vô minh, vận hành có mặt. Khi dứt vô minh, vận hành kết thúc. Thánh đạo tám ngành là con đường chánh, chấm dứt vận hành. O

TUỆ TRI BỐN SỰ THẬT VỀ VÔ MINH

Thưa các hiền giả, vị thánh đệ tử nhờ biết tuệ tri: “Bản chất vô minh, nguồn gốc vô minh, sự dứt vô minh, pháp dứt vô minh” nên thiết lập được cái nhìn chánh kiến.

Vô minh chính là không tuệ tri khổ, không rõ nhân khổ, không rõ dứt khổ, không biết đường dứt. Khi có lậu hoặc,



vô minh có mặt. Khi dứt lậu hoặc, vô minh kết thúc. Thánh đạo tám ngành là con đường chánh, chấm dứt vô minh. O

TUỆ TRI BỐN SỰ THẬT VỀ LẬU HOẶC

Thưa các hiền giả, vị thánh đệ tử nhờ biết tuệ tri: “Bản chất lậu hoặc, nguồn gốc lậu hoặc, sự dứt lậu hoặc, pháp dứt lậu hoặc” nên thiết lập được cái nhìn chánh kiến.

Có ba lậu hoặc: lậu hoặc khoái lạc, lậu hoặc hiện hữu, lậu hoặc vô minh. Khi có vô minh, lậu hoặc có mặt. Khi dứt vô minh, lậu hoặc kết thúc. Thánh đạo tám ngành là con đường chánh, chấm dứt lậu hoặc. O

Thưa các hiền giả, nói tóm lại là, nhờ có chánh kiến: “Về thiện, bất thiện, cũng như chánh kiến về bốn chân lý, và biết tuệ tri bốn chân lý thánh vào việc ăn uống,

cũng như ứng dụng trong từng chi phần của mười hai duyên”, hành giả có thể dứt trừ tận gốc khuynh hướng tham dục, khuynh hướng sân hận, khuynh hướng quan điem - thái độ “tôi là,” nhờ gốc vô minh, hiển hiện tuệ giác, hết mọi khổ đau ngay trong hiện tại. Đây chính là cách vị thánh đệ tử, người có chánh kiến, thấy biết chánh trực, tin pháp tuyệt đối, đạt được nhận thức chánh kiến nhiệm mầu.

Nghe Xá-lợi-phất giảng giải rõ nghĩa, về chánh tri kiến, các vị Tỳ-kheo và người có mặt thấy đều hoan hỷ, phát nguyện thọ trì, truyền bá Kinh này. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O



30. KINH BA DẤU ẨN THỰC TẠI

Tôi nghe như vậy. Một thời đức Phật ở chùa Kỳ Viên thuộc thành Xá-vệ. Trước mặt Tăng đoàn, Phật dạy như sau: “Này các đệ tử, có ba dấu ẩn về các thực tại, là ba cánh cửa đi vào giải thoát, cũng là chân lý được các đức Phật truyền bá, giảng dạy, là con mắt tuệ của các đức Phật, là chỗ đi về của các đức Phật.” Nay ta giảng dạy, hãy nên lắng nghe, ghi nhớ hành trì. O

DẤU ẨN TÁNH KHÔNG

Này các đệ tử, bản chất sự vật vốn là “không tính.” Tính “không” của vật không kẹt có, không, không tự sinh ra, không mất vĩnh viễn, không vương vọng tưởng, thoát khỏi tri kiến. Bản thể tánh



“không” không có hình tướng, không kẹt không gian, không thể khái niệm, chưa từng sinh khởi, vượt khỏi tri kiến và sự nắm bắt. Vì không nắm bắt, tánh “không” bao hàm tất cả sự vật, tồn tại trong tánh vốn không phân biệt. Đây là nhãn quan vô cùng xác thực về các loại vật thể. Đó là dấu ấn của mọi sự vật.

Này các đệ tử, người biết tu tập nên tìm yên tĩnh, như ở rừng sâu, ngồi dưới gốc cây, thực tập quán chiếu về mọi sự vật. Thấy rõ sắc chất bao gồm thân thể và mọi sự vật là không thực thể, vốn là vô thường, nhờ đó thoát khỏi tâm lý bám víu vào các hình thể, an trú trong cái thấy biết bình đẳng, không còn phân biệt đối sắc chất, hình thể. O

Này các đệ tử, tương tự đối với cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức, người biết tu tập nên thấy rõ rằng chúng không thực thể, vốn là vô thường, nhờ đó thoát



khỏi tâm lý bám víu vào những thứ này, an trú trong cái thấy biết bình đẳng, không còn phân biệt, vướng kẹt vào chúng.

Này các đệ tử, năm nhóm tổ hợp cấu tạo nên thân vốn không thực thể, do duyên giả hợp, tương tác lẫn nhau giữa thân và tâm. Khi tâm không còn hiện hữu trong thân thì các tổ hợp cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức không còn tác dụng. Nhận thức như thế là chánh tri kiến, hướng đến giải thoát. Nhờ tuệ nhãn này, hành giả thoát khỏi mọi sự vướng mắc liên hệ tri kiến.

Phương pháp quán này là không thực thể, là dấu ấn một, là cửa giải thoát. O

DẤU ẤN VÔ TƯỚNG

Này các đệ tử, thực tập chánh niệm, an trú trong định, quán sát sự vật, hành giả thấy rằng hình thể vô ngã, tướng trạng tan biến. Nhờ thực tập này, hành giả thoát



được các loại ảo giác về các hình thể. Tương tự, quán chiếu về bản chất của âm thanh, hương, vị, tiếp xúc và pháp cũng đều vô ngã, tướng trạng tan biến. Nhờ thực tập này, hành giả thoát được ảo giác về chúng.

Nhờ quán vô tướng, hành giả đạt được trí tuệ thanh tịnh, diệt sạch phiền não, hết tham, sân, si, không còn chấp thủ, đạt được cái thấy bình đẳng tuyệt đối. Đồng thời hành giả không còn vướng kẹt vào cái tự ngã, về ta, của ta; chấm dứt tất cả thấy biết sai lầm.

Phương pháp quán này gọi là “vô tướng,” là dấu ấn hai, là cửa giải thoát. O

DẤU ẤN VÔ TÁC

Này các đệ tử, một khi đạt được nhận thức vô ngã, hành giả không còn cho rằng sự vật thấy, nghe, cảm, biết... là có thực thể ngoài nhận thức nữa. Nhận thức



của người là do nhân duyên, tương tác phát sinh. Bản thân nhận thức và duyên phát khởi các loại nhận thức đều là vô thường, nên ta không thể nắm bắt được chúng. Trên cơ sở này, nhóm tổ hợp thức có cần gì được tác tạo nữa đâu!

Với nhận thức này, hành giả thấy rõ thực tướng sự vật một cách rất ráo, không còn bị kẹt vào các sự vật, vì đã thể nghiệm được bản chất thật của mọi sự vật.

Phương pháp quán này gọi là “vô tác,” là dấu ấn ba, là cửa giải thoát.

Này các đệ tử, bất kỳ người nào thực tập nhận thức về ba dấu ấn của mọi sự vật như vừa nêu trên, sẽ có khả năng đi vào cánh cửa giác ngộ, giải thoát. Đang khi thực tập nhìn các sự vật bằng ba nhận thức “tánh không, vô tướng, cũng như vô tác,” ta đã đạt được tri kiến thanh tịnh.

Nghe Phật giảng dạy, tất cả mọi người
vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thực tập,
truyền bá Kinh này. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O





31. KINH THỰC TẬP VÔ NGÃ

Tôi nghe như vậy. Có một thuở nọ, ở tại vườn Nai, thuộc Ba-la-nại, đức Phật đã dạy cho năm Tỳ-kheo cốt lõi thực tập vô ngã như sau. O

THÂN THỂ KHÔNG PHẢI LÀ TÔI

1) Nay các đệ tử, hãy nhận thức rằng *thân thể* này đây vốn là vô ngã. Nếu thân là ngã thì trên đời này không có tình trạng thân bị bệnh tật và ta có được một thân thể khỏe như sự mong đợi: “Thân thể của tôi phải như thế này, hoặc thân thể này phải như thế kia...”. Nhưng trên thực tế, chẳng được như thế. Nay các đệ tử, vì thân vô ngã nên thân có bệnh, biến hoại, già nua, dẫn đến chết chóc; những điều mong ước về thân thể này không thể thành tựu. O



CẢM GIÁC KHÔNG PHẢI LÀ TÔI

2) Nay các đệ tử, hãy nhận thức rằng *cảm giác* con người vốn là vô ngã. Nếu các cảm giác đều là tự ngã thì trên đời này không có tình trạng cảm giác bị khổ và ta có được dòng cảm giác tốt như sự mong đợi: “Cảm giác của tôi phải như thế này, hoặc cảm giác này phải như thế kia...” Nhưng trên thực tế, chẳng được như thế. Nay các đệ tử, vì cảm giác này vốn là vô ngã nên dòng cảm giác bị khổ chi phối; những điều mong ước về dòng cảm giác không thể thành tựu. O

TRI GIÁC KHÔNG PHẢI LÀ TÔI

3) Nay các đệ tử, hãy nhận thức rằng *tri giác* con người vốn là vô ngã. Nếu các tri giác đều là tự ngã thì trên đời này không có tình trạng tri giác bị khổ và ta có được một tri giác tốt như sự mong đợi: “Tri giác của tôi phải như thế này, hoặc tri giác này phải như thế kia...”



Nhưng trên thực tế, chẳng được như thế. Nay các đệ tử, vì tri giác này vốn là vô ngã nên những tri giác bị khổ chi phối; những điều mong ước về những tri giác không thể thành tựu. O

TÂM TƯ KHÔNG PHẢI LÀ TÔI

4) Nay các đệ tử, hãy nhận thức rằng *tâm tư* con người vốn là vô ngã. Nếu các tâm tư đều là tự ngã thì trên đời này không có tình trạng tâm tư bị khổ và ta có được một tâm tư tốt như sự mong đợi: “Tâm tư của tôi phải như thế này, hoặc tâm tư này phải như thế kia...” Nhưng trên thực tế, chẳng được như thế. Nay các đệ tử, vì tâm tư này vốn là vô ngã nên những tâm tư bị khổ chi phối; những điều mong ước về những tâm tư không thể thành tựu. O

NHẬN THỨC KHÔNG PHẢI LÀ TÔI

5) Nay các đệ tử, hãy *nhận thức* rằng



nhận thức của ta vốn là vô ngã. Nếu các nhận thức đều là tự ngã thì trên đời này không có tình trạng nhận thức bị khổ và ta có được một nhận thức tốt như sự mong đợi: “Nhận thức của tôi phải như thế này, hoặc nhận thức này phải như thế kia...” Nhưng trên thực tế, chẳng được như thế. Nay các đệ tử, vì nhận thức này vốn là vô ngã nên những nhận thức bị khổ chi phối; những điều mong ước về những nhận thức khó được thành tựu. O

VÔ NGÃ TRONG VÔ THƯỜNG VÀ KHỔ

6) Nay các đệ tử, hãy cho biết rằng thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư và các nhận thức vốn là thường còn hay là vô thường?

– Bạch đức Thế Tôn, năm tổ hợp này đều là vô thường.

– Nay các đệ tử, hãy cho biết rằng cái gì vô thường là khổ hay vui?



– Bạch đức Thế Tôn, những gì vô thường dĩ nhiên là khổ.

– Nay các đệ tử, thân thể vô thường mang đến khổ đau, chịu sự biến hoại như một quy luật. Để vượt qua khổ do thân vô thường, hãy thực tập rằng: “Tất cả thứ này không phải là tôi, không phải của tôi, cũng không phải là tự ngã của tôi.” O

7) Nay các đệ tử, tương tự như thế, cảm giác vô thường, tri giác vô thường, tâm tư vô thường, nhận thức vô thường mang đến khổ đau, chịu sự biến hoại như một quy luật. Để vượt qua khổ do sự vô thường của tất cả thứ cảm giác, tri giác, tâm tư, và các nhận thức, hãy thực tập rằng: “Tất cả thứ này không phải là tôi, không phải của tôi, cũng không phải là tự ngã của tôi.” O

VÔ NGÃ VỚI THỜI GIAN

8) Nay các đệ tử, bất luận thân thể



thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai, thuộc trong hay ngoài, lớn hay vi tế, đẹp hay là xấu, xa hay là gần... hãy nên quán sát bằng chánh trí tuệ như chúng vốn là: “Tất cả thứ này không phải là tôi, không phải của tôi, cũng không phải là tự ngã của tôi.” O

9) Nay các đệ tử, tương tự như thế, bất luận *cảm giác, tri giác, tâm tư* và các *nhận thức* thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai, thuộc trong hay ngoài, lớn hay vi tế, đẹp hay là xấu, xa hay là gần... hãy nên quán sát bằng chánh trí tuệ như chúng vốn là: “Tất cả thứ này không phải là tôi, không phải của tôi, cũng không phải là tự ngã của tôi.” O

LÌA CHẤP: GIẢI THOÁT

10) Nay các đệ tử, nhờ nhận thức này, vị đệ tử thánh không vương thân thể, không vương cảm giác, không vương tri giác, không vương tâm tư, không vương



nhận thức. Do không vướng mắc, vị ấy đạt được trạng thái lìa tham, tâm được giải thoát. Khi được giải thoát, nhận thức rõ ràng: “Ta đã giải thoát.” Vị ấy biết rõ: “Tái sinh đã hết, hạnh thánh đã thành, việc nên đã làm, không còn trở lại cuộc đời này nữa.”

Nghe đức Phật dạy, năm thầy Tỳ-kheo vô cùng hoan hỷ, phát tâm thực tập chuyên hoá khổ đau. Ngay sau bài kinh, tâm của năm vị đều được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O





32. KINH NHẬN DIỆN VÔ NGÃ

DỤC LÀ ĐẦU MỐI DÍNH MẮC

Tôi nghe như vậy. Vào ngày bố-tát trong đêm trăng tròn, ở tại Đông Viên, giảng đường Lộc Mẫu, thuộc thành Xá-vệ, đang khi Thế Tôn đang ngồi giữa trời, với nhiều đệ tử cung kính bên người, có một Tỳ-kheo đứng dậy, bày y bên phải, chấp tay bạch Phật: O

– Nếu được cho phép, con xin hỏi Người vấn đề đặc biệt.

– Hãy đặt câu hỏi, từ chỗ ông ngồi, như ý ông muốn.

Nghe lời Phật dạy, Tỳ-kheo ngồi xuống, cung kính hỏi rằng:

– Kính bạch Thế Tôn, thế nào gọi là năm nhóm dính mắc?



– Nay các đệ tử, năm nhóm dính mắc bao gồm như sau: tổ hợp thân thể, tổ hợp cảm giác, tổ hợp tri giác, tổ hợp tâm tư, tổ hợp nhận thức.

– Kính bạch Thế Tôn, năm nhóm dính mắc lấy gì làm gốc?

– Nay các đệ tử, năm nhóm dính mắc lấy dục làm gốc.

– Kính bạch Thế Tôn, có phải chấp thủ là năm dính mắc, hay có tình huống, ngoài năm dính mắc, có chấp thủ khác?

– Nay các đệ tử, không phải chấp thủ là năm dính mắc; không có tình huống ngoài năm dính mắc có chấp thủ khác. Khi nào có dục hay có lòng tham với năm dính mắc, đó là chấp thủ.

– Kính bạch Thế Tôn, có khác biệt chằng giữa cái gọi là lòng dục, lòng tham với năm dính mắc?

– Nay các đệ tử, hẳn có thể có. Đã từng



có người suy nghĩ như sau: “Mong sao thân tôi được như thế này ở trong tương lai!” Có người mong rằng cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức thế này, thế kia ở trong tương lai. Đây thật chính là sự sai khác chính giữa dục và tham với năm dính mắc. O

NHÂN DUYÊN CỦA NĂM UẨN

– Kính xin Thế Tôn giải thích rõ hơn về nghĩa tổ hợp trong năm dính mắc.

– Đây các đệ tử, bất cứ sắc chất, quá khứ, vị lai hay là hiện tại, bên trong hay ngoài, dù thô hay tế, dù đẹp hay xấu, dù xa hay gần, được gọi chung là tổ hợp sắc thân. Tất cả cảm giác, thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai, dù trong hay ngoài, dù thô hay tế, dù đẹp hay xấu, dù xa hay gần, được gọi chung là tổ hợp cảm giác. Tương tự đối với các tổ hợp khác. Uẩn là thế đó.



– Do nhân duyên gì, bạch đức Thế Tôn, các tổ hợp này được định danh là tổ hợp sắc thân, tổ hợp cảm giác, tổ hợp tri giác, tổ hợp tâm tư, tổ hợp nhận thức?

– Bốn đại là nhân và là duyên của tổ hợp sắc thân. Xúc là nhân duyên của ba tổ hợp cảm giác, tri giác và nhóm tâm tư. Danh sắc là nhân và là duyên của tổ hợp nhận thức. O

VƯỢT QUA CHÁP THÂN

– Kính bạch Thế Tôn, thân kiến là gì?

– Với hàng phàm phu kém học Phật pháp, không rõ bậc Thánh, không thuần thực được, cũng không tu tập giáo pháp bậc Thánh và bậc chân nhân, sẽ có khuynh hướng đánh đồng sắc thân với cái tự ngã, hay xem tự ngã như có sắc chất, hay xem sắc chất ở trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong sắc. Tương tự đối với cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận



thức đều bị đánh đồng chính là tự ngã. Thân kiến là thế.

– Kính bạch Thế Tôn, còn tình huống nào là không thân kiến?

– Nay các đệ tử, khi không đánh đồng năm nhóm dính mắc với cái tự ngã, khi không đánh đồng cái gọi tự ngã với năm dính mắc, là không thân kiến. O

VỊ NGỌT, VỊ KHỔ VÀ VỊ XUẤT LY

– Bạch đức Thế Tôn, cái gì gọi là vị ngọt của sắc, cái gì gọi là nguy hiểm của sắc, cái gì gọi là xuất ly của sắc? và bốn nhóm kia?

– Nay các đệ tử, các hỷ lạc nào làm duyên tạo sắc thì được gọi là vị ngọt của sắc. Cái gì tạo ra vô thường, khổ đau, biến hoại trong sắc thì được gọi là nguy hiểm của sắc. Làm chủ, chuyển hóa được các dục tham đối với sắc thân thì được gọi là xuất ly của sắc. Tương tự đối với



bốn nhóm còn lại.

– Bạch đức Thế Tôn, do thấy biết gì, không còn thái độ mạn tùy miên rằng: “Ta là người làm, sở thuộc của ta chính là người làm”, có ý thức rõ đối với tự thân và tướng ở ngoài?

– Nay các đệ tử, tất cả sắc chất, cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức, quá khứ, vị lai hay là hiện tại, dù trong hay ngoài, dù thô hay tế, dù đẹp hay xấu, dù xa hay gần, phải thấy như thật với trí tuệ rằng: “Tất cả cái này không phải của tôi, không phải là tôi, lại càng không phải tự ngã của tôi”. Nhờ thấy như thế nên mạn tùy miên không thể có mặt. O

KHÔNG KHỔ ĐAU TRONG VÔ THƯỜNG

Một thầy Tỳ-kheo suy nghĩ như sau: “Nếu năm tổ hợp sắc thân, cảm giác, tri giác, tâm tư và nhóm nhận thức đều là vô



ngã thì những hành động sao có kết quả?”
Biết được như thế, Thế Tôn dạy rằng:

– Này các đệ tử, chỉ có người ngu, tham dục chi phối, mới hỏi như thế. Thầy đã dạy cách xác định nhân duyên của mọi sự vật. Hãy cho ta biết sắc thân, cảm giác, tri giác, tâm tư và các nhận thức thường hay vô thường?

– Thưa ngài vô thường.

– Những gì vô thường là khổ hay vui?

– Thưa ngài là khổ.

– Những gì vô thường, khổ đau, biến hoại, có được xem rằng: “Cái này của tôi, cái này là tôi, cái này chính là tự ngã của tôi?”

– Bạch đức Thế Tôn, không thể như vậy.

– Hãy quán chiếu rằng tất cả sắc chất, cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức: “Không phải của tôi, không phải là tôi,

không tự ngã tôi”. Nhờ quán như thế, hành giả nhàm chán với năm dính mắc, kéo theo ly tham, nên được giải thoát. Vị ấy biết rõ ta đã giải thoát: “Tái sanh đã tận, hạnh thánh đã thành, việc nên đã làm. Không còn trở lại đời sống này nữa”.

Nghe đức Phật dạy, tất cả mọi người vô cùng hoan hỷ, tiếp nhận hành trì. Ngay pháp thoại này, sáu mươi Tỷ-kheo đã giải thoát khỏi tất cả lậu hoặc, không có dính mắc. ○

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) ○





33. KINH CHUYỀN HÓA CÁI TÔI

CAO NGẠO DO HIỂU SAI

Tôi nghe như vậy. Khi đức Thế Tôn ở rừng Đại Lâm, giảng đường Trùng Các, thuộc Vesali. Có Ni-kiền-tử tên Saccaka, tánh ưa luận chiến, lý lẽ sắc bén, được người tôn kính. Ông thường tuyên bố: “Ta chưa từng thấy bất kỳ Sa-môn hay Bà-la-môn là vị Hội chủ hay vị Giáo trưởng, hay A-la-hán, khi đối thoại ta, không ai không run, toát mồ hôi hột. Khi ta đối thoại với một cột cây, cột cây còn sợ huống là con người”. O

Vào một buổi sáng, tôn giả Mã Thắng, đắp y, cầm bát vào Vesali, thứ tự khát thực. Nhìn thấy tôn giả từ xa đi lại, ông Saccaka liền bước đến gần, chào đón



xã giao, đứng qua một bên, thưa Mã Thắng rằng:

– Thế nào là cách ngài Gotama huấn luyện đệ tử? Đâu là giáo huấn ngài Gotama giảng dạy đệ tử?

– Này Saccaka, đây là giáo huấn và phương pháp chính được đức Thế Tôn dạy cho đệ tử: “Này các hành giả, hình thái vô thường, cảm xúc vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường. Năm yếu tố đó không có thực thể nên lại vô ngã”. O

– Thật sự chúng tôi vô cùng thất vọng khi nghe biết được Đức Gotama chủ trương như thế. Có thể chúng tôi sẽ có dịp gặp ngài Gotama tại nơi nào đó để thảo luận kỹ, trừ tà kiến này.

Bấy giờ năm trăm người Licchavi đang có mặt tại giảng đường Trùng Các vì các công vụ. Ông Saccaka nói các vị ấy:



– Hôm nay sẽ có cuộc đàm luận giữa ngài Gotama và bản thân ta. Nếu Gotama đứng đối thoại ta như thầy Mã Thắng, một vị đệ tử nổi tiếng của ông đã làm với ta, thì có khác gì ta như lục sĩ tay nắm lông cừu, kéo tới kéo lui, vằn quanh bốn hướng; như người nấu rượu, sau khi nhận chìm thùng rượu xuống nước, nắm một góc thùng, kéo tới dần lui; như người nghiện rượu nắm góc cái sàng, lắc qua lắc lại; như con voi lớn ở tuổi sáu mươi, lặn xuống hồ sâu, chơi trò phun nước. Với Gotama, ta cũng như vậy. Nay các tôn giả người Licchavi hãy đến chứng kiến cuộc đàm luận này. O

Các Licchavi đã có quan điểm hoàn toàn trái ngược. Có người cho rằng ông Saccaka có thể thắng được ngài Gotama. Nhưng lại có người đã tin ngược lại.

Khi rất nhiều người có mặt đông đủ, ông Saccaka nói các Tỳ-kheo:



– Ngài Gotama đang ở đâu vậy? Tôi muốn yết kiến ngài Gotama.

– Giờ này Thế Tôn đang ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây trong rừng Đại Lâm. O

TỰ NGÃ KHÔNG LÀ GỐC SỰ SỐNG

Ông Saccaka cùng với mọi người đến chỗ Thế Tôn. Có người chúc tụng, hỏi thăm xã giao, ngồi xuống một bên. Có người đánh lễ. Có người chấp tay. Có người xưng tên. Có người im lặng, không nói một lời. Ông Saccaka nói với Thế Tôn: “Tôi muốn thưa hỏi Ngài vài câu hỏi, nếu tôi được phép”.

– Này Saccaka, hãy tự do hỏi như điều ông muốn.

Ông Saccaka đã hỏi câu hỏi mà ông đã hỏi tôn giả Mã Thắng. Thế Tôn trả lời như lời trả lời của đệ tử ngài.

– Kính thưa tôn giả, tôi có ví dụ. Như các hạt giống, cây cỏ lớn lên, các loại



công nghiệp dù nhẹ hay nặng, đều nương vào đất. Tự ngã con người chính là hình thái (sắc), nương tựa hình thái, chính là cảm xúc, nương tựa cảm xúc, chính là dòng tưởng, nương tựa dòng tưởng, chính là tâm hành, nương tựa tâm hành, chính là nhận thức, nương tựa nhận thức, tạo ra tất cả việc làm thiện ác.

– Nay Saccaka, có phải ông nói: “Sắc là tự ngã, thọ là tự ngã, tưởng là tự ngã, hành là tự ngã, thức là tự ngã?”

– Kính thưa tôn giả, quả thực như vậy. Chúng là tự ngã. Mọi người ở đây đều nghĩ như vậy. O

– Nay Saccaka, mọi người tại đây có quan hệ gì đối với ông không? Ông nghĩ thế nào, nếu một vị vua đã làm quán đảnh, chẳng hạn như vua Pasenadi nước Kosala, vua A-xà-thế của Ma-kiệt-đà, có quyền lực lớn trong quốc gia mình, muốn giết những ai đáng bị giết chết,



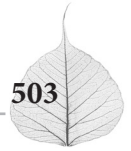
muốn tước đoạt thứ đáng bị tước đoạt, muốn tẩn xuất người đáng bị tẩn xuất? Việc muốn là làm có được hay không?

– Kính thưa tôn giả, với các giáo đoàn hay các đoàn thể như các Vajji, hay các Malla, còn có quyền hành trong quốc gia mình, muốn giết là giết, muốn tước là được, muốn tẩn là làm. Huống hồ trường hợp của các vị vua của những nước lớn đã làm quán đảnh, có nhiều quyền lực và sống tương xứng với những quyền ấy.

– Ông nghĩ thế nào, khi ông nói rằng: “Sắc là tự ngã?” Ông có quyền gì đối với sắc ấy? Ông có ra lệnh: “Sắc thái của tôi phải như thế này, không được thế khác?”

Được hỏi như vậy, ông Saccaka hoàn toàn im lặng. Đã hai lần hỏi, ông vẫn im lặng không thể trả lời. Thế Tôn bèn nói:

– Ông nên trả lời. Nay không phải lúc ông im lặng nữa. O



VÔ NGÃ NÊN KHÔNG KHỔ ĐAU

Bấy giờ Dạ-xoa tên Kim Cang Thủ cầm chùy sắt lớn, phun lửa đỏ hừng, đứng trên không gian, gần Saccaka, phát ra ý định: “Nếu Thế Tôn hỏi đến lần thứ ba, câu hỏi hợp lý mà Saccaka vẫn không trả lời, thì ta sẽ đánh bẻ đầu bảy mảnh”. Chỉ có Thế Tôn và Saccaka thấy biết việc đó. Ông Saccaka hoảng hốt, sợ hãi, lông tóc dựng ngược, tìm sự che chở, nương tựa an ổn nơi đức Thế Tôn, liền thưa thỉnh Phật, hỏi lại câu hỏi. Đức Phật liền hỏi:

– Ông nghĩ thế nào, khi ông nói rằng: “Sắc là tự ngã?” Ông có quyền gì đối với sắc ấy? Ông có ra lệnh: “Sắc thái của tôi phải như thế này, không được thế khác?” Hãy suy nghiệm kỹ. Sau đó trả lời. Lời nói của ông bây giờ trái ngược với lời nói đầu. Đầu đuôi lộn xộn, không có thống nhất. Khi ông nói rằng: “Thọ là tự ngã”



ông có quyền gì đối với thọ đó?” Ông có được quyền ra lệnh thế này: “Cảm xúc của tôi phải như thế này, không được thế khác? Dòng tưởng của tôi phải như thế này, không được thế khác. Tâm hành của tôi phải như thế này, không được thế khác. Nhận thức của tôi phải như thế này, không được thế khác?” O

– Kính thưa tôn giả, không thế như vậy.

– Hãy suy nghiệm kỹ, rồi hãy trả lời. Những thứ sắc thái, cảm xúc, dòng tưởng, tâm hành, nhận thức, là thường còn mãi hay phải vô thường?

– Kính thưa tôn giả, chúng đều vô thường.

– Cái gì vô thường, cái ấy là khổ hay là hạnh phúc?

– Kính thưa tôn giả, vô thường là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ đau, biến hoại cần được quán chiếu hợp với chân lý như phán đoán này: “Cái này thực sự không



phải của tôi, không phải là tôi, lại càng không phải tự ngã của tôi.”

– Ông nghĩ thế nào? Ai ái luyện khổ, chấp trước vào khổ, tham đắm khổ đau, quán khổ và nói: “Cái này của tôi, cái này là tôi, cái này chính là tự ngã của tôi.” Quan niệm như vậy, người ấy không thể thấu rõ khổ đau của chính bản thân, do vậy không thể diệt trừ tận gốc được khổ đau đó. Như có một người muốn được lõi cây, đi tìm lõi cây, cầm cái búa bèn, vào tận rừng sâu. Nhìn thấy cây chuối to lớn thẳng đứng, không có khúc đốt, liền chặt cây chuối, cả gốc lẫn ngọn. Sau đó lột sạch từng vỏ cuộn tròn, không tìm thấy được đâu là lõi cây. Tương tự cũng vậy, khi được Ta hỏi về lời của ông, ông đã tỏ ra trống rỗng, thất bại. Những lời tuyên bố vừa rồi của ông ở Vesali rằng ai cũng run, hoảng hốt khiếp sợ, ngay cả cột cây, khi phải đối thoại với người



như ông. Nhưng tại nơi đây, từ trán của ông, như một người thương, những giọt mồ hôi đang đầm đìa chảy, thấm qua áo quần, rơi xuống mặt đất. Còn với Như Lai không hề như vậy. O

KHÔNG PHẢI CỦA TÔI, LÀ TÔI, TỰ NGÃ CỦA TÔI

Bấy giờ Thế Tôn để lộ kim thân cho mọi người thấy. Ông Saccaka trở nên lặng người, hổ thẹn, thụt vai, bàng hoàng cúi đầu, im lặng như câm. Trong hội có người tên Dummukha, thuộc Licchavi, liền bạch Thế Tôn:

– Như một hồ sen cách làng không xa, có một con cua. Rất nhiều nam nữ tìm đến hồ ấy lặn bắt được cua rồi để trên đất, lần lượt đập nát các càng cua con. Cua đã gãy càng không thể lội được. Con thấy tương tự, các thuyết quanh co, kế gian, tranh luận của Saccaka đã bị Thế Tôn bẻ gãy, đập tan.



Khi nghe nói vậy, ông Saccaka liền lên tiếng rằng: O

– Ông hãy ngừng nói, này Dummukha! Tôi đang đàm luận với Gotama, chứ không phải ông. Ngài Gotama, hãy tạm để yên những lời thảo luận của ngài và tôi và các Sa-môn và Bà-la-môn khác. Cuộc đàm luận này thật là vô bổ, thật đáng hối tiếc! Cho đến mức nào, một đệ tử Thánh chấp nhận giảng huấn, hành trì giáo pháp, nghi ngờ dứt sạch, do dự không còn, thành tựu vô úy, không cần nương tựa vào bất kỳ ai ở trong giáo hội?

– Này Saccaka, vị đệ tử Thánh đối với sắc pháp, cảm xúc, dòng tưởng, tâm hành, nhận thức, quá khứ, hiện tại hay là tương lai, dù nội hay ngoại, dù thô hay tế, dù đẹp hay xấu, dù xa hay gần, thấy được như thật bằng chánh trí tuệ: “Cái này thật sự không phải của tôi, không phải là tôi, lại càng không phải tự ngã



của tôi.” Cho đến khi ấy, vị đệ tử Thánh mới thật sự là chấp nhận giảng huấn, hành trì giáo pháp, nghi ngờ dứt sạch, do dự không còn, thành tựu vô úy, không cần nương tựa vào bất kỳ ai ở trong giáo hội.

– Vậy kính thưa ngài, cho đến mức nào, một vị Tỳ-kheo là A-la-hán, các lậu đã hết, tu hành hoàn tất, việc làm đã làm, đặt gánh nặng xuống, đã đạt mục tiêu, kiết sử đã dứt, được chánh giải thoát? O

– Này Saccaka, vị Tỳ-kheo ấy đối với sắc pháp, cảm xúc, dòng tưởng, tâm hành, nhận thức, quá khứ, hiện tại hay là tương lai, dù nội hay ngoại, dù thô hay tế, dù đẹp hay xấu, dù xa hay gần, thấy được như thật bằng chánh trí tuệ: “Cái này thật sự không phải của tôi, không phải là tôi, lại càng không phải tự ngã của tôi” chứng được giải thoát, không còn chấp thủ. Cho đến lúc đó vị Tỳ-kheo ấy là A-la-hán, các lậu đã hết, tu hành



hoàn tất, việc làm đã làm, đặt gánh nặng xuống, đã đạt mục tiêu, kết sử đã dứt, được chánh giải thoát. O

QUY NGƯỠNG, CÚNG DƯỜNG

Với tâm giải thoát, vị Tỳ-kheo ấy thành tựu trọn vẹn ba điều vô thượng: Tuệ giác vô thượng, con đường vô thượng, giải thoát vô thượng. Được giải thoát đó, vị ấy chỉ lễ, cung kính, tôn trọng với đức Như Lai: “Thế Tôn giác ngộ. Những gì Phật dạy là để giác ngộ. Phật đã điều phục. Những gì Phật dạy là để điều phục. Phật đã tịch tĩnh. Những gì Phật dạy là để tịch tĩnh. Phật đã vượt qua. Những gì Phật dạy là để vượt qua. Phật chứng niết-bàn. Những gì Phật dạy là để chứng đạt niết-bàn cao thượng.

Được nghe nói vậy, ông Saccaka bạch với Thế Tôn: O

– Kính thưa tôn giả, con thật lỗ mãng,



con thật khinh suất. Con đã dám nghĩ dùng lời phàm tục để luận chiến với ngài Gotama! Có thể an toàn đối với người liều đấu với voi điên, chống đám lửa hùng, đấu rắn độc dữ, nhưng không an toàn cho một người phàm dám khởi tà tâm chống lại Thế Tôn! Xin ngài nhận lời, ngày mai thân lâm cùng các Tỳ-kheo dùng cơm của tôi!

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu. Ông Saccaka liền nói với các vị Licchavi: O

– Nay Licchavi. Ngài Gotama đã nhận lời mời với các Tỳ-kheo ăn cơm ngày mai. Hãy đem cho tôi những gì quý vị nghĩ là hợp thời.

Các Licchavi mới tờ mờ sáng đã đem đầy đủ cho Saccaka năm trăm phần cơm nấu trộn với sữa. Sau khi sửa soạn, ông đã đích thân thỉnh mời Thế Tôn. Thế Tôn đắp y cầm bát, đi đến khu rừng của



Saccaka, ngồi vào chỗ dọn với chúng Tỳ-kheo. Ông Saccaka tự tay hầu hạ, các món thịnh soạn, loại cứng và mềm. Trai tăng vừa xong, ông Saccaka lấy chiếc ghế thấp, ngồi xuống một bên, bạch với Phật rằng:

– Kính bạch tôn giả, việc cúng dường này, nếu có công đức, mong người cúng dường hưởng hạnh phúc.

– Nay Saccaka, sẽ có công đức cho người phát tâm cúng dường những người đáng được cúng dường, chẳng hạn như ông, dầu ông không phải là không có tham, không phải là người không hề có sân, không phải là người không còn si mê. Sẽ có công đức cho người như ông, phát tâm cúng dường cho người đáng được cúng dường như Ta, là bậc ly tham, ly sân, ly si. ○

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) ○



34. KINH NỀN TẢNG ĐỨC TIN

ĐỪNG ĐỂ BỊ CẢI ĐẠO

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, Phật và Tăng đoàn từng bước thành thoi, đến thị trấn tên Kê-sa-pu-ta của Ka-la-ma, nước Kô-sa-la. Hôm ấy, dân chúng cung kính, quây quanh hầu chuyện đức Phật. Có người thành kính vấn an sức khỏe. Có người cung kính đánh lễ năm vóc. Có người lễ phép khoanh tay thưa hỏi. Có người lặng lẽ chăm chú ngắm nhìn tôn nhan đức Phật. Vài người trong họ bắt đầu thưa chuyện: O

- Bạch đức Thế Tôn! Có các Sa-môn và Bà-la-môn đi đến nơi này truyền đạo của họ, vị nào cũng dụ tất cả chúng con cải đạo theo họ, đồng thời nhiều vị



buông lời chê bai, phê phán, khinh miệt các lời giảng dạy của các vị khác. Sự việc này làm chúng con phân vân: Vị nào tuyên bố sự thật chân chính? Đạo nào chân lý? Vị nào tuyên bố điều sai sự thật? Đạo nào không hợp chân lý cao quý? Chúng con nên theo đạo của người nào?

Đức Phật dạy rằng: “Này các thiện tín, các vị phân vân, nghi ngờ là phải và rất tất yếu. Trong trường hợp này, các vị không nên vội tin, bác bỏ quan điểm đạo nào, khi mà các vị chưa tìm hiểu kỹ đạo ấy thấu đáo”. O

MƯỜI NỀN TẢNG ĐỨC TIN LÝ TRÍ

Này các thiện tín, người Ka-la-ma, nhân đây Như Lai sẽ giảng giải về mười nền tảng của đức tin lý trí.

Một là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó là do *truyền thuyết*.



Hai là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó thuộc về *truyền thống*.

Ba là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó được nhiều người nhắc, hay *tuyên truyền* nhiều.

Bốn là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó được ghi lại trong *kinh điển*, sách vở.

Năm là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó là các *lý luận siêu hình* hấp dẫn.

Sáu là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó hợp với *lập trường* do mình chủ trương.

Bảy là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó được căn cứ trên *dữ liệu* đơn thuần.

Tám là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều ấy rất phù hợp với *định kiến* của mình.

Chín là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều ấy được nhiều sức mạnh *quyền uy* ủng hộ.



Mười là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều ấy được nhà truyền giáo, *đạo sư* tuyên bố. O

THƯỚC ĐO LÝ TRÍ

- Nay các thiện tín, khi nghe điều gì, hãy nên quán sát, suy tư, thể nghiệm, và chỉ khi nào, sau khi kiểm nghiệm, quý vị nhận thấy: “Những lời dạy này tốt lành, đạo đức, hướng thiện, chói sáng và được người trí đồng tình, tán thán. Nếu sống, làm theo các lời dạy này sẽ đưa ta đến hạnh phúc, an lạc ngay hiện tại này và về lâu dài” thì đến lúc ấy, hãy đặt niềm tin một cách chắc chắn và thực hành theo.

- Nay các thiện tín, một khi tâm tham, sân, si, chấp thủ... đã được vứt khỏi nội tâm con người, thì con người ấy sẽ được hạnh phúc hay gặp bất hạnh?

Dân Ka-la-ma đồng thanh trả lời:



- Bạch đức Thế Tôn, những người như thế sẽ sống hạnh phúc.

Đức Phật dạy tiếp:

- Nay các thiện tín, quả thật như thế. Khi các tâm lý tham, sân và si không còn chi phối, con người sẽ không khởi lên ý nghĩ, hành động sát hại, lấy của không cho, tình dục bất chính, nói sai sự thật, uống rượu, ma túy, đồng thời cũng không khích lệ người khác làm điều xấu ác. Như Lai tuyên bố sự từ bỏ ác giúp cho con người sống trong hạnh phúc, an lạc lâu dài. O

- Nay các thiện tín, bỏ tham, sân, si và pháp nhiệm ô là thiện hay ác, là phước hay tội, có được người trí tán thán hay không?

- Bạch đức Thế Tôn, theo chúng con hiểu, bỏ tham, sân, si và pháp nhiệm ô là khuynh hướng thiện, là việc làm phước, bậc trí sẽ khen; người nào làm được sẽ tăng hạnh phúc, an lạc lâu dài.



Đức Phật tán thán:

- Lành thay, lành thay, dân Ka-la-ma, ghi nhớ lời Ta, mười điều nêu trên là nền tảng của niềm tin lý trí: Chỉ đến khi nào, quý vị suy tư, chiêm nghiệm, nhận thức xác đáng điều gì thực sự chân chính, lợi ích cho mình và lợi người khác thì mới đem lòng tin tưởng, làm theo. Đó là tiêu chuẩn của đức tin chánh, nên học hỏi theo.

Khi nghe đức Phật giảng dạy, phân tích, về đức tin đúng, dân Ka-la-ma vô cùng tán phục, cung kính đảnh lễ, phát nguyện trở thành Phật tử tại gia, siêng năng phụng sự Phật, Pháp và Tăng, giữ năm đạo đức, sống đời hạnh phúc. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

(3 lần, xá 3 xá) OOO



35. KINH KIẾN THỨC VÀ TRÍ TUỆ

THỨC VÀ TRÍ TUỆ

Tôi nghe như vậy. Đang lúc Thế Tôn ở chùa Kỳ-viên thì vị tôn giả là Câu-hy-la sau khi thiền định vào buổi chiều xong, thăm Xá-lợi-phất với lời trân trọng, ngồi xuống thưa hỏi.

– Kính thưa tôn giả, gọi là liệt tuệ⁽¹⁾ là nghĩa thế nào?

– Kính thưa hiền hữu, què quặt trí tuệ, không có tuệ tri,⁽²⁾ gọi là liệt tuệ. Không tuệ tri được thế nào là khổ, nguồn gốc khổ đau, sự không còn khổ và đường diệt khổ nên được gọi là què quặt trí tuệ. Nhờ có tuệ tri nên có trí tuệ. Trí tuệ chính là khả

1. Suppanna.

2. Nappajanati.



năng nhận thức bản chất khổ đau, nguồn gốc khổ đau, sự chấm dứt khổ và đường diệt khổ. O

– Kính thưa tôn giả, cái gọi là thức là nghĩa thế nào ?

– Khả năng thức tri được gọi là thức. Đối tượng thức tri bao gồm khổ vui, không khổ không vui...

– Kính thưa tôn giả, trí tuệ và thức kết hợp được không? Nếu chúng không thể thì đâu là điểm sai khác giữa chúng, khi phân tích chúng?

– Kính thưa hiền giả, trí tuệ và thức có thể kết hợp. Sau khi phân tích, không thể phân ranh những sự khác biệt giữa hai nhận thức của trí và thức. Cái gì tuệ biết thì thức biết được. Điều gì thức biết thì tuệ biết được. Điểm khác biệt nhau giữa tuệ và thức chính là bản chất. Đối với trí



tuệ cần được tu tập⁽³⁾ đối với thức tri cần được liễu tri.⁽⁴⁾ O

CẢM THỌ VÀ TƯƠNG TRI

Nhiều câu hỏi khác đã được tôn giả Đại Câu-hy-la lần lượt đặt ra. Ngài Xá-lợi-phất tuần tự trả lời một cách thích đáng.

– Thưa ngài Câu-hy, vì cảm giác được nên gọi cảm thọ.⁽⁵⁾ Cảm thọ bao gồm: Hạnh phúc, khổ đau, không vui không khổ.

Vì ý niệm được⁽⁶⁾ nên gọi tương tri.⁽⁷⁾ Đối tượng của tương bao gồm nhiều, chẳng hạn màu sắc, xanh vàng đỏ trắng.

Cảm thọ và tương có thể kết hợp. Khó phân rạch rời ranh giới thọ, tương. Những gì thọ được thì tương tri được. Những gì tương được thì cảm thọ được.

3. Bhavetabba.

4. Parinneyyam.

5. Vedeti.

6. Sanjanati.

7. Sanna.



– Thừa ngài Câu-hy, khi nguồn ý thức trở nên thanh tịnh không liên hệ đến năm giác quan, có thể dẫn đến các quan niệm như: Hư không vô biên,⁽⁸⁾ thức là vô biên,⁽⁹⁾ không có vật gì.⁽¹⁰⁾ Chính nhờ tuệ nhãn, pháp được đưa đến có thể tuệ tri.

– Kính thưa tôn giả, trí tuệ là gì?

– Thừa ngài Câu-hy, trí tuệ chính là: Khả năng thắng tri,⁽¹¹⁾ khả năng liễu tri,⁽¹²⁾ đưa đến chấm dứt.⁽¹³⁾ O

ĐỂ CÓ CHÁNH KIẾN

– Kính thưa tôn giả, có yếu tố nào làm cho chánh kiến có thể có mặt?

– Có hai yếu tố giúp cho chánh kiến

8. Không vô biên xứ.

9. Thức vô biên xứ.

10. Vô sở hữu xứ.

11. Abhinnaṭṭha.

12. Parinnaṭṭha.

13. Pahanattha. Nghĩa đen là đoạn tận. Dĩ nhiên đối tượng của chấm dứt và phiền não và khổ đau.



phát sinh được là tiếng người, tác ý như lý. Nếu như chánh kiến có năm hỗ trợ như của đạo đức, học rộng, thảo luận, thiền chỉ,⁽¹⁴⁾ quán⁽¹⁵⁾ thì tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả, cũng như tâm giải thoát quả công đức và tuệ giải thoát quả công đức sẽ được thiết lập ngay. O

CẢNH GIỚI TÁI SINH

– Thưa ngài Câu-hy, có ba hiện hữu:⁽¹⁶⁾ Hiện hữu cõi dục, hiện hữu cõi sắc, hiện hữu vô sắc. Để sự tái sinh có trong tương lai thì các yếu tố vô minh ngăn che, tham ái trói buộc, nên các hữu tình thích thú chỗ này hay ở chỗ khác. Để dứt tái sinh, phải dứt vô minh, nuôi lớn trí tuệ, chuyển hóa tham ái.

– Thưa ngài Câu-hy, thế nào gọi là cảnh thiên thứ nhất? Khi có hành giả

14. Samatha.

15. Samadhi.

16. Bhava.



thoát khỏi dục nhiễm của các giác quan, không còn đắm chìm trong tư duy xấu, nên an trú được cảnh giới thiền một, trạng thái hỷ lạc do tâm ly dục, nhưng vẫn còn đó hoạt dụng tâm lý tìm kiếm đối tượng, bám víu đối tượng. Cảnh thiền thứ nhất có năm chi phần: Tìm kiếm đối tượng, bám víu đối tượng, hoan hỷ, an lạc, trạng thái nhất tâm. Đạt được thiền một, hành giả từ bỏ tham dục, sân hận, hôn trầm thùy miên, trạo hối và nghi.

– Thừa ngài Câu-hy, năm loại giác quan như: Mắt, tai, mũi, lưỡi và thân thể khác nhau cảnh giới, khác nhau hành giới, không có tình trạng lãnh thọ cảnh giới, hành giới giống nhau. Ý là chỗ nương⁽¹⁷⁾ là nơi lãnh thọ tất cả cảnh giới cũng như hành giới của các giác quan. Năm giác quan này do duyên tuổi thọ⁽¹⁸⁾

17. Sô y.

18. Ayu.



mà được tồn tại.⁽¹⁹⁾ Trong khi tuổi thọ, nhờ vào nhiệt lượng mà được an trú. Mặt khác nhiệt lượng nung vào tuổi thọ để được tồn tại. O

TUỔI THỌ, NHIỆT LƯỢNG VÀ THỨC

– Kính thưa tôn giả, phải hiểu thế nào về phán đoán rằng “tuổi thọ tồn tại nhờ vào nhiệt lượng, nhiệt lượng tồn tại nhờ vào tuổi thọ?”

– Thưa ngài Câu-hy, tôi sẽ trình bày bằng một ví dụ. Những người có trí nung vào ví dụ nên hiểu thấu đáo. Như cây đèn dầu phát ra ánh sáng là nhờ tim đèn. Cũng nhờ ánh sáng, tim đèn được thấy. Tuổi thọ và nhiệt tương quan qua lại cũng lại như vậy.

– Thưa ngài Câu-hy, những pháp thọ hành⁽²⁰⁾ không thể đồng nhất với cái gọi

19. An trú.

20. Ayusankhara.



là pháp được cảm thọ.⁽²¹⁾ Nếu chúng đồng nhất thì làm thế nào nêu rõ xuất khởi của vị hành giả đã đạt được thiên diệt thọ tướng định.

– Thưa ngài Câu-hy, đối với thân thể, khi nào tuổi thọ, nhiệt lượng và thức đã rời khỏi hẳn thì ngay lúc đó, sự sống không còn, như một khúc gỗ, bị vát vô tri. O

CHẾT VÀ DIỆT THỌ TƯỚNG

– Kính thưa tôn giả, có chăng khác biệt giữa người bị chết, thân thể mạng chung với vị hành giả đạt được trạng thái diệt thọ tướng định?

– Thưa ngài Câu-hy, đối với người chết, thân hành không còn, khẩu hành không còn, tâm hành không còn, tuổi thọ đã hết, nhiệt lượng đã hết, và các giác quan đã bị bại hoại. Trong khi hành giả diệt thọ tướng định thì có phần khác. Cho dù, thân hành,

21. Vedaniya.



khẩu hành, ý hành không còn hoạt động, nhưng cái thọ mạng vẫn đang còn đó, nhiệt lượng không mất, các căn sáng suốt. Đây chính là điểm khác biệt căn bản. O

BUÔNG XẢ, XUẤT LY

– Thưa ngài Câu-hy, có bốn yếu tố giúp cho hành giả chứng đạt được tâm giải thoát trọn vẹn, không còn khổ vui. Đó là bốn duyên: Buông xả hạnh phúc, buông xả khổ đau, buông xả niềm vui, buông xả sầu muộn đã có trước đây. Nhờ đó đạt được cảnh thiên thứ tư, trạng thái thanh tịnh, không còn buồn vui, vắng bật ý niệm.

– Thưa ngài Câu-hy, có hai yếu tố giúp cho hành giả chứng đạt được vô tướng tâm giải thoát, không còn tác ý tất cả tướng trạng, nhưng lại tác ý cảnh giới vô tướng.

– Thưa ngài Câu-hy, có ba yếu tố, giúp cho hành giả an trú được vô tướng tâm giải thoát. Đó là: Không nên tác ý tướng



trạng, tâm luôn hướng về cảnh giới vô tướng và sự chuẩn bị.

– Thưa ngài Câu-hy, có hai yếu tố giúp cho hành giả xuất khỏi cái vô tướng tâm giải thoát. Đó là: Tác ý về tất cả tướng, đồng thời không nên để tâm hướng về cảnh giới vô tướng.

– Kính thưa tôn giả, cái gọi là vô lượng tâm giải thoát, và vô sở hữu tâm giải thoát này, không tâm giải thoát, cũng như cái vô tướng tâm giải thoát, là giống hay khác? O

THỰC TẬP GIẢI THOÁT

– Thưa ngài Câu-hy, có một pháp môn, dựa vào pháp này, cái gọi là vô lượng tâm giải thoát, và vô sở hữu tâm giải thoát này, không tâm giải thoát, cũng như cái vô tướng tâm giải thoát có nghĩa sai biệt và danh sai biệt.

Khi vị hành giả thể hiện bốn đức: Từ, bi, hỷ, xả phủ trùm mười phương, khắp



cõi hư không, rộng lớn vô biên, không hạn, không sân, thì vị hành giả đó đạt được vô lượng tâm giải thoát.

Khi vị hành giả vượt khỏi cảnh giới thức vô biên xứ, hướng tâm nghĩ rằng “không có vật gì” nên sẽ chứng đạt vô sở hữu xứ. Trạng thái đó được gọi là vô sở hữu tâm giải thoát.

Khi vị hành giả đi đến khu rừng, tĩnh tọa dưới cây, hay chỗ nhà trống, suy nghĩ như sau: Đây thật trống không, không có tự ngã, không ngã sở hữu. Đó được gọi là không tâm giải thoát.

Khi vị hành giả không tác ý về tất cả tướng trạng, đạt và an trú vô tướng tâm định... Cái trạng thái đó được gọi là vô tướng tâm giải thoát.

Lại có trường hợp, nghĩa thì đồng nhất nhưng danh sai biệt. Tham, sân và si chính là nguyên nhân của sự hạn lượng.



Khi các tâm giải thoát là vô lượng, thì bất động tâm giải thoát mới được gọi là tối thượng, đối với các tâm giải thoát vừa nêu. Bất động tâm giải thoát ấy không có tham, sân và si.

Khi tâm giải thoát là vô sở hữu, thì bất động tâm giải thoát mới được gọi là tối thượng, đối với các tâm giải thoát vừa nêu. Bất động tâm giải thoát ấy không có tham, sân và si.

Tham, sân và si chính là các nhân tạo ra tướng trạng. Vị hành giả nào dứt trừ lậu hoặc thì tham, sân, si đã được chặt đứt, không thể tái sinh, như cây ta-la đã bị chặt đầu, không thể tái tạo mạng sống của nó. Tham, sân và si là vật chướng ngại.

Nghe ngài tôn giả Xá-lợi-phất giảng, ngài Câu-hy-la vô cùng hoan hỷ, tin nhận thọ trì. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O



36. KINH THUYẾT MINH VÀ XÁC MINH

XÁC MINH VỀ CHỦ TRƯỞNG

Tôi nghe như vậy. Khi đức Thế Tôn đang cư trú tại vùng Ujunna, gần vườn Lộc uyển,⁽¹⁾ vua Ba-tư-nặc vì một quốc sự, có mặt tại đây. Vua sai một người nhân danh nhà vua đánh lễ tôn kính, vấn an Thế Tôn ít bệnh, ít nã, nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống trong an lạc, và xin phép Phật cho phép vua được yết kiến Thế Tôn sau buổi ăn sáng. O

Khi nghe tin này, chị em Soma và Sakula đến ra mắt vua tại ngay phòng ăn, xin vua ban phước chuyển lời vấn

1. Ở Kannakatthala.



an⁽²⁾ đến với Như Lai.

Đúng giờ đã hẹn, vua Ba-tư-nặc viếng Phật, đánh lễ, ngồi xuống một bên, tự mình vấn an, chuyển lời vấn an của hai chị em. Thế Tôn liền hỏi: “Kính thưa Đại vương, hai chị em ấy sao không nhờ ai, mà phải nhờ ngài?” Nhà vua kể lại đầu đuôi câu chuyện. Thế Tôn chúc tụng, mong hai chị em sống trong hạnh phúc.

Vua Ba-tư-nặc bạch đức Thế Tôn:

– Con nghe đồn rằng: “Thế Tôn đã nói không có Sa-môn, Bà-la-môn nào là đáng toàn tri, toàn kiến viên mãn. Sự việc như thế không thể xảy ra.” Con không biết được lời đồn như thế có đúng hay không, hay là xuyên tạc, chỉ trích Thế Tôn? O

– Kính thưa Đại vương, ai nói như vậy là nói không đúng, xuyên tạc hư ngụy về lời Như Lai.

2. Tương tự như lời vấn an của vua Ba-tư-nặc.



Vua Ba-tu-nặc liền hỏi tướng quân Vidudabha:

– Hãy cho trẫm biết, ai đem chuyện đó vào trong nội cung?

– Kính tâu Đại vương, chính Bà-la-môn tên Sanjaya, dòng Akasa đã nói điều đó.

Vua Ba-tu-nặc ra lệnh người hầu mời Sanjaya đến gặp nhà vua. Vua bạch Thế Tôn:

– Bạch đức Thế Tôn, có thể Thế Tôn nói một vấn đề, người ta cố gán vào vấn đề khác. Bạch đức Thế Tôn, trong bối cảnh nào Thế Tôn tuyên bố điều cần tuyên bố?

– Kính thưa Đại vương, Như Lai đã nói: “Không có Sa-môn, Bà-la-môn nào trong cùng một lúc, thấy biết mọi thứ một cách hoàn toàn. Sự kiện như thế là không thể có”. O



THUYẾT MINH VỀ BÌNH ĐẲNG TÂM LINH

– Bạch đức Thế Tôn, ngài có tuyên dạy về thuyết nhân duyên,⁽³⁾ cũng như học thuyết liên hệ nhân duyên.⁽⁴⁾ Trong bốn giai cấp như Sát-đế-ly, hàng Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà có gì khác biệt?

– Kính thưa Đại vương, trong bốn giai cấp, hàng Sát-đế-ly và Bà-la-môn được xem tối thượng về phần xung hô. Họ hưởng quyền lợi một cách áp đặt từ hai giai cấp bị xem thấp hơn, như giúp đỡ việc, chấp tay, chào đón một cách trân trọng. Đó là nói về khác biệt hiện tại. Còn trong tương lai, ai giai cấp nào, nếu luôn thực tập năm loại tinh tấn thì đạt kết quả một cách như nhau. Một là tin vào giác ngộ của Phật: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Chánh Đẳng

3. Heturupam.

4. Saheturupam.



Giác, bậc Minh Hạnh Túc, bậc Khéo Vượt Qua, bậc Hiểu Rõ Đời, bậc Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, bậc Thầy Trời Người, bậc Đại Giác Ngộ. Hai là ít bệnh, không bị não phiền, tiêu hóa điều hòa, không lạnh, không nóng, luôn giữ trung dung, hợp với tinh tấn. Ba là trung thực, không hề gian trá, sống hạnh chân chất đối với Đạo sư, với người sáng suốt, với các đồng tu. Bốn là sốt sắng, năng động, tinh tấn, bỏ các điều xấu, hoàn tất hạnh lành, kiên định lập trường, không hề bỏ cuộc đối với điều thiện. Năm là có trí, hiểu rõ vận hành của pháp sinh diệt, có trí thể nhập của các bậc Thánh, đưa đến chấm dứt tất cả khổ đau”. Thừa Đại vương có, bốn giai cấp này: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, nếu thành tựu được năm tinh cần này, sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài ngay kiếp sống này. O



THUYẾT MINH VỀ NĂM TINH TẤN

– Bạch đức Thế Tôn, nếu bốn giai cấp thành tựu trọn vẹn năm tinh tấn thì có gì khác biệt?

– Kính thưa Đại vương, ở đây, ta nói những sự khác biệt trong hạnh tinh tấn. Cũng như trường hợp, giữa các voi dữ, ngựa chúng, bò chúng cần được điều phục, có hai con voi, hai ngựa, hai bò đã được điều phục, huấn luyện khéo léo, trong khi cũng có hai voi, hai ngựa, hai bò vẫn chưa được điều phục, huấn luyện. Những con vật nào đã khéo điều phục, huấn luyện kỹ lưỡng đã được khả năng, đạt được vị trí điều phục trọn vẹn. Còn những con khác chưa được như thế. Những gì đạt được do lòng tin đúng, do ít bệnh tật, do không gian trá, do sống tinh tấn, do sức trí tuệ, sẽ không thể được một cách tương tự do từ sự đối lập với năm đức trên.



– Bạch đức Thế Tôn, từ thuyết nhân duyên và thuyết liên hệ đến nhân duyên này, bốn giai cấp trên, khi thành tựu được năm hạnh tinh tấn thì có tình trạng khác biệt hay không?

– Kính thưa Đại vương, không có khác biệt về sự giải thoát đối với những ai đạt được giải thoát. Như bản chất lửa, dù nhiên liệu nào, từ cây sa-la, cây xoài, cây sung, dù do ai nhóm, khi đã phát hỏa thì lửa là lửa, màu sắc ánh sáng của lửa không khác. Tương tự như thế, với sức lửa nóng của sự tinh tấn khi được nhen lên sẽ không thể có sự khác biệt nào về sự giải thoát đối với giải thoát. O

THUYẾT MINH VỀ CHUYỂN HÓA TÂM NÃO HẠI

– Bạch đức Thế Tôn, có chư Thiên không? Nếu có thì họ tái sanh hay không lại cảnh giới này?



– Kính thưa Đại vương, hẳn có cõi thiên. Hàng chư thiên nào còn tâm não hại sẽ sanh lại đây; hết tâm não hại thì không tái sanh về cảnh giới này.

Nghe vậy, tướng quân Vidudabha bạch đức Thế Tôn:

– Bạch đức Thế Tôn, những loại chư Thiên có tâm não hại có thể đánh đuổi hay trục xuất được những loại chư Thiên không tâm não hại?

Tôn giả A-nan thâm suy nghĩ rằng: “Vị tướng quân trẻ Vidudabha là con cưng của vua Ba-tư-nặc nước Kosala, còn ta là con của đức Thế Tôn. Nay chính là lúc con của nhà vua cần đàm đạo với con của Thế Tôn. Vừa suy nghĩ xong, tôn giả A-nan nói với tướng quân:

– Tướng quân nghĩ sao, phạm vi xa rộng nước Kosala đến kinh thành của vua Ba-tư-nặc, nhà vua có thể đánh



đuổi, trực xuất một vị Sa-môn hay Bà-la-môn có công đức tu, sống đời phạm hạnh được hay không được? O

– Kính thưa Tôn giả, dĩ nhiên là được.

– Kính thưa Tướng quân, nếu vượt ra khỏi phạm vi trị vì nước Kosala của Ba-tư-nặc, thì lệnh đức vua có thể đánh đuổi hay là trực xuất một vị Sa-môn hay Bà-la-môn khỏi nơi ấy không?

– Kính thưa Tôn giả, ra khỏi phạm vi nước Kosala dĩ nhiên là không.

– Tướng quân và vua có nghe nói đến trời Ba mươi ba?

– Kính thưa tôn giả, chúng tôi có nghe.

– Kính thưa Tướng quân, vua Ba-tư-nặc có thể đánh đuổi hay là trực xuất các hạng cư dân trời Ba mươi ba ra khỏi cõi này?

– Kính thưa Tôn giả, vua Ba-tư-nặc



còn chưa thấy được trời Ba mươi ba làm sao có thể trọc xuất ra được. O

– Tương tự như thế, hàng chư thiên nào có tâm não hại không thể thấy được các hàng chư thiên hết tâm não hại, nên không có thể đánh đuổi, tản xuất các hàng chư thiên đã hết não tâm.

Vua Ba-tư-nặc bạch đức Thế Tôn:

– Kính bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo ấy tên gọi là gì ?

– Kính thưa Đại vương, là Ananda!

Vua Ba-tư-nặc vô cùng hoan hỷ, hỏi tiếp đức Phật về sự hiện hữu của trời Phạm thiên với các nội dung như vừa được hỏi. Lúc đó lính hầu tâu với nhà vua:

– Kính tâu Đại vương, vị Bà-la-môn tên Sanjaya, dòng Akasa xin được yết kiến.



– Thưa Bà-la-môn, ai đã phổ biến chuyện này trong cung?

– Kính tâu Đại vương, chính là tướng quân Vidudabha.

Vidudabha liền thưa nhà vua: O

– Kính tâu Đại vương, là Sanjaya, chứ không phải con.

Một người lính hầu tâu với nhà vua:

– Kính tâu Đại vương, xin hãy dừng xe, đã đến giờ rồi.

Vua Ba-tư-nặc bạch đức Thế Tôn:

– Bạch đức Thế Tôn, chúng con đã hỏi về nhất thiết trí, về sự khác biệt của bốn giai cấp, về các loại thiên, ngay cả Phạm thiên. Thế Tôn trả lời làm cho chúng con hoan hỷ, chấp nhận. Những gì được hỏi đều được trả lời. Do bận quốc sự, con phải đi gấp.

– Đại vương hãy làm những gì Đại



vương cho là hợp thời.

Vua Ba-tư-nặc hoan hỷ tiếp nhận lời đức Phật dạy, từ tôn đứng dậy, đánh lễ giã từ, nhiễu bên phải Phật, tạ từ ra về. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O





37. KINH BẢY ĐIỀU NÊN BIẾT

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, tại chùa Kỳ-viên do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng, đức Phật tập họp tất cả đệ tử và dạy như sau: O

Này các đệ tử, bất cứ người nào có bảy điều nên biết sẽ được hạnh phúc, thành tựu sự nghiệp, hoan hỷ, an lạc trong pháp Hiền thánh. Bảy điều nên biết bao gồm như sau: Biết rõ chánh pháp, biết rõ nghĩa lý, biết rõ thời khắc, biết sống tiết độ, biết rõ chính mình, biết rõ hội đoàn, biết sự hơn kém. Hãy lắng lòng nghe, nay ta giải thích nội dung vấn tất bảy điều nên biết có nhiều giá trị. O

Thế nào gọi là biết rõ chánh pháp?

Này các đệ tử, làm đệ tử Phật phải nắm



vững vàng mười hai thể loại kinh điển sau đây: Chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tăng hữu thuyết và quảng thuyết nghĩa. Tất cả các kinh đều lấy Tứ đế làm nơi nương tựa. Tứ đế bao gồm hai lớp nhân quả khổ và hạnh phúc. Đây là khổ đau, đây là nhân khổ, đây là niết-bàn và đường bát chánh, đưa đến hạnh phúc. O

Thế nào gọi là biết rõ nghĩa lý?

Này các đệ tử, làm đệ tử Phật phải nắm vững vàng tất cả giáo thuyết của ta giảng dạy, phân biệt rõ ràng giáo nghĩa triết học cũng như tôn giáo nhất thân, đa thân; thấu rõ điều này, nắm vững điều kia, hiểu việc thế gian và xuất thế gian; hiểu rõ điều này có nghĩa như vậy, hiểu rõ điều kia có nghĩa như thế... Hiểu tính quy luật của mọi sự vật, hiểu rõ nhân duyên cũng như quả báo. O



Thế nào gọi là biết rõ thời khắc?

Này các đệ tử, làm đệ tử Phật phải nắm vững vàng khi nào tu thấp, lúc nào tu cao, khi nào buông xả; hiểu rõ thời khắc chỉ có thuận nghịch, không có tốt xấu; thời khắc thích hợp thì nên gieo nhân, thời khắc chưa đến thì biết kiên nhẫn. O

Thế nào gọi là biết rõ tiết độ?

Này các đệ tử, làm đệ tử Phật phải nắm vững vàng chế độ ăn uống, tiết độ ăn uống; làm chủ bản thân trong các động tác đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí, trải nghiệm an vui. O

Thế nào gọi là biết rõ chính mình?

Này các đệ tử, làm đệ tử Phật biết rõ chính mình qua sáu điều sau: Niềm tin vững chắc, sống hợp giới đức, đa văn học rộng, biết tu buông xả, trau dồi trí tuệ, huấn luyện biện tài. O



Thế nào gọi là biết rõ hội đoàn?

Này các đệ tử, làm đệ tử Phật cần biết rõ ràng hội đoàn vua chúa, hội đoàn tôn giáo, hội đoàn Sa-môn, hội đoàn cư sĩ, hội đoàn xã hội, hội đoàn dân sự... Tùy từng hội đoàn, thích ứng văn hóa, ta đi như vậy, nên đứng như vậy, nên ngồi như vậy, nên nói như vậy, nên im như vậy. Nhờ thích ứng này, ta gặp thuận lợi, sống trong an vui. O

Thế nào gọi là biết rõ hơn kém?

Này các đệ tử, làm đệ tử Phật cần biết rõ ràng có nhiều hạng người đối cặp với nhau, tiêu biểu như sau: Người có niềm tin, người không niềm tin; người có chính tín, người sống mê tín; người thích Tăng Ni, người ghét Tăng Ni; người biết kính lễ, người không kính lễ; người biết học hỏi, người không học hỏi; người đọc kinh điển, người không đọc kinh; người



thích nghe pháp, người không nghe pháp; người tư duy pháp, người không tư duy; người thực hành pháp, người không thực hành; người nghe pháp biết quán sát nghĩa lý, người nghe pháp không biết quán sát nghĩa; người hiểu biết pháp, nghĩa pháp, hướng pháp, sống tùy thuận pháp, thực hành đúng pháp, còn người thì không; người làm lợi ích cho mình và người, người thì ích kỷ chẳng biết tha nhân; người xót thương đời, người gây khổ đời; người cầu nghĩa lợi, người bỏ nghĩa lợi; người thích an lạc, người hưởng hưởng thụ... O

Trong các hạng trên, người làm lợi mình, làm lợi cho người, xót thương thế gian, sống có tình nghĩa, an lạc hạnh phúc, bây giờ tại đây... là hạng bậc nhất, số một tôn quý, đáng được kính trọng trong thế giới người. Điều này cũng như sữa có từ bò, lạc có từ sữa, sinh tô từ lạc,



thục tô có được là từ sinh tô, tinh tô có được là từ thục tô. Tinh tô hơn hẳn các loại vừa nêu.

Phật vừa dứt lời, mọi người có mặt vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thọ trì, truyền bá Kinh này. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O





38. KINH AN DỤ VỀ BẢY HẠNG NGƯỜI DƯỚI NƯỚC

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, tại chùa Kỳ-viên thuộc thành Xá-vệ do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng, đức Phật tập họp tất cả đệ tử giảng dạy về bảy hạng người dưới nước: Một là hạng người nằm mãi dưới nước. Hai là hạng người ra khỏi nước rồi bị chìm lại. Ba là hạng người ra khỏi nước rồi, đứng yên một chỗ. Bốn là hạng người ra khỏi nước rồi, đứng nhìn xung quanh. Năm là hạng người ra khỏi nước rồi, đứng nhìn xung quanh, rồi mới lội qua. Sáu là hạng người ra khỏi con nước, đứng nhìn xung quanh; quyết tâm lội qua đến bờ bên kia. Bảy là hạng người ra khỏi nước rồi, đứng nhìn xung quanh, lội qua bên kia, mau lên



trên bờ. Hãy lắng lòng nghe, ta sẽ giảng dạy một cách vắn tắt bảy loại người trên.

Mọi người có mặt đồng thanh bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, Phật là Pháp chủ, Phật là gốc pháp. Lời Kinh Phật dạy giúp chúng con hiểu ý nghĩa rộng rãi”. O

Thế nào là người nằm mãi dưới nước?

Này các đệ tử, có một số người bị ác che lấp, tâm bị nhiễm ô, gánh chịu quả báo của nghiệp bất thiện, chìm lìm trong biển sinh tử luân hồi, chịu nhiều khổ đau, kiếp này kiếp sau. Như người té sông, chìm lìm dưới nước, nằm im bất động, dẫn đến tử vong. O

Thế nào là người vừa ra khỏi nước rồi bị chìm lại?

Này các đệ tử, có một số người đã làm trôi dậy niềm tin vào thiện, giữ gìn giới đức, bố thí cúng dường, học rộng hiểu nhiều, tăng trưởng trí tuệ, tu các thiện pháp,



sau một thời gian, do vì gián đoạn, hoặc do nghịch duyên, đánh mất tín tâm, không còn kiên trì đối với việc thiện đã làm trước đây. Như người bị chìm trong nước sông hồ, nỗ lực lên bờ rồi lại sợ té xuống sông lớn, tiếp tục bị chìm, thật là đáng tiếc. O

Thế nào là người ra khỏi sông nước rồi đứng một chỗ?

Này các đệ tử, có một số người sau khi trôi dạt niềm tin vào thiện, giữ gìn giới đức, bố thí cúng dường, học rộng hiểu nhiều, tăng trưởng trí tuệ, tu các thiện pháp, vẫn tiếp tục giữ các đức tính này không để vụt mất. Cũng như có người bị chìm trong nước liền nỗ lực lớn đứng dậy khỏi nước, để được an toàn. O

Thế nào là người ra khỏi sông nước, đứng nhìn xung quanh?

Này các đệ tử, có một số người sau khi trôi dạt niềm tin vào thiện, giữ gìn



giới đức, bồ thí cúng dường, học rộng hiểu nhiều, tăng trưởng trí tuệ, tu các thiện pháp, vẫn tiếp tục giữ các đức tính này không để vụt mất, an trụ thiện pháp. Nhờ tu học pháp, họ biết như thật: “Đây là khổ đau, đây là nhân khổ, đây là niết-bàn, đây là con đường giải phóng khổ đau.” Nhờ đó dứt sạch ba trói buộc thấp: Chấp thân, hoài nghi và chấp giới điều; chứng Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, hướng đến chánh giác, tái sanh tối đa bảy lần kiếp người, vĩnh viễn vẫy chào tất cả khổ đau. Cũng như có người ra khỏi sông nước, đứng nhìn xung quanh một cách an nhiên, không còn sợ hãi chết chìm trong nước, đã được an toàn. O

Thế nào là người ra khỏi sông nước, đứng nhìn xung quanh, rồi mới lội qua?

Này các đệ tử, có một số người sau khi trời dậy niềm tin vào thiện, giữ gìn giới đức, bồ thí cúng dường, học rộng



hiều nhiều, tăng trưởng trí tuệ, tu các thiện pháp, vẫn tiếp tục giữ các đức tính này không để vụt mất, an trụ thiện pháp. Nhờ tu học pháp, họ biết như thật: “Đây là khổ đau, đây là nhân khổ, đây là niết-bàn, đây là con đường giải phóng khổ đau.” Nhờ đó dứt sạch ba trói buộc thấp: Chấp thân, hoài nghi và chấp giới điều. Dâm dục, giận tức và sự si mê giảm thiểu dần dần. Chỉ còn một lần vãng lai nhân gian, từ đó chứng đắc niết-bàn sâu lắng. Cũng như có người ra khỏi sông nước, đứng nhìn xung quanh, rồi lội qua bờ, không còn sợ hãi tai nạn chết chìm, bình an vô sự. O

Thế nào là người ra khỏi sông nước, đứng nhìn xung quanh, lội qua bờ kia?

Này các đệ tử, có một số người sau khi trở dậy niềm tin vào thiện, giữ gìn giới đức, bố thí cúng dường, học rộng hiểu nhiều, tăng trưởng trí tuệ, tu các



thiện pháp, vẫn tiếp tục giữ các đức tính này không để vụt mất, an trụ thiện pháp. Nhờ có pháp nhãn, thấy biết như vậy, họ chấm dứt sạch năm trói buộc thấp, đó là: Tham dục, sân hận, chấp thân, hoài nghi, giới điều; sau đó sinh về cõi trời Tịnh Cư, rồi chứng Niết-bàn, được pháp bất thối, không còn tái sanh cõi đời này nữa. Cũng như có người ra khỏi sông nước, đứng nhìn xung quanh, lội qua bờ kia, hoàn toàn an toàn khỏi nạn sông nước, bình an tuyệt đối, hưởng được an vui. O

Thế nào là người ra khỏi sông nước, đứng nhìn xung quanh, lội qua bờ kia, đứng vững trên bờ?

Này các đệ tử, có một số người sau khi trở dậy niềm tin vào thiện, giữ gìn giới đức, bố thí cúng dường, học rộng hiểu nhiều, tăng trưởng trí tuệ, tu các thiện pháp, vẫn tiếp tục giữ các đức tính này không để vụt mất, an trụ thiện pháp.



Nhờ tu học pháp, họ biết như thật: “Đây là khổ đau, đây là nhân khổ, đây là niết-bàn, đây là con đường giải phóng khổ đau.” Nhờ có pháp nhãn, thấy biết như vậy, tâm được giải thoát khỏi ba dòng lậu: Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Khi được giải thoát họ cảm nhận rõ sự thật giải thoát: “Tái sinh đã tận, hạnh thánh đã thành, việc nên đã làm, không còn trở lại sinh tử này nữa”. Cũng như có người ra khỏi sông nước, đứng nhìn xung quanh, lội qua bờ kia, đứng vững trên bờ, không còn mảy may nỗi lo, sợ hãi, tâm được bình an, không còn lay động.

Phật vừa dứt lời, mọi người có mặt vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thọ trì, truyền bá Kinh này. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O



39. KINH THAM ÁI LÀ GỐC KHỔ ĐAU

ĐỪNG CHỐI BỎ SỰ THẬT

Tôi nghe như vậy. Khi đức Thế Tôn đang cư trú tại tinh xá Kỳ Hoàn, có một thanh niên con trai duy nhất của một gia chủ dễ thương qua đời. Người cha gia chủ không muốn làm việc, không thèm ăn uống, thường đến nghĩa địa, thăm viếng, than khóc: “Con đang ở đâu, con một của ba?” Vợ đi nổi buồn, người gia chủ này, đến viếng đức Phật, ngồi xuống một bên, nghe đức Phật dạy: O

- Có phải hiện tại các căn an trú trong tự tâm ông? Các căn của ông đã đổi khác nhiều?

- Kính bạch Thế Tôn, sao có chuyện đó! Khi con con chết, con không muốn



làm, không thèm ăn uống, luôn đến nghĩa địa tìm con than khóc.

- Đây là sự thật: Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh, có mặt từ ái.

- Bạch đức Thế Tôn, nhưng đối với ai, sự tình như thế? Thế Tôn hỷ lạc do ái sinh ra, hiện hữu từ ái! O

CHÂN LÝ LÀ CHÂN LÝ

Không vui lời Phật, gia chủ chống báng, đứng dậy, ra đi. Ông đến nhóm người đánh bài xí ngầu không xa Phật lắm, kể lại cho họ đầu đuôi câu chuyện. Ông suy nghĩ rằng, ông và nhóm này suy nghĩ giống nhau rằng ái là gốc của những niềm vui và nhiều hạnh phúc. Nghĩ xong bỏ đi. Cuộc đối thoại ấy được lan truyền đến nội cung của vua Pasenadi, nước Kosala. Vua gọi hoàng hậu Mallika đến:

- Ái hậu của ta, đây chính là lời sa-



môn Cồ-đàm nói với mọi người: “Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh, có mặt từ ái.”

– Kính tâu Đại vương, Phật nói như thế chính là sự thật.

– Điều gì Phật nói, nàng đều nói theo. Những điều đạo sư nói cho đệ tử, đệ tử hoan hỷ nói với đạo sư: “Đúng là như vậy, kính thưa đạo sư”. Nàng cũng như thế, những gì Phật nói, ái hậu hoan hỷ, nói theo in đúc. Ái hậu hãy đi, đến chỗ Thế Tôn.

Hoàng hậu cho gọi vị Bà-la-môn Na-li-jang-ha và nói như sau:

– Hãy đến Thế Tôn, nhân danh của ta, đánh lễ chân người, vấn an sức khỏe, Thế Tôn ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn, xin Phật xác chứng có phải Phật nói: “Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sanh, hiện hữu từ ái?” Hãy khéo nắm giữ, kể lại cho ta, vì các Như Lai không phản sự thật. O



Vị Bà-la-môn vâng lời hoàng hậu, đến thăm viếng Phật, nhờ Phật xác chứng.

- Nay Bà-la-môn, đây là pháp môn cần được hiểu đúng: “Sâu, bi, khổ, ưu, não do ái sinh, hiện hữu từ ái”. Tại Xá Vệ này, trong thuở xa xưa, có một người nữ khi mẹ qua đời, tâm tư hỗn loạn, trở nên điên cuồng, lang thang vô định đường này ngã khác, lẩm bẩm than khóc: “Có thấy mẹ tôi, mẹ tôi đâu rồi?” đi từ đường này qua đường khác, từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác và nói: “Người có thấy mẹ tôi đâu không? Người có thấy mẹ tôi đâu không?” Nhiều người cũng vậy, khi mất người thân, hoặc cha, hoặc mẹ, hoặc anh, hoặc chị, em trai, em gái, hoặc vợ, hoặc chồng, hoặc con, hoặc cháu v.v... gào thét thảm thương.

Cũng tại Xá Vệ, trong thời xa xưa, có một phụ nữ về thăm gia đình. Những người bà con đã gây áp lực, buộc bỏ



chồng bà, gả cho người khác. Bà ta không chịu, nói với chồng rằng: “Này hiền phu ơi, gia đình ép buộc, em xa lìa chàng, lấy một người khác. Em không muốn vậy”. Hoảng quá, chồng bà chặt bà làm hai, tự vẫn, nghĩ rằng: “Đây chính là cách chúng ta gặp nhau ở trong đời sau”. O

GIÚP VUA HIỂU CHÂN LÝ

Phật dẫn nhiều chuyện đã từng xảy ra trong đời quá khứ, khẳng định “sâu, bi, khổ, ưu và não” phát sinh từ ái; ái là đầu mối của những nỗi đau.

Na-li-jang-ha hoan hỷ ghi nhận những lời Phật dạy, lễ Phật ra về, bầm báo hoàng hậu những gì được nghe. Hoàng hậu gặp vua, trình thưa như sau:

- Kính tâu Đại vương, Đại vương có thương công chúa của thiếp là Va-ji-ri?
- Ái hậu của ta, dĩ nhiên là có.
- Kính tâu Đại vương, nếu có biến dịch



xảy đến con thiếp, Đại vương có sầu, bi, khổ, ưu, não?

– Hỡi này ái hậu, làm sao không được.

– Kính tâu Đại vương, chính sự tình này, đức Phật Thế Tôn đã khẳng định rằng: “Sầu, bi, khổ, ưu, não sinh từ ái; ái là đầu mối của các khổ đau. Thiếp hỏi Đại vương, Đại vương có thương nữ Sát-đế-lợi tên Va-sa-bha, cũng như tướng quân Vi-du-da-bha? O

– Đây Mallika, ta thương nàng ấy, ta quý tướng quân.

– Nếu có biên dịch với Va-sa-bha và tướng quân ấy, Đại vương thế nào?

– Đây Mallika, nếu có biên dịch với Va-sa-bha thì đời sống ta có phần ảnh hưởng, ta khó thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu.

– Kính tâu Đại vương, Đại vương có yêu thân thiếp này không?



– Hỡi này ái hậu, ta thương nàng lắm. Nếu có biến dịch đối với ái hậu, ta sẽ khổ đau rất nhiều và lâu.

– Kính tâu Đại vương, Đại vương có thương dân chúng Kasia và Kosala?

– Nay Mallika, dĩ nhiên là có. Nhờ sức mạnh họ, ta mới có được gỗ chiên-đàn quý, các loại vòng hoa, hương liệu, phấn sáp. Nếu có biến dịch đối với dân ấy, có sự đổi khác đến mạng sống ta, ta không thể không sầu, bi, khổ, não!

– Kính tâu Đại vương, đây chính là điều mà đức Thế Tôn, bậc đại trí tuệ, bậc thấy biết rõ, bậc A-la-hán, bậc chánh đẳng giác, đã khẳng định rằng: “Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sinh; hiện hữu từ ái”.

– Thật là hiếm có, thật là nhiệm mầu, Thế Tôn thấy rõ nhờ trí tuệ lớn. Nay Mallika, ái hậu sửa soạn làm lễ tẩy trần.

Nói xong, đứng dậy, vua mặc hoàng

bào, đến nơi Thế Tôn, chấp tay đánh lễ, nói lời cảm hứng: “Đánh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc chánh đẳng giác”. Ba lần như thế, vua và hoàng hậu đánh lễ ca ngợi Như Lai Thế Tôn với lòng quy kính. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O





40. KINH DỤ NGÔN NGƯỜI BẮT RẪN

ÁI DỤC VUI ÍT, KHỔ NHIỀU

Tôi nghe như vậy. Một thời đức Phật ở chùa Kỳ Viên thuộc thành Xá-vệ, do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng. Có thầy Tỳ-kheo là A-rit-tha, trước khi đi tu huấn luyện chim ưng, nổi lên tà kiến nguy hại như sau: “Theo chỗ tôi hiểu chánh Pháp của Phật thì khi tiêu thụ những điều chướng ngại sẽ không thật có một chướng ngại nào”. Nhiều bạn đồng tu khuyên can thầy ấy không nên truyền bá lời tà kiến này với lời như sau: O

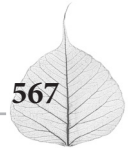
– Thầy A-rit-tha, xin thầy từ bỏ tà kiến ấy đi. Chớ có xuyên tạc chánh pháp Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là điều rất xấu. Thế Tôn chúng ta chưa từng dạy thế.



Dù được cật vấn, thảo luận, phân tích, thầy A-rit-tha nhất mực bảo thủ, không chịu thay đổi quan điểm sai lầm. Thương vị thầy này, nhiều thầy Tỳ-kheo đến thăm Thế Tôn, đánh lễ, ngồi xuống, tường thuật đầu đuôi, xin Phật chỉ giáo. Thế Tôn cho gọi một thầy Tỳ-kheo mời A-rit-tha đến gặp Thế Tôn. Thế Tôn hỏi lại, thầy A-rit-tha xác nhận, không chối: O

– Kính bạch Thế Tôn, thật sự là thế. Theo chỗ con hiểu, thật không chướng ngại đối với những ai hưởng thụ tham dục.

– Nay A-rit-tha, con quá đại dộ, hiểu sai lời ta, nói ngược lời ta! Trong nhiều năm qua, ta dùng ví dụ, phân tích tác hại của tâm tham ái, vốn chướng ngại đạo giác ngộ, giải thoát. Ai vướng tham ái bị nhiều chướng ngại. Ta dạy rất rõ: “Tham dục vui ít, khổ nhiều; phiền não, nguy hiểm lại càng nhiều hơn”. Ta thường ví



dụ: “Dục như khúc xương, như miếng thịt thối, như đuốc cỏ khô, như hồ than hừng, như con ác mộng, như vật cho mượn, như trái cây ngọt, như lò thịt thơm, như gậy nhọn bén, như dầu rắn dữ... vui ít khổ nhiều; não hại, nguy hiểm lại càng nhiều hơn”. Vì chấp sai lầm, con đã xuyên tạc giáo pháp Như Lai. Con tự phá hoại hạnh phúc của mình, tạo nên hành động bị tôn đức lớn. Chấp vào tà kiến, con sẽ tự rước đau khổ vào thân một cách lâu dài. Con nên từ bỏ tất cả tà kiến, chớ có chậm trễ. O

Rồi đức Thế Tôn hỏi người có mặt nội dung sau đây:

– Này các đệ tử, các con nghĩ sao? Thầy A-rit-tha có thể lóe lên tia ánh sáng nào trong pháp luật Phật?

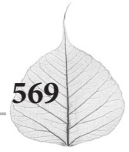
– Kính bạch Thế Tôn, không thể có đức!
O



NĂM CHÁNH PHÁP NHƯ BẮT RẮN

Nghe Phật phân tích, thầy A-rit-tha im lặng, hổ thẹn, cúi đầu, thụt vai, sầu lo không nguôi. Thế Tôn liền dạy:

– Nay các đệ tử, sự kiện sau đây không thể xảy ra, không ai có thể hưởng thụ dục lạc ngoài các loại dục, ngoài các dục tướng, hay các dục tâm. Nay các đệ tử, một số người ngu học chánh pháp Phật, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, các Cảm hứng ngữ, các Như thị ngữ, Bồn sanh, Phương quảng và Vị tăng hữu... không chịu quán sát nghĩa lý kinh văn với tâm trí tuệ, nên không hiểu được ý nghĩa của Kinh. Có người học pháp chỉ để tích tụ kiến thức thật nhiều, nhằm chỉ trích người, khoái khẩu biện luận; không màng đạt được mục đích chánh pháp, hiểu sâu, hành kỹ, hướng đến an lạc. Vì hiểu sai lệch nghĩa lý kinh văn nên gặp bất hạnh, đau khổ lâu dài.



Ví như có người thích con rắn nước, tìm kiếm khắp nơi, thấy rắn nước lớn. Nếu không biết cách, bắt ở lưng, đuôi, thì người bắt rắn sẽ bị rắn cắn hoặc ở cánh tay, hoặc trên thân thể, đau nhức khắp thân, khổ dường kẻ chết. Nắm bắt chánh pháp một cách sai lệch, hậu quả khổ đau cũng không kém phần. O

Người nắm chánh pháp bằng cách khéo tìm, học hỏi chánh pháp như người bắt rắn có kỹ thuật tốt, biết đê rắn dữ với gậy có nạng, nắm giữ cổ rắn, không cho cựa quậy. Bắt rắn cách này dù rắn cuốn thân, quấn xung quanh tay, hay thân thể người, rắn cũng không thể cắn hại người bắt. Nay các đệ tử, hãy khéo nắm bắt chánh pháp ta dạy. Hiểu rõ chánh pháp, suy tư chánh pháp, thực tập chánh pháp, ứng dụng chánh pháp vào trong cuộc sống. Nếu các đệ tử có chỗ không hiểu câu kinh kệ nào thì tại nơi đây hãy



hỏi Như Lai hoặc người giỏi pháp, ta sẽ giảng giải một cách thấu đáo. O

CHÁNH PHÁP LÀ CHIẾC BÈ

Này các đệ tử, chánh pháp ta giảng cũng như chiếc bè, giúp qua bờ kia, không phải nắm giữ, hay thờ trên đầu.

– Này các đệ tử, như người đi trên con đường lớn dài, tiếp giáp sông rộng, sóng tạt vào bờ hải hùng, nguy hiểm; còn bờ bên kia bình an vô sự, nhưng không có cầu, thuyền phà vượt qua đến bờ bên kia, liền suy nghĩ rằng: “Trước tình thế này, ta hãy chặt cây, nhánh, lá và cỏ bên làm chiếc bè. Ngồi trên bè này, ta dùng tay chân với sức bình sinh tìm cách vượt qua bờ kia an toàn”. Nói sao làm vậy, sau nhiều nỗ lực, người ấy qua được bờ an toàn kia. Khi lên được bờ, người đó liền nghĩ: “Chiếc thuyền bè này đã giúp ích tôi. Nhờ chiếc bè này, tôi đã an toàn bên bờ bên kia. Nhớ ơn cứu mạng, tôi



đội chiếc bè trên đầu hay vai, đến chỗ tôi muốn”. Nay các đệ tử, các con nghĩ sao, người chèo chiếc bè đền ơn như thế có làm đúng với chức năng chiếc bè, hay đang hành động một cách ngớ ngẩn? O

– Kính bạch Thế Tôn, theo chúng con hiểu, người làm như thế thật là ngớ ngẩn.

– Nay các đệ tử, để đền ơn bè đúng với chức năng của chiếc bè này, tùy theo nhu cầu hoặc từng tình huống: Hãy thả chiếc bè về bên kia sông, hoặc đem chiếc bè lên chỗ đất khô, hoặc nhân chìm bè, tiếp tục lên đường, đạt đến mục đích. Nay các đệ tử, giáo pháp ta giảng cũng như chiếc bè, cốt để vượt qua tất cả khổ đau, đến chỗ an lạc, không để nắm giữ. Hãy hiểu rõ ràng dụ ngôn chiếc bè trong sự tu tập, chuyển hóa khổ đau. Khi đạt mục đích an lạc, giải thoát, chánh pháp đã dùng còn phải bỏ đi, huống hồ những thứ không phải chánh pháp. O



VƯỢT QUA CHẤP NGÃ

Này các đệ tử, có sáu thấy biết và sự chấp mắc. Những kẻ phàm phu, ít nghe kém học, không thích thăm viếng Thánh nhân, chân nhân, không hiểu biết gì, không có thực tập giáo pháp bậc Thánh nên đã cho rằng thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức là tôi: “Cái này của tôi, cái này là tôi, cái này chính là tự ngã của tôi”. Bất cứ cái gì thấy, nghe, ngửi, biết, hay ý thức được đều chấp là tôi: “Cái này của tôi, cái này là tôi, cái này chính là tự ngã của tôi”. Với kiến xứ nào cũng đều thấy rằng: “Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết đi, tôi sẽ vĩnh hằng, thường còn, bất biến, tôi sẽ tồn tại thế này, thế kia không hề thay đổi”. Xem ra như vậy rơi vào chấp ngã: “Cái này của tôi, cái này là tôi, cái này chính là tự ngã của tôi”. O

Vị đệ tử thánh, học rộng hiểu nhiều



giáo pháp giác ngộ sẽ không chấp ngã dưới các hình thức như vừa nêu trên. Không hề đánh đồng thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư và các nhận thức là ngã, ngã sở. Vị ấy thấy rõ: “Cái này, cái kia không phải *của tôi*, không phải *là tôi*, lại càng không phải *tự ngã của tôi*.” Với kiến xứ nào cũng đều không chấp: “Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết đi, tôi sẽ vĩnh hằng, thường còn, bất biến, tôi sẽ tồn tại thế này, thế kia không hề thay đổi”. Nhờ quan sát này với chánh trí tuệ, đối với sự vật, hành giả thấy rõ chúng là vô ngã, vô ngã sở hữu, từ bỏ các chấp, giải phóng tất cả sâu bi, khổ não. O

– Kính bạch Thế Tôn. Có thể hay không, có một cái gì không có ở ngoài, lại có thể gây sâu bi, khổ não?

– Nay các đệ tử, cũng có thể có, nếu ai nghĩ rằng: “Cái gì từng là của tôi chắc chắn, nay không còn là cái của tôi nữa.



Cái gì chắc chắn có thể của tôi, chắc chắn tôi không được sở hữu nó”, nên bị sầu bi, khóc than, tuyệt vọng, bất tỉnh.

– Kính bạch Thế Tôn. Có thể hay không, có một cái gì không có ở trong, không thể gây ra sầu bi, khổ não?

– Nay các đệ tử, cũng có thể có, khi ai không chấp: “Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi tôi chết, tôi sẽ vĩnh hằng, thường còn, bất biến”. Người này nghe Ta, hay đệ tử Ta thuyết pháp tháo mở tất cả kiến xứ: cố chấp, thiên kiến, chấp thủ, tùy miên; đồng thời thực tập tịnh chỉ hành động, từ bỏ sanh y, diệt trừ khát ái, đưa đến ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn; nên không chấp rằng: “Ta bị đoạn diệt là điều chắc chắn, ta không tồn tại là điều chắc chắn”. Nhờ suy nghĩ này, người ấy không bị sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đấm ngực, bất tỉnh... ảnh hưởng, chi phối. O



MỌI THỨ VÔ THƯỜNG

Này các đệ tử, các con từng thấy hay tự có thể nắm vật sở hữu và làm cho chúng vĩnh hằng, bất biến?

– Kính bạch Thế Tôn, hoàn toàn là không.

– Này các đệ tử, Ta cũng chưa từng thấy vật sở hữu được nắm giữ mãi, thường còn, bất biến với chiều thời gian. Này các đệ tử, khi chấp thủ vào các học thuyết ngã thì bị sầu, bi, khổ, ưu và não tác động, chi phối. Ta cũng không thấy cơ sở kiến chấp mà dính vào nó lại không bị sầu, bi, khổ, ưu, não... ảnh hưởng, chi phối. Này các đệ tử, nếu có chấp ngã thì chấp ngã sở; nếu có ngã sở thì cũng sẽ có ngã của tôi thôi. Nếu ngã, ngã sở không được chấp nhận là cái vĩnh hằng, thì kiến xứ này: “Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi tôi chết tôi sẽ



vĩnh hằng, tồn tại bất biến” hoàn toàn si muội, không có sự thật. O

– Nay các đệ tử, các con nghĩ sao? Sắc là thường còn hay là vô thường?

– Bạch đức Thế Tôn, sắc là vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay vui?

– Bạch đức Thế Tôn, cái gì vô thường mang lại khổ đau.

– Cái gì vô thường, khổ đau, biến hoại, thì có hợp lý không khi lại cho rằng: “Cái này của tôi, cái này là tôi, cái này chính là tự ngã của tôi?”

– Bạch Thế Tôn, không thể thế được.

– Nay các đệ tử, tương tự như thế, cảm thọ, tri giác, tâm tư, nhận thức vốn là vô thường, mang lại khổ đau, chịu sự biến hoại, nên không thể cho: “Cái này của tôi, cái này là tôi, cái này chính là tự ngã của tôi”. Bất cứ cái gì thuộc về thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức, dù



thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại, ở trong hay ngoài, dù thô hay tế, dù xấu hay đẹp, dù xa hay gần, phải thấy rõ ràng với trí tuệ rằng: “Tất cả cái này không phải của tôi, không phải của tôi, càng không phải là tự ngã của tôi”. O

CHUYỂN HÓA ÁI DỤC

Này các đệ tử, nhờ thấy như thế, vị đệ tử Thánh nhằm chán thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức; nhờ tâm yếm ly nên được lìa tham, đạt được giải thoát, thể hiện ý thức biết mình giải thoát. Vị ấy biết rõ: “Tái sanh đã dứt, hạnh thánh đã thành, việc nên đã làm, không còn trở lại sanh tử này nữa”. Hành giả như thế được gọi là vị bỏ chướng ngại vật, lấp đầy thông hào, nhổ lên cột trụ, mở tung lề khóa, hạ cây cờ xuống, đặt gánh nặng xuống, không còn hệ lụy.

Này các đệ tử, ai dứt vô minh đến tận gốc rễ, như cây ta-la bị chặt đứt ngọn



không thể sống lại; không bị tái sinh trong đời tương lai, được gọi là người bỏ chướng ngại vật.

Ai dứt trừ được cảnh giới luân hồi, trôi lăn sinh tử đến tận gốc rễ, như cây ta-la bị chặt đứt ngọn được gọi là người đã lấp thông hào.

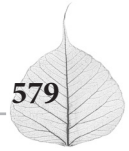
Ai dứt tham ái đến tận gốc rễ, như cây ta-la bị chặt đứt ngọn được gọi là người nhổ lên cột trụ.

Ai dứt trừ được năm trói buộc thấp đến tận gốc rễ như cây ta-la bị chặt đứt ngọn được gọi là người mở tung lè khóa.

Ai dứt ngã mạn đến tận gốc rễ, như cây ta-la bị chặt đứt ngọn được gọi là người đã hạ cờ xuống, đặt gánh nặng xuống, không còn hệ lụy. O

CHỈ NÓI CON ĐƯỜNG DIỆT KHỔ

Tu tập chuyên hóa, đạt được giải thoát như các hạng trên thì hàng chư thiên ở



trời Đê-thích, hay trời Phạm thiên hoặc trời Sanh chủ không tìm dấu vết. Trong đời hiện tại, không ai có thể tìm thấy dấu vết của một Như Lai. Nghe ta nói vậy, một số Sa-môn và Bà-la-môn xuyên tạc ta rằng: “Sa-môn Cồ-đàm chủ trương, ủng hộ chủ nghĩa hư vô, đề cao đoạn diệt, kết liễu hữu tình”. Ta không nói vậy, ta không chủ trương như bị chụp mũ, xuyên tạc hư vọng.

Này các đệ tử, xưa cũng như nay, Ta chỉ tuyên bố sự thật khổ đau và chỉ con đường chấm dứt khổ đau. Nếu có người nào cố tình mắng nhiếc, phỉ báng, xuyên tạc, cố làm Như Lai tức giận, phiền não, thì nên biết rằng việc đó vô ích. Như Lai là bậc không có sân hận, phẫn nộ, bất mãn. Nếu có người nào cung kính, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì Như Lai này cũng không vì thế tỏ ra hoan hỷ, vui mừng, thích thú. Như Lai suy nghĩ: “Đây



là điều xưa, đã từng biết rõ. Đây là trách nhiệm mà Ta phải làm”. O

KHÔNG MÀNG KHEN CHÊ

Này các đệ tử, bị người nhiếc mắng, phỉ báng, xuyên tạc thì chớ sân hận, bất mãn, phẫn nộ. Khi được cung kính, lễ bái cúng dường thì chớ hoan hỷ, vui mừng, thích thú. Hãy suy nghĩ rằng: “Đây là điều xưa, đã từng biết rõ. Đây là trách nhiệm mà tôi phải làm”. Cái gì không phải của chính chúng ta, hãy nên từ bỏ, nhờ đó hạnh phúc, an lạc dài lâu. Thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư và các nhận thức không phải của ta; hãy buông xả chúng, hướng đến hạnh phúc, an lạc dài lâu.

Này các đệ tử, trong chùa Kỳ Viên, nếu có người nào chặt cây, nhánh, lá làm theo ý muốn, hoặc đốt cháy chúng, thì nên hiểu rằng chúng không phải là tự ngã của tôi, lại càng không phải sở thuộc của ngã. O



HƯỚNG ĐẾN GIẢI THOÁT

Những vị tu sĩ, bậc A-la-hán, lậu hoặc đã dứt, tu hành hoàn tất, việc nên đã làm, đặt gánh nặng xuống, lý tưởng thành tựu, trói buộc không còn, đã được giải thoát nhờ vào chánh trí, thì không người nào có thể chỉ được vòng luân hồi của người tu hoàn tất. Chánh pháp của ta khéo giảng, phân tích nên ai dứt được năm trói buộc thấp sẽ được hóa sanh, qua đời tại đây, không còn trở lại sanh tử này nữa. Ai dứt gần hết ba trói buộc tâm là tham sân si, sẽ chứng đạt được quả thánh Nhất lai, tái sinh một lần là dứt khổ đau. Ai dứt trừ sạch ba trói buộc tâm, thì sẽ chứng được quả thánh Dự lưu, không còn rơi rớt trong các cõi ác, nhất định hướng đến cảnh giới giác ngộ. Những ai thực hành theo gương chánh pháp, hành bằng niềm tin, thì sẽ hướng về quả Chánh đẳng giác. O

Này các đệ tử, giáo pháp của ta được khéo giảng dạy, giúp đời tỏ ngộ, khai thông, thông suốt, như tháo ra được các vải quần cũ. Ai tin thực hành sẽ được kết quả. Ai đủ lòng tin, thể hiện thương mến đối với chánh pháp thì những vị ấy nhờ công đức này hưởng về chư thiên.

Nghe Phật giảng dạy, tất cả mọi người vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thọ trì, truyền bá lời Phật, làm lợi lạc lớn cho người hữu duyên. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O





41. KINH LỜI PHẬT QUUA CÁC CON SỐ

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, đức Phật cùng với năm trăm Tỳ-kheo đến dự khánh thành hội trường mới xây của dân Mallà, tại xứ Pà-và. Dân chúng Mallà thỉnh Phật chứng minh, sử dụng hội trường để họ được phước. Thế Tôn nhận lời với lòng hoan hỷ. Sau các hoạt động, Thế Tôn thuyết pháp, hướng dẫn mọi người thực tập thiền định. O

Màn đêm dần buông, mọi người ra về, đức Phật liền bảo ngài Xá-lợi-phất, tất cả Tăng đoàn không ai buồn ngủ, con hãy thay ta, giảng cho đồng tu. Vâng lời Phật dạy, ngài Xá-lợi-phất tuần tự trùng tuyên những lời chánh pháp, ứng với con số, tóm lược sau đây.



Này các đồng tu, chánh pháp Phật dạy thật là khéo léo, có sức khai sáng, hướng đến an vui. Tất cả mọi người hãy siêng đọc tụng, không tranh luận nhau, để lời khéo giảng tồn tại lâu dài, được phổ biến rộng. Lời Phật giảng dạy là vì thương tưởng, hạnh phúc cho đời, lợi ích, an lạc cho loài người này, cũng như con người ở ngoài hành tinh. Giáo pháp Phật dạy trong nhiều năm qua không thể kể hết. Nay tôi nói lược theo từng con số, bắt đầu số một cho đến số mười, để dễ ghi nhớ, thực tập an vui. O

GIÁO PHÁP QUA CON SỐ MỘT

Này các đồng tu, đức Phật dạy rằng: “Tất cả động vật nhờ vào thức ăn mà được tồn tại, nhờ vào tâm hành mà được an trú.” O

GIÁO PHÁP QUA CON SỐ HAI

Này các đồng tu, giáo pháp của Phật qua con số hai, tóm lược như sau:



Vật chất và tâm tồn tại trong đời. Vô minh, tham ái là nhân tái sinh. Những lời nói thiện và bạn tri thức là phúc cho đời. Xấu hổ cá nhân, xấu hổ xã hội giúp ta tiến bộ.

Giữ giới thanh tịnh, tác ý khôn khéo là phúc bản thân. Nơi chốn thuận lợi, điều kiện thuận lợi giúp ta thành công. Kiên trì, nhu hòa giúp đắc nhân tâm. Lời nói nhu thuận, tiếp đón thân tình là đức tính tốt. Không sát hại ai, từ ái mọi người là hạnh từ bi. O

Chánh niệm, tỉnh giác dễ tu thiền định. Làm chủ giác quan, ăn uống tiết độ sẽ sống khỏe mạnh. Có hai năng lực: tư duy, tu tập. Chánh niệm và định là hai lực lớn. Thiền chỉ, thiền quán là cốt lõi thiền.

Tinh tấn không dừng, tâm không dao động làm gì cũng xong. Đạo đức trong sáng thì trí tuệ tăng. Không nên thỏa mãn với các điều lành, không nên từ bỏ



trong các nỗ lực. Minh tri sáng suốt, giải thoát an lạc. Và nhiều pháp khác. O

GIÁO PHÁP QUA CON SỐ BA

Này các đồng tu, giáo pháp của Phật qua con số ba, tóm lược như sau:

Ba căn lành gồm: Không tham, không sân và không si mê. Ba tâm cầu thiện bao gồm như sau: Không tâm cầu dục, không tâm cầu sân, không sống não hại. Ba tham ái gồm: Tham ái tính dục, tham ái tái sinh và vô hữu ái. Ba hữu lậu là phiền do tính dục, phiền do tái sinh, phiền do vô minh.

Ba trí tuệ gồm: Trí tuệ hữu học, trí tuệ vô học, trí tuệ siêu việt; hoặc ba loại khác: Tuệ do tư duy, tuệ do nghe nhiều, tuệ do tu tập. Ba loại vũ khí người tu cần có: Nghe nhiều, buông bỏ và trí tuệ lớn.

Ba tu học gồm: Học tu đạo đức, học tu thiền định, học tu trí tuệ. Ba loại tu gồm:



Tu thân, tu tâm và tu trí tuệ. Ba trí tuệ gồm: Trí biết đời trước, trí biết đời sau, trí hết phiền não. Ba phép mầu gồm: Phép mầu khinh thân, phép biết tâm người, phép mầu giáo dục. Và các pháp khác. O

GIÁO PHÁP QUA CON SỐ BỐN

Này các đồng tu, giáo pháp của Phật qua con số bốn, tóm lược như sau:

Bốn loại sanh gồm: Sinh ra từ trứng, sinh ra từ thai, sinh từ ẩm thấp, sinh từ biến hóa.

Bốn loại thực phẩm nuôi sống chúng sinh: Thực phẩm nhai nuốt hoặc mềm hay cứng, thực phẩm tiếp xúc, thực phẩm tư niệm, thực phẩm của thức.

Bốn loại hành vi quy định vận mệnh của các chúng sinh: Nghiệp đen quả đen, nghiệp trắng quả trắng, nghiệp trộn trắng đen quả trộn trắng đen, nghiệp không trắng đen quả không trắng đen – dứt hết nghiệp báo.



Bốn đức nhân tâm nên gắng thực tập bao gồm như sau: Ban tặng sở hữu, lời nói từ ái, hành vi lợi lạc, đồng sự với người. O

Bốn lời phạm tục nỗ lực tránh xa: Nói sai sự thật, nói lời chia rẽ, nói lời ác độc, nói lời vô ích. Bốn lời phạm khác: Không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không nghĩ nói nghĩ, không biết nói biết.

Bốn loại người gồm: Người tự làm khổ, người khổ người khác, người làm khổ mình và khổ người khác; người không khổ mình, không khổ người khác. Bốn loại người khác: Người tự lợi mình; người hành lợi tha; người có lợi tha nhưng không tự lợi; không hành tự lợi, không hành lợi tha. Bốn loại người khác: Người trong bóng tối hướng đến bóng tối, người trong bóng tối hướng tới bóng sáng, sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng. O



Bốn quán niệm gồm: Quán thân là thân, quán thọ là thọ, quán tâm là tâm, quán pháp là pháp, nhờ đó nhiếp phục tham, sân ở đời.

Bốn điều siêng năng cần được phát triển, sách tâm, trì tâm: Điều ác chưa sanh không cho sanh khởi, điều ác đã có quyết tâm kết thúc, điều thiện chưa sanh nỗ lực gieo trồng, điều thiện đã sanh nỗ lực phát triển.

Bốn siêng năng khác: Siêng năng chế ngự: không chấp tướng chung, không kẹt tướng riêng, làm chủ giác quan, bỏ điều bất thiện; siêng năng chấm dứt: khuynh hướng tính dục, sân hận, hãm hại, đoạn trừ, tiêu diệt, không cho hiện hữu; Siêng năng tu tập: chánh niệm, trạch pháp, tinh tấn, hoan hỷ, khinh an, thiền định, buông xả, hướng đến xa lìa các điều bất thiện; Siêng năng hộ trì: quán chiếu thi thể qua các giai đoạn – xương cốt, trùng hám,



thanh ú, đoạn hoại, trương bành, để bảo hộ tâm khỏi sự nhiễm đấm. O

Bốn loại thiền gồm: Thiền một hỷ lạc do lìa ái dục, còn tâm, còn tứ; thiền hai hỷ lạc do nội định sinh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm; thiền ba trụ xả, lìa các hỷ lạc, chính niệm, tỉnh giác, cảm nhận hạnh phúc do biết buông xả; thiền bốn buông bỏ tất cả ý niệm, không còn khổ vui, thanh tịnh tuyệt đối.

Bốn tâm cao thượng: Tâm từ vô lượng, tâm bi vô lượng, tâm hỷ vô lượng, tâm xả vô lượng, khắp bốn phương trời, khắp mọi nơi chốn, trên trời dưới đất, rộng lớn, không cùng, không còn hận thù, không hề giận dữ, an lạc, thư thái. Và nhiều pháp khác. O

GIÁO PHÁP QUA CON SỐ NĂM

Này các đồng tu, giáo pháp của Phật qua con số năm, tóm lược như sau:



Năm nhóm tâm vật tạo nên con người bao gồm như sau: thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức.

Năm giác quan gồm: Mắt, tai, mũi, lưỡi và thân thể này.

Năm dục lạc gồm: Hình thái, màu sắc do mắt nhận thức; âm thanh do tai; mùi hương do mũi, các vị do lưỡi; các vật xúc chạm với cơ thể người; mang tính hấp dẫn, sung sướng, vui mừng, hài lòng, như ý, kích thích lòng tham của người tiếp xúc. O

Năm loại nền tảng của các cảm xúc bao gồm như sau: Hạnh phúc, khổ đau, vui mừng, lo lắng và sự buông xả.

Năm trói buộc tâm làm tâm vướng kẹt bao gồm như sau: Tham dục, giận dữ, dật dờ, dao động và sự hoài nghi.

Năm trói buộc thấp bao gồm như sau: Thân kiến, hoài nghi, chấp cầm điều sai, tham ái và sân.



Năm điều đạo đức giúp người hạnh phúc bao gồm như sau: Không được giết hại, không được trộm cắp, không được tà dâm, không nói vọng ngôn, không rượu, ma túy. O

Năm điều lợi ích của người đạo đức bao gồm như sau: Tài sản sung túc, tiếng lành đồn xa, không có sợ hãi trong các hội chúng, chết trong bình yên, tái sinh cõi trời.

Năm nền tảng lớn giúp người an vui bao gồm như sau: Chánh tín, tinh tấn, chánh niệm, thiền định, trí tuệ bậc thánh.

Năm bổn xén gồm: Bổn xén chỗ ở, bổn xén gia đình, bổn xén tài vật, bổn xén với sắc, bổn xén với pháp. O

Năm tổn thất gồm: Tổn thất người thân, tổn thất tài sản, tổn thất bệnh tật, tổn thất đạo đức, tổn thất kiến thức. Năm thành tựu gồm: Thành tựu người thân, thành



tự tài sản, thành tựu bệnh tật, thành tựu đạo đức, thành tựu kiến thức.

Năm góp ý gồm: Góp ý đúng thời, góp đúng sự thật, góp lời từ ái, góp lời lợi ích, góp lời từ bi. Và nhiều pháp khác.

Năm loại quán tưởng giúp cho hành giả đạt được giải thoát bao gồm như sau: Tưởng về vô thường, tưởng về đau khổ do vô thường ra, tưởng không có ngã trong những đau khổ, tưởng về đoạn trừ và tưởng không tham nhiễm. O

GIÁO PHÁP QUA CON SỐ SÁU

Này các đồng tu, giáo pháp của Phật qua con số sáu, tóm lược như sau:

Sáu giác quan gồm: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thể và ý. Sáu loại đối tượng của giác quan gồm: Hình thù với mắt, âm thanh với tai, mùi hương với mũi, vị đối với lưỡi, vật chạm với thân, ý niệm trong tâm. Sáu loại nhận thức của thế giới người bao gồm



như sau: Thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác và cảm nhận ý.

Sáu cảnh giới gồm: Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Sáu loại tướng gồm: Tướng về hình thù, tướng về âm thanh, tướng về mùi hương, tướng về các vị, tướng sự xúc chạm, tướng các ý niệm. O

Sáu suy tư vui, sáu suy tư buồn, sáu suy tư xả đều diễn ra từ tiếp xúc như sau: Khi mắt thấy sắc, khi tai nghe tiếng, khi mũi ngửi hương, khi lưỡi nếm vị, khi thân xúc chạm, khi ý nhận pháp, khởi lên niềm vui, suy tư vui thích.

Sáu điều cung kính và sống tùy thuận bao gồm như sau: Cung kính đạo sư, cung kính chính pháp, cung kính Tăng đoàn, cung kính đạo đức, cung kính tinh tấn, cung kính xã giao.

Sáu điều hòa kính, tâm đầu, ý hợp,

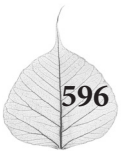


tạo sự hài hòa, dứt mọi tranh chấp, đưa đến đoàn kết, mang lại sức mạnh, thịnh vượng, phát triển bao gồm như sau: Thân hòa cùng ở, miệng hòa không tranh, ý hòa cùng vui, lợi hòa cùng chia, giới hạnh cùng tu, nhận thức hài hòa. O

Sáu chính niệm gồm: Niệm danh hiệu Phật, niệm pháp cao minh, niệm Tăng hòa hợp, niệm giới thanh cao, niệm về bố thí, niệm sinh cõi trời.

Sáu điều an trú giúp tâm an vui, khi các giác quan tiếp xúc đối tượng, bao gồm như sau: Không có hoan hỷ, không có ưu phiền, tâm không dao động, một mực buông xả, chánh niệm, tỉnh giác.

Sáu loại quán tưởng giúp cho hành giả đạt được giải thoát bao gồm như sau: Tưởng về vô thường, tưởng về đau khổ do vô thường gây, tưởng không có ngã trong những đau khổ, tưởng về đoạn



trừ, tướng không tham nhiễm, tướng về Niết-bàn. ○

GIÁO PHÁP QUA CON SỐ BẢY

Này các đồng tu, giáo pháp của Phật qua con số bảy, tóm lược như sau:

Bảy tài sản thánh hay bảy diệu pháp bao gồm như sau: Tài sản chánh tín, tài sản đạo đức, tài sản hổ thẹn, tài sản lương tâm, tài sản học rộng, tài sản độ lượng, tài sản trí tuệ.

Bảy điều trợ duyên dẫn đến giác ngộ bao gồm như sau: Chánh niệm, trạch pháp, tinh tấn, hoan hỷ, khinh an, thiền định, buông xả.

Bảy điều tiên quyết để có chánh định bao gồm như sau: Tâm nhìn chân chánh, tư duy chân chánh, lời nói đạo đức, hành vi đạo đức, nghề nghiệp đạo đức, tinh tấn, chánh niệm. ○

Bảy pháp thượng nhân bao gồm như



sau: Tri pháp, tri nghĩa, tự tri, tri lượng, tri thời, tri chúng và tri nguyên nhân.

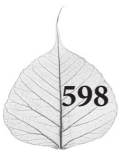
Bảy năng lực lớn bao gồm như sau: Năng lực chánh tín, năng lực tinh tấn, năng lực tâm ý, năng lực lương tâm, năng lực chánh niệm, năng lực thiền định, năng lực trí tuệ.

Bảy loại quán tưởng giúp cho hành giả đạt được giải thoát bao gồm như sau: Tưởng về vô thường, tưởng không có ngã, tưởng về bất tịnh, tưởng về hoạn nạn, tưởng về đoạn trừ, tưởng không tham nhiễm, tưởng về niết-bàn. O

GIÁO PHÁP QUA CON SỐ TÁM

Này các đồng tu, giáo pháp của Phật qua con số tám, tóm lược như sau:

Tám điều chánh đạo giải quyết vấn nạn cá nhân, gia đình và của xã hội, giúp người an vui, đạt đến hạnh phúc bao gồm như sau: Tầm nhìn chân chánh, tư



duy chân chánh, lời nói đạo đức, hành vi đạo đức, nghề nghiệp đạo đức, tinh tấn, chánh niệm và thiền định đúng. O

Tám điều lười biếng dẫn đến thất bại, giẫm chân tại chỗ, không có tiến bộ, không thể chứng đạt giá trị tâm linh bao gồm như sau: Nếu tôi làm việc, thân sẽ mệt mỏi, tôi nên nằm nghỉ; tôi đã làm việc nên thân đã mệt, tôi nên nằm nghỉ; nếu tôi đi đường, thân tôi sẽ mệt, nên tôi nằm nghỉ; đường tôi đã đi làm tôi mệt mỏi, nên tôi nằm nghỉ; tôi đi khát thực, thân tôi mệt mỏi, tôi nên nằm nghỉ; tôi đã khát thực, thân đã mệt mỏi, tôi nên nằm nghỉ; biết rõ bệnh nhẹ nhưng cố tìm có “tôi đang đau bệnh” nên tôi nằm nghỉ. O

Tám loại hội chúng phổ biến trong đời bao gồm như sau: Hội đoàn chính trị, hội đoàn tôn giáo, hội đoàn dân sự, hội đoàn Sa-môn, hội Tứ Thiên vương, hội



trời Ba Ba, hội đoàn Thiên Ma, hội đoàn Phạm thiên.

Tám điều thế gian làm người chao đảo, mất làm chủ tâm, cần phải vượt qua: Thành tựu, tôn thất, danh thơm, tiếng xấu, tán dương, chỉ trích, hạnh phúc, khổ đau.

Tám động cơ sau làm ta bố thí bao gồm như sau: Người cần ta cho sợ nên bố thí, người ấy cho tôi nên tôi bố thí, người sẽ cho tôi nên tôi bố thí, tin phước bố thí nên tôi bố thí, tôi có dư thừa nên tôi bố thí, vì chuộng tiếng tốt nên tôi bố thí, vì trang nghiêm tâm nên tôi bố thí. O

GIÁO PHÁP QUA CON SỐ CHÍN

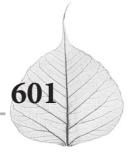
Này các đồng tu, giáo pháp của Phật qua con số chín, tóm lược như sau:

Chín điều suy nghĩ dẫn đến xung đột, tạo ra khổ đau, khó mà kết thúc, bao gồm như sau: Nó đã hại tôi, nó đang hại tôi, nó đã hành động hại người tôi thương, nó



đang hành động hại người tôi thương, nó sẽ hành động hại người tôi thương, nó đã làm lợi cho người tôi ghét, nó đang làm lợi cho người tôi ghét, nó sẽ làm lợi cho người tôi ghét. Để chấm dứt sạch các điều xung đột, ta nên nghĩ rằng “có lợi ích gì nếu tôi nghĩ thế, ứng xử như thế; tốt nhất là nên làm chủ tâm ý, không gây thương tổn, vượt qua khổ đau”. O

Chín loại thiên định chuyển hóa khổ đau, đạt được giác ngộ: Thiên một hỷ lạc do lìa ái dục, còn tâm, còn tứ. Thiên hai hỷ lạc do nội định sinh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Thiên ba trụ xả, lìa các hỷ lạc, chính niệm, tỉnh giác, cảm nhận hạnh phúc do biết buông xả. Thiên bốn buông bỏ tất cả ý niệm, không còn khổ vui, thanh tịnh tuyệt đối. Thiên năm là do vượt qua sắc tướng, các hữu đối tượng, không tác ý đến các tướng sai biệt, an trú trạng thái “hư không vô



biên.” Thiên sáu là do vượt qua trạng thái hư không vô biên, hành giả an trú “thức vô biên xứ.” Thiên bảy là do vượt qua trạng thái thức vô biên xứ, hành giả an trú “không có vật gì”. Thiên tám là do vượt qua trạng thái không có vật gì, hành giả an trú “chẳng phải là tướng, chẳng phải phi tướng”. Thiên chín là do vượt qua trạng thái chẳng phải là tướng, chẳng phi tướng, an trú trạng thái diệt thọ tướng định, không còn ý thức và ý niệm hóa. O

GIÁO PHÁP QUA CON SỐ MƯỜI

Này các đồng tu, giáo pháp của Phật qua con số mười, tóm lược như sau:

Mười nghiệp bất thiện gây tạo khổ đau bao gồm như sau: Giết người, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, hai lưỡi, ác ngôn, tán gẫu, tham lam, giận dữ, tà kiến.

Mười nghiệp đạo đức xây dựng hạnh phúc bao gồm như sau: Từ bỏ giết người,



bảo vệ hòa bình; từ bỏ trộm cắp, chia sẻ sở hữu; từ bỏ ngoại tình, chung thủy vợ chồng; từ bỏ lừa dối, nói đúng sự thật; bỏ lời chia rẽ, nói lời hòa hợp; bỏ lời ác độc, nói lời lịch sự; bỏ lời tán dóc, nói lời lạc ích; từ bỏ tham lam để tâm vị tha; từ bỏ giận dữ để tâm từ bi; từ bỏ tà kiến để có trí tuệ. O

Mười điều hộ trì thân và tâm người, đạt được an vui, hướng đến giải thoát ngay kiếp sống này, bao gồm như sau: Một là *giới hạnh*, chánh hạnh, oai nghi, sợ lỗi dù nhỏ, giới nào đã nhận đều giữ đầy đủ. Hai là *học rộng*, giữ điều đã học bao gồm chánh pháp, toàn thiện quãng đầu, toàn thiện quãng giữa, toàn thiện quãng sau, đầy đủ văn từ, đầy đủ nghĩa lý, đề cao thánh hạnh, chuyên tâm quán sát, được chánh tri kiến. Ba là *gần gũi bậc thiện tri thức*, dạy ta điều hay, nhắc ta điều lành, khuyên ta vượt qua, giúp ta



ting tấn, đồng hành cùng ta trên các điều thiện. Bốn là *thiện ngôn*, khiêm tốn, nhu hòa, nhẫn nại tích cực trước lời thị phi.

Năm là *trách nhiệm* đối với trưởng lão, không chút biếng nhác, làm đủ phương tiện, vừa đủ để làm, đủ để tổ chức, giúp cho Phật sự thành tựu mỹ mãn. Sáu là *wa thích chánh pháp và luật*, thích giảng Phật pháp, thích học giới luật, truyền bá cho người, giúp người an vui. Bảy là *hài lòng với bốn nhu yếu* y phục, ẩm thực, sàng tọa, bệnh dược; không mong cầu nhiều, không sống xa xỉ, không màng hưởng thụ. Tám là *ting tấn* chằm dút xấu ác, thành tựu pháp lành, kiên tâm, bền chí, không chịu bỏ cuộc với các điều thiện. Chín là *chánh niệm* trong các tư thế đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, động, tịnh. Mười là *trí tuệ* thấu rõ nhân quả, duyên khởi, vô ngã, vượt qua sợ hãi, quyết trạch pháp thánh, trừ dút khổ đau, đạt được giải thoát. O



Này các đồng tu, được Thế Tôn dạy, tôi đã thay Ngài, trùng tuyên văn tắt một số giáo pháp gắn với con số, dễ học, dễ nhớ, có lợi lạc lớn nếu được ứng dụng. Làm đệ tử Phật, tất cả chúng ta cùng nhau đọc tụng, không có tranh luận, hướng dẫn lẫn nhau, để tạng chánh pháp được trường tồn mãi, vì hạnh phúc lớn, vì an lạc lớn cho các chúng sinh; vì lòng thương tưởng phúc lạc cho đời. O

Nghe Xá-lợi-phất tuân tự trùng tuyên giáo pháp qua số, một cách chính xác, đức Phật hoan hỷ, xác chứng như sau: “Này Xá-lợi-phất, con đã thay ta nhắc lại giáo pháp cho mọi người nghe. Thật là lành thay!”

Tất cả mọi người nghe Phật xác chứng, vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thực tập, truyền bá Kinh này. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O

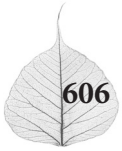
42. KINH NƯƠNG TỰA AI KHI PHẬT QUÁ ĐỜI?

PHẬT LÀ NGƯỜI CHỈ ĐƯỜNG

Tôi nghe như vậy. Sau khi Thế Tôn qua đời không lâu, ngài Ananda đang cư trú tại tu viện Trúc Lâm thuộc thành Vương-xá. Vua A-xà-thế, nước Ma-kiệt-đà do lòng hoài nghi ông Đấng Quang Vương⁽¹⁾ nên đã truyền lệnh xây dựng kiên cố khu thành Vương-xá. Một sáng sớm nọ, sau khi đắp y, thay vì vào thành Vương-xá khát thực, ngài Ananda đến chỗ làm việc của Bà-la-môn Mog-ga-lla-na. Mog-ga-lla-na tỏ vẻ mừng rỡ, thưa với tôn giả: O

– Lành thay! Lành thay! Ngài Ananda,

1. Pajjota.



từ lâu lắm rồi, ngài mới tạo duyên, quang lâm nơi này. Xin mời ngài ngồi vào chỗ soạn sẵn.

Ngài Ananda an nhiên ngồi xuống. Moggallana ngồi xuống một bên, trên ghế thấp hơn, rồi cung kính thưa:

– Có khả năng chăng, một vị xuất gia đạt được trọn vẹn tất cả pháp môn mà ngài Cồ-đàm, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác đã thành tựu được?

– Không có trường hợp một vị xuất gia đạt được trọn vẹn tất cả pháp môn mà đức Thế Tôn đã chứng đạt được. Thế Tôn là bậc xây dựng con đường trước chưa từng có, giúp cho mọi người biết được con đường trước chưa từng biết, tuyên bố con đường trước chưa được nói. Thế Tôn là bậc hiểu đạo, ngộ đạo, lão luyện về đạo. Đệ tử Thế Tôn chỉ là những người sống tùy hành đạo và sẽ thành tựu chánh đạo về sau. O



CHÁNH PHÁP LÀ NƠI NƯƠNG TỰA

Cuộc đàm đạo này đã bị gián đoạn, khi Bà-la-môn Vas-sa-ka-ra là bậc đại thần nước Ma-kiệt-đà thị sát công sự tại thành Vương-xá, ghé ngang qua nơi hai vị đàm đạo. Vas-sa-ka-ra muốn biết câu chuyện đang được đàm luận. Ngài Ananda tường thuật nội dung.

– Thưa ngài Anan, có vị Tăng nào được Phật sắp đặt làm nơi nương tựa cho cả Tăng đoàn, sau khi đức Phật lià bỏ cõi đời?

– Nay Bà-la-môn, không có vị nào được Phật sắp đặt làm nơi nương tựa của cả Tăng đoàn.

– Thưa ngài Anan, có vị Tăng nào được cả Tăng đoàn và các trưởng lão thỏa thuận thỉnh cử làm nơi nương tựa cho cả Tăng đoàn?

– Không có vị nào đã được thỉnh cử vào chỗ như thế. O



– Thưa ngài Anan, theo sự tình này, không có vị nào làm nơi nương tựa, thì nhờ duyên gì Tăng đoàn có thể sống trong hòa hợp?

– Nay Bà-la-môn, tất cả chúng tôi có nơi nương tựa. Chỗ nương tựa tốt của đệ tử Phật là giáo pháp ngài.

– Thưa ngài Anan, phải hiểu thế nào về lời ngài nói?

– Khi còn sinh tiền, Thế Tôn ban hành giới bổn xuất gia với các học pháp. Những ngày Bô-tát, các vị xuất gia trong làng phụ cận đều tụ họp lại tại một trú xứ, hỏi han lẫn nhau về chuyện xảy ra đối với từng người. Nếu ai phạm giới, chúng tôi yêu cầu phải làm đúng Pháp, như lời Phật dạy. Không phải tôn giả xử lý chúng tôi. Chính giáo pháp Phật xử xét chúng tôi. O

MƯỜI HẠNH ĐÁNG ĐƯỢC TÔN KÍNH

– Thưa ngài Anan, có vị Tăng nào



được cả Tăng đoàn cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường, thậm chí nương tựa?

– Nay Bà-la-môn, có nhiều vị Tăng thuộc hàng như thế. Đó là những vị đủ mười pháp hỷ được Phật tuyên dạy, đáng được cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường, nương tựa. Trong chúng tôi đây, bất cứ vị nào đủ mười pháp hỷ đều xứng đáng được mọi người nương tựa. Mười pháp hỷ là: O

Một có giới hạnh, tự làm chủ mình với giới Cụ Túc, đầy đủ oai nghi, thể hiện chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong lỗi nhỏ nhất, nỗ lực thực tập, thọ trì học pháp.

Hai là đa văn, tiếp thu điều nghe, nắm giữ điều học; pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa và văn, tỏ hạnh tâm linh hoàn toàn thanh tịnh, khi nghe liền học, làm cho quen thuộc, luôn luôn tâm niệm, khéo được chánh kiến.



Ba là biết đủ với các vật dụng: y phục, thực phẩm, sàng tọa, thuốc thang.

Bốn là đạt thiên, tùy theo ý muốn, không hề khó khăn, chúng được bốn thiên, thuộc tầng thượng tâm, hạnh phúc hiện tiền.

Năm là đạt được thần thông sai biệt, hiện ra nhiều thân, biến lại một thân, hiện hình biến mất, xuyên tường vách núi, bay lửng trên không, độn thổ nhiều cách, trên nước không chìm, ngồi thế hoa sen ở giữa không gian như chim có cánh; tay chạm mặt trăng, với tới mặt trời, những vật oai lực, oai thần to lớn, bay đến Phạm thiên.

Sáu là thần thông rõ biết tâm người. Vào tâm chúng sinh, tâm người tâm mình, vị ấy biết rõ: tâm tham biết tham, tâm sân biết sân, tâm si biết si; không tham sân si biết rõ không có; biết rõ các



tâm chuyên chú, tán loạn, đại hành hay không, vô thượng hay chưa, thiên định mức nào; giải thoát nhiều ít.

Bảy là thần thông nghe được các tiếng của người và vật, không bị gián cách.

Tám là thần thông biết rõ đời trước của bản thân mình, một hay nhiều kiếp, từ nét đại cương cho đến chi tiết.

Chín là thiên nhãn, thấy rõ chúng sinh, người giàu kẻ nghèo, người đẹp kẻ xấu, người luôn may mắn, kẻ nhiều bất hạnh, đều do nghiệp tạo.

Mười là thấy rõ lậu hoặc đã hết. Khi diệt lậu hoặc, chứng bằng thượng trí, vững trong hiện tại, không còn rơi rớt, tâm được giải thoát, giải thoát bằng tuệ.

Này Bà-la-môn, ai đạt đầy đủ mười pháp khả hỷ được Thế Tôn dạy, là đáng cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, nương tựa. O



TU THIỀN CHUYỂN HÓA

Nghe trình bày xong, vị Bà-la-môn tên là Vũ Thế⁽²⁾ là quan đại thần nước Ma-kiệt-đà, thưa với tướng quân Upananda:

– Tướng quân nghĩ sao, các tôn giả này đã sống cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường, nương tựa những người xứng đáng; nếu không làm thế, ai xứng đáng được?

Dứt lời Vũ Thế hỏi ngài A-nan:

– Xin ngài cho biết, ngài đang ở đâu ?

– Đây Bà-la-môn, tôi ở Trúc Lâm.

– Có phải Trúc Lâm là nơi lý tưởng, cảnh trí yên tịnh, xa khu dân cư, được che khỏi gió, thích hợp thiền định?

– Đúng là Trúc Lâm, một nơi lý tưởng, cảnh trí yên tịnh, xa khu dân cư, được che khỏi gió, thích hợp thiền định, xứng đáng với người hộ trì như bạn. O

2. Vassakara.



– Nó thật thích hợp với người tu thiền, chuyên tu về thiền như quý tôn giả. Thưa ngài A-nan, khi đức Phật ở giảng đường Trùng Các trong rừng Đại Lâm, thuộc Vesali, tôi đến gặp người, được nghe người dạy về thiền định luận với nhiều phương tiện. Thế Tôn đích thực là người tu thiền, lão luyện về thiền, khen ngợi nhiều cách các loại thiền định. O

– Nay Bà-la-môn, không hẳn như thế. Thế Tôn không khen các loại thiền định. Các loại thiền định [làm cho hành giả] dính vào dục tham cũng như sân si, bị chúng chi phối, nên không biết được cách thoát khỏi chúng, khi chúng có mặt. Với pháp thiền này, dục tham và sân được quan niệm là đối tượng tối hậu của tiến trình thiền: Thiền tu, thiền tư, thiền định, thiền nhập. Một số pháp thiền, thiền sinh bị dính hôn trầm, ngủ ngỉ, dao động,



hối hận và sự hoài nghi. Các loại thiền này, Phật không tán thán.

Phương pháp thiền định được Phật tán thán là thiền thứ nhất, trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ. Diệt tâm và tứ, hành giả đạt được cấp thiền thứ hai, trạng thái hỷ lạc do thiền định sanh, không tâm, không tứ. Nội tĩnh nhất tâm, chứng thiền thứ ba. Xả niệm thanh tịnh, chứng thiền thứ tư. O

– Thưa ngài A-nan, Thế Tôn tán thán thiền đáng tán thán, đồng thời khiển trách thiền không đúng pháp. Chúng tôi phải đi, vì còn nhiều việc, phận sự phải làm.

– Nay Bà-la-môn, bạn hãy làm gì được xem hợp thời.

Khi ông Thế Vũ, đứng dậy ra đi với niềm hoan hỷ lời ngài A-nan, ông Bà-la-môn Mog-ga-la-na, cung kính thưa rằng:



– Nếu phía chúng tôi không ai chịu hỏi thời tôn giả đây đã không trả lời.

– Nay Bà-la-môn, tôi đã nói rằng: “Không tu sĩ nào thành tựu mười pháp như Thế Tôn được. Thế Tôn là người giới thiệu con đường trước chưa từng biết, giúp cho mọi người biết rõ con đường trước chưa từng biết, tuyên bố con đường trước chưa từng nghe. Thế Tôn là người hiểu đạo, ngộ đạo, lão luyện về đạo. Đệ tử của ngài, nay và mai sau, là người hành đạo, tùy hành đạo lý, sẽ thành tựu được con đường về sau”. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O





CÁC KINH VỀ THIỆN VÀ CHUYỂN HÓA





43. KINH CỐT LỖI THIÊN TẬP

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, đang cư trú tại tinh xá Kỳ-viên, trong lúc thiên quán, Thế Tôn nghĩ rằng: “Thời điểm đã đến giúp La-hầu-la thuận thực trong pháp để được giải thoát. Hãy huấn luyện thêm để La-hầu-la dứt sạch lậu hoặc”. Sau đó, Thế Tôn đắp y, cầm bát, vào thành Xá-vệ khát thực hóa duyên. Về lại tinh xá, Thế Tôn cho gọi thầy La-hầu-la: O

– Này La-hầu-la, hãy cầm tọa cụ, thầy và đệ tử cùng đến khu rừng An-dha-va-na để nghỉ ban ngày.

Vâng lời Phật dạy, thầy La-hầu-la theo sau Thế Tôn. Hàng ngàn thiên nhân đi theo Thế Tôn vì biết hôm nay, Thế Tôn



dạy cách dứt trừ lậu hoặc. Khi đến khu rừng, mỗi người ngồi dưới một gốc cây to. Thầy La-hầu-la đánh lễ Thế Tôn, ngồi xuống một bên.

– Này La-hầu-la, con cho thầy biết mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thế nào?

– Kính bạch Thế Tôn, sáu giác quan là vô thường, biến hoại, dẫn đến khổ đau.

– Này La-hầu-la, thật không hợp lý, nếu ai cho rằng: “Cả sáu giác quan đều là của tôi, là tôi, tự ngã của tôi”. Này La-hầu-la, con nghĩ thế nào, hình thái, âm thanh, mùi, vị, xúc chạm và ý hình dung, bản chất thế nào?

– Kính bạch Thế Tôn, sáu nhóm đối tượng của sáu giác quan đều là vô thường, biến hoại, khổ đau. Thật không hợp lý, nếu cho chúng là “của tôi, là tôi, tự ngã của tôi”.

– Này La-hầu-la, con cho thầy biết sáu



loại nhận thức từ sáu giác quan, bản chất ra sao?

– Kính bạch Thế Tôn, sáu giác quan và sáu đối tượng chúng đều là vô thường. Sáu loại nhận thức do sự tiếp xúc giữa các giác quan với các đối vật mà được sinh ra cũng phải vô thường, biến hoại, khổ đau. Từ gốc ý xúc kéo theo một chuỗi cảm giác, ý niệm, tâm tư, nhận thức cũng giống như thế. Không thể đồng hóa nhận thức là tôi, hay thuộc của tôi, là tự ngã tôi.

– Này La-hầu-la, do thấy như trên, một người đa văn hay đệ tử thánh nhằm chán con mắt, hình thái, nhận thức và tiếp xúc mắt; đồng thời nhằm chán một chuỗi kéo theo cảm giác, ý niệm, tâm tư, nhận thức. Cách thực tập này giúp cho hành giả không còn đắm nhiễm vào các giác quan, đối tượng, nhận thức và sự tiếp xúc. Từ sự nhàn chán dẫn đến lìa tham, đạt được giải thoát. Trong sự giải

thoát, vị ấy biết rõ ta được giải thoát: “Tái sinh đã dứt, hạnh thánh đã thành, việc nên đã làm, không còn trở lại trạng thái sinh tử”.

Nghe Thế Tôn giảng, thầy La-hầu-la vô cùng hoan hỷ, thực hành lời Phật. Tâm của tôn giả đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ. Những người tùy tùng đạt được mắt pháp lià trần, không dơ: “Mọi thứ trên đời, cái gì có mặt đều bị biến diệt”. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O





44. KINH BỐN PHÁP QUÁN NIỆM

Tôi nghe như vậy. Hồi ấy Thế Tôn lưu trú tại tỉnh Kiềm-ma-sắt-đàm⁽¹⁾ thuộc nước Kuru.⁽²⁾ Một hôm Thế Tôn gọi các Tỳ-kheo, dạy cách quán niệm: “Có một độc lộ có thể tịnh hóa tất cả chúng sanh, vượt khỏi khổ đau, diệt trừ sâu não, thành tựu tuệ giác, chứng ngộ Niết-bàn.” Con đường đó là bốn điều quán niệm:⁽³⁾ Quán thân là thân,⁽⁴⁾ quán thọ là thọ,⁽⁵⁾ quán tâm là tâm,⁽⁶⁾ quán pháp là pháp,⁽⁷⁾ với lòng nhiệt tâm, tỉnh

1. Phiên âm từ tiếng Pali “Kammassadhamma.”

2. Hán phiên âm là Câu-lâu.

3. Hán: tứ niệm xứ.

4. Thường được dịch là “quán thân trên thân.”

5. Thường được dịch là “quán thọ trên các cảm thọ.”

6. Thường được dịch là “quán tâm trên tâm.”

7. Thường được dịch là “quán pháp trên các pháp.”



thức, chánh niệm, nhờ đó diệt trừ tham đắm, sầu bi, không còn khổ đau. O

QUÁN THÂN NHƯ THÂN

Này các hành giả, sau đây là cách quán thân như thân. Ở đây, hành giả đi đến khu rừng, hoặc ở gốc cây, hoặc ngôi nhà trống, ngồi thế hoa sen,⁽⁸⁾ giữ lưng ngay thẳng, chánh niệm trước mặt, tinh thức rõ ràng hơi thở ra vào.

Thở vào hơi dài, ý thức rõ ràng: “tôi đang thở vào một hơi thở dài.” Thở ra hơi dài, ý thức rõ ràng: “tôi đang thở ra một hơi thở dài.” Thở vào hơi ngắn, ý thức rõ ràng: “tôi đang thở vào một hơi thở ngắn.” Thở ra hơi ngắn, ý thức rõ ràng: “tôi đang thở ra một hơi thở ngắn.”

Khi thở hơi vào, ý thức⁽⁹⁾ toàn thân. Khi thở hơi ra, ý thức toàn thân. O

8. Thường gọi là “ngồi kiết già.”

9. Thường dịch là “ý thức.”



An tịnh toàn thân, tôi đang thở vào. An tịnh toàn thân, tôi đang thở ra.

Đó là cách sống quán thân là thân ở trong ở ngoài,⁽¹⁰⁾ vừa trong vừa ngoài. Hoặc quán hiện tượng sinh khởi của thân. Hay quán hiện tượng hoại diệt của thân. Hay quán hiện tượng vừa sinh vừa diệt của thân thể này. Có thân thể này, hành giả an trú chánh niệm tỉnh thức, hướng về chánh trí, không hề chấp thủ vật gì trên đời. O

Lại nữa, hành giả đi biết mình đi, đứng biết mình đứng, ngồi biết mình ngồi, nằm biết mình nằm. Ý thức rõ ràng vận hành của thân trong mọi động tác cũng như cử chỉ.

Lại nữa, hành giả ý thức rất rõ tư thế động tác của thân thể mình: Đi tới đi lui,

10. Thường dịch là “quán thân trên nội thân hay quán thân trên ngoại thân.”



ngó qua ngó lại, co duỗi tay chân, cúi xuống ngẩng lên, mặc áo đắp y,⁽¹¹⁾ cầm bát khất thực, ăn uống nhai nếm, đại tiện tiểu tiện, đi đứng nằm ngồi, nói năng im lặng, ngay cả thức ngủ. O

Lại nữa, hành giả quán sát thân này, từ bàn chân lên cho đến đỉnh tóc, bao bọc bởi da, chứa đầy như nhóp. Trong thân này có: Tóc, lông, móng, răng; da, thịt, gân, xương; thận, tủy, tim, gan; hoành mô, lá lách; phổi, ruột, màng ruột; bụng, phân, mật, đờm; mủ, máu, mồ hôi; mỡ thịt mỡ da; nước mắt, nước miếng; nước mủ, nước tiêu; và nước khớp xương. Phải quan sát rõ như người mắt sáng mở bao ngũ cốc, thấy rõ các loại: lúa gạo, mè, bột, đậu xanh đậu đen, hạt lớn hạt nhỏ.

Lại nữa, hành giả quán sát thân này thông qua vị trí cũng như thứ tự của các

11. Nguyên tác là y tăng-già-lê (*Sanghati*).



yếu tố hình thành sắc thân: Đất, nước, lửa, gió. Cũng giống như cách đồ tể khéo tay cắt từng chi phần của con bò lớn tại ngã tư đường, ai cũng thấy rõ. O

Lại nữa, hành giả quán sát thi thể người chết nằm trong nghĩa địa vài ngày. Thi thể trương sinh, xanh rồi tím bầm, dần dần thối rữa. Cái thi thể ấy có thể sẽ bị quạ hay điều hâu, kên kên, chó sói, hay loài giả can hoặc các côn trùng ăn và cấu xé v.v... Cũng có tình huống thi thể còn nguyên, xương thịt gân da vẫn còn dính nhau. Cũng có trường hợp, chỉ còn bộ xương, thịt gân và máu đều đã rời rã, xương tay, xương chân, xương ống, xương chậu, xương sống xương sọ và xương bắp vế. Cũng có trường hợp, thi thể thành xương, trắng như vỏ ốc, hoặc tan thành bột, do để lâu năm. Hành giả thấy rõ bản chất thân này vốn là như vậy, như một quy luật, không thể khác hơn.



Đó là cách thức hành giả thực tập quán thân là thân ở trong ở ngoài,⁽¹²⁾ vừa trong vừa ngoài. Hoặc quán hiện tượng sinh khởi của thân. Hay quán hiện tượng hoại diệt của thân. Hay quán hiện tượng vừa sinh vừa diệt của thân thể này. Có thân thể này, hành giả an trú chánh niệm tỉnh thức, hướng về chánh trí, không hề chấp thủ vật gì trên đời. O

QUÁN THỌ LÀ THỌ

Này các hành giả, sau đây là cách hành giả quán sát dòng chảy cảm xúc chỉ là cảm xúc. Ở đây hành giả có cảm xúc vui thì biết rõ ràng: “tôi có cảm xúc hạnh phúc trong mình;” có cảm xúc khổ thì biết rõ ràng: “tôi có cảm xúc đau khổ trong mình;” khi có cảm xúc không khổ không vui thì biết rõ ràng: “tôi có cảm xúc trung tính trong mình.” Tương tự,

12. Thường dịch là “quán thân trên nội thân hay quán thân trên ngoại thân.”



hành giả tuệ tri rất rõ cảm xúc khổ vui, cảm xúc trung tính, loại thuộc thân thể, loại thuộc tinh thần, phân định rõ ràng trong từng cảm xúc.

Như vậy, hành giả quán dòng cảm xúc ở trong ở ngoài, vừa trong vừa ngoài.⁽¹³⁾ Hoặc quán sinh khởi của dòng cảm xúc. Hay quán hoại diệt của dòng cảm xúc. Hay quán hiện tượng vừa sinh vừa diệt của dòng cảm xúc. Có cảm xúc này, hành giả an trú chánh niệm tỉnh thức, hướng về chánh trí, không hề chấp thủ vật gì trên đời. O

QUÁN TÂM LÀ TÂM

Này các hành giả, sau đây là cách hành giả quán sát tâm chỉ là tâm. Ở đây, hành giả thực tập chính niệm: Với tâm có tham, biết tâm vướng tham; với tâm có sân, biết tâm vướng sân; với tâm có

13. Tức nội thọ và ngoại thọ.



si, biết tâm vương si. Với tâm không có tham, sân và si thì tuệ tri rằng tâm thoát ba độc.⁽¹⁴⁾ Tương tự, hành giả áp dụng tuệ tri với các tâm lý: Chuyên chú, tán loạn; quảng đại, nhỏ nhoi; hữu hạn, vô thượng; định tĩnh hay động; giải thoát hay trói.

Như vậy, hành giả quán sát cái tâm ở trong ở ngoài, vừa trong vừa ngoài.⁽¹⁵⁾ Hoặc quán sinh khởi, hoại diệt của tâm. Hay quán hiện tượng vừa sinh vừa diệt của chính tâm ấy. Có cái tâm này, hành giả an trú chánh niệm tỉnh thức, hướng về chánh trí, không hề chấp thủ vật gì trên đời. O

QUÁN PHÁP LÀ PHÁP

Này các hành giả, sau đây là cách hành giả quán sát *pháp chỉ là pháp*.⁽¹⁶⁾ Ở đây,

14. Tức tham, sân, si.

15. Tức nội tâm và ngoại tâm.

16. Ở đây có nghĩa là “đối tượng nhận thức của tâm.”



hành giả có thể quán sát với năm triền cái. Nội tâm có dục thì biết rõ ràng “tâm tôi có dục.” Nội tâm không dục thì biết rõ ràng “tâm không ái dục.” Hành giả nhận diện có loại ái dục trước nay chưa có nay mới sinh khởi, hoặc trước đã có nay được đoạn diệt, hoặc đã diệt rồi thì không tái hiện. Với cách quán này, hành giả thấy rõ bốn triền cái khác: Tâm lý sân hận, hôn trầm thùy miên, trạo hối và nghi.

Như vậy, hành giả thực tập quán sát pháp chỉ là pháp với năm triền cái, ở trong ở ngoài,⁽¹⁷⁾ vừa trong vừa ngoài.⁽¹⁸⁾ Hoặc quán sinh khởi, hoại diệt của pháp. Hay quán hiện tượng vừa sinh vừa diệt của các pháp ấy. Có các pháp này, hành giả an trú chánh niệm tỉnh thức, hướng về chánh trí, không hề chấp thủ vật gì trên đời. O

17. Tức nội pháp và ngoại pháp.

18. Tức nội tâm và ngoại tâm.



Tương tự, hành giả có thể quán sát pháp chỉ là pháp với năm thủ uẩn. Hành giả tuệ tri: “Đây là sắc thân, đây là nguồn gốc tạo ra sắc thân, đây là trạng thái vắng mặt sắc thân và đây là đường đưa đến tình trạng vắng mặt sắc thân”. Với cách quán này, hành giả thấy rõ bốn thủ uẩn khác: Thọ, tưởng, hành, thức.

Tương tự, hành giả có thể quán sát pháp chỉ là pháp với sáu trần cảnh. Hành giả tuệ tri: “mắt và hình sắc tiếp xúc với nhau, tai với âm thanh, mũi với các mùi, lưỡi với các vị, thân với xúc chạm, ý với các pháp, phát sinh kiết sử.” Hành giả biết rõ loại kiết sử nào, trước nay chưa có nay mới phát sinh, kiết sử đã sinh nay được đoạn diệt, kiết sử đã diệt không còn tái phát. O

Tương tự, hành giả có thể quán sát pháp chỉ là pháp với bảy giác chi. Hành giả tuệ tri: “với tâm có niệm, biết rõ ràng



là tâm tôi có niệm; với tâm thất niệm, biết rõ ràng là tâm tôi thất niệm.” Hành giả biết rõ loại chánh niệm nào, trước nay chưa có nay mới phát sinh, chánh niệm đã sinh nay được thành tựu. Tương tự áp dụng sáu giác chi khác: Trạch pháp, tinh tấn, hỷ và khinh an, định và hành xả.

Tương tự, hành giả có thể quán sát pháp chỉ là pháp với bốn thánh đế. Hành giả tuệ tri: “Đây chính là khổ, đây là gốc khổ, đây là hết khổ và đây chính là con đường diệt khổ”. Như vậy, quán sát pháp chỉ là pháp, ở trong ở ngoài, vừa trong vừa ngoài. Hoặc quán sinh khởi, hoại diệt của pháp. Hay quán hiện tượng vừa sinh vừa diệt của các pháp ấy. Có các pháp này, hành giả an trú chánh niệm tỉnh thức, hướng về chánh trí, không hề chấp thủ vật gì trên đời. O

Này các hành giả, ai tu tập được bốn pháp quán niệm trong vòng bảy năm, có



thê chứng đắc: Chánh trí hiện tại; nếu còn dư y, chứng quả Bất hoàn. Thực ra, thời gian tu tập quán sát có thể ít hơn, chỉ cần một năm, hoặc là bảy tháng, thậm chí bảy ngày, nếu đúng phương pháp, vẫn chứng đắc được hai quả vị trên.

Khi nghe đức Phật giảng giải phân tích về bốn niệm xứ, tất cả mọi người vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thực hành, truyền bá Kinh này.

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật O





45. KINH QUÁN NIỆM HƠI THỞ

THỰC TẬP CHÚNG QUẢ

Tôi nghe như vậy. Một thời đức Phật ở chùa Kỳ Viên, thuộc thành Xá-vệ. Pháp hội bấy giờ có các Thanh Văn thượng thủ, nổi tiếng: Ngài Xá-lợi-phất, ngài Mục-kiền-liên, ngài Ca-chiên-diên, ngài Câu-thi-la, A-nậu-lâu-đà, ngài Ưu-bà-đa và A-nan-đa. Có vị hướng dẫn mười người, hai mươi, ba mươi, bốn mươi... các vị mới tu, giúp cho tiến bộ. Vào rằm tháng tư, đang lúc Tăng đoàn ngồi yên ngoài trời, im lặng trang nghiêm, Phật dạy như sau: O

Này các đệ tử, Tăng đoàn của ta tu học thanh tịnh, không thích phù phiếm, đáng được cúng dường, xứng là ruộng



phước, được đời kính trọng. Có nhiều tu sĩ chứng A-la-hán, phiền não không còn, hạnh thánh đã thành, việc nên đã làm, đặt gánh nặng xuống, đạt được mục đích, giải thoát cao quý nhờ vào trí tuệ.

Có các tu sĩ đã cắt đứt được năm trói buộc đầu, chứng quả Bất Hoàn, không còn luân hồi. Có vị dứt được ba trói buộc đầu, gồm tham, sân, si, chứng quả Nhất Hoàn, trở lại lần nữa ở cõi đời này. Có vị dứt được ba trói buộc đầu, chứng quả Dự Lưu, đang đi trên đường hướng về giác ngộ. Có người thực tập bốn pháp quán niệm. Có vị thực tập bốn điều tinh tấn, bốn như ý túc, năm năng lực lớn, bảy điều giác ngộ, thánh đạo tám nhánh. Có vị thực tập từ, bi, hỷ, xả. Có vị thực tập chín điều quán tưởng về thi thể người. Cũng có các vị thực tập quán niệm hơi thở ra vào.

Này các đệ tử, người siêng thực tập quán niệm hơi thở sẽ được an lạc, đạt



bốn quán niệm. Tiếp tục như thế, hành giả đạt được bảy điều giác ngộ, trí tuệ, giải thoát. Hãy lắng lòng nghe, Thầy sẽ giảng dạy về quán hơi thở. O

MƯỜI SÁU HƠI THỞ

Này các đệ tử, hành giả vào rừng, ngồi dưới gốc cây, hay nơi thanh vắng, ngồi thế hoa sen, giữ lưng ngay thẳng, đặt niệm trước mặt, tỉnh thức rõ ràng hơi thở ra vào. Khi đang thở vào, biết mình thở vào. Khi đang thở ra, biết mình thở ra. Phép quán hơi thở gồm mười sáu bước.

1. Thở vào hơi dài, ý thức rõ ràng: “tôi đang thở vào một hơi thở dài”. Thở ra hơi dài, ý thức rõ ràng: “tôi đang thở ra một hơi thở dài”.

2. Thở vào hơi ngắn, ý thức rõ ràng: “tôi đang thở vào một hơi thở ngắn”. Thở ra hơi ngắn, ý thức rõ ràng: “tôi đang thở ra một hơi thở ngắn”.



3. Khi thở hơi vào, ý thức toàn thân.
Khi thở hơi ra, ý thức toàn thân.

4. Tôi đang thở vào, an tịnh toàn thân.
Tôi đang thở ra, an tịnh toàn thân.

5. Tôi đang thở vào, cảm nhận
mừng vui. Tôi đang thở ra, cảm nhận
mừng vui.

6. Tôi đang thở vào, cảm thấy an lạc.
Tôi đang thở ra, cảm thấy an lạc.

7. Tôi đang thở vào, ý thức rõ ràng
hoạt động tâm ý. Tôi đang thở ra, ý thức
rõ ràng hoạt động tâm ý.

8. Tôi đang thở vào, hoạt động tâm ý
đang được an tịnh. Tôi đang thở ra, hoạt
động tâm ý đang được an tịnh.

9. Tôi đang thở vào, cảm giác về tâm.
Tôi đang thở ra, cảm giác về tâm.

10. Tôi đang thở vào với tâm hân hoan.
Tôi đang thở ra với tâm hân hoan.



11. Tôi đang thở vào với tâm thiền định. Tôi đang thở ra với tâm thiền định.

12. Tôi đang thở vào với tâm giải thoát. Tôi đang thở ra với tâm giải thoát.

13. Tôi đang thở vào, quán tưởng vô thường. Tôi đang thở ra, quán tưởng vô thường.

14. Tôi đang thở vào, quán tưởng lìa tham. Tôi đang thở ra, quán tưởng lìa tham.

15. Tôi đang thở vào, quán tưởng hoại diệt. Tôi đang thở ra, quán tưởng hoại diệt.

16. Tôi đang thở vào, quán tưởng buông bỏ. Tôi đang thở ra, quán tưởng buông bỏ.

Phép quán hơi thở, như chỉ dẫn trên, nếu siêng tu tập một cách miên mật sẽ giúp đạt được các thành quả lớn, an lạc, giải thoát. O

HƠI THỞ VÀ BỐN ĐIỀU QUÁN NIỆM

Này các đệ tử, khi một hành giả quán



niệm hơi thở dài, ngắn, ra, vào mà có ý thức về hơi thở ấy và toàn thân mình, làm cho toàn thân trở nên an tịnh, thì hành giả ấy đang thực tập tốt “quán thân như thân,” tinh tấn, tỉnh thức, không còn tham đắm hay là chán ghét đối với cuộc sống. Đây là chánh niệm đối với thân thể. O

Này các đệ tử, khi thở ra vào mà có ý thức về sự vui mừng, về sự an lạc, hoạt động tâm ý, an tịnh tâm ý, thì hành giả ấy đang thực tập tốt “quán các cảm giác như các cảm giác”, tinh tấn, tỉnh thức, không còn tham đắm hay là chán ghét đối với cuộc sống. Đây là chánh niệm đối với cảm giác.

Này các đệ tử, khi thở ra vào, cảm nhận về tâm, với tâm hân hoan, với tâm thiền định, với tâm giải thoát, thì hành giả ấy đang thực tập tốt “quán tâm như tâm”, tinh tấn, tỉnh thức, không còn tham đắm



hay là chán ghét đối với cuộc sống. Đây là chánh niệm đối với tâm ý.

Này các đệ tử, khi thở ra vào, quán tưởng vô thường, quán tưởng lìa tham, quán tưởng hoại diệt, quán tưởng buông bỏ, thì hành giả ấy đang thực tập tốt “quán pháp như pháp”, tinh tấn, tỉnh thức, không còn tham đắm hay là chán ghét đối với cuộc sống. Đây là chánh niệm đối với vạn pháp. O

HƠI THỞ VÀ BẢY ĐIỀU GIÁC NGỘ

Phép quán hơi thở, nếu siêng tu tập một cách miên mật sẽ giúp đạt được bốn pháp quán niệm, như vừa nêu trên. Khi thực tập được bốn phép quán niệm, hành giả đạt được bảy điều giác ngộ một cách trọn vẹn. Khi các hành giả thực tập đúng cách quán thân như thân, quán thọ như thọ, quán tâm như tâm, quán pháp như pháp, tinh tấn, tỉnh thức, không còn tham



đắm hay là chán ghét đối với cuộc sống, thì đúng lúc ấy, hành giả đạt được chánh niệm vững vàng. Đây là yếu tố giác ngộ thứ nhất: Chánh niệm, tỉnh giác. An trú chánh niệm, hành giả quyết trạch về mọi sự vật, đối tượng tâm ý. Đây là trạch pháp: Giác ngộ thứ hai. Giữ vững chánh niệm, quyết trạch vạn pháp, hành giả đạt được siêng năng, bền bỉ. Đây là tinh tấn: Giác ngộ thứ ba. Khi đã an trú trong sự tinh tấn, hành giả đạt được hỷ lạc siêu việt. Đây là hỷ lạc: Giác ngộ thứ tư. An trú hỷ lạc, hành giả cảm thấy thân và tâm mình nhẹ nhàng, an tịnh. Đây là khinh an: Giác ngộ thứ năm. Khi thân và tâm an trụ trạng thái nhẹ nhàng, an tịnh, hành giả đạt được thiên định chân chính. Đây là chánh định: Giác ngộ thứ sáu. An trụ trong định, không còn phân biệt, hành giả đạt được trạng thái buông bỏ. Đây là hành xả: Giác ngộ thứ bảy.



Này các đệ tử, khi thực tập được bảy điều giác ngộ, hành giả đạt được giải thoát trọn vẹn nhờ vào trí tuệ. Đang khi thực tập bảy điều giác ngộ, một mình an tịnh, quán chiếu rõ ràng vô thường, lìa tham, hoại diệt, buông xả, hành giả thành tựu trí tuệ giải thoát.

Nghe Phật giảng dạy về cách quán niệm hơi thở ra vào, mọi người có mặt vô cùng mừng rỡ, phát nguyện thực tập, truyền bá Kinh này. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O





46. KINH CÁC CẤP THIỀN QUÁN

Tôi nghe như vậy. Trong một hôm nọ, đang ở Kỳ Viên thuộc thành Xá-vệ, đức Phật ôn tồn gọi các Tỷ-kheo và dạy như sau.

– Nay các đệ tử, thầy Xá-lợi-phất là bậc hiền trí; là bậc đại tuệ, quảng tuệ, hỷ tuệ, tiệp tuệ, lợi tuệ và quyết trạch tuệ (*nibbedhikapanna*). Thầy Xá-lợi-phất có thể thực tập pháp quán bất đoạn suốt nửa tháng liền. O

CẤP THIỀN THỨ NHẤT

Này các đệ tử, thầy Xá-lợi-phất thực hành ly dục, lìa pháp bất thiện, chứng thiền thứ nhất, trạng thái hỷ lạc do lìa dục sanh, có tầm, có tứ. Đồng thời chứng được những pháp thuộc về tầng thiền thứ



nhất, bao gồm tâm, tứ, hỷ, lạc, nhứt tâm, xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả và tác ý lành.

Thầy Xá-lợi-phất luôn luôn an trú vào các pháp trên không chút gián đoạn; biết chúng xuất hiện, biết chúng an trú, biết chúng kết thúc; không hề quuyến luyến, cũng không kháng cự, giữ tâm độc lập, không bị trói buộc, hệ lụy, dính mắc, đạt được giải thoát, an trú với tâm không có hạn chế. Thầy Xá-lợi-phất thấy biết rất rõ, còn có giải thoát cao hơn thế nữa; còn có nhiều việc phải làm hơn nữa. O

CẤP THIÊN THỨ HAI

Này các đệ tử, thầy Xá-lợi-phất chấm dứt tâm, tứ, chúng và an trú cảnh thiên thứ hai, trạng thái hỷ lạc do thiên định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhứt tâm. [...]



CẤP THIỀN THỨ BA

Này các đệ tử, thầy Xá-lợi-phất lìa vui, trụ buông, chánh niệm tỉnh thức, thân cảm nhận được cảm giác an lạc được bậc Thánh “xả niệm lạc trú,” chứng và an trú cảnh thiền thứ ba. Những pháp thuộc về cảnh thiền hai, ba bao gồm nội tĩnh, hỷ, lạc, nhứt tâm; xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả và tác ý lành. [...]

O

CẤP THIỀN THỨ TƯ

Này các đệ tử, thầy Xá-lợi-phất buông khổ, buông vui, chấm dứt vui buồn đã cảm nhận trước, chứng và an trú cảnh thiền thứ tư, không khổ, không vui, buông niệm, thanh tịnh. Những pháp thuộc về cảnh thiền thứ tư, như trạng thái buông, dòng chảy cảm giác không khổ không vui, vô quán niệm tâm (*Cetaso anabhogo*), thanh tịnh nhờ niệm, nhứt tâm; xúc,



thọ, tướng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả và tác ý lành.

Thầy Xá-lợi-phất luôn luôn an trụ vào các pháp trên không chút gián đoạn; biết chúng xuất hiện, biết chúng an trú, biết chúng kết thúc; không hề quyến luyến, cũng không kháng cự, giữ tâm độc lập, không bị trói buộc, hệ lụy, dính mắc, đạt được giải thoát, an trú với tâm không có hạn chế. Thầy Xá-lợi-phất thấy biết rất rõ, còn có giải thoát cao hơn thế nữa; còn có nhiều việc phải làm hơn nữa. O

CÁC CẤP THIÊN VÔ SẮC

Này các đệ tử, thầy Xá-lợi-phất vượt khỏi sắc tướng, dứt chướng ngại tướng, không có khởi niệm về các dị tướng, cảm nghĩ như sau: “Hư không vô biên”, chứng và an trú không vô biên xứ. [...]

Này các đệ tử, thầy Xá-lợi-phất không còn trụ dính Không vô biên xứ, cảm nghĩ



như sau: “Thức là vô biên”, chứng và an trú thức vô biên xứ. [...]

Này các đệ tử, thầy Xá-lợi-phất không còn trụ dính thức vô biên xứ, cảm nghĩ như sau: “Không có vật gì”, chứng và an trú Vô sở hữu xứ. [...].

Này các đệ tử, thầy Xá-lợi-phất không còn trụ dính Vô sở hữu xứ, chứng và an trú cảnh giới Phi tướng phi phi tướng xứ. Với dòng chánh niệm, thầy Xá-lợi-phất xuất khỏi định ấy, nhận thấy rõ chúng thuộc về quá khứ, chịu sự biến hoại. [...].

Này các đệ tử, thầy Xá-lợi-phất vượt thoát phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và an trú Diệt thọ tướng định. Thấy bằng trí tuệ, tất cả lậu hoặc đều được kết thúc. Với dòng chánh niệm, thầy Xá-lợi-phất xuất khỏi định ấy, nhận thấy rõ chúng thuộc về quá khứ, chịu sự biến hoại. Thầy Xá-lợi-phất luôn luôn an trú vào



các pháp trên không chút gián đoạn; biết chúng xuất hiện, biết chúng an trú, biết chúng kết thúc; không hề quyền luyến, cũng không kháng cự, giữ tâm độc lập, không bị trói buộc, hệ lụy, dính mắc, đạt được giải thoát, an trú với tâm không có hạn chế. Thầy Xá-lợi-phất thấy biết rất rõ, còn có giải thoát cao hơn thế nữa; còn có nhiều việc phải làm hơn nữa. O

Này các đệ tử, nếu nói chơn thực, thầy Xá-lợi-phất đáng được gọi là: “Người được tự tại, đạt được cứu cánh trong đạo đức Thánh ... trong định bậc thánh, trong tuệ bậc thánh, trong giải thoát thánh.” Thầy Xá-lợi-phất là con chánh tông của đức Thế Tôn, sanh từ miệng Phật, có từ chính Pháp, do Pháp hóa thành, kế thừa chính pháp, không bận kế thừa những thứ vật chất”. Thầy Xá-lợi-phất đã chuyên xe pháp cao siêu, chân chính, mà đức Như Lai đã từng vận chuyển.



Nghe Phật giảng xong, tất cả mọi người
hoan hỷ, tiếp nhận, thực hành, theo lời
Phật dạy. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O





47. KINH BỐN LOẠI HÀNH THIỀN

Tôi nghe như vậy. Có một thuở nọ, ở chùa Kỳ Viên thuộc thành Xá-vệ, đức Phật tập hợp tất cả đệ tử, giảng dạy tinh yếu về bốn loại thiền.

“Này các đệ tử, có bốn loại thiền được người thực hành trong cuộc đời này. Một, thiền phát triển rồi lại thoái chuyển. Hai, thiền thoái chuyển rồi lại phát triển. Ba, thiền thoái chuyển thì biết thoái chuyển. Bốn, thiền phát triển thì biết phát triển”. O

Thế nào gọi là hành thiền phát triển mà gọi thoái chuyển?

Này các đệ tử, có bảy trường hợp. Trường hợp thứ nhất, có người hành thiền xa lìa tham dục và các bất thiện, thực tập quán chiếu, trải nghiệm tỉnh



giác; niềm vui, hạnh phúc từ đó phát sinh, chúng được thiền một. Vị hành giả này tu chánh tư duy, đang từ thiền một hướng đến thiền hai, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt. Người đó nghĩ rằng: “Tâm lìa bốn tướng, rồi hướng chỗ khác, làm mất thiền một và mất chánh định”. Người hành thiền đó không biết được rằng đó là trạng thái đang nhập thiền hai, đối với như thật mà lại chuyển ý, nên đánh mất định. Đây là trường hợp thiền đang phát triển trở nên thoái chuyển. O

Trường hợp thứ hai, có người tu thiền, đạt được nội tĩnh và sự nhất tâm; không còn quán chiếu và sự tỉnh giác; niềm vui, hạnh phúc phát sinh nhờ định, chúng thiền thứ hai. Vị hành giả này tu chánh tư duy, đang từ thiền hai hướng đến thiền ba, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt. Do vì không biết, người ấy nghĩ rằng “Tâm lìa bốn tướng, rồi hướng chỗ khác, làm



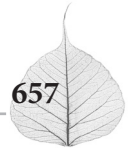
mất thiền hai và mất chánh định”. Người hành thiền đó không biết được rằng đó là trạng thái đang nhập thiền ba, đối với như thật mà lại chuyển ý, nên đánh mất định. Đây là trường hợp thiền đang phát triển trở nên thoái chuyển. O

Trường hợp thứ ba, có người tu thiền buông xả niềm vui, hạnh phúc nội tại, an trụ vô cầu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, đạt được Thánh xả; niệm, an trú lạc, chứng thiền thứ ba. Vị hành giả này tu chánh tư duy, đang từ thiền ba hướng đến thiền bốn, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt. Do vì không biết, người ấy nghĩ rằng “Tâm lìa bốn tướng, rồi hướng chỗ khác, làm mất thiền ba và mất chánh định”. Người hành thiền đó không biết được rằng đó là trạng thái đang nhập thiền bốn, đối với như thật mà lại chuyển ý, nên đánh mất định. Đây là trường hợp thiền đang phát triển trở nên thoái chuyển.



Trường hợp thứ tư, có người tu thiền, tâm xa lìa hết cảm giác khổ, vui, không khổ - không vui, xả niệm thanh tịnh, chứng được thiền bốn. Vị hành giả này tu chánh tư duy, đang từ thiền bốn hướng đến cảnh thiền “Vô lượng không xứ”, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt. Do vì không biết, người ấy nghĩ rằng “Tâm lìa bốn tướng, rồi hướng chỗ khác, làm mất thiền bốn và mất chánh định”. Người hành thiền đó không biết được rằng đó là trạng thái **Vô lượng không xứ**, đối với như thật mà lại chuyển ý, nên đánh mất định. Đây là trường hợp thiền đang phát triển trở nên thoái chuyển. O

Trường hợp thứ năm, có người tu thiền vượt qua sắc tướng và diệt hữu tướng, không kẹt vào tướng, nhập vô lượng không. Vị hành giả này tu chánh tư duy, nên đang chuyển từ Vô lượng không xứ, sang trạng thái thiền “Vô lượng thức xứ”,



trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt. Do vì không biết, người ấy nghĩ rằng “Tâm lìa bốn tướng, rời hướng chỗ khác, làm mất chánh định, vô lượng không xứ”. Người hành thiền đó không biết được rằng đó là trạng thái **Vô lượng thức xứ**, đối với như thật mà lại chuyển ý, nên đánh mất định. Đây là trường hợp thiền đang phát triển trở nên thoái chuyển. O

Trường hợp thứ sáu, có người tu thiền vượt qua tất cả vô lượng không xứ, an trụ trọn vẹn vô lượng thức xứ. Vị hành giả này tu chánh tư duy, nên đang chuyển từ Vô lượng thức xứ, sang trạng thái thiền “Vô sở hữu xứ”, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt. Do vì không biết, người ấy nghĩ rằng “Tâm lìa bốn tướng, rời hướng chỗ khác, làm mất chánh định, vô lượng thức xứ”. Người hành thiền đó không biết được rằng đó là trạng thái **Vô sở hữu xứ**, đối với như thật mà lại chuyển ý, nên



đánh mất định. Đây là trường hợp thiền đang phát triển trở nên thoái chuyển. O

Trường hợp thứ bảy, có người tu thiền vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, an trụ trọn vẹn vô sở hữu xứ. Vị hành giả này tu chánh tư duy, nên đang chuyển từ Vô sở hữu xứ, sang thiền “phi tướng phi vô tướng xứ”, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt. Do vì không biết, người ấy nghĩ rằng “Tâm lìa bốn tướng, rồi hướng chỗ khác, làm mất chánh định, vô sở hữu xứ”. Người hành thiền đó không biết được rằng đó là trạng thái **Phi tướng phi phi tướng xứ**, đối với như thật mà lại chuyển ý, nên đánh mất định. Đây là trường hợp thiền đang phát triển trở nên thoái chuyển. O

Thế nào gọi là hành thiền thoái chuyển mà tướng phát triển?

Này các đệ tử, trường hợp thứ nhất, có người hành thiền xa lìa tham dục và



các bất thiện, thực tập quán chiếu, trải nghiệm tỉnh giác; niềm vui, hạnh phúc từ đó phát sinh, chứng được thiền một. Vị hành giả này tư duy trong các suy tưởng hạn hẹp, mà tu thiền hai. Người ấy nghĩ rằng tâm ta tu tập về chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, chuyển từ thiền một sang cảnh thiền hai, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt. Do không biết thật chỉ nên tư duy bằng tưởng tương ưng với các yểm ly mà vào thiền một, nhưng cũng không nên nhập vào thiền hai bằng cách tư duy những tưởng hạn hẹp. Do không biết thật nên không rõ tâm, nên đánh mất định. Hành thiền như vậy là đang thoái chuyển mà tưởng phát triển. O

Trường hợp thứ hai, có người hành thiền đã dứt quán chiếu cũng như tỉnh giác, đạt được nội tĩnh và sự nhất tâm; niềm vui, hạnh phúc từ định phát sinh, chứng được thiền hai. Vị hành giả này



tư duy trong các suy tưởng hạn hẹp, mà tu thiền ba. Người ấy nghĩ rằng tâm ta tu tập về chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, chuyển từ thiền hai sang cảnh thiền ba, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt. Do không biết thật chỉ nên tư duy bằng tưởng tương ưng với các yêm ly mà vào thiền hai, nhưng cũng không nên nhập vào thiền ba bằng cách tư duy những tưởng hạn hẹp. Do không biết thật nên không rõ tâm, nên đánh mất định. Hành thiền như vậy là đang thoái chuyển mà tưởng phát triển. O

Trường hợp thứ ba, có người hành thiền buông xả niềm vui, hạnh phúc nội tại, an trụ vô cầu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, đạt được Thánh xả; niệm, an trú lạc, chứng thiền thứ ba. Vị hành giả này tư duy trong các suy tưởng hạn hẹp, mà tu thiền bốn. Người ấy nghĩ rằng tâm ta tu tập về chánh tư duy, an lạc tịch



tịnh, chuyển từ thiền ba sang cảnh thiền bốn, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt. Do không biết thật chỉ nên tư duy bằng tưởng tương ưng với các yểm ly mà vào thiền ba, nhưng cũng không nên nhập vào thiền bốn bằng cách tư duy những tưởng hạn hẹp. Do không biết thật nên không rõ tâm, nên đánh mất định. Hành thiền như vậy là đang thoái chuyển mà tưởng phát triển. O

Trường hợp thứ tư, có người tu thiền, tâm xa lìa hết cảm giác khổ, vui, không khổ - không vui, xả niệm thanh tịnh, chứng được thiền bốn. Vị hành giả này tư duy trong các suy tưởng hạn hẹp, mà tu con đường “vô lượng không xứ” nhưng lại nghĩ rằng tâm ta tu tập về chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, chuyển từ thiền bốn sang cảnh giới thiền “vô lượng không xứ”, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt. Do không biết thật chỉ nên tư duy bằng



tương tương ứng với các yêm ly mà vào thiên bốn, nhưng cũng không nên nhập vào cảnh thiên vô sở hữu xứ bằng cách tư duy những tướng hạn hẹp. Do không biết thật nên không rõ tâm, nên đánh mất định. Hành thiền như vậy là đang thoái chuyển mà tướng phát triển. O

Trường hợp thứ năm, có người tu thiền vượt qua sắc tướng, diệt hữu đối tướng, không kẹt vào tướng, nhập vô sở hữu xứ. Vị hành giả này tư duy trong các suy tướng hạn hẹp, mà tu con đường “vô lượng thức xứ” nhưng lại nghĩ rằng tâm ta tu tập về chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, chuyển từ cảnh thiên vô lượng không xứ sang cảnh giới thiên “vô lượng thức xứ”, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt. Do không biết thật chỉ nên tư duy bằng tương tương ứng với các yêm ly mà nhập cảnh thiên vô lượng không xứ, nhưng cũng không nên nhập vào cảnh thiên vô lượng thức xứ bằng cách tư



duy những tưởng hạn hẹp. Do không biết thật nên không rõ tâm, nên đánh mất định. Hành thiền như vậy là đang thoái chuyển mà tưởng phát triển. O

Trường hợp thứ sáu, có người tu thiền vượt qua tất cả vô lượng không xứ, an trụ trọn vẹn vô lượng thức xứ. Vị hành giả này tư duy trong các suy tưởng hạn hẹp, mà tu con đường “vô sở hữu xứ” nhưng lại nghĩ rằng tâm ta tu tập về chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, chuyển từ cảnh thiền vô lượng thức xứ sang cảnh giới thiền “vô sở hữu xứ”, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt. Do không biết thật chỉ nên tư duy bằng tưởng tượng ứng với các yểm ly mà nhập cảnh thiền vô lượng thức xứ, nhưng cũng không nên nhập vào cảnh thiền vô sở hữu xứ bằng cách tư duy những tưởng hạn hẹp. Do không biết thật nên không rõ tâm, nên đánh mất định. Hành thiền như vậy là đang thoái chuyển mà tưởng phát triển. O



Trường hợp thứ bảy, có người tu thiền vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, an trụ trọn vẹn vô sở hữu xứ. Vị hành giả này tư duy trong các suy tưởng hạn hẹp, mà tu con đường “vô sở hữu xứ” nhưng lại nghĩ rằng tâm ta tu tập về chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, chuyển từ cảnh thiền vô sở hữu xứ sang “phi hữu tướng, phi vô tướng xứ”, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt. Do không biết thật chỉ nên tư duy bằng tưởng tương ứng với các yểm ly mà nhập cảnh thiền vô sở hữu xứ, nhưng cũng không nên nhập “phi hữu tướng, phi vô tướng xứ” bằng cách tư duy những tưởng hạn hẹp. Do không biết thật nên không rõ tâm, nên đánh mất định. Hành thiền như vậy là đang thoái chuyển mà tưởng phát triển. O

Thế nào gọi là hành thiền thoái chuyển thì biết như thật là đang thoái chuyển?

Này các đệ tử, có tám trường hợp. Trường hợp thứ nhất, hành giả tu thiền,



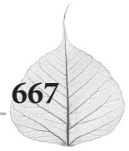
nhờ vào sở hành, đối tượng, mục tiêu, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, chứng Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, nhưng không chấp vào sở hành vừa nêu, không suy niệm về đối tượng, mục tiêu, mà chỉ thực hành trên tướng tương ưng Vô sở hữu xứ, nên đã thoái chuyển trở lại chỗ đó. Vị ấy nghĩ rằng “Tâm lìa bốn tướng, hướng đến chỗ khác, mất Phi hữu tướng phi vô tướng xứ; nên đánh mất định”. Biết như thật rồi, không hề thoái ý, không đánh mất định. Hành thiền như vậy gọi là suy thoái thì biết như thật đang là suy thoái. O

Trường hợp thứ hai, hành giả tu thiền, nhờ vào sở hành, đối tượng, mục tiêu, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng vô sở hữu, nhưng không chấp vào sở hành vừa nêu, không suy niệm về đối tượng, mục tiêu, mà chỉ thực hành trên tướng tương ưng vô lượng



thức xứ, nên đã thoái chuyển trở lại chỗ đó. Vị ấy nghĩ rằng “Tâm lìa bốn tướng, hướng đến chỗ khác, nên đã đánh mất vô sở hữu xứ cũng như chánh định”. Biết như thật rồi, không hề thoái ý, không đánh mất định. Hành thiền như vậy gọi là suy thoái thì biết như thật đang là suy thoái. O

Trường hợp thứ ba, hành giả tu thiền, nhờ vào sở hành, đối tượng, mục tiêu, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng vô lượng thức, nhưng không chấp vào sở hành vừa nêu, không suy niệm về đối tượng, mục tiêu, mà chỉ thực hành trên tướng tương ưng vô lượng không xứ, nên đã thoái chuyển trở lại chỗ đó. Vị ấy nghĩ rằng “Tâm lìa bốn tướng, hướng đến chỗ khác, nên đã đánh mất vô lượng thức xứ cũng như chánh định”. Biết như thật rồi, không hề thoái ý, không đánh mất định. Hành thiền như vậy gọi là suy thoái thì biết như thật đang là suy thoái. O



Trường hợp thứ tư, hành giả tu thiền, nhờ vào sở hành, đối tượng, mục tiêu, vượt qua sắc tướng, diệt hữu đối tượng, không kẹt vào tướng, nhập vô lượng không, chứng vô lượng không, nhưng không chấp vào sở hành vừa nêu, không suy niệm về đối tượng, mục tiêu, mà chỉ thực hành trên tướng tương ưng sự ái lạc sắc, nên đã thoái chuyển trở lại chỗ đó. Vị ấy nghĩ rằng “Tâm lìa bốn tướng, hướng đến chỗ khác, nên đã đánh mất vô lượng không xú cũng như chánh định”. Biết như thật rồi, không hề thoái ý, không đánh mất định. Hành thiền như vậy gọi là suy thoái thì biết như thật đang là suy thoái. O

Trường hợp thứ năm, hành giả tu thiền, nhờ vào sở hành, đối tượng, mục tiêu, tâm xa lìa hết cảm giác khổ, vui, không khổ - không vui, xả niệm thanh tịnh, chứng được thiền bốn, nhưng không chấp vào sở hành vừa nêu, không suy niệm về đối



tượng, mục tiêu, mà chỉ thực hành trên tướng tương ứng cảnh thiền thứ ba, nên đã thoái chuyển trở lại chỗ đó. Vị ấy nghĩ rằng “Tâm lìa bốn tướng, hướng đến chỗ khác, nên đã đánh mất cảnh thiền thứ tư cũng như chánh định”. Biết như thật rồi, không hề thoái ý, không đánh mất định. Hành thiền như vậy gọi là suy thoái thì biết như thật đang là suy thoái. O

Trường hợp thứ sáu, hành giả tu thiền, nhờ vào sở hành, đối tượng, mục tiêu, buông xả niềm vui, hạnh phúc nội tại, an trụ vô cầu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, đạt được Thánh xả; niệm, an trú lạc, chứng thiền thứ ba, nhưng không chấp vào sở hành vừa nêu, không suy niệm về đối tượng, mục tiêu, mà chỉ thực hành trên tướng tương ứng cảnh thiền thứ hai, nên đã thoái chuyển trở lại chỗ đó. Vị ấy nghĩ rằng “Tâm lìa bốn tướng, hướng đến chỗ khác, nên đã đánh



mất cảnh thiền thứ ba cũng như chánh định”. Biết như thật rồi, không hề thoái ý, không đánh mất định. Hành thiền như vậy gọi là suy thoái thì biết như thật đang là suy thoái. O

Trường hợp thứ bảy, hành giả tu thiền, nhờ vào sở hành, đối tượng, mục tiêu, không còn quán chiếu và sự tỉnh giác; đạt được nội tĩnh và sự nhất tâm; niềm vui, hạnh phúc phát sinh nhờ định, chứng thiền thứ hai, nhưng không chấp vào sở hành vừa nêu, không suy niệm về đối tượng, mục tiêu, mà chỉ thực hành trên tướng tương ứng cảnh thiền thứ nhất, nên đã thoái chuyển trở lại chỗ đó. Vị ấy nghĩ rằng “Tâm lìa bốn tướng, hướng đến chỗ khác, nên đã đánh mất cảnh thiền thứ hai cũng như chánh định”. Biết như thật rồi, không hề thoái ý, không đánh mất định. Hành thiền như vậy gọi là suy thoái thì biết như thật đang là suy thoái. O



Trường hợp thứ tám, hành giả tu thiền, nhờ vào sở hành, đối tượng, mục tiêu, xa lìa tham dục và các bất thiện, thực tập quán chiếu, trải nghiệm tỉnh giác; niềm vui, hạnh phúc từ đó phát sinh, chứng được thiền một, nhưng không chấp vào sở hành vừa nêu, không suy niệm về đối tượng, mục tiêu, mà chỉ thực hành trên tướng tương ưng sự ái dục lạc, nên đã thoái chuyển trở lại chỗ đó. Vị ấy nghĩ rằng “Tâm lìa bốn tướng, hướng đến chỗ khác, nên đã đánh mất cảnh thiền thứ nhất cũng như chánh định”. Biết như thật rồi, không hề thoái ý, không đánh mất định. Hành thiền như vậy gọi là suy thoái thì biết như thật đang là suy thoái. O

Thế nào gọi là hành thiền phát triển thì biết như thật là đang phát triển?

Này các đệ tử, trường hợp thứ nhất, có người hành thiền xa lìa tham dục và các bất thiện, thực tập quán chiếu, trải



nghiệm tỉnh giác; niềm vui, hạnh phúc từ đó phát sinh, chứng được thiên một. Vị hành giả này tu tập thực sự, suy nghĩ như sau: “Tâm ta tu tập pháp chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, đang từ thiên một hướng đến thiên hai, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt”. Do biết như thật nên biết được tâm, không mất chánh định. Đây là trường hợp thiên đang phát triển thì biết như thật thiên đang phát triển. O

Trường hợp thứ hai, có người hành thiên đạt được nội tĩnh và sự nhất tâm; không còn quán chiếu và sự tỉnh giác; niềm vui, hạnh phúc phát sinh nhờ định, chứng thiên thứ hai. Vị hành giả này tu tập thực sự, suy nghĩ như sau: “Tâm ta tu tập pháp chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, đang từ thiên hai hướng đến thiên ba, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt”. Do biết như thật nên biết được tâm, không mất chánh định. Đây là trường hợp thiên



đang phát triển thì biết như thật thiên đang phát triển. O

Trường hợp thứ ba, có người hành thiên buông xả niềm vui, hạnh phúc nội tại, an trụ vô cầu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, đạt được Thánh xả; niệm, an trú lạc, chứng thiên thứ ba. Vị hành giả này tu tập thực sự, suy nghĩ như sau: “Tâm ta tu tập pháp chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, đang từ thiên ba hướng đến thiên bốn, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt”. Do biết như thật nên biết được tâm, không mất chánh định. Đây là trường hợp thiên đang phát triển thì biết như thật thiên đang phát triển. O

Trường hợp thứ tư, có người hành thiên, tâm xa lìa hết cảm giác khổ, vui, không khổ - không vui, xả niệm thanh tịnh, chứng được thiên bốn. Vị hành giả này tu tập thực sự, suy nghĩ như sau: “Tâm ta tu tập pháp chánh tư duy, an



lạc tịch tịnh, đang từ thiên bốn hướng đến cảnh thiên vô lượng không xứ, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt”. Do biết như thật nên biết được tâm, không mất chánh định. Đây là trường hợp thiên đang phát triển thì biết như thật thiên đang phát triển. O

Trường hợp thứ năm, có người hành thiên vượt qua sắc tướng, diệt hữu đối tướng, không kẹt vào tướng, nhập vô lượng không. Vị hành giả này tu tập thực sự, suy nghĩ như sau: “Tâm ta tu tập pháp chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, đang từ cảnh thiên vô lượng không xứ hướng đến cảnh thiên vô lượng thức xứ, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt”. Do biết như thật nên biết được tâm, không mất chánh định. Đây là trường hợp thiên đang phát triển thì biết như thật thiên đang phát triển. O

Trường hợp thứ sáu, có người hành



thiền vượt qua tất cả vô lượng không xứ, an trụ trọn vẹn vô lượng thức xứ. Vị hành giả này tu tập thực sự, suy nghĩ như sau: “Tâm ta tu tập pháp chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, đang từ cảnh thiền vô lượng thức xứ hướng đến cảnh thiền vô sở hữu xứ, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt”. Do biết như thật nên biết được tâm, không mất chánh định. Đây là trường hợp thiền đang phát triển thì biết như thật thiền đang phát triển. O

Trường hợp thứ bảy, có người hành thiền vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, an trụ trọn vẹn vô sở hữu xứ. Vị hành giả này tu tập thực sự, suy nghĩ như sau: “Tâm ta tu tập pháp chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, đang từ cảnh thiền vô sở hữu xứ hướng đến cảnh giới thiền phi hữu tướng phi vô tướng xứ, trạng thái tịch tịnh rất là đặc biệt”. Do biết như thật nên biết được tâm, không mất chánh định.



Đây là trường hợp thiền đang phát triển thì biết như thật thiền đang phát triển. O

Nghe Phật giải thích một cách khái quát bốn loại tu thiền trong thế gian này, tất cả mọi người phát nguyện thọ trì, truyền bá Kinh này. O

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O





48. KINH ẨM DỤ VỀ THÀNH TRÌ

BẢY HỖ TRỢ CHO THÀNH TRÌ

Tôi nghe như vậy. Có lần ở tại Tịnh xá Kỳ-viên, thuộc thành Xá-vệ do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng, đức Phật giảng dạy ẨM DỤ CÁI THÀNH NHƯ LỜI SAU ĐÂY. O

Này các đệ tử, thành ở biên giới muốn được bền vững, không bị địch phá, phải có đầy đủ bảy điều cần có và bốn lương thực. Bảy điều cần có bao gồm như sau: Một là vọng gác, đắp xây chắc chắn, không thể phá vỡ, bên trong an ổn, ngăn được giặc ngoài. Hai là hào sâu, dọc theo bờ thành, kẻ giặc không dễ xâm nhập vào thành. Ba là giao thông bao quanh kinh thành phải được thông thoáng, bằng



phẳng, rộng rãi, nhiều phương tiện xe có thể qua lại. Bốn là tập trung bốn loại quân binh: quân voi, quân ngựa, quân xe, quân bộ, sẵn sàng đối phó với giặc bên ngoài. Năm là đầy đủ các loại vũ khí, cung, tên, mâu, kích, có thể tự vệ, chế ngự ngoại xâm. Sáu là đại tướng trấn thủ kinh thành có nhiều thao lược, cơ trí sáng suốt, bản lĩnh, dũng mãnh, cương nghị, nghiêm minh; cho người lành vào, ngăn cấm kẻ xấu, giữ trong an ổn, bên ngoài bình yên. Bảy là thành trì có tường cao dày, kiên cố, bền vững, không thể đánh úp từ phía bên ngoài. O

BÓN LOẠI LƯƠNG THỰC

Này các đệ tử, bốn loại lương thực vương thành cần có bao gồm như sau: Một là sung túc các loại nước uống, nhiên liệu dự trữ, đảm bảo mọi người có thể sử dụng một cách lâu dài. Hai là sung túc các loại lương thực bao gồm



lúa gạo, lúa mạch, bột mì, các loại lương khô, cần được dự trữ, đủ cho mọi người đang sống trong thành có thể tiêu thụ trong thời gian dài. Ba là sung túc ngũ cốc các loại bao gồm đậu niêm, đại đậu, tiểu đậu, để người trong thành có thể sử dụng trong thời gian dài. Bốn là sung túc các loại nhu yếu bao gồm thịt khô, cá khô, đường, muối, dầu, bơ, mật ong và các gia vị... có thể sử dụng một cách lâu dài. O

Này các đệ tử, bất cứ thành nào có đủ bảy việc và bốn lương thực như vừa nêu trên thì luôn vững mạnh, không sợ ngoại xâm, kẻ thù phá hoại, chỉ trừ bên trong, phân chia phá hoại. Tương tự như thành, vị đệ tử nào được bảy thiện pháp, bốn tâm tăng thượng sẽ không bị ma làm lung lạc được, cũng không thể bị các điều bất thiện, phiền não nhiễm ô, chàm bầy của đời trở ngại, ngăn cản. Từ đó, tu tập một cách miên mật, không còn tái sinh. O

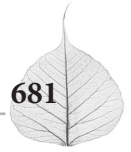


BẢY THIỆN PHÁP

Này các đệ tử, bảy loại thành trì ta ví giống như bảy loại pháp lành bao gồm: Chánh tín, hổ thẹn, lương tâm, tinh tấn, học rộng, chánh niệm, trí tuệ. Hãy lắng lòng nghe Như Lai chỉ dạy: O

Thiện pháp thứ nhất là niềm tin đúng. Người tu học Phật có niềm tin vững, tin vào Như Lai là bậc tuệ giác; không theo Sa-môn hay Bà-la-môn, không thờ Thượng đế và các thần linh; tin sâu chánh pháp gồm tứ thánh đế, giải quyết khổ đau; tin vào Tăng đoàn giới hạnh thanh cao, hướng dẫn chánh pháp, thực tập hạnh phúc.

Thiện pháp thứ hai xấu hổ cá nhân. Những điều xấu, ác, phiền não, khổ đau thì biết xấu hổ, quyết không phạm vào; lỡ đã phạm vào, quyết tâm từ bỏ. Xấu hổ cá nhân giúp ta vượt qua thói quen tiêu cực và lối sống xấu.



Thiện pháp thứ ba hỗ thẹn lương tâm. Những gì xã hội chỉ trích lên án, luật pháp không cho thì quyết không làm. Thấy rõ nghiệp xấu tạo ra khổ đau, dẫn vào sinh tử, phát triển lương tâm, quyết không vướng vào, nhờ đó pháp lành ngày càng tăng trưởng.

Thiện pháp thứ tư là luôn tinh tấn. Siêng năng dứt sạch các điều bất thiện. Siêng năng tu tập tất cả việc lành. Siêng năng, bền chí, quyết không bỏ cuộc các lý tưởng đẹp. Quyết tâm, hướng đến tu tập an vui.

Thiện pháp thứ năm học rộng hiểu nhiều. Nỗ lực học rộng những điều đáng học. Ghi nhớ không quên những điều đã học. Hiểu rõ Phật pháp, toàn thiện phần đầu, toàn thiện phần giữa, toàn thiện phần cuối, có văn có nghĩa, dẫn đến thanh tịnh, an lạc, hạnh phúc. Quyết tâm học hỏi Phật pháp cao siêu. Nhiều lần



học lại, tâm không thấy chán. Chuyên tâm nghiên ngẫm, hiểu sâu tận tường, nhờ đó vượt qua tất cả khổ đau.

Thiện pháp thứ sáu thực tập chánh niệm. Những điều Phật pháp đã được học qua, nhớ rõ không quên. Giữ gìn chánh niệm, làm chủ giác quan; đi, đứng, ngồi, nằm, tâm luôn thư thái.

Thiện pháp thứ bảy phát triển trí tuệ. Nhờ tu tứ đế, trí tuệ tăng trưởng. Nhờ có trí tuệ, thấy rõ nhân quả, các việc hưng suy, thấu hiểu đạo đời, phân biệt rõ ràng, thành tựu sự nghiệp, dứt sạch khổ đau. O

BỐN TÂM CAO THƯỢNG

Này các đệ tử, bốn loại lương thực, ta ví giống như bốn tâm tăng thượng. Hãy lắng lòng nghe, Như Lai chỉ dạy.

Tâm tăng thượng một, xa lìa ái dục, từ bỏ ác pháp, có giác, có quán. Hỷ lạc phát sinh do lìa ái dục, trụ thiên thứ nhất.



Tâm tăng thượng hai, hành giả vượt qua giác sát và quán, nội tâm tịch tĩnh, có hỷ và lạc, do định mà có, trụ thiên thứ hai.

Tâm tăng thượng ba, hành giả vượt qua trạng thái hỷ lạc, giữ vững buông xả, không còn mong cầu, chánh niệm chánh trí, an lạc nhẹ nhàng, đạt được thánh xả, có niệm và lạc, an trụ tính không, trụ thiên thứ ba.

Tâm tăng thượng bốn, hành giả vượt qua tất cả cảm giác hạnh phúc, khổ đau, vui mừng, lo buồn... không còn khổ vui, buông xả ý niệm một cách trọn vẹn, trụ thiên thứ tư.

Này các đệ tử, khi một hành giả đạt bảy thiện pháp, bốn tâm cao thượng dễ dàng, không khó, sẽ không bị các ma vương lung lạc, không bị xấu ác, ô nhiễm tấn công, sẽ không tái sinh trên cõi đời này. O



GIỮ TÂM NHƯ THÀNH TRÌ

Này các đệ tử, phải như thành trì ở vùng biên cương có các vọng gác, đắp xây chắc chắn, không thể phá vỡ, bên trong an ổn, ngăn được giặc ngoài. Người tu học Phật có niềm tin vững vào đức Như Lai, trọn đời không theo các bậc Sa-môn hay Bà-la-môn, thiên ma, Phạm thiên và đạo sư khác. Người đệ tử này có *gác tín tâm*, phòng trừ bất thiện, tu các pháp lành. O

Này các đệ tử, phải như thành trì ở vùng biên cương có các hào sâu, dọc theo bờ thành, kẻ giặc không dễ xâm nhập vào thành. Người tu học Phật có lương tâm sáng, cảm thấy khó chịu với điều xấu ác, phiền não, nhiễm ô, những thứ làm cho con người gặp phải những điều tai ương, khổ đau, bất hạnh, gốc của sanh tử. Người đệ tử này có *hồ lương tâm*, phòng trừ bất thiện, tu các pháp lành.



Này các đệ tử, phải như thành trì ở vùng biên cương có đường giao thông bao quanh kinh thành phải được thông thoáng, bằng phẳng, rộng rãi, nhiều phương tiện xe có thể qua lại. Người tu học Phật có tâm hồ thẹn, cảm thấy bứt rứt với điều xấu ác, phiền não, nhiễm ô, những thứ làm cho con người gặp phải những điều tai ương, khổ đau, bất hạnh, gốc của sanh tử. Người đệ tử này có đường hồ thẹn, phòng trừ bất thiện, tu các pháp lành. O

Này các đệ tử, phải như thành trì ở vùng biên cương có bốn quân binh: quân voi, quân ngựa, quân xe, quân bộ, sẵn sàng đối phó với giặc bên ngoài. Người tu học Phật có tâm tinh tấn, không chịu bỏ cuộc, trốn chạy, phớt lờ; chuyên tâm, bền sức, dứt trừ bất thiện, phát triển căn lành, làm việc phước thiện, không bỏ phương tiện, lợi lạc nhiều người. Người



đệ tử này có quân tinh tấn, phòng trừ bất thiện, tu các pháp lành.

Này các đệ tử, phải như thành trì ở vùng biên cương có nhiều vũ khí, cung, tên, mâu, kích, có thể tự vệ, chế ngự ngoại xâm. Người tu học Phật học rộng nghe nhiều, ghi nhớ, ứng dụng. Có những lời dạy toàn thiện khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối, có văn, có nghĩa, thanh tịnh, hướng thượng. Học hàng trăm lần, chuyên tâm quán sát, hiểu và ứng dụng trong đời sống thực. Người đệ tử này có *binh đa văn*, phòng trừ bất thiện, tu các pháp lành. O

Này các đệ tử, phải như thành trì ở vùng biên cương, có tướng trấn thủ có nhiều thao lược, cơ trí sáng suốt, bản lĩnh, dũng mãnh, cương nghị, nghiêm minh; cho người lành vào, ngăn cấm kẻ xấu, giữ trong an ổn, bên ngoài bình yên. Người tu học Phật thực tập



chánh niệm với các chánh pháp đã từng được học, thành tựu chánh niệm, nhớ rõ không quên. Người đệ tử này có *tướng chánh niệm*, phòng trừ bất thiện, tu các pháp lành.

Này các đệ tử, phải như thành trì có tường cao dày, kiên cố, bền vững, không thể đánh úp từ phía bên ngoài. Người tu học Phật có trí tuệ lớn, thấy rõ hưng, suy, nguyên nhân, gốc rễ, diệt trừ khổ đau. Người đệ tử này có *tướng trí tuệ*, phòng trừ bất thiện, tu các pháp lành. O

THỰC TẬP BỐN THIÊN

Này các đệ tử, cũng như thành trì ở vùng biên cương chứa đủ nước uống, nhiên liệu dự trữ, đảm bảo mọi người có thể sử dụng một cách lâu dài. Người tu học Phật xa lìa ái dục, các điều xấu ác, có giác, có quán, đạt được hỷ lạc do tâm xa lìa, thành tựu thiên một, an lạc, thanh thoi, một mình tự lực đi đến Niết-bàn.



Này các đệ tử, cũng như thành trì ở vùng biên cương sung túc lương thực bao gồm lúa gạo, lúa mạch, bột mì, các loại lương khô, cần được dự trữ, đủ cho mọi người đang sống trong thành có thể tiêu thụ trong thời gian dài. Người tu học Phật vượt qua giác, quán, nội tĩnh, nhất tâm, đạt được hỷ lạc nhẹ nhàng, thư thái do thiên định sinh, thành tựu thiên hai, an lạc sâu lắng, một mình tự lực đi đến Niết-bàn. O

Này các đệ tử, cũng như thành trì ở vùng biên cương sung túc ngũ cốc các loại bao gồm đậu niêm, đại đậu, tiểu đậu, để người trong thành có thể sử dụng trong thời gian dài. Người tu học Phật xa lìa hỷ lạc, giữ tâm buông xả, không còn vọng cầu, chánh niệm, chánh trí, thân tâm an lạc, an trụ thánh xả, thành tựu thiên ba, đầy đủ chính niệm và sự an lạc, an trụ chân không, một mình tự lực đi đến Niết-bàn.



Này các đệ tử, cũng như thành trì ở vùng biên cương sung túc các loại nhu yếu bao gồm thịt khô, cá khô, đường, muối, dầu, bơ, mật ong và các gia vị ... có thể sử dụng một cách lâu dài. Người tu học Phật vượt qua khổ, lạc, hỷ, ưu, đạt được trạng thái không còn buồn vui, xả niệm thanh tịnh, thành tựu thiên bốn, an lạc tuyệt đối, một mình tự lực đi đến Niết-bàn.

Nghe Phật giảng dạy, tất cả mọi người vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thực tập, truyền bá Kinh này. O

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O





49. KINH SỐNG TRONG HIỆN TẠI

HẠNH PHÚC HIỆN TIỀN

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, khi lưu trú tại tịnh xá Kỳ Viên do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ Đà phát tâm hiến cúng, đức Phật cho gọi tất cả Tỳ-kheo tập họp lắng nghe ngài thuyết giảng về nghệ thuật hạnh phúc trong đời hiện tại, bằng bài kệ sau: O

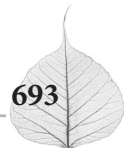
Không chạy về quá khứ
 Không rượt đuổi tương lai
 Quá khứ đã qua rồi
 Tương lai thì chưa đến.
 Thực tại là hiện tại
 Tuệ quán chính ở đây.
 Không động, không lung lay
 Hiểu rõ, nên thực tập.



Sống nhiệt tâm hôm nay
Ai rõ chuyện ngày mai?
Thần chết là quy luật,
Không ai điều đình được.
Nhiệt tâm trong chánh niệm
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng gọi bậc hiền giả,
Bậc sâu lắng, an lạc. O

KHÔNG KỆT QUÁ KHỨ

– Này các đệ tử! Thế nào gọi là “chạy về quá khứ”? Có người suy nghĩ: “Thân thể của tôi, cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức ở trong quá khứ, đã từng thế này, đã từng thế khác” rồi tìm niềm vui trong suy nghĩ ấy; đang khi cuộc sống trong thời hiện tại thì không quan tâm. Chạy về quá khứ chỉ làm khổ tâm, hoặc tạo tiếc nuối, vốn không lợi ích cho bản thân ta ở trong hiện tại. O



KHÔNG VƯƠNG TƯƠNG LAI

– Này các đệ tử! Thế nào gọi là “rượt đuổi tương lai?” Có người mong mỏi: “Thân thể của tôi, cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức của cái tôi này ở trong tương lai phải như thế này, phải như thế khác, rồi tìm niềm vui trong cái không thực; đang khi cuộc sống trong thời hiện tại thì không quan tâm. Rượt đuổi tương lai sẽ không thiết thực. Thay vì mong cầu những điều tương lai vốn không chắc chắn thì hãy đầu tư nhân duyên hiện tại, vì tương lai là kết quả hiện tại. O

KHÔNG BỊ LÔI CUỐN Ở HIỆN TẠI

– Này các đệ tử! Thế nào gọi là “bị lôi cuốn theo các pháp hiện tại?” Những kẻ phàm phu ít nghe, kém học chánh pháp bậc thánh, không hiểu Phật pháp, không tu Phật pháp, không siêng thăm viếng, học hỏi chân nhân, nên có khuynh hướng chấp mắc “cái tôi” một trong các cách



quan niệm như sau: “Thân thể là tôi, tôi có thân thể, thân thể trong tôi, tôi trong thân thể”. Tương tự, cho rằng “Cảm giác là tôi, tôi có cảm giác, cảm giác trong tôi, tôi trong cảm giác; tri giác là tôi, tôi có tri giác, tri giác trong tôi, tôi trong tri giác; tâm tư là tôi, tôi có tâm tư, tâm tư trong tôi, tôi trong tâm tư; nhận thức là tôi, tôi có nhận thức, nhận thức trong tôi, tôi trong nhận thức”.

– Này các đệ tử! Thế nào gọi là “không bị lôi cuốn trong pháp hiện tại?” Những người nghe nhiều giáo pháp bậc thánh, tu học Phật pháp, thấm nhuần Phật pháp, thăm viếng chân nhân, học pháp chân nhân, nên không đánh đồng: “Thân thể là tôi, tôi có thân thể, thân thể trong tôi, tôi trong thân thể”. Tương tự đối với “cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức”, người thấm Phật pháp sẽ không đánh đồng chúng với tự ngã, tự ngã với chúng. Nhờ đó thoát



khỏi tất cả khổ đau trên thân và tâm, sống trong chánh niệm về sự vô ngã. O

KHÔNG VƯỚNG KẸT THỜI GIAN

Tôi nghe như vậy. Tại thành Vương Xá, khi nhiều đồng tu lắng lòng muốn nghe giải thích rộng hơn về pháp chánh niệm trong thời hiện tại, ngài Ca-chiên-diên sau khi trùng tuyên những lời Phật dạy như đã nêu trên, phân tích ứng dụng trong sáu giác quan.

Thưa các đồng tu, thế nào gọi là “chạy về quá khứ?” Có người liên tưởng: “Mắt với màu sắc, tai với âm thanh, mũi với các mùi, lưỡi với các vị, da với xúc chạm, ý với đối tượng... của cái tôi này trong thời quá khứ, đã từng thế này, đã từng thế kia. Do tưởng như thế, thức bị ái dục trói chặt, sai khiến, tìm sự hân hoan thuộc về quá khứ của các giác quan. O



Thưa các đồng tu, thế nào gọi là “rượt đuổi tương lai?” Có người mong mỏi: “Đôi mắt, lỗ tai, lỗ mũi và lưỡi, thân thể, ý tưởng của cái tôi này trong thời tương lai, phải như thế này, phải như thế kia” rồi liền hướng tâm lấy cho bằng được cái gì chưa được. Vì rượt đuổi này, người ấy hân hoan với cái chưa có trong thời tương lai. Ước vọng tương lai như vừa nêu trên hoàn toàn không có nhân duyên hiện tại, trở thành ảo vọng, không đạt được gì, ngoài sự thất vọng. O

Thưa các đồng tu, thế nào gọi là “không bị lôi cuốn trong pháp hiện tại?” Khi mắt với sắc, khi tai với tiếng, khi mũi với mùi, khi lưỡi với vị, khi thân với xúc, khi ý với vật, trong hiện tại này, không bị tham dục và ái trói buộc, tâm của vị ấy không bị hân hoan lôi dẫn, sai khiến, vị ấy an trú vào trong hiện tại một cách chánh niệm, không bị loạn động,



không bị lung lay. Đó là an lạc, hạnh phúc nhiệm mầu.

Sau pháp thoại của ngài Ca-chiên-diên giải thích rộng thêm về pháp môn tu “hiện tại lạc trú”, các vị đồng tu đã đến gặp Phật, tường trình đầu đuôi những gì được nghe. Đức Phật xác chứng rồi khuyên mọi người hãy nên thực tập “hiện tại lạc trú.” Mọi người hoan hỷ, phát nguyện thực tập, truyền bá Kinh này. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O





50. KINH CĂN BẢN TU TẬP

KHÔNG ĐÀO TÀU THỰC TẠI

Tôi nghe như vậy. Khi đức Thế Tôn đang lưu trú tại Ka-ja-n-ga-la, có Ut-ta-ra, Bà-la-môn trẻ, là đệ tử của Pa-sa-ri-ya đến chào hỏi ngài, rồi ngồi một bên.

– Này Ut-ta-ra, đạo sư của ông, Pa-sa-ri-ya, có giảng dạy về căn bản tu tập cho đệ tử không, nếu có là gì?

– Thưa ngài Cồ-đàm, cách tu tập được thầy tôi dạy là không nên thấy sắc, không nên nghe tiếng bằng mắt và tai.

– Này Ut-ta-ra, theo cách tu này, người mù và điếc đều đạt trọn vẹn căn bản tu tập, vì những người này không thấy, không nghe!



Nghe Phật phân tích, chàng Ut-ta-ra hổ thẹn, im lặng, thụt vai, cúi mặt, trầm ngâm, lờ ngó. Đức Phật nói với thầy A-nan-đa: O

BUÔNG BỎ CHẤP TRƯỚC

– Nay A-nan-đa, căn bản vô thượng đời sống đạo đức của những bậc thánh được ta giảng dạy hoàn toàn khác với Pa-sa-ri-ya.

Này A-nan-đa, khi mắt thấy sắc, với tâm hài lòng, hay không hài lòng, hoặc chưa xác định, hãy tuệ tri rằng: “Hài lòng, hay không, hoặc chưa xác định đã được xuất hiện. Cái gì xuất hiện cái đó có mặt dưới dạng thức thô. Buông xả là cái an tịnh, thù diệu. Cái gì xuất hiện đều nên dứt trừ, chỉ giữ lại xả, với một tốc độ mau chóng, dễ dàng, như người có mắt, khi mắt đã mở lại nhắm mắt lại, hoặc đã nhắm rồi lại mở mắt ra”.



Này A-nan-đa, khi tai nghe tiếng, với sự hài lòng, hay không hài lòng, hoặc chưa xác định, hãy tuệ tri rằng: “Hài lòng, hay không, hoặc chưa xác định đã được xuất hiện. Cái gì xuất hiện cái đó có mặt dưới dạng thức thô. Buông xả là cái an tịnh, thù diệu. Cái gì xuất hiện đều nên dứt trừ, chỉ giữ lại xả, với một tốc độ mau chóng, dễ dàng, như một lực sĩ dùng sức búng tay”. O

Này A-nan-đa, khi mũi nghe mùi, tương tự thấy rằng như những giọt mưa, vừa rơi trút xuống liền không đọng lại trên những lá sen. Khi lưỡi nếm vị, tương tự thấy rằng như một lực sĩ hát nhỏ dễ dàng đờm trên đầu lưỡi. Khi thân xúc chạm, tương tự thấy rằng như người đuổi ra, co lại tay mình. Khi ý nhận thức, tương tự thấy rằng như từng giọt nước nhỏ rơi chậm chạp trên chậu sắt nóng, bốc khói rất nhanh. Đây được gọi là căn



bản vô thượng đời sống đạo đức của những bậc thánh. O

CẬN KÈ QUẢ THÁNH

Này A-nan-đa, đâu là con đường của bậc hữu học? Khi mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi các mùi, lưỡi nếm các vị, thân thể xúc chạm, ý thức tưởng tượng, dù là hài lòng, hay không hài lòng, hoặc là trung tính, vị ấy nhàm chán, cảm thấy xấu hổ khi bị vướng chấp, nên không sầu não. O

LÀM CHỦ GIÁC QUAN

Này A-nan-đa, thế nào gọi là tu tập giác quan thuộc hàng thánh nhân? Khi các giác quan tiếp xúc trần cảnh, dù là hài lòng, hay không hài lòng, hoặc là trung tính, vị ấy mong gì thì đạt được đó: “An trú với tướng không nhàm chán vật đáng được nhàm chán, thì liền đạt được tướng không yếm ly”. Hoặc khi muốn



rằng: “An trú với tướng nhằm chán sự vật không đáng nhằm chán, thì liền an trú vào tướng yếm ly”.

Khi mong muốn rằng: “An trú với tướng không nhằm chán vật đáng được yếm ly, vật không đáng nhằm, thì liền an trú tướng không yếm ly”. Khi mong muốn rằng: “An trú với tướng nhằm chán sự vật không đáng nhằm chán; không nhằm chán vật đáng được nhằm chán, thì liền an trú tâm tướng yếm ly”. Hoặc khi mong rằng: “Khi từ bỏ được thái độ nhằm chán, hay không nhằm chán, an trú buông xả, chánh niệm, tỉnh giác thì liền an trú trạng thái buông xả, chánh niệm, tỉnh giác”. O

PHẬN SỰ CỦA ĐẠO SƯ

Này A-nan-đa, thầy vừa giảng về căn bản vô thượng đời sống đạo đức của các bậc thánh, con đường tâm linh của bậc

hữu học, tu tập giác quan của các bậc thánh. Những gì cần làm, thì bậc đạo sư làm vì từ bi, mang lại hạnh phúc cho các đệ tử; những điều như thế, thầy đã thực hiện cho các đệ tử. Nay A-nan-đa, đây là gốc cây, chỗ rất thanh vắng, hãy thực tập thiền, nếu có buông lung, để không lo lắng hối hận về sau. Đây là lời dạy thầy xin gửi đến tất cả đệ tử.

Nghe đức Phật dạy, ngài A-nan-đa vô cùng hoan hỷ vâng lời làm theo. O

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O





51. KINH TU CÁC PHÁP LÀNH

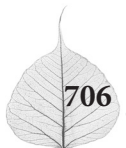
TU TẬP TÁNH KHÔNG

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, khi đức Thế Tôn ở chùa Trúc Lâm, thuộc thành Vương Xá, ngài Xá-lợi-phất vừa hành thiền xong đến gặp Thế Tôn, cung kính đánh lễ, ngồi xuống một bên lắng nghe Phật dạy. O

– Nay Xá-lợi-phất, giác quan của ông thật là sáng suốt, sắc da rạn rỡ. Hãy cho ta biết ông đang an trú pháp an trú nào?

– Bạch đức Thế Tôn, con đang an trú vào cái “không trú”.

– Thật là tốt thay! Ông an trú được trú của đại nhân, tức là tánh không. Ai muốn an trú vào tánh không ấy, nên suy nghĩ rằng: “Trên đường vào làng, từ làng



về chùa, hãy tự chiêm nghiệm khi mắt thấy sắc thì tham, sân, si có xuất hiện không?” Nếu chúng có mặt thì phải tinh tấn dứt bất thiện này. Nếu chúng không có thì hãy an trú vào sự hoan hỷ, ngày đêm tu học tất cả pháp lành.

Cũng cùng cách ấy, hãy quan sát kỹ, khi tai gặp tiếng, khi mũi gặp mùi, khi lưỡi gặp vị, khi thân xúc chạm, khi ý hình dung, không để khởi lên tham, sân và si; hân hoan tu tập tất cả pháp lành. O

TU CÁC PHÁP LÀNH

Này Xá-lợi-phất, người chuyên tu tập sẽ xét lại mình, “Ta đã dứt được năm dục lạc chưa?” Hãy xét lại mình năm trói buộc thấp đã dứt sạch chưa? Đã liễu tri được năm tổ hợp chưa? Đã tu trọn vẹn bốn niệm xứ chưa? Đã gắng tu học bốn tinh tấn chưa? Đã phát triển được bốn ý túc chưa? Đã làm lớn được năm năng lực



chưa? Đã đạt phần nào bảy giác ngộ chưa? Đã đạt trọn vẹn tám chánh đạo chưa? Đã thực tập được thiền chỉ, quán chưa? Đã chứng ngộ trí và giải thoát chưa?

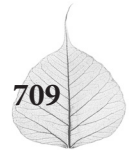
Này Xá-lợi-phất, những Sa-môn nào hay Bà-la-môn muốn được thanh tịnh trong khi khát thực, thì hãy suy tư những điều như trên. Dù trong quá khứ hay trong tương lai, hãy tư duy rằng ta sẽ làm cho khát thực thanh tịnh. Làm được như thế thì sự hân hoan tu tập pháp lành sẽ được tăng trưởng.

Thầy Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo vô cùng hoan hỷ vâng lời Phật dạy. O

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O





52. KINH PHÁT TÂM BỒ-ĐỀ

MỞ TÂM BỒ-ĐỀ

Bấy giờ trong hội Đại Tâm Địa quán, đức Phật Thế Tôn bậc thoát ba cõi, viên mãn thiền định, đạt Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, hóa độ rất nhiều các loại hữu tình. Sau khi thuyết giảng pháp môn Quán tâm, đức Phật nói với Bồ-tát Văn Thù và người có mặt những lời như sau.

- Nay các đệ tử, nay ta dạy cách phát tâm bồ-đề, giúp cho mọi người hướng về giác ngộ, mau chứng được quả vô thượng chánh giác. O

Bồ tát Văn-thù bạch đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Như Phật đã dạy: “Quá khứ đã qua, tương lai chưa đến, hiện tại không dừng; tất cả tâm pháp có



trong ba đời, vốn không thực thể, thì tâm bồ-đề dựa vào cái gì mà phát khởi được. Kính xin Thế Tôn vì giúp chúng sanh chặt bỏ lưới nghi, đạt đến bồ-tát thuyết giảng chánh pháp!” O

TÀ KIẾN TẠI TÂM

- Nay các đệ tử, tất cả tà kiến có mặt từ tâm. Muốn dứt trừ được sáu mươi hai kiến và sai lầm khác, ta khẳng định rằng tâm và tâm sở vốn không thực thể. Nhờ hiểu rõ được tính không thực thể của tâm, tâm sở, các loại tà kiến không còn chỗ nơi bám víu, nương dựa. Cũng như rừng sâu là nơi nương tựa của voi, sư tử, cọp, beo, chó sói... và nhiều thú dữ ẩn náu hại người; làm cho nhiều người sợ không vãng lai. Khi rừng bị phá, nhiều loại thú dữ không chỗ nương thân, có khi bị diệt. Tương tự như thế, rừng tâm đã hết, kiến chấp diệt trừ, an vui có mặt, giác ngộ hiện tiền. O



KHÔNG CHẤP CÓ VÀ KHÔNG

Này các đệ tử, nguyên do ta giảng tính không thực thể của tâm, tâm sở, là nhằm giúp người chuyển hóa phiền não từ tâm sinh ra. Nếu chấp “không lý” là “có” cứu cánh, thì “không tính” ấy cũng là “không” nốt. Chấp “không” thành bệnh phải mau từ bỏ! Nếu chấp vào “không” cho là cứu cánh thì rơi vào chấp mọi vật không nhân, cũng như không quả, thời có khác gì “Thuận thế ngoại đạo” phủ định nhân quả.

Này các đệ tử, như cây thuốc quý chữa lành các bệnh. Người bệnh phải uống mới hết bệnh tật. Khi bệnh hết rồi thì ngừng uống thuốc. Khi không có bệnh mà luôn uống thuốc đôi lúc thành bệnh. Tương tự như thế, để dứt chấp “có” nên dùng thuốc “không”. Khi hết chấp có thì không phải dùng tánh không này nữa. Dùng “không” trị “có” là một phương



tiện. Chấp vào “lý không” còn nguy hại hơn chấp vào cái có. Hễ còn chấp dính là còn khổ đau. O

HÃY NGỘ TỰ TÂM

Này các đệ tử, do nhân duyên ấy, uống thuốc “tánh không” để trừ tà kiến, tâm được tỉnh thức, hướng đến bồ đề, không có hai tướng. Tâm tự giác ngộ có bốn ý nghĩa, gồm hai tâm phàm và hai tâm thánh. Một là nhãn thức cho đến ý thức đều do nhân duyên nên “tự ngộ tâm”. Hai là lìa tâm và tâm sở pháp; nhờ vào nguyên lý hòa hợp duyên cảnh nên “Tự ngộ tâm”. Hai tâm phàm này thích phát bồ-đề! Hai tâm Thánh hiền được hiểu như sau: Một là quán sát lý trí như thật, hai là quán sát nhất thiết cảnh trí. Hiểu được như thế là “tự ngộ tâm”. O

QUÁN TÂM BỒ-ĐỀ

Bồ-tát Văn-thù bạch đức Phật rằng:



“Bạch đức Thế Tôn! Tâm không hình tướng cũng không nơi chốn, lúc mới phát tâm, người phạm tu tập phải nương cái gì và quán thế nào?”

Đức Phật dạy rằng: Này các đệ tử, quán tâm bồ-đề như vàng trắng tròn, sáng soi trên không. Để được bất thoái, cần phải thiên tọa, thực tập chánh niệm ở nơi thanh vắng, bắt ấn kim cương, quán ánh mặt trăng rồi suy nghĩ rằng: “Vàng trắng sáng soi không bị giới hạn”. Trăng ví cho tâm, tâm chính là trắng, không nhiễm bụi trần, không chút vọng tưởng, vốn luôn thanh tịnh, nhờ đó vững tiến đến sự giác ngộ. Khi tay bắt ấn, tâm trì thần chú “đại bồ đề tâm”, cũng còn gọi là “chân ngôn thanh tịnh” của các Bồ-tát lúc mới phát tâm. Câu chân ngôn này có uy đức lớn, giúp người tu hành vững tiến không lùi trên đường giải thoát. O



Này các đệ tử, khi người tu hành quán chiếu vàng trắng thì nên giữ gìn tâm thật đoan chính, chánh niệm, tỉnh thức, không bị rung động. Đây còn gọi là “Bồ-tát chính quán đại bồ-đề tâm thành Phật tam muội”. Hàng phàm phu nào tu pháp quán này có thể chuyển hóa năm tội vô gián, thập ác, bất tín và bốn tội nặng, nhờ đó được năm Tam-ma-địa môn, bao gồm như sau: tam-muội sát-na, tam-muội vi trần, tam-muội sợi trắng, tam-muội khởi phục, tam-muội an trụ. O

TU CÁC TAM-MUỘI

Thế nào gọi là tam-muội sát-na? Hành giả tạm thời an trụ ý niệm vào vàng trắng tròn, cũng như thân khi, khi buộc vào trụ, không đi xa được, cũng không dừng được, khi đói khát quá, mới nghỉ chốc lát. Thực tập quán tâm, an trụ chánh định chỉ trong chốc lát, thì được gọi là “sát-na tam-muội”.



Thế nào gọi là tam-muội vi trần? Hành giả tương ứng được một vài phần đối với chánh định, cũng như có người thường ăn đồ đắng trong nhiều ngày liền, khi nếm chút mật ở trên đầu lưỡi, sinh tâm vui mừng, mong được nhiều mật. Từ trong vị đắng mà được chánh định, hưởng chút an lạc thì được gọi là “tam-muội vi trần”. O

Thế nào gọi là tam-muội sợi trắng? Từ thời vô thủy cho đến vị lai, hàng phàm phu nào trong nhiều sanh tử, vô minh tối tăm, đạt được chánh định, như nhuộm vải đen, trong nhiều mảng đen thấy được sợi trắng nên được gọi là tam-muội sợi trắng.

Thế nào gọi là tam-muội khởi phục? Những người tu hành quán tâm chưa rành, hoặc khéo thành lập hay chưa thành lập; chánh định như thế là còn cao, thấp nên được gọi là “tam-muội khởi phục” (nhô lên, xẹp xuống).



Thế nào gọi là tam-muội an trụ? Nhờ tu tập được bốn định nêu trên, tâm được an trụ và khéo duy trì, không nhiễm trần cảnh. Cũng như mùa hè, khách bộ hành đi xuyên qua sa mạc, gặp nhiều khó khăn, cở hóc, da phỏng, không chịu được nữa, bỗng gặp nước ngọt phun lên từ núi, trải mình trong nước, không còn nóng bức, thân tâm thư thái, thì chánh định đó gọi là “an trụ”. Nhập được định này, xa lìa hoặc chướng, hướng đến giác ngộ, mau đạt quả vị Bồ-tát Thập địa. O

Bấy giờ trong hội, tất cả mọi người nghe được kinh này vô cùng hoan hỷ, phát tâm vô thượng, hướng đến giác ngộ, chánh đẳng chánh giác. Chín vạn tám nghìn các vị Bồ-tát đều chứng đắc được đại hoan hỷ địa. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O



53. PHẬT NÓI KINH BỐN VÔ LƯỢNG TÂM

Bấy giờ trong Hội, đức Phật liền bảo ngài Xá-lợi-phất: “Các Bồ-tát là nguyên khí Phật pháp, pháp khí của Phật, hành Bồ-tát đạo luôn thực tập hạnh tứ vô lượng tâm”.

Này các đệ tử, các vị Bồ-tát tu tập trọn vẹn bốn tâm vô lượng vì sự hạnh phúc của các chúng sanh, bao gồm như sau: từ ba-la-mật, bi ba-la-mật, hỷ ba-la-mật, xả ba-la-mật. Các vị Bồ-tát còn phải thực tập đủ bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Thực tập như vậy thì được gọi là mở đạo Bồ-tát.

TÂM TỪ BA-LA-MẬT

Thế nào gọi là Bồ-tát thực tập *từ ba-la-mật*? Các vị Bồ-tát đang khi thực tập



con đường Bồ-tát là vì hướng đến giác ngộ vô thượng, nên rải tâm từ đến khắp chúng sanh trong các cảnh giới, không hề hạn lượng không gian, đối tượng. Cũng như hư không phủ trùm khắp cả, cũng như cảnh giới không có giới hạn, tâm lòng đại từ của các Bồ-tát cũng không giới hạn, hướng về chúng sanh các loại lớn nhỏ, không hề phân chia. Vì cõi hư không vốn là vô biên cho nên chúng sanh cũng nhiều vô biên, do vậy tâm từ cũng là vô biên. O

Này các đệ tử, thế giới mười phương như cát sông Hằng. Giả sử có thể gom các thế giới thành biển đầy nước. Hằng tỷ chúng sanh chỉ một sợi lông thành cả trăm phần, mỗi một chúng sanh lấy một phần lông chấm lấy nước biển. Số lượng như thế là nhiều vô kể nhưng vẫn đếm được.

Số lượng chúng sanh trong các thế giới



là khó nghĩ bàn. Khi tu tâm từ cũng phải như thế, thương khắp chúng sanh, trải khắp pháp giới, không có giới hạn.

Này các đệ tử, tâm đại từ này không gì thể hơn, có năng lực lớn bảo hộ tự thân, hướng về lợi ích của toàn chúng sanh. Tâm đại từ này thuộc hàng số một trong các đức tánh thuộc về vô tranh. Người có tâm từ sẽ không giận dữ, không còn giết hại, không gây thương tổn, không còn hận thù, dứt hết lỗi lầm, xa lìa tham ái ở trong các cõi; nhìn thấy mặt tốt và sự thanh tịnh của các chúng sanh, không nhìn mặt xấu. Người có tâm từ thường hay ban vui bằng thân, miệng, ý; không ai có thể làm hại người ấy, sống trong an ổn, thoát mọi sợ hãi. Gốc của tâm từ hướng về thánh đạo, giúp cho mọi người có niềm tin sạch, có khả năng lớn cứu khổ chúng sanh, dắt dìu mọi người hướng đến giải thoát. O



Người có tâm từ sẽ không nịnh bợ, lừa gạt, bức ép, không thích đối diện oai nghi không thật; trang nghiêm thân tâm bằng lòng thương xót; phòng hộ chúng sanh và kẻ vô trí; được các bậc trí và trời Phạm thiên đồng tâm khen ngợi, được người quý mến, uy tín tăng trưởng.

Tâm từ vượt khỏi phạm vi cõi trời, mở đường giải thoát, nương vào các thừa rồi về Đại thừa. Tâm từ là nơi chứa phước vô nhiễm, hơn các phước thiện còn có sở y; giúp người có được ba mươi hai tướng của bậc đại nhân và hảo tướng khác; giúp cho hành giả xa lìa ác đạo, thoát khỏi tám nạn; đi trên đường lành, hướng về Niết-bàn. O

Người có tâm từ vui với chánh pháp, thiên định, giải thoát; chẳng màng dục lạc, ngay cả ngôi vua; có tâm bình đẳng, bố thí chúng sanh; giúp cho con người xa lìa vọng tưởng. Tâm từ giúp người học



giữ luật nghi, cứu người phá giới; hiện sức nhẫn nhục, xa lìa cống cao; tinh tấn bất động, thực tập chánh hạnh, phương tiện cứu cánh.

Tâm từ làm gốc cho tu thiền định, chánh chỉ, chánh quán và sự giải thoát. Người có tâm từ thoát khỏi phiền não, phát triển trí tuệ; nhớ rõ chánh pháp, có tâm quả quyết; đánh bại quân ma; trụ nơi an lạc. O

Người có tâm từ trong bốn oai nghi, đi, đứng, nằm, ngồi đều có oai nghi; vượt qua tham dục. Người có tâm từ sử dụng lương tâm như loại hương hoa; dứt trừ ác đạo, phiền khổ, nạn tai. Tâm đại từ này thường cứu chúng sanh, không màng niềm vui của bản thân mình, ban cho chúng sanh nhiều điều an lạc. Tâm đại từ này có nhiều đức tính, Như Lai tóm lược vài loại mà thôi, nếu nói rộng ra không thể kể hết.



Này các đệ tử, tâm từ có ba: Tâm từ một là chúng sanh duyên từ, tức chỗ thành tựu của các Bồ-tát mới phát đại tâm. Tâm từ hai là chánh pháp duyên từ, chỗ thành tựu của Bồ-tát thánh hạnh. Tâm từ ba là vô duyên từ tâm, chỗ thành tựu của các vị Bồ-tát vô sanh pháp nhẫn.

Trên đây gọi là đại từ vô lượng của đại Bồ-tát. Nhờ thành tựu được tâm đại từ này, nên các Bồ-tát luôn thương chúng sanh, siêng tu chánh pháp không biết mệt mỏi. Đức từ của phàm chỉ thể tự cứu. Đức từ Bồ-tát cứu các chúng sanh. O

TÂM BI BA-LA-MẬT

Này các đệ tử, thế nào gọi là **đại bi vô lượng của các Bồ-tát**? Vì muốn đạt được vô thượng bồ-đề nên Bồ-tát lấy đại bi làm đầu; giống như hơi thở là đầu mạng sống; như vua Chuyển luân có bảy thứ báu, quan trọng đi đầu vẫn là kim



luân. Bao nhiêu chánh pháp đạt được từ lâu, Bồ-tát đều dùng đại bi đi đầu.

Các vị Bồ-tát thực hành đại bi, chẳng bỏ chúng sanh; phát khởi đại bi cũng vì chúng sanh. Từ việc thấy rằng tất cả chúng sanh bị bệnh chấp thân trói buộc gây khổ, bị tà kiến nhốt, các vị Bồ-tát khởi tâm đại bi, thuyết pháp mâu nhiệm, giúp cho mọi người thoát khỏi tà kiến, sống trong an vui. Khi hành đại bi, thấy các chúng sanh vướng vào điên đảo, trụ vào hư ngụy, ở trong vô thường lại chấp là thường, ở trong khổ vọng lại cho là vui, ở trong vô ngã lại chấp là ngã, ở trong bất tịnh lại chấp là tịnh... các vị Bồ-tát phát tâm đại bi, thuyết pháp khéo léo giúp cho mọi người thoát khỏi chấp thủ, xa lìa điên đảo, đạt được chánh kiến, sống trong an vui. O

Trong cõi Ta-bà, phần lớn chúng sanh ngu si, điên đảo, say đắm ái dục với cả



người thân trong cùng huyết thống, có khi cưỡng hiếp bà con ruột thịt, huông là người khác. Nhận thấy điều này, Bồ-tát nghiệm ra: “Quả thực khổ đau khi thế gian này chứa nhiều phi thánh, đầy nghi si mê, không chút hổ thẹn; thật quấy quá thay, cũng có chúng sanh sanh ra từ mẹ lại vô liêm sỉ tham ái mẹ mình. Chúng sanh nhiều tội, thật đáng thương tình, cũng thật đáng trách, bị tham sân si phá hoại, hành khổ; bỏ rơi chánh pháp, noi theo pháp ác, đọa lạc cõi xấu. Cũng có chúng sanh bất cứ ở đâu cũng sống trái đạo. Khác nào loài cheo sống trong gò mả, bị chó dữ rượt, trốn vào hố sâu, gào thét giữa đêm. Cũng như người mù từ thưở lọt lòng trốn vào hang sâu do sợ thú dữ. Giống như loài heo đứng nằm trên phân, thậm chí ăn phân mà chẳng biết nhòm. Chúng sanh như thế thật đáng tội nghiệp, bị tham ái lôi, bị phiền não hại,



làm bè lũ ma, vướng trong lưới hoặc, lún trong bùn đục, làm việc bất lương, sống trong bất chánh.” Vì thương chúng sanh, các vị Bồ-tát phát tâm đại bi, thuyết pháp nhiệm mầu, giúp cho mọi người chuyển hóa phiền não, không còn tham dục, sân hận, si mê; sống trong an vui, hướng đến giải thoát. O

Này các đệ tử, khi hành đại bi, các vị Bồ-tát thấy các chúng sanh bị năm cái che, trúng tên ái dục, nhiễm đấm sáu trần: mắt luyến tướng mạo, tai thèm nghe tiếng, mũi mê ngửi hương, lưỡi thích nếm vị, thân thích xúc chạm, ý thích hình dung. Các chúng sanh ấy sân hận, oán thù; lợi thì kết bạn, mất quyền lợi thì đường ai nấy đi. Nhiều kẻ hôn trầm, ham ăn mặc ngủ, sống trong vô trí, bị tâm nuôi tiếc trói buộc không ngừng; phiền não nhiễm tâm, kẹt trong lưới nghi, bỏ buông chánh pháp. Vì thấy như thế, các vị Bồ-tát phát



tâm đại bi, thuyết pháp cho họ, thoát khỏi khổ đau. O

Này các đệ tử, lúc tu đại bi, các vị Bồ-tát thấy các chúng sanh bị các loại mạn (ngã mạn, quá mạn và tăng thượng mạn) chi phối, làm hại, sanh lòng thương xót. Cũng có chúng sanh chấp thân là ngã, hoặc chấp cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức làm ngã. Có các chúng sanh chưa chứng lại cho mình đã chứng đắc, tỏ ra tự phụ, không chịu học hỏi điều đáng học hỏi; không kính tôn trọng, không trọng đạo sư. Đối với người trí, không chịu học hỏi về thiện, bất thiện, điều gì nên tu, điều gì nên bỏ; thế nào là tội, thế nào là đạo; đâu là chánh định, đâu là giải thoát. Vì thương chúng sanh nên các Bồ-tát phát tâm đại bi, thuyết pháp khéo léo, giúp họ dứt sạch các tâm kiêu mạn và sự chấp ngã; sống trong an vui.

Này các đệ tử, khi thấy chúng sanh bị



dây ái trói, làm mọi cho tình, vợ chồng ràng buộc, con cái lo toan, các thứ vô nghĩa đeo bám vây quanh, họa suy theo đuôi; bị khóa sanh tử nhất khó thoát ra; bị các cõi xấu giam nhất lâu dài, chẳng được tự tại; các vị Bồ-tát phát tâm đại bi cứu độ tất cả, không có phân biệt.

Khi thấy chúng sanh xa lìa thiện hữu, giao du bạn xấu, tạo mười nghiệp ác (sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, chia rẽ, cộc cằn, tán dóc, tham lam, sân hận, tà kiến), các vị Bồ-tát phát tâm đại bi, thuyết pháp giáo hóa, giúp họ dứt ác, tu mười nghiệp lành, sống trong hạnh phúc. Cũng có chúng sanh bị si mê che, điên đảo không chế; chấp ngã và pháp vào các thứ như tự thân, hữu tình, mạng giả, nhơn giả, thiếu niên, trượng phu, tác giả, thọ giả, ngã và ngã sở... chìm trong chấp thủ, chẳng chịu buông bỏ. Vì thương chúng sanh nên các Bồ-tát thuyết pháp



giáo hóa, giúp họ phát huệ, dứt sạch kiến chấp, sống trong an vui. O

Cũng có chúng sanh mê đắm sanh tử, vướng kẹt luân hồi, chạy theo ngũ âm, chẳng bỏ ba cõi, bị kẹt tam giới, chẳng lo tháo gỡ gông cùm xiềng xích thoát khỏi khổ đau. Vì thương chúng sanh, các vị Bồ-tát phát tâm đại bi thuyết pháp giáo hóa, thoát khỏi ba cõi.

Cũng có nhiều người sanh từ nghiệp ác, như quả bóng lăn, do nghiệp xấu này, trôi lăn sanh tử, trật đường niết-bàn. Vì thương chúng sanh, các vị Bồ-tát phát tâm đại bi thuyết pháp giáo hóa, giúp cho chúng sanh đạt được niết-bàn, hạnh phúc tuyệt đối.

Này các đệ tử, các vị Bồ-tát còn tu mười loại đại bi chuyển tướng. Tâm đại bi này, chẳng do dua nịnh, hay tâm cao ngạo, giả dối, bất chân, dao động, khiếm nhược, mà chúng đạt được. Tâm đại bi



này của các Bồ-tát có được là do bảo hộ hữu tình, tu tập thanh tịnh, tu huệ kiên cố, tâm đạt bất động; bỏ vui của mình, nâng đỡ chúng sanh, tinh tấn không dừng... và nhiều đức thiện mới thành tựu được.

Này các đệ tử, tâm đại bi này là nền tảng của sáu ba la mật (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ), bốn pháp chánh niệm (thân, thọ, tâm, pháp), bốn pháp tinh tấn, bốn như ý túc, năm năng lực lớn, bảy điều giác ngộ và tám chánh đạo, các thứ đệ định, mười thiện nghiệp lớn và các công đức, thậm chí trí huệ của đức Như Lai. Tâm đại bi này là việc mình làm, làm chẳng thay đổi, làm cho viên mãn, như ý sở nguyện. Do thành tựu được tâm đại bi này, các vị Bồ-tát thương xót chúng sanh, giáo hóa vô lượng. O

TÂM HỸ BA-LA-MẬT

Này các đệ tử, thế nào gọi là **đại hỷ vô lượng** của các Bồ-tát? Khi các Bồ-tát nỗ



lực đạt được giác ngộ tuyệt đối để độ chúng sanh, cần tu đại hỷ với vô lượng tướng.

Đại hỷ còn gọi niềm vui vi diệu nhớ nghĩ pháp lành, vì không buồn chán, không có thoái lui, không có mỗi một đối với pháp lành. Đại hỷ còn gọi tâm lìa đam mê, ưa thích thế gian, vì tâm này trụ vào niềm vui chánh pháp. Đại hỷ làm cho trong tâm vui mừng, thân thêm dũng cảm, vì có trí sâu, tâm ý thơ thới. Đại hỷ ưa thích thân của Như Lai, vì chỉ hướng về tướng hảo trang nghiêm; chứ không vướng lụy chủ nghĩa hình tướng. O

Người có tâm hỷ thích nghe chánh pháp, không có mệt mỏi, vì thấy rõ rằng tu theo chánh pháp có an vui lớn. Do có tâm hỷ, con người vui thích, siêng làm chánh pháp; không hề tổn hại tất cả chúng sanh; ưa thích bồ-đề, tin hiểu Đại thừa, thực hành rất ráo. Tâm hỷ còn gọi chuyển hóa tham lam và sự bòn xén,



vì thích bố thí với người đang cần. Do có đại hỷ nên biết thương xót người lỡ phạm giới, thường làm chính mình giới hạnh thanh cao, vì thấy rõ rằng người sống với giới thì tâm thanh tịnh.

Đại hỷ còn gọi niềm vui an ổn, thoát mọi sợ hãi đọa lạc đường ác. Người có tâm hỷ kham nhẫn lời độc, mắng của người khác, không khởi oán thù, không có hờn giận, không có bạo lực, không có trả đũa. Người có tâm hỷ thường tu cung kính các bậc trưởng thượng đầy đủ oai nghi. Đức hỷ là tâm luôn trong vui vẻ, tâm ý hài hòa, xa lìa phiền muộn, ngỏ lời thăm hỏi với mọi người trước. Đức hỷ xa lìa những sự đua nịnh, gian dối, lừa gạt, áp bức, đòi hỏi, vì có xu hướng về đường chánh pháp. O

Người tu đại hỷ xem các Bồ-tát như bậc đại sư, yêu mến chánh pháp như thân thể mình, tôn kính Như Lai như



mạng sống mình, thương kính thầy tổ như cha mẹ ruột, thương mến chúng sanh như các con ruột, kính trọng thầy dạy như tròng mắt mình, noi theo chánh hạnh như đầu của mình, thích ba-la-mật như quý tay chân, trọng các pháp sư như thích của báu, thích học chánh pháp như thang thuốc hay, thích nghe chỉ lỗi như quý lương y.

Nhờ an trụ vào tâm đại hỷ này, thực hành trọn vẹn con đường Bồ-tát nên luôn vui mừng, siêng cầu chánh pháp, không chút nhàm chán, có nhiều tiến bộ, an vui, hạnh phúc. Ai muốn hạnh phúc, hãy nên siêng năng thực tập, trải nghiệm tâm đại hỷ này. O

TÂM XẢ BA-LA-MẬT

Này các đệ tử, thế nào gọi là **đại xả vô lượng** của các Bồ-tát? Bất kỳ là ai, khi đã phát tâm hướng về giác ngộ vô thượng tuyệt đối, cần luôn siêng năng,



tu tâm đại xả. Xả có ba loại: Một là buông bỏ tất cả phiền não. Hai là đức xả bảo hộ mình, người. Ba là đức xả thời và phi thời.

Này các đệ tử, thế nào gọi là đức xả buông các phiền não? Với bậc tôn thờ, tâm không cao ngạo. Với chỗ không thờ, tâm không xem thường. Được người quý trọng, tâm không kiêu căng. Không được lợi dưỡng, tâm không uất ức. Với người tốt xấu, tâm luôn bình đẳng. Được danh dự lớn, tâm không vui mừng. Lúc bị chê bai, tâm không buồn giận. Khi được ca ngợi, tâm hướng về pháp. Khi bị quả trách không hề nản chí. O

Biết dùng trí tuệ vượt qua khổ đau. Trước các thú vui, tu quán vô thường để buông ái dục và tâm hờn giận. Với người thân, sơ luôn luôn bình đẳng. Tâm thường không hai trước các thiện ác. Khi được yêu mến, tâm chẳng rung động. Không hề chấp trước điều nghe tốt xấu.



Tâm không thương ghét đối với thiện ác. Biết sống tiết chế đối với thức ăn. Thể hiện bình đẳng đối với mọi giới, các loài chúng sanh, pháp ân pháp hiện. Không quá tham luyến mạng sống bản thân. Tâm luôn thanh tịnh trước mọi hoàn cảnh. Đây còn gọi là năng lực đối trị, nhằm buông xả được tất cả phiền não, nỗi khổ niềm đau, để được an vui. O

Này các đệ tử, thế nào là xả, bảo hộ mình người? Khi bị thương tổn thân thể, tay chân, người tu BỒ-tát quán sát nội tâm, an trụ đại xả, không chút hờn oán, không hề trả thù; có lòng kham nhẫn với lời xúc phạm. Nhờ tâm xả này, ta bảo hộ ta, bảo hộ người khác. Người tu tâm xả không hề tổn hại nhãn tướng, sắc tướng, ý tướng, pháp tướng. Tâm không tổn hại chính là đại xả bảo hộ mình, người.

Bị người hãm hại, không hề trả thù. Kham nhẫn tất cả hành động của người.



Bình đẳng giúp đỡ người ơn, vô ơn. Quyết tâm buông bỏ những gì chấp trước. Đây còn gọi là đức xả vô tranh, đức xả chuyển hóa nhờ sự quán chiếu. Ngoài tu buông xả trong mọi thời gian, các vị Bồ-tát còn tu rất nhiều chánh hạnh, ngày đêm tinh tấn, cầu các pháp lành, hướng về giác ngộ. O

Này các đệ tử, thế nào gọi là xả thời phi thời? Các vị Bồ-tát có trí tuệ lớn thường hay tu tập thời và phi thời. Tức tu buông bỏ chúng sanh phi pháp, kẻ không niềm tin, những điều bất lợi, những kẻ chê bai, người tâm nhỏ hẹp. Thực tập bố thí để buông chấp vật. Biết buông bỏ thí để tu giới hạnh. Tu giới hạnh xong, biết tu kham nhẫn. Tu kham nhẫn xong, biết tu tinh tấn. Tu tinh tấn xong, biết tu thiền định. Tu thiền định xong, biết tu trí tuệ. Tu trí tuệ xong, biết tu đầy đủ năm ba-la-mật như vừa nêu trên. Bất cứ người nào,



trụ vào đại xả mà quyết tâm tu hạnh đại BỒ-tát thì luôn buông xả tất cả pháp ác.

Này các đệ tử, ai tu tập được các đức hạnh trên thì được gọi là Đại từ, Đại bi, Đại hỷ, Đại xả của đại BỒ-tát. Ai an trú vào bốn ba-la-mật từ, bi, hỷ, xả, biết mình chính là nguyên khí Phật pháp và tạng BỒ-tát; phải siêng giữ gìn, chớ để mất đi.

Này các đệ tử, các con hãy gắng tu tập trọn vẹn bốn tâm vô lượng, sáu ba la mật và bốn nhiếp pháp, mang lại lợi lạc cho mình và người.

Nghe Phật giảng dạy, tất cả mọi người vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thọ trì, truyền bá Kinh này. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O



54. KINH TỪ BI VÀ HÒI HƯƠNG

SIÊNG TU TỪ BI

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, tại chùa Kỳ-viên thuộc thành Xá-vệ do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng, đức Phật thuyết pháp cho người hữu duyên. Trong pháp hội đó, Bồ-tát Minh Thiên cung kính đứng dậy, trích vai bên phải, quỳ gối chấp tay, bạch Phật như sau: “Kính bạch Thế Tôn, phải làm thế nào gieo chút pháp lành mà được phước lớn?” O

Đức Phật dạy rằng: “Lành thay, lành thay! Ông đã gieo trồng vô lượng công đức ở vô số Phật. Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ”.

Này các đệ tử, đối với các Phật quá



khứ, hiện tại và Phật vị lai, mọi người nên tu từ bi của miệng, từ bi của thân, chuyên niệm công đức của Phật từng làm. Người phát tâm thiện nên đi đến Chùa, lễ bái Tam bảo, dâng hoa, cúng trái, thổi nhạc cúng dường, dùng lời tán dương công đức của Phật, tùy hỷ khích lệ, ca ngợi người thiện và các việc thiện. O

TỪ BI CỦA PHẬT

Này các đệ tử, mọi người nên biết: “Nhu Lai là bậc Vô thượng Chánh giác, Tội tôn, Tội thắng, là Vua Sư tử, hùng dũng không sợ; tự giác ngộ mình, cứu độ mọi loài; tự hưởng an lạc, đem nguồn an lạc đến với mọi người; tự dứt phiền não, giúp cho mọi người chấm dứt khổ đau. Như Lai ban pháp, chân lý tuyệt đối, giáo hóa mọi người, giới đức thanh tịnh, biện tài vô ngại, không còn sợ hãi, dứt trừ vĩnh viễn các thói quen xấu gây nhiều chướng ngại. Như Lai tự tại trước



mọi hoàn cảnh, trên cõi đời này, không ai sánh bằng. Học hạnh đức Phật từ bi vô ngại, thương xót mọi loài, dùng thân thể này làm nhiều việc thiện. Đó chính là hạnh từ bi của Phật. O

TỪ BI QUA MIỆNG

Này các đệ tử, dùng lời từ bi diễn nói chánh pháp, phổ biến chân lý, truyền trao đạo đức, giúp cho mọi người được hạnh phúc lớn; dùng lời chân chính tán dương chánh pháp, giúp cho mọi người thâm nhập kinh tạng; dùng lời chân thật tán dương công đức của đức Như Lai... thì đây chính là từ bi bằng miệng.

Này các đệ tử, từ bi của miệng gồm có bốn loại: Một, không nói dối. Hai, không hai lưỡi. Ba, không lời độc. Bốn, không tán gẫu.

Không được nói dối, tức là phát ngôn luôn luôn chân thật; chuyện không nói



không, chuyện có nói có; trước mặt mọi người luôn nói chân thật; đối chất trước tòa không hề điêu ngoa; đối với luật pháp luôn khai sự thật. Cho dù phải chết cũng nói chân thật, không hề dối trá; lòng sao nói vậy, không được thêu dệt, không nói sai khác, không nói thêm bớt.

Không nói hai lưỡi, không đem chuyện người nói với người khác; không gây xích mích, nghi ngờ hai bên; mong cho mọi người luôn hòa hợp nhau.

Không nói cay độc, không chửi rủa ác, lầy lờn ôn hòa, tỏ bày nhỏ nhẹ, dẫn dắt mọi người, niềm nở chào hỏi, làm mọi người vui.

Không nói tán gẫu, tức không phát ngôn những gì không ích, không có giá trị, không lợi lạc ai, làm mất thời gian; chỉ nói những gì thực sự đáng nói, mang lại lợi ích, hạnh phúc cho người. O



TỪ BI QUA THÂN

Này các đệ tử, đối với chúng sinh quá khứ, hiện tại hay là vị lai nên tu từ bi qua thân, khẩu, ý, thể hiện bình đẳng với các chúng sinh. Trong ba thời gian, người tu thiện nghiệp không giết mạng sống, không phạm trộm cướp, không làm tà dâm, không nói lừa dối, không nói chia rẽ, không nói lời độc, không nói tán gẫu, không tham, không sân và không tà kiến.

Này các đệ tử, từ bi của thân gồm có ba loại: Một, không giết người. Hai, không trộm cướp. Ba, không tà dâm.

Không gieo nghiệp sát chính là từ bi, thương xót chúng sinh, sanh lòng hổ thẹn trước việc giết hại, từ bỏ vũ khí, đâm chém, bắn giết, dao gậy, đánh đập; bảo hộ sự sống, yêu chuộng hòa bình.

Không phạm trộm cướp tức không cướp giựt, không lừa đảo ai, không lấy



của người, không nhạt của rơi, những gì không cho thì không được lấy; tôn trọng sở hữu của những người khác, khi có điều kiện, gắng làm từ thiện.

Không được tà dâm tức là chung thủy một vợ, một chồng, không hề ngoại tình với người độc thân hay có gia đình. Khi giao tiếp với người khác giới phái không mong dục tình, giữ tâm đoan trang. O

TỪ BI QUA Ý

Này các đệ tử, từ bi của ý gồm có ba loại: Một, không tham lam. Hai, không giận dữ. Ba, không tà kiến.

Không tham lam là đối với tài vật của những người khác không khởi tham muốn, không chiếm đoạt về, không mê hưởng thụ, không nhiễm sáu trần. Khi người đến xin, tâm không lẫn tiếc, giúp nghèo, cứu ngặt, giúp cho mọi người vượt qua khổ đau.



Không giận dữ là đối với chúng sinh không hề bực tức, khởi tâm từ bi, thương xót chúng sinh; không hận thù ai, khéo léo tùy thuận, làm mọi người vui.

Không tà kiến là nhận thức chân chánh, không tin thượng đế, không tin thần linh, không tin số phận; tin có đời sau, tin vào nhân quả, tin có khổ vui, tin có cha mẹ, tin vào giáo dục, thích làm bố thí, giúp đỡ mọi người, tin bậc đạo đức giải thoát sinh tử. O

LỢI ÍCH DO TU TỪ BI

Này các đệ tử, khi tu từ bi của thân, khẩu, ý đối với chư Phật quá khứ, hiện tại cũng như vị lai ở mức độ nào và như thế nào thì với chúng sinh cũng tu như thế, không hơn, không kém. Tu tập từ bi có nhiều công đức, hiện tại hạnh phúc, bình an vô sự, tương lai hạnh phúc, thoát khỏi sợ hãi ân oán, hận thù. Bao nhiêu công



đức do tu từ bi đạt được đời này, xin đem hồi hướng cho các chúng sinh. Nguyện cầu chúng sinh nhờ năng lực này hướng về quả vị Chánh đẳng Chánh giác. O

HỒI HƯỚNG VIỆC THIỆN

Này các đệ tử, để việc làm thiện và hồi hướng thiện đạt ba-la-mật, các vị hành giả nên quán thời gian theo công thức sau: “Quá khứ không thực, tương lai không thực, hiện tại trôi chảy”. Đồng thời quán chiếu: “Không người hồi hướng, không pháp hồi hướng, không chỗ hồi hướng”. Thực tập như trên, hạnh nguyện hồi hướng trở nên thanh tịnh. Tiếp đến, nên đem công đức thanh tịnh vừa mới đạt được, hồi hướng chúng sinh đều đạt quả vị Vô thượng Chánh giác.

Trong hồi hướng này, bằng chánh tri kiến, nên thấy rõ rằng không có phạm phu, không pháp phạm phu, không có



tín hành, không có pháp hành, không có an nhẫn, không hưởng quả vị của A-la-hán hay là Độc giác, cũng không hưởng Phật, không hưởng quả Phật. Giữ tâm thanh tịnh, an lạc tuyệt đối. Sỡ dĩ như thế là do pháp tánh không bị vướng mắc, không sinh, không diệt, không trụ vướng gì. O

Này các đệ tử, sau khi tu tập hồi hướng cao thượng như vừa nêu trên, hành giả lại nguyện: “Chỗ nào tôi sanh đều gặp được Phật, được nghe chánh Pháp, được gặp chân sư, đạt được được pháp trị liệu thân tâm, chánh định thậm thâm, đạt được hiểu biết, tăng trưởng trí tuệ, không bỏ hạnh nguyện cứu độ chúng sinh”.

Này các đệ tử, bất cứ người nào, dù nam hay nữ, dù lớn hay nhỏ, tu tập hồi hướng như vừa nêu trên thì nên biết rằng người ấy chắc chắn sẽ chứng đạt được “vô sanh pháp nhẫn”, có thể hóa độ rất

nhiều chúng sanh, mang lại an lạc cho rất nhiều người.

Tại pháp hội này, nghe đức Phật giảng, tất cả mọi người vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thọ trì, truyền bá Kinh này. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O





55. KINH TÁM ĐIỀU GIÁC NGỘ CỦA BẬC ĐẠI NHÂN

Làm người đệ tử Như Lai
Hết lòng đọc tụng đêm ngày chớ quên:
“Tám điều giác ngộ” làm nên
Các hàng Bồ-tát thẳng lên đạo vàng: O

*

Một là muôn vật vô thường,
Cuộc đời biến đổi, thế gian sao đời;
Bốn điều cấu tạo⁽¹⁾ muôn loài
Vốn không thực thể, chơi vui khổ nhiều;
Con người - hợp thể năm điều⁽²⁾
Vốn không có ngã, sớm chiều diệt sanh,
Ngụy hư, vô chủ, mong manh;

1. Tức bốn đại: đất (chất rắn), nước (chất lỏng), lửa (nhiệt lượng) và gió (chất lưu động).

2. Năm uẩn, tức năm hợp thể cấu tạo nên con người, bao gồm: Xác thân, cảm giác, ý niệm hóa, sự vận hành và thức phân biệt.



Tâm: nguồn tạo nghiệp luân trầm bấy lâu;
Thân này tích tụ nghiệp sâu.
Quán soi như vậy, khổ đau già từ! O

*

Hai là nên quán tâm tư:
Tham nhiều nên khổ cũng như thác ngàn;
Rằng trong cái kiếp tử sanh,
Dục tham, khát ái: ngọn ngành khổ đau;
Ai người biết đủ, ít cầu,
Thản nhiên, tự tại thắm sâu trong lòng,
Cởi trói buộc, sống thông dong,
Thẳng đường thoát tục, ra vòng trầm luân. O

*

Ba là giác ngộ được rằng:
Tâm theo danh lợi, dầm đường gian nguy,
Lỗi lầm càng lớn, càng suy;
Các hàng Bồ-tát tâm thì khác xa:
Thanh bần, biết đủ, thiết tha;
Sự nghiệp tối thượng chỉ là “trí” thôi. O



Bốn là giác ngộ biếng lười
 Là đường đọa lạc con người chúng sanh;
 Vậy nên gắng bước đạo lành
 Bốn ma diệt sạch, xua tan não phiền;
 Vượt ra tù ngục ba miền⁽³⁾
 Thoát nhà năm uẩn, như nhiên tự mình. O

*

Năm là giác ngộ vô minh:
 Ngục tù giam nhốt, tử sinh bao lần.
 Các hàng Bồ-tát chuyên cần:
 Nghe nhiều, học rộng, trí năng sáng ngời;
 Phát huy hùng biện độ đời;
 Sống trong phúc lạc, an vui, thoát nạn. O

*

Sáu là giác ngộ được rằng:
 Khổ nghèo gây cảnh thù căm, oán hờn,
 Thế rồi nghiệp xấu chất chồng;

3. Ba miền: dịch thoát từ “tam giới” tức ba cõi dục giới, sắc giới và vô sắc giới.



Các hàng Bồ-tát chuyên ròng ban cho,
Làm từ thiện, chẳng thân sơ,
Người thương, kẻ ghét như là người thân.
Bỏ qua điều ác người làm.
Bao dung, hỷ xả, rải ban tâm lành. O

*

Bảy là giác ngộ ngọn ngành
Năm dục⁽⁴⁾ tội lỗi, hoành hành khổ đau.
Người xuất gia [trước như sau]:
Bỏ vui thế tục, thâm sâu đạo vàng,
Ba y, một bát, thanh bần,
Sạch trong nét hạnh, đắm đang cuộc đời,
Tình thương trải khắp mọi người,
Quyết tròn chí nguyện, rạng ngời tâm linh. O

*

Tám là biết lửa tử sinh
Đốt thiêu muôn loại, trầm mình đốn đau;

4. Năm dục lạc là: Sắc đẹp, âm thanh, mùi, vị, và xúc chạm.



Phát tâm lớn,⁽⁵⁾ độ đời mau,
 Thay đời chịu đựng khổ sâu dọc ngang;
 Đề đời đạt được lạc an,
 Niềm vui cứu cánh, tràn dâng tâm hồn. O

*

Tám điều giác ngộ nói trên,
 Được Bụt, Bồ-tát, đại nhân thực hành;
 Từ bi, trí tuệ sẵn dành,
 Nương thuyền thân-pháp, niết-bàn đến nơi.
 Vào sanh tử, độ trời người,
 Tám điều giác ngộ cho đời khỏi đau;
 Bỏ năm dục, hướng đạo mâu,
 Con đường tám thánh, cao sâu ân tình!
 Làm phật tử phải chuyên tinh,
 Đọc rồi quán tưởng, thực hành chớ quên;
 Tội vô lượng, diệt sạch tron,
 Tử sanh rơi rụng, lạc an vĩnh hằng! O

5. Tức phát tâm đại thừa, tức phát tâm giác ngộ, độ tất cả chúng sanh thành tựu đạo quả vô thượng bồ-đề.

56. KINH BẢY CÁCH DỨT TRỪ KHỔ ĐAU

Tôi nghe như vậy. Có một thưở nọ, ở chùa Kỳ Viên do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng, đức Phật triệu tập tất cả tu sĩ rồi giảng giải về pháp môn phòng hộ tất cả lậu hoặc. Ngài dạy như sau: O

– Nay các đệ tử, Như Lai giảng giải về bảy cách thức chấm dứt lậu hoặc cho người thấy, biết; chứ không cho người chẳng biết gì cả. Nay các đệ tử, do không có được *tác ý như thật* mà các lậu hoặc bắt đầu có mặt, lậu hoặc có mặt được tăng trưởng nhanh. Nay các đệ tử, *tác ý như thật* sẽ giúp hành giả diệt trừ tận gốc tất cả lậu hoặc, cả cũ lẫn mới.

Nay các đệ tử, có những lậu hoặc phải



được chấm dứt bằng *chánh tri kiến*, có những lậu hoặc phải được chấm dứt do *tâm phòng hộ*, có những lậu hoặc phải được chấm dứt do *tiêu thụ đúng*, có những lậu hoặc phải được chấm dứt do *tâm kham nhẫn*, có những lậu hoặc phải được chấm dứt do *biết tránh né*, có những lậu hoặc phải được chấm dứt do *biết trừ diệt* và có lậu hoặc phải được chấm dứt do *biết tu tập*. O

1. Một là lậu hoặc được chấm dứt sạch bằng chánh tri kiến

Này các đệ tử, có kẻ phàm phu kém học ít nghe, không gặp bậc Thánh hay bậc chân nhân, không biết căn kẽ giáo pháp bậc Thánh, không có tu tập giáo pháp bậc Thánh; không thấy rõ được những gì là điều cần được tác ý nên để ý đến những việc không cần, đang khi những điều không cần tác ý thì lại để ý. Kết quả xấu là: dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu



sẽ được sanh khởi, ba lậu đã sanh tiếp tục tăng trưởng. Những người thực tập tác ý như thật sẽ không vướng kẹt vào các suy nghĩ thuộc về quá khứ: “Tôi đã có mặt hay không có mặt trong thời quá khứ? Nếu từng có mặt thì thời quá khứ, tôi đã là ai, tôi như thế nào, hình thù ra sao, thân phận thế nào?” Người ấy cũng không bị vướng kẹt vào các suy nghĩ gì thuộc về tương lai: “Tôi sẽ có mặt hay không có mặt trong thời tương lai? Nếu sẽ có mặt trong thời tương lai? Tôi sẽ là ai, tôi như thế nào, hình thù ra sao, thân phận thế nào?” Đồng thời vị ấy cũng không nghi ngờ về bản thân mình trong thời hiện tại: “Tôi đang có mặt hay không có mặt? Nếu tôi đang có trong thời hiện tại thì tôi là ai, tôi như thế nào, hình thù ra sao, tôi từ đâu đến, tôi chết về đâu?” O

Này các đệ tử, nếu người thực tập tác ý như thật đối với quá khứ, hiện tại, vị



lai, sẽ không vướng kẹt một trong các loại tà kiến sau đây: “Tôi có tự ngã; tôi hoàn toàn không có tự ngã nào; do bản thân tôi, tôi tưởng tri rằng tôi có tự ngã; do bản thân tôi, tôi tưởng tri rằng không có tự ngã; không do tự mình, tôi tưởng tri rằng tôi có tự ngã; chính tự ngã tôi nói năng, cảm giác, rồi chịu quả báo các nghiệp thiện ác đã từng tạo ra chỗ này, chỗ khác và tự ngã này vốn là thường trú, thường hằng, bất biến”. O

Này các đệ tử, các quan niệm trên đều là tà kiến, còn được gọi là: tà kiến trừu tượng, tà kiến hoang vu, tà kiến hý luận, tà kiến tranh chấp, hay kiến kiết phục. Vì bị trói buộc bởi kiến kiết sử, những người phạm phu không giải thoát được sanh, già, bệnh, chết, bị vướng sâu, bị khổ, ưu và não; không thoát khỏi được mắc xích khổ đau.

Này các đệ tử, người thực tập được



tác ý như thật sẽ thấy rõ ràng: “Đây là khổ đau, đây là nguyên nhân dẫn đến khổ đau, đây là niết-bàn hạnh phúc tối thượng, đây là con đường chấm dứt khổ đau.” Nhờ thực tập này, ba trói buộc tâm: thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ được búng gốc rễ. O

2. Hai là lậu hoặc được chấm dứt sạch bằng tâm phòng hộ

Này các đệ tử, nếu có người nào quán sát như thật, luôn luôn phòng hộ cả sáu giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thể và ý) thì các lậu hoặc và các phiền não sẽ được chuyển hóa, không còn điều kiện tiếp tục có mặt, hướng là phát triển. Nhờ thực tập này, khổ đau kết thúc, hạnh phúc tràn đầy. O

3. Ba là lậu hoặc được chấm dứt sạch do tiêu thụ đúng

Này các đệ tử, nếu có người nào quán sát như thật về mục đích chính của các y



phục là để che đậy thân khỏi trần truồng; ngăn ngừa nóng, lạnh, ruồi, muỗi và gió; các loài bò sát; ánh nắng mặt trời...

Đối với thực phẩm thì thấy rõ rằng mục đích ăn uống không nhằm hưởng thụ, đam mê, vui đùa; không nhằm trang sức, tự làm đẹp mình; cốt giúp thân này khỏe mạnh, sống lâu, thoát khỏi đau bệnh, hỗ trợ đời sống giới hạnh thanh cao. O

Đối với giường, chiếu, mùng, mền và gối... thì nên xem là giải trừ nguy hiểm của nóng và lạnh, tránh sự xúc chạm của ruồi muỗi, giúp ta sống tốt cuộc đời độc cư, an tịnh, thanh cao.

Đối với dược phẩm thì nên xem rằng đây là thuốc tốt, trị bệnh của thân, dùng cảm giác đau đã từng có mặt, không còn sâu não.

Này các đệ tử, nhờ sử dụng đúng mục



đích y phục, ăn uống, giường chiếu, thuốc thang, nhờ đó... các cảm giác cũ đều được chuyển hóa, các cảm giác mới không được xuất hiện; người tu vượt qua tất cả lỗi lầm, sống trong an ổn. O

4. Bốn là lậu hoặc được chấm dứt sạch do biết kham nhẫn

Này các đệ tử, nhờ có thực tập quán sát như thật về thân thể này nên kham nhẫn được lạnh, nóng, đói, khát; sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, nắng, các loài bò sát; những lời mạ lỵ, phỉ báng, chỉ trích... Nhờ đó làm chủ cảm giác đau nhức, thống khổ, bi thương, chết điếng cả người; bất mãn, chán chường, sầu lo, tuyệt vọng. Nhờ tập kham nhẫn đối với thân thể, tất cả lậu hoặc và các phiền não không còn tồn tại, tâm được an lạc, tự tại, thanh thoi. O



5. Năm là lậu hoặc được chấm dứt sạch do biết tránh né

Này các đệ tử, nhờ có thực tập quán sát như thật nên tránh né được các loại thú dữ; vực núi, hố sâu; vũng lầy, ao nhớt; gai góc, cây cối... Quyết không lai vãng những nơi không tốt. Không đứng và ngồi những chỗ không đáng. Không giao du với những phường bất chánh, dễ bị nghi ngờ về nhân cách tốt. Nhờ biết tránh né, tất cả lậu hoặc và các phiền não không còn tồn tại, tâm được an lạc, tự tại, thanh thoi. O

6. Sáu là lậu hoặc được chấm dứt sạch do biết đoạn trừ

Này các đệ tử, nhờ có thực tập quán sát như thật nên không chấp nhận tâm niệm ái dục, sân hận, hủy hoại và các bất thiện...; quyết tâm từ bỏ, trừ diệt hoàn toàn, không cho tồn tại các tâm niệm ấy.



Nhờ biết thực tập đoạn trừ niệm ác, tất cả lậu hoặc và các phiền não không còn tồn tại, tâm được an lạc, tự tại, thanh thoi. O

7. Bảy là lậu hoặc được chấm dứt sạch do biết tu tập

Này các đệ tử, nhờ có thực tập quán sát như thật nên tu tập được bảy điều giác ngộ, bao gồm *chánh niệm, trạch pháp, tinh tấn, hoan hỷ, khinh an, thiền định, buông xả*, người tu viễn ly những điều bất thiện, dứt được tham ái và các khổ đau. Nhờ biết tu tập, tất cả lậu hoặc và các phiền não không còn tồn tại, tâm được an lạc, tự tại, thanh thoi. O

Này các đệ tử, nhờ tu đúng cách, nên lậu hoặc nào phải được chấm dứt bằng *chánh tri kiến* thì dùng chánh kiến; những lậu hoặc nào phải được chấm dứt do *tâm phòng hộ* thì dùng phòng hộ; những lậu hoặc nào phải được chấm dứt do *tiêu thụ đúng* thì phải sử dụng cách



tiêu thụ đúng; những lậu hoặc nào phải được chấm dứt do *tâm kham nhẫn* thì dùng kham nhẫn; những lậu hoặc nào phải được chấm dứt do *biết tránh né* thì dùng tránh né; những lậu hoặc nào phải được chấm dứt do *biết trừ diệt* thì dùng trừ diệt và lậu hoặc nào phải được chấm dứt do *biết tu tập* thì dùng tu tập. O

Này các đệ tử, người tu như thế được gọi là người đã sống phòng hộ với sự phòng hộ tất cả lậu hoặc, đã dứt tham ái, không còn trói buộc, kết thúc kiêu mạn, già từ khổ đau.

Nghe đức Phật dạy, tất cả mọi người vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thọ trì, truyền bá lời Phật, đem lại lợi lạc cho rất nhiều người.

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật O



CÁC KINH VỀ TỊNH ĐỘ



57. KINH PHỔ MÔN

DANH HIỆU QUAN ÂM

Tôi nghe như vậy: Bấy giờ trong hội Hoa Sen Chánh Pháp, có vị Bồ-tát hiệu Vô Tận Ý, cung kính chỉnh y, chấp tay thưa Phật: “Bạch đức Thế Tôn, ngài Quán Thế Âm do nhân duyên gì được danh hiệu ấy?”

Đức Phật liền dạy: Này các Bồ-tát, nếu có muôn ức các loài chúng sanh chịu nhiều khổ nạn, khi được nghe tên Bồ-tát Quán Âm, một lòng xưng danh, thọ trì miên mật, đều được giải thoát. O

NĂNG LỰC TRÌ DANH

Có người bất hạnh, lâm cảnh hỏa hoạn, xưng niệm Quán Âm, nhờ sức oai thần, lửa chẳng cháy đặng.



Lại nếu có người bị nước cuốn trôi, xưng niệm Quan Âm, nhờ sức oai thần, liền đến chỗ cạn.

Nếu kẻ đi thuyền vì tìm châu báu: Vàng, bạc, mã não, hổ phách, trân châu, xà cừ, lưu ly, san hô ngọc quý, lênh đênh biển lớn, bão táp dập dồn, rồi bị trôi dạt vào nước La-sát, thì nên thành tâm, trì niệm Quan Âm, nhờ sức oai thần, bình an vô sự. O

Lại nếu có kẻ sắp bị hãm hại bằng trượng dao gậy, thì nên thành tâm, trì niệm Quan Âm, lúc đó dao gậy liền gãy từng khúc, và được cứu thoát. Nếu bị La-sát hoặc quỷ Dạ-xoa, hãm hại thân ta, nên niệm Quan Âm, quỷ dữ không dám dùng mắt dọa người, huống là hãm hại.

Nếu như có người, do nghiệp hay tội, bị cảnh lao lung, xiềng xích gông cùm, trói buộc khắp thân, nhờ niệm Quan Âm, thoát cảnh tù đày, dứt hẳn họa tai. O



Nếu đoàn thương gia, trên đường hiểm trở, mang nhiều của báu, bị cướp tấn công, thì đừng hốt hoảng. Chỉ cần người biết khuyên các đồng nghiệp: “Hết lòng trì niệm, danh hiệu Quan Âm, vị Ban Vô Úy, cho nguồn hoan hỷ.” Thương buôn nghe xong, trì niệm hết lòng: “Nam-mô Bồ-tát đức Quán Thế Âm.” Nhờ sức oai thần, thoát khỏi tai nạn.

Này Vô Tận Ý, Bồ-tát Quan Âm có sức oai thần rộng sâu như biển, công đức hiển hiện, không thể nghĩ bàn, lợi lạc quần sanh. Vì thế các ông thường phải một lòng, trì danh Bồ-tát. O

Nếu có chúng sanh bản tánh tham lam, ngu si hờn giận, thường cung kính niệm Bồ-tát Quan Âm, thì tham sân si, thấy đều tan biến. Nếu có gia quyến cầu sanh con trai thì nên lễ lạy, thành khẩn trì danh Bồ-tát Quan Âm, liền sanh nam tử, phước đức đầy đủ, trí tuệ hơn người. Nếu



cầu con gái, chí thành lễ bái Bồ-tát Quan Âm, thì sẽ hạ sanh hằng nga thực nữ, công hạnh đầy đủ, xinh đẹp đoan trang, mọi người thương mến. O

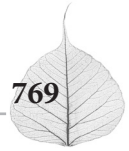
Sức thần Quan Âm nhiệm mầu như thế! Cung kính đảnh lễ, tán thán trì danh, công đức tăng nhanh, được nhiều phúc lợi. Ta khuyên mọi người trì danh Bồ-tát. O

BĂM BA ỨNG THÂN

Ngài Vô Tận Ý liền hỏi Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn, trong cõi trần gian, Bồ-tát Quan Âm ứng dụng thế nào, phương tiện quyền xảo, hoằng pháp lợi sinh, giúp cho hữu tình thấy đều tỏ ngộ?”

Này Vô Tận Ý: “Nếu có chúng sanh, đáng dùng Phật thân, để được độ thoát, chứng nên quả giác, thì Quán Thế Âm thị hiện Phật thân vì họ thuyết pháp.” O

Tương tự như vậy, tùy theo căn tánh của các chúng sanh, Bồ-tát Quan Âm



ứng hiện nhiều thân: Như thân Thanh Văn, thân Bích-chi Phật, hoặc Trời Đế-thích, hoặc thân Phạm Vương, thân Tự Tại Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Thiên Đại Tướng Quân, hoặc Tỳ-sa-môn, tiểu vương, trưởng giả, tể quan, cư sĩ, hoặc Bà-la-môn, tín nữ, thiện nam, hoặc làm Tăng Ni, hoặc thân phụ nữ của hàng trưởng giả, cư sĩ, tể quan, và Bà-la-môn, đồng nam đồng nữ, thậm chí hiện thân: trời, rồng, dạ-xoa, hoặc càn-thát-bà, hoặc a-tu-la, hoặc ca-lâu-la, hoặc khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, thần Cháp Kim Cang, tất cả bả ba ứng thân sai khác, giúp người giải thoát, thì Quan Thế Âm sẵn sàng hóa thân, không chút quản ngại. O

Này Vô Tận Ý, Bồ-tát Quan Âm ứng hiện nhiều thân, cứu độ chúng sanh, khắp các cõi nước, không thể kể xiết. Vì thế các ông hãy nên một lòng, tán thán cúng dường Bồ-tát Quan Âm. O



BẠCH BAN VÔ UÝ

Này Vô Tận Ý, ban niềm vô uý trong chốn khổ nạn, sợ hãi kinh hoàng, chính là hạnh nguyện của Quán Thế Âm, nên cõi Ta-bà còn gọi ngài là Đấng Thí Vô Uý. O

BÌNH ĐẰNG CÚNG DƯỜNG

Ngài Vô Tận Ý thừa đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn, con xin cúng dường Bồ-tát Quan Âm.” Nói xong ngài đem chuỗi ngọc như ý, tặng làm pháp thí, giá trị nghìn vàng, cúng Quan Thế Âm. Quan Âm bồ-tát, không chịu nhận chuỗi. Phật liền dạy rõ về pháp cúng dường, khuyên Quán Thế Âm, hãy vì bốn chúng, tám bộ trời rồng, và Vô Tận Ý, nhận chuỗi pháp thí, lợi ích trời người.

Phật vừa dứt lời, Bồ-tát Quan Âm hoan hỷ đón nhận, chia làm hai phần, một phần dâng cúng đức Phật Thích-ca, còn lại phần kia, cúng tháp Đa Bảo. O



THI KỆ TRÙNG TUYÊN

Bấy giờ trong hội, ngài Vô Tận Ý, trùng tuyên tử mĩ, những điều vừa nghe, bằng lời thơ kệ:

Đức Thế Tôn tướng tốt,
 Con xin được hỏi Người:
 Vì sao có Bồ-tát
 Hiệu là Quan Thế Âm? O

Phật chỉ dạy ân cần,
 Hỏi này Vô Tận Ý,
 Vì hạnh nguyện Quan Âm
 Hiện thân khắp các cõi.

Lời thề sâu như biển,
 Nhiều kiếp chẳng nghĩ bàn,
 Theo hằng nghìn đức Phật,
 Phát nguyện lớn thanh tịnh.

Ai thấy hình, nghe danh,
 Tâm khơi nguồn tỉnh thức,



Thoát đau khổ tử sanh,
Nay Ta chỉ nói lược. O

Hoặc bị người độc thâm,
Xô vào hầm lửa lớn,
Niệm thần lực Quan Âm,
Hầm lửa biến hồ sen.

Hoặc trôi dạt biển lớn,
Gặp nạn quý, cá, rồng.
Niệm thần lực Quan Âm,
Sóng dữ không chìm đặng.

Hoặc từ đỉnh Tu-di,
Bị người xô rớt xuống,
Niệm thần lực Quan Âm,
Như mặt trời trên không. O

Hoặc bị người dữ rượt,
Rớt xuống núi Kim Cương,
Niệm thần lực Quan Âm
Chẳng tổn đến mây lông.



Hoặc bị giặc vây hãm,
Cầm đao trượng sát hại,
Niệm thần lực Quan Âm,
Liên thoát khỏi nạn tai.

Hoặc bị nạn vua quan,
Hành hình đến sắp chết,
Niệm thần lực Quan Âm,
Kiếm đao gãy từng khúc. O

Hoặc ngục tù tội vương,
Tay chân bị xiềng xích,
Niệm thần lực Quan Âm,
Tự do, khỏi khổ ách.

Hoặc bị kẻ ác tâm,
Trù, ếm, phục thuốc độc,
Niệm thần lực Quan Âm,
Nhân ác theo kẻ ác.

Gặp La-sát bạo hung,
Rồng độc và quỷ đói,



Niệm thần lực Quan Âm,
Không loài nào dám hại. O

Bị thú dữ vây quanh,
Nanh vuốt đáng sợ hãi,
Niệm thần lực Quan Âm,
Chúng cúp đuôi bỏ chạy.

Bò cạp, rắn hổ mang,
Hơi độc phun thiêu đốt,
Niệm thần lực Quan Âm,
Nghe danh, đều lùi bước.

Sấm sét xé mây đen,
Mưa đá tuôn khắp chốn,
Niệm thần lực Quan Âm,
Tất cả liền tiêu tán. O

Bị tranh chấp, kiện tụng,
Hay chiến sự hãi hùng,
Niệm thần lực Quan Âm,
Oán thù liền lui tan.



Chúng sanh bị khổ nạn,
Thân chịu nhiều bức bách,
Sức trí diệu Quan Âm,
Cứu thế gian thoát khổ. O

Đầy đủ sức thần thông
Khéo tu pháp phương tiện,
Trong quốc độ mười phương,
Không cõi nào chẳng hiện.

Địa ngục, quỷ, súc sanh,
Khổ sinh, già, bệnh, chết,
Nờ thần lực Quan Âm
Khổ đau đều chấm dứt. O

Quán Chơn, quán Thanh Tịnh,
Quán Trí Tuệ rộng lớn,
Bi quán và Từ quán,
Thường cầu, thường chiêm ngưỡng.

“Thanh tịnh” nên không nhớ,
“Trí tuệ” phá tà ám,



Điều phục nạn gió lửa,
Soi sáng khắp thế gian. O

“Tâm bi” như sấm nổ,
“Lòng từ” tựa mây lành,
Mưa tuôn pháp cam-lộ,
Dập tắt lửa não phiền.

“Tiếng Diệu,” “tiếng Quan Âm,”
“Tiếng Phạm,” “tiếng Hải Triều,”
“Tiếng hơn Tiếng Thế Gian,”
Hãy thường xuyên quán chiếu. O

Mỗi niệm chớ sanh nghi,
Quan Âm bậc Tịnh Thánh,
Ngài là nơi quy y
Trong chết, sầu, khổ nạn.

Ngài đủ các công đức,
Mắt thương nhìn chúng sanh,
Ngài chính là biển phước,
Nên đánh lễ chí thành. O



CÔNG ĐỨC NGHE KINH

Bấy giờ trong Hội, có vị Bồ-tát, tên là Trì Địa, chấp tay thưa Phật: “Bạch đức Thế Tôn, nếu có chúng sanh, nghe được đạo nghiệp, cũng như công đức và các hiện thân của ngài Quan Âm, thì phải biết rằng phước của người ấy chẳng phải là ít.” O

Khi nghe Phật nói phẩm Phổ Môn này, tám mươi bốn ngàn các loài chúng sanh, thấy đều phát tâm Vô Thượng Chánh Giác.

Nam-mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật
Bồ-tát (3 lần) OOO

KỆ TÁN QUAN ÂM

Quan Âm đại sĩ,
Đức hiệu Viên Thông.
Mười hai nguyện lớn,
Phát khởi từ tâm.



Tâm thanh cứu khổ,
Chồn chồn hiện thân.
Vân du các cõi,
Cứu thoát trầm luân.

Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát (3 lần) OOO



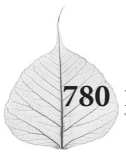
58. KINH BỒN NGUYỆN CÔNG ĐỨC CỦA PHẬT ĐƯỢC SỰ

CƠ DUYÊN THUYẾT KINH

Tôi nghe như vậy: Có một thuở nọ, trên đường du hóa, đức Phật ngồi nghỉ dưới cây Nhạc Âm, thuộc thành Quảng Nghiêm. Trong hội bảy giờ, ba mươi sáu ngàn vị đại Bồ-tát, tám ngàn tỷ-kheo, nhiều vị quốc vương, đại thần cư sĩ, các bà-la-môn, bát bộ thiên long, cung kính chí thành, thỉnh Phật thuyết pháp. O

Đại diện pháp hội là đức Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi chấp tay cung kính, bạch đức Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn, xin ngài nói rõ danh hiệu, hạnh nguyện, công đức rộng lớn của các đức Phật, để cho nhân loại



ở đời tượng pháp nương theo tu hành, được nhiều lợi lạc.

Đức Phật khen rằng, lành thay lành thay, Văn Thù Sư Lợi, hãy lắng lòng nghe, ta sẽ tuyên thuyết công đức hạnh nguyện của Phật Dược Sư. O

MƯỜI HAI NGUYỆN LỚN

Văn Thù Sư Lợi, đức Phật Dược Sư, khi còn hành đạo Bồ-tát cứu đời, đã phát mười hai lời nguyện rộng lớn, cứu giúp mọi loài, cầu chi được nấy, thoát khỏi khổ đau. O

Nguyện thứ nhất là: Khi ta chứng được đạo quả bồ-đề, hào quang sáng rực, tỏa từ thân ta, soi các hành tinh, khiến cho chúng sinh, được thân tướng hảo, trang nghiêm như Phật, không thua không kém. O

Nguyện thứ hai là: Khi ta chứng được đạo quả bồ-đề, thân ta đẹp đẽ như ngọc



lưu ly, không chút bợn nhơ, tợ vàng nhật nguyệt, chiếu soi muôn vật. Các loài hữu tình ở chôn u minh, nương ánh hào quang, tâm như hoa nở, trí tuệ sáng ra, siêng năng làm việc, thành tựu sự nghiệp, hạnh phúc tràn đầy. O

Nguyện thứ ba là: Ta dùng vô số trí tuệ vô sư, giúp cho mọi người được tâm sáng ngời, biết cách tự chủ, nhu cầu đầy đủ, gia quyến sum vầy, an lạc thanh thoi, không còn lo toan những điều thiếu thốn. O

Nguyện thứ tư là: Nếu có người nào lỡ theo đường tà, thì ta khiến họ trở về đường chánh. Nếu có người nào tâm hành nhỏ hẹp, thiếu lòng vị tha, thì ta giúp họ lập chí nguyện lớn, tu hạnh bồ-tát, lợi lạc nhiều người. O

Nguyện thứ năm là: Nếu có người nào, trong giáo pháp Phật, nỗ lực tu tập, giữ gìn đạo hạnh, ta sẽ giúp họ thành tựu



trọn vẹn: giới nhiếp luật nghi, giới tăng pháp lành, giới lợi chúng sinh. Nếu ai lỡ phạm, thành tâm trì niệm danh hiệu Dược Sư, lại được thanh tịnh, chẳng sa đường ác. O

Nguyện thứ sáu là: Nếu có người nào, không đủ các căn, thân hình khiếm khuyết, mắt mù tai điếc, tay chân tật nguyên, ngọng nghịu cả lăm, kém trí tối tăm, điên cuồng lác hủi, chịu nhiều khổ não, thì hãy gắng công trì pháp Dược Sư, liền được khỏi bệnh, các căn đầy đủ, thân hình đoan chánh, tâm tánh thông minh. O

Nguyện thứ bảy là: Nếu có người nào mắc nhiều chứng bệnh, nghèo cùng khôn khổ, không ai giúp đỡ, không nơi nương tựa, không gặp thầy thuốc, khi nghe danh ta, trì pháp Dược Sư, sẽ chóng lành bệnh, khổ não tiêu trừ, thân tâm an lạc, quyến thuộc sum vầy, của cải



sung túc, gặp nhiều thuận duyên, tấn tu đạo nghiệp. O

Nguyện thứ tám là: Nếu có người nữ, chịu nhiều khổ sở, muốn thoát khỏi cảnh thân gái đoạn trường, khi nghe danh ta, một lòng trì niệm, hành pháp Dược Sư, được tướng trượng phu, xứng bậc anh thư, gặp nhiều duyên tốt, chứng quả bồ-đề. O

Nguyện thứ chín là: Nếu có hữu tình, sa vào lưới ma, lạc rừng tà kiến, hành theo ngoại đạo, chấp mắc buộc ràng, ta sẽ trợ duyên, khai tâm điểm trí, bằng phương tiện quý, khiến khỏi đường mê, trau dồi chánh kiến, học hạnh Bồ-tát, lần lần chứng được đạo quả bồ-đề. O

Nguyện thứ mười là: Nếu có người nào, do tâm phiền não, vi phạm pháp luật, nên bị giam nhốt trong chốn lao lung, hoặc bị hành hình, nhất sinh thập tử, chịu nhiều nhục khổ, sầu đau buồn



bã, hễ nghe danh ta, hành pháp Dược Sư, thì các khổ ấy đều được tiêu trừ. O

Nguyện thứ mười một: Nếu có những người, vì cơn đói khát, tạo nhiều điều ác, khi nghe danh ta, hành pháp Dược Sư, thì ta khiến họ luôn được no đủ, lánh xa điều dữ; sau đó ta ban thức ăn chánh pháp, cho họ an lạc, vững tin tiến bước trên đạo bồ-đề. O

Nguyện thứ mười hai: Nếu ai lâm cảnh màn trời chiếu đất, không có áo mặc, muỗi mòng cắn đốt, nóng lạnh dãi dầu, ngày đêm khổ bức, khi nghe danh ta, hết lòng thọ trì Dược Sư thắng pháp, thì ta khiến họ cầu gì được nấy, y phục tốt đẹp, của cải đủ đầy, đời sống vui vầy, để làm việc tốt. O

CÔI PHẬT DƯỢC SƯ

Văn Thù Sư Lợi, ở cõi Phương Đông, cách mười muôn ức cõi nước chư Phật, có một thế giới, tên là Lưu Ly, trang



nghiêm thanh tịnh. Đức Phật giáo chủ cõi ấy hiệu là Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai, đầy đủ mười hiệu của bậc đại giác.

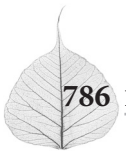
Trong cõi Phật ấy, đất bằng lưu ly, nhiều hàng cây quý, giếng làm ranh giới, thành quách cung điện, cửa sổ mái hiên, nét đẹp trang nghiêm, toàn bằng thất bảo, như cảnh Cực Lạc của Phật Di-đà.

Lại trong cõi ấy, có hai Bồ-tát: Nhật Quang Biến Chiếu, Nguyệt Quang Biến Chiếu là bậc thượng thủ trong các bồ-tát, giúp Phật Dược Sư truyền bá chánh pháp, đem lại lợi lạc cho chúng hữu tình.

Cho nên Văn Thù, người đủ niềm tin nên phát lòng thành, sinh về cõi ấy, đời đời an vui, không còn thoái chuyển. O

QUẢ BÁO BỒN XÉN

Văn Thù Sư Lợi, trong thế giới này, có rất nhiều người không biết lành dữ, ôm



lòng ích kỷ, không thích bố thí, ngu si vô trí, bòn xẻn tham lam, nhân quả không tin, bo bo giữ gìn của cải vật chất; khi ai đến xin, không màng chia sẻ. Nếu phải cho người, đem lòng tiếc nuối, dường như cắt thịt trên thân thể mình, đau đớn vô cùng! O

Lại cũng có người tánh tình tham lẩn, cất giấu thật nhiều, không dám ăn tiêu, cho bản thân họ. Ngay cả thân bằng: Cha mẹ vợ con, bạn thân tôi tớ, lâm cảnh nghèo cùng, cần sự giúp đỡ, vẫn không phát tâm, giúp người đáng giúp. Những người như vậy, sau khi qua đời, sanh làm quỷ đói, sống trong thiếu thốn. Nhưng nếu nhớ niệm danh hiệu Dược Sư, sẽ sanh làm người, không màng vật chất, nhớ khổ nạn quý, thực hành bố thí, giúp người nghèo cùng, hy sinh bản thân, phát triển thiện căn, hành Bồ-tát đạo. O



HỒI ĐẦU HƯỚNG THƯỢNG

Lại nữa Văn Thù, trong đời mặt pháp, có người phá giới, đánh mất niềm tin, hủy hoại chánh kiến, lười tu kém học, tự cao chấp mắc, đố kỵ ghét ganh, khen mình chê người, phỉ báng chân lý, kết bạn kẻ ngu, lún sâu tà kiến. Những người như thế sẽ bị đọa sa, trôi lăn sáu nẻo, chịu nhiều đau khổ, không khi nào cùng. O

Nhưng nếu nghe được, danh hiệu Dược Sư, làm lành lánh dữ, từ bỏ đường mê, nẻo chánh hướng về, điều hòa tâm ý, bỏ tục xuất gia, kính tin Tam Bảo, học rộng nghe nhiều, mở mang trí tuệ, lìa thói kiêu ngạo, tùy hỷ với người, tán dương chánh pháp, thân cận người hiền, xé lưới vô minh, tát sông phiền não, tu hạnh Bồ-tát đến khi thành tựu đạo quả bồ-đề. O



HÓA GIẢI OAN TRÁI

Lại nữa Văn Thù, ai sống trong cảnh bị người thù hận, tranh chấp kiện tụng, náo loạn thân tâm, rước quỷ cầu thần, ém đối hãm hại, khổ sở kéo dài, năm này tháng nọ, nên trì danh hiệu đức Phật Dược Sư, thì những tà thuật không thể hại được, còn kẻ hung dữ trở nên hiền từ; hai bên hòa hảo như bạn tâm giao, hiểm hận tiêu tan, oan khiên dứt sạch. O

PHƯỚC BÁO TRÌ DANH

Lại nữa Văn Thù, nếu có tỳ-kheo, hoặc tỳ-kheo-ni, thiện nam tín nữ, giữ gìn giới hạnh, làm nhân vãng sanh thế giới an lành A-di-đà Phật, mà chưa nhất tâm, đến lúc mạng chung nên niệm danh hiệu đức Phật Dược Sư, thì tám Bồ-tát: Văn Thù Sư Lợi, đức Quán Thế Âm, đức Đại Thế Chí, đức Vô Tận Ý, đức Bảo Đàn Hoa, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Dược Vương, và đức Dược Thượng, đến bên tiếp dẫn,



đưa đường chỉ lối, khiến cho hoá sanh, bằng hoa sen báu, về cảnh an lành, Tây Phương Cực Lạc. O

Nếu sanh cõi trời, hưởng phước đời đời, không còn đọa lạc. Khi bỏ cõi trời sẽ sanh cõi người, làm Chuyển Luân Vương, đức rạng mùi hương, uy nhiếp bốn biển, giáo hoá hữu tình theo đường thập thiện, hòa bình hưng thịnh ở khắp mọi nơi, người người tinh tiến hoàn tất hạnh lành.

Hoặc làm vua chúa, tỷ phú đại gia, thân quyền thuận hòa, của tiền dư dả, vật dụng đủ đầy, tướng mạo đoan trang, tư cách vượt phàm, thông minh sáng láng. O

THẦN CHÚ DIỆT KHỔ

Lại nữa Văn Thù, đức Phật Dược Sư biết loài hữu tình mắc nhiều bệnh khổ, hoặc bị chết ngang, hoặc bị chết yếu, nên ngài phát nguyện, dùng sức đại từ, vào trong đại định “diệt trừ khổ não của



các chúng sinh.” Từ đỉnh đầu ngài, hào quang chiếu rọi, nói chú tiêu tai, ba cõi bốn loài, dứt hết bệnh khổ, hưởng được an vui:

Nam-mô Bạc-già-phật-đế, bệ-sát-xã, lữ-lô-thích-lưu-ly, bác-lặc-bà, hắc-ra-xà-giả. Đát-tha yết-đa-gia, a-ra-hắc-đế. Tam-miệu tam-bộ-đà-gia, đát-điệt-tha. Ân bệ-sát-thệ, bệ-sát-thệ, bệ-sát-xã, tam-một-yết-đế xóa-ha. O

Nếu có người nào mắc bệnh nan y, thì hãy niệm trì Dược Sư thân chú trăm lẻ tám biến, vào trong nước sạch, không có vi trùng, cho bệnh nhân dùng, liền được khoẻ mạnh, lại thêm sống lâu, sở nguyện tùy tâm, cát tường như ý. Cõi Phật Lưu Ly, an vui hạnh phúc, đến khi nghiệp hết, liền được sinh về, Bồ-tát đề huề, phóng quang tiếp dẫn, không còn thối chuyển trong cõi luân hồi, dần dần chứng đắc vô thượng chánh giác. O



TRUYỀN BÁ HÀNH TRÌ

Những ai cầu phúc thì phải siêng năng, dâng quả thắp hương, cúng dường Phật tượng. Đối với kinh điển, phát tâm phổ biến, ấn tống thọ trì, suy nghiệm nghĩa lý. Đối với pháp sư, giảng nói kinh pháp thì nên cung kính, thân cận cúng dường, học hỏi tận tường, thực hành áp dụng, đến khi chứng đặng đạo quả Bồ-đề.

Với người tín tâm thì nên khuyến khích, khiến họ tỉnh thức, ngày cũng như đêm, hành trì danh hiệu của Phật Dược Sư. O

HÀNH PHÁP DƯỢC SƯ

Lại nữa Văn Thù, nếu chúng sinh nào muốn khỏi hoạn tử, giải ách trừ tai, thì phải miệt mài làm lành lánh dữ, thỉnh bày hình tượng đức Phật Dược Sư, thờ trên tòa cao, trang nghiêm sạch sẽ, rải hoa dâng hương, đốt đèn tục mạng, suốt bảy ngày đêm.



Giữ tâm thanh tịnh, thọ trì giới hạnh, ăn món thanh trai, không giận không buồn, thương xót mọi loài như mình không khác. Phát triển từ bi, ban vui cứu khổ, giữ lòng hoan hỷ, buông xả thứ tha, khen ngợi hạnh lành, tán dương người thiện.

Luôn nhiều quanh Phật, đánh lễ cúng dường, khắc ghi bốn nguyện của Phật Dược Sư, đọc tụng suy tư, dạy người làm phước. Mỗi khi thọ trì, suy nghiệm nghĩa lý, diễn nói khai thị cho người khác biết. O

LỢI ÍCH THỌ TRÌ

Làm được như vậy, sở cầu toại ý, giàu sang quan vị, khỏe mạnh sống lâu. Nếu trong giấc ngủ, gặp toàn mộng dữ, hoặc đang lúc thức, thấy điều quái dị, thì nên thọ trì danh hiệu Dược Sư, điềm xấu tiêu trừ, không còn lo sợ.



Bất cứ lúc nào, gặp những nạn tai, lụt trôi lửa cháy, giặc giã xâm lăng, trộm cướp nhiều nhưong, bất công áp bức, tự do mất hết, dân chủ không còn, nạn quan lộng hành; dưới biển cá kình, trên non hổ dữ, cọp sói độc xà, nhất sinh thập tử, thì nên chuyên niệm danh Phật Dược Sư, đọc tụng thần chú, tất cả nạn tai thảy đều tan biến. O

Nếu có người nào quy y Tam bảo, lỡ phạm giới luật, sợ bị sa đọa vào ba đường ác, thì nên thọ trì danh hiệu Dược Sư; nhờ công đức này, thoát khỏi đường dữ.

Nếu có phụ nữ, đau đớn lúc sanh, sức lực không còn, tưởng chừng như chết. Cũng nhờ phước đức, niệm Phật Dược Sư, đau khổ tạ từ, hạ sinh an ổn, mẹ tròn con vuông. Nhờ phước báu đó, con được đoan trang, thông minh sáng láng, không có bệnh hoạn, ai thấy cũng thương. O



LỜI PHẬT KHÔNG SAI

Đức Phật liền hỏi tôn giả A-nan có tin được rằng công đức của Phật Dược Sư Lưu Ly sâu xa ngàn ấy?

Tôn giả A-nan bạch đức Phật rằng: “Mặt trời mặt trăng còn có thể rơi, núi Tu-di cao có thể lay động, nhưng lời của Phật không thể sai được.” Những việc Phật làm, nhiệm mầu khó hiểu; chỉ Phật với Phật mới hiểu tột cùng. Những kẻ không tin, sinh lòng phỉ báng, sẽ bị đọa lạc trong đường ác thú, lưu chuyển không cùng.

Lại nữa A-nan, thân người khó đặng. Tin ba Ngôi Báu lại còn khó hơn. Thọ trì danh hiệu, hành pháp Dược Sư còn khó hơn nữa. O

PHƯƠNG PHÁP DIÊN THỌ

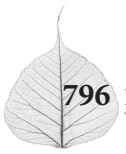
Bấy giờ trong hội, Bồ-tát Cứu Thoát chấp tay bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, trong thời tượng pháp, có nhiều chúng



sinh, khôn khổ hoạn nạn, bệnh tật triền miên, đi đứng không yên, thân thể yếu ớt, mắt mờ tai điếc, uống ăn không được, môi cổ khô ran, tướng chết hiện ra, thân quyến mẹ cha, buồn thương lệ đổ. Thân tuy nằm liệt, thức thần nhớ hết việc làm thiện ác; những gì đã tạo trong thời gian qua, quyết định tội phước, khổ đau hạnh phúc, thành bại trong đời. Lúc đó thân nhân nên quy y Phật, tụng kinh Dược Sư, đốt đèn bảy tầng, treo phan tục mạng, suốt bảy ngày đêm, cho đến bảy tuần. Nhờ công đức này, thần thức người bệnh như tỉnh chiêm bao, hiểu rõ nghiệp báo, nhân quả thiện ác. Từ đó về sau, dẫu cho có được tiền tài danh vọng, cũng không dám tạo những nghiệp ác nữa.” O

Tôn giả A-nan hỏi ngài Cứu Thoát: “Phải làm thế nào để được sống lâu?” O

Bồ-tát Cứu Thoát liền đáp lời rằng:



“Những ai đau bệnh, muốn được bình an thì những người thân giữ gìn tám giới, trong suốt một tuần, sắm sanh vật dụng, cúng dường chư tăng, làm việc từ thiện, ngày đêm sáu thời, đốt bảy ngọn đèn, dâng lên cúng dường bảy đức Dược Sư, lễ bái thọ trì danh hiệu của Phật, phóng sanh thả vật, bảo vệ môi trường, thì những tai ương, thầy đều dứt sạch, những nạn chết ngang không thể nhiều hại.” O

MƯA HÒA GIÓ THUẬN

Lại nữa A-nan, những bậc vua chúa làm lễ quán đảnh, gặp lúc có nạn, nước khác xâm lăng, hoặc bị nội loạn, nhật thực nguyệt thực, mưa gió trái mùa, hạn hán không mưa, hoặc lũ ngập tràn, nạn dịch lan truyền, trăm điều khổ sở. Lúc ấy quốc vương phải khởi từ bi, thương xót mọi loài, ân xá người tội, trợ giúp dân lành, thành khẩn ân cần, lập đàn cúng



Phật Dược Sư Lưu Ly; nhờ sức gia trì, nước an dân mạnh, mưa hòa gió thuận, nông nghiệp được mùa, tất cả tai ương thảy đều biến mất. Nhờ vậy, quốc vương sống lâu trăm tuổi, tại vị lâu dài, nhân dân vui vẻ trong cảnh thái bình. O

CHÍN THỨ HOẠNH TỬ

Tôn giả A-nan thưa ngài Cứu Thoát: “Tại sao mạng hết mà vẫn không chết, lại được sống thêm?”

Bồ-tát Cứu Thoát ân cần trình bày, đức Phật có dạy chín loại hoạn tử làm giảm tuổi thọ của các chúng sinh. Nếu biết tu hành, làm phan tục mạng, để khỏi tai nạn, phước thọ gia tăng, sống lâu mạnh khỏe. O

Hoạn tử thứ nhất: Bệnh không đáng chết, nhưng lại chết ngang, do thiếu thuốc thang, không người chăm sóc. Khi gặp được thầy cho uống lầm thuốc. Lại tin họa phước của bọn tà ma, giết hại loài



vật, hiến tế thần linh, gây thêm nghiệp sát, bệnh không đáng chết mà phải qua đời.

Hoạn tử thứ hai: Do bị họa lây, từ người thân thuộc, phép vua tru lục, nên phải chết oan.

Hoạn tử thứ ba: Do sống đọa sa, buông lung vô độ, đam mê tử sắc, chơi bời sẵn bản, không biết giữ thân, nên phải yếu thọ.

Hoạn tử thứ tư: Gặp phải hỏa hoạn, cháy rụi cả thân.

Hoạn tử thứ năm: Đó là chết chìm ở sông biển hồ, do không biết bơi, hoặc bị kiệt sức.

Hoạn tử thứ sáu: Là bị thú dữ xé xác ăn thịt.

Hoạn tử thứ bảy: Té núi rớt hầm, thân thể nát tan, vô cùng đau đớn.

Hoạn tử thứ tám: Là do thuốc độc, thur yếm trừ ẻo, quỷ thần hãm hại.

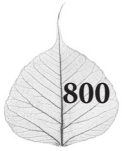


Hoạn tử thứ chín: Lâm cảnh đói khát, khôn khổ mà chết. O

Lại nữa A-nan, ở trên thế gian, có người bất hiếu, phạm tội tà trời, phỉ báng Tam bảo, làm điều phạm pháp, thì luật nhân quả không thể dung tha, gieo gì gặt nấy, đừng mong trốn chạy. Tội ác chất đầy, tuổi thọ sẽ giảm. Ta khuyên mọi người phóng sanh tu phước, gieo nhân tích đức, mới lìa khổ ách, hưởng được an vui. O

MƯỜI HAI THẦN TƯỚNG

Bấy giờ, mười hai thần tướng Dược-xoa: Thần Cung-tì-la, thần Phật-chiếc-la, thần Mê-súy-la, thần An-đê-la, thần Át-nê-la, thần San-đê-la, thần Nhơn-đạt-la, thần Ba-di-la, thần Ma-hổ-la, thần Chân-đạt-la, thần Chiêu-đổ-la, thần Tỳ-yết-la, cùng với hàng ngàn quyến thuộc Dược-xoa, đều phát tâm lành, quy y Tam Bảo, hết lòng vì đạo, cứu giúp người đời, làm việc nghĩa lợi, mang lại an vui. O



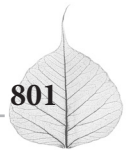
Bạch đức Thế Tôn, chúng con phát nguyện, hết lòng phò hộ người trì kinh này, thoát khỏi ách tai, cát tường như ý. Ai muốn cầu gì, dùng “niệt năm sắc,” gút tên chúng con, trì tụng chú thân, ước nguyện trọn phần, mới mở gút ra. Đức Phật Thích-ca khen các Dược-xoa, tâm nguyện bao la, phò sinh cứu khổ, đáp đền ân Phật. O

TÊN GỌI CỦA KINH

Tôn giả A-nan cung kính bạch Phật: “Kinh này tên gì, làm sao thọ trì, để được phước báu, xin Phật chỉ bảo.”

Thế Tôn dạy rằng đây chính là Kinh Bốn Nguyện Công Đức của Phật Dược Sư, hay còn gọi là Thần Chú Tiêu Tai của Mười Hai vị Thần Tướng Dược Xoa, còn gọi là Kinh *Diệt Trừ Nghiệp Chướng*. Đọc tụng thọ trì, công đức vô lượng. O

Nghe Phật nói xong, các bậc Bồ-tát, các hàng Thanh Văn, các vị quốc vương,



đại thần cư sĩ, bát bộ long thiên, người và
quỷ thần, vô cùng hoan hỷ, phát nguyện
thọ trì, truyền bá Kinh này. O

Nam-mô Dược Sư Hải Hội Phật Bồ-tát.

(3 lần) OOO

CHÂN NGÔN DƯỢC SƯ

Nam-mô Bạc-già-phật-đế, bệ-sát-xã,
lũ-lô-thích-lưu-ly, bác-lặc-bà, hắc-ra-
xà-giả. Đát-tha yết-đa-gia, a-ra-hắc-đế.
Tam-miệu tam-bộ-đà-gia, đát-điệt-tha.
Án bệ-sát-thệ, bệ-sát-thệ, bệ-sát-xã, tam-
môt yết-đế xoá-ha. (3 lần) O

Tháo mở hận thù, buông oan trái.

Nghiệp chướng bao đời đều rụng hết.

Rửa sạch lòng trần, phát tâm thành kính.

Quy trước Phật đài, xin giải oan nghiệt.

Dược Sư Phật, Dược Sư Phật.

Tiêu Tai Tăng Thọ Dược Sư Phật.

Tùy tâm mãn nguyện Dược Sư Phật. O



TÁN DƯƠNG DƯỢC XOA

Mười hai thân tướng Dược-xoa,
Giúp Phật Dược Sư,
Phù hộ chúng sanh.
Bùa năm sắc kết thần danh,
Nguyện ước đều viên thành,
Oan nghiệp tan nhanh,
Phước thọ mãi an lành. OOO





59. KINH A DI ĐÀ

NHÂN DUYÊN PHÁP HỘI

Tôi nghe như vậy: Một thời đức Phật ở chùa Kỳ Viên, thuộc thành Xá-vệ, do Cấp Cô Độc và ông Kỳ-đà phát tâm hiến cúng. Pháp hội bấy giờ, có khoảng một nghìn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo xuất chúng, trong đó nhiều vị là A-la-hán, danh vang khắp chôn: ngài đại Ca-diếp, ngài Xá-lợi-phất, ngài Mục-kiền-liên, ngài Ca-chiên-diên, ngài Câu-hy-la, Châu-lợi-bàn-đà, ngài Ly-bà-đa, ngài A-nan-đà, ngài La-hầu-la, Kiều-phạm-ba-đề, ngài Tân-đầu-lô, ngài Phả-la-đọa, Ca-lưu-đà-di, ngài Kiếp-tân-na, ngài Bạt-câu-la, A-nậu-lâu-đà, và ngài Nan-đà.

Các đại Bồ-tát như A-dật-đa, Càn-đà-ha-đề, Văn-thù Sư-lợi và Thường Tinh



Tấn cùng dự pháp hội. Vua trời Đế-thích và hàng chư thiên, cũng đều có mặt. O

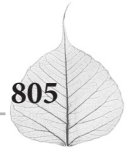
THẾ GIỚI CỰC LẠC

Bấy giờ đức Phật bảo Xá-lợi-phất, hướng về Phương Tây, khoảng mười muôn ức cõi nước chư Phật, có một thế giới, tên là Cực Lạc, giáo chủ là Phật, hiệu A-di-đà, hiện đang thuyết pháp. O

Này Xá-lợi-phất, vì sao cõi ấy gọi là Cực Lạc?

Dân chúng nước ấy không còn đau khổ, ngay cả từ “khổ,” còn không có mặt, hưởng chi có thật; luôn sống an vui, thân tâm thoi thới. Cho nên cõi ấy gọi là Cực Lạc. O

Ở cõi nước ấy, núi non đất đai, thành quách cung điện, các thứ phương tiện, nhà cửa phố xá, hạ tầng cơ sở, cho đến hàng cây, đều nạm bảy báu: vàng, bạc, trân châu, pha lê, mã não, lưu ly, xà cừ. Cho nên cõi ấy gọi là Cực Lạc. O



Ở cõi Cực Lạc, có ao thất bảo, nước tám công đức, chảy hoài không dứt. Cát dưới hồ ấy là vàng đá quý. Dọc theo bờ hồ, có những lối đi, với nhiều lầu các, trang nghiêm đẹp mắt. Hoa sen năm sắc, lớn như bánh xe, nở bày cánh nhụy, rực rỡ lạ kỳ: Sen xanh ánh biếc, sen vàng ánh rực, sen đỏ ánh hồng, sen trắng ánh tuyết, hương thơm tỏa ngát, tinh khiết nhiệm màu. O

Này Xá-lợi-phất, ở cõi Cực Lạc, nhạc trời réo rắt, văng vọng tầng xanh, như rì rào khỏi cành, hoa mạn-đà-la, điểm thêm hương sắc. Dân chúng cõi này thường nhật hoa ấy, vận sức thần thông, bay khắp mười phương, cúng dường chư Phật. Trưa về bốn quốc, ăn trong tỉnh thức, xong rồi kinh hành, từng bước thanh thoi. O

Này Xá-lợi-phất, ở cõi Cực Lạc, có nhiều chim quý: Xá-lợi, Anh Vũ, Bạch Hạc, Khổng Tước, Ca-lăng-tần-già, và chim Cộng Mạng, ngày đêm sáu thời,



cát tiếng hót vang, pháp âm vi diệu: Bảy bồ-đề phần, tám con đường thánh, giúp người nhiếp tâm, niệm Phật Pháp Tăng, trở về tỉnh thức. O

Này Xá-lợi-phất, ở cõi Cực Lạc, gió nhè nhẹ thổi, xao động hàng cây, màn lưới lung lay, tạo ra âm hưởng, du dương trầm bổng, vi diệu khôn cùng, cũng như trăm ngàn các loại nhạc cụ, hoà tấu một lần, giúp cho người nghe, hân hoan vui vẻ, niệm Phật Pháp Tăng.

Này Xá-lợi-phất, thế giới Cực Lạc với nhiều công đức, trang nghiêm đặc sắc. O

Ý NGHĨA PHẬT HIỆU

Này Xá-lợi-phất, ông hãy nghĩ xem, vì sao đức Phật hiệu A-di-đà? O

Này Xá-lợi-phất, vì đức Phật ấy là Vô Lượng Quang, chiếu soi khắp cùng thế giới mười phương, ngay cả thành quách không thể ngăn cách.



Này Xá-lợi-phất, thọ mạng của Phật và hàng thánh chúng, ở cõi Tây Phương, dài lâu vô lượng, không thể nghĩ bàn. Do vậy Phật ấy hiệu A-di-đà. O

DÂN CHÚNG TỊNH ĐỘ

Này Xá-lợi-phất, đức A-di-đà, từ khi thành Phật, đã hơn mười kiếp, giúp người chúng đắc quả vị Duyên Giác, cũng như Bồ-tát, nhiều như số cát, không thể kể xiết. O

Này Xá-lợi-phất, người sanh cõi Phật Cực Lạc Tây Phương, không còn vẩn vương, dục lạc thế gian, được bất thối chuyển. Trong đó có vị đã được thăng tiến, làm Phật tương lai. Những vị như vậy, số không thể đếm. O

PHÁT NGUYỆN VÃNG SANH

Này Xá-lợi-phất, do vậy khi nghe danh Phật Di-đà, hãy nên nhiếp tâm, phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực



Lạc, làm bạn BỒ-tát, tròn đầy trí đức.

ĐIỀU KIỆN VÃNG SANH

Này Xá-lợi-phất, người căn lành lớn, trồng nhiều phước đức, tạo nhân duyên tốt, lòng tin vững vàng mới có khả năng sinh về cõi ấy. O

Này Xá-lợi-phất, bất luận nữ nam, muốn được vãng sanh, thì hãy chuyên cần, khởi lòng khát ngưỡng, nhớ nghĩ không quên, thực tập quán niệm, “nhất tâm bất loạn”, trong vòng một ngày, cho đến bảy ngày. Trong giờ phút này, tâm ý người ấy phải thật yên tĩnh, như vào thiền định, không còn tán loạn, đảo điên mộng tưởng. Đến lúc qua đời, Phật A-di-đà, thánh chúng hà sa, dang tay tiếp dẫn, khiến được vãng sanh, dự hàng chúng thánh, không hề chia phân.

Này Xá-lợi-phất, vì nhìn thấy được lợi lạc hà sa do niệm Di-đà, ta khuyên



các vị, hãy nên chuyên tâm, niệm Phật
vãng sanh. O

CHƯ PHẬT TÁN DƯƠNG

Này Xá-lợi-phất, khi ta tán dương Phật
A-di-đà, thì ở phương Đông, A-súc Bê
Phật, Tu-di Tướng Phật, Đại Tu-di Phật,
Tu-di Quang Phật, và Diệu Âm Phật, và
các Phật khác, nhiều như số cát, ở tại
bốn quốc, dùng lưỡi dài rộng, phát âm
vang vọng, khắp cõi hư không, nói lời
khuyên dạy tất cả mọi người nên tin
kinh này, kinh được các Phật tán thán
hộ niệm. O

Còn ở phương Nam: Nhật Nguyệt Đấng
Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm
Kiên Phật, Tu-di Đấng Phật, Vô Lượng
Tinh Tán Phật, và các Phật khác . . . ; O

Còn ở phương Tây: Vô Lượng Thọ
Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng
Tràng Phật, đức Đại Quang Phật, đức Đại



Minh Phật, đức Bảo Tướng Phật, đức Tịnh Quang Phật, và các Phật khác . . . ; O

Còn ở phương Bắc: Có Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, đức Nan Trử Phật, đức Nhật Sanh Phật, đức Vãng Minh Phật, và các Phật khác . . . ; O

Còn ở phương Dưới: Có Sư Tử Phật, đức Danh Văn Phật, đức Danh Quang Phật, đức Đạt-ma Phật, đức Pháp Tràng Phật, đức Trì Pháp Phật, và các Phật khác . . . ; O

Còn ở phương Trên: Có Phạm Âm Phật, đức Tú Vương Phật, đức Hương Thượng Phật, đức Hương Quang Phật, đức Diệm Kiên Phật, đức Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Ta-la Thọ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu-di Sơn Phật, và các Phật khác, nhiều như số cát, ở tại bốn quốc, dùng lưới dài rộng, phát âm vang vọng, khắp cõi hư không,



nói lời khuyên dạy tất cả mọi người nên tin kinh này, kinh được các Phật tán thán hộ niệm. O

Này Xá-lợi-phất, theo ông tại sao Kinh này là Kinh được các đức Phật tán thán hộ niệm?

Sở dĩ như thế, là vì bất cứ người nam hay nữ, biết được kinh này, và danh hiệu Phật Cực Lạc Tây Phương, thọ trì hết lòng, chánh niệm tỉnh thức, chuyên tâm niệm Phật, thì những người ấy, chư Phật hộ trì, cho đến khi được giác ngộ vô thượng. Vì thế các vị tin lời ta nói, như chư Phật nói. O

Này Xá-lợi-phất, ai đã phát nguyện, hoặc đang phát nguyện, hoặc sẽ phát nguyện, sanh về Cực Lạc, thì ngay lúc nguyện, đã được bắt thối, nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, và đã có mặt tại Cực Lạc rồi. O



Này Xá-lợi-phất, khi ta tán dương công đức của Phật Cực Lạc Tây Phương, thì vô số Phật cũng đang ca tụng công đức ta rằng: “Đức Phật Thích-ca thật là hy hữu, trong đời năm trước: Thế giới mong manh, thấy biết sai lầm, chúng sinh cang cường, náo phiền nghiệp chướng, tuổi thọ ngắn ngủi, mà vẫn tu tập, đắc được đạo quả vô thượng bồ-đề; lại còn tuyên thuyết pháp môn niệm Phật, mang lại an lạc, hạnh phúc đời đời, giúp cho mọi loài, thoát khỏi ba cõi.” O

TÍN THỌ PHỤNG HÀNH

Phật vừa dứt lời, ngài Xá-lợi-phất, cùng các Bồ-tát, các A-la-hán, các hàng Thanh Văn, tại gia xuất gia, thiên a-tu-la, vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thọ trì, truyền bá Kinh này. OOO



BẬP TRỪ NHẤT THIẾT NGHIỆP CHƯỜNG ĐẮC SANH TỊNH ĐỘ ĐÀ LANI

Nam-mô a-di-đà-bà-dạ, đạ-tha-dà-đạ-
dạ. Đạ-điệt-dạ-tha, a-di-rị-đô-bà-tỳ, a-di-
rị-đạ, tất-đam-bà-tỳ, a-di-rị-đạ, tỳ-ca-
lan-đế, a-di-rị-đạ, tỳ-ca-lan-đạ, dà-di-nị,
dà-dà-na, chỉ-đạ-ca-lợi, ta-bà-ha. (3 lần) O





60. KINH SÁM HỎI SÁU CĂN

Đại từ đại bi thương chúng sinh,
 Đại hỷ đại xả cứu muôn loài,
 Tướng Phật trang nghiêm, hào quang tỏa,
 Chúng con kính lễ, hướng tâm về. O

(Chủ lễ xướng lay trước, sau đó đại chúng đồng xướng lay)

Nam-mô Quá Khứ Nhất Thiết Phật. O

Nam-mô Vị Lai Nhất Thiết Phật. O

Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật O

Nam-mô Đại Trí Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát. O

Nam-mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát. O

Nam-mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát. O

Nam-mô Đại Lực Đại Thế Chí Bồ-tát. O

Nam-mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương

Bồ-tát. O

Nam-mô Đại Ca-diếp Bồ-tát. O

Nam-mô Xá-lợi-phất Bồ-tát. O

Nam-mô Mục-kiền-liên Bồ-tát. O

Nam-mô A-nan-đa Bồ-tát. O



Nam-mô Tu-bồ-đề Bồ-tát. O
Nam-mô Phú-lâu-na Bồ-tát. O
Nam-mô Ca-chiên-diên Bồ-tát. O
Nam-mô A-na-luật Bồ-tát. O
Nam-mô Ưu-ba-li Bồ-tát. O
Nam-mô La-hầu-la Bồ-tát. O

Từ vô thủy đến nay muôn kiếp,
Quên bản tâm, đâu biết đạo màu.
Ba đường khổ ải sa vào,
Sáu căn lâm lạc nhân sâu bao đời.
Nay con nguyện làm vơi tội lỗi
Để tránh điều thống hối về sau,
Xét soi nhân quả đuôi đầu,
Chúng con xin nguyện trồng
sâu căn lành. O

SÁM HỐI NGHIỆP CỦA MẮT

Làm hoa giả mà quên trắng thật,
Yêu ghét rồi xấu đẹp cạnh tranh,
Xa đường chánh kiến làm mình,
Phân chia vàng đỏ, trắng xanh mê mờ.



Mắt nhìn lệch khác gì như quáng,
Gặp vẻ xinh duyên dáng trộm nhìn,
Chưa mù mà mắt không tinh,
Chẳng hay ‘mặt thật’ của mình ra sao.
Gặp kẻ giàu, tranh nhau nướng mắt,
Thấy người nghèo muốn khuất cho xong,
Người dung chết chóc ngoài lòng,
Bà con tạ thế, lệ dòng khóc than.
Đến Tam bảo, Già Lam, chùa tháp,
Thấy tượng, kinh chẳng chút đoái hoài,
Tại chùa lại đoái gái trai,
Mãi mê liếc mắt đưa mày sắc dâm.
Chẳng nể sợ Long Thần, Hộ Pháp,
Làm ố hoen cửa Phật trang nghiêm,
Tội này vô lượng vô biên,
Phát sinh từ cửa mắt nhìn mà ra.
Nghiệp ác này phải sa địa ngục,
Bao kiếp dài mới được làm người,
Làm người lại bị mắt đui,
Nếu không sám hối hẵn thời khó xong.
Nay con nguyện một lòng sám hối,



Biết bao điều tội lỗi xưa nay,
Thành tâm quỳ trước Phật đài,
Lạy Ba Ngôi Báu tỏ bày ăn năn. O

SÁM HỐI TỘI CỦA TAI

Thích lời tà, ghét nghe chánh pháp,
Gốc “thật” quên, mải miết theo ngoài,
Sáo đàn inh ỏi khoái tai,
Mỡ chuông tu niệm tưởng loài ếch kêu.
Câu vè ví ham vui để dạ,
Lời kinh cùng tiếng kệ ngoài tai,
Lời dua nịnh lại vui vầy,
Những lời “ngọt mật” khen hay mong cầu.
Nghe lời phải đã nào tin nhận,
Ba chén vào đôi bạn gái trai,
Châu đầu áp má kề tai,
Ba điều bốn chuyện đông dài dễ quên.
Lời thầy dạy chẳng thềm nghe tới,
Lời bạn hiền khuyên chói cả tai,
Hiếu trung lễ nghĩa gác ngoài,
Chạy theo tiếng ái, vui vầy giai nhân.



Lời kinh kệ chẳng màng, chẳng thích,
 Tội như vầy chứa chất vô biên,
 Dầy đầy một khối trần duyên,
 Hết đời, đường ác phải liền đọa sa.
 Trả hết nghiệp rồi đi sinh tiếp,
 Sinh làm người bị điếc hai tai,
 Độc lòng sám hối từ nay,
 Lạy Ba Ngôi Báu tỏ bày ăn năn. O

SÁM HỐI TỘI CỦA MŨI

Về mùi lạ, mũi tham trăm thứ,
 Chẳng kể gì hương tuệ sạch trong,
 Thích tìm sạ ướp, lan xông,
 Mùi hương giới định, mũi không biết gì.
 Trước bàn Phật mỗi khi nhang đốt,
 Khói quện quanh phảng phất hương trầm;
 Trộm hương phẩy khói hít thâm,
 Long thần há nể, quý thần xem khinh.
 Mùi son phấn hồng nhan luyện chặt,
 Chẳng đoái hoài cây giác hoa tâm,
 Chợ xa rồi lại bếp gần,



Của ngon vật lạ chẳng cần sạch dơ.
Chẳng kể chi mùi như thịt cá,
Dù tanh hôi dùng cả, chẳng tha,
Đàm vàng nước mũi chảy ra,
Dơ thêm bản đất, lê la say nằm.
Chốn cửa Phật phòng tăng chẳng kể,
Mùi nặc nồng hơi thở mà kinh,
Ngửi sen ý trộm khởi sinh,
Nghe mùi má phấn tư tình phát ra.
Nào hay đó đều là nghiệp mũi,
Những thứ này tội lỗi vô biên,
Dầy đầy một khối trần duyên,
Chết rồi đường ác phải liền đọa sa.
Trả hết nghiệp rồi đi sinh tiếp,
Làm thân người bệnh nghiệp khổ thay,
Dốc lòng sám hối từ nay,
Con xin quỳ trước Phật đài ăn năn. O



SÁM HỐI TỘI CỦA LƯỠI

Tham mọi vị mà mình ưa thích,
Chẳng kể gì xấu tốt, dở ngon,
Ném vào thứ béo, thứ còm,
Sát sinh hại vật chỉ dòn nuôi thân.
Gà, vịt, cá, chim... hầm cho kỹ,
Lại thêm vô ngũ vị tởi hành...
Kể gì mùi vị hôi tanh,
Miễn sao khoái khẩu là sinh lưỡi thèm.
Nay chưa đã, mai tìm ăn nữa,
Gặp phải kỳ đến bữa đàn chay,
Cầu thần lễ Phật lời hay,
Cổ để bụng đói qua ngày cho xong.
Thức ăn chay lỏng lòng lạt miệng,
Khi phải ăn chẳng luyến, chẳng màng,
Như người bệnh phải vương mang,
Ăn không ngon miệng cốt dùng qua loa.
Thấy thịt cá lòng đà hoan hỷ,
Cơm rượu nồng bí tỉ vui vầy,
Gặp khi cưới gả đêm ngày,
Cùng là rượu thịt ma chay tiệc tùng.



Rồi sát sinh mà dùng lấy thịt,
Khiến trùng trùng tội nghiệp manh nha,
Lại ba tác lữi như là:
Dệt thù, đâm thọc, ác tà, dối gian.
Vô lễ với họ hàng, Tam bảo,
Mắng chửi người, ráo nạo mẹ cha,
Gièm pha, dè bủ người ta,
Luận bàn kim cổ nào là khen chê.
Lỗi bản thân giấu che đây đó,
Khoe giàu sang, nghèo khó miệt khinh,
Tặng Ni xua đuổi, chẳng gân,
Kẻ ăn người ở, chửi inh cả ngày.
Lời gièm xỉa như bày thuốc độc,
Nịnh hót như cung bậc phím đàn,
Lấy điều sai quấy điểm trang,
Nói không thành có, oán than lạnh nồng.
Việc như vậy trùng trùng vô kể,
Như hà sa chẳng thể đếm cùng,
Chết sa địa ngục nấu nung,
Lữi môi cay kéo, nước đồng rót vô,
Quả báo ấy bao giờ mới hết,



Sanh làm người cam điếc suốt đời,
 Nay con quỳ trước Phật đài,
 Lạy Ba Ngôi Báu tỏ bày ăn năn. O

SÁM HỐI TỘI CỦA THÂN

Xét thân xác tinh cha, huyết mẹ,
 Phối hợp nên nhờ thể thành hình,
 Trăm hài năm tạng kết sinh,
 Chấp cho là thật thân hình của ta.
 Tự quên mất bỏ qua “thân pháp,”
 Rồi dâm tà, trộm cướp, sát sanh,
 Khiến cho ba nghiệp hoành hành,
 Để rồi quả báo quần quanh luân hồi.
 Nghiệp sát sinh nơi người tàn ác,
 Chẳng lòng từ hạ sát chúng sinh,
 Đâu hay sinh vật với mình,
 Vốn cùng một thể, vốn sinh một nguồn.
 Khi sát hại chẳng buồn thương tiếc,
 Chỉ lợi mình mà giết chúng sinh,
 Nào làm thuốc độc cho tinh,
 Ngải bùa trừ yểm gian manh rợn người.



Người còn hại, dễ thời thương vật,
Nào đốt rừng, săn thú, lấp khe,
Bẫy chim, bắt cá, hội hè,
Niệm vừa dấy nghĩ thấy nghe vui làm.
Mỗi hành động đều mang tội lỗi,
Phải siêng năng sám hối, xa lìa,
Cho hay trộm cắp nghiệp tà,
Của người nhìn thấy đã là nổi tham.
Vướng lòng tham việc làm chẳng ngại:
Móc túi rồi cạy cửa, cạy ruộng,
Đến nơi chùa tháp, thiền đường,
Lòng tham thấy của dễ thường bỏ qua.
Không chỉ cắp ngọc ngà châu báu,
Mới tạo thành tội báo nghiệp sinh.
Cho dù cọng cỏ cây kim,
Không cho mà lấy đều sinh nghiệp này.
Mê nhan sắc, tơ lòng bủa khắp,
Thích phấn son mắt đắm ái tình.
Quên đi hai chữ liêm trinh,
Chỉ vì tham dục, ngục hình khổ đau.
Lòng chung thủy bắt đầu vơi cạn,



Lén tư tình đụng chạm gái trai.
 Nắm tay âu yếm kê vai,
 Trèo tường khoét gạch chỉ vì nghiệp dâm.
 Tội lỗi ấy vô phương kể xiết,
 Địa ngục sa muôn kiếp chẳng sanh,
 Bao đời tội báo không cùng,
 Gái nằm giường sắt, cột đồng trai ôm. O

SÁM HỐI TỘI CỦA Ý

Dòng suy nghĩ quấn quanh không dứt,
 Chấp tướng nên dính mắc tình trần,
 Như tầm kia nhả tơ giăng,
 Kết thành cái kén giam thân chính mình.
 Như “thieu thân” tự tìm vào lửa,
 Khiến lửa hồng thieu hủy xác thân,
 U mê chưa tỉnh tâm thần,
 Đảo điên vọng tưởng mê lầm mà ra.
 Các nghiệp ấy chẳng qua ba độc,
 Đó chính là tham dục, sân, si,
 Mưu thân chước quý chi chi,
 Tham bòn vợ vét từng ly từng đồng.



Một lời mười vẫn còn tham lầy,
Lòng như thùng không đáy đâu hay,
Bao giờ rót được cho đầy,
Rừng vàng biển bạc keo thì vẫn keo.
Dù có thấy kẻ nghèo đói khát,
Cũng không cho một cắc một đồng,
Gạo hư tiền mục mặc lòng,
Vốn người bủn xỉn đừng hòng cho ai.
Đói khổ mặc, chẳng hoài giúp đỡ,
Mất một đồng một chữ đã to,
Tiền trăm vào túi mặc dù,
Vẫn cho là ít bo bo chẳng dùng.
Chẳng cho ai một đồng một chữ,
Dầu của tiền tích trữ đầy kho,
Ngày thì tính toán, đêm lo,
Lao tâm khổ trí vốn do nghiệp này.
Do nền tảng tham sân làm gốc,
Lửa giận hờn cao ngất tự thiêu,
Trợn tròn quắc mắt to điều,
Làm cho hòa khí tan theo lửa này.
Không riêng chỉ người đời kẻ tục,



Cả Tăng Ni lắm lúc vẫn còn,
Miệng tranh kinh luận hơn thua,
Giận chê sư trưởng, trách hờn mẹ cha.
Như cảnh úa cỏ khô vẫn thấy,
Hẳn có hồi lửa cháy tan thôi,
Nói ra chết vật hại người,
Từ bi không nghĩ, xa rời đạo tâm.
Mở miệng thì nói thần nói thánh,
Gặp duyên thì khó tránh ngu si.
Cửa “không” dù ở bao thì,
Vẫn còn chấp mắc, chỉ vì “cái ta.”
Như cây vốn sinh ra gốc lửa,
Lửa lại về thiêu hủy cả cây,
Những điều tội lỗi trên đây,
Đều do nóng giận nghiệp này mà ra.
Bởi căn tánh đọa sa mê muội,
Ý thức thành tâm tối chẳng ngay,
Dữ lành trên dưới nào hay,
Giết người hại vật chặt cây tan tàn.
Mắng hiên thánh, rẻ khinh đức Phật,
Ngược nghĩa tình, quên đức quên ân,

Đã không suy xét xa gần,
Ngu si mê muội: Làm nhân đọa đày.
Nghệp báo ác đã gây rất nặng,
Đến cuối đời dứt mạng ra đi,
Roi vào địa ngục A-tỳ,
Trải muôn ngàn kiếp dễ gì đầu thai.
Khi tái sinh ngu si mê muội,
Nếu không lo sám hối tiêu trừ,
Khó mà dứt nghiệp ngu si,
Trăm ngàn vạn kiếp như mù khó thông.
Nay con nguyện một lòng sám hối,
Biết bao điều tội lỗi xưa nay,
Thành tâm quỳ trước Phật đài,
Lạy Ba Ngôi Báu tỏ bày ăn năn.
Nam-mô Chứng Minh Sư Bồ-tát

Ma-ha-tát. O





KỆ SÁM HỐI

Con đã gây ra bao lầm lỗi,
 Khi nói, khi làm, khi tư duy,
 Tham lam, hờn giận và ngu si,
 Nay con cúi đầu xin sám hối.
 Một lòng con cầu Phật chứng tri,
 Bắt đầu hôm nay nguyện làm mới,
 Nguyện sống đêm ngày trong chánh niệm,
 Nguyện không lặp lại lỗi lầm xưa.
 Bao nhiêu lầm lỗi cũng do tâm,
 Tâm tịnh còn đâu vết lỗi lầm.
 Sám hối xong rồi lòng nhẹ nhõm,
 Ngàn xưa mây bạc vẫn thông dong.

(3 xá) OOO

Nam-mô Cầu Sám Hối Bồ-tát Ma-ha-tát. O





61. KINH SÁM HỐI HỒNG DANH

Đại từ đại bi thương chúng sinh,
 Đại hỷ, đại xả cứu muôn loài,
 Tướng Phật trang nghiêm, hào quang tỏa,
 Chúng con kính lễ hướng tâm về. ○
 Nam-mô quy y Kim-Cang Thượng Sư:
 Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. ○
 Nay chúng con lòng thành phát nguyện,
 Chẳng cầu mong được chuyện trần đời,
 Không cầu phước báo trời người.
 Thanh Văn, Duyên Giác hay nơi Quyền thừa.
 Chỉ nương Tối thượng thừa tâm nguyện,
 Mà phát tâm vô thượng trong lành,
 Nguyện cầu tất cả chúng sanh,
 Thủy đều thành đạo sáng danh Phật-đà. ○
 Nam-mô quy y thập phương tận
 hư không giới nhất thiết chư Phật. ○
 Nam-mô quy y thập phương tận
 hư không giới nhất thiết tôn Pháp. ○



Nam-mô quy y thập phương tận hư
không giới nhất thiết Hiền Thánh Tăng. O

Nam-mô Như Lai, Ứng cúng, Chánh
Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế
Giian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng
Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. O

Nam-mô Phổ Quang Phật. O

Nam-mô Phổ Minh Phật. O

Nam-mô Phổ Tịch Phật. O

Nam-mô Đa-ma-la Bát-chiên-đàn
Hương Phật. O

Nam-mô Chiên-đàn Quang Phật. O

Nam-mô Ma-ni Tràng Phật. O

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Ma-ni
Bảo Tích Phật. O

Nam-mô Nhất Thiết Thế Gian Nhạo

Kiến Thượng Đại Tinh Tấn Phật. O

Nam-mô Ma-ni Tràng Đẳng Quang Phật. O

Nam-mô Huệ Cự Chiếu Phật. O

Nam-mô Hải Đức Quang Minh Phật. O

Nam-mô Kim Cang Lao Cường Phổ
Tán Kim Quang Phật. O



- Nam-mô Đại Cường Tinh Tấn Dũng
Mãnh Phật. O
- Nam-mô Đại Bi Quang Phật. O
- Nam-mô Từ Lực Vương Phật. O
- Nam-mô Từ Tạng Phật. O
- Nam-mô Chiên-đàn Khốt Trang Nghiêm
Thắng Phật. O
- Nam-mô Hiền Thiện Thủ Phật. O
- Nam-mô Thiện Ý Phật. O
- Nam-mô Quảng Trang Nghiêm
Vương Phật. O
- Nam-mô Kim Hoa Quang Phật. O
- Nam-mô Bảo Cái Chiếu Không Tự Tại
Lực Vương Phật. O
- Nam-mô Hư Không Bảo Hoa
Quang Phật. O
- Nam-mô Lưu Ly Trang Nghiêm
Vương Phật. O
- Nam-mô Phổ Hiện Sắc Thân Quang Phật. O
- Nam-mô Bất Động Trí Quang Phật. O
- Nam-mô Hàng Phục Chúng Ma
Vương Phật. O



- Nam-mô Tài Quang Minh Phật. O
Nam-mô Trí Huệ Thắng Phật. O
Nam-mô Di-lặc Tiên Quang Phật. O
Nam-mô Thiện Tịch Nguyệt Âm Diệu
Tôn Trí Vương Phật. O
Nam-mô Thế Tịnh Quang Phật. O
Nam-mô Long Chung Thượng Tôn
Vương Phật. O
Nam-mô Nhật Nguyệt Quang Phật. O
Nam-mô Nhật Nguyệt Châu Quang Phật. O
Nam-mô Huệ Tràng Thắng Vương Phật. O
Nam-mô Sư Tử Hâu Tự Tại Lực
Vương Phật. O
Nam-mô Diệu Âm Thắng Phật. O
Nam-mô Thường Quang Tràng Phật. O
Nam-mô Quán Thế Đẳng Phật. O
Nam-mô Huệ Oai Đẳng Vương Phật. O
Nam-mô Pháp Thắng Vương Phật. O
Nam-mô Tu Di Quang Phật. O
Nam-mô Tu-ma-na Hoa Quang Phật. O
Nam-mô Ưu-đàm Bát-la Hoa Thủ
Thắng Vương Phật. O



- Nam-mô Đại Huệ Lực Vương Phật. O
Nam-mô A-súc-tỳ Hoan Hỷ Quang Phật. O
Nam-mô Vô Lượng Âm Thanh
Vương Phật. O
Nam-mô Tài Quang Phật. O
Nam-mô Kim Hải Quang Phật. O
Nam-mô Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông
Vương Phật. O
Nam-mô Đại Thông Quang Phật. O
Nam-mô Nhất Thiết Pháp Tràng Mãn
Vương Phật. O
Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật. O
Nam-mô Kim Cang Bất Hoại Phật. O
Nam-mô Bảo Quang Phật. O
Nam-mô Long Tôn Vương Phật. O
Nam-mô Tinh Tấn Quân Phật. O
Nam-mô Tinh Tấn Hỷ Phật. O
Nam-mô Bảo Hỏa Phật. O
Nam-mô Bảo Nguyệt Quang Phật. O
Nam-mô Hiện Vô Ngu Phật. O
Nam-mô Bảo Nguyệt Phật. O



- Nam-mô Vô Cấu Phật. O
- Nam-mô Ly Cấu Phật. O
- Nam-mô Đồng Thí Phật. O
- Nam-mô Thanh Tịnh Phật. O
- Nam-mô Thanh Tịnh Thí Phật. O
- Nam-mô Ta-lưu-na Phật. O
- Nam-mô Thủy Thiên Phật. O
- Nam-mô Kiên Đức Phật. O
- Nam-mô Chiên-đàn Công Đức Phật. O
- Nam-mô Vô Lượng Cúc Quang Phật. O
- Nam-mô Quang Đức Phật. O
- Nam-mô Vô Ưu Đức Phật. O
- Nam-mô Na-la-diên Phật. O
- Nam-mô Công Đức Hoa Phật. O
- Nam-mô Liên Hoa Quang Du Hí Thần
Thông Phật. O
- Nam-mô Tài Công Đức Phật. O
- Nam-mô Đức Niệm Phật. O
- Nam-mô Thiện Danh Xưng Công
Đức Phật. O
- Nam-mô Hồng Diệm Đế Tràng
Vương Phật. O



Nam-mô Thiện Du Bộ Công Đức Phật. O

Nam-mô Đâu Chiến Thắng Phật. O

Nam-mô Thiện Du Bộ Phật. O

Nam-mô Châu Tráp Trang Nghiêm
Công Đức Phật. O

Nam-mô Bảo Hoa Du Bộ Phật. O

Nam-mô Bảo Liên Hoa Thiện Trụ
Ta-la Thọ Vương Phật. O

Nam-mô Pháp Giới Tạng Thân
A-di-đà Phật. O

Giữa thế giới gần xa các xứ,
Trước Phật đương cư trú tại trần,
Cúi xin các Phật Thế tôn,
Nhủ lòng thương xót chúng con đoái hoài.
Thương chúng sinh đời này đời trước,
Đã luân hồi bao lượt tử sinh,
Từ nơi vô thủy thành hình,
Đã từng lặn ngụp tội tình đến nay. O
Hoặc tội ác tự tay tạo tác,
Hoặc đã xui kẻ khác từng làm,
Hoặc nhìn việc ác không can,



Lại còn sinh dạ hân hoan đồng tình.
Những tội lỗi tự mình trộm cắp,
Của chùa chiền, bảo tháp, chur tăng,
Tự tay mình lấy, giả làm,
Hoặc xui người lấy, vui thầm đứng xem. O
Phải năm tội đấm chìm vô gián,
Hoặc tự làm chuốc oán, gây oan,
Hoặc từng bảo kẻ khác làm,
Hoặc nhìn người khác hân hoan tỏ lòng. O
Trong mười điều ác hung vô đạo,
Hoặc tự tay gây tạo tham tàn,
Hoặc từng sai kẻ khác làm,
Hoặc nhìn việc ác không can còn mừng. O
Hoặc tự tạo hoặc cùng gây tội,
Hoặc tự mình nông nổi bao che,
Hoặc làm chẳng giấu giếm gì,
Đều sa địa ngục A-tỳ đáng kinh.
Làm nạ quý súc sinh đau khổ,
Hoặc giam mình nẻo dữ không thôi,
Làm loài hèn hạ nhất đời,
Tội tình lầm lỗi bao thời gây ra.



Nay con nguyện thật thà sám hối,
Biết bao điều tội lỗi khôn dung,
Cúi xin các Phật Thế Tôn,
Chứng minh cho nỗi khốn cùng của con. O
Xin Đức Phật rủ lòng thương xót,
Nay con xin quỳ trước Phật-đà,
Phát tâm thệ nguyện thật thà,
Đời này, đời tới, gần xa làm lành.
Xin phát nguyện thực hành bố thí,
Giữ giới hầu tâm ý sạch trong,
Nắm cơm chén nước nhủ lòng,
Nguyện đem cho cả khắp cùng chúng sanh. O
Hoặc tự nguyện tu hành trong sạch,
Có bao nhiêu thành đạt căn lành,
Mọi điều huân tập đã thành,
Vô biên công đức nơi mình bao nhiêu.
Nay tất cả xin đều hồi hướng,
Về con đường Vô Thượng xưa nay.
Giống như quá khứ vị lai,
Các Phật hồi hướng tỏ bày đại bi. O
Chúng con nguyện quay về hồi hướng,



Sám hối cho tội chướng bao đời,
Phước lành tùy hỷ đời người,
Hương về công đức nơi nơi Phật-đà.
Nguyện trí tuệ sâu xa vô thượng,
Phật qua rồi, hiện tại, vị lai,
Toàn năng, toàn thiện xưa nay,
Biển trời công đức đủ đầy vô biên. O
Nay con nguyện cúi mình kính lễ,
Sám hối điều tội lỗi bấy nay,
Cúi xin đức Phật Như Lai,
Sáng soi tâm trí con đây mê lầm.
Mười phương cõi xa gần bát ngát,
Phật ba đời cùng khắp không trung.
Bằng lời thân ý sạch trong,
Cúi đầu kính lễ một lòng tôn nghiêm. O
Nét oai phong Phổ Hiền hạnh nguyện,
Trước Như Lai thị hiện sức thần,
Một thân lại hiện muôn thân,
Hằng hà sa số ứng thân Phật-đà.
Hàng Bồ-tát nhiều như số cát,
Đến vô biên cõi pháp khắp cùng,



Đủ đầy tin tưởng thật lòng,
 Tựa hồ tiếng sóng mênh mông biển dài. O
 Lời diệu pháp đó đây bất tận,
 Biết bao đời mới dựng cơ may,
 Tán dương công đức Như Lai,
 Như hoa vi diệu hương bay khắp cùng.
 Nhạc réo rắc, hương xông, lộng phủ,
 Dáng tuyệt trần đầy đủ trang nghiêm,
 Cúng dường chư Phật tự nguyên,
 Thức ăn hoa quả, dâng lên lòng thành. O
 Đèn nhang thấp lung linh sáng tỏ,
 Dáng tuyệt vời như vẽ Tu-di,
 Cúng dường đức Phật Mâu-ni,
 Chiếu soi quảng đại từ bi nhiệm mầu.
 Phật ba đời trước sau tin tưởng,
 Hạnh Phổ Hiền nguyện hương không sai,
 Cúng dường, sám hối Như Lai,
 Cho tiêu tội lỗi đã gây bao đời. O
 Tham, sân, si tự thời vô thi,
 Miệng, ý, thân sinh khởi liền liền,
 Nay con sám hối, lòng nguyên,



Mười phương chư Phật khắp miền sớm trưa.
Bậc Vô Học, Nhị Thừa, Duyên Giác,
Nhu Lai cùng Bồ-tát viên thông,
Bao nhiêu công đức tựu trung,
Mười phương đức Phật cùng chung
hương về. O

Phật thành tựu Bồ-đề Vô Thượng,
Nay con xin kính ngưỡng thỉnh cầu,
Cỗ xe chở pháp lăn mau,
Còn như Phật định tiêu dao Niết-bàn.
Chúng con nguyện hân hoan kính thỉnh,
Xin rủ lòng thương tưởng chúng sinh,
Hãy vì lợi lạc thế tình,
Chuyển vắn xe pháp độ sinh Ta-bà. O
Nay kính lễ thật thà sám hối,
Công đức kia cùng với căn lành,
Thảy đều hồi hướng chúng sanh,
Nguyện thành như Phật, sáng danh đạo đời.
Đạo Vô Thượng không ngại hồi hướng,
Phật, Pháp, Tăng tánh tướng khôn cùng,
Tục chơn tam-muội dung thông,



Nay xin hồi hướng khắp cùng nhân gian. O
 Chúng sanh có những thân, miệng, ý,
 Bởi mê lầm miệt thị rẻ khinh,
 Gây bao nghiệp chướng tội tình,
 Thấy đều bị cảnh đấm chìm tương lai.
 Niệm niệm trí tròn đầy cõi pháp,
 Chẳng chuyên lười rộng khắp quần sanh.
 Dù cho thế giới tan tành,
 Hư không, phiền não chúng sanh không còn.
 Bốn thế nguyện vô cùng rộng lớn,
 Nay con xin hồi hướng ra đây,
 Kiếp này đến kiếp tương lai,
 Nguyện thành Phật đạo tròn đầy
 “vô sanh.” O

Nam-mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát.

(3 lần) OOO



KỆ SÁM HỐI

Con đã gây ra bao lầm lỗi,
Khi nói, khi làm, khi tư duy,
Tham lam, hờn giận và ngu si,
Nay con cúi đầu xin sám hối.
Một lòng con cầu Phật chứng tri,
Bắt đầu hôm nay nguyện làm mới,
Nguyện sống đêm ngày trong chánh niệm,
Nguyện không lặp lại lỗi lầm xưa.
Bao nhiêu lầm lỗi cũng do tâm,
Tâm tịnh còn đâu vết lỗi lầm.
Sám hối xong rồi lòng nhẹ nhõm,
Ngàn xưa mây bạc vẫn thông dong. O
Nam-mô Cầu Sám Hối Bồ-tát Ma-ha-tát. O





62. PHẬT NÓI KINH VU LAN BỒN

HT. Thích Huệ Đăng dịch

Ta từng nghe lời dạy như vậy:
 Một thuở nọ Thế Tôn an trụ,
 Xá-vệ thành Kỳ Thụ viên trung,
 Mục-liên mới đặng lục thông,
 Muốn cho cha mẹ khỏi vòng trầm luân.
 Công dưỡng dục thâm ân dốc trả,
 Nghĩa sanh thành đạo cả mong đền,
 Làm con hiếu hạnh trước tiên,
 Bèn dùng huệ nhãn dưới trên kiếm tâm. O
 Thấy vong mẫu sanh làm ngựa quý,
 Không uống ăn tiêu tụy hình hài,
 Mục-liên thấy vậy bi ai,
 Biết mẹ đói khát ai hoài tình thâm
 Lo phẩm vật đem dâng từ mẫu
 Đặng đỡ lòng cực khổ bấy lâu
 Thấy cơm, mẹ rất lo âu
 Tay tả che đậy hữu hầu bốc ăn. O



Lòng bõn xén tiền căn chưa dứt
Sợ chúng ma cướp giật của bà,
Cơm chưa đưa đến miệng đà,
Hóa thành than lửa nuốt mà đặng đâu.
Thấy như vậy âu sâu thâm,
Mục-kiền-liên bi cảm xót thương,
Mau mau về chốn giảng đường,
Bạch cùng Sư phụ tìm phương giải nạn.
Phật mới bảo rõ ràng căn cội,
Rằng mẹ ông gốc tội rất sâu,
Dẫu ông thần lực nhiệm mầu,
Một mình không thể ai cầu đặng đâu.
Lòng hiếu thảo của ông dẫu lớn,
Tiếng vang đồn thấu đến cửu thiên,
Cùng là các bậc thần kỳ,
Tà ma ngoại đạo, bốn vì Thiên vương.
Cộng ba cõi sáu phương tu tập,
Cũng không phương cứu tế mẹ người. O
Muốn cho cứu được mạng người,
Phải nhờ thần lực của mười phương Tăng.
Pháp cứu tế Ta toan giảng nói,
Cho mọi người thoát khỏi ách nạn,



Bèn kêu Mục thị đến gần,
 Truyền cho diệu pháp ân cần thiết thi
 Rằm tháng bảy là ngày Tụ tứ,
 Mười phương Tăng đều dự lễ này,
 Phải toan sắm sửa chớ chầy,
 Thức ăn trăm món, trái cây năm màu.
 Lại phải sắm giường nằm nệm lót,
 Cùng thau, bồn, đèn, đuốc, nhang, dầu,
 Món ăn tinh sạch báu mầu,
 Đựng trong bình bát vọng cầu kính dâng.
 Chư Đại đức mười phương thọ thực,
 Trong bảy đời sẽ được siêu thăng,
 Lại thêm cha mẹ hiện tiền,
 Đặng nhờ phước đức tiêu khiên ách nàn.
 Vì ngày ấy thánh Tăng đều đủ,
 Dầu ở đâu cũng tụ hội về
 Như người thiền định sơn khê,
 Tránh điều phiền não chằm về thiên na. O
 Hoặc người đặng bốn tòa đạo quả,
 Công tu hành nguyện thỏa vô sanh,
 Hoặc người núi thẳm kinh hành,
 Chẳng ham quyền quý ản danh lâm tông.



Hoặc người đặng lục thông tấn phát,
Và những hàng Duyên Giác, Thinh Văn
Hoặc chư Bồ-tát mười phương,
Hiện hình làm sãi ở gần chúng sanh.
Đều trì giới rất thanh rất tịnh,
Đạo đức dày chánh định chơn tâm,
Tất cả các bực Thánh phàm,
Đồng lòng thọ lãnh bát cơm lục hòa.
Người nào có sắm ra vật thực,
Đặng cúng dường Tụ tứ Tăng thời,
Hiện tiền phụ mẫu của người,
Bà con quyến thuộc thầy đều nhờ ơn.
Ba đường khổ chắc rằng ra khỏi,
Cảnh thanh nhàn hưởng thọ tự nhiên,
Như còn cha mẹ hiện tiền,
Nhờ đó cũng đặng bá niên thọ trường. O
Như cha mẹ bảy đời quá vãng,
Sẽ hóa sanh về cõi thiên cung,
Người thời tuấn tú hình dung,
Hào quang chiếu sáng khắp cùng châu thân
Phật dạy bảo mười phương Tăng chúng,
Phải tuân theo thể thức sau này,



Trước khi thọ thực đàn chay,
Phải cầu chú nguyện cho người tín gia.
Cầu thất thế mẹ cha thí chủ,
Định tâm thần quán đủ đừng quên,
Cho xong định ý hành thiền,
Mới dùng phẩm vật dâng tiên hiến dâng.
Khi thọ dụng nên an vật thực,
Trước Phật đài hoặc tự tháp trung,
Chư Tăng chú nguyện viên dung,
Sau rồi tự tiện thọ dùng bữa trưa.
Pháp cứu tế Phật vừa nói dứt,
Mục-liên cùng Bồ-tát chư Tăng,
Đồng nhau tỏ dạ vui mừng.
Mục-liên cũng hết khóc than rầu buồn.
Mục-liên mẫu cũng trong ngày ấy,
Kiếp khổ về nợ quỹ được tan,
Mục-liên bạch với Phật rằng:
Mẹ con nhờ sức Thánh Tăng khỏi nạn. O
Lại cũng nhờ oai thần Tam bảo,
Bằng chẳng thì nạn khổ khó ra,
Như sau đệ tử xuất gia,
Vu-lan-bồn pháp dùng mà độ sanh.



Độ cha mẹ còn đang tại thế,
Hoặc bảy đời có thể đặng không?
Phật rằng: Lời hỏi rất thông,
Ta vừa muốn nói con liền hỏi theo,
Thiện nam tử, Tỳ-kheo nam nữ,
Cùng Quốc vương, Thái tử, Đại thần,
Tam công, Tể tướng, bá quan,
Cùng hàng lê thứ vạn dân cõi trần.
Nhu chí muốn đền ơn cha mẹ,
Hiện tại cùng thất thế tình thâm,
Đến rằm tháng bảy mỗi năm,
Sau khi kiết hạ chur Tăng tựu về
Chính ngày ấy Phật đà hoan hỷ,
Phải sắm sanh đủ vị cơm canh,
Đựng trong bình bát tinh anh,
Chờ giờ Tự Tứ chúng Tăng cúng dường. O
Đặng cầu nguyện song đường trường thọ,
Chẳng ốm đau cũng chẳng khổ chi,
Cùng cầu thất thế đồng thì,
Lìa nơi nạ quỷ sanh về nhơn thiên,
Đặng hưởng phước nhân duyên vui đẹp



Lại xa lìa nạn khổ cực thân,
Môn sanh Phật tử ân cần,
Hạnh tu hiếu thuận phải cần phải chuyên.
Thường cầu nguyện cha mẹ an ổn,
Cùng bảy đời phụ mẫu siêu sinh,
Ngày rằm tháng bảy mỗi năm,
Vì lòng hiếu thảo ân thâm phải đền.
Lễ cứu tế chí thành sắp đặt,
Đề cúng dường chư Phật chư Tăng,
Ấy là báo đáp thù ân,
Sanh thành dưỡng dục song thân buổi đầu O
Đệ tử Phật lo âu gìn giữ,
Mới phải là Thích tử Thiên môn,
Vừa nghe dứt pháp Lan-bồn,
Môn sanh tứ chúng thấy đều hỷ hoan,
Mục-liên với bốn ban Phật tử,
Nguyện một lòng tín sự phụng hành,
Trước là trả nghĩa sanh thành,
Sau là cứu giúp chúng sanh muôn loài.
Nam mô Đại hiếu Mục-kiền-liên Bồ-tát.
(3 lần)



63. PHẬT NÓI KINH BÁO HIẾU CÔNG ƠN CHA MẸ

HT. Thích Huệ Đăng *dịch*

Một thuở nọ Thế Tôn an trụ,
 Xá-vệ thành Kỳ thụ viên trung,
 Chư Tăng nhóm hội rất đông,
 Tính ra đến số hai muôn tám ngàn. O
 Lại cũng có các hàng Bồ-tát,
 Hội tại đây đủ mặt thường thường,
 Bảy giờ Phật lại lên đường,
 Cùng hàng đại chúng Nam phương tiến hành.
 Bên đường bỗng rành rành mắt thấy,
 Núi xương khô bỏ đầy lâu đời,
 Thế Tôn bèn vội đến nơi,
 Lạy liền ba lạy, rồi rơi giọt hồng.
 Đức A-nan tủi lòng ái ngại,
 Chẳng hiểu sao Phật lạy đống xương,
 Vội vàng xin Phật dạy tường: O



Thầy là Từ phụ ba phương bốn loài.
Ai ai cũng kính Thầy dường ấy
Cớ sao Thầy lại lay xương khô?
Phật rằng: Trong các môn đồ,
Ông là đệ tử đứng đầu dày công.
Bởi chưa biết đục trong chưa rõ,
Nên vì người ta tỏ đuôi đầu.
Đóng xương dồn dập bấy lâu,
Cho nên trong đó biết bao cốt hài.
Chắc cũng có ông bà, cha mẹ,
Hoặc thân ta, hoặc kẻ ta sanh,
Luân hồi sanh tử, tử sanh,
Lục thân đời trước, thi hài còn đây. O
Ta lễ bái kính người tiền bối,
Và ngậm ngùi vì nhớ kiếp xưa,
Đóng xương hỗn tạp chẳng vừa,
Không phân trai gái bỏ bừa khó coi.
Người chịu khó xét soi cho kỹ,
Phân làm hai bên nữ, bên nam,
Để cho phân biệt cốt phàm,
Không còn lộn lạo nữ nam chất chồng.



Đức A-nan trong lòng ái ngại,
Biết làm sao phân biệt khỏi sai,
Vội vàng bèn xin Phật chỉ bày,
Vì khó chọn lựa gái trai lúc này.
Còn sanh tiền dễ bề sắp đặt,
Cách đứng đi ăn mặc phân minh,
Chớ khi rã xác tiêu hình,
Xương ai như nấy, khó nhìn khó phân.
Phật mới bảo A-nan nên biết,
Xương nữ nam phân biệt rõ ràng,
Đàn ông xương trắng nặng oằn,
Đàn bà xương nhẹ đen thâm dễ nhìn.
Ngươi có biết có sao đen nhẹ?
Bởi đàn bà sinh đẻ mà ra,
Sanh con ba đầu huyết ra,
Tám hộc bốn đầu sữa hòa nuôi con.
Vì có ấy hao mòn thân thể,
Xương đàn bà, đen nhẹ hơn trai.
A-nan nghe vậy bi ai,
Xót thương cha mẹ công dày dưỡng sanh. O
Bèn cầu Phật thi ân dạy bảo,



Phương pháp nào báo hiếu song thân?

Thế Tôn mới bảo lời rằng:

Vì người Ta sẽ phân trần trước sau:

Thân đàn bà nhiều bề cực nhọc,
Sanh đặng con mười tháng cưu mang,

Tháng đầu thai đậu tợ sương,
Mai chiều gìn giữ sợ tan bất thường.

Tháng thứ nhì dường như sữa đặc,
Tháng thứ ba như cục huyết ngưng,

Bốn tháng đã tượng ra hình,
Năm tháng ngũ thể hiện sinh rõ ràng.

Tháng thứ sáu lục căn đầy đủ,

Bảy tháng thì đủ bộ cốt xương,

Lại thêm đủ lỗ chân lông,
Cộng chung số đến tám muôn bốn ngàn.

Tháng thứ tám hoàn toàn tạng phủ,

Chín tháng thì đầy đủ vóc hình,

Mười tháng thì đến kỳ sinh.

Nếu con hiếu thuận xuôi mình ra luôn,
Bằng ngỗ nghịch làm buồn thân mẫu.

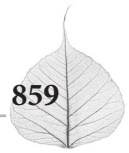
Nó vấy vùng đạp vấu lung tung,



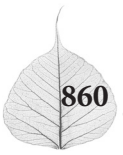
Làm cho cha mẹ hỡi hùg,
Sự đau sự khổ không cùng tỏ phân.
Sinh đợc con muôn phần an lạc,
Cũng ví như đợc bạc đợc vàng,
Thế Tôn lại bảo A-nan: O
Ơn cha nghĩa mẹ mười phần phải tin.
Điều thứ nhất giữ gìn thai giáo,
Mười tháng trường chu đáo mọi bề,
Thứ hai sanh đẻ gớm ghê,
Chịu đau chịu khổ mỗi mê trăm phần.
Điều thứ ba thâm ân nuôi dưỡng,
Cực đến đâu bền vững chẳng lay,
Thứ tư ăn đấng nuốt cay,
Đề dành bù ngọt đủ đầy cho con.
Điều thứ năm lại còn khi ngủ,
Uớt mẹ nằm, khô ráo phần con,
Thứ sáu sủ nước nhai cơm,
Miễn con no ấm chẳng nhòm chẳng ghê.
Điều thứ bảy không chê ô ướ,
Giặt đồ dơ của trẻ không phiền,
Thứ tám chẳng nữ chia riêng,



Nếu con đi vắng cha phiền mẹ lo.
Điều thứ chín miễn con sung sướng,
Dầu phải mang nghiệp chướng cũng cam,
Tính sao có lợi thì làm,
Chẳng màng tội lỗi, bị giam bị cầm. O
Điều thứ mười chẳng ham trau chuốt,
Dành cho con các cuộc thanh nhàn,
Thương con như ngọc như vàng,
Ơn cha nghĩa mẹ, sánh bằng Thái Sơn.
Phật lại bảo A-nan nên biết:
Trong chúng sanh tuy thiệt phẩm người,
Mười phần mê muội cả mười,
Không tường ơn trọng đức dày song thân.
Chẳng kính mến quên ân trái đức,
Không xót thương dưỡng dục cù lao,
Ấy là bất hiếu biết bao,
Thì những người ấy đời nào nên thân. O
Mẹ sanh con cưu mang mười tháng,
Cực khổ dường gánh nặng trên vai,
Uống ăn chẳng đặng vì thai,
Cho nên thân thể hình hài kém suy.



Khi sinh sản hiểm nguy chi xiết,
Sanh đặng rồi tinh huyết dầm dề,
 Ví như thọc huyết trâu dê,
Nhứt sanh thập tử nhiều bề gian nan.
 Con còn nhỏ phải lo săn sóc,
 Ăn đắng cay bù ngọt phần con,
 Phải tắm phải giặt rửa trôn,
Biết rằng dơ dáy mẹ không ngại gì.
 Nằm phía ướn con nằm phía ráo,
 Sợ cho con ướn áo ướn chăn,
 Gây ra ghẻ chóc khắp thân,
Khiến con phải chịu trăm phần thảm thương.
 Trộn ba năm bú nường sữa mẹ,
 Thân gầy mòn nào nệ với con,
 Khi con vừa được lớn khôn,
Mẹ cha dạy bảo cho con vỡ lòng,
 Cho đi học mở thông trí tuệ,
 Dựng vợ chồng có thể làm ăn,
 Ước mong con được nên thân,
Dầu cho cha mẹ cơ bản quản chi. O
 Con đau ốm tức thì lo chạy,



Dầu tốn hao cách mấy cũng đành,
 Khi con căn bệnh đặng lành,
 Thì cha mẹ mới an thân định tâm.
Công dưỡng dục sánh bằng non biển,
 Cớ sao con chẳng biết ơn này,
 Hoặc khi làm lỗi bị rầy,
Chẳng tuân thì chớ lại bày ngỗ ngang.
 Hỗn cha mẹ phùng mang trợn mắt,
 Khinh trưởng huynh nộ nạt thê nhi,
 Bà con chẳng nể ra chi,
Không tuân sự phụ lễ nghi chẳng tường. O
 Lời dạy bảo song đường không kể,
Tiếng khuyên răn anh chị chẳng màng.
 Trái ngang chống báng mọi đàng,
 Ra vào lui tới mắng càn người trên,
 Vì lỗ mãng tánh quen làm bướng,
 Chẳng kể lời trưởng thượng dạy răn,
 Lớn lên theo thói hung hăng,
Đã không nhẫn nhịn lại càng hành hung.
 Bỏ bạn lành theo cùng chúng dữ,
 Nết tập quen làm sự trái ngang,



Nghe lời dụ dỗ quân hoang,
Bỏ cha bỏ mẹ trốn sang quê người.
Trước còn tập theo thời theo thế,
Sau lập thân tìm kế sinh nhai,
Hoặc đi buôn bán kiếm lời,
Hoặc vào quân lính với đời lập công.
Vì ràng buộc đồng công mỗi nợ,
Hoặc trở ngăn vì vợ vì con,
Quên cha quên mẹ tình thâm,
Quên xứ quên sở lâu năm không về.
Ấy là nói những người có chí,
Chớ phần nhiều du hí mà thôi,
Sau khi phá hết của rồi,
Phải tìm phương kế kiếm đôi đồng xài. O
Theo trộm cướp hoặc là bài bạc,
Phạm tội hình, tù rạc phải vương,
Hoặc khi mang bệnh giữa đường,
Không người nuôi dưỡng bỏ thân
ngoài đồng.
Hay tin dữ, bà con cô bác,
Cùng mẹ cha xao xác buồn rầu,



Thương con than khóc ưu sầu,
Có khi mang bệnh đui mù vẩn vương.
Hoặc bịnh nặng vì thương quá lẽ,
Phải bỏ mình làm quý giữ hồn,
Hoặc nghe con chẳng lo lường,
Trà đình, tửu điểm, phó phường ngao du.
Cứ mãi miết với đồ bất chánh,
Chẳng mấy khi hôm sớm vẩn an,
Làm cho cha mẹ than van,
Sanh con bất hiếu phải mang tiếng đời.
Hoặc cha mẹ đến hồi già yếu,
Không ai nuôi thiếu thôn mọi điều,
Ôm đau đói rách kêu rên,
Con không cấp dưỡng bỏ liều
chẳng thương. O

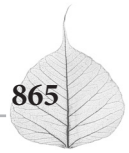
Phận con gái còn nương cha mẹ,
Thì có lòng hiếu để thuận hòa,
Cần lao phục dịch trong nhà,
Dễ sai dễ khiến hơn là nam nhi.
Song đến lúc từng phu xuất giá,
Lo bên chồng chẳng sá bên mình,



Trước còn lai vãng viếng thăm,
Lần lần ngội lạnh biệt tâm biệt nhà.
Quên dưỡng dục song thân ơn trọng,
Không nhớ công mang nặng đẽ đàu,
Chẳng lo báo bổ cù lao,
Làm cho cha mẹ buồn rầu thảm thay.
Nếu cha mẹ la rầy quả mắng,
Trở sanh lòng hờn giận chẳng kiêng,
Chớ chi chồng đánh liên miên,
Thì cam lòng chịu chẳng phiền chẳng than.
Tội bất hiếu lưỡng ban nam nữ,
Nói không cùng nghiệp dữ phải mang,
Nghe Phật chỉ rõ mọi đàng,
Trong hàng đại chúng lòng càng thảm thay. O
Gieo xuống đất lấy cây lấy củi,
Đập vào mình vào mũi vào hông,
Làm cho các lỗ chân lông,
Thảy đều rướm máu, ướt đẫm cả thân.
Đến hôn mê tâm thần bất định,
Một giây lâu mới tỉnh than rằng:
Bọn ta quả thiệt tội nhờn,



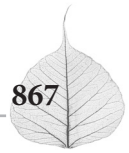
Xưa nay chẳng rõ không hơn người mù.
Nay tỏ ngộ biết bao lầm lạc,
Ruột gan dường như nát như tan,
Tội tình khó nổi than van,
Làm sao trả đặng muôn ngàn ơn sâu.
Trước Phật đài ai cầu trần tở,
Xin Thế Tôn mẫn cố bi lân,
Làm sao báo đáp thù ân,
Tỏ lòng hiếu thuận song thân của mình?
Phật bèn dụng phạm thỉnh sáu món,
Phân tỏ cùng đại chúng lắng nghe,
Ân cha nghĩa mẹ nặng nề,
Không phương báo đáp cho vừa sức đâu.
Ví có người ơn sâu dốc trả,
Công mẹ cha tất cả hai vai,
Giáp vòng hòn núi Tu-di,
Đến trăm ngàn kiếp ân kia chưa vừa. O
Ví có người gặp cơn đói rét,
Nuôi song thân dâng hết thân này,
Xương nghiền thịt nát phân thân,
Trải trăm ngàn kiếp ân đây chưa đồng.



Ví có người vì công sanh dưỡng,
Tự tay mình khoét thủng song ngươi,
Chịu thân mù tối như vầy,
Đến trăm ngàn kiếp ơn này thấm đâu.
Ví có người cầm dao thiệt bén,
Mổ bụng ra rút hết tâm can,
Huyết ra khắp đất chẳng than,
Đến trăm ngàn kiếp thâm ân đâu bằng.
Ví có người dùng ngàn mũi nhọn,
Đâm vào mình bất luận chỗ nào,
Tuy là sự khó biết bao,
Trải trăm ngàn kiếp không sao đáp đền.
Ví có người vì ân dưỡng dục,
Tự treo mình cúng Phật thế đèn,
Cứ treo như vậy trọn năm,
Trải trăm ngàn kiếp ân thâm chưa đền.
Ví có người xương nghiền ra mỡ,
Hoặc dùng dao chặt bửa thân mình,
Xương tan thịt nát chẳng phiền,
Đến trăm ngàn kiếp ơn trên chưa đồng. O
Ví có người vì công dưỡng dục,



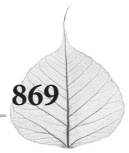
Nuốt sắt nóng thấu ruột thấu gan,
Làm cho thân thể tiêu tan,
Đến trăm ngàn kiếp thâm ân chưa đền.
Nghe Phật nói thấy đều kinh khủng.
Giọt lệ tràn khó nổi cảm ngăn,
Đồng thanh bạch Phật lời rằng:
Làm sao trả đặng thâm ân song đường?
Phật mới bảo các hàng Phật tử,
Phải lắng nghe ta chỉ sau này,
Các người muốn đáp ơn dày,
Phải toan biên chép kinh đây lưu truyền.
Vì cha mẹ trì chuyên phúng tụng,
Cùng ăn năn những tội lỗi xưa,
Cúng dường Tam bảo sớm trưa,
Cùng là tu phước chẳng chừa món chi. O
Rằm tháng bảy đến ngày Tụ tứ,
Thập phương Tăng đều dự lễ này,
Sắm sanh lễ vật đủ đầy,
Chờ giờ câu hội đặt bày cúng dâng.
Đặng cầu nguyện song đường trường thọ,
Hoặc sanh về Tịnh độ an nhàn,



Ấy là báo đáp thù ân,
Sanh thành dưỡng dục song thân của mình.
Minh còn phải cần chuyên trì giới,
Pháp Tam quy Ngũ giới giữ gìn,
Những lời ta dạy đình ninh,
Hãy nên y giáo phụng hành đừng sai.
Được như vậy mới là khỏi tội,
Bằng chẳng thì ngục tội phải sa,
Trong năm đại tội kể ra,
Bất hiếu thứ nhất, thật là trọng thay.
Sau khi chết bị đày vào ngục,
Ngũ Vô Gian cũng gọi A-tỳ,
Ngục này trong núi Thiết Vi,
Vách phen bằng sắt vây quanh bốn bề. O
Trong ngục này hằng ngày lửa cháy,
Đốt tội nhưn hết thảy thành than,
Có lò nấu sắt cho tan,
Rót vào trong miệng tội nhưn hành hình.
Một vá đủ cho người thọ khổ,
Lột thịt da đau thấu tâm can,
Lại có chó sắt, rắn gang,



Phun ra khói lửa đốt đoàn tội nhờn.
Ở trong ngục có giường bằng sắt,
Bắt tội nhờn nằm khắp đó xong,
Rồi cho một ngọn lửa hồng,
Nướng quay kẻ tội da phồng thịt thao!
Móc bằng sắt, thương, đao, gươm, giáo,
Trên không trung đổ tháo như mưa,
Gặp ai chém nẩy chẳng chừa,
Làm cho thân thể nát như như tương.
Những hình phạt vô phương kể hết,
Mỗi ngục đều có cách trị riêng,
Như là xe sắt phân thân,
Chim ưng mổ mắt trâu cày lưỡi lê. O
Chớ chi dạng chết liền rất đỡ,
Vì nghiệp duyên không hờ hành thân,
Ngày đêm sống chết muôn lần.
Đến trăm ngàn kiếp không ngừng một giây.
Sự hành phạt tại A-tỳ ngục,
Rất nặng nề ngỗ nghịch song thân,
Chúng người đều phải ân cần,
Thừa hành các việc phân trần khoản trên



Nhất là phải Kinh này in chép,
Truyền bá ra cho khắp Đông Tây,
Như ai chép một quyển này,
Ví bằng đặng thấy một vì Thế Tôn.
Nếu in đặng ngàn muôn quyển ấy,
Thì cũng bằng thấy Phật vạn thiên,
Do theo nguyện lực tùy duyên,
Chư Phật ủng hộ y như sở nguyện.
Cha mẹ đặng xa miền khóc lãnh,
Lại hóa sanh về cảnh Thiên cung,
Khi lời Phật giảng vừa xong,
Khấp trong tứ chúng một lòng kính vâng.
Lại phát nguyện thà thân này nát,
Ra bụi tro, muôn kiếp chẳng nài.
Dầu cho lưỡi kéo trâu cày,
Đến trăm ngàn kiếp lời Thầy không quên. O
Ví như bị bá thiên đao kiếm,
Khấp thân này đâm chém phân thân,
Hoặc như lưới trời thân này,
Trải trăm ngàn kiếp lời Thầy chẳng sai.
Dầu thân này bị cưa bị chặt,



Phân chia ra muôn đoạn rã rời,
Đến trăm ngàn kiếp như vậy,
Chúng con cũng chẳng trái lời Thầy khuyên.
Đức A-nan kiên thiên đánh lễ,
Cầu Thế Tôn đặt đề hiệu Kinh,
Ngày sau truyền bá chúng sinh,
Để bề phúng tụng trì chuyên tu hành.
Phật mới bảo A-nan nên biết,
Quyển Kinh này quả thiệt cao xa,
Đặt tên: “Báo Hiếu Mẹ Cha”
Cùng là “Ân Trọng” thiệt là chơn Kinh. O
Các người phải giữ gìn châu báu,
Đặng đời sau y giáo phụng hành,
Sau khi Phật dạy đành rành,
Bốn ban Phật tử rất mừng rất vui.
Thấy một lòng vâng theo lời Phật,
Và kính thành tin chắc vẹn tuyền,
Đồng nhau tựu tại Phật tiền,
Nhất tâm đánh lễ rồi liền lui ra.

Nam-mô Đại Hiếu Mục-kiền-liên Bồ-tát

(3 lần)

PHẦN SÁM NGUYỆN





1. BÁT-NHÃ TÂM KINH

Quán Tự Tại thực hành trí tuệ,
 Bát-nhã ba-la-mật sáng ngời,
 Bảy giờ Bồ-tát quán soi,
 Thấy rằng năm uẩn ba đời đều không. O
 Vượt tất cả các vòng khổ ách,
 Hãy nghe này, Xá-lợi-phất ông!
 Sắc nào có khác gì không,
 Không nào khác sắc, sắc không vốn đồng. O
 Cả thọ, tưởng, thức, hành cũng thế,
 Tánh chân không các pháp viên thành
 Thấy đều chẳng diệt, chẳng sanh,
 Chẳng như, chẳng sạch, chẳng tăng
 giảm gì. O
 Trong chân không chẳng hề có sắc,
 Chẳng thọ, tưởng, hành, thức trong không.
 Mắt, tai, mũi, lưỡi, ý, thân,
 Sắc, thanh, vị, xúc, pháp, hương không còn. O
 Không nhãn thức đến không ý thức,
 Không vô minh hoặc hết-vô-minh,
 Không điều già chết chúng sanh,
 Hết già, hết chết thực tình cũng không.



Không trí huệ cũng không chứng đắc,
Bởi có gì là chỗ đắc đâu.
Bấy lâu Bồ-tát dựa vào,
Trí ba-la-mật, thăm sâu thực hành,
Mọi chướng ngại quanh mình tan biến,
Mọi việc đều chẳng khiến hoảng kinh,
Xa lìa mộng tưởng đảo điên,
Niết-bàn rốt ráo an nhiên thanh nhàn. O
Bát-nhã ấy rõ ràng trí tuệ,
Mà ba đời chư Phật nương vào,
Chứng thành quả giác tối cao,
Nên xem Bát-nhã thâm sâu đó là: O
Lời thần chú sâu xa bậc nhất,
Lời chú thần rất mực quang minh,
Chú thần cao cả anh linh,
Là lời thần chú thật tình cao siêu,
Trừ dứt được mọi điều đau khổ,
Đúng như vậy muôn thuở không sai.
Ngài liền tuyên nói chú này,
Để người trì niệm sáng bày chơn tâm: O
Ga-tê Ga-tê Pa-ra-ga-tê Pa-ra-san-ga-tê
Bô-dhi Sva-ha. (3 lần) OOO



2. NIỆM PHẬT

Nam-mô Ta-bà giáo chủ, tam giới Đạo sư, tứ sinh Từ phụ, nhân thiên Giáo chủ, thiên bá ức hoá thân, Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật (18 lần) O

Nam-mô Đại trí Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát O

Nam-mô Đại hạnh Phổ-hiền Bồ-tát O

Nam-mô Hộ pháp chư Tôn Bồ-tát O

Nam-mô Đạo tràng Hội thượng Phật
Bồ-tát (3 lần) OOO

3. NĂM ĐIỀU QUÁN TƯỞNG

(Hoặc đọc bài Quán Chiếu Thực tại)

Thế Tôn lời dạy tỏ tường

Năm điều quán tưởng phải thường xét ra:

Ta đây phải có sự già,

Thế nào tránh khỏi lúc qua canh tàn. O

Ta đây bệnh tật phải mang,

Thế nào tránh khỏi đặng an, mạnh lành.

Ta đây sự chết sẵn dành,

Thế nào tránh khỏi tử sanh đến kỳ.



Ta đây phải chịu phân ly,
Nhơn vật quý mến ta đi biệt mà.
Ta đi với nghiệp của ta,
Dù cho tốt xấu tạo ra tự mình,
Theo ta như bóng theo hình,
Ta thọ quả báo phân minh kiết tường. O

4. QUÁN CHIẾU THỰC TẠI

Không truy tìm quá khứ,
Không ước vọng tương lai.
Quá khứ đã qua rồi,
Tương lai lại chưa đến.
Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính là đây.
Không động, không lung lay.
Hãy thực hành như thế! O
Không một ai biết trước
Cái chết đến lúc nào;
Tử thân có đợi đâu,
Làm sao điều đình được.
Vì thế nên nỗ lực,
Tinh tấn suốt đêm ngày,



Tỉnh thức từng phút giây,
 An trụ bằng chánh niệm.
 Như vậy mới xứng đáng
 Người biết sống một mình,
 Người ấy đã tôn vinh
 Đạo nhiệm màu vô thượng. O

(Trong mỗi thời Kinh, tụng một trong tám bài Sám dưới đây)

5-A) SÁM MƯỜI NGUYỆN PHỔ HIỀN

Đệ tử chúng con quyết lòng tu tập
 Mười hạnh nguyện lớn BỒ-tát Phổ Hiền:
Một là kính lạy Như Lai,
Hai là tán thán bậc Thầy nhơn thiên,
Ba là bố thí mọi miền,
Bốn là chuyên nghiệp oan khiên khổ sâu,
Năm là tùy hỷ lẫn nhau,
Sáu là chuyên pháp nhiệm màu, thanh thời,
Bảy là tỉnh Phật ở đời,
Tám là học Phật an vui tuyệt vời,
Chín là luôn thuận mọi người
Mười là hồi hướng muôn nơi an lành. O

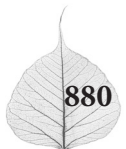


5-B) SÁM QUY MẠNG

Con nương tựa mùi hương đức Phật,
Pháp cao siêu tuệ giác, tịnh thanh,
Tặng đoàn chứng quả thánh nhân,
Từ bi cứu độ chúng sinh thoát nạn.
Đã bao kiếp bỏ quên chân tánh
Lụy cõi mê, nhiễm đắm tham, sân
Bập bênh sinh tử bao lần
Chạy theo thanh, sắc vương chân bụi trần.
Mùi trời buộc làm nhân hữu lậu,
Sáu giác quan gây tạo tội khiên.
Sông sâu, bể khổ đắm chìm,
Vướng vòng nhân ngã, bỏ quên đạo lành.
Bao kiếp sống lằng nhằng dây nghiệp,
Rồi kiếp này oan trái dùng dằng.
Ngưỡng cầu Tam bảo xót thương,
Cho con sám hối lỗi lầm bấy lâu. O
Nhờ Phật lực nhiệm mầu soi chiếu,
Bạn đồng tu nhiệt huyết chỉ nhau,
Thoát ra vực thẳm khổ sâu,
Đến bờ giác ngộ nhiệm mầu xưa nay. O
Gieo phước đức kiếp này sống thọ,



Trông trí nhân, sáng tỏ tâm linh.
Sanh ra ở chốn đô thành,
Minh sư dẫn dắt, thực hành đạo chơn.
Vì chính tín, phát tâm xuống tóc,
Theo đạo mâu, thể đắc huyền vi.
Sáu căn lanh lợi hành trì,
Giữ gìn ba nghiệp hành vi mạnh lành.
Duyên thế tục tịnh thanh, không nhiễm,
Đời thanh cao, chẳng dính bụi trần.
Giữ gìn đạo đức, lương tâm,
Oai nghi, tế hạnh trang nghiêm trong, ngoài.
Tám nạn lớn không tà xâm phạm,
Cùng bốn duyên chẳng dám bủa giăng.
Liễu thông trí tuệ sâu ngàn,
Tâm bồ-đề ấy chưa từng thoái lui. O
Nương Phật pháp, an vui tu học,
Ngộ Đại thừa, lập cước tánh “không”,
Thực hành lục độ pháp môn,
Vượt bao kiếp sống trầm luân biển dài.
Xây chùa tháp khắp nơi tu học,
Phá lưới nghi, ba độc trùng trùng,
Tà ma hàng phục đến cùng,



Trùng hưng Tam bảo, khơi nguồn tâm linh.
Nơi gương Phật, dẫn thân không mệt,
Các pháp môn thông suốt ngày đêm,
Rộng tu phước huệ thâm huyền,
Cứu người, giúp vật trọn nên đạo vàng.
Sớm chứng đắc thần thông sáu loại,
Rồi viên thành quả Phật hiện đời,
Ngay trong pháp giới chẳng rời,
Ra vào sanh tử, cứu người trầm luân. O
Tập thương xót Quan Âm quảng đại,
Nơi Phổ Hiền hạnh nguyện không cùng,
Cõi này, chốn khác hiện thân,
Xiển dương Phật pháp, cứu nhân, độ đời.
Đem tuệ giác chiếu soi cõi dữ,
Dùng thần thông hóa độ quỷ ma,
Nơi nào nghe tiếng, gặp ta,
Cũng đều giác ngộ, vượt qua khổ sâu.
Chốn ngục lạnh, lửa màu đỏ rực,
Thành rừng hoa, thơm phức mùi hương.
Ngục đồng nuốt sắt thảm thương,
Biến thành Tịnh độ, thiên đường nhân gian.



Loài chớ nặng, khổ hờn bao nỗi,
Giống mang lông, đầu đội sừng dài,
Không còn khổ luy, nạn tai,
Hưởng bao lợi lạc, tháng ngày bình an. O
Trong dịch bệnh, phát minh thuốc thánh
Cứu bao người khỏi bệnh trăm kha
Đói nghèo đều được ấm no,
Cho tiền, giúp vốn, bản cơ không còn.
Bao lợi ích hưng sùng tất cả,
Lòng vị tha chẳng kể oán, thân,
Người xa rồi lại kẻ gần,
Xem như quyến thuộc, ban ân đồng đều.
Cắt lưới ái nôi chìm nhiều kiếp,
Cạn sông mê, bao hiệp tử sinh,
Quyết tâm cứu giúp hàm linh,
Lên đường giác ngộ, chứng thành Như Lai.
Hư không dù có chuyền dời,
Nguyện con muôn kiếp không hề rung rinh.
Nguyện cầu tất cả chúng sinh,
Chúng nên Phật trí, tâm linh rạng ngời.



5-C) SÁM QUY Y

Phật là đấng giác ngộ mình,
Độ người thoát khỏi tử sinh bao đời,
Từ bi, trí tuệ rạng ngời,
Là thầy ba cõi trời người xưa nay. O
Pháp là phương thuốc diệu thay,
Chữa lành bệnh khổ bao loài chúng sanh,
Như vầng trăng sáng lung linh,
Soi đường ra khỏi u minh mê mờ. O
Tăng là những bậc chân tu,
Biết đời huyễn mộng, già từ ra đi,
Thấm nhuần trí tuệ, từ bi,
Độ đời thoát khỏi tham ... si khổ sầu. O
Con nay giác ngộ quay đầu,
Quy y Tăng, Phật, Pháp mẫu Như Lai,
Cho con hạnh phúc hôm nay,
Cho đời an lạc tại ngay dương trần. O
Con nguyện từ bỏ sát sanh,
Tôn trọng sự sống, tâm lành rải ban.
Thương yêu người, vật, môi sinh,
Cho đời hạnh phúc như mình lạc an. O



Con nguyện *từ bỏ trộm gian*,
Mánh mung, cướp của, tham lam xin chừa.
Sống chân thật, chẳng lọc lừa,
Giữ tròn đạo nghĩa, cho vừa nhân sinh. O

Con nguyện *từ bỏ ngoại tình*,
Một chồng một vợ, trung trinh tâm lòng.
Thương yêu, tôn trọng, cảm thông,
Ngọt bùi chia sẻ, thủy chung trọn đời. O

Con nguyện *từ bỏ nói sai*,
Thêm thắt, chửi tục, móc moi hai đầu.
Nói như chánh pháp cao sâu,
Im như bậc thánh nhiệm mầu thấy nghe O

Con nguyện *từ bỏ rượu chè*,
Say sưa, nghiện ngập, thần mê, trí mờ,
Để không bệnh hoạn, thần thờ,
Để cho tâm trí lặng tờ sáng trong. O

Từ nay, con nguyện với lòng:
Giữ gìn năm giới quyết không phạm vào,
Để cho con sống thanh cao,
Để đời an lạc, dạt dào tình thương. O

Con nguyện noi đáng Pháp Vương,



Học tu chánh pháp, thoát vòng tử sanh.
Tham thiền, niệm Phật chân thành,
Tu tâm dưỡng tánh, dứt phần ác duyên.
Nguyện cho sáu cõi ba miền
Thoát vòng tục lụy, an nhiên Niết-bàn.
OOO

5-D) SÁM QUY NGUYỆN 1

Trầm hương xông ngát điện,
Sen nở Phật hiện thân,
Pháp giới thành thanh tịnh,
Chúng sanh lắng nghiệp trần.
Đệ tử tâm thành
Hướng về Tam bảo: O
Phật là Thầy chỉ đạo,
Bậc tỉnh thức vẹn toàn,
Tướng tốt đoan trang,
Trí và bi viên mãn.
Pháp là con đường sáng,
Dẫn người thoát cõi mê,
Đưa con trở về
Sống cuộc đời tỉnh thức.



Tăng là đoàn thể đẹp
Cùng đi trên đường vui,
Tu tập giải thoát,
Làm an lạc cuộc đời. O

Đệ tử nương nhờ Tam bảo,
Trên con đường học đạo,
Biết Tam bảo của tự tâm.
Nguyện xin chuyên cần,
Làm sáng lòng ba viên ngọc quý.
Nguyện theo hơi thở,
Nở nụ cười tươi.
Nguyện học nhìn cuộc đời,
Bằng con mắt quán chiếu.
Nguyện xin tìm hiểu
Nỗi khổ của mọi loài.
Tập từ bi, hành hỷ xả,
Sáng cho người thêm niềm vui,
Chiều giúp người bớt khổ. O

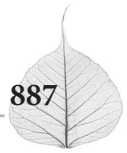
Đệ tử nguyện sống đời thiếu dục,
Nếp sống lành mạnh an hòa,
Cho thân thể kiện khương.



Nguyện rũ bỏ âu lo,
Học tha thứ bao dung,
Cho tâm tư nhẹ nhõm.
Đệ tử xin nguyện ơn sâu đền báo: O
Ơn cha mẹ, ơn thầy,
Ơn bè bạn, chúng sanh,
Nguyện tu học tinh chuyên
Cho cây bi trí nở hoa.
Mong một ngày kia,
Có khả năng cứu độ mọi loài,
Vượt ra ngoài cõi khổ,
Xin nguyện Phật Pháp Tăng chứng minh,
Gia hộ cho đệ tử chúng con
Viên thành đại nguyện. OOO

5-D) SÁM TU TẬP

Cúi đầu đánh lễ Như Lai,
Cha lành của khắp vạn loài chúng sinh.
Cùng chư Bồ-tát quang minh,
Tâm từ soi sáng hữu tình trầm luân.
Chúng con cùng các quyền thân,



Người còn kẻ mất, người gần kẻ xa,
Từ nay quy mạng Phật-đà
Học theo chánh pháp cùng là Thánh Tăng. O
Hiểu rằng cuộc sống thế nhân,
Vây quanh sóng khổ, bủa giăng gió sầu,
Dù rằng nghèo khổ sang giàu.
Kẻ nào khỏi khóc, người nào khỏi than.
Khi thì hợp, khi thì tan,
Lúc say quyền quý, lúc chan tử sầu.
Những cơn bệnh hoạn đón đau,
Những lần tử biệt biết bao nỗi buồn.
Lệ nhiều hơn nước mưa tuôn,
Máu nhiều hơn nước trên nguồn đổ xuôi.
Người đời gắng gượng tìm vui,
Trò chơi hư ảo chôn vùi tâm linh. O
Nào là rượu, nào là tình,
Xong rồi nhìn lại thấy mình tội thêm.
Nỗi lo của kẻ đi đêm,
Biết mình nặng nghiệp chưa tìm lối ra.
Nay con sám-hối Phật-đà,
Ăn năn lỗi trước, ngăn chừa lỗi sau.



Hiểu rằng nguyên có khổ đau
Đều do ích kỷ gốc sâu tạo thành.
Tham lam dẫn đến tranh giành,
Hận thù dẫn đến nhục hình lẫn nhau.

Kiêu căng tự đại tự cao,
Hơn thua đồ kỵ người nào giỏi hơn.

Chìm trong bóng tối chấp chèn,
Si mê chấp ngã nặng hơn núi cồn.
Lang thang ngàn kiếp trầm luân,
Khổ đau chất lại vạn lần biển khơi.

Nay con quỳ dưới Phật đài,
Nguyện theo giáo pháp Như Lai
nhiệm mầu. O

Niết-bàn, lòng nguyện tin sâu,
Là nơi chấm dứt khổ đau luân hồi.

Vượt ngoài ba cõi ngàn đời,
Từ bi trí giác rạng ngời vô biên.
Hiểu rằng nhân quả nghiệp duyên,
Công bằng chi phối mọi miền thế gian.
Người sung sướng, kẻ lâm than
Đều do nghiệp trước cựu mang đến giờ.



Nên không yên lặng đợi chờ,
Mà lo gắng sức giúp cho mọi người.
Người vui là chính con vui,
Người buồn con cũng ngậm ngùi sẻ chia. O
Hiểu rằng một sớm mai kia,
Xác thân tạm bợ trở về hư vô.
Nên không khờ dại tôn thờ
Cái mà bệnh chết sẽ chờ lấy đi.
Nay còn sức khỏe xuân thì
Khéo siêng làm phước dành khi trở về.
Hiểu rằng ngàn kiếp si mê,
Tham lam ích kỷ nặng nề âm u. O
Nay theo Phật, Đấng Đại Từ,
Trái tim xin mở rộng như biển ngàn.
Thương yêu khắp cả thế gian,
Dù là kẻ oán người thân cũng đồng.
Nơi cõi sống, chốn tử vong,
Rừng cây chim thú, biển sông cá kình.
Nguyện lòng thương khắp chúng sinh,
Nhu thương quyến thuộc thâm tình đã lâu. O
Từ nay mãi đến ngàn sau,



Sống vì tất cả, chẳng cầu riêng tư.
Hiểu rằng ba cõi ngục tù,
Thân là cát bụi, tâm là bóng mây.
Tù lâu như kẻ ngủ say,
Si mê chấp ngã chưa ngày thoát ra. O
Cúi đầu đánh lễ Phật-đà,
Bậc Thánh Vô Ngã vượt xa thế trần.
Vì không còn chấp ngã nhân,
Người thành vũ trụ, Người thành trăng sao.
Tâm Vô Ngã là đỉnh cao,
Con xin phát nguyện ngày nào chứng nên.
Chí tu học quyết vững bền,
Độ sinh vì Phật báo đền ơn sâu. O
Hôm nay tha thiết nguyện cầu,
Xin đem công đức từ lâu đã làm,
Hương về thế giới cõi âm,
Dành cho thân quyền còn cầm tại đây.
Mong sao cho những vị này
Nương nhờ sức Phật về ngay cõi lành. O
Thân an lạc, trí hiển minh,
Được chư Bồ-tát chung quanh dắt dìu.



Tu theo Phật pháp cao siêu,
 Dần dần thành tựu những điều lớn lao.
 Tâm siêu thoát khỏi trần lao,
 Bước vào Phật địa, dự vào Thánh lưu.
 Rồi dùng hạnh nguyện đại từ,
 Hóa thân ba cõi vân du sáu đường.
 Gieo chánh pháp đến ngàn phương,
 Đưa người mọi nẻo về nương Phật-đà.

OOO

5-E) SÁM QUY NGUYỆN 2

Trang nghiêm đài sen ngự tọa,
 Đại hùng từ phụ Thích-ca.
 Đệ tử lắng lòng thanh tịnh,
 Bàn tay chấp búp liên hoa.
 Cung kính hướng về Điều Ngự,
 Dâng lời sám nguyện thiết tha. O
 Đệ tử phước duyên thiếu kém,
 Sống trong thất niệm lâu dài,
 Không được sớm gặp chánh pháp,
 Bao nhiêu phiền lụy đã gây,



Bao nhiêu lỗ lằm vụng dại,
Vô minh che lấp tháng ngày,
Vườn tâm gieo hạt giống xấu,
Tham, sân, tị ái dẫy đầy,
Những nghiệp sát, đạo, dâm, vọng,
Gây nên từ trước đến nay.
Những điều đã làm đã nói,
Thường gây đổ vỡ hàng ngày.
Bao nhiêu não phiền nghiệp chướng,
Nguyện xin sám hối từ đây. O
Đệ tử thấy mình nông nổi,
Con đường chánh niệm lãng xao.
Chát chứa vô minh, phiền não,
Tạo nên bao nỗi hận sầu.
Có lúc tâm tư buồn chán,
Mang đầy dằn vặt lo âu,
Vì không hiểu được kẻ khác,
Cho nên hờn giận, oán cừ.
Lý luận xong rồi trách móc,
Mỗi ngày mỗi chuốc khổ đau.
Chia cách hổ kia càng rộng,



Có ngày không nói với nhau,
Cũng không muốn nhìn thấy mặt,
Gây nên nội kết dài lâu.
Nay con hướng về Tam bảo,
Ăn năn khẩn thiết cúi đầu. O
Đệ tử biết trong tâm thức,
Bao nhiêu hạt tốt lấp vùi,
Hạt giống thương yêu, hiểu biết,
Và bao hạt giống an vui.
Nhưng vì chưa biết tưới tắm,
Hạt lành không mọc tốt tươi.
Cứ để khô đau tràn lấp,
Làm cho đen tối cuộc đời.
Quen lối bỏ hình bắt bóng,
Đuổi theo hạnh phúc xa vời.
Tâm cứ bận về quá khứ,
Hoặc lo rong ruổi tương lai,
Quanh quẩn trong vòng buồn giận,
Xem thường bảo vật trong tay.
Giày đạp lên trên hạnh phúc,
Tháng năm sâu khổ miệt mài.



Giờ đây trăm xông Bảo Điện,
Con nguyện sám hối, đổi thay. O
Đệ tử tâm thành quy ngưỡng,
Hương về các Phật mười phương,
Cùng với các vị Bồ-tát,
Thanh Văn, Duyên Giác, Thánh Hiền,
Chí thành cầu xin sám hối,
Bao nhiêu lầm lỗi triền miên.
Xin lấy cam lồ tịnh thủy,
Tươi lên dập tắt não phiền.
Xin lấy con thuyền chánh pháp,
Đưa con vượt nẻo oan khiên.
Xin nguyện sống đời tỉnh thức,
Học theo đạo lý chân truyền.
Thực tập nụ cười hơi thở,
Sống đời chánh niệm tinh chuyên. O
Đệ tử xin nguyện trở lại,
Sống trong hiện tại nhiệm màu.
Vườn tâm uơm hạt giống tốt,
Vun trồng hiểu biết, thương yêu.
Xin nguyện học phép quán chiếu,



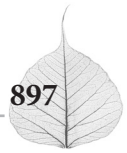
Tập nhìn, tập hiểu thật sâu,
Thấy được tự tánh các pháp,
Thoát ngoài sanh tử trần lao.
Nguyện học nói lời ái ngữ,
Thương yêu chăm sóc sớm chiều.
Đem nguồn vui tới mọi nẻo,
Giúp người vui nổi sâu đau.
Đền đáp công ơn cha mẹ,
Ôn thầy, nghĩa bạn dày sâu.
Tín thành tâm hương một nén,
Đài sen con nguyện hồi đầu.
Nguyện đức Từ Bi che chở,
Trên con đường đạo nhiệm mầu.
Nguyện xin chuyên cần tu tập,
Vuông tròn đạo quả về sau. 000

5-F) SÁM NGUYỆN

Đệ tử chúng con từ vô thỉ,
Gây bao nghiệp chướng bởi lầm mê,
Vào ra sinh tử đã bao lần,
Nay đến trước đài vô thượng giác.



Biển trần khổ lâu đời trôi dạt,
Hôm nay trông thấy đạo huy hoàng.
Con hướng về theo ánh từ quang,
Lạy Phật Tổ soi đường dẫn bước.
Bao tội khổ trong đời ác trược,
Vì tham, sân, si, mạn gây nên.
Hôm nay đây khấn thiết thệ nguyện,
Xin sám hối để lòng thanh thoát. O
Trí tuệ quang minh như nhật nguyệt,
Từ bi vô lượng cứu quần sanh.
Con nhất tâm nguyện sống đời lành,
Đem thân mạng nương nhờ Tam bảo.
Lên thuyền từ vượt qua biển khổ,
Cầm đuốc thiền ra khỏi rừng mê.
Văn, Tư, Tu xin quyết hành trì,
Thân, miệng, ý noi theo chánh kiến.
Đi, đứng, nằm, ngồi trong chánh niệm,
Vào ra cười nói tướng đoan nghiêm.
Mỗi khi tâm buồn giận lo phiền,
Nguyện nhiếp niệm trở về hơi thở.
Mỗi bước chân đi vào Tịnh độ,



Mỗi cái nhìn thấy được pháp thân. O
Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần,
Đem ý thức tinh chuyên phòng hộ.
Tập khí năm xưa rồi chuyển hóa,
Vườn tâm tuệ giác nở trăm hoa.
Niềm an vui đem khắp mọi nhà,
Hạt giống tốt gieo về muôn lối.
Cùng tăng thân xin nguyện ở lại,
Nơi cõi đời làm việc độ sinh.
Giờ phút này Tam bảo chứng minh,
Giúp chúng con viên thành đại nguyện.

(1 xá) OOO

5-G) SÁM HỒNG TRẦN

Cõi trần thế sắc thân trôi nổi,
Mấy ai từng trăm tuổi được đầu,
Đời là bể khổ bấy lâu,
Chỉ vì mê muội ăn sâu khôn rời.
Bởi vô minh tự thời vô thủy,
Thọ, tướng, hành, thức khởi nhân duyên,
Luân hồi sinh tử liên miên,



Ra vào ba cõi, xuống lên sáu đường. O
Lê Long Đĩnh khôn lường hoang đạo,
Giết dân lành, dâm bạo vô lương,
Nhãn tiền nghiệp báo liệt giường,
Hòn chồng oán chất, cùng đường bỏ thân.
Lý Thái Tổ xuất thân học đạo,
Lấy đức lành dạy bảo dân yên,
Lấy lòng, phạt Tống bình Chiêm,
Mấy trăm năm Lý, văn minh rạng ngời. O
Trần Thái Tông dựa nơi Phật pháp,
Dùng đức lành trị nước, an dân,
Mấy lần đuổi giặc ngoại xâm,
Truyền ngôi kế vị mấy trăm năm liền. O
Hãy nhìn lại tôi hiền Nguyễn Trãi,
Tận trung mà vẫn phải oan gia,
Vì sao tru diệt cả nhà?
Vì sao ba họ rồi ra bỏ đời?
Vì sao được phục hồi chức tước,
Có phải vì nghiệp trước hay không?
Anh hùng cái thế Quang Trung,
Vì sao mạng yếu não nùng non sông? O



Nhìn những cảnh vô thường khôn xiết,
Tử sinh mà ai biết ra sao?
Đời này, đời trước, đời sau,
Người hiền khéo sống trông vào đức nhân. O
Hãy nhìn lại Lý, Trần, Lê, Nguyễn,
Người hiếu hiền thể hiện đức nhân,
Dù cho danh lợi muôn phần,
Bất nhân thất đức xa gần ai khen?
Giữa trần tục bon chen danh lợi,
Mùi thế trần sao vội cho thơm,
Vinh hoa phú quý chập chờn,
Như là bọt nước trong cơn sóng cồn. O
Thuốc tiên của Lãn Ông Hải Thượng,
Đã bao giờ cứu mạng mình đâu,
Sinh-già-bệnh-chết bấy lâu,
Đã thành quy luật gây bao khổ sầu.
Dù vua chúa, công hầu, khanh tướng,
Hay nghèo hèn vất vưởng thương đau,
Cuối cùng ba tác đất sâu,
Yên mình một nắm cỏ khô xanh rì. O
Đã biết vậy đừng mê muội nữa,



Kiếp nổi chìm lần lựa trôi qua,
Thành tâm niệm Phật Di-đà,
Làm lành gây phước để mà tu tâm.
Đã biết cảnh hồng trần trôi nổi,
Một ngày nào cát bụi buông xuôi,
Vô thường muôn sự rõ rồi,
Hoa sen chín phẩm là nơi an bình. O
Đã quy luật tử sinh không khỏi,
Sống cũng đừng nông nổi gian tham,
Chỉ vì nghiệp ác đã làm,
Chuốc vào quả báo lại càng đau thương.
Quyền chức trọng đường đường tự đắc,
Chỉ một cơn gió lốc tiêu điều!
Của tiền tranh đoạt bao nhiêu?
Rồi hai thước đất ai nhiều hơn ai? O
Nay quỳ trước Phật đài sám hối,
Biết bao điều tội lỗi xưa nay,
Nhất tâm thiền định đêm ngày,
Nã phiền dứt sạch, tỏ bày chân tâm.

OOO



5-H) SÁM TỔNG TÁNG

Cuộc hồng trần xoay vần quá ngán,
Kiếp phù sinh tụ tán mấy hồi,
Người đời có biết chãng ôi,
Thân người tuy có, có rồi hoàn không! O
Chiêm bao khéo khuấy lạ lòng,
Mơ màng trong một giấc nồng mà chi,
Làm cho buồn bã thế ni!
Hình dung mới đó bữa nay đâu rồi?
Khi nào đứng đứng ngồi ngồi
Bây giờ lặng ngắt như chồi cây khô.
Khi nào du lịch giang hồ
Bây giờ nhắm mắt mà vô quan tài.
Khi nào lược giắt trâm cài
Bây giờ gởi xác ra ngoài gò hoang.
Khi nào trau ngọc chuốt vàng
Bây giờ một nắm xương tàn lạnh tanh. O
Khi nào mắt đẹp mày xanh
Bây giờ thấy dạng thấy hình là đâu.
Khi nào lên các xuống lầu
Bây giờ một nắm cỏ sàu xanh xanh.



Khi nào liệt liệt oanh oanh
Bây giờ một trận tan tành gió mưa.
 Khi nào ngựa lộc xe lừa
Bây giờ mây rước trăng đưa mơ màng.
 Khi nào ra trường vào幔
Bây giờ nhà cửa xóm làng cách xa. O
 Khi nào mẹ mẹ cha cha
Bây giờ bóng núi cách xa muôn trùng.
 Khi nào vợ vợ chồng chồng
Bây giờ trăng khuyết còn mong chi tròn.
 Khi nào cháu cháu con con
Bây giờ hai ngã nước non xa vời.
 Khi nào cốt nhục vẹn mười
Bây giờ lá héo nhành tươi vui gì.
 Khi nào bạn hữu sum vầy
Bây giờ chén rượu cuộc kỳ vắng thiu. O
 Cái thân như tác bóng chiều
Như chùm bọt nước phập phều biển khơi.
 Xưa ông Bành Tô sống đời
Tám trăm tuổi thọ nay thời còn đâu!
 Sang mà đến bậc Công Hầu
Giàu mà đến bậc bấy lâu Thạch Sùng.



Nghèo mà đói khát lạnh lùng
Khổ mà tóc cháy da phỏng trần ai. O
Phù du sớm tối một mai
Giàu sang cũng thác, sạt sài cũng vong
Thông minh tài trí anh hùng
Si mê đại đột cũng chung một gò.
Biển trần nhiều nỗi gay go
Mau mau nhẹ gót qua đò sông mê.
Sự đời nên chán nên chê
Tầm nơi giải thoát mà về mới khôn. O
Lắng tâm quyết tỏ nguồn chơn
Gương xưa lau sạch không còn trần ô.
Tu hành phải đợi kiếp mô
Sông tình biển ái đã khô bao giờ.
Lựa là phải ngộ thiên cơ
Mà đèn trí huệ dễ lờ đi đâu.
Nguồn tâm phải tỏ trước sau
Nguyện cho thành Phật để mau độ đời.
Ban niềm an lạc muôn nơi
Niết-bàn tỏ ngộ, sáng ngời chân tâm.



6. HỒI HƯƠNG CÔNG ĐỨC

Tụng kinh tu tập, phước tăng,
Xin đem hồi hương xa gần, khắp nơi.
Nguyện cho tất cả trời người,
Đều vào cõi Phật, sáng ngời chân tâm. O

Nguyện trừ ba chướng trầm luân,
Sống trong trí tuệ, tịnh thanh cõi lòng.
Nguyện cho tội nghiệp tiêu mòn,
Noi theo Bồ-tát làm tròn tấm gương. O

Nguyện sanh cõi tịnh Tây phương,
Mẹ cha: Chín phẩm sen vàng nêu danh,
Hoa cười, chứng ngộ vô sanh,
Cùng hàng Bồ-tát đồng hành tâm linh. O

Nguyện đem công đức tạo thành,
Hương về tất cả chúng sanh mọi loài,
Rải ban hạnh phúc muôn nơi,
Giúp người giác ngộ, an vui đạo mầu.

(3 xá) OOO



7. LỜI NGUYỆN CUỐI

(Chủ lễ quỳ chấp tay, tha thiết nguyện; đại chúng mặc niệm)

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật O

Trời giáng ngộ muôn nơi sáng tỏ,
Bánh xe pháp vận chuyển không dừng.

Tăng ni, đạo lực thâm thâm,
Phật tử, tín tâm kiên cố.

Nguyện nhà nhà hạnh phúc, an Khang,
Cầu thế giới hòa bình, hưng thịnh.

Đời đời làm bà con Phật pháp,
Kiếp kiếp làm quyến thuộc từ bi.

Mọi người biết tu học điều lành,
Bốn biển được mưa hòa, gió thuận. O

Chúng con phát nguyện:

Tạo thêm công đức, dứt hết lỗi lầm,
Phủ sạch não phiền, trau dồi tuệ giác.

Học theo Trung đạo, tu hạnh nhất thừa,
Tinh tấn sớm trưa, cầu thành Phật đạo. O

Nam-mô Thường Trụ Tam Bảo. (3 xá) OOO



8. ĐÁNH LỄ BA NGÔI BÁU

Con xin nương tựa Phật,
Bậc Phước Trí Viên Thành,
Cầu tất cả chúng sanh
Giác ngộ, phát tâm lành. (1 lạy) O

Con xin nương tựa Pháp,
Nguồn tuệ giác, từ bi,
Cầu tất cả chúng sanh
Hiểu đạo, tỏ nguồn tâm. (1 lạy) O

Con xin nương tựa Tăng,
Đoàn thể sống an vui,
Cầu tất cả chúng sanh
Hòa hợp, thương mến nhau. (1 lạy) O



PHẦN PHỤ LỤC





Phụ lục 1

XUẤT XỨ CÁC BÀI KINH VÀ SÁM NGUYỆN

PHẦN I: CÁC KINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. ***Kinh tiểu sử đức Phật*** là một tuyển dịch từ các trang kinh, thuộc kinh điển Pali, nhằm phác họa về cuộc đời đức Phật như một tự truyện ngắn. Xuất xứ từng đoạn kinh được chú thích ở phần kết thúc, được đặt trong dấu ngoặc đơn.

2. ***Kinh người áo trắng*** được dịch từ *Kinh Ưu-bà-tắc*, số 128, thuộc *Trung A-hàm*, có tham khảo *Anguttara Nikāya*, III. 211.

3. ***Kinh thập thiện*** do ngài Thục Xoa Nan Đà (*Sikṣānanda*) dịch chữ Phạn ra chữ Hán, trong *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*, tập 15, thuộc *Kinh Tập bộ*, tr. 157, số hiệu 0600.

4. ***Phật nói Kinh tám điều trai giới*** do Chi Khiêm dịch ra chữ Hán trong *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*, tập 1, thuộc *A-hàm bộ*, tr. 910, số hiệu 0087.

5. ***Kinh nhân quả đạo đức***, nguyên tác là *Kinh Thuần-đà* thứ 943 thuộc *Kinh Tập A-hàm*.

6. ***Kinh lời vàng Phật dạy***, nguyên tác là *Kinh Pháp Cú* (*Dhammapada*), thuộc *Tiểu bộ Kinh*, kinh tạng Pali.

7. ***Kinh soi gương nhân cách***, nguyên tác là *Kinh Tư Lượng* (*Anumanasuttam*), thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 15.

8. ***Kinh phân biệt nghiệp báo***, dịch từ bản chữ Hán của



Tam Tạng Pháp-sư Trúc-Pháp-Hộ, trong *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*, quyển 14, thuộc *Kinh Tập* bộ 1.

9. **Kinh định luật nghiệp**, nguyên tác là *Kinh Tiểu nghiệp phân biệt* (*Culakammavibhangasuttam*) thuộc *Kinh Trung* bộ thứ 135.

10. **Kinh nghiệp tạo sai biệt**, nguyên tác là *Kinh Vasettha* (*Vasetthasuttam*), thuộc *Kinh Trung* bộ thứ 98.

11. **Kinh chuyển hóa nghiệp chướng**, nguyên tác là *Kinh Angulimala*, thuộc *Kinh Trung* bộ thứ 86.

12. **Kinh phước thể gian**, dịch từ *Thất nhật Phẩm*, kinh số 7 thuộc *Tăng Nhất A-hàm* 34, *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*, quyển 2, tr.741.

PHẦN II: CÁC KINH VỀ GIA ĐÌNH, XÃ HỘI VÀ CHÍNH TRỊ

13. **Kinh thiện sanh**, nguyên tác Pāli là *Singālovāda Sutta* (D. III. 180-93) là bài kinh thứ 31 trong *Trường Bộ Kinh*, còn gọi là “*Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt*” (Trường Bộ II, 529-548, *Đại Tạng Kinh Việt Nam*). Bản tiếng Anh là *Dialogues of the Buddha* (III. 172-84, Hội Thánh Điển Pāli ấn hành năm 1995). Tham khảo *Trường A-hàm* (I, 555-547, *Đại Tạng Kinh Việt Nam*).

14. **Kinh phước đức**, nguyên tác là *Mahāmaṅgala Sutta*, trong *Kinh Tập* (*Sutta Nipāta*) thuộc *Tiểu Bộ Kinh* (*Khuddaka Nikāya*).

15. **Kinh tránh xa các cánh cửa bại vong**, xuất xứ từ *Kinh Tập* (*Suttanipata*), kệ số 91-115, trang 18-20, ấn bản tiếng Anh của Pali Text Society.

16. **Kinh bảy loại vợ**, xuất xứ từ *Anguttara Nikāya* (IV. 91-3), tiếng Anh *The Book of Gradual Sayings* (IV. 56-8, Hội



Thánh Điển Pāli ấn bản 1988), tham khảo bản dịch Việt của HT. Thích Minh Châu trong *Kinh Tăng Chi* (II. 515-7, ấn bản 1988).

17. **Kinh bốn ân lớn**, xuất xứ từ Phẩm báo ân, chương thứ 2 của *Kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán*.

18. **Kinh mọi người bình đẳng**, nguyên tác là *Kinh Mudhura*, thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 84.

19. **Kinh không có giai cấp**, nguyên tác là *Kinh Assalayana* (*Assalayanasuttam*), thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 93.

20. **Kinh sống trong hòa hợp**, nguyên tác là *Kinh Tùy phiền não* (*Upakkilesasuttam*) thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 128.

21. **Kinh hóa giải tranh cãi**, nguyên tác là *Kinh như thế nào* (*Kintisutta*) thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 103.

22. **Kinh hòa hợp và hòa giải**, nguyên tác là *Kinh làng Sama* (*Samagamasuttam*) thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 104.

23. **Kinh chuyển luân thánh vương**, thuộc *Kinh Thế Kinh* trong *Kinh Trường A-hàm*. Tương đương các *kinh Trung A-hàm*, quyền 13, kinh 15 và *Tăng nhất A-hàm* quyền 13, kinh 33.

24. **Kinh đức hạnh của Vua**, dịch từ *Kinh Tăng Nhất A-hàm*, chương 10 pháp, Phẩm Kết cãm, kinh số 7.

25. **Kinh quốc gia cường thịnh**, xuất xứ từ *Anguttara Nikāya* (IV. 16-8), bản tiếng Anh *The Book of Gradual Sayings* (IV. 11-3 Hội Thánh Điển Pāli ấn hành năm 1988); tham khảo bản tiếng Việt của HT. Thích Minh Châu trong *Kinh Tăng Chi* (II. 415-55, ấn bản năm 1988).

26. **Kinh Hiền Nhân**, trích dịch từ *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*, quyền ..., kinh số...



PHẦN III: CÁC KINH VỀ TRIẾT LÝ

27. **Kinh chuyển pháp luân**, dịch từ bản tiếng Anh *The Book of Kindred Sayings* của Hội Thánh Điển Pāli, vốn có xuất xứ từ bài *Dhammacakkappavattana Sutta* (S. V. 420-423) và phần Đại Phẩm (*Mahāvagga*) thuộc Tạng Luật (*Vinaya pitaka*) của Tam Tạng Pāli.

28. **Kinh mười hai nhân duyên**, gồm có 3 Kinh. Kinh thứ nhất mang cùng tên, dịch từ *Kinh Tăng Nhất A-hàm*, bài kinh số 5), nguyên tác là *Kinh Pháp Thuyết Nghĩa Thuyết*, thuộc *Kinh Tập A-hàm*, trong *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*, kinh số 298. Kinh thứ hai là *Kinh giải thích mười hai nhân duyên*, tương đương kinh Pāli, *Tương Ưng Bộ* S. 12. 1. Desanā; 2. Vibhaṅga. Kinh thứ ba là *Kinh chặt đứt mười hai nhân duyên*, nguyên tác là *Kinh Đại Thọ*, trong *Kinh Tập A-hàm*, thuộc *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*, kinh số 284. Tương ứng với *Kinh Tương Ưng Bộ*, S. 12. 55-56. Mahārukkha.

29. **Kinh chánh tri kiến** (*Sammaditthisuttam*) thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 9.

30. **Kinh ba dấu ấn thực tại**, nguyên tác là *Phật Thuyết Pháp Ấn Kinh*, kinh thứ 104 trong ấn bản *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*. Tương đương với kinh thứ 80 của bộ *Tập A Hàm* (nhằm kinh số 99 của *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*).

31. **Kinh thực tập vô ngã**, dịch từ bản tiếng Anh của *Tương Ưng Bộ Kinh* (*Samyutta-nikaya*), ed. PTS, 1888-1902, III, 66-67; Tương đương với *Vinayapitaka*, ed. PTS, 1879-1883, I, 13-14.

32. **Kinh nhận diện vô ngã**, nguyên tác là *Đại Kinh Mãn Nguyệt* (*Mahapunnamasuttam*) thuộc *Kinh Trung bộ* 109.



33. **Kinh chuyển hóa cái tôi**, nguyên tác là *Tiểu kinh Sac-caka (Culasaccakasuttam)*, thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 35.

34. **Kinh nền tảng đức tin**, nguyên tác Pāli là *Kālāma Sutta* (A. I. 189-92), bản tiếng Anh *Those of Kesaputta* thuộc *The Book of Gradual Sayings* (I. 170-5), Hội Thánh Điện Pāli ấn hành năm 1989). Tham khảo bản dịch của HT. Thích Minh Châu trong *Kinh Tăng Chi* (III. 539-43, ấn bản năm 1988).

35. **Kinh kiến thức và trí tuệ**, nguyên tác là *Đại Kinh Phương Quảng (Mahavedallasuttam)*, thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 43.

36. **Kinh thuyết minh và xác minh**, nguyên tác là *Kinh Kannakatthala*, thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 90.

37. **Kinh bảy điều nên biết**, nguyên tác là *Kinh thiện pháp*, thuộc phẩm Bảy Pháp, *Kinh Trung A-hàm*; tương đương với *Kinh Tăng Nhất A-hàm* 125 (39.1), phẩm Đẳng Pháp, Đại 2, tr.728); tương đương Pāli: A. VII.64 Dammaññū-sutta.

38. **Kinh ẩn dụ về bảy hạng người dưới nước**, nguyên tác là *Kinh thủy dụ*, phẩm Bảy Pháp, *Kinh Trung A-hàm*; tương đương “*Đẳng Pháp Phẩm*, kinh số 3, thuộc *Kinh Tăng Nhất A-hàm*, Đại 2, tr.729c; hoặc Biệt dịch, No.29 *Diêm thủy dụ Kinh*, thất dịch, Đại 1 tr.811c; No.125 (39. 3). Trong bản Pali, tương đương A. VII.15.

39. **Kinh tham ái là gốc khổ đau**, nguyên tác là *Kinh ái sinh (Piyajatikasuttam)* thuộc *kinh Trung Bộ* thứ 87.

40. **Kinh ngụ ngôn người bắt rắn**, là kinh thứ 22 trong *Trung Bộ Kinh*, tương đương *Kinh Tương Ứng* trong *Trung A-hàm*, đó là *Kinh A-lê-sá*, thứ 220.

41. **Kinh lời Phật qua các con số**, nguyên tác là *Kinh Phúng tụng*, thuộc *Kinh Trường bộ* thứ 33. Đây chỉ là bản



dịch tóm lược những pháp số thích hợp với người tại gia. Các pháp số dành cho người xuất gia được tinh lược.

42. **Kinh nương tựa ai khi Phật qua đời**, nguyên tác là *Kinh Gopaka Moggakamma (Gopakamoggallanasuttam)*, thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 108.

PHẦN IV: CÁC KINH VỀ THIỀN VÀ CHUYÊN HÓA

43. **Kinh cốt lõi thiền tập**, nguyên tác là *Tiểu kinh giáo giới La-hầu-la (Cula Rahulovada sutta)*, thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 147.

44. **Kinh bốn pháp quán niệm**, nguyên tác là *Kinh Satipathana sutta*, bài kinh thứ 10 trong *Trung Bộ Kinh*, tương đương với *Kinh niệm xứ* thuộc bộ *Trung A-hàm* 98.

45. **Kinh Quán niệm hơi thở**, nguyên tác là *Kinh Ānāpānasatisutta (M. III. 79-99)*, thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 118, tương đương với *Nhập tức xuất tức niệm* *Kinh* thứ 803, 810, 815 của bộ *Tạp A-hàm*.

46. **Kinh các cấp thiền quán**, nguyên tác là *Kinh bất đoạn (Anupadasuttam)*, thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 111.

47. **Kinh bốn loại hành thiền**, nguyên tác là *Kinh hành thiền* thứ 176 thuộc *Phẩm Tâm* 14 trong *Kinh Trung A-hàm*, theo bản dịch của ngài Phật-đà Da-xá và Trúc Phật Niệm.

48. **Kinh ẩn dụ về thành trì**, nguyên tác là *Kinh thành dụ*, thuộc *kinh biệt dịch*, No.125 (39.4) *Tăng Nhất A-hàm* 33 “*Đăng Pháp Phẩm*” (Đại 2, tr.730), tương đương Pāli: A. VII.6 43, *Nagara-sutta*.

49. **Kinh sống trong hiện tại**, nguyên tác là *Kinh nhứt dạ hiền giả (Bhaddekarattasuttam)*, thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 131-133.



50. **Kinh căn bản tu tập**, nguyên tác là *Kinh căn tu tập (Indriyabhavannasuttam)*, thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 152.

51. **Kinh tu các pháp lành**, nguyên tác là *Kinh khát thực thanh tịnh (Pindapataparissuddhisuttam)*, thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 151.

52. **Kinh phát tâm bồ-đề**, nguyên tác là Phẩm 11 mang cùng tên trong *Kinh Đại thừa bản sinh tâm địa quán*.

53. **Phật nói Kinh bốn vô lượng tâm**, nguyên tác là phẩm Tứ Vô Lượng, thứ năm trong *kinh Đại Bảo Tích*, từ bản dịch chữ Hán của ngài Huyền Trang.

54. **Kinh từ bi và hồi hướng**, nguyên tác là *Kinh đại hồi hướng*, thuộc *Kinh Tập bộ tứ*, số 825, trang 827, *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*, quyển 33.

55. **Kinh tám điều giác ngộ**, nguyên tác là *Bát Đại Nhân Giác Kinh*, dịch từ bản chữ Hán của ngài An Thế Cao, kinh 779, thuộc *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*.

56. **Kinh bày cách dứt trừ khổ đau**, nguyên tác là *Kinh tất cả lậu hoặc (Sabbasavasuttam)*, thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 02.

PHẦN V: CÁC KINH VỀ TỊNH ĐỘ

57. **Kinh Phổ Môn**, trích từ *Nghi thức tụng niệm* của Thích Nhật Từ, NXB Phương Đông, 2012, trang 101-112.

58. **Kinh Dược Sư**, trích từ *Nghi thức tụng niệm* của Thích Nhật Từ, NXB Phương Đông, 2012, trang 136-157.

59. **Kinh A-di-đà**, trích từ *Nghi thức tụng niệm* của Thích Nhật Từ, NXB Phương Đông, 2012, trang 175-184.

60. **Kinh Sám hối sáu căn**, trích từ *Nghi thức tụng niệm* của Thích Nhật Từ, NXB Phương Đông, 2012, trang 214-227.



61. **Kinh Sám hối hồng danh**, trích từ *Nghi thức tụng niệm* của Thích Nhật Từ, NXB Phương Đông, 2012, trang 228-240.

62. **Kinh Vu-lan-bồn**, bản dịch của HT. Thích Huệ Đăng, NXB Đông Phương, 2007, trang 7-13.

63. **Kinh Báo ân Cha Mẹ**, bản dịch của HT. Thích Huệ Đăng, NXB Đông Phương, 2007, trang 14-31.

PHẦN VI: XUẤT XỨ CÁC SÁM NGUYỆN

Bài “Sám quy nguyện”, bài “Sám nguyện 1”, “Sám nguyện 2” trích từ *Nhật Tụng Thiền Môn 2010*,⁽¹⁾ tr. 17-19, 150-153, 156-7. Kệ Sám hối (tr. 844) trích từ *Nghi thức tụng niệm đại toàn* (tr. 9) của Làng Mai.⁽²⁾

Các bài do Thích Nhật Từ dịch gồm: Tán hương (tr.5), Tán dương giáo pháp (tr.5), Hồi hướng công đức (tr. 901), Bát-nhã tâm Kinh (tr. 873), “Sám mười nguyện Phổ Hiền” (tr.877), “Sám quy mạng” (tr.878-81).

Các bài do Thích Nhật Từ soạn gồm: Nguyện hương (tr.3), Đảnh lễ Tam bảo (tr.4), “Sám quy y” (882-4), Lời nguyện cuối (tr. 902), đảnh lễ Ba Ngôi báu (tr. 903). Bài “Sám hồng trần” do Thích Nhật Từ và Phan Khắc Nhượng soạn. Bài “Sám tổng táng” không rõ tác giả.

1. Thích Nhất Hạnh, *Thiền môn Nhật tụng 2010*. - Ấn bản miền Nam. NXB Tôn giáo, Hà Nội, 2010.

2. Hội đồng giáo thọ Đạo tràng Mai thôn, *Nghi thức tụng niệm đại toàn* (bằng quốc văn). Làng Mai, Pháp Quốc, 1999.



Phụ Lục 2

CÁC NGÀY LỄ TRONG HAI TRUYỀN THỐNG PHẬT GIÁO

(Tinh theo ngày Âm lịch)

Tháng giêng

Ngày mừng 1: Ngày Đức Phật Di-lặc đản sanh; ngày tu tập và làm phước của toàn thể Phật tử, theo Bắc tông.

Ngày rằm: - Theo Nam tông, đây là ngày Pháp Bảo (*Māghapūjā*), kỷ niệm Đức Phật nói Kinh Giải Thoát Giáo (*Ovādapāṭimokkha*) và là ngày đức Phật tuyên bố sẽ viên tịch.
- Theo Bắc tông, ngày rằm thượng ngươn này là ngày lễ hội lớn, tu tạo các công đức.

Ngày 22: Tổ Thập Thập (tức tổ Phước Huệ), Chứng Minh Đạo Sư, Hội Phật giáo Trung Phần, viên tịch.

Ngày 30: Tổ Khánh Anh, Pháp Chủ Tăng-già Việt Nam, nhiệm kỳ 2, viên tịch.

Tháng hai

Ngày mừng 8: - Ngày Đức Phật Thích-ca Mâu-ni xuất gia, theo Bắc tông.
- Vía tôn giả A-nan-đa, theo Bắc tông.

Ngày rằm: Ngày Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhập diệt, theo Bắc tông.



Ngày 19: Vía Đức Bồ-tát Quán Thế Âm, theo Bắc tông.

Ngày 21: Vía Đức Bồ-tát Phổ Hiền, theo Bắc tông.

Tháng ba

Ngày 16: Vía Đức Bồ-tát Chuẩn-đề, theo Bắc tông.

Tháng tư

Ngày mùng 4: Vía Đức Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Ngày mùng 8: Ngày Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đản sanh và ngày lễ tắm Phật, theo Bắc tông.

Ngày rằm: Theo Nam tông, đây là ngày Đại Lễ Tam Hợp hay còn gọi ngày Phật Bảo (*Visākhapūjā*), kỷ niệm ba sự kiện trọng đại của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni: đản sinh, thành đạo và viên tịch. Từ năm 1956, Phật giáo thế giới chọn ngày này làm ngày tưởng niệm đức Phật giáng sanh.

Ngày 16: Ngày an cư kiết hạ của Tăng Ni, truyền thống Bắc tông.

Ngày 20: Ngày Bồ-tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân (nhằm ngày 11-6-1963).

Tháng sáu

Ngày rằm: - Theo Nam tông, đây là ngày Đức Phật chuyển Pháp Luân tại Lộc Uyển, và là ngày an cư kiết hạ của chư Tăng, Nam tông.

- Ngày Đại đức Thích Nguyên Hương vị pháp thiêu thân (nhằm ngày 4-8-1963)

Ngày 19: - Vía Đức Bồ-tát Quán Thế Âm, theo Bắc tông.

- Vía tổ Khánh Hoà, tổ thứ nhất của phong trào chấn hưng Phật giáo miền Nam.



- Ngày 24: Ngày Đại đức Thích Thanh Tuệ vị pháp thiêu thân (nhằm ngày 13-8-1963)
- Ngày 26: Ngày Sư Cô Thích Nữ Diệu Quang vị pháp thiêu thân (nhằm ngày 15-8-1963)
- Ngày 27: Ngày Đại đức Thích Tiêu Diêu vị pháp thiêu thân (nhằm ngày 16-8-1963)

Tháng bảy

- Ngày 13: Vía Đức Bồ-tát Đại Thế Chí.
- Ngày rằm: Ngày Tụ tứ và Mãn hạ của Tăng Ni, cũng là ngày dâng cúng y công đức, và ngày đại lễ Vu-lan-bồn hay còn gọi là ngày báo hiếu công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ, theo Bắc tông.
- Ngày 30: Vía Đức Bồ-tát Địa Tạng Vương.

Tháng chín

- Ngày mùng 2: Ngày Đại đức Thích Quảng Hương vị pháp thiêu thân (nhằm ngày 5-10-1963).
- Ngày 11: Ngày Đại Đức Thích Thiện Mỹ vị pháp thiêu thân (nhằm ngày 27-10-1963).
- Ngày rằm: Ngày Mãn hạ và dâng y công Đức (*Kathina*) hay còn gọi là ngày Tăng Bảo, theo Nam tông.
- Ngày 19: Vía Đức Bồ-tát Quán Thế Âm, theo Bắc tông.
- Ngày 30: Vía Đức Phật Dược Sư.

Tháng mười một

- Ngày mùng 1: Tổ Huệ Quang, Pháp Chủ GHPGVN, nhiệm kỳ I, viên tịch.



Ngày 17: Vía Đức Phật A-di-đà, theo Bắc tông.

Tháng chạp

Ngày mùng 8: - Ngày Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thành đạo, dưới cội Bồ-đề, theo Bắc tông.
- Tổ Vĩnh Nghiêm, Pháp Chủ Tăng già Bắc Việt, viên tịch.

Ngày rằm: Ngày Hiệp ky, tức ngày tưởng niệm các bậc tiền bối đã dày công xây dựng và phát huy đạo Phật Nguyên thủy tại Việt Nam.

Ngày 20: - Hòa thượng Thích Thiện Hoa, viện trưởng Viện Hóa Đạo, GHPGVNTN, viên tịch.



Phụ lục 3

CÁC NGÀY ĂN CHAY

(Tính theo ngày Âm lịch)

Hai ngày: 1 và 15.

Bốn ngày: 1, 14, 15 và 30.

Sáu ngày: 8, 14, 15, 23, 29 và 30.

Tám ngày: 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24 và 30.

Mười ngày: 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29 và 30.

Một tháng: Tháng giêng / tháng 4 / tháng 7 hay tháng 10.

Ba tháng: Tháng giêng, tháng 7 và tháng 10.

Bốn tháng: Tháng giêng, tháng 4, tháng 7 và tháng 10.

Trường trai: Quanh năm suốt tháng.

Ăn chay là pháp tu nuôi dưỡng lòng từ bi đối với các loài động vật, là phương pháp giữ gìn sức khỏe và sống thọ. Để việc ăn chay mang lại nhiều lợi ích, người ăn chay phải giữ tâm trong sạch, tránh điều tội ác, làm việc nhân từ, thương người mền vật và tu tập các công đức. Được như vậy thì ánh sáng từ bi và trí tuệ của đạo Phật sẽ tỏa sáng khắp nhân loại và chúng sanh.

CÁC NGHI THỨC VÀ KINH TỤNG (DO THÍCH NHẬT TỪ SOẠN DỊCH)

1. *Kinh tụng hằng ngày*. Sài Gòn: NXB Tôn Giáo, 2005, tr. xxxii + 992.
2. *Nghi thức tụng niệm*. Sài Gòn: NXB Phương Đông, 2011, tr. xx + 390.
3. *Kinh Địa Tạng*. Sài Gòn: NXB Tôn Giáo, 2008, tr. 154.
4. *Kinh lời dạy cuối cùng của đức Phật*. Sài Gòn: NXB Tôn Giáo, 2009, tr. 62.
5. *Nghi thức thập chú*. Sài Gòn: NXB Tôn Giáo, 2010, tr. 30.
6. *Kinh Vu-lan báo hiếu*, Thích Tuệ Đăng dịch. Sài Gòn: NXB Tôn Giáo, 2006, tr. xvii + 62.
7. *Nghi thức Phật đản*. Sài Gòn: NXB Tôn Giáo, 2006, tr. 48.
8. *Nghi thức Sám-hối*. Sài Gòn: NXB Tôn Giáo, 2005, tr. 52.
9. *Kinh Phổ Môn*. Sài Gòn: NXB Tôn Giáo, 2005, tr. 32.
10. *Kinh Dược Sư*. Sài Gòn: NXB Tôn Giáo, 2005, tr. 36.
11. *Kinh A Di Đà*. Sài Gòn: NXB Tôn Giáo, 2005, tr. 34.
12. *Kinh từ tâm và phước đức*. Sài Gòn: NXB Tôn Giáo, 2009, tr. 42.
13. *Nghi thức xuất gia*. Sài Gòn: NXB Tổng Hợp, 2010, tr. 20.
14. *Nghi thức lễ thành hôn*. Sài Gòn: NXB Tổng Hợp, 2010, tr. 20.
15. *Nghi thức quy y Tam Bảo*. Sài Gòn: NXB Phương Đông, 2011, tr. 28.



16. *Nghi thức phóng sanh*. Sài Gòn: NXB Phương Đông, 2011, tr. 10.

17. *Nghi thức chúc Tết nguyên đán*. Sài Gòn: NXB Phương Đông, 2011, tr. 24.

18. *Nghi thức an vị Phật*. Sài Gòn: NXB Phương Đông, 2011, tr. 19.

19. *Nghi thức hô chuông*. Sài Gòn: NXB Phương Đông, 2011, tr. 22.

20. *Kinh Phật cho người mới bắt đầu*. Sài Gòn: NXB Hồng Đức, 2013, tr. 124.

21. *Kinh Phật cho người tại gia*. Sài Gòn: NXB Thời Đại, 2013, tr. xviii + 904.

KINH PHẬT CHO NGƯỜI TẠI GIA

Sa-môn Thích Nhật Từ
soạn dịch

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: A2 - 261 Thụy Khuê - Quận Tây Hồ - Hà nội

Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

Điện thoại: 04.39260024 Fax :04.39260031

*

Chịu trách nhiệm xuất bản: Đ.Đ. BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung: T.B.T. Lý Bá Toàn

Biên tập: Nguyễn Thế Vinh

Trình bày: Ngọc Ánh

Sửa bản in: Giác Tâm Hỷ

Kỹ thuật: Thích Quảng Tâm

In lần thứ nhất 1.000 cuốn, khổ 14 x 20 cm tại Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng, 510 Trường Chinh, P.13, Q. Tân Bình, TP.HCM. Giấy phép xuất bản số: 668-2014/CXB/12-19/HĐ ký ngày 08 tháng 04 năm 2014. In xong và nộp lưu chiểu quý 2 năm 2014.